

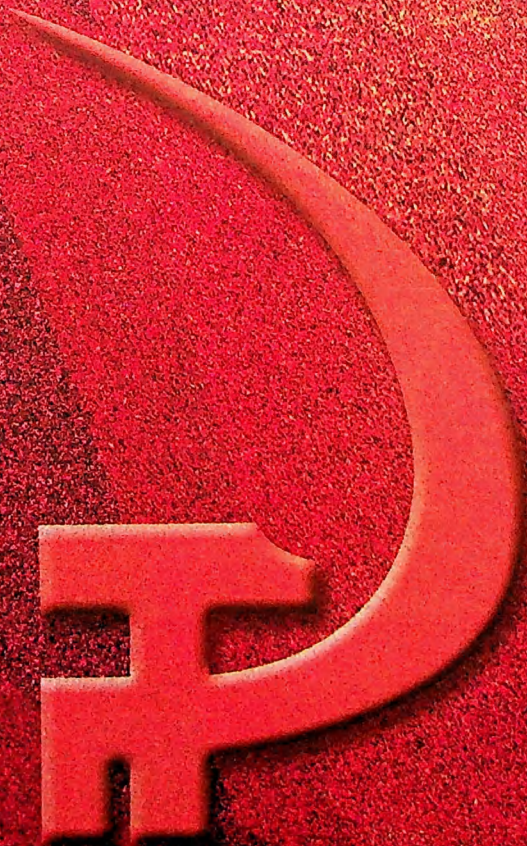
VL00003501



Phó Giáo sư, Tiến sĩ VŨ NHƯ KHÔI (chủ biên)

# ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

VỚI CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC  
VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ



NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN







**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM  
VỚI CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC  
VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ**

Bản sao lưu trữ

*NHÀ XUẤT BẢN MONG BẠN ĐỌC  
GÓP Ý KIẾN, PHÊ BÌNH*

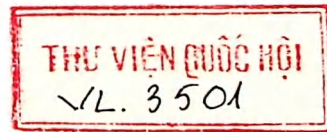
---

Bản sao lưu trữ

3KV1:25  
21 - 2006  
QĐND - 2006

PGS, TS VŨ NHƯ KHÔI (Chủ biên)

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM  
VỚI CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC  
VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ**



**NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN**  
**Hà Nội - 2006**

**BAN BIÊN SOẠN:**

**PGS, TS VŨ NHƯ KHÔI - *Chủ biên***

**Nhà văn HOÀNG ĐỨC NHUẬN - *Thư ký***

**Th.S PHẠM BÁ TOÀN**

**NGUYỄN ĐỨC HÙNG**

**TS NGUYỄN XUÂN TÚ**

**TS NGUYỄN VĂN HỮU**

**Th.S NGUYỄN VĂN SỰ**

Bản sao lưu trữ



## Chương một

# **ĐẢNG LÃNH ĐẠO HOÀN THÀNH CÁCH MẠNG DÂN TỘC DÂN CHỦ NHÂN DÂN TRONG CẢ NƯỚC, ĐẶT NỀN MÓNG CHO CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC**

## **I. ĐẢNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)**

Ngày 3 tháng 2 năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập. Đó là bước ngoặt vĩ đại của lịch sử dân tộc, đánh dấu sự chấm dứt thời kỳ khủng hoảng của cách mạng Việt Nam kéo dài trong suốt nửa cuối thế kỷ XIX và 30 năm đầu của thế kỷ XX. Thời điểm Đảng ra đời cũng là lúc phong trào yêu nước và cách mạng của nhân dân ta đang phát triển hết sức mạnh mẽ, dâng lên khí thế sục sôi. Từ những cuộc đấu tranh của công nhân đồn điền Phú Riềng (2-1930); công nhân nhà máy sợi Nam Định (4-1930); công nhân trong các nhà máy ở Hải Phòng, Vinh Bến Thủy; ở các hầm mỏ, đồn điền khác... phong trào đã nhanh chóng lan về nông thôn và trở thành cao trào cách mạng rộng lớn, rung chuyển hệ thống chính quyền đế quốc phong kiến trong cả nước. Tại Nghệ An và Hà Tĩnh, từ cuối năm 1930 đến đầu năm 1931, làn sóng đấu tranh sôi sục của quần chúng công - nông đạt tới mức cao trào. Trong nhiều địa phương hai tỉnh, hệ thống chính quyền của bọn đế quốc phong kiến phải tan rã trước áp lực của quần chúng cách mạng. Một hình thức chính quyền mới đã được thiết lập đó là nền chuyên chính công - nông dưới hình thức Xô-viết. Tuy chưa có chủ trương giành chính quyền nhưng khi Xô-viết hình thành, Trung ương Đảng đã có nhiều chỉ thị cho Xứ ủy Trung Kỳ và các cấp ủy đảng ở Nghệ - Tĩnh phải thực sự bảo vệ và hướng cho Xô-viết hoạt động. Dưới sự chỉ đạo của Trung ương, tổ chức đảng ở các địa phương trong toàn quốc đã lãnh đạo, đưa phong trào đấu tranh tiếp tục phát triển. Khẩu hiệu ủng hộ Xô-viết, lên án thực dân Pháp đàn áp dã man Xô-viết đã vang lên khắp nơi trong cả nước.

Từ giữa năm 1931, thực dân Pháp đàn áp khốc liệt phong trào đấu tranh yêu nước và cách mạng của nhân dân ta, cao trào cách mạng tạm thời lắng xuống. Tuy phong trào cách mạng 1930-1931 mà đỉnh cao là Xô-viết Nghệ - Tĩnh cuối cùng đều bị thực dân Pháp khủng bố, chìm trong biển máu nhưng ý nghĩa to lớn và sâu sắc của nó đã trở thành bất tử. Thông qua phong trào đấu tranh rầm rộ, sôi nổi đó, Đảng ta đã khẳng định trên thực tế độc quyền lãnh đạo cách mạng của mình. Đường lối, chủ trương của Đảng được kiểm nghiệm trong thực tế và ăn sâu vào quần chúng nhân dân. Khối liên minh công nông, động lực chính của cách mạng Việt Nam được hình thành, tạo nên sự liên kết vững chắc không gì có thể phá vỡ. Phong trào cách mạng trong phạm vi toàn quốc, đặc biệt là Xô-viết Nghệ - Tĩnh đã để lại cho cách mạng nước ta và cho Đảng ta nhiều bài học kinh nghiệm hết sức quý báu. Đó là những vấn đề cơ bản như xác định nhiệm vụ cách mạng, xây dựng đường lối, xây dựng khối liên minh công nông, phương pháp cách mạng, vấn đề giành, giữ, xây dựng chính quyền, v.v...

Phong trào cách mạng 1930-1931, đỉnh cao là Xô-viết Nghệ Tĩnh đã giáng cho kẻ thù một đòn choáng váng, báo hiệu thời kỳ sụp đổ không thể tránh khỏi chế độ thống trị của đế quốc phong kiến tay sai ở Việt Nam.

Trong phong trào cách mạng giai đoạn 1930-1931, Đảng ta bị tổn thất nặng nề, sau Hội nghị tháng 3 năm 1931 phần lớn Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương bị bắt, một số phải tạm thời lánh ra nước ngoài. Cuộc đấu tranh khôi phục cơ sở đảng cũng như phong trào quần chúng lúc này trở nên hết sức khó khăn, phức tạp. Đầu năm 1932, nhiều chi bộ vừa mới khôi phục trở lại thì đã bị kẻ địch khủng bố, phá vỡ ngay. Tuy vậy, các chiến sĩ cách mạng và quần chúng trung kiên vẫn không hề nao núng, kiên trì móc nối, xây dựng cơ sở cả trong và ngoài nước. Cuối năm 1932, đầu năm 1933, nhìn chung cơ sở đảng bước đầu được hồi phục trong phạm vi toàn quốc.

Tháng 6 năm 1932, bộ phận Đảng ở nước ngoài đã đề ra được chương trình hành động, vạch rõ nhiệm vụ, các hình thức đấu tranh trong giai đoạn đầy khó khăn gian khổ này. Đầu 1934, Ban lãnh đạo ở nước ngoài của Đảng - coi như Ban Chấp hành lâm thời của Đảng - được thành lập nhằm đào tạo cán bộ, đề ra chủ trương, kế hoạch hoạt động và thống nhất nội bộ. Tháng 3 năm 1935, Đại hội lần thứ nhất của Đảng đã được triệu tập, họp ở Ma Cao (Trung Quốc), đánh dấu sự hồi phục hoàn toàn của Đảng, tiếp tục đưa phong trào cách mạng phát triển trong giai đoạn mới.

Song song với việc khôi phục các tổ chức đảng, phong trào cách mạng của quần chúng từ giữa năm 1932 cũng đã xuất hiện ở nhiều nơi. Đầu năm 1934, phong trào đã có ở khắp ba kỳ, kể cả vùng rừng núi đến đồng bằng. Tuy

không sôi nổi rầm rộ như những năm 1930-1931, quy mô không lớn nhưng các cuộc đấu tranh đã thu hút rộng rãi nhiều tầng lớp hơn. Bên cạnh giai cấp công nhân, nông dân xuất hiện tầng lớp học sinh, sinh viên, tiểu thương, viên chức... Hình thức tổ chức phong phú, bên cạnh bí mật là chủ yếu thì đã biết lợi dụng triệt để các hình thức hợp pháp và nửa hợp pháp, lợi dụng các tổ chức sẵn có trong quần chúng để tập hợp quần chúng. Thông qua những yêu cầu cụ thể, Đảng đã dần dần tập hợp quần chúng xung quanh mình. Phong trào quần chúng đi từ thấp đến cao và cuối cùng đã tập hợp được lực lượng trên quy mô toàn quốc. Nhìn chung các cuộc đấu tranh đều giành được thắng lợi vì yêu cầu đề ra không cao.

Trong khi tình hình cách mạng Việt Nam đang có bước chuyển biến mạnh mẽ thì tình hình quốc tế có những chuyển biến hết sức sâu sắc. Chủ nghĩa phát xít đang hình thành và phát triển nhanh chóng là mối đe dọa lớn đối với toàn nhân loại. Để đối phó với nguy cơ mới, Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VII (họp vào tháng 7-1935) đã có bước chuyển hướng quan trọng, chủ trương lập Mặt trận nhân dân thế giới, bao gồm quần chúng cách mạng và các lực lượng dân chủ chống chủ nghĩa phát xít gây chiến tranh, bảo vệ hòa bình.

Tại "chính quốc" Pháp, Mặt trận bình dân đã được thành lập và Chính phủ Bình dân ra đời. Đây vẫn là nền chuyên chính tư sản nhưng trước áp lực quốc tế nó đã thi hành một số chủ trương tiến bộ. Ở thuộc địa chúng thả tù chính trị, thi hành một số cải cách xã hội nhỏ mọn, đưa lại một số quyền lợi cho quần chúng lao động. Mức độ cải cách tuy rất thấp nhưng đối với nước thuộc địa, lại có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là điều kiện hết sức quý hiếm với phong trào đấu tranh yêu nước và cách mạng của nhân dân ta.

Dưới ánh sáng Nghị quyết VII (1935) của Quốc tế Cộng sản, xuất phát từ tình hình thực tế, Đảng ta xác định kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương lúc này là bọn phản động thuộc địa thực chất cũng là bọn phát xít đang điên cuồng đàn áp phong trào cách mạng. Đảng chủ trương lập Mặt trận phản đế Đông Dương, sau đổi thành Mặt trận thống nhất dân chủ Đông Dương, gọi tắt là Mặt trận dân chủ Đông Dương. Sách lược đấu tranh, phương thức hoạt động lúc này của Đảng được xác định là lấy hoạt động bí mật là chủ yếu, đồng thời tranh thủ điều kiện thuận lợi để hoạt động hợp pháp và nửa hợp pháp, thông qua đó mà tuyên truyền, giáo dục và rèn luyện quần chúng. Chính nhờ sách lược đúng đắn ấy nên Đảng đã phát động được cao trào cách mạng rất rộng lớn. Đó là phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít, đòi tự do cơm áo, hòa bình, đòi cải thiện dân sinh nổ ra rất mạnh mẽ trong những năm 1936-1939, đỉnh cao là những năm 1937, 1938,

thu hút được hầu hết các giai tầng trong xã hội Việt Nam tham gia. Cao trào đấu tranh diễn ra với nhiều hình thức phong phú. Một mặt Đảng ta khai thác tối đa thời cơ thuận lợi tổ chức quần chúng công khai đấu tranh hợp pháp như phong trào Đông Dương đại hội, phong trào đấu tranh dưới hình thức đón rước, các cuộc mít tinh, biểu tình, đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng thông qua báo chí, Hội Tuyên truyền chủ nghĩa Mác, đấu tranh đòi phòng thủ Đông Dương...; mặt quan trọng khác là hết sức chú ý xây dựng các cơ sở bí mật, hình thức hoạt động bí mật, bất hợp pháp. Điều này thể hiện tính nhạy cảm đặc biệt của Đảng ta trong nhận thức tình hình chung cũng như bản chất của kẻ thù cách mạng.

Phong trào đấu tranh dân chủ trong những năm 1936-1939 là một phong trào cách mạng khá đặc biệt trong hoàn cảnh lịch sử bấy giờ. Đảng đã căn cứ chủ trương của Quốc tế Cộng sản và tình hình cụ thể ở Đông Dương đề ra sách lược đấu tranh thích hợp nhằm tạo điều kiện cho phong trào cách mạng phát triển rộng lớn. Đặt ra nhiệm vụ chống phản động thuộc địa, tay sai, đòi tự do dân chủ, chống phát xít, chiến tranh nhưng nó khác về bản chất so với tất cả các cuộc cải lương. Bởi Đảng không coi phong trào này là mục đích mà chỉ là sách lược đấu tranh trong quá trình cách mạng khi điều kiện lịch sử cho phép. Vì thế, cao trào 1936-1939 là một giai đoạn trong quá trình đấu tranh giành chính quyền ở Việt Nam.

Mặc dù mọi quyền lợi cuối cùng đều bị thực dân Pháp tước bỏ nhưng phong trào có ý nghĩa to lớn. Thông qua các hình thức đấu tranh đã hình thành đạo quân cách mạng rất rộng lớn cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đạo quân cách mạng của Đảng được phát triển mạnh mẽ không chỉ ở giai cấp công - nông mà còn phát triển rộng rãi ở các tầng lớp khác. Cơ sở cách mạng của ta ở nông thôn, thành thị đều mạnh lên, tạo tiền đề quan trọng cho vấn đề giành chính quyền trong giai đoạn tiếp theo. Đặc biệt, chính phong trào đã đào tạo cho Đảng một đội ngũ cán bộ đông đảo. Phạm vi lãnh đạo của Đảng đã được mở rộng. Trước kia, chủ yếu là giai cấp công nông, bây giờ Đảng đã ảnh hưởng được các tầng lớp khác. Với những ý nghĩa cơ bản đó, phong trào đấu tranh dân chủ thời kỳ 1936-1939 là bước chuẩn bị tư tưởng, chính trị, là cuộc tập dượt lần thứ hai cho Cách mạng tháng Tám sau này.

Tháng 9 năm 1939, cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ, cả loài người phải chứng kiến và bị cuốn hút vào biến cố lịch sử sâu sắc này. Ở Đông Dương, thực dân Pháp đặt Đảng Cộng sản và phong trào đấu tranh yêu nước, dân chủ ra ngoài vòng pháp luật. Chúng thẳng tay đàn áp các cuộc đấu tranh, truy lùng, bắt bớ các chiến sĩ cách mạng.

Ngay khi tình thế thay đổi, Đảng ta đã kịp thời chỉ thị cho các tổ chức đảng, các cơ sở của cách mạng trước đó hoạt động công khai nhanh chóng rút ngay vào bí mật, chuyển trọng tâm công tác từ thành thị về nông thôn. Chủ trương này có ý nghĩa lịch sử quan trọng, bởi đi vào nông thôn Đảng ta có điều kiện hoạt động tốt hơn. Nhìn chung, cơ sở của đảng được bảo vệ tốt hơn so với thời kỳ 1930-1931. Tuy vậy, một số nơi cách mạng cũng bị tổn thất do không hiểu rõ thời thế, chần chừ trong việc tổ chức rút lui. Chủ trương rút lui, bảo toàn lực lượng là rất đúng đắn nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu của thời cuộc. Tình hình lúc này đòi hỏi Đảng phải có chủ trương mới đáp ứng sự phát triển toàn diện của cách mạng Việt Nam trước bước ngoặt mới. Hội nghị lần thứ sáu (11-1939), lần thứ bảy (11-1940), lần thứ tám (5-1941) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa I) đã đánh giá toàn diện tình hình thế giới, trong nước, đề ra và hoàn chỉnh chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược trong giai đoạn cách mạng mới.

Đảng ta nhận định:

Cuộc chiến tranh đế quốc đã tạo ra khủng hoảng mới, mâu thuẫn giai cấp, mâu thuẫn dân tộc trên thế giới sâu sắc hơn, đưa tới sự phát triển mạnh mẽ phong trào đấu tranh trên phạm vi thế giới.

Trong Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ tám, Lãnh tụ Hồ Chí Minh nhận định: cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ nhất đã đưa đến kết quả sự ra đời của nước Nga, chiến tranh thế giới lần thứ hai chắc chắn sẽ có nhiều nước xã hội chủ nghĩa mới ra đời, cách mạng nhiều nước sẽ thành công.

Về tình hình Đông Dương: Các nghị quyết của Hội nghị Trung ương đều nhấn mạnh tới những chính sách kinh tế, chính trị, quân sự thời chiến của Pháp, Nhật. Nhân dân ta chưa lúc nào bị áp bức nặng nề như từ năm 1939 trở đi. Hậu quả đó đã làm cho thái độ chính trị của các giai cấp biến chuyển khá sâu sắc, Đảng đánh giá sự chuyển biến của tư sản dân tộc và địa chủ có những điểm mới: một số khá đông căm ghét đế quốc, đứng trung lập, có lợi cho cách mạng.

Trên cơ sở đánh giá tình hình và chỉ ra một cách cụ thể nhiệm vụ mới của cách mạng Việt Nam, Đảng ta khẳng định: Vấn đề cấp bách nhất là giải quyết mâu thuẫn dân tộc, nêu cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, thành lập Mặt trận tập hợp lực lượng rộng rãi, chuẩn bị lực lượng vũ trang, coi chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm lúc bấy giờ. Để tập trung lực lượng giải quyết vấn đề dân tộc, tạm gác khẩu hiệu "tịch thu ruộng đất của địa chủ, việt gian, phản động chia cho dân cày nghèo, thực hiện giảm tô thuế, chia lại ruộng công". Như vậy, nhiệm vụ chống phong kiến có hạ xuống một mức. Điều này Luận cương chính trị tháng 10 năm 1930 chưa đề ra.

Để thực hiện nhiệm vụ giải phóng, Đảng chủ trương thay đổi hình thức tổ chức mặt trận. Mặt trận không thể tổ chức như giai đoạn 1936-1939 vì tình hình giai cấp đã thay đổi. Các nghị quyết sáu, bảy, tám của Ban Chấp hành Trung ương Đảng chủ trương lập Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi thay Mặt trận dân chủ giai đoạn 1936-1939.

Tại Hội nghị lần thứ tám (1941) Đảng đưa ra chủ trương thành lập chính quyền riêng ở Việt Nam: Chính phủ dân chủ cộng hòa Việt Nam là chính phủ phản ánh thành phần rộng rãi trong dân tộc ta, phản ánh thắng lợi của mặt trận Việt Minh. Để có thực lực Đảng phải chuẩn bị chu đáo, chủ trương về xây dựng lực lượng được đề ra một cách rất cụ thể:

- Phải ra sức mở rộng, củng cố các tổ chức yêu nước sẵn có, làm cho các tổ chức có tinh thần hy sinh tranh đấu, quyết tâm đứng dậy khởi nghĩa.

- Phải mở rộng tổ chức vào các thành phố, xí nghiệp, hầm mỏ, đồn điền.

- Mở rộng tổ chức ở nơi phong trào còn yếu và dân tộc ít người.

Ra sức rèn luyện cho đội viên của Đảng có đủ năng lực chỉ huy khởi nghĩa.

- Phải tổ chức những đơn vị tiểu tổ du kích, vận động binh sĩ địch.

Khởi nghĩa từng phần, giành thắng lợi từng bộ phận để tiến lên tổng khởi nghĩa vũ trang. Đây là chủ trương tích cực, sáng tạo của Đảng ta trong việc thực hiện khởi nghĩa vũ trang.

Về phía đội tiên phong, Đảng cần được tăng cường xây dựng về tư tưởng và tổ chức. Phải làm cho Đảng đủ năng lực để lãnh đạo cách mạng Đông Dương đi đến toàn thắng. Đây là nhiệm vụ thường xuyên, nhất là khi cách mạng đi vào các bước ngoặt lịch sử đòi hỏi cần phải được tăng cường. Bước vào năm 1939 trở đi, lực lượng gặp tổn thất vì bị khủng bố. Việc xây dựng Đảng tập trung vào các mục tiêu:

- + Làm cho Đảng thống nhất về ý chí và hành động, từ trên xuống dưới phải chấp hành nguyên tắc, giữ vững kỷ luật, có mối liên hệ mật thiết với nhau, tạo sức mạnh to lớn.

- + Đảng phải vũ trang lý luận cách mạng, nâng cao trình độ chính trị cho Đảng.

- + Nhanh chóng khôi phục các hệ thống tổ chức của đảng, mở rộng cơ sở đảng vào thành phố lớn, thành phố trung tâm nhằm mục đích tăng cường phát triển Đảng trong công nhân.

- + Đảng phải ra sức đào tạo được đội ngũ cán bộ mới.

+ Chú trọng công tác xây dựng chi bộ, ra sức chống sự khiêu khích của bọn mật thám. Tăng cường đấu tranh chống tư tưởng "hữu", "tả".

Từ năm 1939 trở đi, Đảng ra sức xây dựng phát triển lực lượng Việt Minh và vận động tư sản, tiểu tư sản, những người yêu nước nhằm cô lập kẻ thù. Tiếp tục xây dựng lực lượng vũ trang, căn cứ địa cách mạng, đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị của giai cấp công - nông và các tầng lớp khác; từng bước thúc đẩy phong trào chiến tranh du kích, xây dựng các căn cứ; đẩy mạnh đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng văn hóa; củng cố lực lượng có đủ năng lực lãnh đạo; việc chuẩn bị lực lượng có ý nghĩa quyết định trực tiếp cho thắng lợi về sau.

Tổ chức các hội của thanh niên, phụ nữ, lôi cuốn nhiều trí thức, học sinh tiểu tư sản, Đảng đã thông qua Mặt trận Việt Minh để lôi cuốn trí thức, học sinh yêu nước. Đây là tầng lớp rất nhạy cảm, có lòng yêu nước sâu sắc. Họ nhận thức được vấn đề văn hóa dân tộc bị ngoại quốc chà đạp. Qua hoạt động, Đảng tìm mọi cách ngăn chặn âm mưu của bọn đế quốc lôi cuốn quần chúng, giúp họ tổ chức ra Đoàn Thanh niên Tân dân chủ (1944), sau đó đổi thành Đảng Dân chủ Việt Nam. Đây là chính Đảng yêu nước của tư sản dân tộc, là một thành viên của Mặt trận Việt Minh.

Hoạt động xây dựng lực lượng vũ trang được triển khai tích cực. Năm 1939, một số địa phương đã bắt đầu tổ chức đội tự vệ. Trong những năm 1940-1941 đã nổ ra các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, khởi nghĩa Nam Kỳ, binh biến Đô Lương. Đây không phải là ngẫu nhiên mà là tất yếu trong quá trình vận động cách mạng của Đảng. Nó chứng tỏ sức mạnh quật cường của nhân dân, báo hiệu sự trở mình của phong trào cách mạng do Đảng ta lãnh đạo. Sau khởi nghĩa Bắc Sơn, Đội du kích Bắc Sơn đã hình thành. Đội du kích Bắc Sơn được thành lập và duy trì là dựa vào sự ủng hộ của đồng bào dân tộc miền núi, dựa vào địa thế hiểm trở rừng núi. Cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn đã mở ra khả năng khởi nghĩa từng phần, xây dựng căn cứ địa, mở đường tiến lên tổng khởi nghĩa.

Tại Nam Kỳ, trước sự phát triển mạnh mẽ của phong trào, xứ ủy đã tích cực chuẩn bị lực lượng vũ trang khởi nghĩa, có ý định lãnh đạo nhân dân nổi dậy. Tháng 3 năm 1940, xứ ủy cho phát hành Đề cương chuẩn bị khởi nghĩa. Phong trào chuẩn bị khá sôi nổi, ở Nam Bộ lực lượng tự vệ phát triển mạnh. Năm 1940, có khoảng 15 vạn, trong đó có 5.000 người được vũ trang thô sơ. Một số địa phương đã chuẩn bị sản xuất bom, tạc đạn, quyên góp đồng, sắt, gang. Một số lò rèn tiến hành sản xuất vũ khí. Tháng 7 năm 1940, xứ ủy có cuộc họp, thống nhất tổ chức khởi nghĩa. Chủ trương này của xứ ủy được báo cáo ở cuộc họp Ban Chấp hành Trung ương lần thứ bảy ở Bắc Ninh. Hội nghị

đã kết luận, nếu khởi nghĩa nổ ra sẽ thất bại vì thời cơ mới chín muồi ở một phần Nam Bộ, trong lúc cả nước chưa có điều kiện thích hợp về chính trị, kinh tế... Do vậy nhiệm vụ lúc này là phải ra sức giáo dục quần chúng tích cực chuẩn bị, chờ thời cơ toàn quốc khởi nghĩa vũ trang. Nhưng khi đồng chí Phan Văn Lưu, người mang chỉ thị của Trung ương về đến Sài Gòn thì lệnh khởi nghĩa đã ban bố. Đồng chí Phan Văn Lưu bị mật thám bắt khi về đến cơ sở. Tối ngày 22, rạng ngày 23 ở Sài Gòn, địch ra lệnh giới nghiêm. Đầu não của xứ ủy bị bắt, Sài Gòn không khởi nghĩa nhưng các địa phương khác đều khởi nghĩa, nhiều nơi giành được thắng lợi, có nơi giành chính quyền, duy trì được 50 ngày. Trung ương đã thấy sự thất bại ở Nam Kỳ và thông báo khẩn cấp kêu gọi các nơi ủng hộ.

Cuộc khởi nghĩa có ý nghĩa rất lớn, nổ ra trên phạm vi rộng, có tổ chức, có sự tham gia của đông đảo quần chúng có ý thức. Tuy thất bại nhưng lực lượng cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng rất to lớn, nói lên ý chí quật cường của quần chúng muốn lật đổ kẻ thù.

Cuộc khởi nghĩa đã khẳng định nhiệm vụ chống đế quốc, chống phong kiến có quan hệ khăng khít với nhau, lực lượng của giai cấp công nhân và nông dân là đội quân chủ lực đông đảo nhất, vĩ đại nhất.

Khi công - nông đã đoàn kết, có sự lãnh đạo của Đảng thì chúng ta có sức mạnh lật đổ kẻ thù. Khởi nghĩa có tác dụng đánh đòn rất nặng vào phát xít và tay sai. Có tác dụng cổ vũ quần chúng toàn quốc tích cực chuẩn bị lực lượng vũ trang.

Đầu năm 1945, cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai đi vào giai đoạn cuối. Hồng quân Liên Xô đã tiến về Béc Lin. Pháp - Nhật ở Đông Dương mâu thuẫn gay gắt với nhau. Phái Đờ-gôn của Pháp, trước thắng lợi của Đồng minh chúng tăng cường hoạt động, nuôi âm mưu chờ Đồng minh đánh Nhật để khôi phục quyền thống trị. Nhật biết trước âm mưu của Pháp nhưng chưa có điều kiện trừng trị, nên nó đang tạm thời hòa hoãn. Trung ương dự kiến: cuộc độ sức Pháp, Nhật nhất định sẽ nổ ra. Và đêm ngày 9 tháng 3 năm 1945, Nhật lật đổ chính quyền Pháp ở Đông Dương.

Ban Thường vụ Trung ương đã nắm được chiều hướng đó, kịp triệu tập hội nghị mở rộng vào đêm 9 tháng 3 năm 1945, tại Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh) Hội nghị ra Chỉ thị: "Nhật, Pháp bán nhau và hành động của chúng ta" (12-3-1945). Bản chỉ thị phân tích nguyên nhân dẫn tới cuộc đảo chính và chỉ ra: cuộc khủng hoảng chính trị ở Đông Dương phát triển sâu sắc. Cuộc đảo chính của Nhật làm cho chính quyền Pháp ở Đông Dương tan rã, chính quyền của Nhật chưa ổn định được để hoạt động. Tuy vậy, điều kiện khởi nghĩa vẫn chưa chín muồi bởi vì:



+ Trong cuộc đổ sức tuy Pháp chống Nhật nhưng rất yếu ớt nên Nhật lật đổ Pháp dễ dàng. Nhật chưa đến lúc chia rẽ, hoang mang.

+ Quân chúng trung gian hoang mang nhưng cần một thời gian nữa để họ thấy rõ hậu quả, tính chất phản động của Nhật, lúc đó mới ngả hẳn về phía cách mạng, mới quyết tâm giúp đỡ và đi theo giai cấp công nhân. Nếu không nhảy bén thì giai cấp trung gian không thấy được bản chất của Nhật.

+ Đội tiên phong chuẩn bị chưa thật đầy đủ trong cả nước. Trước mắt đang còn lúng túng trong việc sửa soạn, chưa sẵn sàng chiến đấu, chưa quyết tâm hy sinh.

Tuy vậy, thời cơ cách mạng sẽ nhanh chóng chín muồi, bởi vì:

Cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc, kẻ thù không rảnh tay đối phó với cách mạng;

Nạn đói đang diễn ra ghê gớm, quần chúng oán ghét quân cướp nước;

Cuộc chiến tranh thế giới đang đi vào giai đoạn quyết liệt, quân Đồng minh sẽ có thể đổ bộ vào Đông Dương đánh Nhật.

Từ tình hình đó, Trung ương xác định: kẻ thù trước mắt của Đông Dương đã thay đổi. Nhật là kẻ thù chính, trước mắt ở Đông Dương. Pháp đã bị Nhật hất cẳng nên không phải là kẻ thù trước mắt. Nhưng chúng ta phải đề phòng âm mưu của phái Đờ-gôn ở Đông Dương. Trung ương nêu lên khẩu hiệu: đánh đuổi phát xít Nhật, thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân Đông Dương. Ban thường vụ có chủ trương lớn là phát động cao trào chống Nhật mạnh mẽ trong toàn quốc, làm tiền đề cho tổng khởi nghĩa. Cần phải phát động du kích chiến tranh, lập căn cứ địa cách mạng. Chuẩn bị sẵn sàng chuyển qua hình thức tổng khởi nghĩa khi có điều kiện thời cơ.

Về thời cơ Trung ương nhận định: Nếu Đồng minh đổ bộ, ta phát động quần chúng đứng lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. Mặt khác, phải cảnh giác với Đồng minh và không nên hoàn toàn lệ thuộc vào điều kiện đó. Nếu Đồng minh không vào chúng ta cũng có thể tổng khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi. Nhận thức này của Đảng thể hiện tinh thần tự lực cánh sinh, chủ động, sáng tạo. Trước tình hình mới, để phù hợp với yêu cầu, Trung ương quyết định thay đổi mọi hình thức tuyên truyền cổ động, hình thức đấu tranh phải biết nhân cơ hội mà lãnh đạo nông dân phá kho thóc của Nhật để giải quyết nạn đói. Thông qua phong trào đó sẽ thúc đẩy khí thế cách mạng của quần chúng phát triển mạnh mẽ, động viên quần chúng xuống đường biểu tình, chuẩn bị thực lực, nhanh chóng khởi nghĩa khi thời cơ đến. Nơi có điều kiện thì phải phát động du kích chiến tranh,

phát động khởi nghĩa từng phần giành chính quyền từng bộ phận ở địa phương.

Trong toàn quốc, cao trào kháng Nhật, cứu nước nổ ra mạnh mẽ, phong phú về nội dung và hình thức. Cuộc khởi nghĩa từng phần tiến hành chiến tranh du kích cục bộ, thành lập các căn cứ địa cách mạng, tiến lên lập khu giải phóng là mặt trận đấu tranh sôi nổi nhất, có tác dụng tích cực khẩn trương cho tổng khởi nghĩa sắp tới. Cuộc đấu tranh chính trị nổ ra sôi nổi. Nổi bật là phong trào nông dân phá kho thóc, cứu nạn đói. Từ ngày 3 tháng 8 năm 1945 là thời kỳ trực tiếp chuẩn bị tích cực về lực lượng để tiến tới tổng khởi nghĩa 1945.

Như vậy từ giữa tháng 3 năm 1945, xét nhân tố chủ quan, chúng ta đã chuẩn bị đủ thực lực cách mạng bao gồm đội quân chính trị quần chúng và có lực lượng vũ trang làm nòng cốt, đông đảo nhất là lực lượng tự vệ. Đảng ta đã chuẩn bị sẵn sàng đón lấy thời cơ. Đó là điều kiện chủ quan bên trong thể hiện thực lực cách mạng.

Giữa tháng 8 năm 1945, tình thế trực tiếp cách mạng đã xuất hiện. Lúc này chiến tranh thế giới lần thứ hai kết thúc. Tại châu Á phát xít Nhật đã đầu hàng Đồng minh. Bọn phát xít Nhật ở Đông Dương hoang mang tan rã cực điểm, kẻ thù chính đã đầu hàng, chính phủ Trần Trọng Kim cũng hoang mang tan rã theo Nhật. Với bản chất phản động, ngoan cố, Trần Trọng Kim tìm cách liên hiệp với Anh, Pháp, Mỹ nhưng không kịp. Còn phong trào quần chúng đã phát triển đến đỉnh cao. Giai cấp trung gian đã ngả về phía công - nông, diễn ra đúng như nhận định của Bác Hồ. Hình thức trực tiếp cách mạng đã đến. Đảng ta đã kịp thời có chủ trương đúng đắn để phát động khởi nghĩa. Đây là cuộc chạy đua nước rút. Ngày 13 tháng 8 năm 1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào, đưa ra chủ trương:

Phải kịp thời lãnh đạo toàn dân tiến hành tổng khởi nghĩa giành chính quyền từ tay phát xít Nhật và tay sai trước lúc Đồng minh Anh, Mỹ vào Đông Dương. Để đảm bảo tổng khởi nghĩa thắng lợi, hội nghị đã đề ra 3 nguyên tắc:

*Một là*, tập trung lực lượng vào công việc chính;

*Hai là*, thống nhất mọi phương diện quân sự, chính trị, hành động, chỉ huy;

*Ba là*, kịp thời hành động, không bỏ lỡ cơ hội.

Hội nghị nhấn mạnh, cần kịp thời hành động đánh cho Nhật những đòn chí tử, đánh chiếm những nơi chắc thắng, trong khi đánh địch cần phối hợp quân sự, chính trị, binh vận.

Ngoài việc quyết định khởi nghĩa, hội nghị đề ra chủ trương đối nội, đối ngoại quan trọng.

Từ ngày 3 đến 16 tháng 8 năm 1945, Đại hội Quốc dân họp ở Tân Trào, Tổng Bí thư Trường Chinh trình bày chủ trương tổng khởi nghĩa; thông qua mệnh lệnh khởi nghĩa của Việt minh và 10 chính sách lớn. Đại hội cử ra Chính phủ lâm thời do Hồ Chí Minh đứng đầu. Như vậy, đội tiên phong đã sẵn sàng chiến đấu. Giữa tháng 8, chúng ta có đầy đủ điều kiện để phát động cuộc tổng khởi nghĩa trong toàn quốc. Cách mạng tháng Tám nổ ra và đã giành được thắng lợi nhanh gọn, ít đổ máu. Ngày 28, Chi đội giải phóng đã về Hà Nội. Ngày 2 tháng 9 năm 1945, tại vườn hoa Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh, thay mặt quốc dân đọc tuyên ngôn lập khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám có ý nghĩa vô cùng to lớn. Đối với dân tộc ta, đây là một bước ngoặt vĩ đại. Kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội đã trở thành hiện thực trên đất nước ta. Nhân dân lao động Việt Nam đã thực sự đổi đời, từ địa vị nô lệ, làm thuê trở thành người làm chủ cuộc sống của mình. Đảng ta từ chỗ hoạt động bí mật, bất hợp pháp, bị đàn áp khủng bố đã trở thành một đảng công khai cầm quyền. Chính quyền cách mạng được thành lập trở thành công cụ sắc bén, có hiệu lực nhất để Đảng ta tiếp tục lãnh đạo, tổ chức nhân dân ta xây dựng đất nước và chiến đấu để bảo vệ nền độc lập của dân tộc mà trước mắt là sự thách thức nghiêm trọng của giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm.

Đối với quốc tế, sự thành công của Cách mạng tháng Tám là một biểu tượng sinh động có sức cổ vũ to lớn đối với phong trào giải phóng dân tộc trên phạm vi thế giới. Nó đã chứng minh một chân lý lớn của thời đại: Trong điều kiện mới của phong trào cách mạng thế giới, các nước đang bị nô dịch hoàn toàn có thể gắn mục tiêu độc lập dân tộc với sự lãnh đạo toàn diện, từ đầu của đội tiên phong của giai cấp công nhân là Đảng Cộng sản; gắn liền độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội.

Cuộc Cách mạng tháng Tám ở Việt Nam trở thành một trong những *mẫu hình* của phong trào cách mạng thế giới trong thời hiện đại, bổ sung vào kho tàng lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin những vấn đề cơ bản của cuộc cách mạng ở một nước thuộc địa.

Cuộc Cách mạng tháng Tám để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu. Đó là các bài học về gương cao ngạo cờ độc lập dân tộc, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chống đế quốc và phong kiến; về xây dựng khối liên minh công - nông; về thực hiện khối đại đoàn kết dân tộc, xây dựng

mặt trận thống nhất rộng rãi; về triết để lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù, tập trung mũi nhọn đấu tranh cách mạng vào kẻ thù cụ thể trước mắt; về nắm vững nguyên lý bạo lực cách mạng của quần chúng, kết hợp xây dựng lực lượng chính trị với lực lượng vũ trang, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, thực hiện khởi nghĩa từng phần, chuẩn bị lực lượng chu đáo, nắm vững thời cơ thực hiện tổng khởi nghĩa vũ trang ở cả nông thôn và thành thị để giành chính quyền.

## **II. ĐẢNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN XÂY DỰNG CHẾ ĐỘ MỚI VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945-1954)**

Cách mạng tháng Tám thành công, một chính quyền dân chủ nhân dân đầu tiên ở châu Á ra đời là một cái gai lớn chọc thẳng vào mắt của bọn đế quốc và phản động. Vì thế, âm mưu chung của kẻ thù là tập trung mọi thủ đoạn để bóp chết cơ quan cách mạng nước ta, tiến hành xâm lược thôn tính nước khác. Do vậy ngay sau khi Cách mạng tháng Tám nước ta thành công, mỗi tên đế quốc, phản động tuy có những ý đồ riêng khác nhau nhưng tất cả đều tập trung vào tiêu diệt cách mạng Việt Nam.

Ở miền Bắc, 20 vạn quân Tưởng nấp dưới danh nghĩa Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật, nhưng thực chất chúng là tay sai của đế quốc Mỹ, thi hành âm mưu của Mỹ là tiêu diệt cho được Đảng ta, phá tan mặt trận Việt Minh, giúp bọn phản động trong nước dựng chính phủ bù nhìn cho chúng.

Ở miền Nam, 1,5 vạn quân Anh núp dưới danh nghĩa Đồng minh vào tước vũ khí của Nhật, thực chất, chúng cũng là đội quân viễn chinh đang giúp đỡ quân Pháp đánh chiếm Nam Bộ, miền Nam Trung Bộ tiến tới thôn tính toàn bộ Đông Dương.

Thất bại ở Đông Dương là một đòn hết sức cay cú của thực dân Pháp, được sự giúp đỡ của bọn đế quốc và bọn phản động khác, thực dân Pháp đã ráo riết đẩy mạnh hoạt động phản cách mạng, âm mưu chiếm lại nước ta một lần nữa.

Đối với bọn phản động trong nước, lợi dụng cơ hội đó, chúng đã ngóc đầu dậy. Hành động của chúng là ra sức vu cáo, khiêu khích, chia rẽ nội bộ của ta.

Như vậy, sau Cách mạng tháng Tám, cuộc đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc diễn ra hết sức gay gắt. Trên đất nước ta, có nhiều kẻ thù

nguy hiểm. Kẻ thù đó lại nấp dưới danh nghĩa là Đồng minh, được pháp lý quốc tế thừa nhận, do vậy, cuộc đấu tranh vốn đã phức tạp lại càng phức tạp thêm.

Bên cạnh sự đe dọa nghiêm trọng của bọn đế quốc phản động, đất nước ta còn gặp rất nhiều khó khăn khác về kinh tế, văn hóa xuất hiện. Chúng ta đã phải tiếp thu một gia tài đổ nát của chế độ thực dân, phong kiến. Nông nghiệp bị phá sản, công nghiệp bị đình đốn, kinh tế tài chính đều kiệt quệ. Nạn đói năm 1944-1945 chưa qua mà hậu quả của nó cũng như thực lực kinh tế đang đe dọa hàng chục triệu tính mệnh của đồng bào ta. Đó là chưa nói đến hậu quả của chính sách ngu dân, hơn 90% dân số bị mù chữ, tệ nạn xã hội tồn tại đầy rẫy: cướp bóc, rượu chè, hủ lậu...

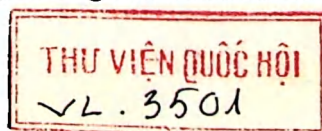
Chưa bao giờ trong lịch sử dân tộc ta, tình hình cách mạng lại gặp nhiều khó khăn chồng chất như vậy. Cuộc đấu tranh chống thù trong, giặc ngoài để bảo vệ độc lập và củng cố chính quyền dân chủ nhân dân đứng trước tình thế "ngàn cân treo sợi tóc".

Trước tình hình của cách mạng như vậy, với sự nhạy cảm sáng suốt của Đảng và Bác Hồ, ngay trước tổng khởi nghĩa, Đảng ta đã chủ trương phải bằng mọi giá giành cho được chính quyền cách mạng ngay trước lúc quân Đồng minh vào, đứng ra tiếp Đồng minh với tư cách là chủ nhân của đất nước. Trong chỉ thị của Đảng đã ghi rõ: Phải biết lợi dụng mâu thuẫn Anh, Pháp, Mỹ, Tàu. Trong chỉ thị Toàn quốc kháng chiến (25-11-1945), Đảng ta đã vạch ra một cách toàn diện về chiến lược, sách lược. Nhiệm vụ chiến lược là: Mặc dầu đã giành được độc lập nhưng nhiệm vụ dân tộc lúc này vẫn là trên hết, vì:

- Một là, chúng ta chưa giành được độc lập hoàn toàn;
- Hai là, chế độ mới đã ra đời song chưa được củng cố, nhiệm vụ cơ bản là phải giữ cho được chính quyền cách mạng.

Đứng trước tình hình vô cùng phức tạp đó, chúng ta không thể cùng một lúc đánh vào tất cả các kẻ thù, nên yêu cầu bức thiết hàng đầu là phải tìm cho ra kẻ thù chính và có biện pháp để phân hóa chúng. Lenin đã dạy rằng: chúng ta chỉ có thể thắng được chúng với điều kiện phải có một sự nỗ lực hết sức lớn, phải biết chăm chú lợi dụng những rạn nứt của kẻ thù để tranh thủ bạn đồng minh dù chỉ là tạm thời, bấp bênh, có điều kiện.

Bọn đế quốc tuy chúng thống nhất ở chỗ là tiêu diệt cho được cách mạng, tiêu diệt Đảng ta; biến nước ta thành thuộc địa của chúng nhưng đứng trước quyền lợi thì bọn chúng lại là con chó sói đối với nhau, tên nào cũng muốn giành cho được phần lợi lộc về mình. Do vậy, chúng mâu thuẫn với nhau gay



gắt. Sự thống nhất giữa chúng chỉ là tạm thời và chỉ hiểu theo nghĩa nào đó. Còn mâu thuẫn giữa chúng là căn bản, là không thể điều hòa được.

Phân tích sâu sắc tình hình cụ thể, Đảng ta đi đến kết luận: Pháp là kẻ thù chính, là kẻ thù số một. Phải tập trung mũi nhọn vào kẻ thù chính. Khẩu hiệu chỉ đạo của Đảng ta đưa ra lúc này là: "Chống Pháp xâm lược, Hoa - Việt thân thiện" nhằm thêm bạn bớt thù, loại trừ dần từng kẻ thù.

Để làm cơ sở cho cuộc đấu tranh chống thù trong giặc ngoài, Đảng đã lãnh đạo nhân dân xây dựng lực lượng chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa. Đây là một nhiệm vụ chiến lược nặng nề, đòi hỏi nhân dân ta phải cố gắng vượt bậc, phát triển tiềm lực mọi mặt mới đáp ứng yêu cầu của cách mạng. Nội dung xây dựng lực lượng của Đảng được xác định là:

Chính trị: nhiệm vụ hàng đầu là củng cố, xây dựng chính quyền. Xây dựng, bảo vệ là hai mặt của một vấn đề. Phải triệt để đập tan bộ máy chính quyền cũ, xây dựng bộ máy chính quyền mới từ Trung ương đến địa phương.

Một trong những vấn đề có ý nghĩa quyết định trong củng cố chính quyền là mở cuộc tổng tuyển cử tự do vào tháng 1 năm 1946. Cuộc tổng tuyển cử diễn ra trong lúc vô cùng khó khăn, phức tạp (kẻ thù phá hoại ráo riết) song đã giành được thắng lợi cực kỳ to lớn. Điều đó đã nói lên nhân dân ta tuyệt đối tin tưởng vào Đảng và Bác Hồ. Đồng thời nó chứng tỏ quần chúng cách mạng thực sự đã có ý thức làm chủ vận mệnh của mình, là biểu tượng sức mạnh to lớn, ý chí độc lập tự do, sự cố kết dân tộc không có gì lay chuyển nổi.

Cuộc trưng cầu dân ý vĩ đại đó đã đưa đến việc chính thức hóa bộ máy nhà nước từ Trung ương đến địa phương, làm tăng uy tín và hiệu lực của chính quyền cách mạng, tạo nên sức mạnh vật chất, tinh thần to lớn để tiến hành đấu tranh chống thù trong giặc ngoài.

Tháng 10 năm 1946, Hiến pháp đầu tiên của nước ta ra đời. Bản Hiến pháp đã phản ánh thành quả to lớn của Cách mạng tháng Tám. Nó đã đặt nền móng cho việc xây dựng chế độ mới về sau, là cương lĩnh hành động cho toàn Đảng, toàn dân ta tiến lên giành thắng lợi triệt để.

Bên cạnh những công tác trên, trong lĩnh vực xây dựng chính trị, Đảng ta đã chú ý đến chính sách mặt trận (lập thêm mặt trận Liên Việt).

Sau Cách mạng tháng Tám, do tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn nên đặt ra cho nhân dân ta rất nhiều vấn đề cần giải quyết. Giải quyết vấn đề kinh tế không chỉ là kinh tế đơn thuần mà còn mang nội dung chính trị. Nó thể hiện bản chất, tính hiệu nghiệm của chính quyền mới, chính quyền dân chủ nhân dân. Nó nhằm tạo cơ sở vật chất cần thiết để làm cơ sở cho cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng.

Tình hình kinh tế của nước ta lúc này đang bị bọn đế quốc, phản động quốc tế bao vây ngặt nghèo, lưu thông Bắc Nam không thực hiện được. Chúng ta lại giải quyết vấn đề kinh tế trong điều kiện trên đất nước đang có thế lực kẻ thù rất lớn. Vụ mùa 1945, thu nhập giảm 50%. Dự trữ lương thực của quốc gia chỉ nuôi được 8 triệu dân trong vòng 3 tháng. Đó là một nguy cơ lớn đang đe dọa trực tiếp tới sinh mệnh chính trị, con người của dân tộc ta.

Trước tình hình đó, biện pháp khắc phục của Đảng là: Trước mắt, phát động phong trào nhường áo, sẻ cơm trong toàn thể đảng viên, cán bộ, nhân dân, quân đội nhưng đây chỉ là biện pháp tạm thời; về lâu dài, chủ trương đẩy mạnh sản xuất đã trở thành khẩu hiệu có tính chất chiến lược. Từ Trung ương đến tận các địa phương, từ thành thị đến nông thôn đã lập ủy ban tăng gia sản xuất. Ủy ban này đã thi hành nhiệm vụ chỉ đạo công tác sản xuất. Đồng thời với những hoạt động trên, chính quyền cách mạng còn bước đầu thực hiện những cải cách dân chủ cho nông dân như giảm tô, chia ruộng công, thực hiện ngày làm 8 giờ đối với công nhân.

Để chống giặc đói, Đảng chủ trương đẩy mạnh phong trào học văn hóa trong cả nước. Phong trào bình dân học vụ đã làm dấy lên một tinh thần cách mạng tiến công trong toàn thể quốc dân đồng bào, mang lại kết quả to lớn. Trong hơn 1 năm chúng ta đã khắc phục được nạn mù chữ cho hơn 2,5 triệu người. Đi liền với nâng cao trình độ văn hóa thì các tệ nạn xã hội lạc hậu cũng đã được tiệt trừ có hiệu quả. Nhờ đó mà những tệ nạn của chế độ cũ để lại đã được giảm xuống rất rõ rệt.

Ở miền Nam, thực hiện âm mưu thôn tính nước ta một lần nữa, ngay sau khi chúng ta giành được độc lập chưa đầy một tháng, thực dân Pháp đã nổ súng xâm lược (23-9-1945). Tiếp theo đó là một loạt những hoạt động ráo riết hơn nhằm lật đổ chính quyền cách mạng của ta.

Âm mưu của Pháp cụ thể trong giai đoạn này là thanh toán chính quyền cách mạng trong 18 ngày kể từ vĩ tuyến 16 trở vào. Cuối năm 1945, thực dân Pháp đã cho quân đánh rộng ra cả vùng nông thôn. Tuy lực lượng của ta trong giai đoạn này còn gặp rất nhiều khó khăn, song nhờ vào tinh thần anh dũng hy sinh, nhờ biết phát động cả nước bước vào cuộc chiến đấu ngay từ đầu; nhờ có phương pháp đánh địch toàn diện trên cả mặt trận quân sự ngoại giao, chính trị, kinh tế mà âm mưu chiếm miền Nam nhanh gọn của Pháp đã bị phá sản hoàn toàn. Đến trước ngày toàn quốc kháng chiến, ta đã giành lại được 1.000/1.300 xã bị địch đánh chiếm.

Cuộc kháng chiến cực kỳ anh dũng ở miền Nam đã chặn đứng âm mưu của thực dân Pháp là thôn tính miền Nam trong vòng 18 ngày, góp phần

tích cực vào cuộc đấu tranh chống thù trong giặc ngoài của cách mạng cả nước. Đồng thời, qua đó nó đã giúp cho Đảng ta rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu, cần thiết.

Cùng với phong trào kháng chiến ở Nam Bộ, trên mặt trận ngoại giao, ta đã thu được thắng lợi cực kỳ to lớn. Đây là cuộc đấu tranh phức tạp nó khác hẳn với mọi cuộc đấu tranh ngoại giao thông thường. Cuộc đấu tranh này diễn ra trong điều kiện tương quan lực lượng của ta và Pháp hết sức chênh lệch, hơn nữa, đó là cuộc đấu tranh đối kháng giữa cách mạng và phản cách mạng đang loại trừ, tiêu diệt lẫn nhau.

Kẻ thù lúc này đã cắm chốt trên tất cả các vị trí chiến lược của ta, nó có mối quan hệ phức tạp với nhau, được pháp lý quốc tế thừa nhận. Âm mưu của kẻ thù hết sức thâm độc, mọi kẽ hở nhỏ của ta đều có thể mang tới tai họa rất lớn đối với vận mệnh của quốc gia dân tộc. Điều đó đòi hỏi Đảng ta, nhân dân ta phải có tinh thần cách mạng triệt để và phải hết sức khéo léo, có chiến lược, sách lược phù hợp.

Lúc này, điều kiện chưa cho phép ta đủ sức đánh bại cùng một lúc tất cả mọi kẻ thù, mà trong điều kiện ấy, chúng ta phải tập trung chia mũi nhọn với từng kẻ thù một. Vì vậy đối với Tưởng ta có nhường một số quyền lợi về kinh tế, chính trị, văn hóa nhưng về nguyên tắc là không được vi phạm quyền độc lập tự do của dân tộc, chỉ mang tính chất sách lược, không làm biến chất chính quyền cách mạng.

Nhờ sách lược Lêninnít thiên tài đó mà chúng ta đã vượt qua từng bước tình hình hết sức hiểm nghèo. Âm mưu của quân Tưởng muốn bóp chết chính quyền cách mạng đã hoàn toàn bị thất bại

Về phía Pháp, âm mưu của chúng là tìm mọi cách giàn xếp với Tưởng để ra miền Bắc, bắt mối với bọn tay sai, chuẩn bị cả lực lượng lẫn tổ chức để tiến ra thôn tính miền Bắc nước ta.

Kết cục của sự thỏa hiệp giữa chúng là: ngày 28 tháng 2 năm 1946, Pháp - Tưởng đã ký kết hiệp ước. Pháp nhường cho Tưởng một số quyền lợi kinh tế, còn Tưởng cho phép Pháp thay thế ở miền Bắc.

Đây là một hiệp ước đưa đến sự phát triển tình hình hết sức gay gắt. Tưởng và bọn tay sai muốn dẫn chúng ta vào tình thế là phải cầm súng đánh Pháp trong lúc còn quá nhiều điều bất lợi, có thể đưa đến việc chính quyền cách mạng sẽ bị tiêu diệt. Bởi khi ta nổ súng đánh Pháp thì tất yếu cả Pháp và Tưởng sẽ hợp lực chống lại cách mạng nước ta.

Đảng ta nhận định: Trước sau chúng ta cũng phải đánh Pháp, nhưng đánh lúc này là bất lợi, chúng ta phải biến cái bất lợi thành cái có lợi cho ta;



cần tranh thủ thời gian để chuẩn bị lực lượng, tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ quốc tế.

Do vậy chủ trương của Đảng là chọn hòa với Pháp để đuổi quân Tưởng ra khỏi miền Bắc. Kết quả được ghi trong Hiệp ước Pháp - Việt (6-3-1946), 20 vạn quân Tưởng phải rút lui về nước, là thành quả bước đầu của quá trình đấu tranh, chèo lái hết sức sáng suốt thực hiện chủ trương "Hòa để tiến" của Đảng, Chính phủ đứng đầu là Lãnh tụ thiên tài Hồ Chí Minh.

Sau ngày 6 tháng 3 năm 1946, vấn đề dân tộc vẫn chưa được giải quyết, ngược lại càng trở nên gay gắt hơn.

Ngày 18 tháng 3 năm 1946, Pháp kéo quân vào Hà Nội. Chúng tưởng ta yếu nên đã tiến hành khiêu khích, phá hoại trên tất cả các mặt: chính trị, quân sự, kinh tế. Nhân dân ta ở miền Bắc đã tiếp tục đấu tranh chống Pháp bằng các cuộc biểu tình, bất hợp tác với chúng. Ở miền Nam, đồng bào ta đã tiếp tục đấu tranh vũ trang. Tình hình đó buộc Pháp phải ngồi vào bàn đàm phán sơ bộ với ta ở Đà Lạt. Tiếp đến, đàm phán chính thức ở Pháp từ tháng 7 đến tháng 9 năm 1946. Nhưng cuộc đàm phán không đi đến thỏa thuận gì. Nguy cơ chiến tranh đã xuất hiện trực tiếp. Đứng trước tình hình ấy, để cứu vãn tình thế và tranh thủ thời gian tiếp tục chuẩn bị lực lượng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký tạm ước ngày 14 tháng 9 năm 1946.

Sau tạm ước chúng ta khẩn trương tiếp tục chuẩn bị lực lượng.

Pháp đẩy mạnh các hoạt động khiêu khích, lấn chiếm, liên tiếp gây hấn ở Hải Phòng, ở Lạng Sơn... Nấp dưới gót giày của Pháp, bọn tay sai đẩy mạnh các hoạt động phá hoại, ngày 7 tháng 2: gây đổ máu ở Hà Nội; ngày 18 tháng 12: chiếm bộ giao thông, bộ tài chính, gửi tối hậu thư đòi ta hạ vũ khí đầu hàng chúng, v.v...

Đứng trước diễn biến lịch sử phức tạp, trước vận mệnh tồn vong của dân tộc, đêm 19 tháng 12 năm 1945, Ban Chấp hành Trung ương họp và đã đi đến quyết định phát động kháng chiến toàn quốc, bởi nhân nhượng nữa là vi phạm nguyên tắc, vi phạm đến quyền lợi tối cao của dân tộc.

Mặc dầu cuộc kháng chiến diễn ra lúc này chúng ta còn gặp rất nhiều khó khăn nhưng không có con đường nào khác.

Ngay ngày hôm sau (20-12), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra lời kêu gọi đồng bào toàn quốc bước vào cuộc kháng chiến thần thánh. Nội dung lời kêu gọi đó là:

- Khẳng định ý chí quyết tâm chiến đấu, kháng chiến đến cùng để bảo vệ cho được độc lập tự do.

Nêu rõ quan điểm cơ bản của cuộc chiến tranh này là toàn dân tiến hành kháng chiến.

Khẳng định cuộc kháng chiến trải qua nhiều gian khổ hy sinh song nhất định sẽ giành được thắng lợi hoàn toàn.

Lời kêu gọi của Hồ Chí Minh có sức mạnh động viên quần chúng cách mạng đấu tranh để bảo vệ độc lập tự do, sức mạnh tinh thần đã biến thành sức mạnh vật chất to lớn; đã phát động được lòng tự hào dân tộc, phát huy tinh thần dân tộc, cả nước đứng dậy chống thực dân Pháp với sức mạnh, vũ khí trong tay; đã giáo dục cho nhân dân ta một thái độ chính trị là kiên quyết kháng chiến đến cùng, sẵn sàng chịu đựng gian khổ, hy sinh.

Ngày 22 tháng 12 năm 1946, Trung ương đã ra chỉ thị toàn dân kháng chiến. Bản chỉ thị đã vạch ra những nét lớn về đường lối kháng chiến. Cùng với chỉ thị đó, đồng chí Trường Chinh đã thay mặt Trung ương Đảng viết tác phẩm: *Kháng chiến nhất định thắng lợi*. Đó là một tác phẩm lý luận phân tích tính chất, nội dung, đường lối, phương châm cuộc kháng chiến của nhân dân ta.

Ngày trong đêm 19 tháng 12 năm 1946, một cuộc chiến đấu quyết liệt đã diễn ra trong các thành phố từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc, nơi có quân Pháp chiếm đóng như Hà Nội, Huế, Nam Định, Đà Nẵng...

Mặc dù lực lượng so sánh rất chênh lệch, nhưng với tinh thần chiến đấu dũng cảm, ngoan cường, với tất cả vũ khí có trong tay, ta đã thực hiện được việc tiêu hao lực lượng, giam chân địch, để tạo điều kiện thuận lợi triển khai lực lượng. Đặc biệt ở thủ đô Hà Nội, 2.500 chiến sĩ vệ quốc đã chiến đấu cực kỳ anh dũng, bảo vệ từng tấc đất, căn nhà và đã giam chân địch trong thành phố. Với tinh thần "Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh", các chiến sĩ ở thủ đô Hà Nội đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ thủ đô trong vòng 2 tháng.

Ngày 17 tháng 2 năm 1947, theo kế hoạch, chúng ta đã tiến hành một cuộc lui quân kỳ diệu. Tất cả lực lượng của ta đã vượt qua vòng vây của địch một cách toàn vẹn, lên đường chuẩn bị lập những chiến công mới.

Sau 3 tháng, kể từ ngày toàn quốc kháng chiến, chiến tranh đã nhanh chóng lan rộng. Thực dân Pháp sau khi chiếm được một số thành phố, cứ điểm và đường giao thông quan trọng, không còn đủ sức đánh chiếm rộng lớn và đủ sức kiểm soát chặt chẽ những vùng đã chiếm được. Chiến lược đánh nhanh, thắng nhanh của chúng bước đầu đã bị phá sản.

Với thủ đoạn ngoan cố và xảo quyệt, thu đông 1947, thực dân Pháp đã huy động trên một vạn quân tinh nhuệ, mở một cuộc tiến công quy mô lớn

lên Việt Bắc, căn cứ địa chủ yếu của ta. Dã tâm của chúng là hòng tiêu diệt cơ quan đầu não và quân chủ lực của ta, giành lấy thắng lợi quyết định và thúc đẩy việc lập nhanh chính phủ bù nhìn trong toàn quốc.

Để phá tan âm mưu của địch, quân và dân ta đã nghiêm túc thực hiện Chỉ thị ngày 15 tháng 9 năm 1947 của Thường vụ Trung ương Đảng: "tích cực chuẩn bị chiến dịch mùa đông về mọi mặt... chuẩn bị chống các cuộc quân địch đánh xuyên mũi dùi, nhảy dù, đổ bộ sau lưng ta"; nhiệm vụ của chúng ta là phải "làm cho địch thiệt hại nặng nề để không thể gượng dậy được sau chiến dịch mùa đông này".

Quân và dân Việt Bắc được sự phối hợp của chiến trường cả nước, đã mở chiến dịch phản công, giành được thắng lợi rất lớn, đã biến "Việt Bắc thành mồ chôn giặc Pháp". Chiến lược đánh nhanh, thắng nhanh của thực dân Pháp bị phá hủy hoàn toàn.

Đánh giá kết quả, Hội nghị Trung ương Đảng mở rộng, họp từ 15 đến ngày 17 tháng 1 năm 1948 đã nhận định: "Cuộc phản công thắng lợi ở Việt Bắc và chiến tranh cách mạng ở miền Nam đã gây thêm tinh thần phấn khởi trong toàn dân, nhân dân thêm tin tưởng ở tiền đồ kháng chiến vẻ vang của dân tộc".

Bị thất bại trong âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh, thực dân Pháp chuyển sang kéo dài chiến tranh xâm lược. Chủ trương cụ thể của chúng là: tăng cường đánh phá nhằm bình định vùng đã chiếm đóng, giành sức người sức của để chống phá ta lâu dài, thực hiện âm mưu thâm độc "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt".

Về phía ta: Sau chiến thắng Việt Bắc, chúng ta chủ trương phát triển chiến tranh du kích rộng rãi ở khắp các địa phương bị tạm chiếm, kể cả các thành phố bị kiểm soát.

Một bộ phận bộ đội chủ lực của ta đã được phân tán thành đại đội độc lập tiến sâu vào sau lưng địch, kết hợp tác chiến với vận động nhân dân, đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị, tiêu diệt địch với xây dựng và bảo vệ cơ sở nhân dân, dìu dắt bộ đội địa phương và dân quân du kích tiến lên phối hợp với quân chúng đấu tranh chống lại địch. Công tác địch vận, nhất là nguy vận đã được chú trọng, được coi là nhiệm vụ chiến lược.

Nhờ sự nỗ lực phi thường mà lực lượng của ta đã lớn lên về mọi mặt. Chiến tranh du kích phát triển rộng khắp, các căn cứ du kích và khu du kích xuất hiện sau lưng địch. Từ lối đánh nhỏ ở khắp nơi, phát triển tiến lên những cuộc tập kích lớn hơn. Hoạt động tác chiến của các tiểu đoàn tập trung là mầm mống của cách đánh vận động sau này. Trong những năm

1948, 1949, đầu 1950, ta đã mở nhiều chiến dịch tiến công với quy mô nhỏ, lực lượng sử dụng khoảng 3 - 4 tiểu đoàn, có khi lên tới 9 tiểu đoàn.

Tình hình chung trên chiến trường biểu hiện hình thức giành giật, giằng co quyết liệt giữa ta và địch. Lực lượng vũ trang của ta đã lớn lên không ngừng. Đại đoàn đầu tiên của ta đã ra đời vào năm 1949.

Như vậy, trong những năm chiến đấu giữa vòng vây của kẻ thù, dựa vào sức mình là chính, nhân dân, quân đội ta đã vượt qua rất nhiều gian khổ, hy sinh. Chiến tranh du kích phát triển rộng khắp và từng bước tiến lên vận động chiến, chúng ta đã đứng vững trước kẻ thù có số lượng quân, trang bị hơn ta nhiều lần. Điều có ý nghĩa cơ bản là chúng ta đã từng bước đánh bại chiến lược của địch, giành được thắng lợi ngày càng lớn, tạo ra những điều kiện cơ bản và vững chắc để đưa cuộc kháng chiến tiến lên những bước phát triển mới.

Trong lúc cuộc kháng chiến của ta đang tiến triển thì điều kiện bên ngoài (thế giới) đã chuyển biến có lợi cho ta. Đó là sự thành công của cách mạng dân tộc dân chủ ở Trung Quốc và từ ngày 18 tháng 1 năm 1950, tất cả các nước xã hội chủ nghĩa đã lần lượt tuyên bố công nhận nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và đặt quan hệ chính thức với ta. Điều kiện quốc tế này có ý nghĩa rất lớn đối với cách mạng nước ta, nó đã tạo điều kiện cho ta tránh khỏi vòng vây chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động.

Thắng lợi trên mặt trận ngoại giao đã nâng địa vị ta trên trường quốc tế. Đó là đòn cảnh báo nghiêm khắc đối với những kẻ đang tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược nước ta.

Hòa nhịp với Việt Nam, cuộc kháng chiến của nhân dân hai nước láng giềng anh em Lào, Campuchia đang tiến triển mạnh; tháng 6 năm 1950, Ủy ban giải phóng Campuchia thành lập.

Tháng 8 năm 1950, chính phủ kháng chiến Lào ra đời. Chiến trường Đông Dương ngày càng tạo nên sức mạnh phối hợp to lớn hơn.

Trên thế giới, phong trào của nhân dân yêu chuộng công lý (kể cả nhân dân Pháp) và các nước thuộc địa thuộc Pháp đã kịch liệt phản đối việc thực dân Pháp xâm lược Việt Nam.

Đối với kẻ thù: cũng từ năm 1950, Mỹ đã can thiệp sâu vào Đông Dương bằng cách giúp Pháp và dần biến Pháp thành công cụ, tiến tới hất cẳng Pháp ở Đông Dương. Được Mỹ giúp sức, hòng ngăn chặn mối liên hệ giữa nước ta với các nước xã hội chủ nghĩa anh em, thực dân Pháp đã tìm cách thực hiện âm mưu khóa chặt biên giới Việt - Trung bằng cách tăng cường hệ thống phòng ngự của chúng trên trục đường số 4, thiết lập hành lang Đông

Tây (Hải Phòng, Hà Nội, Hòa Bình, Sơn La) để cắt đứt đường liên lạc giữa Việt Bắc và các liên khu 3, 4.

Cùng với hệ thống phòng ngự ấy, thực dân Pháp đã nuôi dưỡng âm mưu tiến hành một cuộc phiêu lưu quân sự mới bằng cách huy động lực lượng tiến công lên Việt Bắc.

Nhận định rõ âm mưu của địch, tranh thủ thời cơ giành thắng lợi có ý nghĩa chiến lược. Trung ương Đảng, Chính phủ và Bộ tổng tư lệnh quyết định mở chiến dịch Biên Giới nhằm 3 mục đích:

- Tiêu diệt sinh lực địch.
- Khai thông biên giới.
- Mở rộng, củng cố căn cứ địa Việt Bắc.

Trong chiến dịch Biên Giới, địch đã thất bại thảm hại và phía ta đã thu được thắng lợi hết sức to lớn. Đây là lần đầu tiên ta chủ động mở chiến dịch tấn công có tầm quan trọng chiến lược, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch (11.500 tên) chủ yếu là lực lượng tinh nhuệ, nòng cốt. Phá vỡ một mảng lớn kế hoạch phòng ngự, hành lang chia cắt Việt Bắc của thực dân Pháp hoàn toàn bị phá vỡ.

Lần đầu tiên ta đã giải phóng một vùng đất rộng lớn: 35 vạn dân 4.500km<sup>2</sup> (5 thị xã, 13 thị trấn). Căn cứ địa Việt Bắc được củng cố, mở rộng. Chúng ta thoát khỏi sự bao vây, trên chiều dài 750 km biên giới được khai thông, nối liền nước ta với cách mạng các nước.

Chiến thắng Biên Giới đánh dấu sự trưởng thành rất lớn của quân đội ta. Từ đánh nhỏ chuyển lên đánh lớn, từ đánh phân tán chuyển sang chiến đấu tập trung, từ đánh du kích là chủ yếu, vận động chiến là phụ tiến lên đánh chính quy với quy mô lớn. Đánh vận động đã đóng vai trò chủ yếu ở Bắc Bộ. Từ đánh tiêu hao tới chỗ đánh tiêu diệt địch từng bộ phận lớn sinh lực địch. Điều có ý nghĩa quan trọng là bước đầu với chiến dịch Biên Giới chúng ta đã tiến lên nắm quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính Bắc Bộ, dồn thực dân Pháp vào thế bị động, lúng túng.

Từ năm 1951 thực dân Pháp, dưới áp lực và sự giúp đỡ của Mỹ, đã tăng cường đánh phá ta mạnh hơn trước, thực hiện cuộc chiến tranh tổng lực như dồn dân lập nên vành đai chạy suốt dọc đường số 6, lập hệ thống boongke để phòng thủ đồng bằng Bắc Bộ và Việt Bắc, xây dựng đội quân cơ động mạnh, chuẩn bị điều kiện để giành chính quyền, chủ động tiến công trên chiến trường, v.v...

Về phía ta, từ sau chiến thắng Biên Giới, ta cũng đã chú trọng xây dựng lực lượng trên tất cả các mặt chính trị, kinh tế, quân sự. Trên cơ sở đó, ta đã

đập tan được âm mưu bình định của kẻ địch, giữ vững và triển khai thế tấn công cục bộ, chuẩn bị điều kiện đưa cuộc kháng chiến tiến lên bước nhảy vọt. Để làm cho lực lượng ngày càng chuyển hóa có lợi cho ta, trong những năm 1951, 1952, chúng ta đã liên tiếp mở nhiều chiến dịch tấn công trên quy mô lớn ở Bắc Bộ, đó là chiến dịch Trung Du, chiến dịch Đường số 18, chiến dịch Thượng Lào (4-1953). Hình thái tiến công trên từng hướng chiến lược đã xuất hiện và đang phát triển mạnh mẽ.

Cùng với chiến tranh du kích hoạt động rộng khắp, các chiến dịch trên đã đập tan toàn bộ mục tiêu chiến lược của địch. Chúng ta đã tiêu diệt 2.000 tên, đẩy địch vào tình trạng lúng túng hơn nữa.

Tóm lại, đến 1953, kháng chiến đã trải qua 8 năm. Tình hình diễn ra đúng như dự kiến của Đảng và Hồ Chủ tịch là: ta càng đánh càng mạnh, uy tín chính trị ngày càng phát triển cao trên trường quốc tế. Hình thức tác chiến của ta đã phát triển từ du kích chiến lên chính quy chiến ở trên chiến trường chủ yếu, làm cho kẻ địch ngày càng sa vào thế bị động, lúng túng.

Về kẻ địch, càng đánh càng thua, lực lượng ngày càng bị phân tán. Tuy số lượng quân có tăng lên nhưng chất lượng ngày càng bị giảm sút nghiêm trọng (50 vạn trong đó, chiếm 70% ngụy ô hợp), uy tín chính trị của chúng ngày càng bị cô lập. Mâu thuẫn giữa Pháp và Mỹ ngày càng phát triển gay gắt thêm.

Ngay từ đầu 1953, đứng trước thảm họa của sự thất bại nhục nhã, nhiều người trong Chính phủ Lanien Bidôn đã tỏ ra lo ngại và nhận thấy chúng không còn khả năng kéo dài chiến tranh được nữa vì hậu quả của cuộc chiến tranh xâm lược bản thủ đó đã quá lớn, quá nặng nề đối với nước Pháp. Mặt khác chúng cảm thấy quá nhục nhã nếu như tự rút lui khỏi cuộc chiến tranh một cách vô điều kiện, do đó, chúng mong muốn tìm ra một lối thoát - muốn kết thúc chiến tranh trên thế mạnh nhằm giữ uy tín cho nước Pháp. Để thực hiện được mong muốn đó, chủ trương của chúng là tiếp tục đẩy mạnh chiến tranh nhằm giành cho được những thắng lợi quyết định về mặt quân sự sau đó bắt ép ta phải chấp nhận những điều kiện do chúng ban bố. Chủ trương này của Pháp được Mỹ ủng hộ rất tích cực, đế quốc Mỹ càng lộ rõ hơn nữa bộ mặt cực kỳ phản động của nó muốn biến Đông Dương thành một thuộc địa của chúng. Cho nên vừa tích cực viện trợ cho Pháp, Mỹ vừa ra những điều kiện buộc Pháp phải thi hành; nhằm tạo cơ sở thuận lợi cho chúng xâm nhập vào Đông Dương.

Giữa năm 1953, Nava được cử sang chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương (thay Xalăng). Nhằm thực hiện mong muốn của Pháp - Mỹ, Nava đã đặt ra một kế hoạch. Kế hoạch của Nava được chia làm hai giai đoạn:

Nhìn tổng quát kế hoạch của Nava không có điểm gì mới mẻ, phương pháp của nó cũng chỉ là lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt. Điểm khác với các kế hoạch trước chỉ là ở chỗ mức độ. Chúng xác định, cần phải thực hiện chiến tranh với quy mô rộng lớn hơn, nhanh hơn, mạnh hơn, ác liệt hơn.

Kế hoạch Nava vừa có chỗ mạnh nhưng lại có chỗ yếu rất cơ bản. Nếu chúng ta không nắm chắc được điều đó thì sẽ không có chủ trương đúng đắn thích hợp được.

Trên cơ sở phân tích tình hình một cách khoa học, Đảng ta đã rút ra kết luận về phương hướng chiến lược là: tập trung lực lượng mở rộng tấn công về chiến lược vào những vùng quan trọng mà địch lại bỏ, hở nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, mở rộng vùng giải phóng, buộc địch phải phân tán lực lượng đối phó với ta trên địa bàn xung yếu không thể bỏ qua được, tạo cho ta điều kiện mới tiếp tục tiêu diệt sinh lực địch. Đồng thời với phương hướng chiến lược đó, chủ trương của ta là tiếp tục đẩy mạnh chiến tranh du kích, phối hợp đánh địch trên tất cả các chiến trường nhằm buộc địch phải phân tán lực lượng hơn nữa, làm cho chúng phải dần mỏng quân. Kế hoạch cụ thể của ta là, sử dụng một bộ phận chủ lực tấn công vào Tây Bắc, tiêu diệt địch ở Lai Châu, giải phóng hoàn toàn khu Tây Bắc, kết hợp với quân Lào giải phóng một vùng Trung Lào.

Ở miền Nam: tập trung quân chủ lực mở các đợt tấn công vào Tây Nguyên nhằm mục đích tiêu diệt lực lượng địch giải phóng thêm đất đai. Ở các vị trí còn lại, ta chủ trương tiếp tục duy trì và phát triển chiến tranh du kích.

Về phương châm tác chiến: tư tưởng tác chiến của ta là phải chắc thắng mới đánh, lấy đánh vận động làm cách đánh chính, dùng ưu thế binh lực giành những thắng lợi giòn giã.

Đến tháng 3 năm 1954, trên chiến trường Đông Dương đã có những tình hình thay đổi khác trước:

Về phía ta, ta đã mở một loạt cuộc tiến công trên nhiều hướng: đã giải phóng được nhiều đất đai, tiêu diệt được nhiều sinh lực địch. Đã phối hợp được các cuộc tiến công trên các mặt trận chính diện cũng như sau lưng địch, cô lập cao độ lực lượng của địch ở Điện Biên Phủ; chủ động, tạo ra một thế trận rộng khắp, căng địch ra mà đánh.

Phía địch, lực lượng cơ động của chúng bị phân tán thành nhiều hướng, ý đồ tập trung quân ở đồng bằng Bắc Bộ chúng không thực hiện được như ý muốn. Ở đồng bằng Bắc Bộ, chúng chỉ còn lại 20 tiểu đoàn, nói là quân cơ động nhưng trên thực tế chỉ là đội quân cố thủ, giữ nhà.

Điện Biên Phủ lúc này trở thành điểm quyết chiến chiến lược giữa ta và địch. Nava có tham vọng sẽ biến Điện Biên Phủ thành cái máy "nghiên thệt" tiêu diệt quân chủ lực của ta, chúng coi đây là "nhọt hút máu độc" trong việc thực hiện kế hoạch của Nava.

Vì vậy Nava đã hạ lệnh xây Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm mạnh, từ đó, Điện Biên Phủ đã trở thành một tập đoàn cứ điểm mạnh, thành trung tâm của kế hoạch Nava. Chúng đã tập trung lên đây một lực lượng khoảng 16.200 tên, gồm 49 cứ điểm nằm trong 8 cụm cứ điểm, xây dựng ở đây 2 sân bay, tập trung 80% lực lượng không quân có ở Đông Dương cho Điện Biên Phủ.

Chủ trương của ta: Điện Biên Phủ là một căn cứ cần phải tiêu diệt, có như vậy chúng ta mới đánh bại được kế hoạch của Nava. Do vậy, khi địch xây dựng cứ điểm, Đảng ta đã hạ quyết tâm tiêu diệt bằng được tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Điều đó được tính toán trên cơ sở cân nhắc những khó khăn, thuận lợi của ta. Đảng ta thấy rằng, sau những khó khăn là những thuận lợi rất cơ bản. Đó là khả năng của một cuộc chiến tranh nhân dân, đội quân chủ lực của ta đã phát triển mạnh, nhân dân và bộ đội của ta có tinh thần cách mạng rất cao, đã trưởng thành về mọi mặt, có đầy đủ khả năng để đập tan tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ bằng sức mạnh của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta.

Chúng ta đã hạ quyết tâm tiêu diệt Điện Biên Phủ là nơi địch tập trung mọi cố gắng tới mức cao nhất. Nếu giải quyết được Điện Biên Phủ thì nhất định nó sẽ biến chuyển sang một hình thái mới trên chiến trường có lợi cho ta tiến lên kết thúc chiến tranh.

Trên thực tế ta đã tập trung ưu thế binh, hỏa lực tiêu diệt hoàn toàn tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Đây là chiến thắng to lớn nhất đánh dấu sự tiến bộ vượt bậc, sự chuyển biến lớn lao trong cục diện kháng chiến chống Pháp và bọn can thiệp Mỹ, là một bước nhảy vọt lớn của cách mạng, đập tan mọi cố gắng cao nhất của thực dân Pháp.

Đến đây, mâu thuẫn trong nội bộ Chính phủ Pháp cũng như trong bọn đế quốc phát triển gay gắt. Dư luận thế giới ngày càng phản đối mạnh thực dân Pháp và can thiệp Mỹ đang thực hiện cuộc chiến tranh phi nghĩa, bản thủ ở Đông Dương.

Mặt khác, về cuối Mỹ càng can thiệp trắng trợn và mạnh mẽ hơn nữa vào vấn đề Đông Dương. Do đó, bên cạnh khả năng hòa bình xuất hiện, còn xuất hiện thêm khả năng chiến tranh sẽ mở rộng trên quy mô lớn và ác liệt hơn.



Đảng ta đánh giá, hai khả năng trên đã tồn tại khách quan và sẽ chuyển hóa cho nhau do sự tác động trực tiếp của mỗi bên. Cho nên, một mặt Đảng ta quyết tâm đẩy mạnh kháng chiến, giành cho được thắng lợi quyết định về quân sự buộc chúng phải ký hiệp ước với ta. Một mặt sẵn sàng giải quyết bằng con đường thương lượng.

Đây là cách giải quyết có lợi cho ta. Bởi ta đã mạnh lên nhưng chưa thể áp đảo hoàn toàn. Pháp đã suy yếu so với trước nhưng lực lượng của nó vẫn còn mạnh. Giải quyết bằng con đường hòa bình ta vừa ít tổn xương máu hơn và phù hợp với dư luận các nước trên thế giới.

Đầu năm 1954, trước sự đấu tranh của Liên Xô trong hội nghị bộ trưởng 4 nước: Liên Xô, Anh, Pháp, Mỹ, bọn đế quốc phải thỏa thuận triệu tập Hội nghị Giơnevơ gồm các nước: Liên Xô, Anh, Pháp, Mỹ, Trung Quốc và một số nước có liên quan.

Mặc dù đã thất bại liên tiếp, nhưng ngoan cố, hiếu chiến là bản chất cơ bản của chúng, nên trong hội nghị ta phải tiếp tục đấu tranh hết sức gay go phức tạp.

Cùng với chiến thắng trên chiến trường, sự đấu tranh mạnh mẽ của ta và sự ủng hộ nhiệt tình của nhân dân thế giới, bọn đế quốc phải chấp nhận ký Hiệp định Giơnevơ.

Pháp tuyên bố cam kết tôn trọng quyền của các nước Đông Dương. Quân đội Pháp phải rút khỏi Đông Dương theo thời hạn nhất định. Việt Nam và Pháp đặt quan hệ kinh tế, văn hóa trên cơ sở hai bên cùng có lợi. Các bên tạm quản lý vùng đóng quân chờ thống nhất. Quyết định tổng tuyển cử thống nhất vào tháng 7 năm 1956.

Đây là một thắng lợi hết sức vĩ đại của ta. Lập trường hiếu chiến ngoan cố của Pháp, Mỹ và bọn tay sai đã bị thất bại thảm hại.

Hiệp định được ký kết đã chấm dứt hoàn toàn và vĩnh viễn gần một thế kỷ thực dân Pháp xâm lược nước ta. Chúng ta đã giải phóng được một nửa đất nước, tạo ra tiền đề thiết yếu để xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa, làm căn cứ địa để đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên.

Đối với quốc tế, thắng lợi của Hiệp định Giơnevơ đã góp phần dập tắt được lò lửa chiến tranh. Lần đầu tiên trong lịch sử bọn đế quốc phải thừa nhận quyền độc lập của một nước trên bàn hội nghị. Nó đã nâng cao được vai trò của các nước xã hội chủ nghĩa, động viên mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Thắng lợi của hiệp định là kết quả tất yếu của gần một thế kỷ chiến tranh chống thực dân Pháp xâm lược, nhất là trong giai đoạn 9 năm kháng

chiến thần thánh; là thắng lợi của việc Đảng ta nắm vững và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa đấu tranh quân sự và đấu tranh ngoại giao, giữ đúng nguyên tắc nhưng mềm dẻo trong đấu tranh ngoại giao nhằm thu được thắng lợi cao nhất; là kết quả của tinh thần đấu tranh kiên quyết và có sách lược đúng đắn của các đoàn ngoại giao đặc biệt là Liên Xô, cũng như dư luận rộng rãi trên thế giới tiếp tục ủng hộ chúng ta hết sức mạnh mẽ.

Cuộc kháng chiến thần thánh của nhân dân ta từ 23 tháng 9 năm 1945 đến 21 tháng 7 năm 1954 là thời kỳ thứ nhất của 30 năm kháng chiến giải phóng dân tộc. Cuộc kháng chiến đã giành được thắng lợi hết sức vĩ đại. Đây là một thất bại thảm hại của Pháp, Mỹ và bọn đế quốc nói chung.

Thắng lợi của chúng ta chấm dứt tính hiếu chiến xâm lược của Pháp non 1 thế kỷ. Cuộc kháng chiến đã đưa đến giải phóng một nửa đất nước, tạo ra tiền đề vững chắc để đi đến thắng lợi cuối cùng.

Với quốc tế, đây là thắng lợi rất lớn của lực lượng cách mạng thế giới, là một cống hiến xuất sắc của dân tộc ta đối với trào lưu cách mạng thế giới.

Thắng lợi đó là kết quả của tinh thần hy sinh vô bờ bến của nhân dân ta, của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam được thể nghiệm toàn diện, sâu sắc trên tất cả các lĩnh vực.

Nguyên nhân căn bản, có ý nghĩa quyết định là sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng ta - một Đảng Mác - Lênin chân chính, có đường lối chính trị, phương pháp cách mạng đúng đắn, độc lập, tự chủ và sáng tạo. Trong quá trình lãnh đạo cuộc kháng chiến, Đảng ta luôn luôn quán triệt mục đích của cuộc chiến tranh, quán triệt tư tưởng bạo lực cách mạng một cách triệt để. Chiến tranh là sự kế tục mục đích chính trị ở hình thức cao mà mục đích chính trị đã được Đảng ta quán triệt trong suốt cuộc kháng chiến, trong chính sách đối nội và đối ngoại nhằm mục đích giữ gìn hòa bình thế giới. Đảng ta đã khai thác triệt để tiềm lực to lớn của cả dân tộc, tranh thủ được sự ủng hộ quốc tế, cả nhân tố chính trị do thời đại đưa lại. Điều đó được thể hiện trong phương châm chiến lược của Đảng là: giải quyết đúng đắn mối quan hệ dân tộc và dân chủ trong chiến tranh; đề nhiệm vụ dân tộc lên hàng đầu, đồng thời trong quá trình tiến hành kháng chiến, để bồi dưỡng sức dân, Đảng ta thực hiện một số vấn đề mang nội dung dân chủ (giảm tô, cải cách ruộng đất, hoãn nợ, xóa nợ... nhất là từ 1953).

Trong quá trình lãnh đạo, Đảng ta đã đoàn kết được toàn dân, thực hiện từng bước nhiệm vụ của cách mạng, xây dựng hậu phương vững mạnh về chính trị, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao về kinh tế cho chiến tranh. Đảng ta nhận thức rõ sức mạnh của cuộc kháng chiến là sức mạnh của toàn

dân và đã phát động được cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện, có phương châm chiến lược, nghệ thuật quân sự đúng đắn, biết phát động chiến tranh kịp thời và kết thúc chiến tranh đúng lúc, xử lý đúng đắn mối quan hệ của cách mạng nước ta với phong trào cách mạng thế giới, tranh thủ sự chi viện quốc tế cả về vật chất và tinh thần.

### **III. ĐẢNG LÃNH ĐẠO CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC VÀ XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC TRONG THỜI KỲ 1954-1975**

Hiệp nghị Giơnevơ được ký kết, đất nước ta tạm thời chia làm hai miền. Sau một năm đấu tranh tiếp quản, miền Bắc hoàn toàn được giải phóng và bước vào công cuộc xây dựng đất nước. Ở miền Nam, ngay trước lúc Hiệp nghị Giơnevơ được ký kết, đế quốc Mỹ đã dựng lên tay sai Ngô Đình Diệm lập chính phủ bù nhìn (ngày 13-6-1954). Âm mưu của Mỹ là biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới, chia cắt lâu dài đất nước ta, tiến tới thôn tính miền Bắc, làm bàn đạp tiến công các nước khác. Chính sách đó của Mỹ rất phù hợp với dã tâm của các thế lực phản động trong và ngoài nước đang muốn kìm hãm sự phát triển của cách mạng nước ta. Trong tình hình vô cùng khó khăn nhưng với cách nhìn khoa học, cách mạng, Đảng ta đã khẳng định rằng, trong bất kỳ tình huống nào khi hoàn thành nội dung của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân thì không có đường nào đúng đắn hơn là tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội là phù hợp với quy luật tiến hóa của lịch sử, xu thế thời đại; phù hợp với đường lối cách mạng của Đảng đã được xác định trong Luận cương chính trị tháng 10 năm 1930. Đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội là phù hợp với nguyện vọng của nhân dân miền Bắc, phù hợp với yêu cầu chung của sự nghiệp cách mạng cả nước. Xác định như vậy không phải chúng ta đi vào con đường phiêu lưu, mạo hiểm mà xuất phát từ thực tế, bên cạnh những khó khăn lớn lúc đó chúng ta có nhiều thuận lợi căn bản. Điều kiện tiên quyết cho hướng đi lên của miền Bắc là chúng ta có Đảng Mác - Lênin chân chính đã được tôi luyện trưởng thành về mọi mặt trong quá trình lãnh đạo cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân; có chính quyền dân chủ nhân dân đã thu được nhiều kinh nghiệm quý báu trong chín năm "vừa kháng chiến vừa kiến quốc" nay đang chuyển sang làm nhiệm vụ của nền chuyên chính vô sản. Nhân dân miền Bắc đã một lòng quyết tâm đi theo Đảng trong sự nghiệp cách mạng dân tộc, dân chủ, nay lại càng phấn khởi bước vào cuộc cách mạng mới: xây dựng chế độ đẹp đẽ nhất của xã hội loài người. Cuộc cách

mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc tiến hành trong điều kiện quốc tế có những vấn đề phức tạp nhưng căn bản có nhiều thuận lợi cho ta đó là sự giúp đỡ về nhiều mặt của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, của giai cấp công nhân thế giới.

Tất nhiên từ một nước kinh tế rất lạc hậu sản xuất nhỏ, những manh mún nông nghiệp độc canh phân tán, cơ sở công nghiệp hầu như chưa có gì lại bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội chúng ta sẽ gặp muôn vàn khó khăn. Khắc phục được những khó khăn đó, đòi hỏi chúng ta phải có nỗ lực phi thường và phải có thời gian để chuyển hóa dần những khó khăn lớn đó. Cách mạng xã hội chủ nghĩa là một cuộc cách mạng sâu sắc, toàn diện từ hạ tầng cơ sở đến kiến trúc thượng tầng; là một cuộc cách mạng to lớn nhất, triệt để nhất và cũng nhiều khó khăn nhất. Trước một xã hội có nền kinh tế nghèo nàn, cơ cấu giai cấp phức tạp, hơn nữa còn đang bị chủ nghĩa thực dân kiểu mới đặt ách thống trị... cho nên tất yếu chúng ta không thể hoàn thành tất cả các nhiệm vụ to lớn đó trong một thời gian ngắn. Bước quá độ của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta có thể phải trải qua thời gian dài hơn những nước có điều kiện thuận lợi. Ngoài việc tuân thủ những quy luật chung nhất, chúng ta phải nắm chắc và phân tích tình hình một cách thận trọng để phát hiện quy luật đặc thù, từ đó đề ra chủ trương, chính sách phù hợp với yêu cầu của cách mạng.

Trong lúc thực hiện cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, Đảng đã xác định miền Nam phải kiên quyết đấu tranh thực hiện Hiệp định Giơnevơ, để thống nhất nước nhà. Đế quốc Mỹ ngày càng ngoan cố dấn sâu hơn việc áp đặt chủ nghĩa thực dân kiểu mới vào miền Nam, vi phạm, thô bạo trắng trợn, tiến tới xóa bỏ hoàn toàn những điều khoản đã ghi trong Hiệp nghị Giơnevơ. Chúng công khai thi hành chiến lược chiến tranh đơn phương, biến hệ thống ngụy quyền, ngụy quân Ngô Đình Diệm thành công cụ thực hiện học thuyết chủ nghĩa thực dân kiểu mới ở miền Nam nước ta. Điều đặc biệt đáng chú ý là: sau khi đã trắng trợn phản đối lại quyền dân tộc cơ bản của các nước Đông Dương trong Hội nghị Giơnevơ, một số người tham gia hội nghị đó lại muốn duy trì tình trạng chia cắt hai miền Nam Bắc Việt Nam càng lâu dài càng tốt; muốn biến sự nghiệp cách mạng của nước ta lệ thuộc hoàn toàn vào các nước khác, muốn lấy Việt Nam làm "vốn liếng" buôn bán với Mỹ. Chính vì vậy, trong nhiều cuộc hội đàm với Đảng và Nhà nước ta, có nước đã can ngăn, "khuyên" ta nên "trường kỳ mai phục". Cho rằng vấn đề giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước là công việc tiến hành lâu dài 10 năm 20 năm thậm chí 100 năm sau...

Cương quyết đi theo đường lối độc lập, tự chủ, Đảng, Chính phủ và toàn thể nhân dân Việt Nam đã nhất tề nêu cao quyết tâm đánh Mỹ, thắng Mỹ thực hiện triệt để mục tiêu độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa. Điều đó là hoàn toàn phù hợp với quy luật khách quan của cách mạng thế giới, của lịch sử dân tộc Việt Nam.

Tất nhiên chúng ta thấy rõ rằng, việc vận dụng hai quy luật - quy luật chiến tranh cách mạng, quy luật cách mạng xã hội chủ nghĩa cùng một thời gian trong phạm vi của một dân tộc, do một Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo quả đó là một sự nghiệp vĩ đại và rất phức tạp. Nó đòi hỏi người lãnh đạo và toàn thể nhân dân trong quá trình tiến hành cách mạng phải quan sát thận trọng sự vật đang nảy sinh, phát triển. Nếu không chú ý đúng mức yêu cầu khách quan đó thì khó có thể đưa cuộc cách mạng đến thắng lợi cuối cùng có khi còn tổn rất nhiều xương máu, công sức của cải vật chất của toàn thể nhân dân.

Trong sự nghiệp cách mạng vĩ đại đó, tuy ở mỗi miền thực hiện nhiệm vụ chiến lược cụ thể khác nhau nhưng lại có mối quan hệ khăng khít không thể tách rời, hỗ trợ nhau cùng đi đến mục tiêu chung là độc lập thống nhất và chủ nghĩa xã hội. Phải thấy hết mối quan hệ về chất bên trong của hai nhiệm vụ chiến lược thì mới có thể đề ra biện pháp chỉ đạo sát hợp yêu cầu của cách mạng ở mỗi khu vực cụ thể và trong từng giai đoạn cụ thể. Với bản chất khoa học cách mạng, đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân Đảng ta giương cao và giải quyết tốt mối quan hệ giữa hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đưa cách mạng nước ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Thực hiện tư tưởng chỉ đạo của Hội nghị Bộ Chính trị (họp tháng 9-1954): Trong một thời gian nhất định nhiệm vụ của Đảng ta là đoàn kết và lãnh đạo nhân dân đấu tranh thực hiện hiệp định của địch, đề phòng và khắc phục mọi âm mưu phá hoại hiệp định đình chiến để củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất hoàn thành độc lập, dân chủ trong toàn quốc, từ năm 1954 đến đầu năm 1957, nhân dân ta đã hoàn thành thắng lợi 3 nhiệm vụ to lớn:

*Một là*, thực hiện tốt cuộc đấu tranh tiếp quản, chúng ta đã buộc thực dân Pháp thi hành những điều khoản trong Hiệp định Giơnevơ: Thực chất đây là một cuộc đấu tranh nhằm tước đoạt quyền sở hữu từ tay tư bản đế quốc sang sở hữu toàn dân. Vì vậy trong cuộc đấu tranh tiếp quản nó đã hàm chứa nội dung của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nhờ có tinh thần đấu tranh kiên quyết, bền bỉ của nhân dân lao động miền Bắc cộng với những biện pháp hết sức cứng rắn của Nhà nước mà chúng ta đã đập tan

mọi âm mưu quỷ quyết của kẻ thù như phá hoại máy móc, thúc ép đồng bào miền Bắc "theo Chúa" vào Nam. Đến ngày 22 tháng 5 năm 1955, tên lính viễn chinh cuối cùng của thực dân Pháp phải cút khỏi đảo Cát Bà về nước, miền Bắc Việt Nam hoàn toàn được giải phóng.

*Hai là*, đã hoàn thành triệt để nhiệm vụ cải cách ruộng đất, đánh đổ hoàn toàn giai cấp địa chủ phong kiến, đưa 81 vạn héc-ta ruộng đất, hàng triệu nông cụ, trâu bò và các loại tài sản khác chia cho nông dân. Giai cấp nông dân miền Bắc từ địa vị tá điền đã trở thành giai cấp nông dân tự do. Trong cải cách ruộng đất, tuy có phạm phải một số sai lầm nhưng Đảng ta đã khắc phục nhanh chóng, mang lại ý nghĩa thiết thực và trực tiếp góp phần quan trọng vào thắng lợi chung của đất nước.

*Ba là*, cùng với quá trình đấu tranh tiếp quản, cải cách ruộng đất đã giành được thắng lợi quyết định trong nhiệm vụ khôi phục kinh tế, ổn định đời sống của nhân dân cả về kinh tế và chính trị xã hội. Đến đầu năm 1957, tổng sản phẩm công nghiệp và nông nghiệp đã được khôi phục xấp xỉ năm 1939, đó là cơ sở quan trọng cho các bước phát triển kinh tế tiếp theo.

Thực hiện Nghị quyết 15 và Nghị quyết 16 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, trên cơ sở những kết quả đã giành được, từ năm 1958 nhân dân miền Bắc đã bước vào cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa. Nhiệm vụ trung tâm trong giai đoạn 1958-1960 là cải tạo thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa, bước đầu phát triển kinh tế tập thể, tiếp tục ổn định và nâng cao đời sống của nhân dân. Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn của cách mạng nước ta, với kinh tế nông nghiệp miền Bắc đã thực hiện hợp tác hóa với những nguyên tắc cơ bản, tự nguyện cùng có lợi và đi từ thấp tới cao. Phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ở miền Bắc trong những năm 1959, 1960 thực sự ổn định trở thành cao trào cách mạng rộng lớn, nông dân đã nô nức đi vào con đường làm ăn tập thể. Cuối năm 1960 đã có 41.400 hợp tác xã bao gồm 85,83% tổng số nông hộ, trong đó có 11,81% là hợp tác xã bậc cao. Sự thành công to lớn của phong trào hợp tác hóa nông nghiệp đã mang ý nghĩa sâu sắc cả về công tác kinh tế và văn hóa xã hội. Nó đã tạo ra điều kiện tiên quyết cho sự hình thành và phát triển giai cấp nông dân tập thể ở miền Bắc, là nội dung quan trọng của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa của nước ta.

Song song với quá trình cải tạo nông nghiệp, việc cải tạo thành phần kinh tế tư bản tư doanh đã được tiến hành. Do những điều kiện nhất định về mặt lịch sử mà chủ trương của ta là cải tạo hòa bình với giai cấp tư sản dân tộc. Về mặt chính trị, biện pháp chủ yếu là tuyên truyền giáo dục. Về kinh tế thực hiện theo cách chuộc lại trả dần hoặc công tư hợp doanh. Đến tháng 8 năm 1960, công cuộc cải tạo thành phần kinh tế tư bản đã hoàn thành về cơ

bản, 97% số hộ tư sản ở miền Bắc đã tham gia cải tạo với các hình thức kể trên; việc hợp tác hóa trong thủ công nghiệp cũng giành được thắng lợi có ý nghĩa quyết định.

Nhìn chung, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa với thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc đã được tiến hành nhanh chóng. Bên cạnh những ưu điểm cơ bản thì công cuộc cải tạo cũng đã bộc lộ những hạn chế, nhược điểm. Đó là những vấn đề như: Quan hệ sản xuất mà chúng ta tạo ra chưa thực sự tương ứng với cơ sở vật chất kỹ thuật, trình độ quản lý của cán bộ, mức độ nhận thức tư tưởng xã hội chủ nghĩa của nhân dân chưa cao... Trong những năm tiếp theo phải tập trung nhiều sức lực mới giải quyết dần những hạn chế, nhược điểm đó.

Nhiệm vụ phát triển kinh tế trong 3 năm 1958-1960 cũng đã thu được kết quả tốt đẹp. Tổng sản lượng công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất đã tăng gấp 6,5 lần so với năm 1955. Công nghiệp nhẹ đã đáp ứng được 90% nhu cầu tiêu dùng cơ bản của nhân dân miền Bắc lúc đó, tổng giá trị tăng 4,5 lần so với 1955. Đời sống của nhân dân lao động miền Bắc đã được nâng lên một bước đáng kể cả về vật chất và văn hóa tinh thần.

Trên cơ sở cải tạo và phát triển kinh tế, văn hóa, chế độ chính trị, xã hội ở miền Bắc đã biến đổi khá sâu sắc, ngày càng được củng cố và phát triển vững chắc hơn. Cùng với sự tiêu vong của nền kinh tế chiếm hữu tư nhân tư liệu sản xuất, các lực lượng bóc lột cuối cùng của xã hội miền Bắc đã bị xóa bỏ, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đã được thiết lập. Thắng lợi của ba năm cải tạo và phát triển kinh tế, văn hóa, chính là cơ sở trực tiếp quyết định đến cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc bước vào giai đoạn mới - giai đoạn xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội trong các kế hoạch tiếp theo, mở đầu bằng kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965).

Tháng 9 năm 1960, trên đất nước ta đã diễn ra một sự kiện lịch sử trọng đại, đó là Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng. Đại hội đã đánh giá tổng kết những thành tích to lớn, những kinh nghiệm quý báu đã giành được trong giai đoạn trước đó và quyết định những vấn đề quan trọng về đường lối cách mạng của các nước trong giai đoạn tiếp theo - đó là đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở miền Nam. Để thực hiện một phần quan trọng, đặt nền tảng bước đầu trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, Đại hội đã nhất trí thông qua kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Xuất phát từ yêu cầu cụ thể, kế hoạch 5 năm đầu tiên này tập trung thực hiện hai mục tiêu cơ bản:

*Một là*, thực hiện một bước quan trọng về công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, nhằm tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật mang ý nghĩa then chốt là nền tảng cho các thời kỳ tiếp theo.

*Hai là*, tiếp tục hoàn thiện, củng cố vững chắc quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đã được thiết lập trên cơ sở nâng cao năng suất lao động.

Từ hai mục tiêu cơ bản đó, kế hoạch 5 năm lần thứ nhất sẽ tập trung các nhiệm vụ cụ thể, đó là đẩy mạnh và phát triển các thành phần kinh tế, tăng cường mối quan hệ giữa sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, nâng cao một bước trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật, chú trọng đào tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật, thăm dò tài nguyên điều tra cơ bản, nâng cao đời sống cho nhân dân, tăng cường nền quốc phòng toàn dân.

Từ sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III, Ban Chấp hành Trung ương đã tổ chức nhiều cuộc hội nghị chuyên đề và ra nghị quyết chỉ đạo từng ngành kinh tế trong việc thực hiện kế hoạch 5 năm. Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng từ năm 1961 đến 1965 nhân dân miền Bắc thực sự đã bước vào cao trào cách mạng, cả miền Bắc đã trở thành công trường vĩ đại, với khí thế lao động khẩn trương, hăng say, sôi nổi. Nền công nghiệp của ta đã có bước biến đổi toàn diện, sâu sắc, quy mô công nghiệp ngày càng mở rộng, năm 1965 đã có 1.045 xí nghiệp do Trung ương quản lý, hình thành nên những trung tâm công nghiệp quan trọng như Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Thái Nguyên, Nam Định, Vinh... Sản xuất công nghiệp ngày càng đóng vị trí quan trọng, then chốt trong nền kinh tế quốc dân. Tốc độ phát triển công nghiệp ở miền Bắc là rất nhanh và bước đầu có cơ cấu tương đối hợp lý. Đến năm 1965 giai cấp công nhân xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc đã phát triển nhanh chóng cả về số lượng và chất lượng, đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, công nhân có tay nghề cao so với năm 1955 đã tăng gấp 10 lần.

Trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, nền nông nghiệp của miền Bắc có bước phát triển mạnh mẽ, đã khắc phục được những mâu thuẫn lớn nảy sinh từ sau 3 năm cải tạo 1958-1960. Đến năm 1965, 80% số hợp tác xã nông nghiệp đã chuyển lên bậc cao. Giai cấp nông dân tập thể đã hình thành rõ nét, đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế trong nông nghiệp đã đáp ứng được yêu cầu cơ bản.

Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất đang thực hiện thuận lợi và đã đạt được mục tiêu cơ bản thì đến đầu năm 1965 đế quốc Mỹ đã chính thức dùng không quân và hải quân thực hiện cuộc chiến tranh phá hoại ở miền Bắc trên quy mô lớn. Mặc dầu chưa thực hiện trọn vẹn các chỉ tiêu nhưng khi chiến tranh phá hoại nổ ra, nhân dân miền Bắc đã giành được nhiều thành tựu vô cùng to lớn trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa.



Đánh giá 10 năm thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa, Hồ Chủ tịch đã khẳng định: Ở miền Bắc, đất nước, xã hội, con người đều đổi mới. Từ một đất nước bị chiến tranh tàn phá nghiêm trọng, chúng ta đã tiến một bước dài chưa từng có trong lịch sử của dân tộc, bước tiến đó là toàn diện, căn bản và sâu sắc từ xã hội có chế độ áp bức người bóc lột người, chúng ta đã tiến lên xây dựng thành một xã hội dân chủ bình đẳng. Giai cấp bóc lột và cơ sở kinh tế sinh ra nó đã bị xóa bỏ. Địa vị, vai trò của nhân dân lao động đã được thay đổi căn bản, quan hệ giai cấp, dân tộc đã biến đổi về chất.

Những thành tựu to lớn của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc cho phép khẳng định con đường bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội là hoàn toàn đúng đắn. Những thành quả giành được không những đã đặt cơ sở vật chất kỹ thuật bước đầu cho chủ nghĩa xã hội, mà chính nó đã tạo ra sức mạnh to lớn để đánh thắng đế quốc Mỹ trong cuộc chiến tranh vô cùng ác liệt trên phạm vi cả nước. Từ những vấn đề thành công và thất bại trong quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa, cho phép chúng ta rút ra những kinh nghiệm lịch sử quý báu, là cơ sở thực tiễn sinh động để tiếp tục hoàn chỉnh dần đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Phối hợp nhịp nhàng với miền Bắc, trong những năm 1954-1964 nhân dân miền Nam dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng đã liên tiếp đánh bại hai chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ, đưa cách mạng vượt qua chặng đường hết sức khó khăn, phức tạp.

Để áp đặt chủ nghĩa thực dân kiểu mới vào miền Nam, đế quốc Mỹ đã lập ra và sử dụng chính quyền bù nhìn Ngô Đình Diệm, tăng cường xây dựng lực lượng nguy quân. Dưới áp lực của Mỹ, Diệm đã tuyên bố tình trạng chiến tranh ở miền Nam, đơn phương thực hiện hàng ngàn cuộc hành quân càn quét.

Trước âm mưu thủ đoạn của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, Ban Chấp hành Trung ương Đảng mà trực tiếp là Đảng bộ miền Nam đã có chủ trương biện pháp sáng suốt đối phó với kẻ thù. Nhiều cuộc mít tinh, biểu tình của nhân dân miền Nam đòi Ngô Đình Diệm phải thi hành Hiệp định Giơnevơ được tổ chức ngay sau khi ký hiệp định. Phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân miền Nam càng phát triển sâu rộng thì bè lũ tay sai càng điên cuồng khủng bố. Từ năm 1957, để hỗ trợ phong trào đấu tranh chính trị ta đã chủ trương lập và sử dụng các đội tự vệ làm nòng cốt và chỗ dựa cho quần chúng mít tinh, biểu tình. Những hoạt động diệt tề, trừ gian, mà đặc biệt là trong nhiều địa phương, xuất hiện chiến tranh du kích chặn đứng nhiều cuộc hành quân càn quét của địch đã xuất hiện từ những năm 1958, 1959.

Đầu năm 1960, cách mạng miền Nam đã có bước phát triển vượt bậc. Trên cơ sở chuẩn bị chu đáo, phong trào đồng khởi bắt đầu từ tỉnh Bến Tre đã nhanh chóng lan ra hầu hết các tỉnh ở Nam Bộ, Tây Nguyên. Phong trào đồng khởi chính là sự kết hợp của đông đảo quần chúng nổi dậy với sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang để giành chính quyền. Đến cuối năm 1960, 2/3 hệ thống chính quyền của Ngô Đình Diệm đã mất hết hiệu lực, nhân dân miền Nam thực sự giành được quyền làm chủ ở nhiều vùng nông thôn rộng lớn bao gồm 4/5 đất đai. Chiến lược chiến tranh đơn phương của đế quốc Mỹ đã bị phá sản.

Aixenhao đổ, Kennơđi lên cầm quyền, y đã vận dụng chiến lược "phản ứng linh hoạt" vào miền Nam Việt Nam bằng chiến lược "chiến tranh đặc biệt". Phát động chiến lược "chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam, đế quốc Mỹ không chỉ đàn áp cách mạng nước ta mà còn nhằm mục tiêu làm nơi thí nghiệm điển hình trong việc đàn áp phong trào cách mạng của nhân dân thế giới. Để thực hiện chiến lược đó, đế quốc Mỹ đã lập ra kế hoạch mang tên Xtalây-Taylo, lập bộ chỉ huy quân sự đặc biệt ở miền Nam Việt Nam do tướng Hakin cầm đầu, tăng cường "viện trợ" cho chính quyền Ngô Đình Diệm. Thực chất của chiến lược "chiến tranh đặc biệt" là đế quốc Mỹ thực hiện thủ đoạn cổ truyền của bọn thực dân "lấy người bản xứ đánh người bản xứ", "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh". Được sự giúp đỡ toàn diện của Mỹ, lực lượng ngụy quân Sài Gòn đã tăng lên nhanh chóng, chúng được Mỹ cung cấp vũ khí và phương tiện chiến tranh hiện đại. Từ năm 1961 đến giữa năm 1964, dưới sự điều khiển trực tiếp của cố vấn quân sự Mỹ, chúng đã mở hàng vạn cuộc hành quân lớn nhỏ hòng bóp chết cách mạng miền Nam. Để đối phó với kẻ thù, nhân dân miền Nam tiếp tục tiến hành phong trào đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang, tăng cường phá ấp chiến lược và xây dựng cơ sở cách mạng ngay trong các ấp chiến lược của địch.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Mặt trận giải phóng miền Nam Việt Nam, nhiều đơn vị chủ lực đã được thành lập và phát huy tác dụng to lớn, thực sự trở thành trụ cột cho phong trào đấu tranh của quần chúng. Chiến thắng Ấp Bắc và việc lực lượng vũ trang miền Nam đã đập tan nhiều cuộc hành quân càn quét của địch, tạo ra tiếng vang mạnh mẽ và dồn Mỹ ngụy vào tình trạng khốn quẫn. Cuối năm 1963, kế hoạch của Xtalây-Taylo cơ bản đã bị phá sản, ngụy quyền Sài Gòn liên tiếp bị đảo chính lật đổ, mâu thuẫn Mỹ ngụy phát triển gay gắt. Để cứu vãn tình thế đang trở nên nghiêm trọng, có nguy cơ sụp đổ hoàn toàn, tháng 3 năm 1964, chúng đã lập ra kế hoạch Giônxon Mácnamara Nguyễn Khánh, tăng cường hệ thống cố vấn cho ngụy quyền Sài Gòn, cuối năm 1964 số Mỹ ở miền Nam lên tới 2,5 vạn tên.

Mỹ - nguy càng điên cuồng giã giũa thì phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Nam càng lên cao, hàng chục triệu lượt người đã tham gia đấu tranh chính trị trong các cuộc biểu tình, mít tinh, bãi công, bãi khóa. Tiêu biểu như cuộc đấu tranh diễn ra vào ngày 20 tháng 8 năm 1964, hơn 20 vạn nhân dân đủ các thành phần ở Sài Gòn đã tiến đến vây chặt Dinh Độc Lập, đòi Nguyễn Khánh phải từ chức... Kết hợp với phong trào đấu tranh chính trị sâu rộng đó, lực lượng vũ trang đã giáng cho Mỹ - nguy nhiều đòn nặng nề. Đầu năm 1965, chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ đã hoàn toàn bị phá sản ở miền Nam Việt Nam.

Chưa cam chịu trước những thất bại nhục nhã, từ năm 1965 Giônxon đã đưa vào cuộc chiến tranh xâm lược học thuyết mới: Chiến lược "chiến tranh cục bộ" Chúng ồ ạt đưa quân viễn chinh Mỹ và lính đánh thuê vào miền Nam và coi đây là lực lượng nòng cốt để đàn áp phong trào cách mạng của ta, thực hiện bằng được mục tiêu xâm lược. Cùng với quá trình mang quân vào miền Nam, từ tháng 2 năm 1965, Mỹ đã chính thức phát động cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân, mang hàng triệu tấn bom đạn hòng hủy diệt miền Bắc, đưa miền Bắc về thời kỳ "đồ đá".

Trước thái độ điên cuồng của đế quốc Mỹ, năm 1965 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã có nhiều cuộc họp quan trọng để chỉ đạo đối phó với kẻ thù trong giai đoạn mới. Đảng ta nhận định, dù Mỹ đã và sẽ đưa hàng chục vạn quân viễn chinh vào miền Nam thì *tương quan lực lượng giữa ta và địch cơ bản vẫn không thay đổi*. Đây là một nhận định rất sáng suốt thể hiện tính nhạy cảm tuyệt vời của Đảng ta trong quá trình nhận thức tình hình thế giới, phân tích các hiện tượng lịch sử với cách nhìn khoa học, biện chứng. Nhờ nhận thức đúng tình hình, không choáng ngợp trước sự giã giũa điên cuồng của kẻ thù, Đảng ta đã vững vàng đưa cách mạng cả nước tiếp tục phát triển, thực hiện khẩu hiệu chiến lược "tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, tất cả để giải phóng miền Nam", bảo vệ xây dựng miền Bắc tiến tới thống nhất nước nhà.

Trên cơ sở sự chuyển hướng nhạy bén về chỉ đạo chiến lược và sách lược của Đảng, cách mạng nước ta tiếp tục phát triển mạnh mẽ, tạo tiền đề vững chắc để đi đến thắng lợi hoàn toàn.

Ở miền Bắc, từ năm 1965 đến 1975 quân và dân liên tiếp phải trải qua những thử thách vô cùng ác liệt nhưng đã giành được nhiều thành tựu to lớn. Trong những năm 1965-1968, bên cạnh thực hiện tốt bước chuyển hướng về phát triển kinh tế, giữ vững sản xuất, củng cố nền chuyên chính vô sản, đảm bảo an ninh chính trị và trật tự xã hội, chúng ta đã đập tan bước phưu lưu quân sự của Mỹ. Khi đế quốc Mỹ buộc phải xuống thang trong cuộc

chiến tranh phá hoại, trong những năm 1969-1972, miền Bắc lại khẩn trương triển khai nhiệm vụ khôi phục phát triển kinh tế. Đến tháng 4 năm 1972 đế quốc Mỹ lại liều lĩnh gây ra chiến tranh phá hoại lần thứ hai với mức độ ác liệt hơn nhằm giành cho được thắng lợi quyết định về mặt quân sự trên các chiến trường, hòng buộc ta phải chấp nhận những điều khoản do chúng đưa ra trong bàn hội nghị. Cuộc chiến tranh phá hoại ác liệt mà tiêu biểu là 12 ngày đêm cuối tháng 12 năm 1972 là một thử thách cực kỳ nghiêm trọng đối với miền Bắc. Nhưng chế độ xã hội chủ nghĩa đầy ưu việt của miền Bắc vẫn đứng vững trước cuộc đọ sức lịch sử, một lần nữa đế quốc Mỹ lại phải xuống thang chiến tranh.

Đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân miền Bắc tiếp tục giành được nhiều thắng lợi to lớn. Trong những năm chiến tranh phá hoại miền Bắc vẫn giữ vững được sản xuất ở một số ngành cơ bản. Kinh tế địa phương đã làm tốt vai trò cung cấp tại chỗ cho nhu cầu của cuộc chiến tranh; hợp tác xã nông nghiệp, thủ công nghiệp vẫn tiếp tục được củng cố. Đến năm 1975, tổng thu nhập của miền Bắc đã tăng gấp 2 lần so với năm 1957. So với năm 1954, đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật đã tăng gấp 94 lần (đến năm 1974); trình độ quản lý kinh tế xã hội của cán bộ đã được nâng lên rất nhiều so với trước kia; sự nghiệp y tế, văn hóa đã phát triển với tốc độ kỳ diệu, nền giáo dục của ta đã phát triển nhanh chóng.

Tất cả những thành tựu vĩ đại của miền Bắc giành được trong 21 năm (1954-1975) đã đặt nền móng hết sức quyết định cho toàn bộ sự nghiệp cách mạng của cả nước trong giai đoạn tiếp theo - giai đoạn cả nước độc lập thống nhất tiến lên chủ nghĩa xã hội. Miền Bắc xã hội chủ nghĩa đã trở thành nhân tố quyết định nhất cho thắng lợi của sự nghiệp cách mạng cả nước, góp phần quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ quốc tế với cách mạng của Lào và Campuchia anh em.

Ở miền Nam, trong những năm 1965-1968 nhân dân ta phải đối phó với chiến lược "chiến tranh cục bộ" có quy mô sâu rộng và tính chất ngày càng ác liệt. Với số quân đông, vũ khí và phương tiện chiến tranh được tăng cường, Mỹ - ngụy đã liên tiếp mở nhiều cuộc phản công nhằm giành lại ưu thế trên chiến trường miền Nam. Nhưng quân và dân ta đã đập tan tất cả cuộc phản công của địch trong các mùa khô 1965-1966, 1966-1967, cách mạng miền Nam vẫn phát triển tiến lên. Đế quốc Mỹ ngày càng dần sâu vào vũng bùn, không lối thoát.

Xuân Mậu Thân 1968, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nhằm mục tiêu giành cho được thắng lợi có ý

ngành quyết định, quân và dân ta đã thực hiện cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn chiến trường. Đầy Mỹ và bè lũ tay sai vào thế bị động phòng ngự, chiến lược chiến tranh cục bộ đã bị phá sản hoàn toàn.

Giôn-xơn đổ, Ních-xơn lên cầm quyền, cay cú trước thất bại thảm hại trong chiến tranh cục bộ, tên tổng thống mới đã đề ra học thuyết chiến tranh mới - "chia sẻ trách nhiệm" để giảm bớt gánh nặng cho Mỹ. Áp dụng học thuyết đó vào miền Nam nước ta, Ních-xơn đã đề ra chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" Đây là học thuyết tàn bạo, quỷ quyệt và toàn diện trên tất cả các mặt chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa tư tưởng. Mục đích cơ bản của đế quốc Mỹ là kéo dài chiến tranh xâm lược Đông Dương bằng chính sách "thay đổi màu da trên xác chết", "dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh"

Để thực hiện mục tiêu chiến lược đó, Mỹ thi hành ở miền Nam một cuộc chiến tranh tổng lực tào bạo, chúng coi đây là "chìa khóa của mọi thắng lợi" là vấn đề "cốt tử", "sống còn" của Việt Nam cộng hòa. Nhằm rút dần quân Mỹ ra khỏi miền Nam, Mỹ chủ trương tăng cường xây dựng ngụy quân làm công cụ cho cuộc chiến tranh ở Đông Dương, cũng như thực hiện mục tiêu lâu dài ở Đông Nam Á.

Về phía ta, trong Mậu Thân 1968 tuy đã giành được thắng lợi to lớn, làm lung lay ý chí xâm lược của chúng nhưng chưa đủ để đập tan toàn bộ dã tâm xâm lược của địch. Hồ Chủ tịch nói: Thắng lợi đầu xuân của quân dân miền Nam đã đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của toàn dân ta đến một tình thế mới rất có lợi, không có gì cứu vãn nổi sự sụp đổ hoàn toàn của giặc Mỹ và tay sai. Đế quốc Mỹ đã thất bại rõ ràng, nhưng chúng chưa chịu từ bỏ, quyết tâm bám lấy miền Nam nước ta. Người kêu gọi toàn quân và dân cả nước triệu người như một, nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, không sợ hy sinh, không sợ gian khổ, quyết kiên trì và đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi cuối cùng, đánh cho quân Mỹ phải rút hết sạch, đánh cho ngụy quân, ngụy quyền sụp đổ, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà. Hưởng ứng kêu gọi của Hồ Chủ tịch: "Không có gì quý hơn độc lập tự do", quân dân cả nước ta lại tiếp tục chiến đấu và giành được thắng lợi ngày càng to lớn. Trong năm 1969, những cuộc hành quân "cấp tốc" của quân ngụy, chương trình "thí điểm Việt Nam hóa" đã nhanh chóng bị quân ta chặn đứng. Năm 1970, ta đã tiến lên một bước mới, chủ động vây hãm địch dài ngày, thọc sâu đánh hiểm, giáng cho Mỹ - ngụy nhiều đòn sấm sét. Phối hợp với quân và dân Lào, Campuchia, ta đã bẻ gãy hầu hết các đợt "bình định cấp tốc", "bình định đặc biệt", "bình định bổ túc" của địch. Trong những năm 1971, 1972 đế quốc Mỹ đã cố hết mức để thực

hiện kỳ được chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" nhưng chúng ngày càng chuốc lấy thất bại chua cay hơn. Tháng 3 năm 1972, Níchxơn trợ tráo tuyên bố bỏ bàn thương lượng ở Pari, huyênh hoang là đã giành được thắng lợi quyết định trong chương trình "Việt Nam hóa". Giữa lúc đó, bão lửa của tổng tiến công và nổi dậy trên toàn bộ chiến trường miền Nam lại bùng lên quật cho chúng những đòn chí mạng. Cùng một lúc quân và dân ta đã tiến công chọc thủng 3 tuyến phòng thủ chiến lược chính của chúng trên 3 địa bàn chiến lược: Quảng Trị, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. Đồng thời ta đã phối hợp tiến công trên nhiều địa bàn xung yếu khác như Trị Thiên, Trung Trung Bộ, đồng bằng sông Cửu Long.

Sau mấy tháng liên tục tiến công và nổi dậy, ta đã giải phóng được nhiều vùng đất đai rộng lớn. Trong năm 1972, ta đã làm tê liệt sức chiến đấu của gần nửa triệu quân ngụy. Tháng 7 năm 1972, đế quốc Mỹ đã phải họp lại Hội nghị Pari và sau nhiều lần ngoan cố, lật lọng chúng buộc phải chấp nhận ký Hiệp định Pari chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương.

Mỹ cút nhưng ngụy chưa nhào. Trong những năm 1973-1974, ta tiếp tục đấu tranh đòi chúng phải thi hành hiệp định. Mặt khác, trên cơ sở nắm vững bản chất quý quyết của kẻ thù, ta đã tích cực chuẩn bị về mọi mặt để giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Tháng 10 năm 1973, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 21 của Đảng đã chỉ ra nhiệm vụ của cách mạng miền Nam là tiếp tục đoàn kết toàn dân, đấu tranh trên ba mặt trận: chính trị, quân sự và ngoại giao một cách chủ động, linh hoạt. Nếu Mỹ ngụy cố tình vi phạm Hiệp định Pari thì chúng ta không có con đường nào khác là tiến hành chiến tranh cách mạng, đánh sụp đổ hoàn toàn ngụy quân, ngụy quyền. Hội nghị chỉ rõ, bất kể tình huống nào cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tiến công và chỉ đạo linh hoạt để đưa cách mạng miền Nam tiến lên.

Cuối tháng 12 năm 1974 đến đầu tháng 1 năm 1975, Hội nghị Bộ Chính trị đã xác định quyết tâm chiến lược là: Năm 1975 bất ngờ tiến công lớn và rộng khắp, tạo điều kiện để đầu năm 1976 tiến hành tổng công kích giải phóng hoàn toàn miền Nam. Đồng thời với kế hoạch chiến lược hai năm đó. Bộ Chính trị đã chỉ ra rằng: Nếu thời cơ đến thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975.

Dưới ánh sáng nghị quyết của Bộ Chính trị, đầu tháng 1 năm 1975 quân dân ta đã phối hợp nhịp nhàng giữa tiến công và nổi dậy, nhanh chóng giải phóng toàn bộ tỉnh Phước Long.

Ngày 10 tháng 3 năm 1975, cuộc tổng tiến công và nổi dậy để giải phóng hoàn toàn miền Nam được bắt đầu bằng đòn đánh hiểm vào thị xã Buôn Ma Thuột.

Thời khắc giải phóng Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng đã gây ra tâm lý tuyệt vọng trong toàn bộ ngụy quân, ngụy quyền đưa đến sự sụp đổ dây chuyền của chúng ở Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Cam Ranh, Lâm Đồng...

Không thể bỏ lỡ thời cơ, sau chiến thắng thần tốc ở miền Trung, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã quyết định mở Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử để giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Ngày 29 tháng 4 năm 1975, năm cánh quân ta từ các hướng đã rầm rập tiến vào Sài Gòn. 11 giờ 30 phút trưa ngày 30 tháng 4 năm 1975, cờ quyết chiến, quyết thắng của quân ta đã phấp phới tung bay trên Dinh Độc Lập, chiến dịch mang tên Bác Hồ muôn vàn kính yêu của quân và dân cả nước đã thắng lợi hoàn toàn.

Thắng lợi vĩ đại của quân và dân cả nước ta trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 đã đưa đến thắng lợi hoàn toàn cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Trải qua hai mươi một năm chiến đấu, nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đã đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới quy mô lớn nhất, dài nhất, ác liệt nhất và dã man nhất kể từ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai. Với cường vọng nghiên nát lực lượng cách mạng ở miền Nam và "đẩy lùi miền Bắc trở về thời kỳ đồ đá", đế quốc Mỹ đã tung vào nước ta một đội quân viễn chinh hơn 60 vạn tên, huy động lúc cao nhất là 68% bộ binh, 60% lính thủy đánh bộ, 32% lực lượng không quân chiến thuật, 50% lực lượng không quân chiến lược; tiêu phí 352 tỷ đô la, ném xuống đất nước Việt Nam 7 triệu 850 nghìn tám bom với hàng vạn lần đánh phá; xây dựng lực lượng ngụy quân lúc cao nhất lên tới 1,2 triệu quân chính quy và hàng triệu phòng vệ "dân sự" khác cùng với lực lượng ngụy quyền đồ sộ từ Trung ương đến địa phương... nhưng chúng đã không khuất phục được nhân dân ta, ngược lại đã phải chuốc lấy thất bại lớn nhất trong lịch sử nước Mỹ.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã chứng minh rằng trong thời đại ngày nay, khi các lực lượng cách mạng thế giới đang ở thế tiến công, một dân tộc đất không rộng, người không đông, tiềm lực vật chất còn hạn hẹp... song đoàn kết chặt chẽ và kiên quyết đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng Mác - Lênin chân chính, có đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn, gương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, lại được sự đồng tình ủng hộ và giúp đỡ của các nước xã

hội chủ nghĩa, các lực lượng cách mạng và nhân dân tiến bộ trên thế giới, thì hoàn toàn có thể đánh bại mọi thế lực đế quốc xâm lược, dù đó là tên đầu sỏ như Mỹ.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là thắng lợi của hai chiến lược cách mạng được tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ với nhau: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Thực tiễn đã chứng minh, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam có tác dụng quyết định trực tiếp với việc đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai; còn cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ sự nghiệp cách mạng nước ta.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và sự thống nhất hai miền Nam - Bắc tiếp sau đó là mốc son đánh dấu sự thắng lợi hoàn toàn của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước ta. Thắng lợi đó là kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ của toàn Đảng, toàn dân và các lực lượng vũ trang ta trong suốt chiều dài gần nửa thế kỷ. Với đường lối giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội được vạch ra từ Chính cương sách lược vắn tắt và trong Luận cương chính trị tháng 10 năm 1930, từ thời kỳ mới ra đời của Đảng và trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, bên cạnh nhiệm vụ giải phóng dân tộc, Đảng ta luôn luôn coi nhiệm vụ xây dựng đất nước trên mọi phương diện vừa có ý nghĩa trực tiếp phục vụ sự nghiệp đấu tranh giải phóng, vừa là mục tiêu cơ bản xuyên suốt của cách mạng Việt Nam. Nhờ đó, khi cả nước được độc lập, thống nhất, không những toàn đảng, toàn dân, toàn quân ta đã giữ vững được chủ quyền vững chắc trên toàn lãnh thổ quốc gia để xây dựng đất nước "đàng hoàng hơn" mà xã hội Việt Nam còn tạo lập được những yếu tố hết sức căn bản để bước vào thời kỳ cách mạng xã hội chủ nghĩa trên phạm vi cả nước. Đó là chúng ta có hệ thống chính quyền, có mặt trận dân tộc thống nhất, có nhân dân đã được chuẩn bị rất tốt về mặt tinh thần sẵn sàng đi ngay vào cuộc cách mạng mới; hơn nữa, Đảng ta, nhân dân và toàn quân ta đã có một cơ sở vật chất bước đầu hết sức quan trọng cho nền tảng của chế độ mới; và đặc biệt hơn hết là đã tích lũy được nhiều bài học kinh nghiệm vô cùng quý báu trong quá trình xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên miền Bắc. Tất cả thành quả to lớn đó đã đặt nền móng vững chắc cho đất nước bước vào thời kỳ mới - thời kỳ xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước.



Chương hai  
**QUÁ TRÌNH TÌM TÒI, THỬ NGHIỆM VÀ ĐỔI MỚI TỪNG PHẦN  
(1975-1986)**

**I. CUỘC KHỦNG HOẢNG KINH TẾ - XÃ HỘI Ở NƯỚC TA**

Sau thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, toàn Đảng, toàn dân ta bước vào giai đoạn lịch sử mới, cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Cách mạng nước ta có những thuận lợi rất cơ bản. Đó là đất nước được độc lập thống nhất, nhân dân ta giành được quyền làm chủ vận mệnh của mình, qua cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, chúng ta đã xây dựng được nền tảng của xã hội mới: hệ thống chính trị vững vàng, nhân dân có khí thế quyết tâm xây dựng đất nước giàu mạnh, tiến lên chủ nghĩa xã hội, vị thế của nước ta được nâng cao trên trường quốc tế... Tuy nhiên, tình hình thế giới và khu vực lại diễn biến hết sức phức tạp, tác động lớn, bất lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước ta. Mặt khác, hậu quả của hàng trăm năm dưới chế độ phong kiến và thực dân khiến cho đất nước ta nghèo nàn, chậm phát triển, vết thương của 30 năm chiến tranh ác liệt khó hàn gắn ngay được; Đảng và nhân dân ta chưa có nhiều kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội; những mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực đã không còn phù hợp; cách nghĩ, cách làm cũ còn ảnh hưởng nặng nề... Những khó khăn khách quan và chủ quan đã dẫn tới chúng ta không tận dụng được thời cơ thuận lợi để phát triển đất nước, trái lại, đất nước lại lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài.

Ngay sau khi giải phóng miền Nam, tháng 9 năm 1975, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp Hội nghị lần thứ 24 khóa III, bàn về *nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới*. Hội nghị xác định: "*Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới là: Hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Miền Bắc phải tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; miền Nam*

phải đồng thời tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội"<sup>1</sup>

Về cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, Hội nghị chủ trương xóa bỏ tư sản mại bản bằng cách quốc hữu hóa cơ sở kinh tế, biến thành kinh tế quốc doanh; đối với kinh tế tư sản dân tộc thì thực hiện cải tạo bằng hình thức công tư hợp doanh; "Trong công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp và xây dựng nền nông nghiệp lớn xã hội chủ nghĩa, một mặt phải ra sức xây dựng những nông trường quốc doanh có quy mô lớn chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong sản xuất, những tổ hợp nông - công nghiệp, sản xuất và chế biến một khối lượng lớn nông sản, mặt khác phải thực hiện hợp tác hóa nông nghiệp, làm từng bước tích cực và vững chắc. Quá trình hợp tác hóa nông nghiệp phải đi liền với quá trình thủy lợi hóa, cơ giới hóa, trang bị kỹ thuật, sử dụng giống mới, dựa trên phương hướng sản xuất được xác định đúng ở các vùng khác nhau mà tổ chức và phân bố lại lao động. Phải đoàn kết, giáo dục và tổ chức nông dân lao động, đồng thời tích cực chuẩn bị những điều kiện cần thiết như đào tạo cán bộ quản lý và cán bộ kỹ thuật, củng cố chi bộ và kiện toàn cấp huyện. Trước mắt cần xây dựng một số hợp tác xã thí điểm để rút kinh nghiệm. Ở những nơi chưa đủ điều kiện xây dựng hợp tác xã thì ra sức phát triển các tổ đổi công, vận công"<sup>2</sup>; "Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thủ công nghiệp phải theo con đường hợp tác hóa, tiến hành từng bước, tích cực và vững chắc. Một mặt phải giáo dục, thuyết phục quần chúng thủ công, mặt khác phải đào tạo cán bộ quản lý và lãnh đạo hợp tác xã cho tốt, bảo đảm tăng năng suất lao động, phát triển sản xuất, góp phần tăng sản phẩm xã hội, tăng tích lũy cho hợp tác xã và cải thiện đời sống xã viên"<sup>3</sup>; "Đối với thương nghiệp nhỏ, cần tích cực cải tạo xã hội chủ nghĩa bằng cách tổ chức đăng ký kinh doanh, có chính sách thuế và chế độ kiểm kê, kiểm soát, chuyển phần lớn tiểu thương sang sản xuất, lựa chọn để sử dụng một số người làm đại lý kinh tiêu"<sup>4</sup>.

Như thế, Nghị quyết Trung ương 24 tuy đã bộc lộ tư tưởng nóng vội trong cải tạo nhưng kế hoạch và bước đi cụ thể còn nhiều điểm phù hợp với tình hình và yêu cầu thực tiễn.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (tháng 12 năm 1976) xác định đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới ở nước ta là: "Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động; tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng

---

1, 2, 3, 4. ĐCSVN: *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 36, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 397, 409.

về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt; đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa; xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xóa bỏ nghèo nàn và lạc hậu, không ngừng đề cao cảnh giác, thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; xây dựng thành công Tổ quốc Việt Nam hòa bình, độc lập thống nhất và xã hội chủ nghĩa; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập thống nhất và xã hội chủ nghĩa; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội"<sup>1</sup>.

Đại hội cũng xác định chỉ tiêu phấn đấu hoàn thành về cơ bản đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong khoảng thời gian 20 năm. Đến năm 1980 tạo ra bước chuyển biến mới trong việc tiến hành ba cuộc cách mạng, xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới, nhất là *đẩy mạnh khôi phục, hoàn thành cải tạo, phát triển kinh tế, văn hóa đưa việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội tiến lên một bước mới, cố gắng cải thiện đời sống nhân dân...*

Đại hội đã thông qua phương hướng và nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm 1976-1980 phát triển và cải tạo kinh tế, văn hóa phát triển khoa học kỹ thuật. Trong đó đáng chú ý những nhiệm vụ sau:

Tạo ra một bước phát triển vượt bậc về *nông nghiệp*, đẩy mạnh lâm nghiệp, ngư nghiệp, phát triển công nghiệp nhẹ và công nghiệp thực phẩm nhằm giải quyết vững chắc nhu cầu của cả nước về lương thực, thực phẩm và một phần quan trọng hàng tiêu dùng thông dụng, cải thiện một bước đời sống của nhân dân, tạo tích lũy cho công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Phát huy năng lực sẵn có và xây dựng thêm nhiều cơ sở mới về công nghiệp nặng, tích cực mở mang giao thông vận tải tăng nhanh năng lực xây dựng cơ bản.

Hoàn thành về cơ bản cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

Tăng nhanh nguồn hàng xuất khẩu, mở rộng quan hệ kinh tế với nước ngoài.

---

1. ĐCSVN: *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 37, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 523, 524.

Đại hội cũng xác định phấn đấu đến năm 1980, đạt những chỉ tiêu chủ yếu sau: 21 triệu tấn lương thực, 1 triệu tấn cá biển, 16 triệu 500 nghìn con lợn, 10 triệu tấn than sạch, 5 tỷ kw/giờ điện, 2 triệu tấn xi măng, 1 triệu 300 nghìn tấn phân hóa học, 300 nghìn tấn thép, 450 triệu mét vải, 130 nghìn tấn giấy<sup>1</sup>...

Trong khóa IV, đã có nhiều nghị quyết Trung ương của Bộ Chính trị, chỉ thị của Ban Bí thư chuyên bàn về kinh tế như Quyết định của Bộ Chính trị (tháng 3-1977) về nhiệm vụ cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh; Nghị quyết Trung ương lần thứ hai (tháng 7-1977) về thực hiện nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; Nghị quyết Trung ương lần thứ ba (tháng 12-1977) về kế hoạch kinh tế năm 1978 và cải tiến quản lý kinh tế; Nghị quyết Trung ương lần thứ năm (tháng 12-1978) về kế hoạch kinh tế năm 1979 và nhiệm vụ kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh bảo vệ Tổ quốc; Nghị quyết Trung ương lần thứ sáu (tháng 8-1979) về những vấn đề kinh tế cấp bách để phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương; Nghị quyết Trung ương lần thứ chín (tháng 12-1980) về nhiệm vụ kinh tế năm 1981, Chỉ thị 100 của Ban Bí thư (tháng 1-1981) về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp.

Trong các nghị quyết, chỉ thị trên, có những chủ trương đúng đắn nhằm tháo gỡ khó khăn vướng mắc để mở đường cho sản xuất phát triển nhưng nhìn chung đều xuất phát từ tư tưởng chủ quan nóng vội, duy ý chí nên đã phạm sai lầm trong việc xác định mục tiêu và bước đi về xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, trong cải tạo xã hội chủ nghĩa và trong cơ chế quản lý kinh tế.

Từ những sai lầm về nhận thức và tư tưởng muốn nhanh chóng đưa nền kinh tế nước ta thành nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, Đảng chủ trương ở miền Bắc, trên cơ sở đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, tiếp tục củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, xây dựng và cải tiến chế độ quản lý và chế độ phân phối; ở miền Nam đến năm 1980, cơ bản hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện chủ trương trên, nông nghiệp miền Bắc được tổ chức lại theo hướng tập trung, chuyên môn hóa và cơ giới hóa, hợp tác xã được mở rộng về quy mô và thống nhất quản lý trên tất cả các khâu từ sản xuất đến phân phối, tiêu dùng, thực hiện phân phối lại ruộng đất với quy mô lớn và sản xuất theo quy hoạch, kế hoạch thống nhất.

---

1. ĐCSVN: *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 37, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 529.

Từ năm 1976 đến năm 1980, ở miền Bắc đã mở rộng quy mô hợp tác xã từ thôn lên xã, một số nơi đã hợp nhất 2, 3 hợp tác xã, đội sản xuất mở rộng đến quy mô thôn. Năm 1979, toàn miền Bắc có 4.154 hợp tác xã quy mô toàn xã, trong đó có 853 hợp tác xã có quy mô trên 500 héc-ta ruộng đất, 159 hợp tác xã có quy mô trên 700 héc-ta và một số hợp tác xã có quy mô trên 1.000 héc-ta. Ở miền Nam *cải tạo công nghiệp tư bản tư doanh* với tổng số 3.560 cơ sở gồm gần 25 vạn công nhân. Đã cải tạo bằng các hình thức: xí nghiệp quốc doanh là 1.354 cơ sở với 13 vạn công nhân, bằng 37% số cơ sở, 52% số công nhân và gần 25% giá trị sản lượng công nghiệp tư bản tư doanh. Xí nghiệp công tư hợp doanh là 498 cơ sở với 13.000 công nhân, chiếm 14,5 số cơ sở, 5,5% số công nhân, trên 15% giá trị sản lượng công nghiệp tư bản tư doanh. Xí nghiệp hợp tác xã gia công đặt hàng là 1.600 cơ sở với trên 7 vạn công nhân, chiếm 45% cơ sở, 20% công nhân, khoảng 15% giá trị sản lượng công nghiệp tư bản tư doanh. Số cơ sở công nghiệp tư bản tư doanh còn lại chỉ chiếm khoảng gần 4% về cơ sở, 5% về công nhân và 5% về giá trị sản lượng. Như vậy, đã đạt được chỉ tiêu là cơ bản hoàn thành nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công nghiệp tư bản tư doanh.

Về *cải tạo công nghiệp và thủ công nghiệp* ở miền Nam, đã tổ chức được 4.000 tổ đoàn kết sản xuất, 5.000 tổ hợp tác xã sản xuất, 500 hợp tác xã thu hút 70% lao động trong các ngành nghề quan trọng.

Đối với *thương nghiệp* đã chuyển gần 5.000 tư sản thương nghiệp sang sản xuất, chuyển 9 vạn tiểu thương sang sản xuất, sử dụng được 15.000 người vào mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa - thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán để mở rộng mạng lưới gồm trên 75.000 nhân viên.

Qua cải tạo công thương nghiệp, Nhà nước đã nắm được các ngành kinh tế quan trọng: 100% ngành năng lượng, 45% ngành cơ khí, 45% ngành xay xát lương thực, 100% ngành bia, nước ngọt, bột ngọt, thuốc lá, 45% các ngành chế biến đường, dầu thực vật, 60% ngành dệt, 100% ngành sản xuất giấy...

Về *cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp* ở miền Nam, trong khi mô hình hợp tác hóa ở miền Bắc rơi vào khủng hoảng, chưa được tháo gỡ, củng cố lại được áp dụng rập khuôn máy móc vào miền Nam. Đến tháng 7 năm 1980, toàn miền Nam xây dựng được 1.518 hợp tác xã và 9.350 tập đoàn sản xuất, thu hút 35,6% số hộ nông dân vào làm ăn tập thể. Quy mô hợp tác xã bình quân là 312 héc-ta ruộng đất, 519 hộ xã viên, 1.005 lao động.

Về *bố trí cơ cấu kinh tế*, trong 5 năm (1976-1980) đã đề ra những chỉ tiêu kế hoạch quá cao về xây dựng cơ bản và phát triển sản xuất, thiên về xây

dụng công nghiệp nặng và những công trình quy mô lớn, không tập trung sức giải quyết về căn bản vấn đề lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu.

*Về cơ chế quản lý kinh tế*, cơ bản vẫn duy trì cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp. Nhiều chính sách, thể chế đã lỗi thời, chưa được thay đổi, một số thể chế mới còn chắp vá, thậm chí trái ngược nhau. Bộ máy và cán bộ quản lý kinh tế chậm được đổi mới nên điều hành không nhạy bén.

Trong vài năm đầu sau Đại thắng mùa Xuân 1975, chúng ta có ổn định được tình hình kinh tế - xã hội, nhưng từ cuối những năm 70 của thế kỷ XX, đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế xã hội và kéo dài trong nhiều năm.

### ***Những biểu hiện của khủng hoảng:***

*Một là, sản xuất tăng trưởng chậm và không ổn định.*

Kết thúc kế hoạch 5 năm (1976-1980), hầu hết các chỉ tiêu đề ra đều không đạt. GDP chỉ tăng bình quân 0,4%/năm (kế hoạch đề ra là 13-14%/năm), sản lượng công nghiệp bình quân 0,6%/năm (kế hoạch đề ra là 16-18%/năm), trong đó điện chỉ đạt 72% kế hoạch, than 62%, vải 39%, giấy 37%, xi măng 32%. Nhiều sản phẩm chủ yếu sản lượng còn kém cả năm 1976, các xí nghiệp công nghiệp chỉ sử dụng khoảng 50% công suất thiết kế, chất lượng sản phẩm kém. Đặc biệt lương thực chỉ đạt 14,4 triệu tấn, thấp hơn nhiều so với kế hoạch. Trong khi đó, dân số tăng bình quân 2,24%/năm. Dẫn đến lương thực bình quân đầu người giảm từ 274,4kg/năm (1976) xuống còn 263,2kg/năm (1980). Năm 1980 diện tích canh tác giảm 9,45 vạn héc-ta. Cuối năm 1979, hàng loạt các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất tan rã.

Thời kỳ 1981-1985, các chỉ tiêu kinh tế đạt khả quan hơn: GDP tăng bình quân hàng năm 6,5%, sản xuất công nghiệp tăng 9,5%, sản xuất nông nghiệp tăng 4,9% (trong đó lương thực năm 1985 đạt 18,2 triệu tấn. Tuy nhiên sản phẩm của nền kinh tế vẫn chưa đáp ứng nhu cầu xã hội.

*Hai là, nền kinh tế thường xuyên trong tình trạng thiếu hụt.*

Do sản xuất tăng trưởng chậm, nhu cầu tiêu dùng xã hội ngày càng tăng nên hầu hết các loại hàng hóa thiết yếu phục vụ cho sản xuất và đời sống đều phải nhập khẩu toàn bộ hay một phần. Ngoài sắt, thép, xăng dầu, máy móc, thiết bị, còn nhập cả các loại hàng hóa mà lẽ ra trong nước có thể sản xuất được như gạo, vải... Tính chung trong cả nước thời kỳ 1976-1980, nền kinh tế luôn ở tình trạng thiếu hụt nghiêm trọng. Toàn bộ tích lũy và một phần quỹ tiêu dùng phải dựa vào vay nợ và viện trợ nước ngoài (riêng ngân sách nhà nước trong những năm 1976-1980 phải dựa vào vay nợ và viện trợ

để trang trải là 38,9% tổng chi, trong những năm 1981-1985, tỷ lệ này là 18,7%<sup>1</sup>. Nhập gấp 3-4 lần xuất; thu, chi mất cân đối nghiêm trọng.

*Ba là, lạm phát tăng cao và kéo dài trong nhiều năm.*

Theo tính toán của các nhà kinh tế, một nền kinh tế phát triển lành mạnh là nền kinh tế có mức tăng giá ở giới hạn hợp lý và tốc độ tăng trưởng của GDP luôn cao hơn tốc độ tăng giá. Độ chênh này tùy thuộc vào quy mô xuất phát điểm của từng nền kinh tế. Ở những nền kinh tế có quy mô lớn, độ chênh thường xấp xỉ 2%. Với các nền kinh tế có quy mô nhỏ, điểm xuất phát thấp, độ chênh có thể và cần phải lớn hơn.

Ở nước ta, trong những năm 1976-1980, thu nhập quốc dân tăng bình quân hàng năm là 0,4%, giá cả mỗi năm tăng trên dưới 20%, như vậy đã là lạm phát cao. Đến thời kỳ 1981-1985, mặc dù thu nhập quốc dân tăng bình quân hàng năm 6,5% nhưng giá cả mỗi năm lại tăng thường xuyên ở mức ba con số. Nếu lấy năm 1976 là 100% thì năm 1981 là 313,7%. Đặc biệt, sau cuộc tổng điều chỉnh giá lương - tiền lần thứ hai (9-1985) đã làm cho tốc độ lạm phát tăng lên chóng mặt, tác động xấu đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Giá cả leo thang từng ngày, không chỉ tăng ở thị trường tự do mà còn tăng rất nhanh ở thị trường có tổ chức. Về cơ bản giá cả đã tuột khỏi sự quản lý của Nhà nước. Siêu lạm phát đến đỉnh cao vào năm 1986 (774,7%).

*Bốn là, đất nước bị bao vây, cấm vận, kinh tế đối ngoại lâm vào tình trạng trì trệ.*

Từ ngày 16 tháng 5 năm 1976, Chính phủ Mỹ và từ năm 1979 là các nước phương Tây đã thực hiện chính sách bao vây, cấm vận chống Việt Nam. Trong những năm 1976-1979, các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế đã có những hành động thiết thực giúp Việt Nam khôi phục và phát triển kinh tế, như: Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) đã cho Việt Nam vay 198 triệu USD để góp phần trang trải cán cân thanh toán, Ngân hàng thế giới (WB) cho Việt Nam vay 60 triệu USD để thực hiện dự án thủy lợi Dầu Tiếng. Nhưng từ năm 1979, khi Mỹ và các nước phương Tây thực hiện chính sách bao vây, cấm vận chống Việt Nam thì quan hệ giữa Việt Nam và WB hầu như bị đóng băng và từ tháng 1 năm 1985, IMF cũng đình chỉ cho Việt Nam vay vốn.

Quan hệ kinh tế đối ngoại của nước ta thời kỳ này chủ yếu được thực hiện với các nước Đông Âu và Liên Xô, song bản thân các nước này cũng đang ở trong tình trạng khủng hoảng kinh tế xã hội, nên hoạt động kinh tế đối ngoại của nước ta cũng gặp nhiều khó khăn, nhiều hợp đồng đã được ký kết

---

1. Trần Nhâm (chủ biên): *Có một Việt Nam như thế, đổi mới và phát triển kinh tế*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 73.

nhưng không thực hiện được. Tính chung, tổng giá trị kim ngạch xuất nhập khẩu thời kỳ 1976-1985 chênh lệch quá lớn: thời kỳ 1976-1980: xuất 1 nhập 4; thời kỳ 1981-1985: xuất 1 nhập 2,8.

*Năm là, đời sống nhân dân gặp rất nhiều khó khăn, lòng tin của quần chúng đối với Đảng và sự nghiệp cách mạng bị giảm sút nghiêm trọng.*

Đó là hệ quả tất yếu của tình trạng khủng hoảng kinh tế kéo dài và ngày càng trầm trọng. Do sản xuất trì trệ, kém phát triển nên số lao động không có, hoặc thiếu việc làm ngày càng nhiều. Tình trạng này không chỉ diễn ra ở các xí nghiệp công nghiệp mà ở địa bàn nông thôn cũng vậy. Có một nghịch lý là, người nông dân Việt Nam đã từng chiến đấu, hy sinh từ đời này sang đời khác để giành lấy ruộng đất, thực hiện khẩu hiệu "người cày có ruộng" thì sau giải phóng họ lại không thiết tha với ruộng đồng. Trong khi lương thực, thực phẩm đều thiếu, đói; lao động không có việc làm, nhưng ruộng đất lại bỏ hoang.

Do sản xuất trì trệ, không phát triển nên thu nhập của người lao động giảm sút, trong khi đó lạm phát ngày càng tăng, làm cho đời sống các tầng lớp nhân dân, nhất là công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang gặp rất nhiều khó khăn. Nhiều lĩnh vực xã hội xuống cấp nghiêm trọng, các hiện tượng tiêu cực trong xã hội có chiều hướng gia tăng. Lòng tin của quần chúng nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước giảm sút nghiêm trọng.

#### ***Tính chất của khủng hoảng:***

*Về phạm vi*, khủng hoảng kinh tế - xã hội ở nước ta không chỉ diễn ra ở một ngành, một lĩnh vực, mà diễn ra ở nhiều ngành, nhiều lĩnh vực và kéo dài trong nhiều năm. Bắt đầu là khủng hoảng trên lĩnh vực kinh tế, trọng tâm là sản xuất nông nghiệp và phân phối lưu thông. Là một quốc gia có trên 90% dân số sống bằng nghề nông, có nhiều tiềm năng, lợi thế cho phát triển một nền nông nghiệp toàn diện, lại vừa phải trải qua hai cuộc chiến tranh với những mất mát, hy sinh vô cùng lớn về người và của, thì việc ổn định, phát triển mạnh sản xuất nông nghiệp không chỉ là đòi hỏi cấp bách của thực tiễn trước mắt mà còn là vấn đề có ý nghĩa chiến lược lâu dài. Do không xác định đúng vị trí, tầm quan trọng và không có được những chủ trương, chính sách đúng để phát triển kinh tế nông nghiệp, nên chỉ sau vài năm cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, sản xuất nông nghiệp ở nước ta đã lâm vào tình trạng trì trệ, khủng hoảng. Khi sản xuất nông nghiệp bị đình trệ thì các ngành kinh tế khác, trước hết là sản xuất công nghiệp cũng rơi vào tình trạng tương tự. Sản xuất trì trệ, kém phát triển, cộng với những sai



lầm, khuyết điểm trong chủ trương, chính sách, sự yếu kém trong quản lý, điều hành đã làm cho tình trạng phân phối lưu thông ở nước ta luôn trong tình trạng căng thẳng, rối ren. Từ khủng hoảng về kinh tế dẫn đến khủng hoảng về xã hội với các biểu hiện như: tình trạng người lao động không có hoặc thiếu việc làm ngày càng nhiều, thu nhập giảm sút; các hiện tượng tiêu cực trong xã hội có chiều hướng gia tăng; công bằng xã hội bị vi phạm; kỷ cương, phép nước không nghiêm, v.v...

*Về mức độ, khủng hoảng ngày càng trầm trọng, có nguy cơ đe dọa sự sống còn của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa.* Từ cuối những năm 70 của thế kỷ XX, nền kinh tế nước ta đã có những dấu hiệu của khủng hoảng. Kết thúc kế hoạch 5 năm (1976-1980), hầu hết các chỉ tiêu đề ra đều không thực hiện được nhiều chỉ tiêu đạt thấp. Trong khi đó nhu cầu phát triển của người dân, của xã hội lại bùng phát mạnh mẽ do bị kìm nén bởi hai cuộc chiến tranh tàn khốc kéo dài. Bước sang thời kỳ 1981-1985, nhờ có những tác động tích cực của một số chủ trương, chính sách mới, tình hình kinh tế - xã hội ở nước ta đã có sự chuyển biến ở một số ngành (nhất là trên lĩnh vực sản xuất nông nghiệp). Tuy nhiên, nếu so với tốc độ tăng dân số, với mục tiêu đề ra cho kế hoạch 5 năm (1981-1985) thì chúng ta vẫn chưa đạt (mặc dù đã có sự điều chỉnh bằng cách hạ chỉ tiêu trong quá trình thực hiện). Vì thế, nền kinh tế vẫn bị mất cân đối nghiêm trọng. Đặc biệt, cuộc điều chỉnh giá - lương và đổi tiền năm 1985, chúng ta lại phạm phải những sai lầm nghiêm trọng, gây ra cú sốc lớn cho nền kinh tế, lạm phát tăng vọt, lên tới 774,7% vào năm 1986, phân phối, lưu thông rối loạn, khủng hoảng kinh tế - xã hội ở nước ta phát triển tới đỉnh điểm, chế độ đứng trên bờ vực của sự sụp đổ.

Tình trạng khủng hoảng trầm trọng và kéo dài về kinh tế - xã hội đã kìm hãm sự phát triển của đất nước; tạo ra nguy cơ khủng hoảng về chính trị; làm giảm sút niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa; làm suy giảm khả năng phòng thủ của đất nước, v.v... Nếu không kịp thời khắc phục thì chẳng những dân tộc ta bị kìm hãm trong cảnh nghèo nàn, lạc hậu mà vận mệnh của Đảng, của chế độ xã hội chủ nghĩa cũng đứng trước thử thách khôn lường.

#### ***Nguyên nhân của khủng hoảng:***

##### ***Nguyên nhân khách quan:***

*Chúng ta bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cơ sở của một nền kinh tế vốn đã nghèo nàn, lạc hậu lại bị hậu quả của chiến tranh tàn phá nặng nề.*

Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng trình tại Đại hội IV đã khẳng định: "*Nước ta vẫn đang ở trong quá trình từ một xã hội mà nền*

*kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa*"<sup>1</sup>. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ điểm xuất phát như thế là kiểu quá độ gián tiếp. Lựa chọn kiểu quá độ này là một con đường hoàn toàn mới mẻ, chưa có trong lịch sử nhân loại. Khó khăn không chỉ ở cơ sở vật chất, kỹ thuật nghèo nàn, lạc hậu, lại bị hậu quả của chiến tranh tàn phá nặng nề, mà *bước đi, cách làm* như thế nào để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn cũng là một công việc vô cùng phức tạp. Thực tiễn lịch sử cách mạng Việt Nam cũng như lịch sử các nước xã hội chủ nghĩa trước đây đã chứng tỏ điều đó.

*Vừa ra khỏi cuộc chiến tranh giải phóng, nước ta lại phải đương đầu với cuộc chiến tranh ở hai đầu biên giới.*

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vừa kết thúc, trong lúc chúng ta đang rất cần một môi trường hòa bình, ổn định để hàn gắn những vết thương nghiêm trọng do hai cuộc chiến tranh tàn khốc, kéo dài gây ra thì cuộc chiến tranh ở hai đầu biên giới lại bùng nổ. Toàn bộ kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của đất nước bị đảo lộn. Cùng một lúc, nền kinh tế của chúng ta phải đáp ứng ba yêu cầu cơ bản rất cấp bách là bảo đảm nhu cầu bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm đời sống nhân dân và xây dựng từng bước cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

*Quan hệ hợp tác quốc tế có nhiều thay đổi, đất nước lâm vào tình trạng bị bao vây, cấm vận về kinh tế.*

Nếu như trước đây khi đất nước còn chiến tranh, chúng ta đã nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn cả về vật chất và tinh thần từ phía các nước xã hội chủ nghĩa và bạn bè quốc tế, thì khi kết thúc chiến tranh những khoản viện trợ không hoàn lại cũng dần dần chấm dứt. Hơn nữa, cũng trong khoảng thời gian (1976-1985), trong khi nước ta lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội thì Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác cũng ở trong tình trạng tương tự. Vì thế, nhiều chương trình, kế hoạch hợp tác phát triển kinh tế, khoa học kỹ thuật được ký kết giữa Việt Nam với các nước xã hội chủ nghĩa đã không được triển khai thực hiện một cách bình thường. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế vẫn không từ bỏ âm mưu thôn tính, lật đổ cách mạng Việt Nam. Một mặt, chúng ra sức đẩy mạnh các hoạt động chống phá nhằm gây mất ổn định chính trị xã hội; mặt khác, chúng tăng cường các biện pháp nhằm xiết chặt lệnh bao vây, cấm vận ta về kinh tế.

---

1. ĐCVN: Văn kiện Đảng toàn tập, tập 37, Sđd, tr. 505, 506.

*Nguyên nhân chủ quan:*

*Về đánh giá tình hình, xác định mục tiêu bước đi*, sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đại hội lần thứ IV của Đảng đã đề ra đường lối chung và đường lối kinh tế, nhưng có nhiều thiếu sót trong đánh giá tình hình. Chúng ta chưa thấy hết tính chất khó khăn phức tạp của điểm xuất phát thấp, chưa dự báo và lường hết những thay đổi trong quan hệ hợp tác quốc tế, chưa nhận thức đầy đủ thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là một quá trình lịch sử lâu dài, và phải trải qua nhiều chặng đường nên đã dẫn đến tư tưởng chủ quan nóng vội, muốn bỏ qua những bước đi cần thiết trong quá trình phát triển sản xuất, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

*Về bố trí cơ cấu kinh tế*, trước hết là cơ cấu sản xuất và cơ cấu đầu tư. Trong 5 năm (1976-1980), chúng ta đã đề ra những chỉ tiêu và kế hoạch quá cao về xây dựng cơ bản và phát triển sản xuất, không coi trọng đúng mức việc khôi phục và sắp xếp lại nền kinh tế, thiên về xây dựng công nghiệp nặng và những công trình quy mô lớn, không tập trung sức giải quyết về căn bản vấn đề lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu. Đó là những sản phẩm rất cần thiết cho một đất nước vừa ra khỏi cuộc chiến tranh lâu dài, gian khổ. Đại hội lần thứ V của Đảng tuy đã có những điều chỉnh bước đầu về cơ cấu sản xuất, cơ cấu đầu tư, nhưng trên thực tế những quyết định đó đã không được thực hiện nghiêm chỉnh.

*Về cải tạo xã hội chủ nghĩa, củng cố quan hệ sản xuất, sử dụng các thành phần kinh tế*, chúng ta đã có những biểu hiện nóng vội, muốn xoá bỏ ngay các thành phần kinh tế "phi xã hội chủ nghĩa", nhanh chóng đưa nền sản xuất nhỏ với nhiều thành phần kinh tế lên ngay nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

*Về cơ chế quản lý kinh tế*, mặc dù Đảng ta đã nhận ra những khuyết tật của cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp và đã có những tìm tòi, thử nghiệm nhằm xoá bỏ cơ chế quản lý cũ, thiết lập cơ chế quản lý mới, song đến Đại hội VI của Đảng cơ chế cũ về căn bản chưa được xoá bỏ, cơ chế mới chưa được thiết lập đồng bộ. Trên thực tế chúng ta mới nêu ra phương hướng chủ yếu của cơ chế mới, còn nội dung, hình thức, bước đi, cách làm cụ thể thì còn nhiều vấn đề chưa được giải đáp thỏa đáng. Việc chậm đổi mới cơ chế và bộ máy quản lý đã làm cho các đơn vị kinh tế vừa không có quyền chủ động, vừa ỷ lại rất nặng vào bao cấp của Nhà nước.

*Về phân phối lưu thông*, luôn căng thẳng và rối ren. Đó là hậu quả tổng hợp của nhiều yếu tố, sai lầm trong bố trí cơ cấu kinh tế, trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, tác hại của cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp tồn tại nhiều năm và những sai lầm khuyết điểm trong việc giải quyết giá - lương - tiền...

*Về thực hiện chuyên chính vô sản*, còn có sự buông lỏng, thể hiện trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, quản lý kinh tế, đấu tranh tư tưởng, văn hóa và trong việc chống lại những âm mưu, thủ đoạn phá hoại của kẻ thù. Trên thực tế, chúng ta chưa sử dụng đầy đủ sức mạnh tổng hợp của chuyên chính vô sản để thiết lập và giữ vững trật tự xã hội, đã để cho pháp luật và kỷ cương của Nhà nước bị vi phạm ngày càng phổ biến.

Những sai lầm nói trên là những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương chính sách lớn, *sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện*.

*Về tư tưởng*, có hai loại tư tưởng đưa đến sai lầm: *một là*, chủ quan duy ý chí trong việc xác định đường lối, mục tiêu kinh tế xã hội; mới ở chặng đường đầu đã muốn thực hiện nhiều mục tiêu cao của chủ nghĩa xã hội; trong chỉ đạo có khuynh hướng thả nổi, buông trôi, trong thực hiện lại không nghiêm chỉnh chấp hành đường lối và nguyên tắc của Đảng; *hai là*, giáo điều rập khuôn, bảo thủ trì trệ trong nhận thức và trong việc áp dụng mô hình chủ nghĩa xã hội, lạc hậu về nhận thức lý luận, nhận thức các quy luật đang vận động trong thời kỳ quá độ; chưa chú ý việc tổng kết kinh nghiệm thực tiễn nước ta, học tập kinh nghiệm của nước ngoài một cách máy móc. Khi khủng hoảng kinh tế xã hội xảy ra, chúng ta lại không kiên quyết trong việc đổi mới cơ chế, chính sách hoặc có những chủ trương, chính sách mới nhưng lại không thi hành đến nơi đến chốn.

*Về tổ chức*, đã để cho bộ máy của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng phình ra quá lớn; cơ chế hoạt động lại không rõ ràng; có nhiều biểu hiện phân tán, chông chéo, làm cho bộ máy hoạt động kém hiệu quả, hiệu lực.

*Về công tác cán bộ*, khuyết điểm lớn nhất là sự trì trệ, chậm đổi mới. Việc chậm bố trí đúng sự chuyển tiếp hạt nhân lãnh đạo vừa là một biểu hiện, vừa là một nguyên nhân trực tiếp của tình trạng trì trệ đó.

## **II. QUÁ TRÌNH TÌM TÒI, THỬ NGHIỆM VÀ ĐỔI MỚI TỪNG PHẦN (1975-1986)**

Kể từ khi đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội, Đảng và nhân dân ta đã liên tục tiến hành những tìm tòi, thử nghiệm nhằm ngăn chặn sự trì trệ, suy thoái của nền kinh tế, từng bước đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng.

Nếu những khó khăn do khủng hoảng kinh tế - xã hội gây ra thể hiện trước hết và rõ nhất ở cơ sở, tác động và ảnh hưởng xấu đến đời sống của

nhân dân thì những tìm tòi, thử nghiệm trước hết cũng xuất phát từ cơ sở, từ những hoạt động thực tiễn của quần chúng nhân dân trên các lĩnh vực kinh tế xã hội của đất nước. "Khoán chui" trong các hợp tác xã nông nghiệp, "xé rào" trong các xí nghiệp ngoài quốc doanh là những từ ngữ mới, được xuất hiện trong hoạt động kinh tế ở nước ta từ những năm 70 của thế kỷ XX. Mặc dù đó là những hiện tượng "không bình thường", trái với chủ trương, chính sách, quy định hiện hành nhưng lại phản ánh một xu hướng tích cực trong việc tìm kiếm cách làm ăn mới. Ở Vĩnh Phúc, dưới sự chỉ đạo của Bí thư tỉnh ủy Kim Ngọc, một số hợp tác xã đã thí điểm khoán sản phẩm lúa, lạc cho hộ xã viên, mang lại kết quả tốt. Ở Hải Phòng, bắt đầu từ một vài hợp tác xã khoán sản phẩm lúa cho hộ xã viên trên những thửa ruộng "chân tre" (những thửa ruộng ở sát bờ tre của làng bị gà vịt phá, hợp tác xã không thu hoạch được gì) và "dược mạ" (những thửa ruộng gieo mạ, sau khi nhổ mạ để cấy thì đất xấu và muộn thời vụ năng suất không được là bao), đem lại kết quả rõ rệt. Từ thực tế đó, ngày 27 tháng 6 năm 1980 thành ủy Hải Phòng đã ra Nghị quyết 24/NQ-TU làm thí điểm khoán việc và khoán sản phẩm đến xã viên và nhóm xã viên. Sau đó, Ban Bí thư Trung ương cho phép các địa phương mở rộng khoán sản phẩm và khoán việc trong hợp tác xã nông nghiệp. Trong công nghiệp, có hiện tượng "xé rào" ở các xí nghiệp quốc doanh như việc cải tiến công tác quản lý của Xí nghiệp đánh cá Chiến Thắng, Xí nghiệp dệt Thành Công ở thành phố Hồ Chí Minh. Trong lĩnh vực phân phối lưu thông có thí điểm xoá bỏ bao cấp hiện vật, tiền tệ hóa tiền lương của tỉnh Long An... Đó là những hiện tượng nổi bật khi bước vào thời kỳ tìm tòi, thử nghiệm.

Trước những đòi hỏi bức xúc của cuộc sống, cùng với sự xuất hiện của những hiện tượng "không bình thường" trong hoạt động kinh tế dưới đơn vị cơ sở, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa IV (8-1979) lúc đầu định bàn về kinh tế địa phương và sản xuất hàng tiêu dùng, nhưng sau đã chuyển sang bàn về tình hình và nhiệm vụ cấp bách có liên quan đến đường lối và chính sách kinh tế - xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng kinh tế - xã hội của đất nước, hội nghị cho rằng nguyên nhân của tình hình khó khăn về kinh tế là do việc xây dựng kế hoạch kinh tế thiếu căn cứ khoa học; chưa kết hợp chặt chẽ kế hoạch hóa với thị trường; chưa chú ý tăng trưởng kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể và chưa sử dụng đúng đắn các thành phần kinh tế; có những biểu hiện nóng vội, giản đơn trong công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam. Từ đó, hội nghị đã quyết định những chủ trương và giải pháp mới, mạnh dạn và sáng tạo, sát hợp với yêu cầu cấp bách của đời sống kinh tế.

Trước hết, hội nghị xác định phải coi nhiệm vụ quan trọng nhất hiện nay là *động viên cao độ và tổ chức toàn dân đẩy mạnh sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp* nhằm đảm bảo lương thực, thực phẩm, cung ứng nguyên liệu cho công nghiệp, tăng nhanh nguồn hàng xuất khẩu. Để thực hiện nhiệm vụ quan trọng và cấp bách đó, cần ban hành những chính sách khuyến khích sản xuất nông nghiệp như: ổn định mức nghĩa vụ lương thực trong 5 năm, phần còn lại bán cho Nhà nước theo giá thỏa thuận hoặc được tự do lưu thông; khuyến khích việc tận dụng đất canh tác còn bỏ hoang hoá: ổn định mức bán thịt lợn, phần còn lại bán giá thỏa thuận cho Nhà nước hoặc tự do lưu thông; sửa đổi lại giá lương thực và các loại nông sản khác; bỏ lối phân phối theo định suất, bảo đảm phân phối theo lao động, coi đó là nguyên tắc phân phối chủ yếu. Đối với các xí nghiệp, cần đảm bảo quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ tài chính. Việc xây dựng kế hoạch phải tính đến yếu tố thị trường và sự tồn tại của thị trường tự do là tất yếu.

Về *cải tạo xã hội chủ nghĩa*, hội nghị cho rằng: phải tận dụng các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh và tập thể để phát triển sản xuất; phải từng ngành nghề, từng mặt hàng và xuất phát từ hiệu quả kinh tế mà vận dụng linh hoạt các hình thức tổ chức sản xuất cho thích hợp. Hội nghị còn chỉ rõ, cái gì hợp tác xã đã làm tốt thì không vội vàng thay thế bằng quốc doanh. Đối với cá thể kể cả sản xuất, sửa chữa và dịch vụ, xét sản phẩm nào, công việc nào cá thể hiện đang làm tốt, phục vụ tốt thì giúp cá thể tiếp tục làm, một số mặt hàng hiện do quốc doanh phụ trách sản xuất, nay nếu xét để cho tiểu, thủ công nghiệp và tư bản tư nhân sản xuất có điều kiện phát triển thuận lợi hơn thì cần mạnh dạn giao lại cho tiểu, thủ công nghiệp và tư nhân làm. Đối với công nghiệp tư bản chủ nghĩa ở miền Nam, phải uốn nắn những nhận thức lệch lạc, thực hiện đúng chủ trương của Đảng về sự tồn tại các thành phần kinh tế để tận dụng mọi khả năng lao động, kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý nhằm phát triển sản xuất. Đối với công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, hội nghị xác định: phải nắm vững phương châm *tích cực và vững chắc*, hiện nay phải nhấn mạnh vững chắc; chống tư tưởng nóng vội, chủ quan, cưỡng ép, mệnh lệnh, làm ồ ạt gây thiệt hại cho sản xuất và đời sống nhân dân.

Tư tưởng nổi bật của Hội nghị Trung ương sáu là *"làm cho sản xuất bung ra"*, nghĩa là phải khắc phục những khuyết điểm, sai lầm trong quản lý kinh tế, trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, điều chỉnh những chủ trương, chính sách kinh tế, phá bỏ những rào cản để cho lực lượng sản xuất phát triển. Đó là *bước đột phá đầu tiên* trong quá trình tìm tòi, đổi mới của Đảng ta. Tuy nhiên, Nghị quyết Trung ương lần thứ sáu còn có hạn chế là để ra những

giải pháp tình thế vẫn nằm trong mô hình chủ nghĩa xã hội và cơ chế quản lý cũ.

Triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương sáu, ngày 23 tháng 6 năm 1980 Bộ Chính trị đã họp và ra Nghị quyết số 26/NQ-TƯ về cải tiến công tác phân phối lưu thông. Đây là lĩnh vực rất nóng bỏng trong đời sống kinh tế - xã hội ở nước ta thời đó. Nghị quyết đã đề ra mục tiêu, biện pháp và các bước cụ thể của việc cải tiến công tác phân phối lưu thông. Tuy nhiên, hạn chế của Nghị quyết là chủ trương khuyến khích sản xuất (bước 1) rồi trên cơ sở sản xuất phát triển mới cải tiến công tác phân phối lưu thông (bước 2 và 3). Trong khi thực tiễn lại yêu cầu phải cải tiến ngay công tác phân phối lưu thông để phát triển sản xuất. Vì thế, tình hình phân phối lưu thông sau Nghị quyết 26 vẫn chưa có chuyển biến đáng kể.

Ngày 13 tháng 1 năm 1981, Ban Bí thư ra Chỉ thị 100/CT-TW về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp nhằm: *"bảo đảm sản xuất và nâng cao hiệu quả kinh tế, trên cơ sở lôi cuốn được mọi người hăng hái lao động"*<sup>1</sup>. Theo tinh thần của chỉ thị này, mỗi xã viên nhận mức khoán trên một diện tích nhất định và tự mình làm 3 khâu, cấy, chăm sóc và thu hoạch, còn những khâu khác đã được hợp tác xã đảm nhiệm. Nếu thu hoạch vượt mức khoán thì xã viên được hưởng. Chỉ thị ra đời được nhân dân cả nước hồ hởi đón nhận. Chưa có hình thức kinh tế nào khi xuất hiện lại được nhiều người bàn luận sôi nổi và được mở rộng nhanh chóng, biến thành một phong trào quần chúng sâu rộng, thu hút hàng triệu nông dân, không những đem lại hiệu quả kinh tế lớn mà còn mở ra triển vọng tốt đẹp cho việc cải tiến quản lý nông nghiệp như Chỉ thị 100. Với hình thức khoán ấy, tuy còn ở trình độ thấp nhưng đã tạo nên không khí phấn khởi trong nông dân. Nhiều hiện tượng tiêu cực, lãng phí ngày công đã từng tồn tại từ nhiều năm trong các hợp tác xã nông nghiệp thì chỉ trong một vụ đông xuân (1981-1982) áp dụng cách khoán mới đã giảm nhiều, theo đó sản xuất nông nghiệp ở nước ta trong thời kỳ 1981-1985 đã có những bước tiến đáng kể. Nếu so với mức bình quân hàng năm của thời kỳ trước đó 1976-1980 là 1,9% thì tốc độ tăng trưởng của nông nghiệp trong thời kỳ 1981-1985 là 4,9%, sản xuất lương thực có bước phát triển quan trọng, bình quân hàng năm từ 13,4 triệu tấn trong thời kỳ 1976-1980 đã tăng lên 17 triệu tấn trong thời kỳ 1981-1985; lương thực cung cấp cho Nhà nước tăng 2 lần; diện tích cây công nghiệp hàng năm tăng 62,1%; đàn bò tăng 33,2%, đàn lợn tăng 22%.

---

1. Chỉ thị 100/CT-TW của Ban Bí thư, *Cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1983, tr. 6.

Những tiến bộ đạt được trên mặt trận nông nghiệp giai đoạn 1981-1985 tuy chỉ là bước đầu, nhưng có ý nghĩa quan trọng, góp phần ngăn chặn tình trạng suy thoái về kinh tế nông nghiệp, mở ra hướng đi đúng để tiếp tục đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, nhằm giải quyết vấn đề lương thực, thực phẩm trong những năm tiếp sau, đồng thời góp phần khôi phục và phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn.

Cùng với sự ra đời của Chỉ thị 100, ngày 21 tháng 1 năm 1981, Hội đồng Chính phủ đã ra Quyết định số 25/CP về một số chủ trương và biện pháp nhằm phát huy quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ về tài chính của các xí nghiệp quốc doanh. *Đây là bước điều chỉnh quan trọng về cơ chế quản lý trong công nghiệp.* Theo quyết định này, các xí nghiệp quốc doanh được quyền xây dựng 3 phần kế hoạch, kế hoạch A, kế hoạch B và kế hoạch C. Kế hoạch A là kế hoạch pháp lệnh của Nhà nước, Nhà nước cung ứng đầu vào, doanh nghiệp sản xuất và cung ứng theo giá quy định và theo địa chỉ đã định. Kế hoạch B là kế hoạch theo đó doanh nghiệp có thể tận dụng công suất dư thừa của kế hoạch A và được tự do cung ứng đầu vào, được tự tiêu thụ trên thị trường tự do, chỉ cần nộp một khoản đóng góp "khoán" nhất định cho Nhà nước. Kế hoạch C do doanh nghiệp được tự chủ đầu tư mua sắm tư liệu sản xuất mới trên cơ sở vốn tự có, tự cung ứng đầu vào, tự tiêu thụ sản phẩm trên thị trường tự do. Đây là quyết định quan trọng mở đầu cho quá trình thị trường hóa và thương mại hóa các doanh nghiệp nhà nước. Điều này cho phép các doanh nghiệp nhà nước tiếp cận với thị trường tự do và bước đầu xác lập quyền tự chủ nhất định trong sản xuất - kinh doanh.

Tuy nhiên, việc tồn tại đồng thời 3 loại kế hoạch, với những cơ chế quản lý khác nhau đã làm cho Nhà nước gặp rất nhiều khó khăn trong quản lý, kiểm soát nền kinh tế. Bởi trên thực tế khi triển khai thực hiện quyết định này, nhiều doanh nghiệp đã lợi dụng năng lực sản xuất và đầu vào của kế hoạch A với giá bao cấp để triển khai thực hiện kế hoạch B và C. Dĩ nhiên, các doanh nghiệp hăng say với kế hoạch B và ngày càng gắn bó với kế hoạch C. Quản lý tài chính đối với doanh nghiệp cũng vì thế mà gặp rất nhiều khó khăn. Cùng một lúc, cùng một cửa hàng bán lẻ với cùng một mặt hàng, cùng một chất lượng, giá của kế hoạch A thường rẻ và được phân phối theo các kênh thương nghiệp của Nhà nước; giá của kế hoạch B và C thường đắt hơn và được bán tự do. Theo nguyên tắc của thị trường, hành vi của người kinh doanh và do tình trạng "thiếu hụt", "khan hiếm", hàng hóa lúc đó không hoặc hầu như không có sản phẩm A để bán, chỉ có sản phẩm B và C. Các tổ chức kinh doanh, nhất là tư nhân, tư thương tìm mọi cách móc nối với các cơ



sở sản xuất, hoặc các tổ chức thương nghiệp Nhà nước để mua hàng hóa và "ăn chia" phần chênh lệch giá sản phẩm của kế hoạch A với các tổ chức này.

Nhìn chung, trong điều kiện vật tư thiếu thốn, Quyết định 25/CP ra đời đã giúp cho các xí nghiệp quốc doanh tự giải quyết được một phần khó khăn cho công nhân, viên chức. Tuy nhiên, từ thực tiễn quá trình triển khai thực hiện quyết định này cũng gợi mở cho chúng ta những suy nghĩ đổi mới không phải chỉ trong kế hoạch mà cả trong lĩnh vực giá cả, lợi nhuận và tiền thưởng.

Nhìn lại Chỉ thị 100 của Ban Bí thư và Quyết định số 25/CP của Chính phủ chúng ta thấy rằng, mặc dù còn có những hạn chế cần phải tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh, song đó là những tìm tòi, thử nghiệm bước đầu thành công trên con đường đổi mới tư duy kinh tế của Đảng theo tinh thần của *Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương* khóa IV.

Cuối tháng 3 năm 1982, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng họp. Đại hội đánh giá: "Năm năm qua, bên cạnh thắng lợi và thành tựu, có rất nhiều khó khăn; và hiện nay, trên mặt trận kinh tế, đất nước ta đang đứng trước nhiều vấn đề gay gắt. Kết quả thực hiện các kế hoạch kinh tế trong 5 năm (1976-1980) chưa thu hẹp được những mất cân đối nghiêm trọng của nền kinh tế quốc dân. Sản xuất phát triển chậm trong khi số dân tăng nhanh. Thu nhập quốc dân chưa bảo đảm được tiêu dùng xã hội, một phần tiêu dùng xã hội phải dựa vào vay và viện trợ, nền kinh tế chưa tạo được tích lũy. Lương thực, vải mặc và các hàng tiêu dùng thiết yếu đều thiếu. Tình hình cung ứng năng lượng, vật tư, tình hình giao thông vận tải đang rất căng thẳng. Nhiều xí nghiệp sử dụng công suất ở mức thấp. Chênh lệch giữa thu và chi chính, giữa hàng và tiền, giữa xuất khẩu và nhập khẩu còn lớn. Thị trường và vật giá không ổn định. Số người lao động chưa được sử dụng còn đông. Đời sống nhân dân lao động còn nhiều khó khăn, nhất là đời sống công nhân, viên chức và nông dân những vùng bị thiên tai, dịch họa. Trong đời sống kinh tế, văn hóa, trong nếp sống và an toàn xã hội, có những biểu hiện tiêu cực kéo dài; trên một số mặt của đời sống xã hội bị những nhân tố tư bản chủ nghĩa và phi xã hội chủ nghĩa xâm lấn"<sup>1</sup>.

Đại hội đánh giá nguyên nhân sâu xa của những khó khăn về kinh tế và đời sống là: Nền kinh tế nước ta còn phổ biến là sản xuất nhỏ; hậu quả của chiến tranh và chủ nghĩa thực dân hết sức nặng nề; lại phải tiến hành chiến tranh giữ nước gần 3 năm qua; thiên tai lại dồn dập xảy ra; kẻ địch thường

---

1. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, tập 1, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1982, tr. 35.

xuyên phá hoại về nhiều mặt. Mặt khác, khó khăn còn do khuyết điểm, sai lầm về lãnh đạo và quản lý kinh tế xã hội của các cơ quan Đảng và Nhà nước ta từ Trung ương đến cơ sở "trên những mặt nhất định, khuyết điểm, sai lầm về lãnh đạo và quản lý là nguyên nhân chủ yếu gây ra hoặc làm trầm trọng thêm tình hình khó khăn về kinh tế và xã hội trong những năm qua"<sup>1</sup>

Đại hội cũng phân tích: chúng ta chưa thấy hết những khó khăn, phức tạp của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế sản xuất nhỏ là phổ biến; chưa thấy hết quy mô của những đảo lộn kinh tế và xã hội sau chiến tranh; chưa thấy hết khó khăn, phức tạp trong việc khắc phục những yếu kém về quản lý kinh tế, xã hội; chưa lường hết những diễn biến không thuận lợi của tình hình thế giới. Do đó, chúng ta đã chủ quan, nóng vội đề ra một số chỉ tiêu quá lớn về quy mô và quá cao về tốc độ, đưa quy mô hợp tác xã nông nghiệp lên quá lớn, triển khai xây dựng một số công trình khi còn rất thiếu tài liệu điều tra, nghiên cứu và chuẩn bị chưa chu đáo. Mặt khác, lại hết sức bảo thủ trì trệ.

Về tổ chức thực hiện khuyết điểm sai lầm của chúng ta là quan liêu, xa thực tế, không nhạy bén với cuộc sống; bảo thủ, trì trệ, thiếu trách nhiệm trong quản lý kinh tế, xã hội<sup>2</sup>.

Từ sự phân tích tình hình thế giới và trong nước, Đại hội lần thứ V của Đảng nhận định tình thế đất nước là vừa có hòa bình vừa phải đương đầu với một kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ thù bên ngoài, đồng thời phải sẵn sàng đối phó với tình huống địch có thể gây chiến tranh xâm lược quy mô lớn. Từ đó đại hội xác định cách mạng Việt Nam lúc này có hai nhiệm vụ chiến lược, một là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội; hai là sẵn sàng chiến đấu bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Đại hội khẳng định tiếp tục thực hiện đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa do Đại hội lần thứ IV của Đảng đề ra. Nhưng đại hội cũng chỉ ra đường lối đó chỉ đạo trong cả thời kỳ quá độ. Suốt quá trình cách mạng đó, phải hiểu đúng và cụ thể hóa đường lối chung và đường lối kinh tế để vạch ra chiến lược kinh tế - xã hội, những kế hoạch phát triển, những chủ trương, chính sách và biện pháp lớn cho cả nước, từng ngành, từng lĩnh vực sát với điều kiện lịch sử cụ thể, với những yêu cầu và khả năng của nhân dân ta trong từng chặng đường.

---

1, 2. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, tập 1, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1982, tr. 36, 38, 39.

Đại hội đã xác định *những mục tiêu kinh tế xã hội tổng quát của những năm 80 là:*

1. Đáp ứng những nhu cầu cấp bách và thiết yếu nhất, dần dần ổn định, tiến lên cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, trước hết là giải quyết vững chắc vấn đề lương thực thực phẩm.

2. Tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, chủ yếu nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, hàng tiêu dùng và xuất khẩu.

3. Hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở các tỉnh miền Nam; hoàn thiện quan hệ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

4. Đáp ứng các nhu cầu của công cuộc phòng thủ đất nước, củng cố quốc phòng và giữ vững an ninh, trật tự.

Đại hội cũng đề ra *10 chính sách lớn về kinh tế xã hội*, trong đó có những chính sách điều chỉnh so với chính sách những năm trước đây:

Trước hết và quyết định hơn hết là *kết hợp đúng đắn nông nghiệp và công nghiệp*.

- *Bảo đảm sự phù hợp giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất*, luôn luôn kết hợp chặt chẽ cải tạo quan hệ sản xuất với tổ chức lại và phát triển sản xuất.

- Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng.

Thiết lập trật tự mới, xã hội chủ nghĩa trên mặt trận phân phối lưu thông.

Xác lập chế độ quản lý và kế hoạch hóa đúng đắn, đổi mới chế độ quản lý và kế hoạch hóa hiện hành<sup>1</sup>.

Như vậy, Đại hội lần thứ V của Đảng đã có những đánh giá đúng về thực trạng kinh tế - xã hội nước ta lúc đó, cũng đã chỉ ra những sai lầm, khuyết điểm chủ quan về nhận thức, chủ trương, chính sách, quản lý và tổ chức kinh tế - xã hội. Đại hội đã có những điều chỉnh quan trọng trong đường lối, bước đi của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta như: xác định nước ta đang ở chặng đường đầu của thời kỳ quá độ và những nội dung của thời kỳ quá độ; có sự điều chỉnh trong cơ cấu kinh tế, nhấn mạnh *nông nghiệp là mặt trận hàng đầu*, ra sức phát triển hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng và cần thiết trực tiếp phục vụ cho nông nghiệp và công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, coi đây là nội dung chính của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường

1. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, Sđd, tr. 55-79.

đầu. Về cải tạo xã hội chủ nghĩa nông nghiệp ở các tỉnh Nam Bộ, đã nhấn mạnh *hình thức phổ biến là tập đoàn sản xuất*, cải tạo công thương nghiệp ở các tỉnh Nam Bộ thì đề ra bằng *cách làm và hình thức thích hợp*. Về đổi mới một bước hệ thống quản lý kinh tế đã nêu ra việc coi trọng cải tiến và tăng cường điều hành thực hiện kế hoạch, kết hợp chặt chẽ ba loại biện pháp: kinh tế, hành chính và giáo dục...

Đánh giá tư tưởng về đổi mới kinh tế xã hội, Đại hội V đã có bước phát triển mới, khắc phục một bước tư tưởng của Đại hội lần thứ IV. Tuy nhiên, Đại hội V vẫn chưa thấy đúng mức nguyên nhân về đường lối chính trị, đường lối kinh tế dẫn đến tình trạng trì trệ, khủng hoảng kinh tế xã hội. Đại hội vẫn khẳng định: "đường lối chung là hoàn toàn đúng đắn; khuyết điểm là trong khâu tổ chức thực hiện, nên đã không có được những sửa chữa đúng mức và cần thiết"<sup>1</sup>. Đại hội vẫn tiếp tục chủ trương hoàn thành về cơ bản cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam trong vòng 5 năm. Quá trình chỉ đạo thực hiện vẫn tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật cho việc phát triển công nghiệp nặng một cách tràn lan; không dứt khoát cắt bỏ những công trình chưa thật cần thiết để dành thêm vốn và vật tư cho phát triển nông nghiệp và công nghiệp hàng tiêu dùng... Đại hội đã không tiếp tục phát triển những kết quả của việc tìm tòi, thử nghiệm những chủ trương, chính sách mới, những cách làm hay có ý nghĩa quan trọng về mặt lý luận đã được nêu ra ở Nghị quyết Trung ương 6, khóa IV, Chỉ thị 100 của Ban Bí thư, Quyết định 25/CP của Chính phủ, cũng như qua hoạt động thực tiễn của nhiều địa phương, cơ sở.

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội V, Ban Chấp hành Trung ương đã tiến hành 11 hội nghị, trong đó có 8 hội nghị chuyên bàn về kinh tế. Với sự cố gắng nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, nhiều chỉ tiêu trong kế hoạch 5 năm 1981-1985 đạt mức tăng trưởng tương đối khá, đặc biệt trên lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và công nghiệp. Tuy nhiên tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội ở nước ta không những không giảm mà lại trở nên nghiêm trọng hơn.

Nguyên nhân căn bản dẫn đến tình trạng này, chính là do những sai lầm khuyết điểm trong giải quyết vấn đề phân phối, lưu thông. Cụ thể là việc xử lý không đúng vấn đề giá lương - tiền đã gây nên những xáo trộn lớn, làm

---

1. ĐCSVN, Ban Chấp hành Trung ương, Tiểu ban Tổng kết công tác xây dựng Đảng: *Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng thời kỳ 1975-1995*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 1996, tr. 22.

cho đời sống nhân dân, nhất là những người hưởng lương gặp rất nhiều khó khăn.

Đợt cải cách giá - lương - tiền lần thứ nhất (bắt đầu từ năm 1981). Những tồn tại của đợt cải cách là, do hệ thống giá cung cấp vẫn được duy trì trong thời gian dài và nhiều loại giá khác vẫn do Nhà nước quy định (mà giá Nhà nước quy định thì ổn định hoặc điều chỉnh ít hơn trong lúc giá thị trường lại tăng nhanh), nên khoảng cách giữa hai giá ngày càng mở rộng. Nguyên liệu, vật tư cung cấp theo giá Nhà nước ngày càng ít đi, xí nghiệp phải tìm kiếm nguyên liệu, vật tư theo giá kinh doanh, nên Nhà nước phải tăng bù lỗ từ ngân sách. Do thâm hụt ngân sách nên phải phát hành tiền để chi cho ngân sách. Hàng ít nên có tâm lý sợ thiếu, do đó khi có hàng là tranh nhau mua để dự trữ, nâng giá lên. Do giá hàng cung cấp quá rẻ nên nhiều người không cần cũng mua, làm mất cân đối giữa tiền và hàng ngày càng gay gắt. Từ đó lạm phát tăng nhanh. Lạm phát tăng lại đẩy giá thị trường tăng lên (1985 tăng lên 300% so với năm 1984) làm cho đời sống của đông đảo các tầng lớp nhân dân, nhất là những người hưởng lương giảm sút nghiêm trọng.

Trước tình hình đó, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa V (6-1985) đã ra nghị quyết chuyên đề về giá - lương - tiền. Hội nghị đánh giá tình hình kinh tế xã hội: nền kinh tế bị mất cân đối, tính năng động trong sản xuất kinh doanh không được phát huy, tài chính quốc gia ngày càng thiếu hụt, lạm phát ngày càng tăng cao, hệ thống giá xác định ngày càng tách rời giá trị hàng hóa và sức mua của đồng tiền, đời sống của nhân dân khó khăn, gây ra nhiều hiện tượng tiêu cực trong đời sống xã hội.

Hội nghị khẳng định không thể ổn định được tình hình kinh tế và đời sống, cân bằng được ngân sách và tiền mặt nếu vẫn duy trì bao cấp qua giá và lương; phải dứt khoát xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, thực hiện đúng chế độ tập trung dân chủ, hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa; có như thế mới đẩy mạnh được sản xuất và kinh doanh có hiệu quả; xóa bỏ chế độ tập trung quan liêu bao cấp trong giá và lương là yêu cầu cấp bách, là khâu đột phá có tính quyết định để chuyển hẳn nền kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Nội dung xóa bỏ quan liêu bao cấp trong giá, lương, tiền là thực hiện cơ chế một giá tính đủ chi phí trong giá thành sản phẩm. Tiền lương thực tế bảo đảm cho người ăn lương sống chủ yếu bằng lương, xóa bỏ cung cấp hiện vật. Các ngành kinh tế, kỹ thuật, các địa phương và cơ sở sản xuất chuyển hẳn mọi hoạt động sản xuất kinh doanh sang chế độ hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ mọi khoản bù lỗ bất hợp lý trừ trường hợp cá biệt, xác lập quyền tự chủ về tài chính của các ngành kinh tế - kỹ thuật, các địa

phương và đơn vị cơ sở gắn liền với sửa đổi cơ chế kế hoạch hóa và quản lý, chuyển hẳn sang cơ chế hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Nhanh chóng chuyển hẳn công tác ngân hàng sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Những nội dung trên cho thấy, Hội nghị Trung ương lần thứ tám đã có sự đổi mới căn bản về tư duy kinh tế trên lĩnh vực lưu thông phân phối. Điều quan trọng là hội nghị đã thừa nhận sản xuất hàng hóa và những quy luật của sản xuất hàng hóa. Đây chính là bước đột phá thứ hai trong quá trình tìm tòi đổi mới của Đảng.

Tuy nhiên, khi triển khai thực hiện, trong đợt tổng điều chỉnh giá - lương - tiền lần thứ hai (9-1985) chúng ta lại phạm phải nhiều sai lầm, khuyết điểm. Cụ thể là, đã lấy giá lúa thị trường 8 năm 1985 làm cơ sở, đưa toàn bộ mặt bằng giá chỉ đạo lên 10 lần. Trên cơ sở mức giá mới tính lại tiền lương cũng phải tăng 10 lần theo mức tăng của giá. Để tăng khả năng chi trả của ngân sách lên 10 lần so với tiền hiện có, tiến hành đổi tiền, 1 đồng mới lấy 10 đồng cũ. Thực hiện phương pháp này đã làm cho lạm phát tăng phi mã, năm 1985 là 300%, thì năm 1986 tăng lên 774,7%, Nhà nước hầu như không còn khả năng kiểm soát giá cả.

Phát sinh hệ quả trên là do chúng ta thực hiện một giá nhưng vẫn là một giá thống nhất do Nhà nước quy định chứ chưa phải do thị trường quyết định. Hơn nữa, việc thay đổi giá và lương lại làm toàn diện với mức độ lớn (tăng 10 lần) trong một thời gian ngắn, chưa có đủ điều kiện cần thiết đã gây cú sốc lớn cho nền kinh tế, tạo ra sự rối ren trong cân bằng ngân sách, tác động xấu đến mọi mặt đời sống xã hội. Cuộc cải cách lần này không thành công làm cho tình hình kinh tế - xã hội ở nước ta vốn đã khủng hoảng nay lại khủng hoảng trầm trọng hơn.

Cũng vào thời điểm cuối năm 1985 đầu năm 1986, mọi công việc chuẩn bị cho Đại hội VI được tiến hành rất khẩn trương. Trước tình hình thực trạng kinh tế xã hội nói trên, tháng 7 năm 1986 sau khi tổng hợp sơ bộ ý kiến đóng góp của đại hội đảng bộ các cấp vòng một, Bộ Chính trị nhận thấy dự thảo Báo cáo Chính trị lần đầu đưa ra lấy ý kiến chưa đáp ứng yêu cầu của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Vì vậy, Bộ Chính trị chỉ đạo tiểu ban chuẩn bị văn kiện đại hội phải tập trung nghiên cứu những quan điểm kinh tế quan trọng nhất, có ý nghĩa chỉ đạo việc xây dựng nền kinh tế nước ta, đối chiếu, so sánh và phân tích những điểm khác nhau để Bộ Chính trị nghiên cứu, thảo luận, làm rõ đúng sai và có kết luận, lấy đó làm cơ sở để điều chỉnh Báo cáo Chính trị trình Đại hội VI.

Căn cứ vào ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, từ ngày 1 tháng 8 năm 1986, Báo Nhân dân Cơ quan Trung ương của Đảng Cộng sản Việt Nam mở mục "góp ý kiến với Đại hội Đảng". Đây là hình thức sinh hoạt dân chủ chính trị đầu tiên từ trước đến nay, thể hiện sự đổi mới về phong cách lãnh đạo của Đảng. Chỉ trong một thời gian ngắn, Báo Đảng đã nhận được hàng vạn ý kiến của đông đảo các tầng lớp nhân dân, kể cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài đóng góp vào dự thảo Văn kiện Đại hội VI.

Trên cơ sở tổng hợp các loại ý kiến đóng góp của đại hội Đảng bộ các cấp vòng một và của nhân dân cả nước, Tiểu ban dự thảo Văn kiện Đại hội VI đã chốt lại 3 vấn đề đang còn có ý kiến khác nhau để trình Bộ Chính trị kết luận, đó là: Cơ cấu sản xuất, cải tạo xã hội chủ nghĩa và cơ chế quản lý kinh tế.

Từ ngày 25 đến ngày 30 tháng 8 năm 1986, Hội nghị Bộ Chính trị và Ban Bí thư đã thảo luận kỹ các vấn đề trên và đưa ra "*kết luận đối với một số vấn đề thuộc về quan điểm kinh tế*". Đây là *bước đột phá thứ ba*, đồng thời cũng là bước quyết định cho sự ra đời của đường lối đổi mới.

Về cơ cấu sản xuất, hội nghị cho rằng, chúng ta đã chủ quan, nóng vội đề ra một số chủ trương quá lớn về quy mô, quá cao về nhịp độ xây dựng cơ bản và phát triển sản xuất. Đây là một nguyên nhân quan trọng khiến cho sản xuất trong 5 năm gần đây như dậm chân tại chỗ, năng suất lao động giảm sút, chi phí sản xuất không ngừng tăng lên, tình hình kinh tế xã hội ngày càng không ổn định. Đây cũng là nguyên nhân trực tiếp của tình trạng chậm giải quyết căn bản các vấn đề về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng thiết yếu và tạo nguồn hàng cho xuất khẩu. Bởi vậy, cần tiến hành một cuộc điều chỉnh lớn về cơ cấu sản xuất và cơ cấu đầu tư theo hướng thật sự lấy nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, ra sức phát triển công nghiệp nhẹ, việc phát triển công nghiệp nặng phải có lựa chọn cả về quy mô và nhịp độ, chú trọng quy mô vừa và nhỏ, phát huy hiệu quả nhanh nhằm phục vụ đắc lực yêu cầu phát triển nông nghiệp, công nghiệp nhẹ và xuất khẩu. Theo hướng đó, cần tập trung lực lượng, trước hết là vốn và vật tư, thực hiện cho được ba chương trình quan trọng nhất về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng thiết yếu và hàng xuất khẩu.

Về cải tạo xã hội chủ nghĩa, hội nghị cho rằng, do chưa nắm vững quy luật đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nên chúng ta đã phạm nhiều khuyết điểm trong cải tạo xã hội chủ nghĩa. Bởi vậy, phải biết lựa chọn bước đi và hình thức thích hợp trên quy mô cả nước cũng như từng vùng, từng

lĩnh vực phải đi qua những bước trung gian, quá độ từ thấp đến cao, từ quy mô nhỏ đến trung bình, rồi tiến lên quy mô lớn; phải nhận thức đúng đắn đặc trưng của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là *nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần*, đó là sự cần thiết khách quan để phát triển lực lượng sản xuất, tận dụng các tiềm năng, tạo thêm việc làm cho người lao động, phải sử dụng đúng đắn các thành phần kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa không chỉ là sự thay đổi chế độ sở hữu, mà còn thay đổi cả chế độ quản lý, chế độ phân phối, đó là một quá trình gắn liền với mỗi bước phát triển của lực lượng sản xuất, vì vậy không thể làm một lần hay trong một thời gian ngắn là xong.

Về cơ chế quản lý kinh tế, hội nghị cho rằng, bố trí lại cơ cấu kinh tế phải đi đôi với đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, làm cho hai mặt ăn khớp với nhau tạo ra động lực mới thúc đẩy sản xuất phát triển. Hội nghị nêu ra những nội dung chủ yếu của cơ chế quản lý kinh doanh xã hội chủ nghĩa là: Đổi mới kế hoạch hóa theo nguyên tắc phát huy vai trò chủ đạo của các quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa, đồng thời sử dụng đúng đắn các quy luật của quan hệ hàng hóa tiền tệ; làm cho các đơn vị kinh tế có quyền tự chủ trong sản xuất, kinh doanh; phân biệt chức năng quản lý hành chính của Nhà nước với chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế; phân công, phân cấp bảo đảm các quyền tập trung thống nhất của Trung ương trong những khâu then chốt, quyền chủ động của địa phương trên địa bàn lãnh thổ, quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của cơ sở.

Những kết luận trên đây là kết quả tổng hợp của cả quá trình tìm tòi, thử nghiệm, đấu tranh giữa quan điểm mới và quan điểm cũ, đặc biệt trên lĩnh vực kinh tế. Những quan điểm mới được trình bày trong bản kết luận đã định hướng cho việc soạn thảo Báo cáo chính trị để trình ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, thay cho bản Dự thảo Báo cáo chính trị được chuẩn bị trước đó, vì trong bản dự thảo ấy vẫn còn giữ lại nhiều quan điểm cũ không phù hợp với yêu cầu trước mắt là khắc phục cho được khủng hoảng kinh tế - xã hội, đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Như vậy, kể từ khi đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội, Đảng và nhân dân ta đã liên tục tiến hành những tìm tòi thử nghiệm, tuy có đạt được một số kết quả nhất định nhưng không vững chắc, toàn diện, khủng hoảng vẫn diễn ra và ngày càng trở nên trầm trọng. Nguyên nhân căn bản là, trong quá trình tìm tòi, thử nghiệm, những chủ trương, chính sách mới đề ra còn mang nặng tính đối phó, chắp vá, chưa hình thành một đường lối rõ ràng, nhất quán.



Hơn nữa quá trình chỉ đạo tổ chức thực hiện lại thiếu kiên quyết, chưa tạo ra được sự nhất trí cao, tư tưởng bảo thủ còn rất nặng nề. Chính những hạn chế trên đã làm yếu đi tác động tích cực của một số chính sách mới.

Tuy không đạt được mục tiêu đề ra là khắc phục tình trạng trì trệ, khủng hoảng của nền kinh tế đất nước, song những kết quả đạt được của quá trình tìm tòi, thử nghiệm từ 1979 đến 1986 đã cung cấp cho Đảng ta nhiều kinh nghiệm quý báu, đồng thời cũng chính là quá trình chuẩn bị điều kiện, tiền đề và những yếu tố cần thiết cho sự ra đời của đường lối đổi mới toàn diện đất nước mà Đại hội VI là mốc mở đầu.

Bản sao lưu trữ

Chương ba

**ĐẢNG LÃNH ĐẠO CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI  
ĐƯA ĐẤT NƯỚC RA KHỎI KHỦNG HOẢNG KINH TẾ - XÃ HỘI  
(1986-1996)**

**I. ĐẠI HỘI LẦN THỨ VI CỦA ĐẢNG  
VÀ NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC TRONG ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI**

Tháng 12 năm 1986, Đảng ta tiến hành Đại hội lần thứ VI trong lúc tình hình kinh tế xã hội của đất nước đang trong thời kỳ khủng hoảng trầm trọng nhất. Phong trào cải cách, cải tổ ở các nước xã hội chủ nghĩa đã và đang diễn ra mạnh mẽ, tuy nhiên mỗi nước lại tiến hành bằng những quan điểm, đường lối, với những bước đi và cách làm khác nhau. Sẽ đổi mới ra sao để vừa sửa chữa được những sai lầm, khuyết điểm, nhanh chóng đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng, vừa bảo đảm cho chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trụ vững và phát triển? Đó là những vấn đề vừa cơ bản, vừa cấp bách nhưng việc giải quyết lại hoàn toàn không đơn giản.

Xuất phát từ thực trạng kinh tế - xã hội của đất nước, từ sự tổng kết thực tiễn quá trình tìm tòi, thử nghiệm (1979-1986), dựa chắc trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, có tham khảo những kinh nghiệm tốt của thế giới, Đại hội lần thứ VI của Đảng đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, trong đó tập trung chủ yếu ở những định hướng lớn sau đây:

**1. Nhiệm vụ và mục tiêu**

Đại hội xác định: *"nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát của những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo"*<sup>1</sup>.

---

1. ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987, tr. 42.

Ổn định tình hình kinh tế - xã hội có nghĩa là phải ổn định cả sản xuất và phân phối, lưu thông; ổn định đời sống vật chất và đời sống văn hoá; tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước; lập lại trật tự kỷ cương và thực hiện công bằng xã hội. Xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo, bao gồm cả tiền đề chính trị, kinh tế và xã hội. Ổn định và phát triển luôn gắn liền với nhau trong quá trình vận động tiến lên, ổn định để phát triển và có phát triển mới ổn định được.

Trên cơ sở nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát, Đại hội đã nêu lên 5 mục tiêu kinh tế, xã hội cụ thể cho những năm còn lại của chặng đường đầu tiên:

*Một là, sản xuất đủ tiêu dùng, có tích lũy:* Sản xuất đủ tiêu dùng trong những năm trước mắt là đáp ứng nhu cầu cấp bách và thiết yếu của xã hội, dần dần ổn định, tiến lên cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân. Cụ thể là bảo đảm ăn no, mặc ấm, đáp ứng tốt hơn các nhu cầu bảo vệ sức khỏe, đi lại, học hành, nhà ở của nhân dân... Yêu cầu có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế để đủ sức tiếp nhận và đưa vào tái sản xuất mở rộng vốn vay và viện trợ của nước ngoài.

*Hai là, bước đầu tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý nhằm phát triển sản xuất.* Xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý là vấn đề có ý nghĩa quyết định để phát triển sản xuất, đáp ứng yêu cầu của tiêu dùng và tích lũy theo mục tiêu đã xác định. Tính hợp lý của cơ cấu kinh tế trước hết là cơ cấu của ngành kinh tế đòi hỏi phải phù hợp với quy luật về sự phát triển của các ngành sản xuất vật chất, phù hợp với khả năng của đất nước, với sự phân công lao động và hợp tác quốc tế. Cơ cấu đó bảo đảm cho nền kinh tế phát triển cân đối với nhịp độ tăng trưởng ổn định. Để có cơ cấu kinh tế hợp lý phải thông qua sắp xếp lại sản xuất đi đôi với xây dựng thêm một số cơ sở vật chất, kỹ thuật cần thiết. Cơ cấu kinh tế ấy phải hướng vào việc thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn: lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

*Ba là, xây dựng và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất mới phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.* Việc cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới là quá trình diễn ra trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, luôn phụ thuộc vào trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Phải củng cố các thành phần kinh tế - xã hội chủ nghĩa bao gồm kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể một cách toàn diện cả về chế độ sở hữu, chế độ quản lý, chế độ phân phối, làm cho thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa giữ vai trò chi phối trong nền kinh tế quốc dân, thể hiện được tính ưu việt về năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, thu

nhập của người lao động và tích lũy cho sự nghiệp công nghiệp hóa. Sử dụng mọi khả năng của các thành phần kinh tế khác, tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa theo nguyên tắc bảo đảm sản xuất phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế và tăng thu nhập trong lao động. Hình thành đồng bộ hệ thống mới về quản lý kinh tế.

*Bốn là, tạo ra chuyển biến tốt về mặt xã hội.* Các vấn đề xã hội có tầm quan trọng đặc biệt, gắn bó chặt chẽ với kinh tế, liên quan đến cuộc sống và lợi ích của mỗi người. Về mặt xã hội có nhiều vấn đề phải giải quyết mà trước hết là phải giải quyết một phần quan trọng việc làm cho người lao động và bảo đảm về cơ bản phân phối theo lao động. Thực hiện công bằng xã hội phù hợp với điều kiện cụ thể của nước ta; loại bỏ các thu nhập phi pháp, xây dựng những quan hệ xã hội và lối sống lành mạnh, khắc phục các hiện tượng tiêu cực; mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa, nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật, củng cố kỷ cương xã hội, bảo đảm an ninh, trật tự, công bằng, thực hiện nguyên tắc mọi người sống và làm việc theo pháp luật.

*Năm là, bảo đảm nhu cầu củng cố quốc phòng, an ninh.* Quốc phòng, an ninh được xây dựng và củng cố ngày càng vững mạnh bảo đảm điều kiện thuận lợi cho công cuộc xây dựng kinh tế. Trên cơ sở phát triển kinh tế, đáp ứng ngày càng đầy đủ và ổn định các nhu cầu đời sống vật chất và tinh thần của các lực lượng vũ trang. Củng cố thế trận bảo vệ Tổ quốc cả về quốc phòng và an ninh. Bảo đảm cơ sở vật chất, kỹ thuật và từng bước trang bị cho lực lượng vũ trang, bảo đảm vật tư, tài chính cho sản xuất quốc phòng.

Những mục tiêu trên đây là một thể thống nhất, gắn bó chặt chẽ với nhau, bao quát mọi lĩnh vực từ sản xuất đến phân phối lưu thông, từ lực lượng sản xuất đến quan hệ sản xuất, từ kinh tế, xã hội đến quốc phòng, an ninh.

Đại hội lần thứ VI của Đảng không ấn định thời gian cụ thể khi nào kết thúc chặng đường đầu tiên. Đại hội cho rằng: "Cái mốc đánh dấu chặng đường đầu tiên kết thúc là đạt được 5 mục tiêu nói trên. Độ dài của chặng đường đầu tiên tùy thuộc một phần quan trọng vào việc vận dụng những bài học đã rút ra từ thực tiễn mười năm qua, để đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tới"<sup>1</sup>.

## **2. Những giải pháp cơ bản để thực hiện mục tiêu**

*Một là, đổi mới cơ cấu kinh tế*

Đại hội xác định muốn đưa nền kinh tế sớm thoát khỏi tình trạng rối ren, mất cân đối, phải dứt khoát sắp xếp lại nền kinh tế quốc dân theo cơ cấu hợp

---

1. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Sđd, tr. 45-46.

lý. Đó là cơ cấu mà ở đó các ngành, các vùng, các thành phần kinh tế, các loại hình sản xuất có quy mô và trình độ kỹ thuật khác nhau phải được bố trí cân đối, liên kết với nhau phù hợp với điều kiện thực tế, bảo đảm cho nền kinh tế phát triển ổn định.

Để thực hiện sự sắp xếp đó, trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên, trước mắt là trong kế hoạch 5 năm 1986-1990 phải thực sự tập trung sức người, sức của vào việc thực hiện ba chương trình kinh tế: Lương thực thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu để đến khi kết thúc chặng đường đầu tiên đạt được kết quả sau:

*Về lương thực - thực phẩm*, bảo đảm lương thực đủ ăn cho toàn xã hội và có dự trữ. Đáp ứng một cách ổn định nhu cầu thiết yếu về thực phẩm. Mức tiêu dùng lương thực, thực phẩm phải bảo đảm tái sản xuất sức lao động.

*Về hàng tiêu dùng*, sản xuất đáp ứng được nhu cầu bình thường của nhân dân và những sản phẩm công nghiệp thiết yếu.

*Về hàng xuất khẩu*, tạo ra một số mặt hàng chủ lực, đạt kim ngạch xuất khẩu, đáp ứng được phần lớn nhu cầu nhập khẩu vật tư, máy móc, phụ tùng và những hàng hóa cần thiết.

Ba chương trình mục tiêu nói trên là sự cụ thể hóa nội dung chính của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên đã được Đại hội V xác định, có liên quan chặt chẽ, là cơ sở và tiền đề cho nhau. Lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng là những điều kiện vật chất quan trọng nhất để ổn định tình hình kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân; xuất khẩu là một yếu tố có ý nghĩa quyết định để thực hiện hai chương trình đó và các hoạt động kinh tế khác. Ba chương trình mục tiêu là cốt lõi của nhiệm vụ kinh tế - xã hội trong 5 năm 1986-1990. Thực hiện thắng lợi ba chương trình mục tiêu không chỉ có ý nghĩa sống còn trong tình hình trước mắt mà còn tạo tiền đề ban đầu không thể thiếu để triển khai công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo.

Đi đôi với việc bố trí lại cơ cấu sản xuất, cơ cấu đầu tư theo ngành và theo vùng, phải xác định đúng *cơ cấu thành phần kinh tế*. Đại hội xác định cần có chính sách sử dụng đúng đắn các thành phần kinh tế. Chính sách đó cho phép sử dụng nhiều hình thức kinh tế, với quy mô, trình độ kỹ thuật thích hợp trong từng khâu của quá trình sản xuất và lưu thông, khai thác mọi khả năng của các thành phần kinh tế liên kết với nhau, trong đó kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo. *Đó là một giải pháp có ý nghĩa chiến lược*, góp phần giải phóng và khai thác mọi khả năng để phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý. Giải pháp đó xuất phát từ thực tế của nước

ta và là sự vận dụng quan điểm của Lênin coi *nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần là một đặc trưng của thời kỳ quá độ*. Vận dụng quan điểm của Lênin trong "Chính sách kinh tế mới" và xuất phát từ thực tiễn nước ta, Đại hội xác định nền kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là một nền kinh tế nhiều thành phần. Các thành phần đó là: *kinh tế xã hội chủ nghĩa* bao gồm khu vực quốc doanh và khu vực tập thể, cùng với bộ phận kinh tế gia đình gắn liền với thành phần đó. Các thành phần kinh tế khác gồm: Kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa (thợ thủ công, nông dân cá thể, những người buôn bán và kinh doanh dịch vụ cá thể); kinh tế tư bản tư nhân; kinh tế tư bản nhà nước dưới nhiều hình thức, mà hình thức cao nhất là công tư hợp doanh; kinh tế tự nhiên, tự cấp, tự túc trong một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên và vùng núi cao khác. Trong các thành phần kinh tế nói trên, *kinh tế xã hội chủ nghĩa với khu vực quốc doanh làm nòng cốt, phải giành được vai trò quyết định trong nền kinh tế quốc dân*, cụ thể là chiếm tỷ trọng lớn cả trong sản xuất và lưu thông, thể hiện được tính ưu việt và chi phối được các thành phần kinh tế khác thông qua liên kết kinh tế. Chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa phải xuất phát từ những đặc trưng nói trên mà đề ra những chủ trương và biện pháp đúng đắn.

Với tinh thần thẳng thắn thừa nhận sự nóng vội trong quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa và quyết tâm sửa chữa cho phù hợp với nhận thức và thực tiễn của thời kỳ quá độ ở nước ta, Đại hội nêu rõ: "mười năm qua, hai kỳ đại hội Đảng đều ghi vào nghị quyết nhiệm vụ căn bản hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nhiệm kỳ đại hội đó, song đều chưa thực hiện được. Cuộc sống cho ta một bài học thấm thía là: Không thể nóng vội làm trái quy luật. Nay phải sửa lại cho đúng như sau: *Đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, với những hình thức và bước đi thích hợp, làm cho quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, luôn luôn có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất*"<sup>1</sup>.

Như vậy, theo quan điểm của Đại hội lần thứ VI, cải tạo xã hội chủ nghĩa không đơn thuần chỉ là thay đổi quan hệ sản xuất, xoá bỏ thật nhanh các thành phần kinh tế "phi" xã hội chủ nghĩa mà là sử dụng đúng đắn các thành phần kinh tế nhằm không ngừng phát triển lực lượng sản xuất, phục vụ những yêu cầu của chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, Đại hội xác định cải tạo xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục trong suốt thời kỳ quá độ,

---

1. ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Sđd, tr. 58.

*cải tạo và sử dụng là hai mặt gắn bó với nhau. Sử dụng để cải tạo, cải tạo để sử dụng tốt hơn.*

Để tiến hành vững chắc công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa, phát huy tác dụng tích cực của cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, Đại hội cho rằng *điều quan trọng nhất là củng cố và phát triển kinh tế xã hội chủ nghĩa đồng thời tạo điều kiện để các thành phần kinh tế khác phát triển.*

Khi thực hiện chính sách kinh tế mới, Lênin rất coi trọng sự phát triển của các thành phần kinh tế khác, nhất là thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa. Lênin nhấn mạnh: "Trong một nước tiểu nông, trước hết các đồng chí phải bắc những chiếc cầu nhỏ vững chắc, đi xuyên qua chủ nghĩa tư bản nhà nước, tiến lên chủ nghĩa xã hội, không bằng cách trực tiếp dựa vào nhiệt tình, mà là với nhiệt tình do cuộc cách mạng vĩ đại sinh ra, bằng cách khuyến khích lợi ích cá nhân, bằng sự quan tâm thiết thân của cá nhân, bằng cách áp dụng chế độ hạch toán kinh tế. Nếu không, các đồng chí sẽ không dẫn được hàng chục và hàng chục triệu người đến chủ nghĩa cộng sản. Đời sống thực tế đã chỉ cho chúng ta như vậy. Bước tiến khách quan của cách mạng đã chỉ rõ cho chúng ta như vậy"<sup>1</sup>.

Quán triệt tinh thần đó, Đại hội lần thứ VI của Đảng chủ trương: "Công bố chính sách khuyến khích nước ngoài đầu tư vào nước ta dưới nhiều hình thức... Đi đôi với việc công bố Luật đầu tư, cần có các chính sách và biện pháp tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài và Việt kiều vào nước ta để hợp tác kinh doanh"<sup>2</sup>. Đó là chủ trương thể hiện sự đổi mới mạnh mẽ tư duy kinh tế, quyết tâm sử dụng có hiệu quả kinh tế tư bản nhà nước.

Đại hội cũng chủ trương sửa đổi, bổ sung và công bố rộng rãi chính sách nhất quán đối với các thành phần kinh tế. Những quy định có tính nguyên tắc phải trở thành pháp luật để mọi người yên tâm, mạnh dạn kinh doanh.

Đối với *kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa*, nhà nước thừa nhận sự cần thiết của bộ phận kinh tế này trong thời kỳ quá độ, hướng dẫn và giúp đỡ nó sản xuất, kinh doanh, liên kết với kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể, vận động những người lao động cá thể đi vào làm ăn tập thể theo nguyên tắc tự nguyện và cùng có lợi. Không nên có thành kiến, phân biệt đối xử, gây khó khăn cho những người lao động cá thể chưa muốn tham gia các tổ chức kinh tế tập thể hoặc xin rút ra khỏi các tổ chức đó. Nhà nước cho phép những nhà *tư sản nhỏ* sử dụng vốn, kiến thức kỹ thuật và quản lý của họ để tổ chức sản xuất, kinh doanh trong một số ngành, nghề thuộc khu vực sản xuất và dịch

1. V.I Lênin, *Toàn tập*, tập 44, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1981, tr. 189.

2. ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Sđd, tr. 85.

vụ ở những nơi cần thiết trong cả nước. Quy mô và phạm vi hoạt động của các cơ sở kinh tế tư bản tư nhân được quy định tùy theo ngành nghề và mặt hàng. Hoạt động của kinh tế tư bản tư nhân được hướng dẫn đi theo quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội bằng nhiều hình thức của kinh tế tư bản nhà nước, thông qua sự kiểm soát của Nhà nước và sự liên kết với kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể. *Kinh tế tư bản nhà nước* là hình thức kinh tế quá độ, có thể được tổ chức từ thấp đến cao, từ đại lý cung ứng và tiêu thụ hàng hóa, làm gia công, cho đến hợp doanh với nhà nước.

### *Hai là, đổi mới cơ chế quản lý kinh tế*

Sau một số năm cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta đã nhận thấy những khuyết tật của cơ chế tập trung quan liêu bao cấp và đã có những điều chỉnh, sửa đổi trong thời kỳ tìm tòi, thử nghiệm ban đầu. Tuy nhiên, do cơ chế tập trung quan liêu bao cấp đã ra đời, tồn tại từ rất lâu, in đậm trong tư duy nếp nghĩ và đã trở thành thói quen trong hành động của mỗi người, mỗi tổ chức cũng như toàn xã hội, vì thế việc xoá bỏ cơ chế quản lý cũ, thiết lập cơ chế quản lý mới là quá trình rất khó khăn, phức tạp. Mặc dù Hội nghị Trung ương tám, khóa V (6-1985) đã quyết định phải dứt khoát xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, thực hiện đúng chế độ tập trung dân chủ, hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa thì mới đẩy mạnh được sản xuất và kinh doanh có hiệu quả, nhưng đến Đại hội VI cơ chế đó vẫn chưa bị xoá bỏ, cơ chế quản lý mới vẫn chưa được xác lập. Thực tế cho thấy, chỉ có thể xoá bỏ cơ chế cũ khi thấy hết những hạn chế, trở ngại của nó và nhất là khi đã có quan điểm, chính sách đúng đắn về các thành phần kinh tế. Đại hội lần thứ VI của Đảng đã làm rõ được quan điểm này: "Việc bố trí lại cơ cấu kinh tế phải đi đôi với đổi mới cơ chế quản lý kinh tế"<sup>1</sup>.

Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, Đại hội đã thẳng thắn chỉ rõ những khuyết tật của cơ chế quản lý cũ. Đại hội cho rằng, cơ chế tập trung quan liêu bao cấp từ nhiều năm nay không tạo được động lực phát triển, làm suy yếu kinh tế xã hội chủ nghĩa, hạn chế việc sử dụng và cải tạo các thành phần kinh tế khác, kìm hãm sản xuất, làm giảm năng suất, chất lượng hiệu quả, gây rối loạn trong phân phối lưu thông và để ra nhiều hiện tượng tiêu cực trong xã hội. Cơ chế đó quản lý nền kinh tế bằng mệnh lệnh hành chính là chủ yếu, với hệ thống chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh từ trên giao xuống, không phù hợp với nguyên tắc tập trung dân chủ. Các cơ quan quản lý hành chính - kinh tế can thiệp quá sâu vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của các đơn vị cơ sở, nhưng lại không

---

1. ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Sđd, tr. 62.



chịu trách nhiệm gì về vật chất đối với các quyết định của mình; các đơn vị kinh tế cơ sở không có quyền tự chủ và cũng không bị ràng buộc trách nhiệm với kết quả sản xuất kinh doanh. Cơ chế đó chưa chú ý đầy đủ đến quan hệ hàng hóa tiền tệ và hiệu quả kinh tế, dẫn đến các cách quản lý kế hoạch hóa thông qua chế độ cấp phát và giao nộp theo quan hệ hiện vật là chủ yếu. Hạch toán kinh tế chỉ là hình thức, không ràng buộc trách nhiệm và lợi ích vật chất đối với hiệu quả sử dụng tiền vốn, tài sản, vật tư, lao động, tách rời việc trả công lao động với số lượng và chất lượng lao động. Cơ chế đó đẻ ra bộ máy quản lý công kênh, với những cán bộ quản lý kém năng động, không thạo kinh doanh, với phong cách quản lý quan liêu, cửa quyền. "Cơ chế cũ gắn liền với tư duy kinh tế dựa trên những quan niệm giản đơn về chủ nghĩa xã hội, mang nặng tính chất chủ quan, duy ý chí"<sup>1</sup>.

Trên cơ sở phân tích, chỉ rõ những khuyết tật của cơ chế tập trung quan liêu bao cấp và những hậu quả nghiêm trọng của nó đối với sự phát triển kinh tế xã hội đất nước, Đại hội quyết định phương hướng đổi mới cơ chế quản lý kinh tế là: xoá bỏ tập trung quan liêu bao cấp, xây dựng cơ chế mới phù hợp với quy luật khách quan và trình độ phát triển của nền kinh tế. Thực chất của cơ chế quản lý mới là *cơ chế kế hoạch hóa theo phương thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đúng nguyên tắc tập trung dân chủ*.

#### *Về đặc trưng của cơ chế quản lý mới*

Theo quan niệm của Đại hội VI, nhà nước xã hội chủ nghĩa nắm các mạch máu kinh tế, do đó có điều kiện và nhất thiết phải quản lý nền kinh tế quốc dân theo một kế hoạch thống nhất. Vì vậy, tính kế hoạch là đặc trưng số một của cơ chế quản lý kinh tế. Tuy nhiên, nội dung kế hoạch đã được nhận thức hoàn toàn mới. Nếu như trước đây, trong cơ chế quản lý kinh tế cũ, hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh chi tiết được xây dựng từ trên, do trên giao xuống với tính chất là mệnh lệnh buộc phải thi hành. Ở đây chỉ có tập trung chứ không có dân chủ. Trong cơ chế quản lý kinh tế mới, vấn đề kế hoạch phải được đổi mới căn bản. Việc xây dựng kế hoạch phải được tiến hành từ cơ sở và tổng hợp từ dưới lên, với sự hướng dẫn, điều hoà, cân đối của Trung ương. Việc giao kế hoạch pháp lệnh chỉ hạn chế trong một số chỉ tiêu thật cần thiết nhằm bảo đảm những cân đối cơ bản. Các cơ quan Trung ương có chức năng quản lý hành chính kinh tế phải giải thoát bớt những công việc sự vụ để tập trung nhiều hơn vào việc nghiên cứu chiến lược vĩ mô, xây dựng kế hoạch dài hạn và trung hạn, bảo đảm các quan hệ cân đối tổng hợp trong nền kinh tế, xây dựng chính sách và pháp luật kinh tế. Đó là những

---

1. ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Sđd, tr. 63.

yếu tố quan trọng để từng bước nâng cao chất lượng kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân.

Đặc trưng thứ hai của cơ chế quản lý kinh tế mới là sử dụng đúng đắn quan hệ hàng hóa - tiền tệ. Đặc trưng này đòi hỏi phải gắn sản xuất với thị trường, mọi hoạt động kinh tế phải so sánh chi phí với hiệu quả; các tổ chức và đơn vị kinh tế phải tự bù đắp chi phí và có lãi để tái sản xuất mở rộng, tức là phải hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Thực ra trong Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương trình bày tại Đại hội VI không chỉ đề cập đến riêng quan hệ hàng hóa - tiền tệ khi xem xét cơ chế quản lý mới, mà đã đề cập cả đến nền kinh tế hàng hóa và các quy luật của sản xuất hàng hóa. Đại hội cho rằng: "Quá trình từ sản xuất nhỏ đi lên sản xuất lớn ở nước ta là quá trình chuyển hóa nền kinh tế còn nhiều tính chất tự cấp, tự túc thành nền kinh tế hàng hóa. Chúng ta đang quản lý có kế hoạch một nền kinh tế sản xuất hàng hóa với những đặc điểm của thời kỳ quá độ". Vì vậy, quá trình xây dựng cơ chế quản lý mới phải vận dụng tổng hợp hệ thống các quy luật đang tác động trong nền kinh tế. Trong hệ thống các quy luật đó, các quy luật đặc thù của chủ nghĩa xã hội được vận dụng trong một thể thống nhất với các quy luật sản xuất hàng hóa, đặc biệt là quy luật giá trị, quan hệ cung - cầu, quan hệ hàng hóa - tiền tệ... Việc thừa nhận phải xây dựng nền kinh tế nước ta thành một nền kinh tế hàng hóa, một nền kinh tế sản xuất hàng hóa là bước đổi mới rất căn bản trong tư duy kinh tế của Đảng ta.

*Về nguyên tắc tập trung dân chủ trong cơ chế quản lý kinh tế mới.* Trên cơ sở khẳng định: "Chính cơ chế quản lý còn nặng tính chất tập trung quan liêu, vừa gò bó cấp dưới, vừa làm giảm hiệu lực quản lý tập trung là nguyên nhân trực tiếp làm rối loạn trật tự, kỷ cương"<sup>2</sup>, Đại hội cho rằng: "Không thể khắc phục sự rối ren bằng cách quay trở lại cơ chế cũ, mà phải kiên quyết thực hiện phân cấp quản lý theo nguyên tắc tập trung dân chủ"<sup>3</sup>.

Việc phân cấp quản lý phải bảo đảm quyền làm chủ của ba cấp: quyền quyết định của Trung ương (bao gồm cả các ngành Trung ương) đối với những lĩnh vực then chốt, những vấn đề có ý nghĩa chiến lược, bảo đảm cho sự phát triển cân đối của toàn bộ nền kinh tế; quyền chủ động của các địa phương trong việc thực hiện trách nhiệm quản lý kinh tế xã hội trên địa bàn lãnh thổ; quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở và vai trò làm chủ của các tập thể lao động. Trong sự phân công, phân cấp quản lý, trách nhiệm phải đi đôi với quyền hạn, nghĩa vụ gắn liền với lợi ích.

---

1, 2, 3. ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Sđd, tr. 63, 66.

Nhà nước kiểm soát và điều khiển các xí nghiệp và đơn vị sản xuất, kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế bằng pháp luật, chính sách kinh tế, chính sách tiến bộ kỹ thuật, thay cho sự can thiệp sâu vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của các xí nghiệp. Pháp luật quy định những giới hạn mà các xí nghiệp không được vi phạm. Các xí nghiệp tự lựa chọn các quyết định về sản xuất, kinh doanh có lợi nhất theo phương hướng của kế hoạch Nhà nước, bảo đảm đúng pháp luật.

Nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý kinh tế đòi hỏi phải đề cao kỷ luật và pháp luật. Sự chỉ đạo và điều hành từ trên xuống dưới, trước hết là từ các cơ quan Trung ương, phải thống nhất theo nghị quyết của Đảng và Nhà nước, theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đã được xác định. Cấp dưới phải phục tùng cấp trên, cấp trên phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình.

Như vậy, từ sự tổng kết thực tiễn quá trình tìm tòi, thử nghiệm cơ chế quản lý kinh tế, trên cơ sở nhận thức ngày càng sâu sắc hơn về lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, có tham khảo những kinh nghiệm tốt của thế giới, Đại hội lần thứ VI của Đảng đã đưa ra phương hướng và nội dung chủ yếu của việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế ở nước ta. Tuy nhiên, Đại hội cũng xác định: "Đổi mới cơ chế quản lý là một quá trình cải cách có ý nghĩa cách mạng sâu sắc, là cuộc đấu tranh giữa cái mới và cái cũ, cái tiến bộ và cái lạc hậu. Cuộc đấu tranh để đổi mới không những bị sức mạnh của thói quen níu lại, mà còn vấp phải những đặc quyền, đặc lợi của một số người gắn bó với cơ chế cũ. Đây là cuộc đấu tranh trong nội bộ Đảng và cơ quan nhà nước, đấu tranh giữa những người đồng chí, đấu tranh với chính bản thân mình"<sup>1</sup>. Vì vậy, chúng ta phải khắc phục trở ngại chính hiện nay là tư tưởng bảo thủ muốn quay trở lại cơ chế cũ đã quen thuộc, do dự không dám giải quyết những vấn đề đã chín muồi.

### *Ba là, mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại*

Trong lịch sử lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta không bao giờ theo đuổi đường lối biệt lập, mà luôn coi việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là một nguyên tắc cơ bản trong đường lối chiến lược của mình.

Ngay từ khi mới giành được độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hòa đã chủ động mở cửa, hội nhập nền kinh tế thế giới. Trong "Lời kêu gọi Liên hợp quốc" (12-1946) Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: "Nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực... dành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà

---

1. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Sđd, tr. 65.

tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình... sẵn sàng mở rộng các cảng, sân bay và đường sá giao thông cho việc buôn bán và quá cảnh quốc tế... chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên hợp quốc"<sup>1</sup>.

Sau đó, ngày 16 tháng 7 năm 1947, khi trả lời một nhà báo nước ngoài Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "Chúng tôi chủ trương làm cho tư bản Việt Nam phát triển. Mà chỉ có thống nhất và độc lập thì tư bản Việt Nam mới có thể phát triển. Đồng thời, chúng tôi rất hoan nghênh tư bản Pháp và tư bản các nước thật thà cộng tác với chúng tôi. Một là để xây dựng lại Việt Nam sau lúc bị chiến tranh tàn phá, hai là để điều hòa kinh tế thế giới và giữ yên hòa bình"<sup>2</sup>.

Tuy nhiên, do hoàn cảnh lịch sử, dân tộc ta phải liên tục tiến hành hai cuộc kháng chiến chống đế quốc Pháp và đế quốc Mỹ để thống nhất nước nhà, nên chúng ta đã không thể triển khai một cách đầy đủ tư tưởng mở cửa, hội nhập kinh tế nói trên.

Khi cả nước được hòa bình, thống nhất, bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đại hội lần thứ IV của Đảng (12-1976) đã chủ trương: "Kết hợp phát triển kinh tế trong nước với mở rộng quan hệ kinh tế với nước ngoài. Do tầm quan trọng của nó, công tác kinh tế đối ngoại phải được tăng cường"<sup>3</sup>. Đại hội cũng đề ra nguyên tắc chiến lược và phương hướng chủ yếu của công tác kinh tế đối ngoại là "Mở rộng và tăng cường hợp tác toàn diện với Liên Xô và phát triển hợp tác với các nước khác trong Hội đồng tương trợ kinh tế... mở rộng hợp tác toàn diện và giúp đỡ lẫn nhau với Lào, Campuchia... đồng thời mở rộng thích đáng quan hệ kinh tế với các nước ngoài hệ thống xã hội chủ nghĩa"<sup>4</sup>.

Thực hiện chủ trương của Đại hội IV, trong thời kỳ 1976-1985 mặc dù chúng ta đã có nhiều cố gắng để mở rộng hợp tác kinh tế quốc tế, song những kết quả đạt được đã không như mong muốn. Có nhiều nguyên nhân trong đó chủ yếu là: *thứ nhất*, hệ thống chính sách kinh tế và chính sách đối ngoại của ta thời kỳ này có nhiều bất cập do chủ quan, duy ý chí; *thứ hai*, việc duy trì quá lâu cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp và cả những sai lầm, khuyết điểm trong tổ chức và chỉ đạo nên kết quả phát triển kinh tế - xã hội đạt thấp, nền kinh tế đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng và kéo dài; *thứ ba*, môi trường quốc tế có nhiều yếu tố không thuận lợi

---

1, 2. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 470, 170.

3, 4. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1977, tr. 69.

cho ta: đối đầu căng thẳng giữa hai hệ thống chính trị - xã hội thế giới, quan hệ Việt Nam - Trung Quốc diễn biến theo chiều hướng xấu; đặc biệt là chính sách bao vây, cấm vận kinh tế mà Mỹ và các nước phương Tây đã áp dụng đối với Việt Nam từ sau năm 1975.

Có thể thấy, khi Đảng ta khởi xướng sự nghiệp đổi mới, đất nước vừa trong tình trạng khủng hoảng trầm trọng về kinh tế xã hội, vừa trong tình trạng bị bao vây cấm vận. Sẽ đổi mới ra sao để vừa phá được thế bao vây cấm vận, vừa mở rộng được thị trường, gia tăng đối tác, tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế đối ngoại phát triển, góp phần tích cực đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội? Giải quyết vấn đề này thực sự không đơn giản.

Xuất phát từ những đòi hỏi cấp bách của thực tiễn, đồng thời trên cơ sở quán triệt, thực hiện những quan điểm tư tưởng của Hồ Chí Minh về mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế, Đại hội lần thứ VI của Đảng xác định: "Nhiệm vụ ổn định và phát triển kinh tế trong chặng đường đầu tiên cũng như sự nghiệp phát triển khoa học - kỹ thuật và công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa của nước ta tiến hành nhanh hay chậm, điều đó phụ thuộc một phần quan trọng vào việc mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại"<sup>1</sup>. Từ đó, Đại hội chủ trương sử dụng tốt mọi khả năng mở rộng quan hệ thương mại, hợp tác kinh tế và khoa học, kỹ thuật với bên ngoài để phục vụ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, trong đó Liên Xô vẫn được coi là đối tác chủ yếu; đồng thời tranh thủ mở mang quan hệ kinh tế và khoa học, kỹ thuật với các nước thế giới thứ ba, các nước công nghiệp phát triển, các tổ chức quốc tế và tư nhân nước ngoài trên nguyên tắc bình đẳng cùng có lợi.

Về nội dung chính của chính sách kinh tế đối ngoại, Đại hội xác định, khâu quan trọng nhất là *đẩy mạnh xuất khẩu* để đáp ứng nhu cầu nhập khẩu. Trong đó, các sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp được xác định là những mặt hàng chủ lực cần được đầu tư đẩy mạnh sản xuất. Trong hoạt động nhập khẩu, phải chú ý nhập các mặt hàng phù hợp và phục vụ tốt cho việc bố trí lại cơ cấu sản xuất, điều chỉnh cơ cấu đầu tư. Để thực hiện chủ trương đó, phải đổi mới cơ chế quản lý, sắp xếp lại các đơn vị sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu; đổi mới hoạt động của Ngân hàng ngoại thương; có chính sách khuyến khích Việt kiều gửi tiền và vật tư về nước.

Đại hội nhấn mạnh: "Việc mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại sẽ làm nảy sinh những vấn đề phức tạp, cần có biện pháp hạn chế và ngăn ngừa những hiện tượng tiêu cực, song không vì thế mà đóng cửa lại"<sup>2</sup>. Vì vậy, cần có kế

---

1, 2. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Sđd, tr. 81, 85-86.

hoạch đào tạo, bồi dưỡng về phẩm chất và năng lực kinh doanh cho đội ngũ làm kinh tế đối ngoại, kể cả những cán bộ làm công tác này và những cán bộ ở các cơ sở sản xuất, kinh doanh có quan hệ giao dịch với nước ngoài.

### *Bốn là, đổi mới chính sách xã hội*

Cùng với việc đổi mới tư duy về kinh tế, Đại hội lần thứ VI của Đảng cũng đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong nhận thức về chính sách xã hội. Trong các văn kiện, nghị quyết của Đảng trước thời kỳ đổi mới, chính sách xã hội chỉ được coi như là một giải pháp hỗ trợ, bổ sung cho chính sách kinh tế, thậm chí có quan điểm coi chính sách xã hội chỉ là chính sách về phúc lợi và trợ cấp xã hội cho một số đối tượng. Đã có lúc, chúng ta coi con người là phương tiện chứ không phải là chủ thể của cuộc hành quân đạt tới mục đích xây dựng cuộc sống mới. Bài học đã phải trả giá là những động lực to lớn của sự phát triển không được phát huy, đất nước lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài. Đó là hiện tượng xa lạ với bản chất của chủ nghĩa xã hội. Tại Đại hội VI, lần đầu tiên trong quan niệm về chủ nghĩa xã hội, Đảng ta đã đặt đúng tầm vấn đề xã hội trong mối quan hệ với kinh tế.

Đại hội cho rằng: "Chính sách xã hội bao trùm mọi mặt của cuộc sống con người: điều kiện lao động và sinh hoạt, giáo dục và văn hóa, quan hệ gia đình, quan hệ giai cấp, quan hệ dân tộc... Cần thể hiện đầy đủ trong thực tế quan điểm của Đảng và Nhà nước về sự thống nhất giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội"<sup>1</sup>. Mục đích của chính sách xã hội là phục vụ con người, nhằm phát huy yếu tố con người, tạo động lực để thúc đẩy phát triển kinh tế và các lĩnh vực khác. Coi nhẹ chính sách xã hội là coi nhẹ yếu tố con người trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đại hội cho rằng: "Trình độ phát triển kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện chính sách xã hội, nhưng những mục tiêu xã hội lại là mục đích của các hoạt động kinh tế"<sup>2</sup>. Vì vậy, *cần có chính sách xã hội cơ bản, lâu dài* và xác định được những nhiệm vụ, mục tiêu phù hợp với yêu cầu, khả năng trong chặng đường đầu tiên.

Từ những quan điểm trên, Đại hội xác định, trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên, cần tập trung giải quyết tốt những vấn đề cơ bản sau đây: chính sách về dân số, giải quyết việc làm cho người lao động; thực hiện công bằng xã hội, lối sống có văn hóa, bảo đảm an toàn xã hội, khôi phục trật tự, kỷ cương trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; chăm lo đáp ứng các nhu cầu giáo dục, văn hóa, bảo vệ và tăng cường sức khỏe của nhân dân; triển khai xây dựng chính sách bảo hộ xã hội; thực hiện đúng chính sách giai cấp và chính sách dân tộc. Đó là những vấn đề vừa cơ bản, vừa cấp bách, lâu dài;

---

1, 2. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Sđd, tr. 86.

có liên quan và ảnh hưởng trực tiếp đến mọi người cũng như sự ổn định, lành mạnh của cả xã hội. Đó cũng chính là mục tiêu của phát triển kinh tế.

### *Năm là, đổi mới chính sách đối ngoại*

Trên cơ sở nhận định, vấn đề có tính quy luật của cách mạng trong thời đại ngày nay là sự kết hợp cuộc đấu tranh của nhân dân mỗi nước với cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới, Đại hội lần thứ VI của Đảng đã đưa ra hệ thống các quan điểm về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ chỉ đạo hoạt động đối ngoại.

Đại hội xác định, mục tiêu hàng đầu của chính sách đối ngoại là *hòa bình và phát triển*. Nghị quyết Đại hội chỉ rõ: "Trong những năm tới, nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước ta trên lĩnh vực đối ngoại là ra sức kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, phấn đấu giữ vững hòa bình ở Đông Dương, góp phần tích cực giữ vững hòa bình ở Đông Nam Á và trên thế giới... tranh thủ điều kiện quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc..."<sup>1</sup>.

Hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta, bên cạnh việc phục vụ cho cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh chính trị, làm thất bại cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, cần phải "Tranh thủ những điều kiện thuận lợi mới về hợp tác kinh tế và khoa học, kỹ thuật, tham gia ngày càng rộng rãi việc phân công và hợp tác trong Hội đồng tương trợ kinh tế, đồng thời tranh thủ mở rộng quan hệ với các nước khác"<sup>2</sup>.

Để thực hiện những mục tiêu, nhiệm vụ nêu trên, Đại hội xác định sáu chính sách lớn, bao gồm: Tăng cường đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô; phát triển và củng cố mối quan hệ đặc biệt giữa ba nước Đông Dương; tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa khác; ủng hộ một cách nhất quán và triệt để phong trào đấu tranh giải phóng và độc lập dân tộc; ủng hộ mạnh mẽ cuộc đấu tranh anh dũng của giai cấp công nhân và nhân dân ở các nước tư bản chủ nghĩa; tích cực góp phần vào việc tăng cường đoàn kết, hợp tác trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Những chính sách lớn nêu trên, về cơ bản vẫn được hoạch định trên cơ sở ý thức hệ của thời kỳ đối đầu Đông - Tây. Tuy nhiên, những trọng điểm đối ngoại cụ thể được xác định trong Văn kiện Đại hội đã phản ánh rõ nét sự chuyển hướng quan trọng trong tư duy đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta.

---

1, 2. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Sđd, tr. 99.

*Trước hết, đó là việc giải quyết vấn đề Campuchia.* Đây là vấn đề đối ngoại phức tạp nhất, cần tháo gỡ. Bởi trên thực tế từ năm 1979, bất chấp những thiện chí của Đảng, Nhà nước và Quân đội nhân dân Việt Nam, một số đối tượng như Mỹ, các nước trong khu vực và một số nước lớn khác luôn đặt vấn đề Campuchia là điều kiện tiên quyết cho việc chấm dứt bao vây, cấm vận và bình thường hóa quan hệ với Việt Nam. Trước tình hình đó, Đại hội lần thứ VI của Đảng nêu rõ: "Chính phủ ta chủ trương tiếp tục rút quân tình nguyện Việt Nam khỏi Campuchia, đồng thời sẵn sàng hợp tác với tất cả các bên để đi tới một giải pháp chính trị đúng đắn về Campuchia"<sup>1</sup>.

*Hai là, vấn đề bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc.* Trên cơ sở khẳng định mối quan hệ hữu nghị lâu đời, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau giữa nhân dân hai nước, Đại hội lần thứ VI của Đảng nêu rõ: "Chính phủ và nhân dân Việt Nam, trước sau như một, quý trọng và nhất định làm hết sức mình để khôi phục tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước... Lập trường của chúng ta là lấy lợi ích cơ bản và lâu dài của hai nước làm trọng"<sup>2</sup>. Từ đó, Đại hội ra tuyên bố: "Việt Nam sẵn sàng đàm phán với Trung Quốc bất cứ lúc nào, bất cứ cấp nào và bất cứ ở đâu nhằm bình thường hóa quan hệ giữa hai nước, vì lợi ích của nhân dân hai nước, vì hòa bình ở Đông Nam Á và trên thế giới"<sup>3</sup>.

*Ba là, đối với các nước trong khu vực,* đã có một thời, vì nhiều lý do khác nhau, chúng ta đã chủ trương tăng cường liên minh ba nước Đông Dương làm đối trọng với các nước ASEAN. Bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng ta đã kịp thời nắm bắt lợi ích chung của các nước trong khu vực và đánh giá đúng đắn vị trí, vai trò quan trọng của tổ chức ASEAN. Vì vậy, Đại hội lần thứ VI của Đảng khẳng định: "Chúng ta mong muốn và sẵn sàng cùng các nước trong khu vực thương lượng để giải quyết các vấn đề ở Đông Nam Á, thiết lập quan hệ cùng tồn tại hòa bình, xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hòa bình, ổn định và hợp tác"<sup>4</sup>.

*Thứ tư, đối với Mỹ và các nước phương Tây.* Mặc dù đã bị thất bại trong chiến tranh xâm lược Việt Nam, nhưng Mỹ vẫn không từ bỏ âm mưu chống phá cách mạng nước ta. Trên thực tế, từ sau năm 1975, Mỹ đã tiến hành nhiều hoạt động chống phá, đồng thời lôi kéo các nước phương Tây nhằm hạn chế sự phát triển của cách mạng Việt Nam. Trước tình hình đó, Đại hội lần thứ VI của Đảng đã nêu rõ lập trường: "Chính phủ ta tiếp tục bàn bạc với Mỹ giải quyết các vấn đề nhân đạo do chiến tranh để lại và sẵn sàng cải thiện quan hệ với Mỹ vì lợi ích hòa bình, ổn định ở Đông Nam Á". Mặt khác,

---

1, 2, 3, 4. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Sđd, tr. 107, 99, 108, 110.



Đại hội chủ trương tăng cường và mở rộng quan hệ với các nước phương Tây trên cơ sở bình đẳng và cùng có lợi.

Như vậy, dù chưa hình thành một đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ như hiện nay, nhưng những trọng điểm đối ngoại mà Đại hội VI của Đảng đề ra là hoàn toàn đúng đắn, thể hiện sự đổi mới căn bản trong tư duy đối ngoại của Đảng ta.

*Sáu là, đổi mới cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ*

Cùng với việc xây dựng cơ chế quản lý mới, Đại hội lần thứ VI của Đảng cũng xác định phải xây dựng và ngày càng hoàn thiện cơ chế *Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ*, coi đó là điều kiện tiên quyết không thể thiếu để bảo đảm cho sự nghiệp đổi mới đi đến thắng lợi.

Cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý đã được Đảng ta đưa ra từ đầu những năm 70 của thế kỷ XX. Quá trình thực hiện cơ chế đó, bên cạnh những gì làm được vẫn tồn tại không ít những khuyết điểm yếu kém. Đại hội lần thứ VI của Đảng đánh giá: "trong xã hội ta đang có những hiện tượng không bình thường". Đó là: sự thiếu gắn bó chặt chẽ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân; tình trạng quan liêu trong các cơ quan lãnh đạo, quản lý và các tổ chức chuyên trách về công tác quần chúng; một bộ phận cán bộ, đảng viên nhất là những người có chức có quyền, quên những năm tháng cùng nhân dân đồng cam cộng khổ trong chiến tranh, đã sống xa dân, không quan tâm giải quyết những vấn đề bức thiết do quần chúng đặt ra; có những cấp ủy đảng coi nhẹ công tác quần chúng, không dựa vào nhân dân để chỉ đạo và kiểm tra các tổ chức cơ sở đảng; không ít cơ quan chính quyền không tôn trọng ý kiến của nhân dân, không làm công tác vận động quần chúng, chỉ quen dùng các biện pháp hành chính, Đảng chưa có được cơ chế thích hợp để phát huy vai trò của các tổ chức quần chúng, các tổ chức đoàn thể cũng chưa tích cực đổi mới phương thức hoạt động để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới...

Những khuyết điểm, yếu kém trên đây đã làm cho mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân bị suy giảm, đồng thời cũng làm cho bộ máy của Đảng và Nhà nước hoạt động kém hiệu quả, hiệu lực. Nguyên nhân cơ bản dẫn đến tình trạng trên là: "cơ chế kết hợp hoạt động giữa Đảng, nhân dân và Nhà nước chưa được cụ thể hóa thành thể chế"<sup>1</sup>. Vì vậy, phương hướng đổi mới cơ chế được Đại hội VI xác định là:

---

1. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Sđd, tr. 108.

*Phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân, tạo ra phong trào hành động cách mạng sôi nổi của quần chúng*

Đại hội cho rằng, những mục tiêu do Đại hội Đảng đề ra chỉ có thể đạt được bằng hành động cách mạng sáng tạo của hàng triệu quần chúng. Vì vậy, các cấp ủy đảng và các cơ quan chính quyền cần có biện pháp cụ thể và tích cực nhằm động viên nhiệt tình cách mạng của quần chúng, thật sự coi trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, tổ chức cho quần chúng tham gia tích cực vào việc cụ thể hóa đường lối của Đảng và phấn đấu thực hiện thắng lợi đường lối ấy. Phải xoá bỏ nhận thức sai lầm coi công tác quần chúng chỉ là biện pháp để tổ chức, động viên nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách. Đối với những chủ trương, chính sách có quan hệ trực tiếp tới đời sống nhân dân trên phạm vi cả nước cũng như ở các địa phương, cơ sở thì cấp ủy đảng và chính quyền phải trưng cầu ý kiến nhân dân trước khi quyết định. Phải thực hiện tốt phương châm: *dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*, đó là nền nếp hàng ngày của xã hội mới, thể hiện chế độ nhân dân lao động tự quản lý Nhà nước của mình. Trong những năm trước mắt, cần đặc biệt quan tâm bồi dưỡng nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa và trình độ hiểu biết mọi mặt của quần chúng, đồng thời tích cực chăm lo đời sống vật chất và văn hóa của người lao động, kết hợp hài hòa lợi ích của Nhà nước, của tập thể với lợi ích của người lao động. Đại hội nhấn mạnh *lợi ích của người lao động là một trong những động lực quan trọng của phong trào quần chúng*.

Các tổ chức đoàn thể quần chúng, trước hết là Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Mặt trận tổ quốc... cần tích cực đổi mới nội dung và phương thức hoạt động cho phù hợp với tình hình và yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Phải hướng mạnh về cơ sở, đi sâu giáo dục, động viên các tầng lớp nhân dân tham gia tích cực vào công việc quản lý kinh tế, quản lý nhà nước, quản lý xã hội, xây dựng Đảng; tích cực tạo ra những phong trào cách mạng sôi nổi của quần chúng.

*Tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước*

Nhà nước ta là công cụ của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa do giai cấp công nhân và nhân dân lao động tổ chức thành cơ quan quyền lực chính trị. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước có trách nhiệm thể chế hóa bằng pháp luật quyền hạn, lợi ích, nghĩa vụ của nhân dân lao động và quản lý kinh tế, xã hội theo pháp luật. Nhà nước bảo đảm quyền dân chủ thực sự của nhân dân lao động, đồng thời kiên quyết trừng trị những kẻ vi phạm quyền làm chủ của nhân dân. Vì thế, tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước là công tác cấp bách, là điều kiện tất yếu bảo đảm huy động lực lượng

to lớn của quần chúng nhân dân để hoàn thành mọi nhiệm vụ chính trị do Đảng đề ra, đáp ứng được yêu cầu và nguyện vọng của nhân dân.

Để tăng cường hiệu lực quản lý của bộ máy Nhà nước, Đại hội chủ trương *thực hiện một cuộc cải cách lớn về tổ chức bộ máy của các cơ quan Nhà nước* theo hướng bảo đảm gọn nhẹ, có chất lượng cao, với một đội ngũ cán bộ có phẩm chất chính trị và có năng lực quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Cuộc cải cách này sẽ tập trung vào ba nội dung lớn: *một là* cần phân biệt rành mạch nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của từng cấp trong bộ máy Nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, phân biệt rõ chức năng quản lý hành chính - kinh tế với quản lý sản xuất - kinh doanh; *hai là*, việc lựa chọn, bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp không gò ép, không hình thức; *ba là*, thực hiện sắp xếp lại tổ chức, tinh giản bộ máy quản lý hành chính Nhà nước.

Mặt khác, phải tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, dùng sức mạnh của pháp chế kết hợp với sức mạnh của dư luận quần chúng để đấu tranh chống những hành vi phạm pháp. Muốn tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, quản lý đất nước bằng pháp luật cần phải tạo ra những điều kiện thuận lợi cho việc thi hành pháp luật. Cụ thể là: cần phải xây dựng, bổ sung và hoàn chỉnh hệ thống pháp luật; coi trọng công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật bằng nhiều hình thức và biện pháp để xây dựng ý thức tôn trọng pháp luật trong cán bộ, nhân dân; cần tiến hành một cuộc đấu tranh không khoan nhượng chống các hành vi phạm pháp, hối lộ, cửa quyền, nghiêm trị những phần tử biến chất lợi dụng danh nghĩa Đảng và chính quyền để đục khoét nhân dân, áp bức quần chúng; phải biết kết hợp chặt chẽ và đồng bộ cả ba loại biện pháp hành chính, kinh tế và giáo dục.

*Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, làm cho sự lãnh đạo của Đảng ngang tầm những nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.*

Tổng kết công tác lãnh đạo của Đảng trong mười năm (1976-1986), Đại hội lần thứ VI của Đảng khẳng định, tất cả những gì đã làm được và chưa làm được cũng chứng tỏ rằng *sự lãnh đạo của Đảng chưa ngang tầm những nhiệm vụ của giai đoạn mới*. Sự chưa ngang tầm thể hiện trên các mặt: chưa giải quyết thành công những vấn đề kinh tế, xã hội; việc rèn luyện cán bộ, đảng viên còn nhiều thiếu sót; phong cách lãnh đạo chưa được cải tiến để đáp ứng những đòi hỏi của tình hình mới. Nguồn gốc sâu xa của sự không ngang tầm ấy là ở chỗ, trong nhiều năm, chúng ta đã coi nhẹ và có khuyết điểm trong công tác xây dựng Đảng.

Quy mô rộng lớn và tính chất phức tạp của những nhiệm vụ trong giai đoạn mới đòi hỏi Đảng phải không ngừng trưởng thành về lãnh đạo chính

trị, phát triển và cụ thể hóa đường lối, đề ra những giải pháp đúng đắn đối với những vấn đề mới của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Đảng phải nâng cao được sức chiến đấu và năng lực tổ chức thực tiễn của mình cùng với việc nâng cao hiệu lực quản lý kinh tế, xã hội của Nhà nước. Đảng phải đổi mới về nhiều mặt: "đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế; đổi mới tổ chức; đổi mới công tác cán bộ; đổi mới phong cách lãnh đạo và lề lối làm việc"<sup>1</sup>.

Phải đặt vấn đề *đổi mới tư duy*, trước hết là tư duy kinh tế lên hàng đầu, vì một trong những nguyên nhân căn bản dẫn đến tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội ở nước ta là do trong nhiều năm qua nhận thức của chúng ta về chủ nghĩa xã hội có nhiều quan niệm lạc hậu, nhất là những quan niệm về công nghiệp hóa, về cải tạo xã hội chủ nghĩa, về phân phối lưu thông... Do đó phải đổi mới, trước hết là đổi mới tư duy, chúng ta mới có thể vượt qua khó khăn, thực hiện được những mục tiêu do Đại hội VI đề ra. Song, đổi mới tư duy không có nghĩa là phủ nhận những thành tựu lý luận đã đạt được, phủ nhận những quy luật phổ biến của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, phủ nhận đường lối đúng đắn đã được xác định... trái lại đổi mới chính là bổ sung và phát triển những thành tựu ấy. Thấy rõ việc đổi mới tư duy không phải là dễ dàng, sẽ gặp nhiều trở ngại không nhỏ, Đại hội đã chỉ ra sự cần thiết phải tạo ra điều kiện cho quá trình đổi mới tư duy, đó là bầu không khí dân chủ trong xã hội, nhất là trong sinh hoạt Đảng, trong nghiên cứu khoa học; tinh thần tôn trọng sự thật, tôn trọng chân lý; hệ thống thông tin chính xác; tự phê bình và phê bình phải được tiến hành một cách thường xuyên và nghiêm túc; đặc biệt là phải coi trọng công tác lý luận nhằm cung cấp nội dung khoa học cho việc đổi mới tư duy. Đó là những điều kiện cơ bản để bảo đảm cho việc đổi mới tư duy đạt hiệu quả.

Về *đổi mới công tác tổ chức, công tác cán bộ*. Đây là lĩnh vực đặc biệt quan trọng trong việc nâng cao sức chiến đấu và năng lực tổ chức thực tiễn của Đảng. Sức mạnh của Đảng chính là ở tổ chức. Vấn đề cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp có vai trò đặc biệt quan trọng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: *Cán bộ là cái gốc của mọi công việc, công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém*. Báo cáo Chính trị trình Đại hội VI của Đảng đã nêu rõ: "Trong công tác tổ chức, khuyết điểm lớn nhất là sự trì trệ, chậm đổi mới công tác cán bộ. Việc lựa chọn, bố trí cán bộ vào các cơ quan lãnh đạo và quản lý các cấp còn theo một số quan niệm cũ kỹ và tiêu chuẩn không đúng đắn, mang nặng tính hình thức, không xuất phát từ yêu cầu của nhiệm

---

1. ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Sđd, tr. 124.

vụ chính trị và yêu cầu của công việc, cách làm lại thiếu quy hoạch, chưa chú ý lắng nghe ý kiến của quần chúng"<sup>1</sup>.

Trong phần tự phê bình về trách nhiệm của mình, Ban Chấp hành Trung ương cũng khẳng định: "Cần nhấn mạnh rằng, việc chậm bố trí đúng sự chuyển tiếp hạt nhân lãnh đạo là một nguyên nhân trực tiếp làm cho sự lãnh đạo của Đảng trong những năm gần đây không đáp ứng những đòi hỏi của tình hình mới"<sup>2</sup>. Vì vậy, Đại hội đã khẳng định mạnh mẽ quyết tâm đổi mới công tác cán bộ, trước hết là đổi mới đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp, coi đó "là mắt xích quan trọng mà Đảng ta phải nắm lấy để thúc đẩy những cuộc cải cách có ý nghĩa cách mạng"<sup>3</sup>. Đại hội đã đưa ra một hệ thống các quan điểm để chỉ đạo đổi mới công tác cán bộ: *Đổi mới quan điểm đánh giá cán bộ*, phải lấy hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chính trị làm thước đo phẩm chất và năng lực của cán bộ; *việc bố trí, sử dụng cán bộ* phải căn cứ vào nhu cầu và nhiệm vụ chính trị cụ thể của Đảng, của từng tổ chức, từ phẩm chất và năng lực của từng người; phải kết hợp đúng đắn cán bộ nhiều tuổi với cán bộ trẻ tuổi để tăng cường sức chiến đấu, tính năng động của đội ngũ cán bộ và để bảo đảm sự kế thừa liên tục ở các cơ quan lãnh đạo, tránh thay đổi vội vàng; phải *thực hiện dân chủ hóa công tác cán bộ* bằng những quy chế rõ ràng, từ lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng đến bố trí, sắp xếp, phải coi công tác cán bộ là công việc chung của các cơ quan Đảng, Nhà nước chứ không phải chỉ là việc riêng của cơ quan làm công tác tổ chức và những cán bộ tổ chức, lại càng không thể coi công tác cán bộ chỉ là đặc quyền của một số cán bộ có chức có quyền; phải thực hiện *cơ chế quản lý cán bộ* một cách khoa học, chặt chẽ, bảo đảm cho việc lựa chọn, bố trí, sắp xếp, sử dụng cán bộ đúng đắn, chính xác, loại trừ những yếu tố ngẫu nhiên, may rủi, những động cơ không lành mạnh trong việc phát hiện, tuyển lựa, bố trí và sử dụng cán bộ, để loại trừ những phần tử xấu, cơ hội chui vào bộ máy Đảng và Nhà nước.

*Về đổi mới phong cách lãnh đạo và lề lối làm việc*: Đại hội cho rằng, do đặc điểm quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ một nền sản xuất nhỏ là chủ yếu nên chúng ta đã chịu ảnh hưởng khá nặng nề và dai dẳng của kiểu làm việc theo lối thủ công, quan liêu, lời nói không đi đôi với việc làm. Kiểu làm đó đã hạn chế không ít thành tích và ưu điểm của chúng ta. Vì thế, để đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên, để tăng cường sức chiến đấu và năng lực tổ chức thực tiễn của mình, Đảng phải kiên quyết khắc phục cách làm việc thủ công và quan liêu, kiên quyết và mạnh dạn thực hiện sự đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác, phấn đấu xây dựng phong cách lãnh đạo và công tác mang

---

1, 2, 3. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Sđd, tr. 27-28, 132.

tính cách mạng và khoa học. Đổi mới phong cách lãnh đạo và lề lối làm việc đòi hỏi: phải thực hiện nghiêm chỉnh nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; đi sâu đi sát thực tế cơ sở; coi trọng công tác kiểm tra... Đại hội đã đưa ra một số nội dung mới và yêu cầu cần phải quán triệt và thực hiện nghiêm túc, đó là: cần thiết lập trong Đảng một chế độ thông tin nhanh chóng và chính xác; nâng cao chất lượng sinh hoạt của các cấp ủy từ trên xuống dưới; khắc phục tình trạng đa số dựa dẫm, ỷ lại vào một số người chủ chốt, tham gia biểu quyết những quyết định quan trọng nhưng không nắm được vấn đề đầy đủ và chính xác... Đại hội cũng *chủ trương tiến hành một cuộc vận động làm trong sạch Đảng, khắc phục những hiện tượng hư hỏng trong bộ máy Đảng và Nhà nước, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực, nhằm bảo đảm cho Đảng ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.*

Như vậy, trước những đòi hỏi bức xúc của thực tiễn, với tinh thần và ý thức trách nhiệm cao cả trước vận mệnh của đất nước, tiền đồ của dân tộc, tương lai và hạnh phúc của nhân dân, Đại hội lần thứ VI của Đảng đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện, mở ra bước ngoặt quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Đường lối đó là sự kết tụ sáng kiến của quần chúng nhân dân với tư duy đổi mới của Đảng, thể hiện sự trung thành, nhận thức đúng đắn và sâu sắc hơn lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, có tham khảo những kinh nghiệm tốt của thế giới nhưng không sao chép bất cứ mô hình có sẵn nào.

## **II. ĐẢNG LÃNH ĐẠO TẬP TRUNG GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ CẤP BÁCH, ĐƯA ĐẤT NƯỚC VƯỢT QUA KHÓ KHĂN, THỬ THÁCH GIÀNH THẮNG LỢI BƯỚC ĐẦU (1986-1991)**

### **1. Tập trung chỉ đạo giải quyết những vấn đề cấp bách trên lĩnh vực phân phối lưu thông**

Một trong những khâu yếu nhất và tồn tại rất dai dẳng trong quá trình lãnh đạo phát triển kinh tế ở nước ta là việc giải quyết vấn đề phân phối, lưu thông. Những sai lầm, khuyết điểm mà chúng ta mắc phải trong lĩnh vực này đã gây ra tác hại lớn cho sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt xã hội. Mặc dù trên thực tế Đảng và Nhà nước ta đã sớm phát hiện ra nguyên nhân căn bản khiến cho phân phối, lưu thông luôn trong tình trạng căng thẳng, rối

ren là việc *duy trì quá lâu cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp*, vi phạm quy luật khách quan trong quản lý kinh tế; Đảng và Nhà nước cũng đã có nhiều hội nghị chuyên đề, đã ban hành một số chủ trương, chính sách mới nhằm giải quyết vấn đề này. Song, mọi nỗ lực cố gắng đều chưa mang lại hiệu quả mong muốn. Đặc biệt sau cuộc tổng điều chỉnh giá, lương, tiền lần thứ hai (9-1985) không thành công đã làm cho thị trường giá cả ở nước ta rơi vào tình trạng hỗn loạn. Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương trình Đại hội VI chỉ rõ: "Trước mắt, thực hành những biện pháp có hiệu quả để hãm bớt lạm phát và tốc độ tăng giá, giảm bớt khó khăn về đời sống của người ăn lương. Có làm được việc đó mới tạo được những tiền đề về kinh tế, xã hội và tâm lý cho việc đẩy mạnh quá trình cải cách"<sup>1</sup>. Đó là chủ trương đúng. Tuy nhiên, sau Đại hội VI, phải qua 4 hội nghị nữa chúng ta mới tìm ra được những giải pháp cơ bản để giải quyết vấn đề này.

Hội nghị Trung ương hai (4-1987) đã ra Nghị quyết chuyên đề *giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phối lưu thông*. Trên cơ sở nhận định: phân phối lưu thông vẫn đang là mặt trận nóng bỏng của nền kinh tế. Hội nghị đề ra 4 mục tiêu là: giảm tỷ lệ bội chi ngân sách, giảm nhịp độ tăng giá, giảm tốc độ lạm phát, giảm khó khăn về đời sống của nhân dân lao động. Muốn vậy, phải xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển các hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, nâng cao vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh, phát huy khả năng tích cực của các thành phần kinh tế khác, mở rộng giao lưu hàng hóa, giải phóng sức sản xuất. Hội nghị cũng đề ra những quy định mới về chính sách giá cả và lưu thông vật tư, hàng hoá; chính sách và biện pháp giải quyết tiền lương; chính sách và biện pháp tăng thu, hạn chế bội chi ngân sách và giảm nhịp độ lạm phát. Điểm đổi mới có ý nghĩa rất quan trọng của Hội nghị Trung ương hai là *chủ trương thực hiện chính sách thu mua nông sản của nông dân theo giá thoả thuận*. Đây là điểm đột phá quan trọng vào việc loại bỏ chính sách hai giá, thực hiện chính sách một giá trong thu mua nông sản, được nông dân đồng tình, hưởng ứng. Tuy nhiên, hội nghị vẫn còn có những ý kiến khác nhau trong việc xử lý vấn đề giá, nhưng chưa được thảo luận kỹ để có giải pháp phù hợp; hội nghị vẫn chủ trương duy trì chế độ hợp đồng hai chiều, thực chất là vẫn duy trì quan hệ kinh tế hiện vật ở những mức độ nhất định. Điều đó chứng tỏ sức ỳ của cơ chế cũ còn khá bền chắc.

Hội nghị Trung ương ba (8-1987) diễn ra trong bối cảnh tình hình kinh tế - xã hội của nước ta đang có những biểu hiện *rất không bình thường*: lương

---

1. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Sđd, tr. 75.

thực thiếu gay gắt; mất cân đối lớn về vật tư, nguyên liệu, hàng hóa, ngoại tệ; bội chi ngân sách quá lớn, lạm phát nghiêm trọng, giá cả tăng nhanh; đời sống nhân dân lao động hết sức khó khăn; những hiện tượng tiêu cực trong Đảng, trong bộ máy nhà nước và trong xã hội phát triển tới mức đáng lo ngại; cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp chưa bị xoá bỏ, cơ chế quản lý kinh tế mới chưa hình thành... Điều đó chứng tỏ Nghị quyết Đại hội VI, Nghị quyết Trung ương hai, khóa VI chưa đi vào cuộc sống. Hội nghị đã khẳng định tính đúng đắn của Nghị quyết Trung ương hai về phân phối, lưu thông. Căn cứ vào tình hình thực tế lúc đó, hội nghị nhấn mạnh phải có những biện pháp đặc biệt cùng những bước đi phù hợp với điều kiện thực tế, vừa tích cực vừa vững chắc mới có thể tháo gỡ được khó khăn. Hội nghị bổ sung những chủ trương và biện pháp cấp bách về phân phối, lưu thông. Về giá, phấn đấu tiến tới cơ chế một giá, song trước mắt phải tùy tình hình thực tế của từng loại hàng mà áp dụng cơ chế một giá hoặc hai giá. Về lương, phải thực hiện thống nhất chế độ tiền lương trong phạm vi cả nước, quy định mức lương mới cho từng khu vực sản xuất vật chất, lực lượng vũ trang, hành chính sự nghiệp. Đồng thời hội nghị cũng đề ra những biện pháp nhằm giảm tỷ lệ bội chi ngân sách, giảm bội chi tiền mặt, trên cơ sở tăng thu, giảm chi, triệt để thực hành tiết kiệm, giữ vững kỷ cương, chống các hiện tượng tiêu cực.

Hội nghị Trung ương bốn (12-1987) khi bàn về những chủ trương, biện pháp thực hiện nhiệm vụ năm 1988 đã nhấn mạnh: *sớm thực hiện cơ chế một giá kinh doanh*. Sau hội nghị, tình hình phân phối, lưu thông đã có những tiến bộ nhất định nhưng chưa đồng bộ và chưa cơ bản, vẫn còn nhiều khó khăn gay gắt. Đặc biệt trong nửa đầu năm 1988, tình hình kinh tế - xã hội ở nước ta lại trở nên cực kỳ căng thẳng: thiếu gạo gay gắt ở miền Bắc; cả nước thiếu tiền mặt nghiêm trọng; giá vàng, giá lương thực tăng đột biến, đời sống nhân dân gặp rất nhiều khó khăn; dư luận xã hội xôn xao, lo lắng.

Trước tình hình đó, ngày 2 tháng 5 năm 1988, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 11/NQ-TU về các biện pháp cấp bách chống lạm phát. Nghị quyết khẳng định: Chống lạm phát là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân và Nhà nước, phải được giải quyết một cách toàn diện, nhưng trong tình hình kinh tế - xã hội rất không bình thường hiện nay phải thực hiện ngay những biện pháp cấp bách để giảm tốc độ lạm phát, giảm nhịp độ tăng giá và bội chi ngân sách, bảo đảm đời sống tối thiểu của nhân dân lao động, không để tình hình tiếp tục diễn biến xấu hơn, tiến tới ổn định một bước quan trọng tình hình kinh tế - xã hội. Nghị quyết đã đề ra những biện pháp cấp bách chống lạm phát là:



Tập trung sức giải quyết vấn đề lương thực bằng cách tập trung nguồn vốn, vật tư cho sản xuất lương thực, đẩy mạnh thu mua lương thực theo giá thoả thuận, thu đủ các khoản nợ, nhập khẩu lương thực, vận chuyển lương thực từ Nam ra Bắc.

- Tăng cường quản lý vật tư, hàng hóa, ngoại tệ, kim loại quý.

Tạm thời bán hai giá đối với những vật tư cơ bản và hàng tiêu dùng thiết yếu, điều chỉnh giá vật tư dần dần lên sát giá thị trường, *từng bước xoá bỏ bao cấp qua giá*.

Trợ cấp khó khăn cho những người hưởng lương, quản lý chặt chẽ quỹ lương, quỹ thưởng.

Tăng thu cho ngân sách nhà nước, bổ sung chế độ thuế, phát hành công trái quốc gia, chống lậu và trốn thuế, tiết kiệm chi.

Giảm tối đa mức phát hành tiền cho ngân sách nhà nước và cho vay tín dụng, thực hiện chính sách tín dụng có trọng điểm, điều chỉnh chính sách tín dụng để thu hút tiền gửi trong dân.

Từ giữa năm 1988 trở đi, tình hình kinh tế - xã hội của nước ta nói chung và lĩnh vực phân phối, lưu thông nói riêng đã bắt đầu có những chuyển biến tích cực. Hội nghị Trung ương sáu (3-1989) đã họp nhằm kiểm điểm 2 năm thực hiện Nghị quyết đại hội VI và đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho 3 năm tới. Hội nghị đã có nhiều quyết định quan trọng, trong đó có quyết định về vấn đề kiềm chế và đẩy lùi lạm phát, đặc biệt là chính sách giá.

Về việc xử lý vấn đề lạm phát, hội nghị cho rằng: "Kiềm chế và đẩy lùi lạm phát là nhiệm vụ cấp bách nhất, là vấn đề kinh tế, xã hội và chính trị nóng bỏng, là điều kiện tiên quyết để đưa tình hình kinh tế - xã hội ra khỏi khủng hoảng, đi vào thế ổn định và phát triển"<sup>1</sup>. Muốn vậy, việc xử lý vấn đề lạm phát phải quán triệt và thực hiện tốt những quan điểm và phương hướng cơ bản sau đây:

Chống lạm phát phải trên cơ sở đổi mới cơ chế quản lý, chuyển mạnh các hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh, giải quyết triệt để các năng lực sản xuất, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

Trong giải pháp toàn diện, đồng bộ chống lạm phát, phải tập trung vào khâu then chốt là giảm dân, tiến tới chấm dứt việc phát hành để chi tiêu ngân sách và cấp vốn tín dụng qua ngân hàng.

---

1. ĐCSVN: *Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VI*, tr. 18.

- Trong quá trình chống lạm phát phải luôn bám sát thị trường, chủ động tính đến yếu tố trượt giá, sử dụng tốt các công cụ quản lý vĩ mô để điều hành cung cầu.

Phải có bước đi phù hợp, vững chắc; sự chỉ đạo phải rất tập trung, kiên quyết, đề cao kỷ luật, kỷ cương.

Chống lạm phát là trách nhiệm của tất cả các ngành, các cấp, là sự nghiệp của quần chúng. Vì vậy phải tập trung mọi nỗ lực để khắc phục tai họa lạm phát. Phải tạo ra sự nhất trí, quyết tâm cao từ trên xuống dưới.

Về chính sách giá, trên cơ sở xác định trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, thị trường (bao gồm cả thị trường hàng tiêu dùng, thị trường vật tư, thị trường dịch vụ, thị trường vốn và chứng khoán...) là một thể thống nhất với nhiều lực lượng khác nhau tham gia lưu thông hàng hoá; thị trường thông suốt trong cả nước và gắn với thị trường thế giới; trong nền kinh tế hàng hóa có kế hoạch, thị trường vừa là một căn cứ vừa là đối tượng của kế hoạch hóa... Hội nghị chỉ rõ: *thị trường tác động đến quá trình tái sản xuất chủ yếu thông qua giá cả*. Trong quan hệ hợp tác và cạnh tranh, người sản xuất, người lưu thông và người tiêu dùng chủ động mua bán, thoả thuận với nhau về giá, hình thành nên giá thị trường. Đối với các đơn vị kinh tế, đó chính là giá kinh doanh vừa phản ánh giá trị và phù hợp với sức mua của đồng tiền, vừa chịu tác động của quan hệ cung - cầu. Giá cả trong nước gắn với giá cả trên thị trường quốc tế. Tỷ giá giữa đồng tiền Việt Nam và ngoại tệ phải phù hợp với giá thị trường trong nước và giá thị trường quốc tế.

Hội nghị cũng khẳng định: Nhà nước chỉ định giá một số ít vật tư, hàng hóa rất thiết yếu với sản xuất và đời sống do các tổ chức kinh tế của Nhà nước nắm, nhưng *không bao cấp qua giá*. Các vật tư, hàng hóa khác được mua bán theo giá thoả thuận. Các vật tư khan hiếm được kế hoạch hóa theo mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế và bán cho các đơn vị sử dụng qua đấu thầu. Nhà nước *không dùng mệnh lệnh* hành chính áp đặt giá mà *sử dụng các chính sách và biện pháp kinh tế là chủ yếu* để tác động đến quan hệ cung - cầu, điều tiết, hướng dẫn giá cả trên thị trường.

Như vậy là hơn hai năm sau Đại hội VI, Trung ương Đảng và Bộ Chính trị đã dành không ít thời gian để tìm giải pháp chống lạm phát, xử lý vấn đề giá (hai lĩnh vực nóng bỏng và rất bức xúc trên mặt trận phân phối lưu thông, có tác động và ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt xã hội). Kết quả là, Hội nghị Trung ương sáu đã đi tới *quyết định thực hiện chính sách một giá, giá kinh doanh*. Đó là sự kiện rất lớn trong đời kinh tế ở nước ta. Đến đây mới chấm dứt tình trạng Nhà nước áp đặt giá

cho toàn bộ vật tư, hàng hóa trong sản xuất và lưu thông; chấm dứt tình trạng bao cấp qua giá cho các đơn vị kinh tế quốc doanh; chấm dứt chế độ tem phiếu đã tồn tại hàng mấy chục năm. Đến đây mới thực sự để cho quy luật của kinh tế hàng hóa hoạt động, buộc các đơn vị kinh tế phải tính toán đến giá trị, đến quan hệ cung cầu, đến sức mua của đồng tiền trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Cùng với những thay đổi có tính chất bước ngoặt trong tư duy kinh tế, Hội nghị Trung ương sáu, khóa VI còn đưa ra một loạt các vấn đề về đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị. Vì thế, từ sau Hội nghị Trung ương sáu trở đi, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước đã có nhiều thay đổi, vai trò của Nhà nước từng bước được phát huy. Có thể nhận thấy sự thay đổi rõ rệt, có hiệu quả nhất đó là vai trò của Nhà nước trong việc xử lý vấn đề giá cả, chống lạm phát.

Trên cơ sở những định hướng của Hội nghị Trung ương sáu, đầu năm 1989 Chính phủ đã thực hiện tự do hóa giá cả đối với hầu hết các sản phẩm hàng hóa (trừ điện, dịch vụ bưu điện, xi măng, phân bón...), kết thúc sự tồn tại của chế độ hai giá, khởi đầu một thời kỳ thực hiện một hệ thống giá thống nhất, chủ yếu do thị trường quy định. Cơ chế giá thị trường phản ánh cơ cấu và giá trị thực của hàng hóa và dịch vụ. Biện pháp này đã loại bỏ sự sai lệch nghiêm trọng trong giá cả mà trong quá khứ đã dẫn đến kìm hãm sản xuất do phải bán với giá thành và kích thích tiêu dùng gia tăng một cách giả tạo do duy trì giá bán quá thấp.

Sự thành công của cải cách giá đã góp phần quyết định vào việc hình thành cơ chế thị trường trong nền kinh tế, tạo điều kiện cho các cơ sở thực hiện tự chủ kinh doanh, thực hiện cạnh tranh theo pháp luật, đem lại động lực mới cho nền kinh tế.

Tự do hóa giá cả thường kèm theo lạm phát. Vì vậy, đồng thời với tự do hóa giá cả, Chính phủ đã thắt chặt chính sách cung ứng tiền tệ, chính sách tài khóa bằng các biện pháp: *một là*, chính sách hệ thống ngân hàng, thực hiện ngân hàng hai cấp, tách chức năng quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước ra khỏi hoạt động kinh doanh của hệ thống Ngân hàng Thương mại quốc doanh, kiểm soát việc cung ứng tiền tệ, bao gồm cả tiền mặt và tín dụng, góp phần kiềm chế lạm phát; *hai là*, nâng lãi suất tiết kiệm lên cao hơn mức lạm phát (tức là áp dụng lãi suất thực dương), biện pháp này có hiệu lực mạnh mẽ, ngay lập tức huy động được một khối lượng tiền nhàn rỗi lớn, làm giảm áp lực của cầu trên thị trường; *ba là*, thúc đẩy các Ngân hàng Thương mại quốc doanh hoạt động theo nguyên tắc thương mại, khuyến

khích thành lập và phát triển các ngân hàng thương mại tư nhân, kể cả ngân hàng nước ngoài.

Nhìn lại quá trình chỉ đạo đổi mới trên mặt trận phân phối, lưu thông từ 1986-1990, chúng ta thấy rằng Đảng và Nhà nước đã xác định đúng vị trí, tầm quan trọng của lĩnh vực này đối với sự phát triển kinh tế xã hội nói chung cũng như xác định đúng khâu then chốt cần phải tập trung giải quyết trong lĩnh vực phân phối lưu thông, đó là vấn đề *giá cả* và *chống lạm phát*. Quá trình chỉ đạo đổi mới trên mặt trận phân phối, lưu thông, tuy cũng có những lúc, những thời điểm chúng ta phải đối mặt với không ít khó khăn, thử thách do sự chuyển đổi của cơ chế, chính sách, thậm chí có thời điểm đã đến mức rất nguy hiểm, dư luận xã hội xôn xao, có người còn lo sợ "không đổi mới nữa, nếu không sẽ mất tất cả". Nhưng Đảng và Nhà nước ta vẫn kiên trì và quyết tâm đổi mới, từng bước tháo gỡ khó khăn, bằng những biện pháp kiên quyết, triệt để. Vì vậy, sau 5 năm thực hiện đổi mới, chúng ta *đã kiềm chế được một bước đà lạm phát* và tốc độ tăng giá. "Nếu chỉ số tăng giá bình quân của thị trường xã hội năm 1986 là 20%; năm 1987 là 10%; năm 1988 là 14%, thì năm 1989 là 2,5% và năm 1990 là 4,4%"<sup>1</sup>. Điều có ý nghĩa đặc biệt quan trọng là chúng ta đạt được kết quả này trong hoàn cảnh nguồn trợ giúp bên ngoài giảm mạnh so với trước, vừa chống lạm phát vừa thực hiện chuyển từ giá bao cấp sang giá kinh doanh.

## 2. Đẩy mạnh đổi mới cơ chế quản lý trong nông nghiệp

Nếu trước đây, khi triển khai thực hiện cơ chế khoán sản phẩm theo tinh thần "*Chỉ thị 100*" của Ban Bí thư (13-1-1981) đã có ý kiến cho rằng đây là "chiếc chìa khóa vàng" để giải quyết vấn đề sản xuất nông nghiệp. Thực tế sản xuất nông nghiệp ở nước ta trong thời kỳ 1981-1985 đã có những bước tiến vượt bậc, chặn đứng đà giảm sút ở những năm 1976-1980, bước đầu lập lại cân đối giữa cung và cầu lương thực trong nước. Tuy nhiên, cùng với thời gian, cơ chế đó đã bộc lộ những nhược điểm và hạn chế, tác động tiêu cực đến sản xuất nông nghiệp và nông thôn nước ta. Cơ chế khoán sản phẩm theo tinh thần "*Chỉ thị 100*" cũng mới chỉ là hình thức thay đổi cách khoán trong mô hình hợp tác cũ. Mô hình ấy, xét trên tổng thể vẫn bị ràng buộc trong cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp. Những mâu thuẫn bên trong của mô hình ấy vẫn tồn tại và ngày càng tác động tiêu cực đến sản xuất và đời sống ở nông thôn. Hơn nữa, phương thức khoán, định mức khoán, phương án phân phối sản phẩm theo *cơ chế khoán 100* không thống nhất dẫn đến sự tùy tiện

---

1. ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr. 27.

trong vận dụng, làm thiệt hại lợi ích người nhận khoán. Mức khoán cao, điều chỉnh theo từng vụ, khi năng suất tăng lập tức vụ sau hợp tác xã điều chỉnh mức khoán lên cao, làm cho những động lực ban đầu của cơ chế khoán sản phẩm bị triệt tiêu, tiêu cực trong nông thôn phát triển, nhiều gia đình không muốn đầu tư thâm canh ruộng khoán của hợp tác xã, lao động tập trung vào kinh tế phụ hoặc buôn bán, chạy chợ... *Do không kịp thời khắc phục những nhược điểm và hạn chế của cơ chế khoán theo tinh thần của "Chỉ thị 100"*, nên sản xuất nông nghiệp nước ta sau một thời kỳ phát triển lại rơi vào tình trạng trì trệ, suy thoái. Nếu năm 1986, lương thực sản xuất ở nước ta đạt 18,37 triệu tấn, thì năm 1987 chỉ còn 17,5 triệu tấn (giảm gần 80 vạn tấn), trong khi đó dân số cả nước tăng thêm 1,5 triệu người làm cho lương thực bình quân đầu người từ 300,8kg xuống còn 280kg, riêng miền Bắc từ 245,6kg xuống còn 238,6kg, mức thấp nhất kể từ năm 1981<sup>1</sup>. Đó là nguyên nhân cơ bản và trực tiếp tạo nên những cơn sốt về lương thực ở miền Bắc mà đỉnh cao là nạn đói giập hạt những tháng đầu năm 1988 xảy ra ở 21 tỉnh, thành phố phía Bắc với hơn 9,3 triệu người, bằng 39,7% số nhân khẩu nông nghiệp; trong đó số người thiếu đói gay gắt, đứt bữa vào những tháng giập hạt năm 1988 là 3,6 triệu người<sup>2</sup>.

Trước tình hình đó, ngày 5 tháng 4 năm 1988, Bộ Chính trị đã họp và ra Nghị quyết "*Về đổi mới quản lý kinh tế trong nông nghiệp*" (gọi tắt là Nghị quyết 10). Tư tưởng chỉ đạo của Nghị quyết là giải phóng mạnh sức sản xuất nhằm khai thác hợp lý tiềm năng lao động, đất đai, tăng nhanh sản lượng và sản lượng nông sản hàng hóa, thực hiện tốt chương trình lương thực - thực phẩm. Điểm mới của Nghị quyết 10 là:

Nhà nước thừa nhận ý nghĩa tích cực và sự tồn tại lâu dài của kinh tế cá thể, tư nhân trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội.

Khẳng định hộ gia đình xã viên là đơn vị kinh tế tự chủ, hợp tác xã là đơn vị kinh tế tự quản theo nguyên tắc hạch toán kinh doanh. Tự xác định hình thức, quy mô, phương hướng sản xuất.

Thời gian giao khoán ruộng đất là 15 năm, mức khoán ổn định trong 5 năm, người nhận khoán được hưởng từ 40% sản lượng trở lên.

Tính ưu việt của *khoán 10* là người nông dân được thực sự làm chủ sản xuất kinh doanh trên ruộng nhận khoán trong thời gian dài với mức khoán ổn định. Chính điều đó đã khắc phục được một trong những nhược điểm căn bản của *khoán 100* (không ổn định), và là động lực kích thích mạnh mẽ các

---

1, 2. Nguyễn Sinh Cúc: *Thực trạng nông nghiệp nông thôn Việt Nam*, Nxb Thống kê, Hà Nội, 1991, tr. 45, 47.

hộ nhận khoán đầu tư để mở rộng sản xuất, giảm chi phí, tăng hiệu quả kinh tế.

Tiếp đó, Hội nghị Trung ương sáu (3-1989) đã nêu ba quan điểm và phương hướng lớn để chỉ đạo kinh tế nông nghiệp:

Kinh tế hợp tác xã có nhiều hình thức từ thấp tới cao. Mọi tổ chức sản xuất kinh doanh do những người lao động tự nguyện góp vốn, góp sức và được quản lý theo nguyên tắc tập trung dân chủ, không phân biệt quy mô, trình độ kỹ thuật, mức độ tập thể hóa tư liệu sản xuất, đều là hợp tác xã, cần củng cố và phát triển hợp tác xã theo quy mô thích hợp.

- Hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp là các đơn vị kinh tế hợp tác với nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất.

- Gia đình xã viên trở thành những đơn vị kinh tế tự chủ, khuyến khích hộ gia đình xã viên làm giàu.

Điểm đổi mới có tính chất bước ngoặt của *Nghị quyết 10* và Nghị quyết Trung ương sáu, khóa VI (3-1989) là, *lần đầu tiên hộ gia đình xã viên được coi là đơn vị kinh tế tự chủ về tất cả các khâu trong sản xuất nông nghiệp; vấn đề làm giàu của người lao động bằng lao động của bản thân và gia đình được khuyến khích; quan niệm về hợp tác và hợp tác xã nông nghiệp đã được đổi mới một cách căn bản.*

Cơ chế quản lý mới đi đôi với chính sách lưu thông hàng hóa và giá cả theo cơ chế thị trường, với việc Nhà nước cùng các hộ nông dân đầu tư phát triển thủy lợi, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất đã tạo nên sức bật mới trong phát triển sản xuất nông nghiệp ở nước ta. Nếu năm 1987, cả nước đạt 17,5 triệu tấn lương thực quy thóc, thì đến năm 1989 đạt tới 20,5 triệu tấn. Từ một quốc gia thiếu lương thực triền miên, đến cuối thập kỷ 80, nước ta đã vươn lên hàng các nước xuất khẩu gạo.

Thắng lợi trên mặt trận sản xuất lương thực không những tạo điều kiện cho việc phát triển nền nông nghiệp toàn diện (cây công nghiệp, chăn nuôi...), phát triển các ngành dịch vụ, công nghiệp mà còn góp phần rất quan trọng vào việc ổn định tình hình kinh tế - xã hội ở nước ta trong những năm đầu thực hiện đổi mới.

### **3. Đẩy mạnh thực hiện đổi mới chính sách kinh tế đối ngoại, từng bước phá thế bị bao vây cấm vận**

Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại là một chủ trương chiến lược, đồng thời cũng là một nhiệm vụ trọng yếu trong quá trình chỉ đạo đổi mới kinh tế ở nước ta. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là làm như thế nào để mở

rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại? Theo lẽ thông thường, kinh tế đối ngoại muốn phát triển bao giờ cũng phải dựa trên "thế" và "lực" nhất định; và cũng theo lô gích thông thường thì muốn có "thế" cần có "lực" vật chất. Nhưng ở nước ta vào thời điểm đó, nền kinh tế vừa đang trong tình trạng khủng hoảng trầm trọng, vừa đang trong quá trình chuyển đổi từ mô hình kinh tế kế hoạch hóa, tập trung quan liêu bao cấp sang mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Khó khăn không chỉ bởi thực lực kinh tế của nước ta còn nhiều yếu kém mà ngay cả hệ thống chính sách, pháp luật cũng còn hết sức lạc hậu, không đồng bộ. Hơn nữa, sau khi bị thất bại trong chiến tranh Việt Nam, từ cuối những năm 70 của thế kỷ XX, Mỹ đã áp dụng chính sách thù địch, bao vây, cấm vận chống Việt Nam. Theo đó, các tổ chức kinh tế quốc tế; các nước Tây Âu; các nước trong khu vực cũng trở nên đối đầu với ta. Nhìn chung cả *thế* và *lực* của nước ta khi triển khai hoạt động kinh tế đối ngoại còn hết sức hạn chế. Sẽ đổi mới ra sao để vừa tăng cường được thực lực cho đất nước, vừa phá được thế bao vây, cấm vận?

Thực hiện chủ trương của Đại hội VI, trong những năm từ 1987 đến 1990 Đảng và Nhà nước ta đã tích cực triển khai đồng thời nhiều giải pháp nhằm phát triển kinh tế đối ngoại, từng bước phá thế bị bao vây cấm vận.

Trước hết phải kể đến việc Nhà nước Việt Nam công bố Luật đầu tư nước ngoài, với nhiều chính sách ưu đãi. Quyết định này được thông qua tại kỳ họp thứ hai, Quốc hội khóa VIII (12-1987). Mặc dù đây là lần đầu tiên Việt Nam ban hành Luật đầu tư nước ngoài, nhưng đã được dư luận quốc tế, đặc biệt là các chủ đầu tư trực tiếp đánh giá là thông thoáng và hấp dẫn, tương đối phù hợp với thông lệ và luật pháp quốc tế. Mục tiêu đặt ra cho quá trình triển khai thực hiện Luật đầu tư nước ngoài được Đảng và Nhà nước ta xác định là: tranh thủ vốn, kỹ thuật và công nghệ mới, mở rộng thị trường ngoài nước, tiếp thu kinh nghiệm tiên tiến, trên cơ sở đó xây dựng những cơ sở kinh tế mới, hiện đại hóa một số cơ sở hiện có nhằm tạo việc làm cho người lao động, khai thác một phần những tiềm năng sẵn có của đất nước, tăng nhanh nguồn hàng xuất khẩu, mở rộng giao lưu với thế giới bên ngoài, tạo nguồn thu cho ngân sách Nhà nước. Việc ban hành Luật đầu tư nước ngoài, với nhiều chính sách ưu đãi là một chủ trương đúng, phù hợp với xu thế thời đại và đòi hỏi tất yếu của quá trình đổi mới ở nước ta. Quyết định này đã mở ra một phương thức mới trong hoạt động kinh tế đối ngoại, tạo cơ sở pháp lý để kinh tế Việt Nam hội nhập vào thị trường thế giới.

Đồng thời với việc ban hành Luật đầu tư nước ngoài, Đảng và Nhà nước ta cũng đã tích cực *tạo lập môi trường, mở rộng đầu tư, gia tăng đối tác* bằng

cách điều chỉnh, bổ sung một loạt chủ trương, chính sách mới cả về đối nội và đối ngoại.

*Trên lĩnh vực kinh tế*, Đảng và Nhà nước ta đã triển khai những biện pháp cải cách quan trọng như: từng bước xoá bỏ bao cấp về giá; thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần, coi đó là một chủ trương chiến lược có ý nghĩa lâu dài nhằm giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có; đổi mới các hoạt động tài chính, tiền tệ và xoá bỏ chế độ hai giá; trao quyền tự chủ sản xuất kinh doanh cho các xí nghiệp quốc doanh, thực hiện hạch toán kinh tế, lấy thu bù chi, xoá dần bao cấp, giảm bớt các chỉ tiêu pháp lệnh; khuyến khích các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh mở rộng sản xuất để thu hút vốn đầu tư, đẩy mạnh sản xuất; khuyến khích xuất khẩu và sản xuất hàng xuất khẩu...

*Trên lĩnh vực đối ngoại*, Nghị quyết 13 của Bộ Chính trị (5-1988) về nhiệm vụ và chính sách đối ngoại trong tình hình mới, đã đề ra chủ trương *thêm bạn bớt thù, kiên quyết và chủ động chuyển cuộc đấu tranh từ tình trạng đối đầu hiện nay sang đấu tranh và hợp tác trong cùng tồn tại hòa bình*. Thực hiện chủ trương đó, Đảng và Nhà nước ta đã chủ động đề xuất và thực hiện nhiều giải pháp cho những vấn đề phức tạp nhất để phá vỡ sự bao vây, cấm vận tạo môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, như: chủ trương tiến hành rút hết quân tình nguyện Việt Nam khỏi Campuchia vào tháng 9 năm 1989, sớm hơn một năm theo kế hoạch. Đồng thời, cũng từ năm 1988 trên tinh thần thiện chí, Đảng và Nhà nước ta đã triển khai nhiều hoạt động cụ thể, thiết thực để bình thường hóa quan hệ Việt - Trung, Việt - Mỹ, như: Sửa lời nói đầu của Điều lệ Đảng và Lời nói đầu của Hiến pháp năm 1980 cho phù hợp với thực tiễn hơn; chỉ thị cho các tỉnh biên giới phía Bắc về phương hướng mở quan hệ giao lưu kinh tế - thương mại; bắt đầu quá trình đàm phán cấp cao giữa Việt Nam - Trung Quốc; đối thoại vòng một Việt - Mỹ tại Niu-ôc...

Đối với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu. Nếu như trong những năm từ 1986-1989, chính sách kinh tế đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta luôn xác định Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu là đối tượng quan hệ hợp tác chủ yếu của ta, thì từ năm 1989 trở đi tình hình Liên Xô, đặc biệt là các nước Đông Âu liên tục diễn ra những biến động phức tạp, tác động và ảnh hưởng rất xấu đến công cuộc đổi mới ở nước ta. Nhiều hợp đồng kinh tế, khoa học kỹ thuật... tuy vẫn còn hiệu lực nhưng đã không được thực hiện. Trước tình hình đó, một mặt Đảng ta vẫn chỉ đạo duy trì quan hệ hợp tác với Liên Xô; mặt khác, từng bước điều chỉnh chính sách đối ngoại và quan hệ kinh tế đối ngoại với các nước Đông Âu, từng bước thâm nhập và mở



rộng thị trường xuất - nhập khẩu sang các nước và các khu vực khác trên thế giới. Hội nghị Trung ương sáu, khóa VI (3-1989) quyết định: Chuyển mạnh hoạt động ngoại giao từ quan hệ chính trị là chính, sang quan hệ chính trị - kinh tế; mở rộng quan hệ kinh tế với các nước và các khu vực khác trên thế giới. Tiếp đó Hội nghị Trung ương bảy, khóa VI (8-1989) khẳng định: "Sẵn sàng mở rộng quan hệ kinh tế với tất cả các nước, các công ty nước ngoài trên cơ sở hai bên cùng có lợi và không có điều kiện chính trị ràng buộc, nhưng phải chủ động phòng ngừa, tránh lệ thuộc, hạn chế đến mức thấp nhất cái giá phải trả"<sup>1</sup>.

Nhờ có những biện pháp cải cách quan trọng trên đây, hoạt động kinh tế đối ngoại của nước ta trong thời kỳ 1986-1990 đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng. Đại hội VII (6-1991) đánh giá: Kinh tế đối ngoại phát triển nhanh, mở rộng hợp tác về quy mô, hình thức và góp phần quan trọng vào việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội. Cụ thể là: Chúng ta đã cải thiện đáng kể tình trạng nhập siêu trong cán cân thương mại. Nếu thời kỳ 1976-1980 xuất 1 nhập 4, thời kỳ 1981-1985 xuất 1 nhập 2,8 thì năm 1989 xuất 1 nhập 1,3 và năm 1990 xuất 1 nhập 1. Giá trị kim ngạch xuất khẩu tăng từ 439 triệu rúp và 384 triệu đô la năm 1986, lên 1.019 triệu rúp và 1.170 triệu đô la năm 1990. Từ năm 1989 trở đi, chúng ta có thêm các mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn như gạo, dầu thô và một số mặt hàng khác. Điểm đáng chú ý là vào thời điểm những năm 1989-1990, mặc dù chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu sụp đổ, điều đó cũng có nghĩa là chúng ta mất gần hết thị trường truyền thống, nhưng xuất khẩu của nước ta trong thời kỳ này lại bùng nổ mạnh mẽ "Tốc độ gia tăng bình quân hàng năm của xuất khẩu 1986-1991 là 24,54% là tốc độ cao nhất trong các thời kỳ"<sup>2</sup>. Cơ cấu thị trường xuất nhập khẩu của nước ta cũng có những thay đổi đáng kể. Theo đó thị trường truyền thống xã hội chủ nghĩa giảm xuống và thị trường "phi xã hội chủ nghĩa", chủ yếu là châu Á tăng lên.

Về hoạt động đầu tư trực tiếp của nước ngoài: Trong hơn 4 năm (1988-1991) các công ty của gần 40 nước đã được cấp giấy phép đầu tư vào hơn 400 dự án, với tổng vốn đăng ký trên 3 tỉ đô la Mỹ, tập trung vào các lĩnh vực thăm dò và khai thác dầu khí; khai thác khoáng sản; chế biến nông, lâm, hải sản; xây dựng khách sạn và kinh doanh du lịch. Các dự án đầu tư của nước ngoài không chỉ gia tăng về số lượng mà ngày càng có nhiều chuyển biến về

---

1. ĐCSVN: *Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI*, tr. 17.

2 Nguyễn Minh Tú: *Việt Nam trên chặng đường đổi mới và phát triển kinh tế*, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tr. 58.

chất lượng. "Nếu tổng vốn đầu tư đăng ký năm 1988 là 300 triệu đô la Mỹ thì năm 1991 là gần 1.200 triệu đô la Mỹ, gần bằng cả 3 năm trước cộng lại"<sup>1</sup>. Sự có mặt của đầu tư trực tiếp nước ngoài có ảnh hưởng rộng lớn đối với kinh tế, xã hội và văn hóa Việt Nam, góp phần bổ sung nguồn vốn quan trọng cho đầu tư phát triển, tăng thêm nguồn thu cho ngân sách Nhà nước, thúc đẩy xuất khẩu phát triển, góp phần đắc lực cho tăng trưởng kinh tế, tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động (cả trực tiếp và gián tiếp). Những đóng góp của hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài càng nổi bật trong bối cảnh nền kinh tế đất nước đang khủng hoảng trầm trọng, nguồn vốn tích lũy từ nội bộ hầu như không có gì, nguồn ODA còn hết sức hạn hẹp do chính sách bao vây, cấm vận của Mỹ gây ra.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, hoạt động kinh tế đối ngoại của nước ta thời kỳ này cũng còn nhiều hạn chế: quy mô xuất khẩu (cả về thị trường và mặt hàng) còn nhỏ, chưa có nhiều mặt hàng chủ lực có sức cạnh tranh để chiếm lĩnh thị trường vững chắc, tỉ lệ xuất khẩu sản phẩm thô còn lớn, hiệu quả nhập khẩu còn thấp. Quản lý hoạt động kinh tế đối ngoại còn nhiều sơ hở: hàng nhập lậu tràn lan; ngoại tệ thu được từ xuất khẩu, nhất là ngoại tệ mạnh chưa được quản lý thống nhất và sử dụng có hiệu quả; tranh mua hàng xuất khẩu đẩy giá lên cao và tranh bán dẫn đến bị nước ngoài đìm giá. Hệ thống luật pháp, chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài còn có những sơ hở, thiếu đồng bộ, thủ tục hành chính trong giải quyết cấp phép đầu tư còn rườm rà... Mặc dù còn có những hạn chế, yếu kém, đó là điều khó tránh khỏi trong bước khởi đầu của quá trình chuyển đổi (cả về nhận thức và hành động, cả về đối tác và thị trường xuất - nhập khẩu) trong hoạt động kinh tế đối ngoại. Với những thành tựu đạt được trong hoạt động kinh tế đối ngoại đã chứng minh tính đúng đắn của đường lối đổi mới cũng như khả năng, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước; mở ra một hướng đi mới cho hoạt động kinh tế đối ngoại của Việt Nam.

#### **4. Giữ vững sự ổn định về chính trị trước những biến động phức tạp của thời cuộc**

Trong lúc công cuộc đổi mới ở nước ta đang được triển khai nhưng tình hình còn hết sức khó khăn thì công cuộc cải cách, cải tổ ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa lại có những diễn biến hết sức phức tạp. Bắt đầu là sự đổ vỡ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Ba Lan (3-1988), ở Hunggari (9-1988) rồi đến các

---

1. Văn phòng Chính phủ - Chương trình phát triển Liên hợp quốc - Viện Phát triển kinh tế - Ngân hàng Thế giới: *Kinh tế Việt Nam*, Nxb Hà Nội, 1993, tr. 356.

nước Đông Âu khác. Tại Liên Xô, Đảng Cộng sản Liên Xô cũng mất quyền lãnh đạo trong cuộc bầu cử Đại hội đại biểu nhân dân (3-1989). Tại Trung Quốc, công cuộc cải cách tuy đã giành được những thành tựu quan trọng trên lĩnh vực kinh tế, nhưng tình hình chính trị lại có những dấu hiệu không bình thường, điển hình là vụ bạo loạn phản cách mạng xảy ra tại Quảng trường Thiên An Môn (6-1989)... Những biến động phức tạp và bất ngờ đó đã dồn dập tác động và ảnh hưởng rất xấu đến tiến trình đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên đã xuất hiện tâm trạng lo lắng, hoang mang, dao động, có người đã lên tiếng đòi đa nguyên, đa đảng như các nước Đông Âu và Liên Xô.

Trước tình hình đó, Hội nghị Trung ương sáu, khóa VI (3-1989) đã kịp thời đưa ra 5 nguyên tắc cơ bản chỉ đạo quá trình đổi mới: Đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường tất yếu của nước ta, xây dựng chủ nghĩa xã hội là mục tiêu, là lý tưởng của Đảng và nhân dân ta; chủ nghĩa Mác - Lênin (Đại hội VII bổ sung thêm "tư tưởng Hồ Chí Minh") là nền tảng tư tưởng của Đảng, chỉ đạo toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta; đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Năm nguyên tắc trên cũng là những vấn đề mang tính quy luật được Đảng ta đúc kết từ thực tiễn quá trình đổi mới ở nước ta; thể hiện bản lĩnh, trí tuệ, tinh thần độc lập, tự chủ và sáng tạo của Đảng ta trước những diễn biến phức tạp của thời cuộc; có giá trị chỉ đạo toàn bộ quá trình đổi mới, bảo đảm cho quá trình đổi mới ở nước ta phát triển theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tiếp đó, Hội nghị Trung ương bảy, khóa VI (8-1989) đã ra Nghị quyết: *"Một số vấn đề cấp bách về công tác tư tưởng trước tình hình trong nước và quốc tế hiện nay"* Nghị quyết đã đánh giá thực trạng tình hình cải tổ ở Liên Xô, Đông Âu; chỉ ra những sai lầm khuyết điểm của các đảng cộng sản trong lãnh đạo cải tổ, cải cách với những biểu hiện nổi bật như: Thực hiện chủ nghĩa đa nguyên về chính trị, để cho lực lượng chống chủ nghĩa xã hội ra đời và hoạt động, không dùng những biện pháp chuyên chính cần thiết để chống lại chúng; dân chủ hóa không giới hạn, để cho những phần tử cơ hội, hữu khuynh, cực đoan và kẻ địch lợi dụng gây ra sự mất ổn định về chính trị; vừa không coi trọng việc củng cố, nâng cao chất lượng và cải tiến sự lãnh đạo của Đảng, vừa hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng, buông lỏng nguyên tắc tập trung dân chủ, làm suy yếu nghiêm trọng uy tín và sức chiến đấu của Đảng; không lãnh đạo chặt chẽ các phương tiện thông tin đại chúng, để cho báo, đài tùy tiện thông tin và phát biểu những quan điểm sai trái, tạo nên sự hỗn

loạn về tư tưởng; trong việc xem xét các vấn đề lịch sử, có khuynh hướng phủ nhận những thành tựu vĩ đại của chủ nghĩa xã hội đã đạt được, làm cho quần chúng mất phương hướng, mất lòng tin vào những giá trị của chủ nghĩa xã hội; đặt quá nhiều hy vọng vào việc mở cửa với phương Tây, không ngăn chặn, đấu tranh với âm mưu, thủ đoạn phá hoại của bọn đế quốc, trước hết là trên lĩnh vực tư tưởng văn hóa trong quá trình mở cửa.

Về tình hình tư tưởng cán bộ, đảng viên và nhân dân ta, Nghị quyết nhận định: Đại bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân ta phấn khởi trước những thành tựu bước đầu của công cuộc đổi mới, tin tưởng hơn vào sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước; đồng thời có nhiều lo lắng trước những khó khăn về kinh tế - xã hội, một số ít người bi quan, dao động, giảm lòng tin. Đáng chú ý là trong Đảng và trong xã hội đã có những biểu hiện lệch lạc khi nhìn nhận, đánh giá về chủ nghĩa tư bản, chỉ thấy những biểu hiện phồn vinh bên ngoài về kinh tế và kỹ thuật mà không thấy được những mâu thuẫn chứa chất bên trong sẽ đưa chủ nghĩa tư bản đến chỗ diệt vong. Khuynh hướng "đòi dân chủ, công khai" một cách cực đoan; khuynh hướng phủ nhận quá khứ, bôi đen hiện thực; khuynh hướng muốn chuyển nhanh nhất loạt sang cơ chế thị trường tự do, tư nhân hóa hoàn toàn; khuynh hướng "thương mại hoá" báo chí, xuất bản... cũng đã chớm nở. Phát sinh hệ quả này, *một mặt* do những tác động tiêu cực từ phía các nước xã hội chủ nghĩa; *mặt khác*, do chúng ta chưa nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác tư tưởng và chưa có được những biện pháp chỉ đạo đấu tranh kịp thời.

Để bảo đảm thống nhất về nhận thức tư tưởng, giữ vững sự ổn định về chính trị, Nghị quyết nêu ra những quan điểm của Đảng về tính tất yếu lịch sử và những thành tựu của chủ nghĩa xã hội; về tính tất yếu khách quan và phương hướng của quá trình cải tổ, cải cách và đổi mới; về bản chất và sự diệt vong tất yếu của chủ nghĩa tư bản. Trên cơ sở đó, giáo dục đảng viên và nhân dân kiên trì mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa; quán triệt những nguyên tắc và chính sách đổi mới của Đảng; nâng cao cảnh giác cách mạng, đấu tranh chống các âm mưu và hành động phá hoại của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động; nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng, tăng cường sự đoàn kết thống nhất ý chí, hành động trong Đảng và toàn xã hội, đấu tranh chống tiêu cực; đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo và quản lý công tác tư tưởng chính trị của các cấp bộ đảng, chính quyền và đoàn thể. Nghị quyết xác định: "Chế độ chính trị của chúng ta là chế độ làm chủ của nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng... chúng ta không chấp nhận chủ nghĩa đa nguyên chính trị, không để cho các tổ chức chống đối chủ nghĩa xã

hội ra đời và hoạt động. Không coi việc thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần là thực hiện chủ trương đa nguyên về kinh tế"<sup>1</sup>.

Cùng với Nghị quyết Hội nghị Trung ương sáu, Nghị quyết Hội nghị Trung ương bảy đã kịp thời ngăn chặn làn sóng xét lại, trào lưu xã hội dân chủ và hệ tư tưởng tư sản tràn vào nước ta.

Theo dõi khủng hoảng chính trị ở các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, Hội nghị Trung ương tám (3-1990) đã thông qua hai nghị quyết quan trọng: Nghị quyết về *tình hình các nước xã hội chủ nghĩa, sự phá hoại của chủ nghĩa đế quốc và nhiệm vụ cấp bách của Đảng ta* (Nghị quyết 8A) và Nghị quyết về *đổi mới công tác quần chúng của Đảng* (Nghị quyết 8B).

Nghị quyết 8A nhận định: Các nước xã hội chủ nghĩa đang lâm vào cuộc khủng hoảng trầm trọng nhất từ trước đến nay. Tình trạng đó bắt nguồn từ những khuyết điểm và nhược điểm của mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và hầu hết các nước xã hội chủ nghĩa khác. Trong những điều kiện lịch sử đặc biệt, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô đã mang lại những thành tựu to lớn về kinh tế, khoa học kỹ thuật và quốc phòng, nhưng những khuyết điểm và nhược điểm của mô hình đó chậm được khắc phục làm cho quan hệ sản xuất ngày càng không phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến sự sụp đổ của nhiều nước xã hội chủ nghĩa là do đảng cộng sản và công nhân ở các nước đó đã phạm những sai lầm có tính nguyên tắc về quan điểm, đường lối, xa rời hoặc từ bỏ những tư tưởng cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin khi tiến hành cải tổ, cải cách nhằm đối phó với khủng hoảng kinh tế - xã hội. Trong khi đó, các thế lực thù địch đã triệt để khai thác những sai lầm và khó khăn của các nước xã hội chủ nghĩa để thực hiện chiến lược "diễn biến hòa bình" nhằm xoá bỏ các nước xã hội chủ nghĩa.

Nghị quyết cũng chỉ rõ: chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch tập trung chống lại nước ta trên mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, quân sự, tư tưởng văn hóa. Nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân ta là phải đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới toàn diện mà *mấu chốt là giữ vững sự ổn định về chính trị*. Có ổn định về chính trị mới có điều kiện tiên quyết để ổn định và phát triển kinh tế - xã hội. Nếu không giữ được ổn định chính trị thì đó sẽ là một thảm họa đối với cơ đồ vẻ vang mà Bác Hồ và nhiều thế hệ anh hùng đã xây dựng nên. Nghị quyết cũng xác định: Trước mắt phải tăng cường công tác chính trị, tư tưởng; đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; tiếp tục làm

---

1. ĐCSVN: *Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI*, tr. 17.

chuyển biến tốt tình hình kinh tế - xã hội; tăng cường công tác quốc phòng - an ninh, nâng cao cảnh giác, sẵn sàng chủ động ứng phó với mọi tình huống; tiếp tục mở rộng quan hệ đối ngoại theo phương châm thêm bạn, bớt thù, giữ vững hòa bình để xây dựng và phát triển đất nước.

Nghị quyết 8B nhận định: Mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân là vô cùng hệ trọng, có quan hệ đến vận mệnh chính trị của Đảng và sự sống còn của cách mạng nước ta. Nghị quyết nêu lên bốn quan điểm trong công tác quần chúng của Đảng: Cách mạng là sự nghiệp của dân, do dân, vì dân; công tác quần chúng của Đảng phải đáp ứng lợi ích thiết thực của nhân dân và kết hợp hài hòa các lợi ích, thống nhất quyền lợi và nghĩa vụ; các hình thức tập hợp nhân dân phải đa dạng; công tác quần chúng là trách nhiệm của các đoàn thể, của Nhà nước và của Đảng.

Việc nhất trí thông qua hai Nghị quyết 8A, 8B và quyết định một số vấn đề về công tác tổ chức của Hội nghị Trung ương tám (khóa VI) chứng tỏ Đảng ta có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với chủ nghĩa Mác-Lênin, với lợi ích của nhân dân và của toàn thể dân tộc, sáng suốt và nhạy bén loại trừ chủ nghĩa đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập ngay từ khi nó còn trong trứng nước, cho dù nó bắt nguồn từ đâu, ở người nào, kể cả người giữ chức vụ quan trọng của Đảng.

Công cuộc đổi mới càng đi vào chiều sâu càng đặt ra những yêu cầu cấp bách về đổi mới hệ thống chính trị. Tuy nhiên đây là lĩnh vực nhạy cảm và cực kỳ phức tạp nên quá trình đổi mới phải hết sức thận trọng, chắc chắn, không thể vì tính cấp bách của vấn đề mà vội vàng xối tung mọi lĩnh vực khi chưa đủ các điều kiện cần thiết. Vấn đề quan trọng là phải tìm ra được nội dung, hình thức và bước đi thích hợp. Theo dõi diễn biến quá trình cải tổ, cải cách ở các nước xã hội chủ nghĩa, Đảng ta đã sớm nhận ra những dấu hiệu không bình thường của các đảng cộng sản, đặc biệt là những sai lầm có tính nguyên tắc trong chỉ đạo cải tổ về chính trị. Các Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 6, 7, 8 (khóa VI) đã tập trung phân tích làm rõ những nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng và sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu, trên cơ sở đó tiếp tục khẳng định lập trường và quan điểm nhất quán của Đảng ta trong lãnh đạo sự nghiệp đổi mới nói chung và đổi mới hệ thống chính trị nói riêng.

Nếu Đại hội lần thứ VI của Đảng mới chỉ coi đổi mới mang ý nghĩa cách mạng sâu sắc, thì Hội nghị Trung ương sáu, khóa VI (3-1989) đã khẳng định: *thực tiễn cho thấy, đổi mới là một cuộc cách mạng sâu sắc và toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, các lĩnh vực có quan hệ chặt chẽ với nhau và tác động qua lại lẫn nhau. Trên từng lĩnh vực, nội dung đổi mới*

cũng bao gồm toàn diện. Nếu chỉ đơn độc đổi mới một lĩnh vực hoặc một khâu nào đó thì công cuộc đổi mới không thể đạt được kết quả mong muốn. Đồng thời trong mỗi bước đi, phải xác định đúng khâu then chốt để tập trung sức giải quyết.

Trong quan hệ giữa đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, chúng ta chủ trương đổi mới song song cả hai lĩnh vực kinh tế và chính trị, đặt trọng tâm vào đổi mới kinh tế, việc đổi mới chính trị phải tích cực nhưng vững chắc để mang lại hiệu quả thực tế, không gây ra sự mất ổn định về chính trị, phương hại đến toàn bộ công cuộc đổi mới nói chung.

Đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta không phải là đảo lộn, thay đổi bộ máy mà chính là nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, có nghĩa là *tăng cường sức mạnh và hiệu lực của chuyên chính vô sản*, làm cho các tổ chức trong hệ thống chính trị hoạt động năng động và có hiệu quả hơn.

Nội dung đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, xây dựng và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa bao gồm nhiều mặt, có quan hệ chặt chẽ với nhau. Trong những năm trước mắt cần tập trung giải quyết ba vấn đề quan trọng sau đây:

*Một là, mở rộng dân chủ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân.* Trong quá trình phát huy dân chủ, vừa phải đấu tranh khắc phục những hành động vi phạm quyền dân chủ của nhân dân, vừa phải ngăn ngừa, đấu tranh khắc phục khuynh hướng dân chủ hình thức, dân chủ cực đoan, dân chủ tư sản; phải tỉnh táo đấu tranh chống lại những lực lượng lợi dụng việc mở rộng dân chủ để chống chế độ ta. Không chấp nhận chủ nghĩa đa nguyên. Việc xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là nhằm phát huy nhân tố con người, phát huy cao độ tính tự giác và sức sáng tạo to lớn của mọi tầng lớp nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ xã hội mới.

*Hai là, xây dựng và hoàn chỉnh từng bước hệ thống chính sách, pháp luật của Nhà nước, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.*

*Ba là, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, trên cơ sở đó, đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng.*

*Về Đảng:* Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của công cuộc đổi mới. Đảng lãnh đạo thông qua việc xây dựng cương lĩnh, đường lối, chiến lược, xác định những mục tiêu cơ bản của cách mạng, vạch ra những phương hướng, chủ trương, chính sách trên các lĩnh vực đối nội và đối ngoại để định hướng hoạt động của Nhà nước và của toàn dân; Đảng kiểm

tra việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách; Đảng lãnh đạo xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ, bố trí cán bộ các cơ quan của Đảng, chuẩn bị và giới thiệu các cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Nhà nước và các đoàn thể quần chúng; Đảng thực hiện sự lãnh đạo của mình bằng công tác thuyết phục, giáo dục, bằng sự gương mẫu của cán bộ, đảng viên; Đảng hoạt động trong khuôn khổ pháp luật và theo đúng pháp luật. Để thực hiện các yêu cầu nói trên, phải đổi mới kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng ở tất cả các cấp từ Trung ương đến cơ sở.

*Về bộ máy Nhà nước:* Nhà nước xã hội chủ nghĩa là tổ chức tập trung quyền lực của nhân dân, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và lợi ích của nhân dân. Nhà nước phải thực hiện đúng đắn quyền lực của mình; quản lý mọi mặt hoạt động của xã hội bằng pháp luật theo đường lối, chính sách của Đảng.

*Về các đoàn thể quần chúng:* Với chức năng vận động và tổ chức quần chúng, các đoàn thể quần chúng là người đại diện cho quyền làm chủ của các tầng lớp nhân dân, hỗ trợ đắc lực và là hậu thuẫn cho hoạt động của Đảng và công tác quản lý của Nhà nước. Vì vậy, các đoàn thể phải đổi mới phương thức hoạt động cho phù hợp với chính sách mới của Đảng và Nhà nước.

Nhìn lại lịch sử sau hơn bốn năm đổi mới, mặc dù đó là khoảng thời gian cách mạng Việt Nam phải đối mặt với nhiều khó khăn thử thách; song trên cơ sở của những định hướng chiến lược đã được đề ra từ Đại hội VI, Đảng ta đã chọn và tập trung chỉ đạo giải quyết thành công nhiều vấn đề nóng bỏng và cấp bách của đất nước như: việc xử lý vấn đề giá cả, chống lạm phát; đổi mới cơ chế quản lý trong nông nghiệp; chuyển hướng hoạt động đối ngoại và chính sách kinh tế đối ngoại; đổi mới công tác tư tưởng và công tác quần chúng trước sự khủng hoảng và sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu; đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị... Nhờ đó, đổi mới ở Việt Nam mặc dù diễn ra trong bối cảnh hết sức phức tạp nhưng chúng ta vẫn giữ được sự ổn định về chính trị; kinh tế đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng, đặc biệt trên lĩnh vực sản xuất lương thực; quan hệ đối ngoại được mở rộng; quốc phòng - an ninh được củng cố vững chắc. Điều đó chứng tỏ đường lối đổi mới do Đại hội VI đề ra là đúng đắn, bước đi, cách làm cơ bản là phù hợp. Bên cạnh những thành tựu đạt được, sự nghiệp đổi mới trong bốn năm đầu vẫn tồn tại nhiều khuyết điểm, yếu kém, *đất nước chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội*, nhiều vấn đề phức tạp mới lại nảy sinh, có mặt rất nghiêm trọng, đòi hỏi Đảng phải tiếp tục cụ thể hóa, bổ sung, phát triển đường lối đổi mới để đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng, tiếp tục phát triển theo con đường đã chọn.



### III. ĐẠI HỘI LẦN THỨ VII CỦA ĐẢNG, TIẾP TỤC ĐỔI MỚI TOÀN DIỆN, ĐỒNG BỘ VỚI BƯỚC ĐI VÀ CÁCH LÀM PHÙ HỢP, ĐƯA ĐẤT NƯỚC RA KHỎI KHỦNG HOẢNG KINH TẾ - XÃ HỘI (1991-1996)

Đại hội lần thứ VII của Đảng (6-1991) diễn ra trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước có nhiều diễn biến phức tạp. Chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu sụp đổ, Liên Xô cũng đang đứng trước ngưỡng cửa của sự tan rã. Các thế lực thù địch ra sức đẩy mạnh chiến lược "diễn biến hòa bình" nhằm xoá bỏ các nước xã hội chủ nghĩa còn lại, trong đó Việt Nam là một trọng điểm. Công cuộc đổi mới ở nước ta tuy đã giành được những thành tựu bước đầu rất quan trọng nhưng đất nước vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng, nhiều vấn đề phức tạp mới nảy sinh, có mặt rất nghiêm trọng.

Trong bối cảnh đó, Đại hội đã thảo luận và thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế xã hội đến năm 2000, Báo cáo chính trị và Điều lệ Đảng (sửa đổi). Các văn kiện đó không chỉ có giá trị chỉ đạo giải quyết các nhiệm vụ nặng nề trước mắt mà còn định hướng cho sự phát triển của đất nước trong tương lai.

Xuất phát từ thực trạng kinh tế - xã hội của đất nước, căn cứ vào những nhiệm vụ, mục tiêu do Đại hội lần thứ VI của Đảng đề ra, Đại hội xác định: Mục tiêu tổng quát của kế hoạch 5 năm 1991-1995 là *vượt qua khó khăn thử thách, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay.*

Để đạt được mục tiêu đó, Đại hội chủ trương: "Tiếp tục đổi mới toàn diện và đồng bộ, đưa công cuộc đổi mới đi vào chiều sâu với bước đi vững chắc, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời thúc đẩy mạnh mẽ việc đổi mới các lĩnh vực khác"<sup>1</sup>.

#### 1. Đẩy mạnh đổi mới chủ trương, chính sách trên lĩnh vực kinh tế

Trên cơ sở tổng kết thực tiễn của hơn bốn năm đổi mới, Đại hội lần thứ VII của Đảng và các Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương sau đó đã tiếp tục bổ sung, phát triển và từng bước hoàn thiện thêm các chủ trương, chính sách để chỉ đạo đổi mới trên lĩnh vực kinh tế, trong đó tập trung vào ba lĩnh vực chủ yếu sau đây:

---

1. ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Sđd, tr. 61.

*Một là, thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa.*

Kể từ khi triển khai thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội VI, nhất là sau Hội nghị Trung ương sáu, khóa VI (3-1989), nền kinh tế nước ta đã nhanh chóng có những chuyển biến rõ rệt. Đại hội lần thứ VII của Đảng đánh giá: "Chính sách này được nhân dân hưởng ứng rộng rãi và đã đi nhanh vào cuộc sống. Chính sách ấy đã góp phần phát huy quyền làm chủ của nhân dân về kinh tế; khơi dậy được nhiều tiềm năng và sức sáng tạo của nhân dân để phát triển sản xuất, dịch vụ, tạo thêm việc làm và sản phẩm cho xã hội; thúc đẩy sự hình thành và phát triển nền kinh tế hàng hóa, tạo ra sự cạnh tranh sống động trên thị trường"<sup>1</sup>.

Bên cạnh những chuyển biến tích cực, quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế nhiều thành phần cũng bộc lộ không ít những khó khăn, vướng mắc; những lệch lạc, tiêu cực mới đã dần xuất hiện, gây ảnh hưởng không tốt đến tiến trình đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Theo đánh giá của Đại hội VII, mặc dù kinh tế quốc doanh được xác định là thành phần kinh tế giữ vai trò chủ đạo, kinh tế quốc doanh cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân. Tuy nhiên, do những hậu quả của việc duy trì quá lâu cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, nên từ khi chuyển sang cơ chế mới đến nay vẫn chỉ có: gần một phần ba các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh vươn lên trong kinh doanh và thích ứng được với cơ chế mới; phần lớn các ban quản lý hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp đang lúng túng trong hoạt động, tình trạng khoán trắng cho xã viên diễn ra phổ biến; trong lĩnh vực sản xuất tiểu, thủ công nghiệp cũng chỉ có khoảng 20% số hợp tác xã đã vươn lên thích nghi được với thị trường, một bộ phận lớn đang rất khó khăn, khoảng 20% các hợp tác xã, trong đó có những đơn vị chỉ là kinh tế tập thể về hình thức đã giải thể hoặc chuyển sang hoạt động dưới dạng tư nhân. Thực trạng đó đã làm nảy sinh và xuất hiện hai khuynh hướng đối lập nhau: khuynh hướng đòi giải thể kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể, thực hiện tư nhân hóa nền kinh tế; và khuynh hướng muốn duy trì kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể một cách tràn lan theo kiểu cơ chế tập trung quan liêu bao cấp.

Vấn đề đặt ra là làm thế nào để vừa phát huy được vai trò, tiềm năng, thế mạnh của mọi thành phần kinh tế, vừa bảo đảm giữ được định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế nhiều thành phần? Áp lực này càng tăng lên mạnh mẽ khi mà vào thời điểm đó xu hướng tư nhân hóa tràn lan nền kinh

---

1. ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Sđd, tr. 21.

tế đã trở thành phổ biến ở các nước Đông Âu và Liên Xô. Để giải quyết vấn đề này, một mặt Đảng và Nhà nước ta khẳng định *thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần* với quan điểm: "Mọi người được tự do kinh doanh theo pháp luật, được bảo hộ quyền sở hữu và thu nhập hợp pháp. Các hình thức sở hữu có thể hỗn hợp, đan kết với nhau thành các tổ chức kinh doanh đa dạng. Các doanh nghiệp, không phân biệt quan hệ sở hữu đều tự chủ kinh doanh, hợp tác và cạnh tranh với nhau, bình đẳng trước pháp luật"<sup>1</sup>.

*Mặt khác*, Đảng ta cũng nhấn mạnh: thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần nhưng phải *theo định hướng xã hội chủ nghĩa*. Việc bổ sung cụm từ "theo định hướng xã hội chủ nghĩa" vào chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần của Đại hội VII là cần thiết và đúng đắn, xét trên cả tầm chiến lược lâu dài, lẫn từ góc độ thực tiễn của nước ta tại thời điểm đó. Cũng cần phải nhấn mạnh rằng, chúng ta chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, các thành phần kinh tế đều bình đẳng trước pháp luật nhưng không có nghĩa là các thành phần kinh tế đều có vai trò như nhau trong việc tạo lập hình thái kinh tế xã hội mới. Theo nghĩa đó, Đại hội VII đã đề ra chủ trương, chính sách đối với từng thành phần kinh tế như sau:

*Kinh tế quốc doanh* được củng cố và phát triển trong những ngành và lĩnh vực then chốt, nắm những doanh nghiệp trọng yếu, đảm đương những hoạt động mà các thành phần kinh tế khác không có điều kiện hoặc không muốn đầu tư kinh doanh nhưng lại rất cần cho quốc kế dân sinh. Muốn vậy, kinh tế quốc doanh phải được sắp xếp lại, đổi mới công nghệ và tổ chức quản lý, kinh doanh có hiệu quả, liên kết và hỗ trợ các thành phần kinh tế khác, thực hiện vai trò *chủ đạo* và chức năng một công cụ quản lý vĩ mô của Nhà nước. Đại hội chủ trương: sớm ban hành quy chế về doanh nghiệp quốc doanh; xây dựng một số công ty hoặc liên kết xí nghiệp lớn có uy tín và khả năng cạnh tranh trong quan hệ kinh tế với nước ngoài; *đối với những cơ sở không cần giữ hình thức quốc doanh, cần chuyển hình thức kinh doanh, hình thức sở hữu hoặc giải thể*, nhưng phải giải quyết việc làm và đời sống cho người lao động. Chủ trương trên vừa khắc phục được khuynh hướng coi nhẹ kinh tế quốc doanh, muốn tư nhân hoá; vừa khắc phục được tư tưởng bảo thủ, muốn duy trì và phát triển kinh tế quốc doanh một cách tràn lan, kéo dài cơ chế bao cấp khi nó đã trở nên lỗi thời, lạc hậu.

---

1.ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Sđd, tr. 116.

*Kinh tế tập thể* cần đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động, phát triển rộng rãi và đa dạng trong các ngành nghề, với quy mô và mức độ tập thể hóa khác nhau. Để phát huy và kết hợp sức mạnh của tập thể và của xã viên trong các hợp tác xã nông nghiệp, Đại hội chủ trương: các hộ xã viên là những đơn vị kinh tế tự chủ, đồng thời tăng cường vai trò của ban quản trị hợp tác xã trong việc quản lý, điều hành sản xuất và tổ chức dịch vụ ở những khâu và lĩnh vực mà hộ xã viên không có điều kiện làm hoặc làm không hiệu quả bằng tập thể.

*Kinh tế cá thể* còn có phạm vi tương đối lớn, được phát triển trong các ngành nghề ở cả thành thị và nông thôn, không hạn chế việc mở rộng kinh doanh, có thể tồn tại độc lập, có thể tham gia các loại hình liên kết với các doanh nghiệp lớn bằng nhiều hình thức. Con đường đi vào làm ăn tập thể được thực hiện trên nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi, không gò ép.

*Kinh tế tư bản tư nhân* được kinh doanh trong những ngành có lợi cho quốc kế dân sinh được pháp luật quy định. Nhà nước có thể liên doanh bằng nhiều hình thức với tư nhân trong nước và ngoài nước, hình thành loại doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế *tư bản Nhà nước*.

*Kinh tế gia đình* không là một thành phần kinh tế độc lập mà tồn tại ở nhiều thành phần kinh tế và được khuyến khích phát triển mạnh mẽ.

Các thành phần kinh tế, các loại hình sở hữu không tồn tại độc lập, trái lại chúng tác động qua lại, đan xen vào nhau tạo nên các đơn vị kinh tế đa dạng và phong phú. Các đơn vị kinh tế, sản xuất kinh doanh liên kết hợp tác và cạnh tranh với nhau. Nhà nước "không phân biệt đối xử, không tước đoạt tài sản hợp pháp, không gò ép tập thể hóa tư liệu sản xuất, không áp đặt hình thức kinh doanh, khuyến khích các hoạt động có lợi cho quốc kế dân sinh"<sup>1</sup>.

Như vậy, chủ trương thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa mà Đại hội VII đưa ra đã thể hiện tính đa dạng của nền kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đó là cơ sở nền tảng để chúng ta khai thác mọi khả năng, nguồn lực trong nước cũng như nguồn lực ngoài nước, tạo nên sức mạnh tổng hợp phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế đất nước.

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội VII, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành các nghị quyết, các bộ luật, các văn bản pháp quy nhằm định

---

1. ĐCSVN: *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr. 14.

hướng và tạo môi trường pháp lý cho sự phát triển của các thành phần kinh tế.

Đối với *kinh tế quốc doanh*, do duy trì quá lâu cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp nên khi chuyển sang cơ chế mới các doanh nghiệp nhà nước không sao tránh khỏi sự chao đảo. Để bảo đảm cho kinh tế quốc doanh thực sự đóng vai trò chủ đạo trong sự phát triển của nền kinh tế quốc dân, trong 5 năm (1991-1995) Nhà nước đã tiến hành nhiều biện pháp, tập trung vào những hướng chính sau đây:

Tiến hành áp dụng rộng rãi quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong quản lý kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước; thực hiện cắt giảm, đi đến chấm dứt khoản ngân sách bù lỗ đối với các doanh nghiệp hoạt động theo cơ chế kinh doanh.

Tiến hành sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước theo hướng phát triển không tràn lan, tập trung củng cố và phát triển doanh nghiệp nhà nước trong những lĩnh vực, những khâu then chốt của nền kinh tế. Thực hiện biện pháp này Chính phủ đã chỉ đạo tiến hành tổng kiểm kê toàn bộ các doanh nghiệp nhà nước, trên cơ sở đó ban hành Nghị định 338/HĐBT về *việc thành lập và giải thể các doanh nghiệp nhà nước* (20-11-1991). Theo đó, các doanh nghiệp nhà nước làm ăn thua lỗ triền miên, không có khả năng cứu vãn sẽ phải đóng cửa, giải thể hoặc chuyển đổi hình thức sở hữu. Nghị định còn đề ra yêu cầu phải chấn chỉnh lại cách thức thành lập doanh nghiệp một cách tràn lan, không có đủ các điều kiện cho doanh nghiệp hoạt động, nhất là về vốn. Tiếp đó, ngày 7 tháng 3 năm 1994 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 91/TTg về việc thành lập các tổng công ty nhà nước. Các tổng công ty này do Thủ tướng Chính phủ ký quyết định thành lập, chỉ định các đơn vị thành viên. Mục đích của việc thành lập các tổng công ty lớn của Nhà nước là nhằm nâng cao sức cạnh tranh lớn hơn trên thị trường, nhất là cạnh tranh với các công ty nước ngoài, đồng thời các doanh nghiệp sẽ có điều kiện tăng tiềm lực vốn và khả năng huy động vốn.

Việc sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước đã đưa đến kết quả: từ 12.296 doanh nghiệp nhà nước năm 1991 đến tháng 7 năm 1995 chỉ còn 5.962 doanh nghiệp<sup>1</sup>; đã thành lập được các tổng công ty lớn trong một số lĩnh vực quan trọng như: điện, xi măng, thép, than, dầu khí, lương thực, hàng hải, hàng không, bưu chính viễn thông... Mặc dù còn có những hạn chế, yếu kém nhưng bước đầu các tổng công ty này đã thực hiện vai trò của

---

1. Trần Nhâm (chủ biên): *Có một Việt Nam như thế đổi mới và phát triển kinh tế*, Nxb CTQG, Hà Nội, 1998, tr. 52.

minh trong việc phát triển sản xuất kinh doanh và góp phần điều tiết nền kinh tế.

Một hướng quan trọng khác nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của khu vực kinh tế nhà nước đó là việc thực hiện *cổ phần hóa* doanh nghiệp nhà nước. Chủ trương này đã được triển khai làm thí điểm từ năm 1987 nhưng kết quả còn hết sức hạn chế. Ngày 8 tháng 6 năm 1992, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) đã ra Quyết định 202/CT và tiếp đó là Chỉ thị 84/TTg (3-1-1993) nhằm đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa, giúp các doanh nghiệp có điều kiện huy động vốn, đổi mới công nghệ và quản lý, nâng cao quyền tự chủ của doanh nghiệp và quyền làm chủ của người lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Với những giải pháp quan trọng nêu trên, nhiều doanh nghiệp nhà nước đã từng bước thích nghi được với cơ chế thị trường, hiệu quả sản xuất kinh doanh tăng lên, số doanh nghiệp làm ăn thua lỗ giảm xuống. *Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ* của Đảng (1-1994) đánh giá: khu vực kinh tế nhà nước nhìn chung vẫn phát triển, nắm những lĩnh vực then chốt và giữ vị trí chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân, tỷ trọng trong GDP tăng từ 34% năm 1990 lên 39,9% năm 1992. Tuy nhiên, kinh tế nhà nước vẫn chưa thực sự làm tốt vai trò chủ đạo. Vì bản thân doanh nghiệp nhà nước còn nhiều yếu kém, hiệu quả sản xuất, kinh doanh thấp, lãng phí nhiều tiền bạc, cơ sở vật chất của xã hội.

Trước tình hình đó, hội nghị chủ trương tiếp tục chấn chỉnh và xây dựng khu vực doanh nghiệp nhà nước hoạt động có hiệu quả, đảm nhận được vai trò chủ đạo trong nền kinh tế là một việc hết sức quan trọng và cấp bách. Muốn vậy, *một mặt* phải tiếp tục sắp xếp lại kinh tế quốc doanh, xử lý bằng nhiều hình thức đối với những xí nghiệp làm ăn thua lỗ kéo dài; *mặt khác* phải củng cố, mở rộng và xây dựng mới những doanh nghiệp nhà nước cần thiết. Hội nghị nhấn mạnh: đây là công việc rất lớn, phải làm từng bước, có thí điểm nhưng phải làm tích cực, phải nghiêm túc và sáng tạo. Phải tránh cả hai khuynh hướng: bảo thủ, ngại khó, không làm gì; làm ào ạt, không tính toán gây hiệu quả tiêu cực.

Đối với khu vực kinh tế cá thể, tư nhân và kinh tế hợp tác: Với phương châm chỉ đạo *khuyến khích mọi người đầu tư kinh doanh, làm giàu chính đáng theo pháp luật*, đồng thời ngăn chặn làm ăn phi pháp, hạn chế tác động tiêu cực của cơ chế thị trường, Đảng và Nhà nước ta đã từng bước hình thành khuôn khổ pháp lý và cơ chế chính sách cho kinh tế cá thể, tư nhân và kinh tế hợp tác phát triển có hiệu quả.

Trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp, sau một thời kỳ triển khai thực hiện *khoán 10*, nông nghiệp nước ta đã thu được những thành tựu to lớn, song cùng với tiến trình vận động của đổi mới, *khoán 10* cũng dần bộc lộ những hạn chế cần tiếp tục bổ sung những chủ trương, chính sách mới để đáp ứng với yêu cầu thực tiễn. Trước thực trạng yếu kém trong quản lý ở các hợp tác xã nông nghiệp và xu hướng đòi giải thể hợp tác xã đang ngày càng phát triển, Hội nghị Trung ương năm, khóa VII (6-1993) đề ra chủ trương "đổi mới căn bản các hợp tác xã theo hướng vừa phát huy vai trò đơn vị kinh tế tự chủ của hộ xã viên, vừa làm tốt công tác quy hoạch, hướng dẫn sản xuất, tập trung phát triển những loại hình sản xuất - kinh doanh - dịch vụ mà từng hộ xã viên không làm được hoặc làm không có hiệu quả"<sup>1</sup>. Chủ trương này không mâu thuẫn, trái lại chính là để tạo điều kiện và hỗ trợ hộ xã viên phát huy cao độ tiềm năng của đơn vị kinh tế tự chủ, tăng thêm việc làm và thu nhập cho hộ xã viên, phối hợp với chính quyền trong sự nghiệp phúc lợi xã hội và xây dựng nông thôn mới.

Để phát huy tiềm năng to lớn của kinh tế hộ gia đình, bảo đảm cho mọi người yên tâm đầu tư sản xuất, Hội nghị Trung ương năm đã quyết định *thực hiện chính sách giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho hộ nông dân*. Theo đó, người nông dân ngoài quyền sử dụng còn có quyền thừa kế, cho thuê, chuyển đổi, chuyển nhượng, thế chấp theo những quy định cụ thể của pháp luật. Chủ trương này đã được cụ thể hóa thành Luật đất đai (sửa đổi) vào tháng 7 năm 1993. Tiếp đó là Nghị định 64/CP, ngày 27 tháng 9 năm 1993 về giao đất nông nghiệp; Nghị định số 02/CP, ngày 5 tháng 7 năm 1994 về giao đất lâm nghiệp... Vì thế cơ sở phát triển kinh tế của người nông dân lại càng được bảo đảm chắc chắn.

Đảng và Nhà nước ta còn ban hành một loạt các chính sách khuyến khích và bảo hộ kinh tế cá thể, kinh tế tư nhân phát triển. Trong đó đáng chú ý là: Điều 21 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Hiến pháp sửa đổi năm 1992) khẳng định: kinh tế cá thể, kinh tế tư bản tư nhân được chọn hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh, được thành lập doanh nghiệp không bị hạn chế về quy mô hoạt động trong những ngành, nghề có lợi cho quốc kế dân sinh. Kinh-tế gia đình được khuyến khích phát triển.

Tiếp đó, tháng 6 năm 1994 Nhà nước đã ban hành Luật khuyến khích đầu tư trong nước, tạo nên khuôn khổ pháp lý cho kinh tế tư nhân phát triển vì lợi ích của chính họ và lợi ích của đất nước. Nhờ đó kinh tế tư nhân đã có

---

1. ĐCSVN: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1993, tr. 38-39.

bước phát triển đáng kể. Số lượng cơ sở kinh tế tư nhân trong nước (bao gồm doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần) không ngừng tăng lên, từ 770 cơ sở năm 1990, đến giữa năm 1995 đã có trên 15.000 cơ sở và hơn 2.000 chi nhánh<sup>1</sup>.

Có thể đánh giá một cách tổng quát là, trong những năm từ 1991-1995 nhờ có những chủ trương, chính sách đúng đắn, khu vực kinh tế ngoài quốc doanh đã có bước phát triển đáng kể, góp phần quan trọng cùng với kinh tế quốc doanh tạo nên sự phát triển năng động của nền kinh tế đất nước.

*Hai là, tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.*

Chính sách kinh tế nhiều thành phần chỉ có thể thực hiện và phát huy hết tiềm năng to lớn của nó khi được gắn với một cơ chế quản lý thích hợp. Tuy nhiên, việc tìm kiếm, xác lập một cơ chế quản lý mới thay cho cơ chế quản lý cũ (cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp) đã từng tồn tại hàng mấy chục năm, in đậm trong tư duy, nếp nghĩ, trở thành thói quen trong hành động của mỗi người cũng như cả xã hội là một công việc khó khăn và cực kỳ phức tạp. Thực tiễn cho thấy, mặc dù đã trải qua một thời kỳ dài tiến hành những tìm tòi, thử nghiệm và chúng ta cũng đã từng phải trả giá đắt trong quá trình tìm tòi thử nghiệm ấy, nhưng đến Đại hội VI chúng ta vẫn chưa có được một cơ chế quản lý thích hợp. Đại hội vẫn cho rằng *tính kế hoạch* là đặc trưng số một của cơ chế quản lý kinh tế; quan hệ hàng hóa tiền tệ chỉ là mặt bổ sung. Đại hội vẫn chủ trương duy trì hai thị trường với hai cơ chế quản lý khác nhau, đặc biệt vẫn chủ trương thực hiện chính sách hai giá, hai tỉ giá, vẫn duy trì chế độ phân phối vật tư theo kế hoạch và những mặt hàng thiết yếu theo tem phiếu.

Sự song song tồn tại hai cơ chế, "hai thị trường", "hai giá" đã làm cho nền kinh tế vừa có những động lực mới cho sự phát triển, lại vừa có những cơ chế kìm hãm, làm biến dạng. Đó cũng chính là lý do cơ bản khiến cho nền kinh tế nước ta sau hơn hai năm đổi mới mà vẫn chưa có những chuyển biến đáng kể, thậm chí khó khăn còn gay gắt hơn.

Nhận rõ những mặt hạn chế, tiêu cực đó, Hội nghị Trung ương sáu, khóa VI (3-1989) đã thực hiện một bước ngoặt cơ bản khi quyết định chuyển sang cơ chế kinh tế mới với chủ trương: *phát triển một thị trường xã hội thống nhất thông suốt trong cả nước gắn với thị trường thế giới; khẳng định chính sách kinh tế nhiều thành phần là một chiến lược lâu dài; chấp nhận cơ chế thị trường là cơ chế khách quan của nền kinh tế hàng hóa*. Chính bước ngoặt

---

1. Trần Nhâm (chủ biên): *Có một Việt Nam như thế đổi mới và phát triển kinh tế*, Nxb CTQG, Hà Nội, 1998, tr. 55.



về quan điểm chính sách đó đã tạo ra nguồn động lực, sinh khí mới, kích thích mạnh mẽ mọi nguồn lực phát triển, tạo nên sự chuyển biến tích cực trong đời sống kinh tế của đất nước từ đó về sau.

Bên cạnh những chuyển biến tích cực, quá trình chuyển đổi từ cơ chế quản lý cũ sang cơ chế quản lý mới, vừa có tình trạng thiếu nhất quán, chưa đồng bộ, vừa xuất hiện những hiện tượng tiêu cực mới, trái với bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa, gây dư luận không tốt trong đời sống nhân dân. Đó là lối làm ăn chạy theo lợi nhuận bằng bất cứ giá nào dẫn tới vi phạm pháp luật, lừa đảo, hối lộ, làm hàng giả, buôn lậu, trốn thuế, xâm phạm nghiêm trọng tài sản của Nhà nước và của công dân; nợ nần dây dưa, chiếm dụng vốn của nhau, nhiều trường hợp không có khả năng thanh toán. Đó là xu hướng chạy theo buôn bán nhiều hơn sản xuất, thương mại hóa tràn lan, xâm phạm vào cả các cơ quan văn hóa, y tế, giáo dục, nội chính; kỷ luật, kỷ cương và pháp luật không nghiêm, bất công trong xã hội tăng lên.

Từ thực tế đó, Đại hội VII xác định: *Tiếp tục xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước là nhiệm vụ trọng tâm của quá trình đổi mới kinh tế.* Trên cơ sở tổng kết thực tiễn, phát triển những quan điểm của Hội nghị Trung ương sáu khóa VI (3-1989) Đại hội cho rằng: Cơ chế vận hành của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần ở nước ta là *cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước* bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác. Trong cơ chế đó, các đơn vị kinh tế có quyền tự chủ kinh doanh, quan hệ bình đẳng cạnh tranh hợp pháp, hợp tác và liên doanh tự nguyện; *thị trường* có vai trò trực tiếp hướng dẫn các đơn vị kinh tế lựa chọn lĩnh vực hoạt động và phương án tổ chức sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Đó là quan điểm đúng đắn thể hiện sự trưởng thành về nhận thức lý luận của Đảng ta trong việc xác định vai trò của cơ chế thị trường đối với nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần.

Chuyển sang kinh tế thị trường, một yêu cầu tất yếu đặt ra là phải có sự đổi mới một cách căn bản chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước. Nếu như trước đây trong mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung, Nhà nước đứng ra đảm nhận trách nhiệm tổ chức toàn bộ xã hội, thực hiện việc điều hành và quản lý toàn bộ nền kinh tế theo một cơ chế thống nhất, các đơn vị kinh tế cơ sở chỉ thừa hành một cách thụ động mọi mệnh lệnh từ trên xuống, không cần quan tâm đến cung - cầu, thị hiếu người tiêu dùng và biến động của giá cả trên thị trường, thì khi chuyển sang cơ chế mới, chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước sẽ buộc phải thay đổi. Theo quan điểm của Đại hội VII: "Nhà nước quản lý nền kinh tế nhằm định hướng, dẫn dắt các thành phần kinh tế, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh

doanh theo cơ chế thị trường, kiểm soát chặt chẽ và xử lý các vi phạm pháp luật trong hoạt động kinh tế, bảo đảm sự hài hòa giữa phát triển kinh tế và phát triển xã hội"<sup>1</sup>

Đại hội cũng đề ra những nhiệm vụ chủ yếu trong đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, đó là: từng bước hình thành và mở rộng đồng bộ các thị trường (thị trường hàng tiêu dùng và dịch vụ, thị trường vốn và tiền tệ, thị trường ngoại hối, thị trường sức lao động...); đổi mới và hoàn thiện các công cụ quản lý vĩ mô trọng yếu của Nhà nước (hệ thống pháp luật kinh tế, nâng cao chất lượng kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân, xây dựng chính sách tài chính quốc gia); đổi mới công tác điều hành của Nhà nước về kinh tế theo hướng bảo đảm sự nhất quán trong các quyết định, phối hợp đồng bộ giữa các cấp quản lý, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, tiếp tục phân định rõ quản lý Nhà nước về kinh tế và quản lý kinh doanh của các đơn vị cơ sở, cải tiến phân cấp quản lý kinh tế giữa Trung ương và các cấp chính quyền địa phương.

Trên cơ sở những quan điểm của Đại hội VII, Đảng và Nhà nước ta đã tích cực triển khai nhiều hoạt động nhằm bảo đảm cho cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước được hình thành và mang lại những hiệu quả rõ rệt trong cuộc sống. Việc sửa đổi Hiến pháp năm 1980, ban hành Hiến pháp mới năm 1992, cùng với sự ra đời của một hệ thống các luật và văn bản dưới luật sau đó đã tạo cơ sở pháp lý để các chủ thể kinh tế và mọi người dân đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh trong cơ chế thị trường. Cũng trên cơ sở đường lối, chính sách và pháp luật đó, Nhà nước ta đã tích cực xây dựng và phát triển các loại thị trường: thị trường hàng hóa dịch vụ, thị trường bất động sản, thị trường sức lao động, thị trường tài chính tiền tệ... tuy mới ở mức độ sơ khai nhưng đã góp phần tạo nên sự cạnh tranh sống động trong đời sống kinh tế. Cơ chế quản lý trong lĩnh vực đối ngoại cũng được đổi mới theo hướng đa dạng hóa, đa phương hóa nhằm đẩy mạnh hoạt động thương mại quốc tế và thu hút vốn đầu tư nước ngoài... Từ sau năm 1991, dưới sự lãnh đạo của Đảng, bằng chính sách và pháp luật, Nhà nước đã tạo được môi trường thuận lợi cho sự cạnh tranh hợp pháp, sự hợp tác liên doanh cùng có lợi thuộc mọi thành phần kinh tế. Sự độc quyền của Nhà nước đã giảm dần ở hầu hết các ngành, các lĩnh vực. Công tác kế hoạch hóa từng bước được đổi mới theo hướng coi thị trường vừa là căn cứ, vừa là đối tượng của kế hoạch hóa. Cũng từ sau năm 1991, Nhà nước ta đã bước đầu làm quen và sử dụng tương đối có hiệu quả các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô để ổn định và điều tiết nền kinh tế.

---

1. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Sđd, tr. 67.

Tuy còn có những hạn chế, yếu kém cả trong nhận thức lý luận và trong chỉ đạo thực tiễn, song có thể khẳng định rằng sự đổi mới cơ chế kinh tế nói chung, đổi mới cơ chế quản lý và vai trò quản lý của Nhà nước nói riêng là một trong những yếu tố quyết định sự phát triển lực lượng sản xuất, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong những năm 1991-1995.

*Ba là, mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại theo hướng đa dạng hóa, đa phương hóa.*

Trước những diễn biến nhanh chóng và phức tạp của tình hình thế giới trong những năm cuối thập niên 80, đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, cùng với việc đổi mới chủ trương, chính sách nhằm phát triển kinh tế trong nước, chính sách đối ngoại - trọng tâm là kinh tế đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta cũng đã được đổi mới và triển khai thực hiện một cách tích cực.

Đại hội lần thứ VII của Đảng xác định: "*Nhiệm vụ đối ngoại* bao trùm trong thời gian tới là giữ vững hòa bình, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội"<sup>1</sup>. Để thực hiện mục tiêu đó, Đại hội chủ trương hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị xã hội khác nhau trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình, với phương châm Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển. Đó là chủ trương đúng, phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển tất yếu trong quan hệ hợp tác quốc tế.

Đường lối đối ngoại rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa đã được quán triệt và cụ thể hóa trong đường lối kinh tế đối ngoại. Đại hội lần thứ VII của Đảng xác định: Mở rộng đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ kinh tế đối ngoại trên nguyên tắc giữ vững độc lập, chủ quyền, bình đẳng, cùng có lợi, thu hút các nguồn lực bên ngoài để phát huy mạnh mẽ các lợi thế và nguồn lực bên trong. Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại phải hướng vào các mục tiêu: tăng cường kim ngạch và cải thiện cơ cấu xuất khẩu theo hướng tăng các mặt hàng chế biến, giảm tỉ lệ trong các sản phẩm thô, tạo một số mặt hàng có khối lượng lớn và thị trường tương đối ổn định, phấn đấu tăng kim ngạch xuất khẩu trong 5 năm 1991-1995 lên gấp 2-2,5 lần so với 5 năm trước. Nhập khẩu phải phục vụ có hiệu quả cho phát triển sản xuất và đổi mới công nghệ, thúc đẩy nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của hàng hóa, đáp ứng nhu cầu cần thiết về đời sống. Để thực hiện mục tiêu đó: phải

---

1. ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Sđd, tr. 146.

tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý xuất nhập khẩu và quản lý ngoại tệ; tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho nước ngoài vào nước ta đầu tư hợp tác kinh doanh; bảo đảm các điều kiện thiết yếu về cơ sở hạ tầng; đào tạo đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh tế đối ngoại theo cơ chế mới, với các đối tượng mới; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và quyền hạn thành viên của nước ta trong các tổ chức quốc tế; gia nhập các tổ chức và hiệp hội kinh tế quốc tế khác khi cần thiết và có điều kiện.

Sau Đại hội VII, tình hình thế giới tiếp tục có những diễn biến hết sức phức tạp, đặc biệt là sự tan rã của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô - viết. Trước tình hình đó, Hội nghị Trung ương ba, khóa VII (6-1992) đã khẳng định: Dù hoàn cảnh nào, công tác đối ngoại của ta cũng phải *góp phần thực hiện mục tiêu tổng quát trong 5 năm 1991-1995*. Để bảo đảm tính thống nhất, đạt hiệu quả cao trong hoạt động đối ngoại, hội nghị xác định: tư tưởng chỉ đạo chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta là: *Giữ vững nguyên tắc vì độc lập, thống nhất và chủ nghĩa xã hội, đồng thời phải rất sáng tạo, năng động, linh hoạt*, phù hợp với vị trí, điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của nước ta cũng như diễn biến của tình hình thế giới và khu vực, phù hợp đặc điểm từng đối tượng ta có quan hệ.

Thực hiện chủ trương của Đại hội VII và Nghị quyết Trung ương ba khóa VII, Đảng và Nhà nước ta đã tích cực đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại nhằm phá thế bị bao vây, cấm vận, mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế theo hướng đa dạng hóa, đa phương hóa.

Với Trung Quốc: trên cơ sở những kết quả đạt được ở Hội nghị cấp cao Việt - Trung (9-1990) tại Thành Đô - Trung Quốc, tháng 7 năm 1991 Chủ tịch Lê Đức Anh đi Bắc Kinh, hội đàm với Giang Trạch Dân, Lý Bằng, Kiều Thạch về vấn đề bình thường hóa quan hệ. Tháng 11 năm 1991, đoàn đại biểu cấp cao Đảng và Nhà nước ta do Tổng Bí thư Đỗ Mười và Thủ tướng Võ Văn Kiệt dẫn đầu đi thăm chính thức Trung Quốc, hội đàm với Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Giang Trạch Dân và thủ tướng Lý Bằng, hai bên đã ký Thông cáo chung Việt - Trung tại Bắc Kinh, chính thức hóa việc lập lại quan hệ bình thường giữa hai nước.

Với các nước Đông Nam Á: cùng với các nỗ lực ngoại giao nhằm tìm kiếm giải pháp chính trị về Campuchia, Đảng và Nhà nước ta đã tăng cường quan hệ song phương với các nước trong khu vực và quan hệ đa phương với tổ chức ASEAN, từng bước tham gia các cơ cấu tổ chức và chương trình hợp tác của ASEAN. Ngày 27 tháng 7 năm 1992, Việt Nam tham gia ký *Hiệp ước thân thiện và hợp tác Đông Nam Á*, trở thành quan sát viên của ASEAN và trở thành thành viên chính thức của tổ chức này từ tháng 7 năm 1995. Việt

Nam cũng đã cam kết sẽ bắt đầu thi hành nghĩa vụ thành viên khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) từ ngày 1 tháng 1 năm 1996. Đây là lần đầu tiên Việt Nam cam kết tham gia vào một hiệp định tự do hóa thương mại ở tầm khu vực phù hợp với các luật lệ thương mại chung của thế giới. Việc thực hiện các cam kết về mở cửa tự do hóa thương mại theo một lộ trình cụ thể và trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi giữa các nước trong khu vực đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Nhờ đó, hàng hóa xuất - nhập khẩu của Việt Nam sẽ có điều kiện mở rộng, tăng sức cạnh tranh; quan hệ kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học kỹ thuật... của nước ta cũng sẽ có điều kiện để phát triển.

Với các tổ chức kinh tế quốc tế: chúng ta đã tích cực, chủ động đàm phán nhằm giải quyết những bất đồng, khai thông quan hệ với các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc tế. Nhờ đó, tháng 10 năm 1993 sau gần 15 năm bị gián đoạn, Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) đã tuyên bố bình thường hóa quan hệ với Việt Nam và thông qua chương trình cho vay dự phòng và chuyển đổi cơ cấu giá trị khoảng 245 triệu USD<sup>1</sup>. Tháng 10 năm 1993, với sự ủng hộ của IMF và Ngân hàng thế giới (WB), Hội nghị các nhà tài trợ cho Việt Nam được tổ chức tại Pari. Các nước tham dự hội nghị này đã cam kết cho Việt Nam vay vốn ODA 1,8 tỉ USD trong năm 1994, cam kết giúp Việt Nam giải quyết các khoản nợ chính phủ thông qua Câu lạc bộ Pari và các khoản nợ tư nhân thông qua Câu lạc bộ Luân Đôn. Ngày 10 tháng 11 năm 1994, IMF thông qua chương trình cho vay điều chỉnh cơ cấu mở rộng cho Việt Nam trong 3 năm 1994-1997 với số vốn 535 triệu USD<sup>2</sup>. Có thể thấy rằng, trong điều kiện kinh tế đất nước đang trong thời kỳ khủng hoảng, nguồn vốn cho đầu tư phát triển còn hết sức hạn chế, những khoản viện trợ, giúp đỡ từ phía các nước xã hội chủ nghĩa không còn, Mỹ vẫn tiếp tục bao vây cấm vận thì nguồn vốn cung cấp từ phía các nhà tài trợ, các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc tế đối với Việt Nam có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Tuy nhiên, cũng cần phải thấy rằng, việc các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc tế nối lại quan hệ với Việt Nam vào thời điểm nhạy cảm như thế thực ra là không phải không có điều kiện chính trị ràng buộc. Trên thực tế, quá trình đàm phán họ cũng đã từng gây sức ép, gấn những vấn đề kinh tế với điều kiện về "dân chủ", "nhân quyền", "dân tộc", "tự do tôn giáo"... đối với nước ta. Song, dưới sự lãnh đạo của Đảng, với đường lối đối ngoại *mềm dẻo*, có *nguyên tắc* chúng ta vẫn nhận được những khoản viện trợ, cho vay với số lượng ngày

---

1, 2. Bộ Ngoại giao - Vụ Hợp tác kinh tế đa phương: *Việt Nam hội nhập kinh tế trong xu thế toàn cầu hoá - vấn đề và giải pháp*, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tr. 284.

càng lớn, vẫn giữ được sự ổn định về chính trị - xã hội. Đó là một thành công lớn, được bạn bè quốc tế đánh giá cao.

Tiếp đó, tháng 12 năm 1994, Việt Nam đã gửi đơn xin gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO). Tháng 7 năm 1995, *Hiệp định khung hợp tác giữa Việt Nam với EU* (liên minh châu Âu) được ký kết. Quyết định xin gia nhập WTO là một quyết định cực kỳ quan trọng trong tiến trình hội nhập kinh tế của Việt Nam. Bởi vì các mục tiêu của WTO phù hợp và cũng là điều Việt Nam đang hướng tới. Các mục tiêu đó là: nâng cao mức sống và thu nhập; bảo đảm tạo đầy đủ việc làm; mở rộng sản xuất và thương mại; sử dụng tốt nhất các nguồn lực của thế giới cho sự phát triển bền vững và cố gắng bảo đảm tạo cho các nước đang phát triển, đặc biệt là các nước kém phát triển nhất có được một tỉ trọng lớn hơn trong sự tăng trưởng của thương mại quốc tế.

Vấn đề khó khăn, phức tạp nhưng quan trọng nhất trong hoạt động ngoại giao của nước ta đó là giải quyết mối quan hệ giữa Việt Nam và Mỹ. Sau khi bị thất bại trong chiến tranh xâm lược Việt Nam, Mỹ vẫn tiếp tục thực hiện chính sách thù địch chống nước ta: phong tỏa tài sản của Việt Nam (sau 30-4-1975); tuyên bố cấm vận thương mại (15-5-1975); ba lần phủ quyết Việt Nam vào Liên hợp quốc... Mặc dù trong khoảng thời gian từ 1975-1991, nhất là từ 1986-1991, Đảng và Nhà nước ta tỏ rõ thiện chí, tích cực, chủ động đề xuất và giải quyết các vấn đề có liên quan nhằm cải thiện quan hệ với Mỹ, nhưng Mỹ vẫn tiếp tục bao vây cấm vận, đồng thời lôi kéo các nước, các lực lượng phản động chống phá cách mạng Việt Nam. Trên cơ sở những kết quả đạt được từ các cuộc đàm phán thời kỳ 1986-1991, Đại hội lần thứ VII của Đảng vẫn tiếp tục đề ra chủ trương thúc đẩy quá trình bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ. Thực hiện chủ trương đó, *một mặt* Đảng và Nhà nước ta đã tích cực đẩy mạnh các hoạt động ngoại giao và đã bình thường hóa quan hệ với các nước lớn, các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc tế từ năm 1993 (các tổ chức này có quan hệ khăng khít với Mỹ); *mặt khác* đã chủ động, tích cực giải quyết có hiệu quả hai vấn đề mà Mỹ quan tâm đó là: vấn đề Campuchia và vấn đề POW/MIA. Vì vậy, ngày 3 tháng 2 năm 1994 Tổng thống Mỹ Bin Clinton đã phải tuyên bố bỏ cấm vận đối với Việt Nam. Tiếp đó, ngày 11 năm 7 năm 1995, Tổng thống Bin Clinton đã ra tuyên bố về việc bình thường hóa quan hệ với Việt Nam. Đó là một thành công lớn của ngoại giao Việt Nam trong thời kỳ 1991-1995. Thắng lợi này có ý nghĩa nhiều mặt, đặc biệt đối với hoạt động kinh tế đối ngoại, vì Mỹ là một thị trường lớn, giàu tiềm năng.

Như vậy, sau 5 năm triển khai thực hiện chính sách đối ngoại rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa, ngoại giao Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn. Từ chỗ bị bao vây, cô lập nước ta đã vươn ra khắp 5 châu, mở rộng quan hệ quốc tế trên phạm vi rộng lớn chưa từng thấy. Tính đến tháng 11 năm 1996, nước ta đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 163 nước lớn nhỏ. Lần đầu tiên nước ta có quan hệ chính thức với tất cả các nước lớn, kể cả 5 nước ủy viên thường trực Hội đồng bảo an Liên hợp quốc... Hàng trăm điều ước được ký kết tạo hành lang pháp lý cho việc mở rộng quan hệ hợp tác trên nhiều lĩnh vực. Từ chỗ thị trường bị thu hẹp, đối tác không còn bao nhiêu, nước ta đã tạo dựng được quan hệ kinh tế thương mại với hơn 160 nước, có quan hệ buôn bán với trên 100 nước. Nhờ đó, trong 5 năm 1991-1995, tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước đạt trên 17 tỉ USD, tổng kim ngạch nhập khẩu đạt trên 21 tỉ USD<sup>1</sup>.

Cùng với những nỗ lực ngoại giao nhằm tìm kiếm thị trường, gia tăng đối tác, Đảng và Nhà nước ta đã tiến hành sửa đổi Hiến pháp 1980, ban hành Hiến pháp mới 1992 tạo cơ sở pháp lý cơ bản cho mô hình kinh tế mới; đã sửa đổi Luật đầu tư nước ngoài (lần thứ hai), tháng 12 năm 1992, theo hướng đa dạng hơn về hình thức đầu tư, đơn giản hơn về thủ tục hành chính, cụ thể hơn về chính sách ưu đãi, nhằm tạo môi trường đầu tư tại Việt Nam hấp dẫn và thông thoáng hơn. Nhờ đó Việt Nam đã nhanh chóng trở thành điểm đến của các nhà đầu tư thế giới. Tính đến hết năm 1996 đã có trên 700 công ty thuộc trên 50 nước và vùng lãnh thổ đầu tư vào nước ta, đưa con số các dự án lên tới gần 2.000, với tổng số vốn trên 20 tỉ USD<sup>2</sup>. Nguồn vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài đã trở thành một nhân tố tăng trưởng quan trọng của nền kinh tế Việt Nam trong thời kỳ 1991-1995.

Những thành tựu đạt được trên mặt trận đối ngoại nói chung và kinh tế đối ngoại nói riêng đã góp phần quan trọng phá thế bị bao vây cấm vận, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế xã hội, củng cố và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Thắng lợi đó càng nổi bật trong bối cảnh chủ nghĩa xã hội thế giới đang đứng trước nhiều khó khăn, thử thách, chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và Liên Xô - những đồng minh và đối tác hàng đầu của nước ta bị sụp đổ.

---

1. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb CTQG, Hà Nội, 1996, tr. 159.

2. Trần Nhâm (chủ biên): *Có một Việt Nam như thế đối mới và phát triển*, Nxb CTQG, Hà Nội, 1998, tr. 348.

## 2. Tiếp tục đổi mới việc thực hiện chính sách xã hội

Mặc dù Đại hội lần thứ VI của Đảng đã có những đổi mới hết sức căn bản về chính sách xã hội, tuy nhiên, đây là lĩnh vực rất đa dạng, phức tạp, liên quan đến mọi mặt của cuộc sống con người. Quá trình chỉ đạo thực hiện đổi mới chính sách xã hội theo tinh thần của Đại hội VI lại diễn ra trong bối cảnh hết sức phức tạp. Những vấn đề do lịch sử để lại như: việc chăm sóc, đền ơn, đáp nghĩa đối với những người có công với nước; việc cứu trợ nạn nhân chiến tranh; những trẻ mồ côi không nơi nương tựa; những bệnh tật và tệ nạn xã hội... còn chưa kịp và chưa có điều kiện khắc phục thì những vấn đề mới lại tiếp tục nảy sinh. Vì thế, đến Đại hội VII, các vấn đề thuộc về chính sách xã hội vẫn là một trong những nội dung nóng bỏng, bức xúc, được cả xã hội quan tâm.

Phát triển tư duy của Đại hội VI, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* của Đảng khẳng định: "Chính sách xã hội đúng đắn vì hạnh phúc của con người là động lực to lớn phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội"<sup>1</sup>. Phương hướng thực hiện chính sách xã hội là: "Phát huy nhân tố con người trên cơ sở bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; kết hợp tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội; giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần; giữa đáp ứng các nhu cầu trước mắt với chăm lo lợi ích lâu dài; giữa cá nhân với tập thể và cộng đồng xã hội"<sup>2</sup>. Đó là những tư tưởng đổi mới rất căn bản, vừa thể hiện sự trung thành với lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; vừa phản ánh đúng quy luật của sự phát triển lành mạnh, bền vững trong thời đại ngày nay, vừa nói lên mục đích, bản chất ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng.

Cụ thể hóa tư tưởng của Cương lĩnh, Đại hội lần thứ VII của Đảng một mặt đã đưa ra hệ thống các quan điểm, mục tiêu, phương hướng chỉ đạo giải quyết các vấn đề về chính sách xã hội, trong đó quan điểm nổi bật là: *Coi mục tiêu và động lực chính của sự phát triển là vì con người, do con người, trước hết là người lao động*. Mặt khác, căn cứ vào thực lực và trình độ phát triển kinh tế của đất nước, Đại hội cho rằng: không thể giải quyết hàng loạt các vấn đề cấp bách ấy trong cùng một lúc khi năng suất lao động xã hội còn thấp, nguồn thu ngân sách Nhà nước thường xuyên thiếu hụt lớn so với yêu cầu chi. Phải có thời gian để giải quyết từng bước, cùng với đà phát triển kinh tế. Trước mắt, cần tập trung giải quyết tốt một số vấn đề gay gắt nhất,

---

1, 2. ĐCSVN: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Sđd, tr. 13.



đó là: giảm tỷ lệ phát triển dân số; giải quyết việc làm cho người lao động, trước hết là ở thành phố, bộ đội xuất ngũ, học sinh ra trường theo hướng *Nhà nước tạo cơ chế, chính sách, môi trường, đào tạo nghề nghiệp, người lao động tự tìm việc làm thích hợp*; cải cách chế độ tiền lương; chăm sóc người có công với nước; cải thiện một bước điều kiện sống, làm việc cho người lao động; đặc biệt chú trọng vùng núi, biên giới, hải đảo và vùng đồng bào các dân tộc thiểu số.

Để giải quyết có hiệu quả các vấn đề nêu trên trong điều kiện tiềm lực kinh tế của đất nước còn hết sức hạn chế, Đại hội chủ trương: huy động mọi khả năng của Nhà nước và của nhân dân, Trung ương và địa phương cùng nhau phối hợp giải quyết các vấn đề xã hội. Chủ trương xây dựng quỹ bảo hiểm xã hội của nhân dân trong tất cả các thành phần kinh tế; phát triển các hiệp hội từ thiện, nhân đạo để phát huy truyền thống nhân ái, tương trợ lẫn nhau, đồng thời hỗ trợ Nhà nước trong việc giải quyết các vấn đề xã hội.

Thực hiện chủ trương của Đại hội VII, trong 5 năm (1991-1995) Đảng, Nhà nước, các đoàn thể nhân dân đã tích cực triển khai nhiều chương trình hành động mang tính xã hội hóa cao, huy động được sức mạnh tổng hợp của cả cộng đồng tham gia vào việc giải quyết các vấn đề xã hội.

Từ chủ trương "xoá đói giảm nghèo" của Đảng, Chính phủ đã thành lập Ngân hàng phát triển nông nghiệp; Ngân hàng phục vụ người nghèo. Các đơn vị cơ sở cũng thành lập quỹ xoá đói, giảm nghèo... phong trào xoá đói, giảm nghèo đã nhanh chóng trở thành cuộc vận động lớn trong cả nước.

Đảng và Nhà nước cũng đã ban hành nhiều văn bản, chỉ thị về chính sách ưu đãi người có công với nước, coi đó là việc làm thể hiện sâu sắc đạo lý "uống nước nhớ nguồn" của dân tộc Việt Nam. Hưởng ứng chủ trương của Đảng, các tầng lớp nhân dân (kể cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài), các thành phần kinh tế, các tổ chức chính trị xã hội... đã hăng hái tham gia, quyên góp tự nguyện qua các phong trào rộng lớn như: phong trào đón thương binh về làng; chăm sóc bố mẹ liệt sĩ già cả, neo đơn; đỡ đầu con liệt sĩ; xây dựng nhà tình nghĩa; tặng sổ tiết kiệm, v.v...

Để giải quyết việc làm cho người lao động trong quá trình chuyển đổi cơ cấu và cơ chế quản lý kinh tế, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản, chỉ thị nhằm khuyến khích các chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ, kinh tế hộ gia đình phát triển; Nhà nước còn có chính sách hỗ trợ, xây dựng chương trình quốc gia về giải quyết việc làm, ngoài việc cho vay theo dự án nhỏ, chương trình việc làm quốc gia còn có chức năng dạy nghề, tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động. Cùng với những cố gắng trên đây của Nhà nước,

các tổ chức đoàn thể trong xã hội cũng tích cực tham gia giải quyết việc làm cho hội viên của mình bằng các hình thức rất phong phú, đa dạng như: phụ nữ giúp nhau làm kinh tế, quỹ thanh niên lập nghiệp, quỹ hỗ trợ tài năng trẻ...

Ngoài ra, Đảng và Nhà nước còn tích cực chỉ đạo ngành công an kết hợp với nhân dân tham gia bài trừ các tệ nạn xã hội như: trộm cắp, cờ bạc, mê tín, nghiện hút... nhằm giữ vững an ninh, trật tự xã hội.

### **3. Tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa**

Sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội chỉ có thể được thực hiện thành công trong một môi trường hòa bình và ổn định. Tuy nhiên, khi bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm 1991-1995, trong lúc cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội ở nước ta chưa được khắc phục một cách căn bản thì những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới lại dồn dập tác động và ảnh hưởng rất xấu đến cách mạng Việt Nam. Tiếp theo sự khủng hoảng và sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu thì Liên Xô thành trì của cách mạng thế giới cũng tan rã. Lợi dụng tình hình đó, chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là Mỹ đã ra sức đẩy mạnh chiến lược "diễn biến hòa bình" kết hợp với bạo loạn lật đổ và răn đe quân sự nhằm xoá bỏ nốt các nước xã hội chủ nghĩa còn lại, trong đó Việt Nam là một trọng điểm.

Trước tình hình đó, để bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, tạo ra môi trường hòa bình, ổn định cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, tư duy của Đảng về quốc phòng, an ninh cũng có bước phát triển mới và ngày càng hoàn thiện trong quá trình chỉ đạo.

*Về mục tiêu bảo vệ Tổ quốc:* trước đây, khi thế giới còn tồn tại hai hệ thống đối lập, việc xác định mục tiêu bảo vệ Tổ quốc (không chỉ ở nước ta mà các nước xã hội chủ nghĩa khác cũng vậy) thường chỉ nhấn mạnh đến bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Nay, sự đối đầu giữa hai hệ thống không còn, "chiến tranh lạnh" đã kết thúc, nhưng bản chất và âm mưu của chủ nghĩa đế quốc vẫn không hề thay đổi. Lợi dụng những khó khăn về tình hình kinh tế - xã hội ở nước ta, chủ nghĩa đế quốc đã cấu kết với các thế lực phản động trong và ngoài nước đẩy mạnh chiến lược "diễn biến hòa bình" kết hợp với bạo loạn lật đổ và răn đe quân sự nhằm xoá bỏ chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá, nhận định đúng đắn những thay đổi của tình hình thế giới, sự điều chỉnh chiến lược chống phá của kẻ thù, đặc biệt là

từ những bài học về sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu, Đại hội lần thứ VII của Đảng xác định: *mục tiêu bảo vệ Tổ quốc là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, lãnh thổ toàn vẹn của Tổ quốc, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, sự ổn định chính trị, trật tự và an toàn xã hội, quyền làm chủ của nhân dân.*

Như vậy, theo quan điểm của Đại hội VII, mục tiêu bảo vệ Tổ quốc không chỉ đơn thuần là bảo vệ độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc như trước đây, mà đồng thời với vấn đề đó cần phải bảo vệ vững chắc chế độ xã hội chủ nghĩa, sự ổn định về chính trị, bảo vệ trật tự và an toàn xã hội, bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân.

Tiếp đó, Hội nghị Trung ương ba, khóa VII (6-1992) đã bổ sung nội dung bảo vệ sự *thống nhất* (thống nhất về lãnh thổ, về đường lối quan điểm này về thể chế chính trị...) trong mục tiêu bảo vệ Tổ quốc. Sự bổ sung này là cần thiết và có ý nghĩa rất quan trọng. Bởi vì, vào thời điểm này xu hướng ly khai tách khỏi liên bang đã xảy ra ở nhiều nước trên thế giới, đặc biệt là Liên Xô. Trong chiến lược "diễn biến hòa bình" của chủ nghĩa đế quốc đối với cách mạng Việt Nam, chúng đã lợi dụng, kích động các phần tử thoái hóa, biến chất đòi xoá bỏ sự lãnh đạo độc tôn của Đảng Cộng sản Việt Nam, xoá bỏ chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, xoá bỏ mục tiêu lý tưởng xã hội chủ nghĩa, thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập; đòi xoá bỏ vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh, thực hiện tư nhân hóa nền kinh tế, kích động các phần tử bất mãn (nhất là ở các vùng dân tộc thiểu số, vùng đồng bào theo đạo) đòi ly khai, tự trị, phá vỡ sự đoàn kết thống nhất giữa các dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam... Vì thế, việc Hội nghị Trung ương ba, khóa VII nhấn mạnh nội dung bảo vệ tính thống nhất trong mục tiêu bảo vệ Tổ quốc, chống lại sự kích động, chia rẽ của kẻ thù có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc với bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội gắn bó chặt chẽ với nhau. Sự nghiệp đổi mới nói chung và sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội nói riêng có thành công hay không đều phụ thuộc vào việc bảo vệ các mục tiêu đó.

*Về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh:* xuất phát từ âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù, để bảo vệ vững chắc các mục tiêu trên, Đại hội lần thứ VII của Đảng xác định: "củng cố nền quốc phòng toàn dân và thế trận chiến tranh nhân dân nhằm bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, ngăn chặn và làm thất bại mọi âm mưu, hành động phá hoại và xâm lược của kẻ thù là nhiệm vụ quan trọng của toàn dân, toàn quân, của cả hệ

thống chính trị"<sup>1</sup>. Đồng thời, "giữ vững *an ninh quốc gia*, bảo đảm sự ổn định chính trị của đất nước... giữ gìn *trật tự an toàn xã hội*, bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng phục vụ đắc lực công cuộc đổi mới là một nhiệm vụ trọng yếu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"<sup>2</sup>.

Như vậy, theo quan điểm của Đại hội VII, nhiệm vụ quốc phòng an, ninh trong tình hình mới là phải ngăn chặn và đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược từ bên ngoài; đồng thời đề cao cảnh giác, chủ động và kiên quyết đánh bại mọi âm mưu và hành động xâm phạm an ninh quốc gia, trừng trị nghiêm khắc những hành vi phá hoại an ninh trật tự, an toàn xã hội. Tiếp đó, Hội nghị Trung ương ba, khóa VII nhấn mạnh, chống "diễn biến hòa bình" bạo loạn lật đổ là nhiệm vụ cấp bách hàng đầu và phải được kết hợp chặt chẽ với nhiệm vụ sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống khác.

*Về quan điểm chỉ đạo:* Để có đủ sức mạnh chiến thắng mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù, bảo vệ vững chắc các mục tiêu, Đại hội lần thứ VII của Đảng và Hội nghị Trung ương ba, khóa VII xác định: phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý điều hành của Nhà nước; xây dựng vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân, kết hợp chặt chẽ với thể trận an ninh nhân dân; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân với chất lượng ngày càng cao; củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia không phải là một chủ trương nhất thời, chỉ đặt ra trong tình huống có chiến tranh hay bạo loạn lật đổ mà là *nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của toàn dân, của Nhà nước*, dưới sự lãnh đạo của Đảng, lấy quân đội nhân dân và công an nhân dân làm nòng cốt.

Triển khai thực hiện các quan điểm trên đây, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, tổ chức, điều hành của Nhà nước, chúng ta đã tiến hành điều chỉnh thể bố trí chiến lược trên phạm vi cả nước nhằm ứng phó với chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ, đề phòng chiến tranh xâm lược vũ trang cục bộ và chuẩn bị đề phòng chiến tranh xâm lược quy mô lớn. Thực hiện giảm số quân thường trực, tăng cường lực lượng dự bị động viên và dân quân tự vệ. Thực hiện bố trí lại lực lượng trên các hướng theo phương châm "vững trên toàn cục, mạnh ở trọng điểm".

Chúng ta cũng đã tích cực triển khai phương án xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố), huyện (quận),... bảo đảm khả năng chiến đấu của từng địa phương và của cả nước trong nhiều tình huống khác nhau... Nhờ đó, khả năng sẵn sàng chiến đấu bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn

---

1, 2. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Sđd, tr. 85, 86-87

lãnh thổ của Tổ quốc được tăng cường, nhất là các vùng biển - đảo, biên giới đất liền, các thành phố lớn.

Trong chỉ đạo bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội. Có thể nói, trong thời kỳ 1991-1995, do sự chống phá quyết liệt của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch, việc bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội đã trở thành một mặt trận nóng bỏng, rất phức tạp, liên quan đến mọi mặt của đời sống xã hội. Vì thế, đồng thời với việc tập trung sức làm tốt đổi mới kinh tế, đưa đất nước từng bước ra khỏi khủng hoảng kinh tế xã hội, Đảng và Nhà nước ta đã triển khai nhiều chủ trương biện pháp nhằm chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trên tất cả các lĩnh vực: chỉ đạo thực hiện bảo vệ an ninh biên giới; chỉ đạo đấu tranh trên mặt trận chính trị, tư tưởng nhằm bảo vệ sự lãnh đạo độc tôn của Đảng, bảo vệ Nhà nước, bảo vệ mục tiêu lý tưởng xã hội chủ nghĩa; chỉ đạo đấu tranh chống bọn phản cách mạng, chống địch lợi dụng vấn đề tôn giáo, dân tộc, chống tội phạm và tệ nạn xã hội nhằm giữ vững trật tự an toàn xã hội; chỉ đạo bảo vệ an ninh kinh tế nhằm giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường, mở rộng hội nhập kinh tế quốc tế; chỉ đạo đấu tranh nhằm ngăn ngừa, giữ vững và phát huy bản sắc, truyền thống văn hóa dân tộc... nhờ đó chúng ta đã từng bước đánh bại mọi âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch, bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, tạo được môi trường hòa bình và ổn định cho sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

#### **4. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị**

Kể từ khi các nước xã hội chủ nghĩa tiến hành cải cách, cải tổ và đổi mới, việc kiện toàn, đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị luôn luôn là vấn đề nóng bỏng, thu hút sự quan tâm theo dõi của cả xã hội. Các thế lực thù địch, phản cách mạng cũng đã triệt để khai thác những yếu điểm của hệ thống chính trị ở các nước xã hội chủ nghĩa để thổi phồng, xuyên tạc, kích động nhằm xoá bỏ sự lãnh đạo của Đảng, gây tâm lý hoang mang trong xã hội. Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu, rồi sau đó là Liên Xô cũng bắt đầu từ những sai lầm có tính nguyên tắc trong chủ trương, chỉ đạo đổi mới hệ thống chính trị.

Trong bối cảnh hết sức phức tạp đó, Đại hội lần thứ VII của Đảng đã tỏ rõ bản lĩnh, tinh thần độc lập tự chủ và sáng tạo trong việc vận dụng lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; không giáo điều, rập khuôn; bình tĩnh chủ động đề ra các chủ trương giải pháp nhằm khắc phục những

hạn chế, yếu kém, nâng cao sức mạnh và hiệu lực của hệ thống chính trị. Đại hội khẳng định: Chúng ta hiểu được tầm quan trọng của đổi mới hệ thống chính trị, nhưng vấn đề là phải tìm ra nội dung, hình thức, bước đi thích hợp.

Trên cơ sở những quan điểm đúng đắn đã được đề ra từ Hội nghị Trung ương sáu, khóa VI (3-1989), Đại hội tiếp tục khẳng định chủ trương *kết hợp và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị*. Cụ thể là, phải tập trung sức làm tốt đổi mới kinh tế, đáp ứng những đòi hỏi cấp bách của nhân dân, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, coi đó là điều kiện quan trọng để tiến hành đổi mới chính trị. Đồng thời với đổi mới kinh tế phải từng bước thực hiện đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, phát huy ngày càng tốt quyền làm chủ và năng lực sáng tạo của nhân dân. Tuy nhiên, do chính trị là lĩnh vực nhạy cảm và cực kỳ phức tạp nên việc đổi mới nhất thiết phải trên cơ sở nghiên cứu và chuẩn bị rất nghiêm túc; không cho phép gây mất ổn định chính trị, dẫn đến sự rối loạn. Nhưng, cũng không vì thế mà tiến hành chậm trễ đổi mới hệ thống chính trị, nhất là về tổ chức bộ máy và cán bộ, về mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân, bởi đó là điều kiện để thúc đẩy phát triển kinh tế và thực hiện dân chủ.

*Mấu chốt của việc đổi mới, kiện toàn hệ thống chính trị là phân định rõ chức năng, giải quyết tốt mối quan hệ giữa Đảng với Nhà nước và các đoàn thể nhân dân.*

*Đảng Cộng sản Việt Nam* là một thành tố trong hệ thống chính trị nhưng giữ vai trò lãnh đạo hệ thống ấy. Sự lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị là để bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân, Nhà nước thực sự là của dân, do dân, vì dân. Đó là vấn đề có tính nguyên tắc, không thể mơ hồ, lẫn lộn. Không thể vì những sai lầm khuyết điểm đã mắc phải mà đi đến phủ nhận, buông trôi sự lãnh đạo của Đảng. Kinh nghiệm cải tổ ở các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên Xô cho thấy, chỉ cần một chút mơ hồ, buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng là lập tức tạo điều kiện cho các thế lực thù địch dần tới phá tan sự lãnh đạo của Đảng, khi đó chính quyền cũng không còn trong tay nhân dân và chế độ xã hội cũng thay đổi.

Vấn đề là phải tìm ra một phương thức lãnh đạo như thế nào để vừa giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, vừa phát huy được vai trò, trách nhiệm của Nhà nước và các đoàn thể nhân dân đáp ứng với yêu cầu của sự nghiệp đổi mới? Trước đây chúng ta đã từng có sự lẫn lộn về chức năng, nhiệm vụ của Đảng với Nhà nước. Điều đó không chỉ làm suy yếu vai trò lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước mà còn tác động tiêu cực

đến quá trình phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Đại hội lần thứ VI của Đảng, đặc biệt là *Hội nghị Trung ương sáu*, khóa VI (3-1989) đã nhận thấy những sai lầm khuyết điểm và đã đề ra chủ trương đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng. Tuy nhiên, đây là vấn đề rất mới cả về lý luận và thực tiễn, đổi mới lại diễn ra trong điều kiện cơ chế thị trường, chịu sự tác động của nhiều luồng tư tưởng khác nhau. Hơn nữa, do những yếu kém tồn tại quá lâu, in đậm trong tư duy nếp nghĩ, đã trở thành thói quen trong hành động của mỗi người, mỗi tổ chức cũng như toàn xã hội, vì thế những hạn chế khuyết điểm còn tồn tại rất dai dẳng, việc khắc phục không thể thực hiện được trong một sớm một chiều. Trên cơ sở những quan điểm đúng đắn đã được đề ra từ *Hội nghị Trung ương sáu*, khóa VI, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* tiếp tục khẳng định: "Đảng lãnh đạo xã hội bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức kiểm tra và bằng hành động gương mẫu của đảng viên. Đảng giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo chính quyền và các đoàn thể. Đảng không làm thay công việc của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị... Đảng liên hệ mật thiết với nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật"<sup>1</sup>.

Để làm tròn trách nhiệm nặng nề mà lịch sử giao phó, Đảng ta coi việc *tự đổi mới, tự chỉnh đốn và nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng* là yêu cầu quan trọng hàng đầu trong công tác xây dựng Đảng, là công việc thường xuyên bảo đảm cho Đảng ta luôn ngang tầm với nhiệm vụ cách mạng. Trong những năm trước mắt, cần tập trung giải quyết tốt những nhiệm vụ quan trọng và bức xúc sau đây: tiếp tục đổi mới tư duy, nâng cao trình độ trí tuệ và năng lực lãnh đạo của Đảng; tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao trình độ kiến thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân; đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng, trước hết là đổi với Nhà nước; bảo đảm dân chủ, giữ gìn kỷ luật, tăng cường đoàn kết thống nhất trong Đảng; làm trong sạch Đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên; củng cố các tổ chức cơ sở đảng và cấp ủy; tiếp tục đổi mới cán bộ và công tác cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới và kế tục sự nghiệp cách mạng.

*Nhà nước* là một thành tố trong hệ thống chính trị nhưng đứng ở vị trí trụ cột, giữ vai trò quản lý điều hành mọi hoạt động của xã hội, bảo đảm cho

---

1. ĐCSVN: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Sđd, tr. 21.

đất nước phát triển theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng. Sự mạnh, yếu của Nhà nước phản ánh sự mạnh, yếu của chế độ, ảnh hưởng trực tiếp tới sự phát triển nhanh chậm của đất nước và cũng tác động trực tiếp tới lòng dân và sức dân. Vì vậy, việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước vững mạnh đủ sức quản lý mọi mặt đất nước là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị.

Xuất phát từ vị trí, vai trò cũng như thực trạng của bộ máy Nhà nước, Đại hội lần thứ VII của Đảng xác định: *tiếp tục cải cách bộ máy Nhà nước* theo hướng: "Nhà nước thực sự là của dân, do dân và vì dân. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, dưới sự lãnh đạo của Đảng; tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện thống nhất quyền lực nhưng phân công, phân cấp rành mạch; bộ máy tinh giản, gọn nhẹ và hoạt động có chất lượng cao trên cơ sở ứng dụng các thành tựu khoa học, kỹ thuật, quản lý"<sup>1</sup>.

Đại hội cũng xác định những nhiệm vụ cụ thể cần tập trung giải quyết trong những năm trước mắt là: sửa đổi Hiến pháp, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, tiếp tục sửa đổi và xây dựng hệ thống pháp luật đáp ứng yêu cầu sự nghiệp đổi mới; cải tiến tổ chức và hoạt động của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp; sửa đổi cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động của Chính phủ; xác định lại chức năng, nhiệm vụ của các cấp trong bộ máy Nhà nước, đề cao quyền chủ động và trách nhiệm của địa phương; tăng cường hiệu lực của các cơ quan bảo vệ pháp luật; kiên quyết sắp xếp lại tổ chức và tinh giảm biên chế các cơ quan hành chính, sự nghiệp, làm cho bộ máy gọn nhẹ và hoạt động có hiệu quả; tiếp tục tiến hành kiên quyết và thường xuyên cuộc đấu tranh chống tệ tham nhũng, coi đó là nhiệm vụ vừa cơ bản vừa cấp bách trong đổi mới, kiện toàn bộ máy Nhà nước.

*Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân*, vốn là những tổ chức được hình thành từ rất sớm, có vai trò rất quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Tuy nhiên, kể từ khi chuyển sang cơ chế thị trường, do nhiều lý do khác nhau, vai trò hiệu lực và hiệu quả hoạt động của các tổ chức này đã bị hạn chế, thậm chí có nơi chỉ còn tồn tại trên danh nghĩa. Trước tình hình đó, Đại hội lần thứ VII của Đảng xác định: "Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân cần được đổi mới về tổ chức và hoạt động để thực sự góp phần thực hiện dân chủ và đổi mới xã hội, chăm lo bảo vệ lợi ích chính đáng của

---

1. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Sđd, tr. 91.



nhân dân; tham gia các công việc quản lý Nhà nước; giữ vững và tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa Đảng và Nhà nước với nhân dân"<sup>1</sup>.

Theo đó, các đoàn thể có nhiệm vụ giáo dục chính trị tư tưởng và đạo đức mới, động viên, phát huy tính tích cực xã hội của các tầng lớp nhân dân, đoàn kết toàn dân phấn đấu cho sự thành công của công cuộc đổi mới. Hình thức tổ chức và sinh hoạt của đoàn thể phải đa dạng, *thành lập và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng và tuân theo pháp luật của Nhà nước*, hướng về cơ sở, sát với thực tiễn. Bộ máy phải gọn nhẹ, hoạt động đúng với tính chất tổ chức quần chúng.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giữ vai trò rất quan trọng trong việc củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, Nhà nước cần thể chế hóa quyền hạn và trách nhiệm của Mặt trận, của các đoàn thể trong việc tham gia quản lý kinh tế, xã hội; phối hợp chặt chẽ hoạt động của các đoàn thể với nhau và với các cơ quan nhà nước từng cấp.

Thực chất của việc đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị ở nước ta là xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Chủ nghĩa xã hội thay thế chủ nghĩa tư bản là một tất yếu khách quan. Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, dân chủ là đặc trưng căn bản nhất để phân biệt sự tiến bộ, tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa tư bản, nói như Lênin, không có chế độ dân chủ thì chủ nghĩa xã hội không thể thực hiện được. Tuy nhiên, do những hạn chế về mặt chủ quan cùng với những tác động của hoàn cảnh khách quan nên đã có một thời quan niệm của chúng ta về dân chủ còn có những hạn chế, bất cập. Điều đó không chỉ thể hiện trong việc giải quyết mối quan hệ giữa các thành tố trong hệ thống chính trị mà cả trong chủ trương chính sách phát triển kinh tế, xã hội... Những hạn chế, bất cập đó không những làm giảm hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị mà nhiều tiềm năng, thế mạnh của đất nước cũng không có điều kiện phát huy. Vì thế *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* khẳng định: Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện *nền dân chủ xã hội chủ nghĩa*. Dân chủ là quy luật hình thành, phát triển và tự hoàn thiện của hệ thống chính trị. *Dân chủ vừa là mục tiêu vừa là động lực của công cuộc đổi mới*. Dân chủ gắn liền với công bằng xã hội và phải được thực hiện trong thực tế cuộc sống trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... thông qua hoạt động của

---

1. ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Sđd, tr. 93.

Nhà nước do nhân dân cử ra và bằng các hình thức dân chủ trực tiếp. Dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương, phải được thể chế hóa thành pháp luật và được pháp luật bảo đảm. Đó là những vấn đề hết sức căn bản được Đảng ta tổng kết rút ra từ lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như từ thực tiễn nóng hổi của cuộc sống. Có giá trị chỉ đạo toàn bộ quá trình xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ ở nước ta.

Vấn đề đặt ra là làm thế nào để bảo đảm đầy đủ dân chủ trong điều kiện một đảng lãnh đạo? Có ý kiến cho rằng, chỉ có cơ chế đa nguyên chính trị với sự tồn tại của các đảng phái đối lập thì mới có dân chủ. Thực ra, dân chủ hay không dân chủ điều đó không phụ thuộc ở chế độ một đảng hay nhiều đảng. Chế độ một đảng, hay nhiều đảng là sự phản ánh và kết quả của so sánh lực lượng trong đấu tranh chính trị, đấu tranh giai cấp, vì vậy nó là sản phẩm của điều kiện lịch sử cụ thể ở từng nước. Trong điều kiện nước ta không có sự cần thiết khách quan để lập nên cơ chế đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập. Thừa nhận đa đảng đối lập có nghĩa là tạo điều kiện cho sự ngóc đầu dậy ngay tức khắc và một cách hợp pháp các lực lượng phản động, phục thù trong nước và từ nước ngoài trở về hoạt động chống Tổ quốc, chống nhân dân, chống chế độ. Đó là điều mà nhân dân ta dứt khoát không chấp nhận. Vì vậy, để bảo đảm phát huy dân chủ trong điều kiện Đảng cầm quyền đòi hỏi Đảng phải luôn tự đổi mới, tìm tòi các cơ chế, hình thức và phương pháp có hiệu quả, thực hiện dân chủ từ trong nội bộ đến các mặt của đời sống xã hội. Đảng phải biết dựa vào dân, tập hợp lực lượng quần chúng đi theo Đảng, tôn trọng vai trò của các tổ chức quần chúng, phát huy tối đa tính tự giác, sức sáng tạo của mọi tầng lớp nhân dân. Phải chăm lo kiện toàn xây dựng một nhà nước pháp quyền, quản lý xã hội bằng pháp luật, mọi người phải sống và làm việc theo pháp luật.

Những quan điểm và chủ trương đổi mới hệ thống chính trị của Đại hội VII được trình bày trên đây là những vấn đề hết sức căn bản, thể hiện sâu sắc tinh thần và quyết tâm đổi mới, ý thức và trách nhiệm cao cả của Đảng ta trước vận mệnh của đất nước, tiền đồ của dân tộc, tương lai và hạnh phúc của nhân dân.

Trên cơ sở những quan điểm và chủ trương chỉ đạo đúng đắn đó, trong nhiệm kỳ 1991-1995, Đảng đã triển khai nhiều nghị quyết chuyên đề nhằm bổ sung, phát triển, cụ thể hóa tư tưởng của Đại hội VII, từng bước khắc phục những hạn chế, yếu kém, nâng cao chất lượng, hiệu lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

*Nghị quyết Trung ương hai*, khóa VII (12-1991) đã đề ra những quan điểm cơ bản chỉ đạo việc sửa đổi Hiến pháp năm 1980, cải cách một bước bộ

máy Nhà nước và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Nghị quyết xác định *quan điểm bao trùm*: "Hiến pháp sửa đổi phải quán triệt và thể hiện đường lối đổi mới của Đảng, thể chế hóa cương lĩnh, chiến lược và các văn kiện khác của Đại hội VII, bảo đảm thực hiện mục tiêu xã hội chủ nghĩa"<sup>1</sup>. Về *nguyên tắc* cải cách bộ máy nhà nước, Nghị quyết xác định: Quyền lực nhà nước là thống nhất, không phân chia nhưng có phân công rành mạch; xác định rõ quan hệ giữa Nhà nước và quản lý nhà nước với tổ chức kinh tế và quản lý kinh doanh; xây dựng Nhà nước pháp quyền, tổ chức và quản lý theo nguyên tắc tập trung dân chủ, cả nước là một chỉnh thể, thống nhất quốc gia, thống nhất thị trường. Từ quan điểm và những nguyên tắc cơ bản đó, Hội nghị Trung ương hai (khóa VII) đã trực tiếp thiết kế mô hình tổ chức bộ máy Nhà nước làm cơ sở cho việc sửa đổi Hiến pháp.

Về *Quốc hội*, Nghị quyết Trung ương hai (khóa VII) xác định: Quốc hội là cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất, là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp, Quốc hội quyết định những vấn đề quan trọng nhất của đất nước. Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước. Hiến pháp năm 1992 và Luật tổ chức Quốc hội đã thể hiện đầy đủ quan điểm đó. Trong đó có hai điểm cải cách quan trọng so với Quốc hội khóa VIII là: làm rõ phương thức hoạt động của Quốc hội và vai trò của người đại biểu Quốc hội. *Phương thức hoạt động của Quốc hội* đã được xác định cụ thể hơn, đã chuyển Quốc hội từ chỗ hoạt động không chuyên, hình thức sang số đại biểu nhất định hoạt động chuyên trách và số còn lại phải dành thời gian thích đáng cho nhiệm vụ đại biểu (đó cũng là điều mà ba bản Hiến pháp trước đó chưa làm rõ). Về *vai trò của người đại biểu Quốc hội* (Hiến pháp năm 1980 chưa xác định), Hiến pháp năm 1992 đã khắc phục điều này: "Đại biểu Quốc hội là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân, không chỉ đại diện cho nhân dân ở đơn vị bầu cử ra mình mà còn đại diện cho nhân dân cả nước"<sup>2</sup>. Ý nghĩa của vấn đề này là, một mặt làm cho đại biểu nhận thức rõ về tư cách, trách nhiệm *đại biểu toàn quốc* khi xử lý các vấn đề có mâu thuẫn giữa lợi ích địa phương và lợi ích quốc gia; mặt khác với tư cách là đại diện cho cử tri địa phương phải liên hệ chặt chẽ với nhân dân để tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng, thu thập ý kiến.

Về *thiết chế Chủ tịch nước*, Nghị quyết Trung ương hai (khóa VII) vẫn chủ trương lập thiết chế Hội đồng Nhà nước, nhưng trong quá trình chỉ đạo sửa đổi Hiến pháp, Bộ Chính trị giao cho các cơ quan chuyên môn tiếp tục

---

1. ĐCSVN: *Văn kiện Hội nghị lần thứ hai khóa VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr. 35.

2. Hiến pháp Việt Nam (1946, 1959, 1980 và 1992).

ngiên cứu kỹ các thiết chế trong bộ máy nhà nước đã có từ ba bản Hiến pháp trước đó và tham khảo các mô hình nhà nước hiện đại. Có sự chỉ đạo chặt chẽ của Bộ Chính trị, *Dự thảo Hiến pháp lần thứ IV* trình kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa VIII (4-1992) chủ trương: không lập Hội đồng Nhà nước mà tách chế định này để lập Ủy ban Thường vụ Quốc hội và xây dựng thiết chế Chủ tịch nước. Lập thiết chế Chủ tịch nước thay cho thiết chế Chủ tịch tập thể tức Hội đồng Nhà nước, là nét mới đáng lưu ý trong Hiến pháp 1992. Điều 101 Hiến pháp 1992 quy định: "Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước thay mặt nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đối nội và đối ngoại"; "do Quốc hội bầu trong số đại biểu Quốc hội" (Điều 102). Thiết chế Chủ tịch nước theo Hiến pháp 1992 gần như Hiến pháp 1959, bảo đảm sự *điều hòa, phối hợp* các hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp. Người đứng đầu Nhà nước là cá nhân, khắc phục được tình trạng vừa công kênh, vừa trách nhiệm không rõ ràng của chế độ nguyên thủ tập thể như quy định ở Hiến pháp năm 1980 (tức Hội đồng Nhà nước) nhưng lại không dẫn đến độc đoán, chuyên quyền như chế độ Tổng thống, vì không có quyền quyết định và ban hành những văn bản pháp quy cao nhất trong hệ thống văn bản thuộc quyền hành pháp (như sắc lệnh, sắc luật) và nằm trong một tổng thể cơ chế: Đảng lãnh đạo, Quốc hội bầu ra Chủ tịch nước và giám sát hoạt động của Chủ tịch nước, các văn bản pháp luật do Chủ tịch nước công bố đều được Quốc hội hay Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định, quán triệt đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ và thống nhất quyền lực của Nhà nước xã hội chủ nghĩa mà Đại hội VII đã yêu cầu.

*Về Chính phủ*, Nghị quyết Trung ương hai (khóa VII) xác định: Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội và là cơ quan hành chính cao nhất. Thủ tướng đứng đầu Chính phủ. Hiến pháp năm 1992 đã cụ thể hóa quan điểm đó. Đây không chỉ đơn thuần là đổi tên từ Hội đồng Bộ trưởng thành Chính phủ, từ Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng thành Thủ tướng Chính phủ, mà là xác định đúng đắn hơn mối quan hệ giữa cơ quan hành pháp với cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất và cơ quan tư pháp. Trong mối quan hệ ấy, Chính phủ là cơ quan chấp hành của cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất, và là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Điểm mới là, một mặt xác định rõ Chính phủ là *cơ quan hành pháp* của cơ quan *quyền lực Nhà nước cao nhất* (Quốc hội), bảo đảm sự tập trung thống nhất quyền lực; mặt khác thừa nhận *tính độc lập tương đối của lĩnh vực hành chính nhà nước* khi thực hiện phân công rành mạch giữa ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp mà Đại hội VII đã nhấn mạnh.

Ngoài ra Nghị quyết Trung ương hai (khóa VII) còn đưa ra một hệ thống các quan điểm chỉ đạo cải cách tư pháp, cải cách bộ máy chính quyền ở địa phương, nhằm xây dựng cơ cấu quyền lực *dọc* và *ngang* vừa bảo đảm vai trò tự chủ của chính quyền địa phương đối với những vấn đề mang tính địa phương, vừa tuân thủ sự chỉ đạo thống nhất của Nhà nước Trung ương theo nguyên tắc tập trung dân chủ, chống tình trạng tùy tiện, cục bộ địa phương.

*Nghị quyết 07 của Bộ Chính trị (17-11-1993)* về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất đã khẳng định: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần được củng cố và mở rộng về tổ chức và hoạt động để thực sự là một tổ chức tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân, nơi thể hiện nguyện vọng và ý chí của các tầng lớp nhân dân; nơi thống nhất hành động giữa các thành viên tham gia với chính quyền trong việc giải quyết các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, trong việc thực hiện dân chủ và đổi mới xã hội, chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng của các tầng lớp nhân dân; tham gia xây dựng, giám sát, bảo vệ chính quyền; tham gia quản lý xã hội, thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng; góp phần tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước.

*Hội nghị Trung ương ba, khóa VII (6-1992)* đã ra Nghị quyết chuyên đề về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Sau khi phân tích thực trạng công tác xây dựng Đảng, hội nghị khẳng định: Nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới đòi hỏi Đảng ta phải khẩn trương tự đổi mới, tự chỉnh đốn. Đây là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng và cấp bách, có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, đối với vận mệnh của chế độ ta và Đảng ta. Hội nghị xác định *mục tiêu* đổi mới và chỉnh đốn Đảng là nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phù hợp với yêu cầu khách quan của cách mạng nước ta trong tình hình mới, làm trong sạch đội ngũ cán bộ đảng viên, bảo đảm thực hiện có kết quả các nhiệm vụ chính trị đặt ra. Về *phương châm* đổi mới và chỉnh đốn Đảng: tiến hành chủ động và kiên quyết, không né tránh, hủu khuynh; đồng thời có *bước đi và phương pháp phù hợp*. Làm có trọng điểm, từ lãnh đạo đến đảng viên, giải quyết tốt những vấn đề ở tầm vĩ mô đi đôi với củng cố cơ sở. Hội nghị đã đề ra các nhiệm vụ đổi mới, chỉnh đốn Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, công tác cán bộ và phương thức lãnh đạo của Đảng. Hội nghị nêu rõ: Đảng có trách nhiệm lãnh đạo tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, đồng thời phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, tăng cường mối liên hệ chặt chẽ giữa Đảng với nhân dân, đó là điều có ý nghĩa cực kỳ to lớn bảo đảm sự vững chắc của chế độ lúc này.

Như vậy, trước những biến động phức tạp của thời cuộc cũng như sự chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch, Đại hội lần thứ VII của Đảng và các Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương sau đó đã xác định đúng vị trí, vai trò, sự cần thiết khách quan, nội dung đổi mới hệ thống chính trị nói chung, cũng như đổi mới từng thành tố trong hệ thống chính trị nói riêng. Vì vậy, quá trình thực hiện đổi mới chính trị ở nước ta mặc dù diễn ra trong bối cảnh hết sức phức tạp nhưng vẫn giữ được sự ổn định, những hạn chế, yếu kém từng bước được khắc phục, chất lượng, hiệu quả, hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị từng bước được tăng cường. Chính điều đó đã tác động và ảnh hưởng tích cực đến quá trình đổi mới kinh tế - xã hội cũng như toàn bộ công cuộc đổi mới.

#### IV. THÀNH TỰU, HẠN CHẾ VÀ NHỮNG KINH NGHIỆM CỦA MƯỜI NĂM ĐẦU ĐỔI MỚI

##### 1. Thành tựu

Sau 10 năm đổi mới, mặc dù đó là khoảng thời gian cách mạng Việt Nam luôn phải đối mặt với những khó khăn thử thách lớn, song công cuộc đổi mới ở nước ta đã giành được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng.

*Một là, nền kinh tế đã khắc phục được tình trạng trì trệ, suy thoái; đạt mức tăng trưởng khá cao, liên tục và tương đối toàn diện.*

Nhịp độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm tăng từ 3,9% (thời kỳ 1986-1990) lên tới 8,2% (thời kỳ 1991-1995). Nếu so với thời kỳ 1976-1980 chỉ tăng được 0,4% và 1981-1985 là 6,4% thì mức tăng trưởng GDP trong những năm 1991-1995 là rất lớn. Điều đáng chú ý là các lĩnh vực kinh tế chủ yếu đều đạt và vượt mục tiêu kế hoạch đề ra.

Sản xuất nông nghiệp (đặc biệt là lương thực) liên tục phát triển. Nếu như từ năm 1989 trở về trước, nước ta thường xuyên ở trong tình trạng thiếu đói, phải nhập khẩu lương thực, thì từ năm 1989 trở đi sản xuất lương thực của nước ta không những đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng trong nước, có dự trữ mà còn vươn lên thành một trong những nước đứng đầu thế giới về xuất khẩu gạo. Lương thực bình quân đầu người không ngừng tăng lên, từ 304kg năm 1985, tăng lên 388kg năm 1996. Đã bảo đảm vững chắc vấn đề an ninh lương thực trên bình diện cả nước, tạo điều kiện thuận lợi cho từng vùng, từng địa phương chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng đa

dạng hóa, tăng tỉ suất nông sản hàng hóa, nâng cao giá trị sản phẩm trên một đơn vị diện tích canh tác. Từ năm 1989 trở đi, nông nghiệp Việt Nam cũng đã hình thành một số sản phẩm hàng hóa xuất khẩu chủ lực như: gạo, cà phê, cao su, hải sản.

Sản xuất công nghiệp cũng đã từng bước phục hồi và liên tục tăng trưởng ở mức hai con số từ 1991-1996. Trong 5 năm 1991-1995 đạt mức tăng trưởng bình quân hàng năm 13,5% (thời kỳ 1976-1980 tăng bình quân 0,62%/năm; thời kỳ 1981-1985 tăng 9,5%; thời kỳ 1986-1990 tăng 5,9%/năm; riêng năm 1989 giảm 3,3%; năm 1996 tăng 14,1%). Một số ngành có mức tăng cao: năm 1995 so với năm 1990, công nghiệp nhiên liệu (kể cả dầu, khí) gấp 3,2 lần; điện gấp 1,6 lần; vật liệu xây dựng gấp 2,7 lần; chế biến thực phẩm gấp 1,9 lần<sup>1</sup>.

Sự tăng trưởng của ngành công nghiệp một phần bắt nguồn từ kết quả đầu tư của nhiều năm trước đây, nhưng mặt khác chính là nhờ những tác động tích cực của việc đổi mới cơ chế quản lý. Điểm đáng chú ý là, một số sản phẩm công nghiệp dù bị hàng ngoại cạnh tranh gay gắt nhưng đã vươn lên thích ứng với cơ chế mới và đạt tốc độ tăng trưởng khá, như sản xuất máy biến thế, một số máy công cụ, động cơ điện, sản xuất phân bón, bóng đèn, xà phòng, bột giặt, hóa mỹ phẩm, đồ nhựa, da và giả da, sữa, bia, nước giải khát...

Các ngành dịch vụ phát triển khá nhanh và đa dạng. Các ngành dịch vụ năm 1995 đã tăng 80% so với năm 1990 (bình quân hàng năm tăng 12%). Giao thông vận tải có nhiều chuyển biến tiến bộ, vận tải hàng hóa tăng 62%; viễn thông phát triển nhanh, doanh thu bưu điện và doanh thu du lịch đều gấp 10 lần; thị trường hàng hóa trong nước phát triển, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của toàn xã hội<sup>2</sup>. Đặc biệt trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ, đã hình thành được hệ thống thuế áp dụng thống nhất cho các thành phần kinh tế, nâng dần tỉ lệ động viên thuế và phí trong GDP, tạo thành nguồn thu chính của ngân sách Nhà nước, bảo đảm toàn bộ chi phí thường xuyên và tăng dần phần dành cho đầu tư phát triển.

*Hai là, nền kinh tế đã vượt qua tình trạng thiếu hụt nghiêm trọng, bắt đầu có tích lũy.*

Nhìn lại thời kỳ trước đổi mới (1976-1985), nền kinh tế luôn ở trong tình trạng thiếu hụt nghiêm trọng: thu nhập quốc dân sản xuất trong nước chỉ bằng 80-90% thu nhập quốc dân sử dụng, toàn bộ tích lũy và một phần quỹ tiêu dùng phải dựa vào viện trợ và vay nợ nước ngoài. Qua 10 năm đổi mới,

---

1, 2. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Sđd, tr. 154, 156.

nhờ sản xuất phát triển với tốc độ cao và tương đối ổn định trong nhiều năm, nên tổng sản phẩm trong nước không ngừng tăng lên, đã bù đắp đủ quỹ tiêu dùng và dành một phần cho tích lũy đầu tư: từ 2,9% GDP năm 1990, tăng lên 19% năm 1995<sup>1</sup>. Tuy tỉ lệ tích lũy từ nội bộ nền kinh tế còn nhỏ, song nó đã phản ánh sự chuyển biến về chất của nền kinh tế.

Quy mô đầu tư phát triển của toàn xã hội cũng tăng khá. Trong 5 năm 1991-1995, ước tính vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 18 tỉ USD (theo mặt bằng giá năm 1995), trong đó phần của Nhà nước chiếm 43% (bao gồm cả đầu tư qua ngân sách, tín dụng Nhà nước và doanh nghiệp nhà nước tự đầu tư); đầu tư của nhân dân chiếm trên 30%, đầu tư trực tiếp của nước ngoài chiếm 27%<sup>2</sup>. Những kết quả về đầu tư phát triển đã phản ánh tính đúng đắn của chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, làm tăng thêm năng lực sản xuất trong tất cả các lĩnh vực, nhất là giao thông, thủy lợi, thông tin liên lạc, dầu khí, điện, thép, xi măng, tăng diện tích cây lâu năm, năng lực đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, năng lực nhiều ngành sản xuất hàng tiêu dùng, và các cơ sở du lịch, dịch vụ, tạo động lực to lớn thúc đẩy sự tăng trưởng của nền kinh tế.

*Ba là, lạm phát được kiểm chế và đẩy lùi.*

Đó thành tựu nổi bật của kinh tế Việt Nam qua 10 năm đổi mới (1986-1996). Nếu như năm 1986, mức tăng chỉ số giá tiêu dùng là 774,7% thì từ năm 1991-1996 chỉ số tăng từng năm là 67,4%; 17,5%; 5,2%; 14,4%; 12,7% và 4,5%<sup>3</sup>. Đó là kết quả của quá trình phát triển sản xuất kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của toàn xã hội. Đồng thời, đó cũng là kết quả của việc Chính phủ đã thực hiện ngày càng có hiệu quả hơn các chính sách tài chính, tiền tệ, như: giảm bội chi ngân sách và chấm dứt phát hành tiền để bù đắp bội chi, kiểm soát lưu thông tiền tệ - tín dụng, điều hòa tốt hơn cung - cầu những mặt hàng quan trọng. Lạm phát được kiểm chế và đẩy lùi đã góp phần quan trọng vào việc ổn định tình hình kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân và thúc đẩy đầu tư phát triển.

*Bốn là, kinh tế đối ngoại phát triển trên nhiều mặt; thị trường xuất, nhập khẩu được củng cố và mở rộng; nguồn vốn đầu tư của nước ngoài tăng mạnh.*

Thực hiện chủ trương "Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế", phát triển nền kinh tế mở, đa phương hóa quan hệ và đa dạng các hình thức kinh tế đối ngoại, chúng ta đã đạt được

---

1, 3. Trần Nhâm (chủ biên): *Có một Việt Nam như thế đổi mới và phát triển kinh tế*, Sđd, tr. 72, 74, 78.

2. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Sđd, tr. 156.



những thành tựu to lớn trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại. Kim ngạch xuất - nhập khẩu không ngừng tăng lên qua các năm. Tổng kim ngạch xuất - nhập khẩu thời kỳ 1991-1995 đạt 39,94 tỉ USD, tăng 2,3 lần so với thời kỳ 1986-1990. Tính chung trong giai đoạn 1991-1995, kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân trên 17,8%/năm, kim ngạch nhập khẩu tăng bình quân 22,2%/năm. Năm 1996, kim ngạch xuất khẩu tăng 32,2%, nhập khẩu tăng 36,6% so với năm 1995.

Nhờ đẩy mạnh xuất khẩu, cán cân thương mại quốc tế của Việt Nam đã thay đổi theo hướng tích cực: từ chỗ xuất khẩu chỉ bằng 1/4 đến 1/3 nhập khẩu trong những năm trước đổi mới, đến những năm 1991-1995 đã bằng 76,4% nhập khẩu. Trong cơ cấu hàng xuất khẩu, ngoài những mặt hàng chủ lực truyền thống như gạo, cà phê, hải sản, đã có thêm một số mặt hàng xuất khẩu có khối lượng lớn như dầu thô, may mặc, da giày...

Từ năm 1989 trở đi, xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường các nước xã hội chủ nghĩa sụt giảm, nhưng do bình thường hóa quan hệ với Trung quốc (12-1989), trở thành thành viên chính thức của ASEAN (7-1995), bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ, thiết lập quan hệ chính thức với Liên minh châu Âu (EU), cùng với việc đẩy mạnh và mở rộng quan hệ kinh tế song phương và đa phương với nhiều nước và tổ chức quốc tế, đã đưa đến sự thay đổi cơ cấu thị trường xuất - nhập khẩu của Việt Nam theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa.

Kể từ khi ban hành Luật đầu tư nước ngoài (12-1987) đến cuối năm 1996 đã có 1.696 dự án được cấp phép, với tổng số vốn đăng ký 28,2 tỉ USD, trong đó số vốn đã thực hiện 9,6 tỉ USD. Tỷ trọng đầu tư vào công nghiệp chiếm 40% tổng số vốn theo dự án, (nếu kể cả dầu khí thì chiếm trên 60%) trong đó hơn 60% là đầu tư chiều sâu. Địa bàn đầu tư phân bố rộng trên các vùng lãnh thổ. Hình thức đầu tư chủ yếu là xí nghiệp 100% vốn nước ngoài chiếm gần 18%, hợp đồng hợp tác kinh doanh chiếm gần 17%.

*Năm là, đời sống của nhân dân được cải thiện, lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ được củng cố vững chắc.*

Điều cảm nhận trước tiên mà ai cũng có thể thấy được sau 10 năm đổi mới, đó là: *đời sống vật chất của đại bộ phận dân cư* (cả ở thành thị và nông thôn) *được cải thiện rõ rệt*. Tỷ lệ hộ đói nghèo đã giảm từ 55% (năm 1985) xuống còn khoảng 20% (năm 1995). Các dịch vụ và cơ sở hạ tầng phục vụ đời sống nhân dân cũng đã được cải thiện rõ rệt. Riêng địa bàn nông thôn, tính đến năm 1996 đã có: 60,4% xã có điện; 87,9% xã có đường ô tô vào đến nơi;

93% xã có trạm y tế; 98,8% xã có trường cấp I; 72,6% xã có trường cấp II; 36,6% xã có trạm truyền thanh; 66,2% hộ dùng nước sạch<sup>1</sup>.

*Trình độ dân trí không ngừng được nâng lên, mạng lưới trường học phát triển rộng khắp. Chất lượng giáo dục được nâng lên, số học sinh đoạt giải trong các kỳ thi quốc gia, quốc tế ngày càng tăng. Các loại hình trường lớp, từ phổ thông đến đại học rất phong phú, đa dạng, tạo cơ hội tốt cho việc học tập của mọi tầng lớp, mọi lứa tuổi.*

*Công tác giải quyết việc làm đạt kết quả tốt: Trong giai đoạn 1985-1994, tuy lao động trong khu vực Nhà nước giảm gần 1 triệu người, song lao động trong các khu vực khác đã tăng lên gần 8 triệu người. Giai đoạn 1991-1995 đã giải quyết việc làm cho 4,95 triệu lao động. Theo kết quả điều tra, tỉ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị đã giảm từ 8,7% (năm 1989) xuống còn 6,08% (năm 1994) và 5,88% (năm 1996)<sup>2</sup>.*

*Công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân, thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình có nhiều tiến bộ.*

Ngân sách Nhà nước chi cho ngành y tế liên tục tăng từ 15-20%/năm trong thời kỳ 1991-1995, đồng thời với sự đóng góp của nhân dân và các tổ chức quốc tế, công tác phòng bệnh, chữa bệnh cho nhân dân được cải thiện rõ rệt. Việc tiêm chủng mở rộng để phòng các bệnh hiểm nghèo ở trẻ em đạt 85-90%. Tỷ lệ tử vong ở bà mẹ và trẻ sơ sinh giảm đáng kể. Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi đã giảm từ 50% năm 1990 xuống 42% năm 1995<sup>3</sup>.

Việc mở rộng tuyên truyền dân số kết hợp với dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đã hạn chế đáng kể sự phát triển dân số. Số con bình quân ở một phụ nữ Việt Nam từ chỗ 3,8 con (năm 1989) hạ xuống 3,1 con (năm 1994). Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm từ 2,3% ở thời kỳ 1985-1990, xuống hơn 2% từ 1994-1996.

*Sáu là, tình hình chính trị của đất nước ổn định, quốc phòng, an ninh được củng cố, tăng cường.*

Thành tựu này được biểu hiện trước hết ở chính đường lối, chủ trương, chính sách và các quan điểm chỉ đạo sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Trong nhận thức cũng như trong hành động thực tế, Đảng ta luôn nhất quán với chủ trương: trong khi đặt nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội lên hàng đầu, nhưng đồng thời không một phút lơ là nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Vì thế, trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, nhất là

---

1, 2, 3. Trần Nhâm (chủ biên): *Có một Việt Nam như thế đổi mới và phát triển kinh tế*, Sđd, tr. 80, 202, 203.

sau khi chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu và Liên Xô sụp đổ, Đảng ta đã kịp thời nắm bắt tình hình, phát hiện những âm mưu, thủ đoạn cũng như sự điều chỉnh chiến lược chống phá các nước xã hội chủ nghĩa của chủ nghĩa đế quốc để có phương án đối phó kịp thời. Trong đó đáng chú ý là chủ trương chỉ đạo kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ bảo vệ độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc với bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà nước, bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ nhân dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa. Chủ trương đó được các cấp, các ngành, các địa phương trên cả nước quán triệt và thực hiện nghiêm túc.

Bên cạnh đó, chúng ta còn thực hiện có kết quả việc điều chỉnh thể bố trí chiến lược quốc phòng, an ninh trên phạm vi cả nước: từ đề phòng chiến tranh xâm lược quy mô lớn, chuyển sang đối phó với xung đột vũ trang bộ phận, "chiến tranh phá hoại nhiều mặt", tiếp đó là "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ, đề phòng xâm lược vũ trang cục bộ đi đôi với chuẩn bị đề phòng chiến tranh xâm lược quy mô lớn. Trên cơ sở đó, đã bố trí lại lực lượng trên các hướng, đặc biệt là ở các khu vực có vị trí chiến lược quan trọng, với tư tưởng chỉ đạo "vững trên toàn cục, mạnh ở trọng điểm"; bảo đảm khả năng sẵn sàng chiến đấu của từng địa phương và của cả nước trong nhiều tình huống khác nhau của thời bình, đồng thời chuẩn bị động viên thời chiến, đề phòng chiến tranh xâm lược. Đưa quân tình nguyện Việt Nam ở Lào và Campuchia về nước sau khi hoàn thành nhiệm vụ quốc tế. Thực tế cho thấy, đó là chủ trương đúng đắn và sáng suốt của Đảng ta. Nhờ vậy, sự sẵn sàng chiến đấu bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, chế độ xã hội chủ nghĩa được tăng cường. Sự kết hợp chặt chẽ giữa các lực lượng đã bảo đảm cho an ninh quốc gia, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Chúng ta đã tích cực đẩy mạnh xây dựng nền quốc phòng toàn dân, gắn với xây dựng nền an ninh nhân dân; gắn thể trận quốc phòng toàn dân với thể trận an ninh nhân dân, sẵn sàng cho các tình huống bất trắc của thời bình, chuẩn bị thể trận chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc trên phạm vi cả nước cũng như từng địa phương.

Chúng ta đã kiên quyết giảm mạnh quân thường trực, đồng thời chăm lo xây dựng lực lượng dự bị động viên, dân quân, tự vệ tạo nên một sự cân đối mới giữa bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân, tự vệ, phù hợp với nhiệm vụ thời bình và sẵn sàng động viên mở rộng lực lượng khi thời chiến.

*Bây là, quan hệ đối ngoại được mở rộng, đất nước ra khỏi tình trạng bị bao vây, cô lập, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao.*

Từ chỗ bị bao vây, cô lập, sau 10 năm đổi mới nước ta đã có quan hệ ngoại giao với hơn 160 nước, có quan hệ buôn bán với hơn 100 nước. Các công ty

của hơn 50 nước và vùng lãnh thổ đã đầu tư trực tiếp vào nước ta. Lân đầu tiên, nước ta có quan hệ chính thức với tất cả các nước lớn, kể cả 5 nước Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.

Chúng ta đã khôi phục và mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác nhiều mặt với Trung Quốc; tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác đặc biệt với Lào; xây dựng quan hệ tốt với Campuchia; phát triển quan hệ với các nước trong khu vực, trở thành thành viên đầy đủ của tổ chức ASEAN.

Củng cố quan hệ hữu nghị truyền thống với Liên bang Nga, các nước trong Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG) và các nước Đông Âu. Từng bước mở rộng quan hệ với các nước công nghiệp phát triển; bình thường hóa quan hệ với Mỹ. Thiết lập và mở rộng quan hệ với nhiều nước Nam Á, Nam Thái Bình Dương, Trung Đông, Châu Phi và Mỹ La tinh.

Mở rộng quan hệ với phong trào không liên kết. Khai thông và thiết lập được quan hệ tín dụng với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế, tranh thủ được số lượng đáng kể vốn vay ưu đãi của Ngân hàng thế giới (WB), Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF), và Ngân hàng phát triển châu Á (ADP).

Phát triển quan hệ đoàn kết, hữu nghị với các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào độc lập dân tộc, các tổ chức và phong trào tiến bộ trên thế giới; thiết lập quan hệ với các đảng cầm quyền ở một số nước. Mở rộng hoạt động đối ngoại của các đoàn thể nhân dân, tổ chức xã hội. Phát triển quan hệ với các tổ chức phi chính phủ trên thế giới.

Những thành tựu đạt được trên lĩnh vực đối ngoại là một nhân tố quan trọng góp phần giữ vững hòa bình, phá thế bị bao vây, cấm vận, cải thiện và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, tạo môi trường thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đó cũng là sự đóng góp tích cực của nhân dân ta vào sự nghiệp chung của nhân dân thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển.

*Tám là, thực hiện có kết quả một số đổi mới quan trọng về hệ thống chính trị.*

Nếu trước đổi mới, tình trạng bao biện, chông chéo về chức năng, nhiệm vụ là một trong những nguyên nhân cơ bản làm giảm sức mạnh, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị nói chung, cũng như sức mạnh của từng thành tố nói riêng, thì sau 10 năm đổi mới chúng ta đã giải quyết tương đối tốt mối quan hệ giữa các thành tố trong hệ thống chính trị. Tình trạng Đảng làm thay công việc của Nhà nước đã giảm dần ở nhiều cấp; mối quan hệ tác động qua lại, tương hỗ giữa Đảng, Nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội được củng cố, tăng cường.

Với vai trò là "hạt nhân" lãnh đạo hệ thống chính trị, Đảng đã có nhiều chủ trương, giải pháp nhằm không ngừng đổi mới, chỉnh đốn bản thân mình, bảo đảm cho Đảng vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Vì thế, mặc dù lãnh đạo công cuộc đổi mới trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước diễn biến hết sức phức tạp, các thế lực thù địch, phản cách mạng đã ra sức chống phá Đảng, nhưng Đảng vẫn vững vàng, thể hiện rõ bản lĩnh, kiên định mục tiêu, lý tưởng, lãnh đạo nhân dân tiến hành công cuộc đổi mới giành nhiều thành tựu to lớn. Qua đổi mới, Đảng đã có bước trưởng thành về mọi mặt, được quần chúng suy tôn, được bạn bè quốc tế đánh giá cao.

Với vai trò là "trụ cột" của hệ thống chính trị, bộ máy nhà nước đã có nhiều đổi mới. Hoạt động lập pháp được đẩy mạnh, vai trò của Quốc hội trong việc giám sát và quyết định các vấn đề trọng đại của đất nước được tăng cường. Phương thức hoạt động của Quốc hội ngày càng dân chủ hơn, tăng cường thảo luận, tranh luận thẳng thắn, thiết thực; mở rộng chất vấn và trả lời chất vấn; tăng cường lắng nghe và tiếp xúc cử tri... Đã sửa đổi và ban hành Hiến pháp năm 1992. Trong mười năm với hai kỳ Quốc hội (khóa VIII và khóa IX) đã xây dựng hoàn chỉnh 72 bộ luật và 86 pháp lệnh. Nhiều bộ luật quan trọng và rất mới đối với nước ta lần lượt ra đời, như: Luật đầu tư nước ngoài, Luật thuế thu nhập... Việc đẩy mạnh cải cách hệ thống luật pháp và xây dựng các đạo luật mới đã góp phần quan trọng vào việc tạo cơ sở hành lang pháp lý cho cuộc sống, tăng cường quản lý xã hội, định hướng cho sự nghiệp đổi mới đi đúng quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội.

Chính phủ và các cơ quan hành chính nhà nước đã được đổi mới về chức năng, cơ cấu tổ chức bộ máy gắn với quá trình chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế. Có sự phân biệt, tách dần chức năng quản lý hành chính nhà nước với quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Từ đó, Chính phủ và các bộ, ngành tập trung nhiều hơn vào hoạt động xây dựng chính sách, chỉ đạo chính quyền các cấp xây dựng và thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và từng ngành, từng vùng lãnh thổ; giảm bớt sự can thiệp vào quá trình sản xuất, kinh doanh ở những nội dung không đúng chức năng thẩm quyền.

Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội đã từng bước đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động. Nhiều hội, đoàn hợp pháp theo nhu cầu, lợi ích, nguyện vọng của các tầng lớp khác nhau (kể cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài) đã được thành lập.

Quyền làm chủ của nhân dân trên các lĩnh vực được phát huy. Các tầng lớp nhân dân, đồng bào các dân tộc đoàn kết, gắn bó trong sự nghiệp đổi mới vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Đồng bào ta ở nước ngoài cũng ngày càng hướng về quê hương với nhiều hành động thiết thực để góp phần dựng xây đất nước.

Những thành tựu đạt được trên đây là kết quả tổng hợp của nhiều nguyên nhân, nhiều yếu tố, trong đó đáng chú ý là:

*Thứ nhất, Đảng ta có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đường lối đổi mới đúng, bước đi và cách làm phù hợp.*

Bản lĩnh chính trị của Đảng được thể hiện rõ nhất vào thời điểm năm 1989 khi mà chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu sụp đổ, và năm 1991 Liên Xô thành trì của cách mạng thế giới tan vỡ. Trong bối cảnh hết sức phức tạp ấy Đảng Cộng sản Việt Nam không những *kiên định đường lối đổi mới vì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội* mà còn cụ thể hóa và phát triển đường lối đổi mới bằng những nguyên tắc và chính sách đúng. Mặc dù không phải là nước đi tiên phong trong vấn đề cải cách, cải tổ chủ nghĩa xã hội, nhưng ngay từ đầu Đảng ta đã có đường lối đổi mới đúng, bước đi và cách làm phù hợp. Đó là kết quả của một quá trình nghiên cứu, tìm tòi thử nghiệm, tổng kết thực tiễn một cách công phu, nghiêm túc, là sản phẩm của sự kiên định và vận dụng sáng tạo lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, có tham khảo những kinh nghiệm tốt của thế giới, nhưng không sao chép bất cứ một mô hình có sẵn nào. Bản lĩnh chính trị vững vàng, đường lối và phương pháp đổi mới đúng là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới.

*Thứ hai, Nhà nước có nhiều cố gắng trong việc điều hành, quản lý.*

Nếu như trước đổi mới, tình trạng Đảng bao biện, làm thay công việc của Nhà nước là một trong những nguyên nhân chủ yếu khiến cho bộ máy nhà nước trở nên trì trệ, xơ cứng, hoạt động kém hiệu quả, thì khi bước vào thời kỳ đổi mới, đặc biệt là từ sau Hội nghị Trung ương sáu - khóa VI (3-1989) trở đi, quan niệm về Đảng cầm quyền, về vị trí, vai trò của Đảng, Nhà nước về mối quan hệ giữa Đảng với Nhà nước trong hệ thống chính trị đã từng bước được nhận thức lại với những quan điểm đổi mới hết sức căn bản. Nhờ đó tình trạng Đảng bao biện, làm thay công việc của Nhà nước đã dần được khắc phục ở mọi cấp, mọi ngành. Vai trò điều hành, quản lý của Nhà nước cũng dần được phát huy. Sự ra đời của Hiến pháp năm 1992 cùng với hàng trăm bộ luật và pháp lệnh được ban hành trong thời kỳ 1986-1996 không chỉ thể hiện sự cố gắng nỗ lực của cơ quan lập pháp, mà nó còn góp phần quan trọng vào việc tạo cơ sở hành lang pháp lý, bảo đảm dân chủ, lấy lại niềm tin của nhân dân, của các nhà đầu tư trong và ngoài nước đối với sự nghiệp đổi mới kinh tế - xã hội ở Việt Nam. Việc đổi mới mạnh mẽ cơ cấu tổ chức và

phương thức hoạt động của Chính phủ đã góp phần nâng cao chất lượng bộ máy, giảm bớt sự ô m đ om, can thiệp vào quá trình sản xuất, kinh doanh, phát huy được tính tích cực, chủ động, năng động và sáng tạo của các cơ quan, đơn vị cơ sở. Các cơ quan bảo vệ pháp luật cũng đã được kiện toàn và đổi mới về tổ chức hoạt động, về phối hợp đấu tranh phòng chống tội phạm, giải quyết các tranh chấp dân sự, góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

*Ba là, nhân dân ta có truyền thống đoàn kết, ý chí độc lập, tự chủ, tự lực tự cường, vượt khó đi lên.*

Truyền thống đoàn kết, ý chí độc lập tự chủ, tự lực tự cường, vượt khó đi lên là những phẩm chất quý báu của người dân Việt Nam, được hun đúc từ mấy ngàn năm lịch sử. Dù phải đối mặt với không ít khó khăn, thử thách khi đất nước lâm vào khủng hoảng, dù Đảng có phạm phải những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài, dù kẻ thù có ra sức tuyên truyền, kích động gây chia rẽ Đảng với nhân dân nhưng nhân dân ta vẫn không hề nao núng, vẫn kiên trì tìm tòi, sáng tạo, tuyệt đối tin tưởng và thiết tha mong đợi Đảng sửa chữa những sai lầm, khuyết điểm đưa đất nước tiến lên. Chính bởi vậy, công trình đổi mới của Việt Nam ngay từ đầu đã là sản phẩm của ý Đảng - lòng dân, đó là cơ sở vững chắc nhất bảo đảm cho công cuộc đổi mới dù diễn ra trong bối cảnh của một thế giới đầy biến động, nhưng vẫn giành được những thành tựu to lớn.

## **2. Hạn chế, yếu kém**

*Một là, chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế còn thấp, nguy cơ tụt hậu xa hơn còn lớn; chúng ta lại chưa thực hiện tốt cân ki ệm trong sản xuất, tiết ki ệm trong tiêu dùng, dồn vốn cho đầu tư phát triển.*

Tuy đã đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và liên tục trong nhiều năm liền, những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã được tạo ra, song những tiền đề đó còn hết sức hạn chế. Trình độ phát triển kinh tế, năng suất lao động, hiệu quả sản xuất kinh doanh thấp. Cơ sở vật chất - kỹ thuật, đặc biệt là kết cấu hạ tầng và trình độ công nghệ còn hết sức lạc hậu. Nguồn nhân lực (nhân tố có ý nghĩa quyết định đến sự thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hoá) còn hạn chế; lực lượng lao động có kiến thức, tay nghề được đào tạo bài bản, chuyên sâu còn ít; chưa tạo ra được một đội ngũ những nhà kinh doanh giỏi, có khả năng thích ứng với cơ chế thị trường, hội nhập quốc tế; lực lượng đã qua đào tạo, có trình độ và kiến thức chuyên môn lại chưa được sử dụng tốt.

Tỉ lệ tiết kiệm và đầu tư còn thấp, nền kinh tế rất thiếu vốn. Tài chính tiền tệ chưa ổn định, thiếu lành mạnh. Ngân sách Nhà nước thường xuyên căng thẳng. Hệ thống thuế phức tạp, chồng chéo, chưa hợp lý. Phân bổ ngân sách chưa hợp lý, vừa phân tán lại vừa tập trung quá mức, phát sinh nhiều tiêu cực. Tài sản quốc gia, tài chính công và tài chính doanh nghiệp Nhà nước chưa được quản lý chặt chẽ. Thị trường tiền tệ, thị trường vốn chậm phát triển. Tỉ lệ dùng tiền mặt còn quá lớn, thanh toán không qua ngân hàng còn phổ biến... *Mầm mống tái lạm phát cao chưa được loại bỏ hẳn.*

GDP bình quân đầu người còn rất thấp so với một số nước xung quanh. Theo số liệu thống kê, thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam năm 1990 mới đạt từ 150-200 USD; trong khi đó, ngay từ năm 1967, Đài Loan đã đạt 1.000 USD; Hàn Quốc 700 USD; Thái Lan 300 USD<sup>1</sup>.

Trong lúc nền kinh tế đang bung ra mạnh mẽ, nhu cầu về vốn cho đầu tư phát triển rất lớn và cấp bách thì một số cơ quan nhà nước, Đảng, đoàn thể, tổ chức kinh tế, một bộ phận cán bộ và nhân dân lại tiêu xài lãng phí, quá mức mình làm ra, chưa tiết kiệm để dồn vốn cho đầu tư phát triển. Nhà nước còn thiếu chính sách để huy động có hiệu quả nguồn vốn trong nhân dân.

*Hai là, tình hình xã hội còn nhiều tiêu cực và nhiều vấn đề phải giải quyết.*

Số người không có hoặc thiếu việc làm còn đông, trở thành vấn đề gay gắt trong đời sống xã hội. Sự phân hóa giàu nghèo giữa các vùng, giữa thành thị và nông thôn và giữa các tầng lớp dân cư tăng nhanh.

Chất lượng giáo dục, đào tạo, y tế ở nhiều nơi rất thấp. Người nghèo không đủ tiền để chữa bệnh và cho con em đi học. Trong khi đó các nguồn tài chính từ ngân sách và những nguồn lực khác có thể huy động được cho yêu cầu phúc lợi xã hội vừa rất hạn chế, vừa chưa được sử dụng có hiệu quả. Tình trạng dạy thêm, học thêm diễn ra tràn lan ở mọi cấp học. Dư luận xã hội đã nhiều lần lên tiếng nhưng chúng ta chưa có được một chiến lược cải cách giáo dục bài bản.

*Ba là, việc lãnh đạo xây dựng quan hệ sản xuất mới có phần vừa lúng túng, vừa buông lỏng.* Chậm tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, chính sách để tạo động lực và điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp Nhà nước nâng cao hiệu quả hoạt động, phát huy vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân. Chưa quan tâm tổng kết thực tiễn, kịp thời chỉ ra phương hướng, biện pháp

---

1. Viện Phát triển quốc tế Harvard: *Những cách thực trên con đường cải cách ở Đông Dương*, Nxb CTQG, Hà Nội, 1994, tr. 286.



đổi mới kinh tế hợp tác xã, để hợp tác xã ở nhiều nơi tan rã hoặc chỉ còn là hình thức; chưa kịp thời đúc kết kinh nghiệm, giúp đỡ các hình thức kinh tế hợp tác mới phát triển. Chưa giải quyết tốt một số chính sách để khuyến khích kinh tế tư nhân phát huy tiềm năng, đồng thời chưa quản lý tốt thành phần kinh tế này. Quản lý kinh tế hợp tác liên doanh với nước ngoài còn nhiều sơ hở.

*Bốn là, quản lý Nhà nước về kinh tế còn nhiều yếu kém.*

Hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách chưa đồng bộ và thiếu ổn định. Đối với những luật và pháp lệnh đã ban hành, nhiều khi chậm ra những văn bản hướng dẫn thi hành; đôi khi giữa luật và văn bản hướng dẫn của ngành, hoặc những quy định của địa phương lại không thống nhất với nhau, gây ra nhiều trở ngại trong quá trình sản xuất, kinh doanh.

Chưa hình thành đồng bộ các loại thị trường. Chưa có đủ những chế tài cần thiết để xử lý nghiêm khắc đối với những trường hợp lợi dụng mặt trái của cơ chế thị trường, lợi dụng những sơ hở của pháp luật để làm ăn phi pháp. Vì thế, trong xã hội đã hình thành một lớp người giàu lên rất nhanh bằng con đường bất chính. Tình trạng tham nhũng, ăn hối lộ, móc ngoặc không những không được loại trừ mà có chỗ còn trở nên nghiêm trọng hơn, gây nhức nhối trong xã hội.

*Năm là, hệ thống chính trị còn nhiều nhược điểm.*

Bộ máy nhà nước còn nhiều bất cập trước yêu cầu, nhiệm vụ của giai đoạn mới. Chưa tạo được bước tiến quan trọng trong cải cách nền hành chính quốc gia. Tình trạng công kênh, nặng nề của tổ chức bộ máy không những không khắc phục được mà còn gia tăng về số lượng các cơ quan quản lý nhà nước do chia tách địa giới hành chính. Tình trạng quan liêu, nhiều tầng nhiều nấc của bộ máy hành chính chưa được khắc phục làm cho việc quản lý các quá trình kinh tế xã hội chưa thật nhanh nhạy và có hiệu quả. Chưa tạo ra được một đội ngũ cán bộ, nhân viên, những nhà kinh doanh giỏi, có đủ tri thức và bản lĩnh cần thiết để không bị đánh lừa trong kinh doanh, nhất là khi mở rộng quan hệ kinh tế với nước ngoài.

Phương thức tổ chức, phong cách hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân chưa thoát khỏi tình trạng quan liêu, cán bộ của nhiều đoàn thể chính trị xã hội vẫn trong tình trạng "viên chức hoá".

Phương thức lãnh đạo của Đảng cũng còn lúng túng, hạn chế, chưa phát huy hết vai trò của chính quyền và các đoàn thể nhân dân. Đặc biệt, trong điều kiện cơ chế thị trường, mở cửa với bên ngoài; cán bộ, đảng viên hàng ngày, hàng giờ chịu sự tác động của nhiều nhân tố rất phức tạp, kể cả những

hoạt động chống phá Đảng. Song, Đảng thiếu sự chuẩn bị đầy đủ cho bước chuyển này, chưa chú ý đúng mức vấn đề giáo dục, rèn luyện đảng viên. Vì thế, một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng bản thân, phai nhạt lý tưởng, mất cảnh giác, giảm sút ý chí, kém ý thức tổ chức kỷ luật, sa đọa về đạo đức, lối sống. Một số thoái hóa về chính trị, tuy rất ít nhưng hoạt động của họ gây hậu quả hết sức xấu.

Nạn tham nhũng trong hệ thống chính trị còn rất nặng nề. Tham nhũng không chỉ là "quốc nạn", mà còn là "nội phản" nó hoành hành ở mọi ngành, mọi cấp; nó không chỉ làm suy yếu bộ máy Đảng và Nhà nước, làm xói mòn lòng tin của quần chúng nhân dân đối với Đảng và chế độ, mà còn là mảnh đất thuận lợi cho chiến lược "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

Nguyên nhân của hạn chế, yếu kém.

*Nguyên nhân khách quan:* Khi Đảng ta khởi xướng sự nghiệp đổi mới, đất nước đang trong tình trạng khủng hoảng trầm trọng về kinh tế - xã hội. Dù đã trải qua mười năm xây dựng chủ nghĩa xã hội (1976-1986) nhưng chúng ta vẫn chưa tiến xa được mấy so với điểm xuất phát ban đầu.

Đổi mới vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là một sự nghiệp hoàn toàn mới mẻ, chưa có trong tiền lệ lịch sử. Quá trình đổi mới lại diễn ra trong bối cảnh lịch sử diễn biến không bình thường, có những thời điểm đất nước lâm vào tình thế hiểm nghèo tưởng chừng như không thể vượt qua.

*Nguyên nhân chủ quan:* Tư duy của Đảng trên một số lĩnh vực chậm đổi mới. Một số vấn đề ở tầm quan trọng, chủ trương lớn chưa được làm sáng tỏ nên chưa đạt được sự thống nhất cao về nhận thức và thiếu dứt khoát trong hoạch định chính sách, chỉ đạo điều hành, ví dụ như: vấn đề sở hữu và vai trò của các thành phần kinh tế, vấn đề cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; đổi mới chính sách, cơ chế quản lý giáo dục, y tế, văn hóa trong nền kinh tế thị trường, mở cửa hội nhập với bên ngoài; vấn đề đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của Đảng và hệ thống chính trị trong điều kiện Đảng cầm quyền...

Các cơ quan nhà nước chưa phát huy đầy đủ trách nhiệm trong việc quán triệt và thực hiện nghị quyết của Đảng, nhất là việc xây dựng, chỉnh đốn bộ máy, nhằm nâng cao hoạt động và làm trong sạch đội ngũ.

Các đoàn thể quần chúng chưa chú trọng đổi mới nội dung và phương thức hoạt động nhằm tổ chức, vận động quần chúng nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế.

Một bộ phận cán bộ đảng viên vừa thiếu tính tiên phong, gương mẫu, vừa không đủ trình độ, năng lực hoàn thành nhiệm vụ.

### *Đánh giá tổng quát:*

Mặc dù còn có những hạn chế, yếu kém, đó là điều khó tránh khỏi trong những bước khởi đầu của sự nghiệp đổi mới. Song, nếu xem xét một cách toàn diện, cả thành tựu và hạn chế, cả về nhận thức và thực tiễn, đặt trong bối cảnh lịch sử thế giới và trong nước lúc đó thì những thành tựu mà chúng ta đạt được sau 10 năm đổi mới là to lớn và có ý nghĩa rất quan trọng. Đại hội lần thứ VIII của Đảng khẳng định: *Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhưng một số mặt còn chưa vững chắc. Nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hóa đã cơ bản hoàn thành, cho phép chuyển sang thời kỳ phát triển mới: đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.*

Tuy nhiên, do quan niệm về khủng hoảng kinh tế - xã hội có chỗ không giống nhau, nên quá trình thảo luận tại Đại hội lần thứ VIII của Đảng vẫn còn có những ý kiến khác nhau về vấn đề này. Một số ý kiến cho rằng, chưa nên nhận định nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế xã hội, vì nhận định đó dễ gây ra chủ quan, duy ý chí. Những ý kiến này đề nghị nên nhận định là "bước đầu ra khỏi", "cơ bản ra khỏi", "mới ra khỏi", hoặc "đang ra khỏi khủng hoảng kinh tế xã hội". Có những ý kiến cho rằng, đất nước ta mới "ra khỏi khủng hoảng kinh tế nhưng chưa ra khỏi khủng hoảng xã hội".

Dù cách trình bày, diễn đạt có khác nhau, song hầu hết các ý kiến thảo luận tại Đại hội đều thống nhất với nhau ở một điểm: Kinh tế đã đạt được những thành tựu to lớn, đó là điều không thể phủ nhận; nhưng mặt xã hội còn nhiều yếu kém. Vì vậy, khi xem xét đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội hay chưa, cần phải căn cứ vào những tiêu chí cơ bản để đánh giá, như: kinh tế tăng trưởng hay suy thoái? Lạm phát ra sao? Tình trạng thất nghiệp đến mức nào? Đời sống nhân dân có được cải thiện không? Lòng tin của quần chúng nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ tăng lên hay giảm sút...?.

Rõ ràng là sau 10 năm đổi mới, chúng ta không những ngăn chặn được tình trạng trì trệ, suy thoái của nền kinh tế mà còn duy trì được tốc độ tăng trưởng khá cao, liên tục và tương đối toàn diện. Nếu trong thời kỳ 1976-1980, mức tăng GDP bình quân hàng năm là 0,4%, thì thời kỳ 1991-1995 là 8,2%. Nếu từ năm 1989 trở về trước, nông nghiệp nông thôn nước ta thường xuyên trong tình trạng thiếu đói, thì từ năm 1989 trở đi sản xuất nông nghiệp ở nước ta không những đã đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng trong nước, có dự trữ, mà còn vươn lên trở thành một trong những cường quốc xuất khẩu gạo của thế giới. Nếu tỉ lệ lạm phát năm 1986 là 774,7% thì năm 1996 là 4,5%. Đó là một trong những kỳ tích của Việt Nam trên lĩnh vực đổi mới

kinh tế. Do kinh tế tăng trưởng với tốc độ tương đối cao, cùng với khả năng khống chế được lạm phát, nên đời sống của dân cư ở cả thành thị và nông thôn đều được cải thiện; niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ ngày càng nâng lên.

Về một số vấn đề xã hội chưa được giải quyết tốt. Cần phải thấy rằng, khi Đảng ta khởi xướng sự nghiệp đổi mới, đất nước đang trong tình trạng khủng hoảng trầm trọng về kinh tế xã hội. Đại hội lần thứ VI của Đảng, lần đầu tiên xác định chính sách xã hội là một bộ phận trọng yếu trong hệ thống chính sách kinh tế xã hội của Đảng và Nhà nước. Quá trình triển khai thực hiện đổi mới, Đảng, Nhà nước, các tổ chức đoàn thể xã hội, các tầng lớp nhân dân (kể cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cũng như sự giúp đỡ của các tổ chức quốc tế) đã có nhiều cố gắng trong việc giải quyết các vấn đề xã hội. Song, do phải gánh chịu những hậu quả nặng nề của hai cuộc chiến tranh, cùng với những vấn đề mới nảy sinh từ quá trình chuyển đổi cơ chế, chính sách trong thời kỳ đổi mới; nên mặc dù đã có nhiều cố gắng, song kết quả đạt được mới ở mức độ nhất định. Thực tiễn đã chứng tỏ, việc giải quyết các vấn đề xã hội ở nước ta là một quá trình lâu dài và rất phức tạp. Nếu xem xét những vấn đề đó là biểu hiện của tình trạng khủng hoảng thì sẽ đi đến nhận định tình trạng khủng hoảng còn kéo dài nhiều năm, như vậy là không thoả đáng.

Vì thế, nhận định của Đại hội VIII: Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhưng một số mặt còn chưa vững chắc, là hoàn toàn khách quan và có cơ sở vững chắc.

### **3. Những kinh nghiệm chủ yếu của mười năm đổi mới**

Tổng kết chặng đường đổi mới mười năm (1986-1996), Đại hội lần thứ VIII của Đảng rút ra 6 bài học chủ yếu:

*Một là*, giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong quá trình đổi mới; nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là quy luật phát triển, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam từ khi có Đảng. Chính nhờ nhận thức và vận dụng đúng đắn quy luật đó, cách mạng Việt Nam đã liên tục giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác. Tuy nhiên, sự thống nhất giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong các thời kỳ lịch sử có nội dung không hoàn toàn giống nhau.

Là người khởi xướng và lãnh đạo sự nghiệp đổi mới, Đảng đã nhận thức sâu sắc rằng, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội có quan hệ biện chứng, tác động lẫn nhau. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc. Bởi vậy, ngay từ đầu và trong suốt quá trình đổi mới, Đảng ta luôn xác định, đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà là quan niệm đúng đắn hơn về chủ nghĩa xã hội và thực hiện mục tiêu ấy bằng những hình thức, bước đi và cách làm phù hợp. Đổi mới phải trên cơ sở bảo vệ, kế thừa và phát huy truyền thống quý báu của dân tộc và những kinh nghiệm cách mạng đã đạt được, nghiêm túc phê phán sai lầm khuyết điểm phải đi đôi với khẳng định những việc làm đúng, không phủ nhận sạch trơn quá khứ, không hoang mang, mất phương hướng, từ thái cực này chuyển sang thái cực khác. Đổi mới không phải là xa rời chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, mà là nhận thức đúng, vận dụng sáng tạo và phát triển học thuyết, tư tưởng đó, lấy đó làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và của cách mạng nước ta.

*Hai là*, kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị.

Kinh tế và chính trị là hai lĩnh vực cơ bản, có mối quan hệ biện chứng, tác động lẫn nhau. Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị không chỉ là vấn đề then chốt mà còn là nghệ thuật lãnh đạo, chỉ đạo của các đảng cộng sản, có ý nghĩa quyết định sự thành bại trong quá trình cải cách, cải tổ và đổi mới ở các nước xã hội chủ nghĩa.

Xét trên tổng thể, Đảng ta bắt đầu công cuộc đổi mới từ đổi mới về tư duy chính trị trong việc hoạch định đường lối và các chính sách đối nội, đối ngoại. Không có sự đổi mới đó thì không có mọi sự đổi mới khác. Song, Đảng ta đã đúng khi tập trung trước hết vào việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đổi mới kinh tế, đưa đất nước từng bước ra khỏi khủng hoảng kinh tế, xã hội, tạo tiền đề cần thiết về vật chất và tinh thần để giữ vững ổn định về chính trị, xây dựng và củng cố niềm tin của nhân dân, tạo thuận lợi để đổi mới các mặt khác của đời sống xã hội.

Đồng thời với đổi mới kinh tế phải từng bước đổi mới tổ chức và cơ chế hoạt động của hệ thống chính trị. Tuy nhiên, đây là lĩnh vực phức tạp và cực kỳ nhạy cảm, đụng chạm đến mọi mối quan hệ trong xã hội. Bởi vậy, việc đổi mới tổ chức và cơ chế hoạt động của hệ thống chính trị nhất thiết phải tiến hành từng bước, vội vàng, hấp tấp sẽ gây mất ổn định, thậm chí rối loạn, tạo cơ hội cho các thế lực thù địch chống phá công cuộc đổi mới; ngược lại, quá

chậm chạp trong việc đổi mới hệ thống chính trị sẽ cản trở sự nghiệp phát triển kinh tế cũng như toàn bộ công cuộc đổi mới. Với nhận thức và quan điểm chỉ đạo đúng đắn đó, Đảng ta đã đi những bước thận trọng và chắc chắn. Bắt đầu từ việc đổi mới, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, bảo đảm cho Đảng vừa là một bộ phận của hệ thống chính trị, vừa thực hiện được vai trò "hạt nhân" lãnh đạo hệ thống ấy; đồng thời, từng bước tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước cũng như phát huy vai trò, tính tích cực, chủ động, sáng tạo của các đoàn thể nhân dân; mở rộng dân chủ, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, thực hiện dân biết, dân làm, dân bàn, dân kiểm tra. Song, dân chủ nhất thiết phải đi đôi với kỷ luật, kỷ cương, dân chủ phải có lãnh đạo, không chấp nhận đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, kiên quyết xử lý mọi biểu hiện, hành động vi phạm quyền làm chủ của nhân dân cũng như mưu toan lợi dụng "dân chủ", "nhân quyền" để chống phá hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của nước ta.

*Ba là*, xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái.

Thực tiễn 10 năm đầu đổi mới cho thấy, việc chuyển từ nền kinh tế tập trung bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước là hoàn toàn đúng đắn nhằm giải phóng và phát huy mọi tiềm năng sản xuất trong xã hội. Tuy nhiên, kinh tế thị trường không phải là liều thuốc vạn năng. Cùng với sự kích thích sản xuất phát triển, kinh tế thị trường cũng là môi trường thuận lợi để nảy sinh và phát triển nhiều loại tệ nạn xã hội.

Để hạn chế và khắc phục những hậu quả tiêu cực của kinh tế thị trường, giữ cho công cuộc đổi mới đi đúng định hướng và phát huy bản chất tốt đẹp của chủ nghĩa xã hội đòi hỏi; phải giữ vững sự lãnh đạo của Đảng; phải tăng cường và thực hiện tốt vai trò quản lý, điều tiết của Nhà nước, phải luôn quan tâm bảo vệ lợi ích của người lao động, vừa khuyến khích làm giàu hợp pháp, chống làm giàu phi pháp, vừa coi trọng xoá đói, giảm nghèo, từng bước thực hiện công bằng xã hội, phải thường xuyên đấu tranh chống cả hai khuynh hướng; hoặc buông lỏng vai trò quản lý của Nhà nước, hoặc Nhà nước can thiệp quá sâu vào quá trình sản xuất kinh doanh của các đơn vị cơ sở.

*Bốn là*, mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của cả dân tộc.

Đoàn kết là truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam qua mấy ngàn năm lịch sử. Kế thừa truyền thống đó, từ khi ra đời đến nay, Đảng ta luôn nêu cao ngọn cờ đại đoàn kết toàn dân, coi đó là đường lối chiến lược, là nguồn sức mạnh và động lực to lớn trong sự nghiệp giải phóng dân tộc trước kia và trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Để tiếp tục đưa sự nghiệp đổi mới tiến lên, Đảng phải có đường lối chiến lược đúng đắn, quy tụ được mọi tầng lớp nhân dân kể cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Cụ thể là phải lấy mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng, đồng thời chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc, cùng nhau xoá bỏ định kiến, mặc cảm, hướng tới tương lai, xây dựng tinh thần đại đoàn kết, cởi mở, tin cậy lẫn nhau. Nhà nước phải thật sự là Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Mở rộng dân chủ, tôn trọng và lắng nghe mọi ý kiến của nhân dân, kiên quyết xử lý và đấu tranh với mọi biểu hiện và hành động vi phạm quyền làm chủ của nhân dân; đề cao cảnh giác, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch.

*Năm là*, mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Đoàn kết quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là quan điểm nhất quán, đồng thời cũng là bài học lớn của cách mạng Việt Nam.

Mười năm đầu đổi mới cũng là mười năm cách mạng Việt Nam phải đối mặt với nhiều khó khăn, thử thách lớn. Sự khủng hoảng và sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu và Liên Xô đã đặt cách mạng nước ta trước một tình thế hiểm nghèo. Nhưng nhờ có đường lối và chính sách đối ngoại đúng đắn, chúng ta đã phá được thế bao vây, cấm vận, tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân các nước, từng bước hội nhập và tham gia tích cực vào đời sống cộng đồng quốc tế.

Để mở rộng hợp tác quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, trước hết Đảng phải có đường lối đối ngoại đúng đắn, giữ vững nguyên tắc *độc lập, thống nhất và chủ nghĩa xã hội*, nhưng đồng thời phải hết sức linh hoạt năng động và sáng tạo, tùy vào hoàn cảnh và đối tượng cụ thể mà ta có quan hệ; phải dựa vào sức mình là chính, không ỷ lại bên ngoài, không rập khuôn kinh nghiệm nước ngoài; phải kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân; phải giữ vững bản sắc, truyền thống của dân tộc đồng thời tiếp thu những tinh hoa

trí tuệ, những thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến của nhân loại để phục vụ cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

*Sáu là*, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt.

Đảng ta là Đảng cầm quyền. Hơn nữa, nói như Chủ tịch Hồ Chí Minh là Đảng duy nhất cầm quyền. Mọi thành công hay thất bại của cách mạng đều gắn liền với vai trò và trách nhiệm của Đảng.

Ý thức được vai trò và trách nhiệm của mình trước vận mệnh của đất nước, tiền đồ của dân tộc, tương lai và hạnh phúc của nhân dân, ngay từ khi khởi xướng sự nghiệp đổi mới, Đảng đã nhận thấy sự cần thiết khách quan phải đổi mới chính đốn Đảng, bảo đảm cho Đảng lãnh đạo ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ cách mạng. Bởi vậy cùng với việc xác định đổi mới kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, Đảng đã không ngừng củng cố đổi mới bản thân mình, ra sức xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới trong những thập niên cuối của thế kỷ XX, đặc biệt là sự chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch, Đảng vẫn giữ vững bản chất giai cấp công nhân; thường xuyên cảnh giác với những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch; kiên quyết bác bỏ và xử lý đúng đắn đối với những trường hợp, những mầm mống đầu tiên về đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập xuất hiện trong Đảng; kịp thời nắm bắt những diễn biến phức tạp của tình hình quốc tế, bước đầu rút ra những bài học phản diện từ sự khủng hoảng và sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu và Liên Xô, đó cũng chính là những bài học để Đảng và nhân dân ta tránh được những sai lầm, khuyết điểm trong quá trình đổi mới.



Chương bốn

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**  
**VỚI CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ**  
**(1996 - 2005)**

**I. TIẾP TỤC ĐỔI MỚI,**  
**ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC**  
**TRONG NHỮNG NĂM TỪ 1996 ĐẾN 2000**

Sau 10 năm đổi mới toàn diện, Việt Nam đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Nhiệm vụ do Đại hội đại biểu lần thứ VII của Đảng đề ra cho 5 năm (1991-1995) đã được hoàn thành về cơ bản. Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, những tiền đề cho công nghiệp hóa cơ bản được hoàn thành, cho phép chuyển sang thời kỳ mới: đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đất nước bước vào thời kỳ mới trong bối cảnh có những đặc điểm nổi bật là: Mặc dù chủ nghĩa xã hội trên thế giới vào bước thoái trào, nhưng tính chất quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội không thay đổi; chiến tranh cục bộ, hoạt động can thiệp lật đổ, khủng bố vẫn xảy ra ở nhiều nơi; cách mạng khoa học và công nghệ thúc đẩy quá trình quốc tế hóa nền kinh tế và đời sống xã hội, song chênh lệch giàu nghèo ngày càng lớn, cạnh tranh kinh tế gay gắt; cộng đồng thế giới đứng trước nhiều vấn đề có tính toàn cầu. Hòa bình ổn định và hợp tác là đòi hỏi bức xúc của các dân tộc; các nước có chế độ chính trị xã hội khác nhau vừa hợp tác vừa đấu tranh trong cùng tồn tại hòa bình, độc lập tự chủ chống sự áp đặt và can thiệp của nước ngoài; các lực lượng cách mạng kiên trì mục tiêu hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Nước ta đang đứng trước thời cơ lớn được tạo ra do xu thế tích cực của thế giới, nhưng trước hết là do thành tựu từ đổi mới đem lại. Tuy nhiên, những thách thức lớn vẫn là bốn nguy cơ: Tụt hậu xa hơn về kinh tế, chệch hướng xã hội chủ nghĩa, tham nhũng quan liêu và "diễn biến

hòa bình" của các thế lực thù địch. Trách nhiệm lịch sử của Đảng ta là tranh thủ thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, đưa đất nước tiến lên.

Từ tình hình trên, căn cứ vào Cương lĩnh của Đảng, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (6-1996) chỉ rõ phương hướng của cách mạng Việt Nam là tiếp tục nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đảng chỉ rõ mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Đến năm 2020 phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp.

Giai đoạn từ năm 1996 đến 2000 là bước rất quan trọng của thời kỳ phát triển mới - đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhiệm vụ của nhân dân là tập trung mọi lực lượng, tranh thủ thời cơ, vượt qua thử thách, đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện đồng bộ, tiếp tục phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phấn đấu đạt và vượt mục tiêu được đề ra trong chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000: Tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng, cải thiện đời sống của nhân dân, nâng cao tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, tạo điều kiện vững chắc cho bước phát triển cao hơn vào đầu thế kỷ sau.

Để bảo đảm mục tiêu chung, Đại hội đại biểu lần thứ VIII của Đảng đề ra những định hướng phát triển các lĩnh vực chủ yếu:

- Phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Trong quá trình đẩy mạnh phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa cần thấu suốt các quan điểm:

*Một là*, giữ vững độc lập, tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ đối ngoại. Dựa vào nguồn lực trong nước là chính đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài. Xây dựng một nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới, hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu bằng những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả.

*Hai là*, công nghiệp hóa, hiện đại hóa là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước là chủ đạo.

*Ba là*, lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững. Động viên toàn dân cần kiệm xây dựng đất nước, không ngừng tăng tích lũy cho đầu tư phát triển. Thực hiện tăng trưởng kinh tế gắn với cải thiện đời sống nhân dân, phát triển văn hóa, giáo dục, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường.

*Bốn là*, khoa học và công nghệ là động lực của công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại, tranh thủ đi nhanh vào hiện đại ở những khâu quyết định.

*Năm là*, lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm tiêu chuẩn cơ bản để xác định phương án phát triển, lựa chọn dự án đầu tư và công nghệ. Đầu tư chiều sâu để khai thác tối đa năng lực sản xuất hiện có. Trong phát triển mới, ưu tiên quy mô vừa và nhỏ, công nghệ tiên tiến, tạo nhiều việc làm, thu hồi vốn nhanh, đồng thời xây dựng một số công trình quy mô lớn thật cần thiết và có hiệu quả. Tạo ra những mũi nhọn trong từng bước phát triển. Tập trung thích đáng nguồn lực cho các lĩnh vực, các địa bàn trọng điểm, đồng thời quan tâm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của mọi vùng trong nước, có chính sách hỗ trợ những vùng khó khăn, tạo điều kiện cho các vùng đều phát triển.

*Sáu là*, kết hợp kinh tế với quốc phòng - an ninh.

Về nội dung cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong những năm còn lại của thập kỷ 90 được Đảng chỉ rõ: Đặc biệt coi trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn; phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản; phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Nâng cấp cải tạo, mở rộng và xây dựng mới có trọng điểm kết cấu hạ tầng kinh tế, trước hết ở các khâu ách tắc và yếu kém nhất đang cản trở sự phát triển. Xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng trọng yếu và hết sức cấp bách, có điều kiện về vốn, công nghệ, thị trường, phát huy tác dụng nhanh và có hiệu quả cao. Mở rộng thương nghiệp, du lịch, dịch vụ. Đẩy mạnh các hoạt động kinh tế đối ngoại. Hình thành dần một số ngành mũi nhọn như chế biến nông, lâm, thủy sản, khai thác và chế biến dầu khí, một số ngành cơ khí chế tạo, công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin, du lịch. Phát triển mạnh sự nghiệp giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ.

*- Chính sách đối với các thành phần kinh tế.*

Để tiếp tục chính sách phát triển các thành phần kinh tế, Đảng khẳng định phải nắm vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong việc xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần. Thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Lấy việc giải phóng sức sản

xuất, động viên tối đa mọi nguồn lực bên trong và bên ngoài cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao hiệu quả kinh tế và xã hội, cải thiện đời sống của nhân dân làm mục tiêu hàng đầu trong việc khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế và hình thức tổ chức kinh doanh. Chủ động đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác. Kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế hợp tác xã dần dần trở thành nền tảng. Tạo điều kiện kinh tế và pháp lý thuận lợi để các nhà kinh doanh tư nhân yên tâm đầu tư làm ăn lâu dài. Mở rộng các hình thức liên doanh, liên kết giữa kinh tế nhà nước với các thành phần kinh tế khác cả trong và ngoài nước. Áp dụng phổ biến các hình thức kinh tế tư bản nhà nước. Xác lập, củng cố và nâng cao địa vị làm chủ của người lao động trong nền sản xuất xã hội, thực hiện công bằng xã hội ngày càng tốt hơn. Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu, đồng thời phân phối dựa trên mức đóng góp các nguồn lực khác vào kết quả sản xuất - kinh doanh và phân phối qua phúc lợi xã hội. Thừa nhận sự tồn tại lâu dài của các hình thức thuê mướn lao động, nhưng không để biến thành quan hệ thống trị dẫn tới phân hóa xã hội thành hai cực đối lập. Phân phối và phân phối lại hợp lý các thu nhập; khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói, giảm nghèo, không để diễn ra chênh lệch quá đáng về mức sống và trình độ phát triển giữa các vùng và các tầng lớp dân cư. Phải tăng cường hiệu lực quản lý vĩ mô của Nhà nước, khai thác triệt để vai trò tích cực đi đôi với khắc phục và ngăn ngừa, hạn chế những tác động tiêu cực của cơ chế thị trường. Bảo đảm sự bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trước pháp luật của mọi doanh nghiệp và cá nhân, không phân biệt thành phần kinh tế. Giữ vững độc lập, chủ quyền và bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc trong quan hệ kinh tế với bên ngoài.

Nhằm bảo đảm các thành phần kinh tế phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa cần thực hiện các chủ trương, chính sách cụ thể. Đó là:

Thứ nhất, tiếp tục đổi mới và phát triển có hiệu quả kinh tế nhà nước để làm tốt vai trò chủ đạo, làm đòn bẩy đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế và giải quyết những vấn đề xã hội; mở đường hướng dẫn, hỗ trợ các thành phần khác cùng phát triển; làm lực lượng vật chất để Nhà nước thực hiện chức năng điều tiết và quản lý vĩ mô, tạo nền tảng cho chế độ xã hội mới. Tập trung các nguồn lực để phát triển kinh tế nhà nước trong những ngành, những lĩnh vực trọng yếu như kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, hệ thống tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, những cơ sở sản xuất và thương mại, dịch vụ quan trọng, các doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ có liên quan tới quốc phòng - an ninh. Thực hiện đổi mới và tăng cường hoạt động của kinh tế nhà

nước trong lĩnh vực phân phối lưu thông. Phát huy vai trò trung tâm kinh tế, khoa học - công nghệ, văn hóa - xã hội của doanh nghiệp nhà nước trong nông, lâm, ngư nghiệp, nhất là ở miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc ít người.

Thứ hai, phát triển kinh tế hợp tác với nhiều hình thức đa dạng từ thấp đến cao, từ tổ nhóm hợp tác đến hợp tác xã; tuân thủ nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi, quản lý dân chủ. Hợp tác xã được tổ chức trên cơ sở đóng góp cổ phần và sự tham gia lao động trực tiếp của xã viên, phân phối theo kết quả lao động và theo cổ phần, mỗi xã viên có quyền như nhau đối với công việc chung. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và có chính sách khuyến khích, ưu đãi giúp đỡ kinh tế hợp tác phát triển có hiệu quả. Thực hiện tốt Luật Hợp tác xã.

Thứ ba, với kinh tế tư bản nhà nước cần áp dụng nhiều phương thức góp vốn kinh doanh giữa Nhà nước với các nhà kinh doanh tư nhân trong nước nhằm tạo thế, tạo lực cho các doanh nghiệp Việt Nam phát triển, tăng sức hợp tác và cạnh tranh với bên ngoài. Cải thiện môi trường đầu tư và nâng cao năng lực quản lý để thu hút có hiệu quả vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động trong các xí nghiệp hợp tác, liên doanh.

Thứ tư, đối với kinh tế cá thể, tiểu chủ, cần giúp đỡ giải quyết những khó khăn về vốn, về khoa học và công nghệ, về thị trường tiêu thụ sản phẩm. Hướng dẫn kinh tế cá thể, tiểu chủ từng bước đi vào làm ăn hợp tác một cách tự nguyện, hoặc làm vệ tinh cho các doanh nghiệp nhà nước hay hợp tác xã.

Thứ năm, với kinh tế tư bản tư nhân, cần khuyến khích tư bản tư nhân đầu tư vào sản xuất, yên tâm làm ăn lâu dài, bảo hộ quyền sở hữu và lợi ích hợp pháp, tạo điều kiện thuận lợi đi đôi với tăng cường quản lý, hướng dẫn làm ăn đúng pháp luật.

*- Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.*

Trong những năm 1996-2000, tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế với mục tiêu xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, hình thành tương đối đồng bộ cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Cần tạo lập đồng bộ các yếu tố của thị trường trong đó phải phát triển mạnh thị trường hàng hóa và dịch vụ. Tổ chức quản lý và hướng dẫn tốt việc thuê mướn và sử dụng lao động. Quản lý chặt chẽ đất đai và thị trường bất động sản. Xây dựng thị trường vốn, từng bước hình thành thị trường chứng khoán.

Cần hoàn chỉnh hệ thống luật pháp về kinh tế bằng việc ban hành một số luật mới và sửa đổi, bổ sung một số luật và pháp lệnh hiện hành để tiếp tục thể chế hóa cương lĩnh, chiến lược và các chủ trương chính sách của Đảng, hình thành khuôn khổ pháp lý đồng bộ, cần thiết cho các hoạt động kinh tế.

Tiếp tục đổi mới kế hoạch hóa bảo đảm kế hoạch nhà nước phải quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng, đưa ra hệ thống các mục tiêu vĩ mô, xác định tốc độ phát triển, cơ cấu và các cân đối lớn, các chính sách, giải pháp để dẫn dắt nền kinh tế theo định hướng kế hoạch. Tập trung xây dựng chiến lược và quy hoạch phát triển. Kế hoạch phải bao quát các ngành, các vùng, các lĩnh vực và thành phần kinh tế.

Đối với các chính sách tài chính, tiền tệ, giá cả. Các chính sách tài chính phải nhằm mục tiêu thúc đẩy sản xuất phát triển, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tăng tích lũy để tạo vốn cho đầu tư phát triển. Chuyển mạnh chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng phù hợp với cơ chế thị trường góp phần ổn định sức mua của đồng tiền Việt Nam, kiềm chế lạm phát ở mức thấp. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống giá cả và đổi mới công tác quản lý giá.

Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý kinh tế của Nhà nước. Thực hiện tốt chức năng định hướng sự phát triển, trực tiếp đầu tư vào một số lĩnh vực để dẫn dắt nỗ lực phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thiết lập khuôn khổ luật pháp, có hệ thống chính sách nhất quán để tạo môi trường ổn định và thuận lợi cho giới kinh doanh làm ăn phát đạt; hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế thị trường.

*- Phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo.*

Phát triển khoa học và công nghệ cần tập trung vào các phương hướng chủ yếu sau:

*Một là*, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, phát triển và kết hợp chặt chẽ các ngành khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên và công nghệ... làm chỗ dựa khoa học cho việc triển khai thực hiện cương lĩnh, hiến pháp, xác định phương hướng bước đi của công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng pháp luật, các chính sách, kế hoạch và chương trình kinh tế - xã hội.

*Hai là*, đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng các thành tựu khoa học tự nhiên và công nghệ tiên tiến trong tất cả các ngành sản xuất kinh doanh, dịch vụ, quản lý và quốc phòng - an ninh. Nắm bắt những công nghệ cao như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, những công

nghệ mới trong chế tạo máy... để đi nhanh vào hiện đại ở những khâu quyết định.

*Ba là*, chú trọng đúng mức nghiên cứu cơ bản về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên làm chỗ dựa cho nghiên cứu ứng dụng triển khai và tiếp nhận các thành tựu mới về khoa học và công nghệ.

*Bốn là*, xây dựng tiềm lực nhằm phát triển một nền khoa học và công nghệ tiên tiến. Đẩy mạnh các hình thức đào tạo khoa học ở trong và ngoài nước.

*Năm là*, xây dựng và thực hiện tốt hệ thống chính sách và cơ chế đồng bộ cho phát triển khoa học và công nghệ.

Đối với giáo dục và đào tạo cần coi trọng cả ba mặt: mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và phát huy hiệu quả. Phương hướng chung trong 5 năm tới là phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa tạo điều kiện cho nhân dân, đặc biệt là thanh niên có việc làm; khắc phục những tiêu cực, yếu kém trong giáo dục và đào tạo.

*- Xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.*

Mọi hoạt động văn hóa, văn nghệ phải nhằm xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người Việt Nam về tư tưởng, đạo đức, tâm hồn, tình cảm, lối sống, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh cho sự phát triển xã hội.

Xây dựng văn hóa là nhiệm vụ chung của toàn xã hội. Có chính sách đầu tư thích đáng cho văn hóa, văn nghệ. Phát triển các hoạt động văn hóa, văn nghệ của Nhà nước, tập thể và cá nhân theo đường lối của Đảng và sự quản lý của Nhà nước.

*- Chính sách giải quyết một số vấn đề xã hội.*

Trong những năm tới, Đảng chủ trương phải tập trung giải quyết tốt một số vấn đề xã hội chính sau:

*Một là*, tập trung sức tạo việc làm thông qua việc Nhà nước cùng toàn dân ra sức đầu tư phát triển, thực hiện tốt kế hoạch và các chương trình kinh tế xã hội. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế, mọi công dân, mọi nhà đầu tư mở mang ngành nghề, tạo nhiều việc làm cho người lao động. Mở rộng kinh tế đối ngoại, đẩy mạnh xuất khẩu lao động. Giảm đáng kể tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị và thiếu việc làm ở nông thôn.

*Hai là*, thực hiện xóa đói, giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, bảo hiểm xã hội và các hoạt động nhân đạo, từ thiện.

*Ba là*, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe, nâng cao thể chất của nhân dân.

*Bốn là, đẩy mạnh công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình.*

*Năm là, đẩy lùi tệ nạn xã hội.*

*- Quốc phòng và an ninh.*

Những nhiệm vụ về quốc phòng và an ninh trong những năm tới được xác định, chỉ đạo tập trung phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, của cả hệ thống chính trị, từng bước tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh của đất nước, xây dựng vững chắc nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân và thế trận an ninh nhân dân, nâng cao chất lượng các lực lượng vũ trang, bảo vệ vững chắc độc lập, an ninh chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước; bảo vệ nhân dân, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, ngăn ngừa và làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động gây mất ổn định chính trị xã hội, xâm phạm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, gây tổn hại cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước; ngăn chặn và trừng trị có hiệu quả mọi tội phạm, bảo đảm tốt trật tự an toàn xã hội.

*- Chính sách đối ngoại.*

Tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, mở rộng, đa phương hóa và đa dạng hóa các quan hệ đối ngoại với tinh thần Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển. Hợp tác nhiều mặt, song phương và đa phương với các nước; các tổ chức quốc tế và khu vực trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng cùng có lợi, giải quyết các vấn đề tồn tại và các tranh chấp bằng thương lượng.

*- Thực hiện đại đoàn kết dân tộc, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân.*

Trong những năm tới, cần động viên mọi tài năng sáng tạo, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân lao động nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế, xã hội 1996-2000.

Thực hiện các chính sách cụ thể đối với các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc trong nước, tạo ra những động lực mới đẩy mạnh phong trào cách mạng của nhân dân. Xây dựng cơ chế cụ thể để thực hiện phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" đối với các chủ trương chính sách lớn của Đảng và Nhà nước. Tiếp tục đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội. Với mỗi cán bộ, đảng viên đều phải làm công tác dân vận theo chức trách của mình. Mọi cấp bộ



đảng chăm lo công tác dân vận, đổi mới phương thức lãnh đạo đối với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các hội quần chúng.

*Tiếp tục cải cách bộ máy nhà nước, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.*

Để xây dựng, kiện toàn bộ máy nhà nước vững mạnh, trong sạch, có hiệu lực và hiệu quả, trong 5 năm tới, phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

*Một là, đổi mới nâng cao chất lượng công tác lập pháp và giám sát tối cao của Quốc hội đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước.*

*Hai là, cải cách nền hành chính nhà nước.*

*Ba là, cải cách tổ chức và hoạt động tư pháp.*

*Bốn là, đẩy mạnh đấu tranh chống tham nhũng.*

Để thực hiện đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đòi hỏi phải tiếp tục xây dựng Đảng ngang tầm nhiệm vụ của thời kỳ mới. Trong đó tập trung làm tốt những điểm cơ bản:

Thứ nhất, giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng.

Thứ hai, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất và năng lực cán bộ, đảng viên.

Thứ ba, củng cố Đảng về tổ chức, thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ.

Thứ tư, chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ.

Thứ năm, nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng.

Thứ sáu, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Thứ bảy, đổi mới công tác kiểm tra và kỷ luật Đảng.

Trên cơ sở mục tiêu chung và những định hướng phát triển các lĩnh vực chủ yếu. Đại hội lần thứ VIII của Đảng đã đề ra nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1996-2000. Trong đó nhấn mạnh phải tập trung sức cho mục tiêu phát triển đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm 9 - 10%; đến năm 2000 GDP bình quân đầu người tăng gấp đôi năm 1990. Phát triển toàn diện nông, lâm, thủy sản và đổi mới cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tốc độ tăng giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp bình quân hàng năm 4,5 - 5%. Phát triển các ngành công nghiệp, chú trọng trước hết công nghiệp chế biến, công nghiệp hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân hàng năm 14 - 15%. Phát triển các ngành dịch vụ, tập trung vào các lĩnh vực vận tải, thông tin liên lạc,

thương mại, du lịch, tài chính, ngân hàng, công nghệ, pháp lý... Tốc độ tăng giá trị dịch vụ bình quân hàng năm 12 - 13%. Tăng mạnh đầu tư phát triển toàn xã hội, chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng. Huy động tối đa mọi nguồn lực đưa trở lại đầu tư phát triển toàn xã hội năm 2000 lên khoảng 30% GDP. Phấn đấu đến năm 2000 tỷ trọng công nghiệp và xây dựng chiếm khoảng 34 - 35% trong GDP; nông, lâm, ngư nghiệp chiếm khoảng 19 - 20%; dịch vụ chiếm khoảng 45 - 46%.

Tăng nhanh khả năng và tiềm lực tài chính của đất nước, lành mạnh hóa nền tài chính quốc gia. Huy động 20 - 21% GDP vào ngân sách thông qua thuế và phí, kiểm chế bội chi ngân sách không quá 4,5% GDP. Tiếp tục thực hiện mục tiêu kiểm chế và kiểm soát lạm phát, loại trừ các nguy cơ tái lạm phát cao, giữ chỉ số giá tiêu dùng dưới 10%/năm.

Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại, nâng mức xuất khẩu bình quân đầu người năm 2000 lên trên 200 USD. Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân hàng năm khoảng 28%. Kim ngạch nhập khẩu tăng bình quân hàng năm khoảng 24%.

Giải quyết tốt một số vấn đề xã hội như giáo dục, nhịp độ phát triển dân số, xóa nạn đói, giải quyết việc làm, đẩy lùi tham nhũng, các tệ nạn xã hội.

Bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ và an ninh của Tổ quốc, giữ vững ổn định chính trị và an toàn xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh vững chắc, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống.

Tích cực chuẩn bị và tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn sau năm 2000, chủ yếu là phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng lực khoa học và công nghệ, xây dựng kết cấu hạ tầng và một số công trình công nghiệp then chốt, hình thành đồng bộ cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện mục tiêu chung và nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 1996-2000, Đảng đề ra 11 chương trình và lĩnh vực phát triển gồm:

- Chương trình phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn.
- Chương trình phát triển công nghiệp.
- Chương trình phát triển kết cấu hạ tầng.

Chương trình phát triển khoa học và công nghệ bảo vệ môi trường sinh thái.

- Chương trình phát triển kinh tế dịch vụ.
- Chương trình phát triển kinh tế đối ngoại.
- Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo.

- Chương trình giải quyết các vấn đề văn hóa - xã hội.
- Chương trình phát triển các vùng lãnh thổ.

Chương trình phát triển kinh tế khoa học miền núi và vùng đồng bào dân tộc.

- Chương trình về xóa đói, giảm nghèo.

Tiếp tục phát triển những quan điểm của Đại hội VIII và nhằm chỉ đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tháng 12 năm 1996, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ hai của Đảng nhấn mạnh hơn vai trò quốc sách hàng đầu của phát triển giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ, khẳng định nhiệm vụ đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, tăng cường vai trò của đội ngũ trí thức đối với sự phát triển của đất nước. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng các thành tựu của khoa học tự nhiên và công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao để có thể đi nhanh vào hiện đại.

Phát triển giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ là sự nghiệp của toàn Đảng, của Nhà nước và của toàn dân. Việc phát triển giáo dục, đào tạo phải gắn liền với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước, với những tiến bộ khoa học - công nghệ và củng cố quốc phòng an ninh, thực hiện công bằng trong giáo dục và đào tạo; coi khoa học công nghệ là động lực phát triển kinh tế - xã hội, là điều kiện để giữ vững độc lập dân tộc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội; là nội dung then chốt trong mọi hoạt động của tất cả các cấp, các ngành.

Tiếp đó Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ ba, khóa VIII (tháng 6-1997) chủ trương phát huy hơn nữa quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh. Đồng thời lần đầu tiên trong quá trình đổi mới, hội nghị đã ra nghị quyết về chiến lược cán bộ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; chỉ ra những quan điểm về xây dựng đội ngũ cán bộ, mục tiêu của công tác cán bộ và xác định tiêu chuẩn cán bộ trong thời kỳ mới.

Vào tháng 7 năm 1997, cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ xảy ra ở các nước trong khu vực Đông Nam Á và châu Á, đã ảnh hưởng tới nền kinh tế của nước ta. Đảng, Nhà nước Việt Nam đã kịp thời đưa ra những chủ trương, chính sách cụ thể, chỉ đạo khắc phục ảnh hưởng tiêu cực của cuộc khủng hoảng trong khu vực, ngăn chặn sự suy giảm của nền kinh tế. Tháng 12 năm 1997, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ tư (khóa VIII) chủ trương nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, nhấn mạnh việc phát huy nội lực để vượt qua khó khăn, thách thức mới.

Đề văn hóa thực sự là "nền tảng tinh thần" của xã hội một vấn đề đã được khẳng định tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ tư, khóa VIII (tháng 1-1993), nhằm nâng cao vai trò động lực của nó trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ năm, khóa VIII (tháng 7-1998) đã đề cập một cách toàn diện, những nội dung cốt lõi nhất của vấn đề xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

Nhằm tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong thời kỳ mới. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương sáu (lần 2) khóa VIII (tháng 10-1998) quyết định mở cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng trong 2 năm 1999-2001; đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu; chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống.

Từ sự chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, trong thời gian này đã tháo gỡ được nhiều khó khăn nhưng đi vào thực tế tình hình lại có những diễn biến phức tạp. Cùng với những tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế trong khu vực, nền kinh tế nước ta cũng bộc lộ những yếu kém vốn có và thiên tai lớn diễn ra liên tiếp trên địa bàn cả nước từ năm 1997 đến 1999 làm cho kinh tế nước ta đứng trước khó khăn mới. Trong bối cảnh đó, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ tám, khóa VIII (tháng 12-1999) đã đánh giá đúng tình hình, xác định những chủ trương và giải pháp mới nhằm ổn định chính trị và tiếp tục phát triển kinh tế xã hội, phấn đấu thực hiện những mục tiêu do Đại hội VIII đề ra.

Bằng sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân vượt qua những khó khăn, thách thức, những tác động tiêu cực của khủng hoảng tài chính - tiền tệ khu vực và những thiên tai nghiêm trọng, duy trì được nhịp độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) 7%/năm; *công cuộc phát triển kinh tế - xã hội tiếp tục đạt được những thành tựu quan trọng.*

*- Nền kinh tế vẫn giữ được nhịp độ tăng trưởng khá; cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch tích cực.*

Nổi bật là nông nghiệp được phát triển liên tục. Giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tăng bình quân hàng năm 5,7% (mục tiêu đề ra 4,5 - 5%) trong đó nông nghiệp tăng 5,6%, lâm nghiệp 0,4%, ngư nghiệp 8,4%.

Cơ cấu mùa vụ được chuyển dịch theo hướng tăng diện tích lúa đông xuân và lúa hè thu có năng suất cao, ổn định. Những giống lúa nước được sử dụng trên 87% diện tích gieo trồng. Sản lượng lương thực có hạt tăng bình quân hàng năm trên 1,6 triệu tấn, lương thực bình quân đầu người/năm đã tăng từ 360kg năm 1995 lên trên 444kg năm 2000.

Nhiều vùng sản xuất nông sản hàng hóa tập trung gắn với công nghiệp chế biến bước đầu được hình thành, sản phẩm nông nghiệp đa dạng hơn. Diện tích một số cây công nghiệp tăng khá, so với năm 1995 cà phê gấp 2,7 lần, cao su tăng 46%, mía tăng 35%, bông tăng 8%, thuốc lá tăng 18%, rừng nguyên liệu giấy tăng 66%...

Giá trị sản xuất nông nghiệp trên một đơn vị đất nông nghiệp tăng từ 1,35 triệu đồng/ha năm 1995 lên 17,5 triệu đồng/ha năm 2000.

Chăn nuôi tiếp tục phát triển. Sản lượng thịt lợn hơi năm 2000 ước trên 1,4 triệu tấn, gấp 1,4 lần so với năm 1995.

Nuôi trồng và đánh bắt thủy sản phát triển khá. Sản lượng thủy sản năm 2000 đạt trên 2 triệu tấn (mục tiêu đặt ra 1,6 - 1,7 triệu tấn) xuất khẩu đạt 1.475 triệu USD.

Trồng rừng, chăm sóc và bảo vệ rừng có tiến bộ. Trong 5 năm đã trồng 11 triệu héc-ta rừng tập trung, bảo vệ 9,3 triệu héc-ta rừng hiện có, khoanh nuôi tái sinh 700 nghìn héc-ta. Độ che phủ tăng từ 28,2% năm 1995 lên 33% năm 2000.

Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản năm 2000 đạt 4,3 tỷ USD, gấp hơn 1,7 lần so với năm 1995, bình quân hàng năm chiếm khoảng 30% kim ngạch xuất khẩu của cả nước; đã tạo được 3 mặt hàng xuất khẩu chủ lực là gạo (đứng thứ hai thế giới), cà phê (đứng thứ ba thế giới) và hàng thủy sản chiếm 34% giá kim ngạch xuất khẩu toàn ngành.

Những thành tựu đạt được là kết quả thực hiện các chính sách đổi mới về phát triển nông nghiệp và nông thôn, đẩy mạnh đầu tư, ứng dụng những tiến bộ về khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm, gắn sản xuất với thị trường.

Công nghiệp và xây dựng vượt qua những khó khăn, thách thức đạt được nhiều tiến bộ.

Nhịp độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân hàng năm 13,5%, trong đó công nghiệp quốc doanh tăng 9,5%, công nghiệp ngoài quốc doanh tăng 11,5%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 21,8%.

Một số ngành công nghiệp tiếp tục tổ chức và sắp xếp lại sản xuất, lựa chọn các sản phẩm ưu tiên và có lợi thế, có nhu cầu của thị trường để đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, đạt chất lượng cao hơn, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Năng lực sản xuất các sản phẩm công nghiệp chủ yếu tăng khá: năm 2000 so với năm 1995, công suất điện gấp 1,5 lần (tăng 2.715 MW); xi măng gấp 2,1 lần (tăng 8,7 triệu tấn); phân bón gấp trên 3 lần (tăng

1,5 triệu tấn); thép gấp 1,7 lần (tăng 1 triệu tấn); mía đường gấp hơn 5 lần (tăng 60.000 tấn mía/ngày).

Sản lượng một số sản phẩm quan trọng tăng nhanh, năm 2000 so với năm 1995, sản lượng dầu thô gấp 2,1 lần; điện gấp 1,8 lần; than sạch vượt ngưỡng 10 triệu tấn, trong đó xuất khẩu trên 3 triệu tấn; thép cán gấp hơn 3 lần; xi măng gấp hơn 2 lần; vải các loại gấp 1,5 lần; giấy các loại gấp 1,7 lần...

Xuất khẩu sản phẩm công nghiệp (kể cả tiểu, thủ công nghiệp) tăng nhanh, năm 2000 đạt 10 tỷ USD, gấp hơn 3,4 lần năm 1995, chiếm khoảng 70% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước.

Cơ cấu ngành công nghiệp có sự chuyển dịch đáng kể, hình thành một số sản phẩm mũi nhọn, một số khu công nghiệp, khu chế xuất với nhiều cơ sở sản xuất có công nghệ hiện đại. Đến năm 2000, công nghiệp khai thác dầu thô, khí tự nhiên và dịch vụ khai thác dầu khí chiếm khoảng 11,2% tổng giá trị sản xuất toàn ngành, công nghiệp sản xuất thực phẩm và đồ uống chiếm khoảng 20%, công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước chiếm khoảng 5,4%.

Ngành xây dựng đã tiếp nhận công nghệ xây dựng mới, trang bị thêm nhiều thiết bị hiện đại, đáp ứng được nhu cầu phát triển trong lĩnh vực xây dựng dân dụng và công nghiệp. Đáp ứng đủ nhu cầu xi măng, tấm lợp; cơ bản đáp ứng được nhu cầu về thép xây dựng thông thường.

Các ngành dịch vụ được tiếp tục phát triển trong điều kiện khó khăn hơn trước, góp phần quan trọng cho tăng trưởng kinh tế và phục vụ đời sống.

Giá trị các ngành dịch vụ tăng 6,8%/năm. Thương mại phát triển khá. Thương mại quốc doanh được sắp xếp theo hướng bán buôn, tham gia kinh doanh bán lẻ đối với một số mặt hàng thiết yếu, mạng lưới trao đổi hàng hóa với nông thôn, miền núi bước đầu được tổ chức lại. Tổng mức hàng hóa bán lẻ tăng bình quân 6,2%/năm.

Du lịch phát triển đa dạng, phong phú, chất lượng dịch vụ được nâng lên. Tổng doanh thu du lịch tăng 9,7%/năm.

Dịch vụ vận tải đã đáp ứng được nhu cầu giao lưu hàng hóa và đi lại của nhân dân. Khối lượng luân chuyển hàng hóa tăng 12%/năm và luân chuyển hành khách tăng 5,5%/năm.

Các dịch vụ bưu chính - viễn thông, tài chính, kiểm toán, ngân hàng; bảo hiểm được mở rộng và phát triển. Giá trị doanh thu bưu điện tăng bình quân hàng năm 11,3%, dịch vụ tài chính, ngân hàng tăng bình quân 7%/năm.

Cơ cấu các ngành kinh tế từng bước chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp trong GDP giảm từ 27,2% năm 1995 xuống còn 24,3% năm 2000; công nghiệp và xây dựng từ 28,7% tăng lên 36,6% và dịch vụ từ 44,1% năm 1995 còn 39,1%. Tuy vậy, vẫn chưa đạt được mục tiêu do Đại hội VIII đề ra (cơ cấu vào năm 2000 tương ứng là 19-20%, 34-35% và 45-46%).

Cơ cấu thành phần kinh tế được dịch chuyển theo hướng sắp xếp lại và đổi mới khu vực kinh tế nhà nước, phát huy tiềm năng khu vực kinh tế ngoài quốc doanh. Đến năm 2000, tỷ trọng khu vực kinh tế nhà nước trong GDP chiếm khoảng 39%; khu vực kinh tế tập thể 8,5%; khu vực kinh tế tư nhân 3,3%; khu vực kinh tế cá thể 3,2%; khu vực kinh tế hỗn hợp 3,9% và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 13,3%.

Nhiều vùng kinh tế gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, các đô thị, các địa bàn, lãnh thổ, đặc biệt là các vùng kinh tế trọng điểm đang được xây dựng và hình thành từng bước. Đến năm 2000, các tỉnh vùng núi phía Bắc đóng góp trên 9% GDP của cả nước; vùng đồng bằng sông Hồng khoảng 19%; Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung khoảng gần 15%; vùng Tây Nguyên gần 3%; vùng Đông Nam Bộ khoảng 35% và đồng bằng sông Cửu Long khoảng 19%.

Các vùng kinh tế trọng điểm đóng góp khoảng 50% giá trị GDP cả nước; 75-80% giá trị gia tăng công nghiệp và 60-65% giá trị gia tăng khu vực dịch vụ. Nhịp độ tăng trưởng của các vùng trọng điểm đều đạt trên mức trung bình cả nước, đóng vai trò tích cực lôi cuốn và kích thích các vùng khác cùng phát triển.

*- Những cân đối chủ yếu trong nền kinh tế đã được điều chỉnh thích hợp để duy trì khả năng tăng trưởng kinh tế và ổn định đời sống nhân dân.*

Đã cải thiện một bước quan hệ tích lũy và tiêu dùng theo hướng tích lũy cho phát triển.

Tỷ lệ tiết kiệm trong nước so với GDP từ 18,2% năm 1995 tăng lên 27% năm 2000. Tổng quỹ tích lũy tăng bình quân hơn 9,5%/năm; tích lũy toàn bộ tài sản so với GDP từ 27,2% năm 1995 được nâng lên 29,5% năm 2000.

Tổng quỹ tiêu dùng tăng bình quân hàng năm hơn 5%, tiêu dùng bình quân đầu người tăng hàng năm gần 3,5%.

Tỷ lệ tích lũy trong tổng tích lũy - tiêu dùng bình quân 5 năm là 26,8%, riêng năm 2000 khoảng 28,7%, tỷ lệ tiêu dùng tương ứng khoảng 71,3%.

Các cân đối tài chính - tiền tệ có tiến bộ góp phần ổn định kinh tế vĩ mô và khai thác tốt các nguồn lực.

Ngân sách nhà nước bước đầu được cơ cấu lại theo hướng tích cực và hiệu quả hơn. Tổng thu ngân sách nhà nước tăng bình quân hàng năm trên 8,7%, cao hơn mức tăng bình quân GDP, trong đó thu từ thuế và phí chiếm 94,2%, mức động viên bình quân hàng năm bằng 20,3% GDP.

Chi tiêu ngân sách nhà nước được cơ cấu lại theo hướng tiếp tục xóa bao cấp trong chi ngân sách, tăng chi đầu tư phát triển, xóa đói, giảm nghèo, giáo dục và đào tạo, nghiên cứu khoa học, y tế... Tổng chi ngân sách nhà nước bình quân hàng năm bằng khoảng 24,2% GDP; trong đó chi cho đầu tư phát triển khoảng 14,6%, chiếm 27% tổng chi ngân sách; chi thường xuyên tăng bình quân hàng năm 6%, chiếm 59%; chi trả nợ, viện trợ hàng năm 14%.

Mức bội chi ngân sách bình quân hàng năm khoảng 4% GDP.

Chính sách tiền tệ, tín dụng tiếp tục được đổi mới. Việc điều hành các cân đối tiền tệ theo tín hiệu thị trường bước đầu đạt được các kết quả tích cực. Cơ chế quản lý và điều hành lãi suất ngoại hối, tỷ giá từng bước được đổi mới theo các nguyên tắc của thị trường. Hệ thống ngân hàng bước đầu được chấn chỉnh và đổi mới, các tổ chức tín dụng phát triển, chất lượng và hiệu quả tín dụng ngày càng cao. Hình thành được thị trường tiền tệ liên ngân hàng, bắt đầu áp dụng công cụ thị trường mở và thành lập trung tâm chứng khoán.

Cân đối ngoại tệ được cải thiện, từ chỗ thâm hụt lớn đến nay cán cân vãng lai và cán cân thanh toán quốc tế đều có kết dư, tuy nhiên chưa thật ổn định vững chắc.

Đã có nhiều cố gắng trong huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển, nhất là nguồn vốn trong nước. Số công trình được đưa vào sử dụng nhiều hơn các thời kỳ trước đây; năng lực các ngành sản xuất, dịch vụ và kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội được nâng lên rõ rệt.

Tổng vốn đầu tư xã hội thực hiện trong 5 năm (1996-2000) khoảng 440 nghìn tỷ đồng, tương đương 40 tỷ USD (theo mặt bằng giá 1995), tốc độ tăng bình quân 8,6%/năm; trong đó vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước chiếm 22,7%; vốn tín dụng đầu tư chiếm 14,2%; vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước chiếm 17,8%, vốn đầu tư của tư nhân và dân cư chiếm 21,3%, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài chiếm 24%.

Nguồn vốn trong nước đã được huy động khá hơn, chiếm trên 60% tổng vốn đầu tư, tạo điều kiện tốt cho tập trung đầu tư vào phát triển nông nghiệp và nông thôn, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển khoa học và công nghệ, đặc biệt là xây dựng kết cấu hạ tầng.

Nguồn vốn đầu tư toàn xã hội được tập trung cho nông nghiệp khoảng 11,4% so với tổng nguồn; các ngành công nghiệp khoảng 43,7% trong đó đầu



tư cho các ngành công nghiệp chế biến và công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng chiếm 30% tổng số vốn đầu tư ngành công nghiệp; giao thông vận tải và bưu chính - viễn thông 15,7%; khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa 6,7%; các ngành khác khoảng 22,5%.

Nhờ điều chỉnh chính sách và cơ cấu đầu tư nên quy mô đầu tư ở các vùng đều tăng. So với 5 năm trước vốn đầu tư cho vùng miền núi phía Bắc gấp hơn 1,8 lần, vùng đồng bằng sông Hồng gấp 1,3 lần, vùng Bắc Trung Bộ gấp 1,5 lần, vùng duyên hải miền Trung gấp 1,7 lần, vùng Tây Nguyên gấp 1,9 lần, vùng Đông Nam Bộ gấp 1,7 lần và vùng đồng bằng sông Cửu Long gấp 2 lần.

Chỉ tính nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, ước thực hiện trong 5 năm (1996-2000) khoảng 100 nghìn tỷ đồng (theo giá năm 1995), đã tập trung hơn cho lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trong đó đầu tư cho lĩnh vực nông nghiệp khoảng 22,5%; cho công nghiệp 9,5%; cho giao thông vận tải và bưu chính viễn thông 29,8%, cho khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao 18,7%, cho các ngành khác 19,5%.

Đã tăng đầu tư cho các công trình và các tuyến trục giao thông quan trọng nằm trong vùng kinh tế trọng điểm. Trong 5 năm (1996-2000) đã xây dựng mới 1.200km và nâng cấp 3.790km đường quốc lộ; sửa chữa phần lớn những cầu yếu trên các tuyến trục giao thông, làm mới 11,5km cầu; sửa chữa và nâng cấp 200km đường sắt, khôi phục 8 cầu với tổng chiều dài là 2.600m trên tuyến đường sắt Thống Nhất. Mở rộng và hiện đại hóa nhiều cảng biển quan trọng như Sài Gòn, Cửa Lò, Đà Nẵng, Quy Nhơn... Nâng cấp các sân bay quốc tế Nội Bài, Tân Sơn Nhất, Đà Nẵng và một số sân bay nội địa khác, nâng tổng năng lực hệ thống sân bay lên 6,5 triệu hành khách/năm.

Hệ thống bưu chính viễn thông có bước phát triển khá, được hiện đại hóa về cơ bản. Các tỉnh, các huyện đều được trang bị tổng đài điện tử, được nối với nhau qua các tuyến cáp quang và viba số. Mật độ điện thoại đạt trên 4 máy/100 dân, gấp 22 lần so với năm 1991. Hơn 85% số xã trong cả nước đã có điện thoại, hơn 82% số xã có báo đến trong ngày, 61,5% số xã có điểm bưu điện, văn hóa xã.

Hệ thống thủy lợi được nâng cấp và phát triển trên nhiều vùng. Diện tích được tưới nước và tạo nguồn nước tăng thêm 82 vạn héc-ta, tiêu úng tăng 43,4 vạn héc-ta. Nhờ đó mà tăng diện tích, nâng cao năng suất cây trồng và tạo điều kiện hạn chế, phòng ngừa thiên tai, ổn định sản xuất.

Nhiều thành phố, đô thị và nông thôn được đầu tư nâng cấp về kết cấu hạ tầng. Đến năm 2000 đã có 100% số huyện và 80% số xã, phường trên cả nước có điện. Các ngành giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, y tế, văn hóa, du lịch, thể dục thể thao và các ngành khác đều được tăng cường đáng kể về cơ sở vật chất.

*- Kinh tế đối ngoại tiếp tục phát triển.*

Hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu có bước phát triển khá. Tổng kim ngạch xuất khẩu trong 5 năm (1996-2000) đạt hơn 51,6 tỷ USD tăng bình quân trên 21%/năm, gấp 3 lần mức tăng GDP. Khối lượng hàng xuất khẩu chủ lực đều tăng. Cơ cấu hàng xuất khẩu đã có sự thay đổi một bước. Tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu của nhóm hàng nông, lâm, thủy sản tuy vẫn chiếm vị trí quan trọng nhưng có xu hướng giảm dần từ 42,3% (năm 1996) xuống còn 30% (năm 2000). Tỷ trọng của nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp tăng tương ứng từ 29% lên 34,3%; nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản từ 28,7% lên 35,7%. Năm 2000, kim ngạch xuất khẩu đạt hơn 186 USD/người, tuy còn ở mức thấp, nhưng đã thuộc loại các nước có nền ngoại thương phát triển.

Thị trường xuất, nhập khẩu được củng cố và mở rộng thêm. Thị trường châu Á chiếm gần 58% tổng kim ngạch xuất khẩu và trên 80% tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam; riêng thị trường các nước ASEAN tương ứng chiếm trên 18% và 29%.

Tổng kim ngạch nhập khẩu 5 năm khoảng 61 tỷ USD, tăng bình quân hàng năm khoảng 13,3%; tỷ trọng hàng tiêu dùng trong tổng kim ngạch nhập khẩu giảm đáng kể, từ 13% năm 1996 còn 5,2% năm 2000.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tiếp tục tăng. Tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đưa vào thực hiện (không kể phần góp vốn trong nước) trong 5 năm 1996-2000 đạt 10 tỷ USD (theo giá 1995) gấp 1,5 lần so với 5 năm trước. Tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cấp mới và bổ sung đạt 24,6 tỷ USD tăng so với thời kỳ trước 34%. Cơ cấu thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ngày càng phù hợp với yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế của nước ta. Tỷ lệ vốn FDI thu hút vào lĩnh vực sản xuất vật chất, kết cấu hạ tầng kinh tế tăng từ 62% năm 1995 lên 85% năm 2000.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài từ các nước ASEAN, liên minh châu Âu (EU) tăng hơn 5 năm trước (tỷ lệ vốn đăng ký của các dự án từ EU bình quân chiếm 23,2% thời kỳ 1991-1995, tăng lên 25,8% thời kỳ 1996-2000. Tỷ lệ vốn đăng ký các dự án các nước ASEAN đã tăng tương ứng từ 17,3% lên 29,8%).

Riêng các nước thuộc EU, Mỹ, Nhật Bản chiếm 44% tổng vốn đăng ký tại Việt Nam.

Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã tạo ra 34% giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp, chiếm 23% kim ngạch xuất khẩu (chưa kể dầu khí) và đóng góp hơn 12% GDP của cả nước. Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã thu hút hơn 35 vạn lao động trực tiếp và hàng chục vạn lao động gián tiếp làm việc trong các ngành xây dựng, thương mại, dịch vụ liên quan; góp phần quan trọng vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao trình độ công nghệ, trình độ quản lý và mở rộng thị trường.

Nhiều doanh nghiệp Việt Nam đã từng bước mở rộng đầu tư ra nước ngoài. Đến nay đã có hơn 40 dự án đầu tư vào 12 nước và vùng lãnh thổ, chủ yếu trong các ngành xây dựng, chế biến thực phẩm, thương mại, dịch vụ... Mặc dù quy mô còn nhỏ, nhưng qua hoạt động đầu tư ra nước ngoài, các doanh nghiệp Việt Nam có điều kiện nâng cao hiệu quả, đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ và lao động ra nước ngoài.

Nhờ vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) tiếp tục tăng đã góp phần quan trọng phát triển kết cấu hạ tầng. Hàng năm nguồn vốn ODA cam kết tăng đáng kể, việc giải ngân ngày càng được cải thiện. Tính chung trong 5 năm, nguồn vốn ODA đưa vào thực hiện khoảng 6,1 tỷ USD, tập trung hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng như điện, đường giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước; phát triển nông nghiệp và nông thôn, xóa đói, giảm nghèo, phát triển y tế, giáo dục và đào tạo; tăng cường năng lực và thể chế trong các lĩnh vực cải cách hành chính, luật pháp, quản lý kinh tế, hỗ trợ một số lĩnh vực sản xuất như chế biến thủy sản, nông sản. Nhiều dự án đầu tư bằng vốn ODA đã được đưa vào sử dụng, góp phần tăng trưởng kinh tế và cải thiện đời sống nhân dân.

*- Sự nghiệp giáo dục và đào tạo có bước phát triển mới cả về quy mô, chất lượng, hình thức đào tạo và cơ sở vật chất.*

Quy mô giáo dục và đào tạo tiếp tục tăng ở tất cả các bậc học, ngành học, đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng lớn của nhân dân. Năm học 1999-2000 so với năm học 1994-1995, quy mô học sinh mẫu giáo gấp 1,2 lần, học sinh trung học cơ sở gấp 1,6 lần, học sinh trung học phổ thông gấp 2,3 lần, đào tạo đại học gấp 3 lần, đào tạo nghề gấp 1,8 lần. Đến hết năm 2000 có 100% tỉnh, thành phố đạt tiêu chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ, một số tỉnh, thành phố đã bắt đầu thực hiện chương trình phổ cập trung học cơ sở.

Phong trào học tập văn hóa, khoa học kỹ thuật, nghiệp vụ quản lý, ngoại ngữ... phát triển nhanh. Năm 2000 ở Việt Nam số sinh viên trên 1 vạn dân đạt 117 người, số năm đi học trung bình của dân cư là 7,3 năm.

Cơ sở vật chất - kỹ thuật các trường được nâng cấp, cải thiện. Mạng lưới trường phổ thông đã được sắp xếp tương đối ổn định. Hầu hết các xã đã có trường tiểu học, phần lớn các xã ở vùng đồng bằng có trường trung học cơ sở. Các trường ngoài công lập đã hình thành và bắt đầu phát triển mạnh. Hệ thống các trường dân tộc nội trú tỉnh, huyện được củng cố và mở rộng.

Hệ thống các trường đại học, cao đẳng, các trường chuyên nghiệp từng bước được tổ chức, sắp xếp lại. Mạng lưới các trường đào tạo nghề phát triển rộng khắp.

Chất lượng giáo dục và đào tạo có những chuyển biến. Đa số học sinh, sinh viên có năng lực tiếp thu nhanh các kiến thức, nhất là về khoa học tự nhiên, kỹ thuật, ngoại ngữ và tin học. Đội ngũ giáo viên phổ thông đạt tiêu chuẩn tăng lên. Hệ thống đào tạo, bồi dưỡng giáo viên được cải tiến, hàng năm trên 80% giáo viên được đào tạo nâng cao và chuẩn hóa. Việc xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo bước đầu được triển khai.

*- Khoa học và công nghệ có bước chuyển biến tích cực.*

Khoa học xã hội và nhân văn bước đầu đã cung cấp được các luận cứ khoa học phục vụ yêu cầu hoạch định chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội và đổi mới các cơ chế chính sách.

Khoa học tự nhiên và công nghệ tập trung triển khai nghiên cứu nhiều đề tài cấp Nhà nước và cấp bộ, tỉnh, thành phố. Nhiều kết quả nghiên cứu được ứng dụng trong sản xuất, kinh doanh và trong đời sống xã hội. Trong một số ngành sản xuất, xây dựng, dịch vụ trình độ công nghệ đã được nâng lên và đổi mới đáng kể.

Trong công nghiệp và xây dựng đã được cải tiến, hoàn thiện một số dây chuyền sản xuất, xây dựng; khai thác và sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước; lựa chọn và khai thác các công nghệ nhập khẩu như: công nghệ tự động hóa thiết kế, công nghệ đóng tàu, công nghệ xử lý nền móng công trình trong điều kiện địa hình phức tạp xây nhà cao tầng, công nghệ gia công cơ khí độ chính xác cao.

Trong nông nghiệp, đã ứng dụng một số thành tựu của công nghệ sinh học; đưa một số giống mới vào sản xuất đại trà trên cơ sở áp dụng các kết quả nghiên cứu, tuyển chọn, lai tạo giống cây trồng, vật nuôi bằng công nghệ mới và công nghệ cao.

Cơ sở vật chất kỹ thuật của các viện nghiên cứu, các trung tâm khoa học và công nghệ được tăng cường một bước, có nhiều cải thiện, góp phần nâng cao chất lượng nghiên cứu. Đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ được chú trọng đào tạo chuyên sâu và đồng bộ, nâng cao trình độ chuyên môn, có khả năng tiếp thu và làm chủ một số công nghệ hiện đại.

*Trong hoàn cảnh kinh tế có nhiều khó khăn, các lĩnh vực văn hóa, xã hội đã có bước phát triển khá, thể hiện sự nỗ lực rất lớn của toàn Đảng, toàn dân.*

Đã giải quyết có kết quả vấn đề việc làm cho người lao động. Chính phủ ban hành nhiều cơ chế, chính sách thúc đẩy đầu tư phát triển, mở rộng sản xuất, dịch vụ, đa dạng hóa ngành nghề khuyến khích các thành phần kinh tế bỏ vốn đầu tư, thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đã tạo thêm nhiều chỗ làm mới và tăng thêm việc làm cho người lao động.

Mạng lưới các trung tâm xúc tiến việc làm, trung tâm dạy nghề, hướng nghiệp của các ngành, các cấp, các doanh nghiệp và các đoàn thể quần chúng đã góp phần tích cực trong việc tạo cơ hội để người lao động có thể tiếp cận việc làm hoặc tự tạo việc làm, kết hợp với sự hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng.

Trong 5 năm từ 1996-2000 đã có hơn 6,1 triệu lao động được thu hút vào làm việc và tạo thêm việc làm trong các ngành kinh tế, xã hội, bình quân mỗi năm thu hút khoảng hơn 1,2 triệu người, trong đó khu vực kinh tế tư nhân, kinh tế hợp tác đã góp phần đáng kể, tạo ra nhiều chỗ làm việc mới.

Công tác xóa đói, giảm nghèo được triển khai mạnh mẽ ở hầu hết các tỉnh, nhất là ở các vùng nghèo, xã nghèo, đã thu hút được nhiều nguồn lực hỗ trợ và đạt được kết quả khá.

Sau khi có chủ trương xóa đói, giảm nghèo (năm 1992), Nhà nước đã đầu tư thông qua các chương trình quốc gia có liên quan đến mục tiêu xóa đói, giảm nghèo khoảng trên 21 nghìn tỷ đồng. Trong 2 năm gần đây, bên cạnh việc tăng cường đầu tư cho các địa bàn khó khăn, Nhà nước đã dành riêng cho phần xây dựng kết cấu hạ tầng thuộc chương trình xóa đói, giảm nghèo khoảng 2.000 tỷ đồng.

Các cấp, các ngành, các đoàn thể và tổ chức xã hội đã tiến hành nhiều công việc cụ thể giúp các hộ nghèo đối bớt khó khăn, từng bước tự vươn lên, ổn định cuộc sống. Tỷ lệ hộ đói nghèo trên tổng số hộ trong cả nước từ 20% năm 1995 giảm xuống còn 10% năm 2000; đạt được mục tiêu đề ra và

Việt Nam được cộng đồng quốc tế đánh giá là một trong những quốc gia giảm tỷ lệ đói nghèo tốt nhất.

Nhờ tích cực xóa đói, giảm nghèo mà đời sống dân cư nhiều vùng được cải thiện rõ rệt. Mức tiêu dùng bình quân đầu người tính theo giá hiện hành tăng từ 2,6 triệu đồng năm 1995 lên 4,3 triệu đồng năm 2000.

Công tác văn hóa, thông tin có nhiều đóng góp tích cực trong việc động viên toàn dân tham gia vào công cuộc phát triển kinh tế xã hội. Các cơ quan và phương tiện thông tin đại chúng đã tích cực tuyên truyền đường lối đổi mới của Đảng, động viên và cổ vũ các nhân tố tích cực đấu tranh chống các mặt tiêu cực và các tệ nạn xã hội, khơi dậy và phát huy truyền thống nhân ái, giúp đỡ lẫn nhau trong những khi hoạn nạn, thiên tai.

Chương trình đưa văn hóa về cơ sở, mở rộng diện tích phủ sóng phát thanh và truyền hình đưa đến những vùng cao, biên giới và hải đảo được thực hiện có kết quả khá. Đến hết năm 2000, sóng truyền hình đã phủ trên 85%, sóng phát thanh đã phủ 95% diện tích cả nước và đưa đến nhiều nơi trên thế giới.

Nhiều cơ chế quản lý văn hóa, thông tin đã được đổi mới theo hướng xã hội hóa, huy động được thêm nhiều nguồn lực cho các hoạt động này.

Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình và bảo vệ chăm sóc trẻ em, đạt được kết quả tích cực. Tỷ lệ sinh bình quân mỗi năm giảm 0,78% (chỉ tiêu là 0,6%). Tỷ lệ tăng dân số năm 1995 là 1,7%, năm 2000 là 1,4%, vượt mục tiêu đề ra. Cơ sở vật chất phục vụ cho công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình được tăng cường đáng kể; bình quân mỗi huyện đã có 2 trung tâm liên xã làm dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, bảo đảm 100% tuyến tỉnh, huyện và 70% tuyến xã có trang thiết bị phù hợp. Với các tiến bộ trên, năm 1999 Việt Nam đã được Liên hợp quốc tặng giải thưởng về công tác dân số.

Cả nước đã tạo ra được phong trào chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em, thực hiện các mục tiêu của chương trình hoạt động về trẻ em; 51% quận, huyện có điểm văn hóa, vui chơi cho trẻ em, 70% trẻ em mồ côi không nơi nương tựa được chăm sóc.

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ, đặc biệt là trong lĩnh vực y tế dự phòng. Các chỉ số sức khỏe cộng đồng được nâng lên. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm từ 38% năm 1995 xuống 33% năm 2000. Tỷ lệ tử vong của trẻ em dưới 5 tuổi giảm từ 81% xuống còn 42%, các bệnh bại liệt, bệnh thiếu vitamin A, bệnh uốn ván sơ sinh cơ bản được thanh toán vào năm 2000. Các bệnh sốt rét, bấu cổ năm 2000 đã giảm gần 60% so với năm 1995.

Nhiều bệnh viện được nâng cấp, cải tạo hoặc xây dựng mới, đa số các xã đã có trạm y tế. Ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh đã hình thành bước đầu trung tâm y tế chuyên sâu. Trang thiết bị được nâng cấp ở các tuyến. Nhiều cơ sở khám, chữa bệnh tư nhân được phát triển. Các chính sách về bảo hiểm y tế và chế độ thu một phần viện phí đã góp phần khắc phục những khó khăn của ngành. Nhiều nơi triển khai tốt chính sách khám, chữa bệnh cho người nghèo, gia đình có công với nước, với dân.

Các hoạt động về xã hội, chăm sóc người có công, đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn... được mở rộng, thu hút sự tham gia rộng rãi của các tầng lớp nhân dân và các cơ quan, đoàn thể.

Mặc dù điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn và ngay trong những năm nhịp độ tăng trưởng kinh tế bị giảm sút, nhưng chúng ta đã thực hiện mạnh mẽ các chính sách bảo hiểm xã hội (nâng lương tối thiểu, tăng phụ cấp hưu trí, người có công...), mức sống của cán bộ, công chức, người về hưu, gia đình có công với cách mạng đã được nâng lên một bước.

Hiện nay đã có 100% Bà mẹ Việt Nam Anh hùng được các đơn vị, tổ chức nhận phụng dưỡng đến cuối đời, hàng chục vạn thân nhân của liệt sĩ được đỡ đầu. Phong trào xây dựng nhà tình nghĩa, lập sổ tiết kiệm tặng cho các gia đình chính sách có khó khăn phát triển rộng khắp; xây dựng và đưa vào sử dụng 8 khu nuôi dưỡng thương binh nặng, 6 trung tâm chính hình và phục hồi chức năng.

Các nghĩa trang lớn như Hàng Dương (Côn Đảo), Trường Sơn, Đường 9 (Quảng Trị) Điện Biên Phủ (Lai Châu), Việt Lào (Nghệ An), Bến Dược (thành phố Hồ Chí Minh) và các nghĩa trang của tỉnh, thành phố khác đã được xây dựng và nâng cấp khang trang. Việc tìm kiếm hài cốt các liệt sĩ đã được quan tâm và có nhiều kết quả, đáp ứng tình cảm thiêng liêng của nhân dân đối với những người đã quên mình hy sinh cho Tổ quốc.

Quý đền ơn đáp nghĩa, quỹ từ thiện đã được thành lập, huy động được sự đóng góp chung của cộng đồng. Những hoạt động từ thiện giúp đỡ người tàn tật, các nạn nhân chiến tranh, người già không nơi nương tựa, trẻ em mồ côi lang thang, cơ nhỡ đã đem lại nhiều kết quả thiết thực. Việc cứu trợ đồng bào bị thiên tai đã được quan tâm và thực hiện kịp thời, có hiệu quả, thể hiện truyền thống tốt đẹp tương thân, tương ái trong cơn hoạn nạn của dân tộc ta.

Phong trào thể dục, thể thao phát triển rộng rãi ở các địa phương, trong các trường học, lực lượng vũ trang và doanh nghiệp, cơ quan... Các hoạt động thể thao thành tích cao đã có bước tiến bộ trong việc xây dựng, bồi

đường đội ngũ vận động viên và phát triển những bộ môn mới để nâng cao thành tích thi đấu trong nước và quốc tế, bước đầu thu được những kết quả tốt.

*- Cơ chế quản lý kinh tế đang được đồng bộ hóa và hoàn thiện bước đầu.*

Trong 5 năm (1996-2000) nhiều đạo luật về kinh tế, xã hội được ban hành đã thể chế, cụ thể hóa đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, hình thành về cơ bản khuôn khổ pháp lý cho nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần trong cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Cơ chế quản lý kinh tế, hệ thống luật pháp, cơ chế chính sách được đồng bộ hóa và hoàn thiện dần, đang phát huy tích cực trong quản lý kinh tế và trong đời sống xã hội.

Quá trình triển khai thực hiện các luật, pháp lệnh, các chỉ thị, nghị quyết... đã kịp thời điều chỉnh, bổ sung những nội dung mới phù hợp với tiến trình phát triển, tạo ra môi trường vĩ mô thuận lợi để thu hút các nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế, xã hội.

Thị trường hàng hóa, dịch vụ; thị trường vốn, tiền tệ; thị trường bất động sản... đang được hình thành với những cơ chế chính sách quản lý phù hợp đã tạo thêm động lực cho sự phát triển, khơi dậy tính năng động của nền kinh tế.

*- Quốc phòng và an ninh được giữ vững.*

Cùng với sự phát triển của kinh tế, xã hội, tiềm lực quốc phòng và an ninh của đất nước đã được tăng cường, đáp ứng tốt hơn các nhu cầu thiết yếu trong lĩnh vực bảo đảm kỹ thuật, giữ gìn, bảo quản và từng bước cải tiến vũ khí, trang thiết bị hiện có; cải thiện đáng kể đời sống bộ đội, công an; đáp ứng ngày càng tốt hơn các nhu cầu về doanh trại, cấp điện, cấp nước và các nhu cầu về đời sống tinh thần.

Các tuyến phòng thủ biên giới, các địa bàn trọng điểm về kinh tế, an ninh quốc phòng, đặc biệt là vùng biển, hải đảo được tăng cường. Việc kết hợp giữa phát triển kinh tế, xã hội với quốc phòng và an ninh được chú trọng hơn trong công tác quy hoạch và kế hoạch. Thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân ngày càng được củng cố, phát triển; trật tự an toàn xã hội được bảo đảm.

Như vậy, trong 5 năm qua Đảng ta đã chỉ đạo tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tập trung thực hiện những nhiệm vụ được đề ra từ Đại hội VIII là: tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững, đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh, cải thiện đời sống nhân dân, nâng cao



tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn vào đầu thế kỷ XXI. Quá trình đó bên cạnh những thuận lợi, toàn Đảng, toàn dân ta phải vượt qua nhiều khó khăn: những yếu kém vốn có của nền kinh tế, những thiên tai liên tiếp, cuộc khủng hoảng tài chính kinh tế ở một số nước châu Á, tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp... nhưng nhân dân ta đã tập trung sức thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII, đạt được những thành tựu quan trọng:

Kinh tế tăng trưởng khá.

Văn hóa, xã hội có những tiến bộ; đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện.

Tình hình chính trị - xã hội cơ bản ổn định; quốc phòng và an ninh được tăng cường.

Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được chú trọng, hệ thống chính trị được củng cố.

- Quan hệ đối ngoại không ngừng được mở rộng, hội nhập kinh tế quốc tế được tiến hành chủ động và đạt nhiều kết quả tốt.

Những thành tựu trong 5 năm tiếp tục đổi mới (1996-2000) đã tăng cường sức mạnh tổng hợp, làm thay đổi bộ mặt của đất nước và cuộc sống của nhân dân, củng cố vững chắc độc lập dân tộc và chế độ xã hội chủ nghĩa, nâng cao vị thế và uy tín của nước ta trên trường quốc tế.

*Đạt được những thành tựu nói trên là do Đảng ta có bản lĩnh chính trị vững vàng và đường lối lãnh đạo đúng đắn; Nhà nước có cố gắng lớn trong việc điều hành, quản lý; toàn dân và toàn quân phát huy lòng yêu nước và tinh thần dũng cảm, đoàn kết nhất trí, cần cù, năng động, sáng tạo, tiếp tục thực hiện đổi mới, ra sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.*

Tuy vậy, việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII có những yếu kém, khuyết điểm:

*Thứ nhất, nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp. Nhịp độ tăng trưởng kinh tế 5 năm qua chậm dần, năm 2000 đã tăng trở lại nhưng vẫn chưa đạt mức tăng trưởng cao như những năm giữa thập niên 90. Nhịp độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) và GDP đầu người, nhịp độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp, dịch vụ, kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu... không đạt chỉ tiêu do Đại hội VIII đề ra. Nhìn chung, năng suất lao động thấp, chất lượng sản phẩm chưa tốt, giá thành cao. Nhiều sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp, thủ công nghiệp thiếu thị trường tiêu thụ cả ở trong nước và nước ngoài, một phần do sức cạnh tranh*

yếu. Rừng và tài nguyên khác bị xâm hại nghiêm trọng, nạn buôn lậu, làm hàng giả, gian lận thương mại tác động xấu đến tình hình kinh tế - xã hội. Hệ thống tài chính ngân hàng còn yếu kém và thiếu lành mạnh. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, cơ cấu đầu tư chưa hợp lý; đầu tư còn phân tán, lãng phí và thất thoát nhiều. Nhịp độ thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài giảm, công tác quản lý, điều hành lĩnh vực này còn nhiều vướng mắc và thiếu sót. Quan hệ sản xuất trên một số mặt chưa phù hợp. Kinh tế nhà nước chưa được củng cố tương xứng với vai trò chủ đạo, chưa có chuyển biến đáng kể trong việc sắp xếp, đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước. Kinh tế tập thể chưa mạnh.

*Thứ hai, một số vấn đề văn hóa - xã hội bức xúc và gay gắt chậm được giải quyết.* Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị và thiếu việc làm ở nông thôn còn ở mức cao, đang là một trong những vấn đề nổi cộm nhất của xã hội. Chất lượng giáo dục và đào tạo thấp so với yêu cầu. Mục tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp dạy và học, sách giáo khoa, thi cử, cơ cấu đào tạo, trình độ quản lý có nhiều thiếu sót, trong giáo dục và đào tạo có những hiện tượng tiêu cực đáng lo ngại. Đào tạo chưa gắn với sử dụng, gây lãng phí. Chi phí học tập cao so với khả năng thu nhập của dân, nhất là của người nghèo. Giáo dục và đào tạo ở miền núi, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn. Các hoạt động khoa học và công nghệ chưa đáp ứng tốt yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Môi trường đô thị, nơi công nghiệp tập trung và một số vùng nông thôn bị ô nhiễm ngày càng nặng. Công tác quản lý báo chí, văn hóa, xuất bản nhiều mặt buông lỏng, để nảy sinh những khuynh hướng không lành mạnh. Một số giá trị văn hóa và đạo đức xã hội suy giảm. Mê tín, hủ tục phát triển. Cơ sở vật chất của ngành y tế còn thiếu thốn và lạc hậu, nhất là ở tuyến huyện và xã. Việc khám và chữa bệnh cho nhân dân, nhất là cho đồng bào nghèo còn phiền hà và tiêu cực.

Mức sống nhân dân, nhất là nông dân ở một số vùng quá thấp. Chính sách tiền lương và phân phối trong xã hội còn nhiều bất hợp lý. Sự phân hóa giàu nghèo giữa các vùng, giữa thành thị và nông thôn, giữa các tầng lớp dân cư tăng nhanh chóng. Tình trạng khiếu kiện của nhân dân ở nhiều nơi kéo dài và phức tạp, chưa được các cấp, các ngành giải quyết kịp thời.

Tai nạn giao thông xảy ra ở mức nghiêm trọng. Các tệ nạn xã hội, nhất là nạn ma túy và mại dâm lan rộng. Số người nhiễm HIV và mắc bệnh AIDS tăng. Trật tự an toàn xã hội chưa được bảo đảm vững chắc.

*Thứ ba, cơ chế chính sách không đồng bộ và chưa tạo động lực mạnh để phát triển.* Một số cơ chế, chính sách còn thiếu, chưa nhất quán, chưa sát với cuộc sống, thiếu tính khả thi. Nhiều cấp, nhiều ngành chưa thay thế, sửa đổi

những quy định về quản lý nhà nước không còn phù hợp; chưa bổ sung những cơ chế, chính sách mới có tác dụng giải phóng mạnh mẽ lực lượng sản xuất, khai thác nhiều hơn nữa các nguồn lực dồi dào trong các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp, các vùng và toàn xã hội. Có những chính sách đang bị biến dạng qua nhiều tầng nấc hành chính quan liêu. Việc ban hành các văn bản pháp quy hướng dẫn thi hành luật rất chậm.

*Thứ tư, tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng.* Nạn tham nhũng kéo dài trong bộ máy của hệ thống chính trị và trong nhiều tổ chức kinh tế là một nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của chế độ ta. Tình trạng lãng phí, quan liêu còn khá phổ biến.

Sở dĩ còn những yếu kém, khuyết điểm trên là do những nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chính:

*Một là,* việc tổ chức thực hiện nghị quyết, chủ trương chính sách của Đảng chưa tốt; kỷ luật, kỷ cương chưa nghiêm. Tình trạng tùy tiện, thiếu ý thức tổ chức, kỷ luật và tinh thần trách nhiệm, không chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật, chính sách của Nhà nước, báo cáo không trung thực, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, làm cho một số nghị quyết của Đảng khó vào cuộc sống. Công tác chỉ đạo, điều hành ở các cấp, các ngành còn nhiều bất cập, thiếu kiểm tra, đôn đốc và chưa có sự phối hợp chặt chẽ, hiệu lực và hiệu quả chưa cao. Nhiều nhiệm vụ công tác lớn đã được đề ra nhưng thực hiện không đến nơi đến chốn hoặc chỉ nói mà không làm. Nhiều cán bộ, đảng viên, công chức vi phạm pháp luật và Điều lệ Đảng chưa được xử lý thật kiên quyết.

*Hai là,* một số quan điểm, chủ trương chưa rõ, chưa có nhận thức thống nhất và chưa được thông suốt ở các cấp, các ngành. Trong cán bộ, đảng viên có những cách hiểu và cách làm không thống nhất về những vấn đề như: xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, chính sách về đất đai, kinh tế trang trại, nội dung và bước đi công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

*Ba là,* cải cách hành chính tiến hành chậm, thiếu kiên quyết, hiệu quả thấp. Tổ chức bộ máy nhà nước cồng kềnh, trùng lặp chức năng với nhiều tầng nấc trung gian và những thủ tục hành chính phiền hà, không ít trường hợp trên và dưới, trung ương và địa phương hành động không thống nhất, gây khó khăn cho phát triển kinh tế xã hội và làm giảm động lực phát

triển. Một số người và cơ quan do lợi ích cá nhân, cục bộ không muốn đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tổ chức bộ máy nhà nước. Không ít cán bộ, công chức vừa kém về đạo đức, phẩm chất vừa yếu về năng lực, trình độ chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ.

*Bốn là*, công tác tư tưởng, công tác lý luận, công tác tổ chức, cán bộ có nhiều yếu kém, bất cập. Công tác tư tưởng thiếu sắc bén, tính chiến đấu không cao, phương pháp tiến hành chưa linh hoạt, chưa tạo được nhận thức đúng và sự nhất trí cao đối với đường lối, quan điểm của Đảng; chưa thường xuyên làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, chưa phê phán mạnh và đấu tranh kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, những quan điểm mơ hồ, sai trái, khuynh hướng "thương mại hóa", lai căng, chạy theo thị hiếu tầm thường trên báo chí, phát thanh, truyền hình, trong văn hóa, văn nghệ, xuất bản. Công tác tư tưởng chưa gắn với công tác tổ chức, xây dựng cơ chế, chính sách. Nhiều tổ chức đảng chưa thật sự lãnh đạo công tác tư tưởng.

Công tác lý luận chưa theo kịp sự phát triển của thực tiễn và yêu cầu của cách mạng, chưa làm sáng tỏ nhiều vấn đề quan trọng trong công cuộc đổi mới để phục vụ việc hoạch định chiến lược, chủ trương, chính sách của Đảng, tăng cường sự nhất trí về chính trị, tư tưởng trong xã hội.

Công tác tổ chức, cán bộ chậm đổi mới, chưa đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý, điều hành của Nhà nước trong thời kỳ mới. Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, nhất là bộ máy hành chính nhà nước, có quá nhiều đầu mối, trách nhiệm tập thể và cá nhân không rõ ràng, chất lượng hoạt động và hiệu quả thấp. Chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của nhiều cơ quan còn chồng chéo; cơ chế vận hành và nhiều mối quan hệ còn bất hợp lý. Tổ chức cơ sở đảng ở nhiều nơi quá yếu, kém sức chiến đấu. Việc tuyển chọn, đào tạo, sắp xếp, sử dụng và đánh giá cán bộ còn nhiều thiếu sót, có khi dựa vào một số quan niệm cũ, định kiến và theo cảm tính, cách làm thiếu quy hoạch, không sâu sát, không theo đúng quy trình, chưa dân chủ lắng nghe ý kiến của nhân dân và tập thể. Công tác quản lý cán bộ, đảng viên thiếu chặt chẽ. Chưa tích cực phát hiện, đào tạo và bồi dưỡng những cán bộ có đức, có tài.

Sau 15 năm đổi mới toàn diện đất nước (1986-2000) đã cho chúng ta nhiều kinh nghiệm quý báu. Những bài học đổi mới được các Đại hội VI, VII và VIII của Đảng nêu lên đến nay vẫn còn có giá trị lớn, nhất là những bài học chủ yếu sau:

Một là, trong quá trình đổi mới phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hai là, đổi mới phải dựa vào nhân dân, vì lợi ích của nhân dân, phù hợp với thực tiễn, luôn luôn sáng tạo.

Ba là, đổi mới phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Bốn là, đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới.

## **II. PHÁT HUY SỨC MẠNH TOÀN DÂN TỘC, TIẾP TỤC ĐỔI MỚI, ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA, XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (2001-2005)**

Dựa trên những thành tựu quan trọng đạt được trong 5 năm (1996-2000) bước vào thế kỷ XXI, Đảng chủ trương phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (4-2001) đã nhận định Việt Nam trong thế kỷ XX và triển vọng trong thế kỷ XXI, đánh giá tình hình đất nước sau 15 năm đổi mới, chỉ rõ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Từ đó, định ra đường lối và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

*Về nội dung đường lối kinh tế của Đảng là:* Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp; ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất, đồng thời xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp theo định hướng xã hội chủ nghĩa; phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững; tăng trưởng kinh tế đi liền với phát triển văn hóa, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng - an ninh.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001-2010 nhằm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nguồn lực con người, năng

lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng - an ninh được tăng cường, thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản; vị thế của đất nước trên trường quốc tế được nâng cao.

Năm 2010, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng ít nhất gấp đôi so với năm 2000, chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp xuống còn khoảng 50%.

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2001-2005) là bước rất quan trọng trong việc thực hiện chiến lược 10 năm 2001-2010 nhằm: Tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững; ổn định và cải thiện đời sống nhân dân. Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nâng cao rõ rệt hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Mở rộng kinh tế đối ngoại. Tạo chuyển biến mạnh về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, phát huy nhân tố con người. Tạo nhiều việc làm; cơ bản xóa đói giảm số hộ nghèo; đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Tiếp tục tăng cường kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội; hình thành một bước quan trọng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia.

Trong 5 năm 2001-2005, để phấn đấu đạt nhiệm vụ tăng tổng sản phẩm trong nước bình quân 7,5%, cần tập trung làm tốt những vấn đề sau:

*Một là, phát triển kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ trung tâm.*

Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta cần và có thể rút ngắn thời gian, vừa có những bước tuần tự, vừa có bước nhảy vọt. Phát huy những lợi thế của đất nước, tận dụng mọi khả năng để đạt trình độ công nghệ tiên tiến, đặc biệt là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học, tranh thủ ứng dụng ngày càng nhiều hơn, ở mức cao hơn và phổ biến hơn những thành tựu mới về khoa học và công nghệ, từng bước phát triển kinh tế tri thức. Phát huy nguồn lực trí tuệ và sức mạnh tinh thần của người Việt Nam; coi phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là nền tảng và động lực của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước phải bảo đảm xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, trước hết là độc lập tự chủ về đường lối, chính sách và có tiềm lực kinh tế đủ mạnh; cơ cấu kinh tế hợp lý, có sức cạnh tranh, có mức tích lũy ngày càng cao từ nội bộ nền kinh tế; kết cấu hạ tầng ngày càng hiện đại và có một số ngành công nghiệp nặng then chốt; có năng lực nội sinh về

khoa học và công nghệ, giữ vững ổn định kinh tế - tài chính vĩ mô, bảo đảm an ninh lương thực, an toàn năng lượng, môi trường, tài chính... Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ đi đôi với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế; kết hợp nội lực với ngoại lực thành nguồn lực tổng hợp để phát triển đất nước.

Đẩy mạnh phát triển kinh tế với tốc độ nhanh, có hiệu quả và bền vững, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Các hoạt động kinh tế được đánh giá bằng hiệu quả tổng hợp về kinh tế, tài chính, môi trường, xã hội, quốc phòng và an ninh. Trước mắt, tập trung nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhà nước, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sử dụng vốn. Thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư dựa trên cơ sở phát huy các thế mạnh và lợi thế so sánh của đất nước; tăng sức cạnh tranh, gắn với nhu cầu thị trường trong nước và ngoài nước, nhu cầu đời sống nhân dân và quốc phòng an ninh. Tạo thêm sức mua của thị trường trong nước và mở rộng thị trường ngoài nước, đẩy mạnh xuất khẩu.

Tăng cường sự chỉ đạo và huy động các nguồn lực cần thiết để đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn. Tiếp tục phát triển và đưa nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp lên một trình độ mới bằng ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ sinh học; đẩy mạnh thủy lợi hóa, cơ giới hóa, điện khí hóa, quy hoạch và sử dụng đất hợp lý; đổi mới cơ cấu vật nuôi, cây trồng, tăng giá trị thu được trên một đơn vị diện tích, giải quyết tốt vấn đề tiêu thụ nông sản hàng hóa. Tiếp tục đầu tư nhiều hơn cho phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội ở nông thôn. Phát triển công nghiệp, dịch vụ, các ngành nghề đa dạng, chú trọng công nghiệp chế biến, cơ khí phục vụ nông nghiệp, các làng nghề, chuyển một phần quan trọng lao động nông nghiệp sang khu vực công nghiệp và dịch vụ, tạo nhiều việc làm mới, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cải thiện đời sống nông dân và dân cư ở nông thôn.

Vừa phát triển các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động, vừa đi nhanh vào một số ngành, lĩnh vực có công nghệ hiện đại, công nghệ cao. Phát triển mạnh công nghiệp chế biến nông sản, thủy sản, may mặc, da, giày, một số sản phẩm cơ khí, điện tử, công nghiệp phần mềm. Xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng quan trọng sản xuất tư liệu sản xuất cần thiết để trang bị cho các ngành kinh tế và quốc phòng. Khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên dầu khí, khoáng sản, vật liệu xây dựng. Chú trọng phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ; xây dựng một số tập đoàn doanh nghiệp lớn đi đầu trong cạnh tranh và hiện đại hóa.

Đẩy mạnh phát triển và nâng cao chất lượng các ngành dịch vụ: thương mại, kể cả thương mại điện tử, các loại hình vận tải, bưu chính - viễn thông, du lịch, tài chính, ngân hàng, kiểm toán, bảo hiểm, chuyển giao công nghệ, tư vấn pháp lý, thông tin thị trường... Sớm phổ cập sử dụng tin học và mạng thông tin quốc tế (Internet) trong nền kinh tế và đời sống xã hội.

Xây dựng đồng bộ và từng bước hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, điện lực, thông tin, thủy lợi, cấp nước, thoát nước...

Phát triển mạng lưới đô thị phân bố hợp lý trên các vùng. Dần dần hiện đại các thành phố lớn, thúc đẩy quá trình đô thị hóa nông thôn. Không tập trung quá nhiều cơ sở công nghiệp và dân cư vào các đô thị lớn. Khắc phục tình trạng ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường. Tăng cường công tác quy hoạch và quản lý đô thị.

Đối với chiến lược phát triển các vùng, phát huy vai trò của các vùng kinh tế trọng điểm có mức tăng trưởng cao, tích lũy lớn; đồng thời tạo điều kiện phát triển các vùng khác trên cơ sở phát huy thế mạnh của từng vùng, liên kết với vùng trọng điểm tạo mức tăng trưởng khá. Quan tâm phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường quốc phòng an ninh ở các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo, chú trọng các vùng Tây Nguyên, Tây Bắc, Tây Nam. Có chính sách hỗ trợ nhiều hơn cho các vùng khó khăn để phát triển kết cấu hạ tầng, nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, xóa đói, giảm nghèo, đưa các vùng này vượt qua tình trạng kém phát triển. Xây dựng chiến lược phát triển cho các vùng biên giới.

Phát triển mạnh và phát huy vai trò chiến lược của kinh tế biển kết hợp với bảo vệ vùng biển; mở rộng nuôi trồng và đánh bắt, chế biến hải sản, tiến ra biển xa, khai thác và chế biến dầu khí; phát triển công nghiệp đóng tàu và vận tải biển, du lịch, dịch vụ, phát triển các vùng dân cư trên biển, giữ vững an ninh vùng biển. Từng bước hiện đại hóa công tác nghiên cứu dự báo khí tượng - thủy văn và vật lý địa cầu; có kế hoạch và biện pháp tích cực chủ động phòng chống thiên tai, tìm kiếm, cứu nạn.

Sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ và cải thiện môi trường tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học, coi đây là một nội dung quan trọng của chiến lược quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển kinh tế xã hội. Tăng cường công tác quản lý ở tất cả các lĩnh vực, các vùng; thực hiện nghiêm Luật bảo vệ môi trường.

*Hai là, phát triển nền kinh tế nhiều thành phần.*

Tiếp tục thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần. Các thành phần kinh tế kinh doanh theo pháp luật đều là bộ



phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh; trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng phát triển trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

Bằng các hình thức sở hữu cơ bản: sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân, hình thành nhiều thành phần kinh tế với những hình thức tổ chức kinh doanh đa dạng, đan xen, hỗn hợp.

Kinh tế nhà nước phát huy vai trò chủ đạo trong nền kinh tế, là lực lượng vật chất quan trọng và là công cụ để nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Doanh nghiệp nhà nước giữ những vị trí then chốt, đi đầu ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; nêu gương về năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế - xã hội và chấp hành pháp luật.

Phấn đấu trong 5 năm tới, cơ bản hoàn thành việc củng cố, sắp xếp điều chỉnh cơ cấu, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động các doanh nghiệp nhà nước hiện có, đồng thời phát triển thêm doanh nghiệp mà nhà nước đầu tư 100% vốn hoặc có cổ phần chi phối ở một số ngành, lĩnh vực then chốt và địa bàn quan trọng. Xây dựng một số tập đoàn kinh tế mạnh trên cơ sở các tổng công ty nhà nước, có sự tham gia của các thành phần kinh tế. Thực hiện tốt chủ trương cổ phần hóa và đa dạng hóa sở hữu đối với những doanh nghiệp mà nhà nước không cần nắm 100% vốn; giao, bán, khoán, cho thuê những doanh nghiệp loại nhỏ nhà nước không cần nắm giữ; sáp nhập, giải thể, cho phá sản những doanh nghiệp hoạt động không có hiệu quả và không thực hiện được các biện pháp trên. Nhanh chóng cải thiện tình hình tài chính, lao động của các doanh nghiệp nhà nước; củng cố và hiện đại hóa một bước các tổng công ty nhà nước.

Phân biệt quyền của chủ sở hữu và quyền kinh doanh của doanh nghiệp. Thực hiện chế độ quản lý công ty đối với các doanh nghiệp kinh doanh dưới dạng công ty trách nhiệm hữu hạn một chủ sở hữu là nhà nước và công ty cổ phần có vốn nhà nước giao cho hội đồng quản trị doanh nghiệp quyền đại diện trực tiếp chủ sở hữu gắn với quyền tự chủ trong kinh doanh; quy định rõ quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp.

Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách đối với doanh nghiệp nhà nước để tạo động lực phát triển và nâng cao hiệu quả theo hướng: xóa bao cấp, doanh nghiệp cạnh tranh bình đẳng trên thị trường, tự chịu trách nhiệm về sản xuất, kinh doanh; nộp đủ thuế và có lãi. Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong

doanh nghiệp. Có cơ chế phù hợp về kiểm tra, kiểm soát, thanh tra của Nhà nước đối với doanh nghiệp.

Đối với kinh tế tập thể: Phát triển với nhiều hình thức hợp tác đa dạng, trong đó hợp tác xã là nòng cốt. Các hợp tác xã dựa trên sở hữu của các thành viên và sở hữu tập thể, liên kết rộng rãi những người lao động, các hộ sản xuất, kinh doanh, các doanh nghiệp nhỏ và vừa, không giới hạn quy mô lĩnh vực và địa bàn. Phát triển hợp tác xã kinh doanh tổng hợp đa ngành hoặc chuyên ngành. Nhà nước giúp hợp tác xã đào tạo cán bộ, ứng dụng khoa học công nghệ, nắm bắt thông tin, mở rộng thị trường, xây dựng các quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã, giải quyết nợ tồn đọng.

Với kinh tế cá thể, tiểu chủ cả ở nông thôn và thành thị có vị trí quan trọng lâu dài, nhà nước tạo điều kiện và giúp đỡ để phát triển, khuyến khích các hình thức tổ chức hợp tác tự nguyện, làm vệ tinh cho các doanh nghiệp hoặc phát triển lớn hơn.

Tiếp tục khuyến khích phát triển kinh tế tư bản tư nhân rộng rãi trong những ngành nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm. Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi về chính sách, pháp lý để kinh tế tư bản tư nhân phát triển trên những định hướng ưu tiên của nhà nước, kể cả đầu tư ra nước ngoài, khuyến khích chuyển thành doanh nghiệp cổ phần, bán cổ phần cho người lao động, liên doanh liên kết với nhau, với kinh tế tập thể và kinh tế nhà nước. Xây dựng quan hệ tốt giữa chủ doanh nghiệp và người lao động.

Tiếp tục phát triển đa dạng kinh tế tư bản nhà nước dưới các hình thức liên doanh, liên kết giữa kinh tế nhà nước với kinh tế tư bản tư nhân trong nước và ngoài nước, đem lại lợi ích thiết thực cho các bên đầu tư kinh doanh.

Chú trọng tạo điều kiện để kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển thuận lợi, hướng vào xuất khẩu, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội gắn với thu hút công nghệ hiện đại, tạo thêm nhiều việc làm. Cải thiện môi trường kinh tế và pháp lý để thu hút mạnh vốn đầu tư nước ngoài.

Tiếp tục phát triển các hình thức tổ chức kinh doanh đan xen, hỗn hợp nhiều hình thức sở hữu, giữa các thành phần kinh tế với nhau, giữa trong nước và ngoài nước. Phát triển mạnh hình thức tổ chức kinh tế cổ phần nhằm huy động và sử dụng rộng rãi vốn đầu tư xã hội. Nhân rộng mô hình hợp tác, liên kết công nghiệp và nông nghiệp, doanh nghiệp nhà nước và kinh tế hộ nông thôn. Phát triển các loại hình trang trại với quy mô phù hợp trên từng địa bàn.

*Ba là, tiếp tục tạo lập đồng bộ các yếu tố thị trường; đổi mới và nâng cao hiệu lực quản lý kinh tế của nhà nước.*

Hình thành, phát triển và từng bước hoàn thiện các loại thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt quan tâm các thị trường quan trọng nhưng hiện nay chưa có hoặc còn sơ khai như: thị trường lao động, thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản, thị trường khoa học và công nghệ.

Phát triển thị trường hàng hóa và dịch vụ, phát huy vai trò nòng cốt, định hướng và điều tiết của kinh tế nhà nước trên thị trường. Đáp ứng nhu cầu đa dạng và nâng cao sức mua của thị trường trong nước, cả ở thành thị và nông thôn, chú ý thị trường các vùng có nhiều khó khăn. Mở thêm thị trường mới ở nước ngoài. Xác định thời hạn bảo hộ hợp lý và có hiệu quả đối với một số sản phẩm cần thiết, tích cực chuẩn bị để mở rộng hội nhập thị trường quốc tế. Hạn chế và kiểm soát độc quyền kinh doanh.

Mở rộng thị trường lao động trong nước có sự kiểm tra, giám sát của nhà nước, bảo vệ lợi ích của người lao động và của người sử dụng lao động; đẩy mạnh xuất khẩu lao động có tổ chức và có hiệu quả. Hoàn thiện hệ thống pháp luật và chính sách tạo cơ hội bình đẳng về việc làm cho người lao động, tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích người lao động tự tìm việc làm, nâng cao trình độ, đào tạo lại, học nghề mới.

Nhanh chóng tổ chức thị trường khoa học và công nghệ, thực hiện tốt bảo hộ sở hữu trí tuệ, đẩy mạnh phát triển các dịch vụ về thông tin, chuyển giao công nghệ.

Phát triển nhanh và bền vững thị trường vốn, nhất là thị trường vốn dài hạn và trung hạn. Tổ chức và vận hành thị trường chứng khoán, thị trường bảo hiểm an toàn, hiệu quả. Hình thành đồng bộ thị trường tiền tệ, tăng khả năng chuyển đổi của đồng tiền Việt Nam.

Hình thành và phát triển thị trường bất động sản, bao gồm cả quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật; từng bước mở thị trường bất động sản cho người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài tham gia đầu tư.

Trong 5 năm tới hình thành tương đối đồng bộ cơ chế quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục những yếu kém, tháo gỡ những vướng mắc.

Đổi mới mạnh cơ chế quản lý kinh tế, phát huy những yếu tố tích cực của cơ chế thị trường, triệt để xóa bỏ bao cấp trong kinh doanh, tăng cường vai trò quản lý và điều tiết vĩ mô của nhà nước, đấu tranh có hiệu quả chống các hành vi tham nhũng, lãng phí, quan liêu, sách nhiễu gây phiền hà.

Nhà nước tạo môi trường pháp lý thuận lợi, bình đẳng cho các doanh nghiệp cạnh tranh và hợp tác để phát triển, bằng chiến lược, quy hoạch kế hoạch và chính sách, kết hợp với sử dụng lực lượng vật chất của nhà nước để định hướng phát triển kinh tế xã hội, khai thác hợp lý các nguồn lực của đất nước, bảo đảm cân đối vĩ mô nền kinh tế, điều tiết thu nhập, kiểm tra, kiểm soát, thanh tra mọi hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật, chống buôn lậu, làm hàng giả, gian lận thương mại.

Tiếp tục đổi mới các công cụ quản lý vĩ mô của nhà nước đối với nền kinh tế.

Đổi mới mạnh mẽ hơn nữa công tác kế hoạch hóa, nâng cao chất lượng công tác xây dựng các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường thông tin kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế, công tác kế toán, thống kê; ứng dụng rộng rãi các thành tựu khoa học và công nghệ trong dự báo, kiểm tra tình hình thực hiện ở cả cấp vĩ mô và doanh nghiệp.

Bảo đảm tính minh bạch, công bằng trong chi ngân sách nhà nước. Phân cấp mạnh đi đôi với tăng cường trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc thu và chi ngân sách địa phương. Tăng chi ngân sách cho các mục tiêu xã hội trọng điểm. Nâng cao hiệu quả các chương trình quốc gia, tập trung vốn cho các chương trình trọng điểm, thực hiện có kết quả chương trình giúp đỡ các xã đặc biệt khó khăn.

Thực hiện nhà nước đầu tư vốn phát triển từ ngân sách nhà nước căn cứ vào hiệu quả kinh tế xã hội. Chuyển cơ chế phân bổ nguồn vốn vay nhà nước mang tính hành chính sang cho vay theo cơ chế thị trường, xóa bỏ bao cấp thông qua tín dụng đầu tư. Hoàn thiện phương thức quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, cải cách các thủ tục, phân công, phân cấp rõ ràng trong thực hiện các dự án đầu tư. Tăng cường quản lý nợ chính phủ; hoàn thiện cơ chế quản lý nợ nước ngoài cho phù hợp với tình hình mới.

Đẩy mạnh cải cách hệ thống thuế phù hợp với tình hình đất nước và các cam kết quốc tế, đơn giản hóa các sắc thuế; từng bước áp dụng hệ thống thuế thống nhất, không phân biệt đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài. Thu đúng, thu đủ theo quy định của pháp luật. Hiện đại hóa công tác quản lý thuế của nhà nước.

Xây dựng hệ thống ngân hàng thương mại đáp ứng nhu cầu tín dụng, cung ứng các dịch vụ ngân hàng thuận lợi cho xã hội. Kiện toàn các ngân hàng thương mại nhà nước thành những doanh nghiệp kinh doanh tiền tệ tự chủ, tự chịu trách nhiệm, có uy tín, đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Xóa bỏ sự can thiệp hành chính của các cơ quan nhà nước đối với hoạt động cho

vay của các ngân hàng thương mại nhà nước. Nâng cao năng lực giám sát của ngân hàng nhà nước và công tác kiểm tra nội bộ của các ngân hàng thương mại. Tách tín dụng ưu đãi theo chính sách khỏi tín dụng thương mại. Thực hiện chính sách tỷ giá linh hoạt theo cung cầu ngoại tệ, từng bước thực hiện tự do hóa tỷ giá hối đoái có sự quản lý vĩ mô của nhà nước.

*Bốn là, giải quyết tốt các vấn đề xã hội.*

Thực hiện các chính sách xã hội hướng vào phát triển và lành mạnh hóa xã hội, thực hiện công bằng trong phân phối, tạo động lực mạnh mẽ phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động xã hội, thực hiện bình đẳng trong các quan hệ xã hội, khuyến khích nhân dân làm giàu hợp pháp.

Giải quyết việc làm là một chính sách xã hội cơ bản. Bằng nhiều giải pháp, tạo nhiều việc làm mới, tăng quỹ thời gian lao động được sử dụng, nhất là trong nông nghiệp và nông thôn. Các thành phần kinh tế mở mang các ngành nghề, các cơ sở sản xuất, dịch vụ có khả năng sử dụng nhiều lao động. Chăm lo cải thiện điều kiện làm việc, bảo đảm an toàn và vệ sinh lao động, phòng chống tai nạn và bệnh nghề nghiệp cho người lao động. Khôi phục và phát triển các làng nghề, đẩy mạnh phong trào lập nghiệp của thanh niên và đào tạo lao động có nghề. Tổ chức quản lý chặt chẽ hoạt động xuất khẩu lao động và bảo vệ quyền lợi người lao động ở nước ngoài. Sớm xây dựng và thực hiện chính sách bảo hiểm đối với người lao động thất nghiệp.

Cải cách cơ bản chế độ tiền lương cán bộ, công chức theo hướng tiền tệ hóa đầy đủ tiền lương; điều chỉnh tiền lương tương ứng với nhịp độ tăng thu nhập trong xã hội; hệ thống thang bậc lương bảo đảm tương quan hợp lý, khuyến khích người có tài, người làm việc giỏi. Khắc phục tình trạng bất hợp lý về trợ cấp của người nghỉ hưu, thương binh, bệnh binh và những người có hoàn cảnh khó khăn.

Các doanh nghiệp được tự chủ trong việc trả lương và tiền thưởng trên cơ sở năng suất lao động và hiệu quả của doanh nghiệp. Nhà nước và xã hội tôn trọng thu nhập hợp pháp của người kinh doanh.

Thực hiện chương trình xóa đói, giảm nghèo thông qua những biện pháp sát thực với tình hình địa phương, sớm đạt mục tiêu không còn hộ đói, giảm mạnh các hộ nghèo. Tiếp tục tăng tổng nguồn vốn xóa đói, giảm nghèo, mở rộng các hình thức tín dụng trợ giúp người nghèo sản xuất, kinh doanh. Có chính sách trợ giá nông sản, phát triển việc làm và nghề phụ tăng thu nhập cho các hộ nông dân.

Tiếp tục thực hiện chính sách ưu đãi xã hội và vận động toàn dân tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa đối với các lão thành cách mạng, những người có công với nước, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, thương binh và cha mẹ, vợ con liệt sĩ...

Đẩy mạnh xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng ở nông thôn như trường học, trạm y tế, điện, nước sạch, chợ và đường giao thông. Đầu tư nhiều hơn cho những xã đặc biệt khó khăn. Có chính sách thiết thực khuyến khích cán bộ khoa học, kỹ thuật đến công tác tại các vùng sâu, vùng xa.

Thực hiện đồng bộ chính sách dân số, chính sách bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân, nhằm giảm tỷ lệ mắc bệnh, nâng cao thể lực; tăng tuổi thọ và phát triển giống nòi. củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế, đặc biệt là ở cơ sở. Xây dựng một số trung tâm y tế chuyên sâu. Thực hiện công bằng xã hội trong chăm sóc sức khỏe; đổi mới cơ chế và chính sách viện phí, có chính sách trợ cấp và bảo hiểm y tế cho người nghèo, tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân.

Chính sách chăm sóc, bảo vệ trẻ em tập trung vào thực hiện quyền trẻ em, tạo điều kiện cho trẻ em được sống trong môi trường an toàn và lành mạnh, phát triển hài hòa về thể chất, trí tuệ, tinh thần và đạo đức.

Tăng cường lãnh đạo và quản lý phong trào toàn dân đấu tranh phòng chống tội phạm, giữ gìn trật tự và kỷ cương xã hội. Xây dựng lối sống văn minh, lành mạnh.

Các chính sách xã hội được tiến hành theo tinh thần xã hội hóa, đề cao trách nhiệm của chính quyền các cấp, huy động nguồn lực trong nhân dân và sự tham gia của các đoàn thể, các tổ chức.

*Về phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc theo phương hướng cụ thể là:*

*Thứ nhất, phát triển giáo dục và đào tạo.*

Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học, hệ thống trường lớp và hệ thống quản lý giáo dục, thực hiện "chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa". Phát huy tinh thần độc lập suy nghĩ và sáng tạo của học sinh, sinh viên, đề cao năng lực tự học, tự hoàn thiện học vấn và tay nghề, đẩy mạnh phong trào học tập trong nhân dân bằng các hình thức giáo dục chính quy và không chính quy, thực hiện "giáo dục cho mọi người", "cả nước trở thành một xã hội học tập". Thực hiện phương châm "học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội". Coi trọng công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh trung học, chuẩn bị cho thanh niên, thiếu niên đi vào lao

động nghề nghiệp phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong cả nước và từng địa phương.

Chăm lo phát triển giáo dục mầm non, mở rộng hệ thống nhà trẻ và trường lớp mẫu giáo trên mọi địa bàn dân cư, đặc biệt là ở nông thôn và những vùng có khó khăn.

Củng cố thành tựu xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, phấn đấu để ngày càng có nhiều trường tiểu học đủ điều kiện học hai buổi mỗi ngày tại trường. Đẩy nhanh tiến độ phổ cập giáo dục trung học cơ sở, tạo điều kiện cho những địa phương có khả năng hoàn thành sớm việc phổ cập giáo dục bậc trung học thông qua việc mở rộng quy mô đào tạo và phát triển đa dạng các loại hình trường phổ thông trung học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.

Tăng ngân sách nhà nước cho giáo dục và đào tạo theo nhịp độ tăng trưởng kinh tế. Hiện đại hóa một số trường dạy nghề, tăng nhanh tỷ lệ lao động được đào tạo trong toàn bộ lao động xã hội, khuyến khích phát triển hệ thống trường lớp dạy nghề dân lập và tư thục, trang bị cho thanh niên những kiến thức sản xuất, kỹ năng lao động và năng lực tiếp thu công nghệ mới để tự tạo việc làm, chủ động tìm kiếm cơ hội lập nghiệp.

Mở rộng hợp lý quy mô giáo dục đại học, làm chuyển biến rõ nét về chất lượng và hiệu quả đào tạo. Tập trung đầu tư xây dựng hai đại học quốc gia thành những trung tâm đào tạo chất lượng cao; xây dựng một số trường sư phạm trọng điểm.

Tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên. Cải tiến việc giảng dạy và học tập các bộ môn khoa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.

Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, tạo điều kiện cho người nghèo có cơ hội học tập. Tiếp tục phát triển trường phổ thông nội trú dành cho con em dân tộc thiểu số. Chú trọng quyền được học tập của nhân dân ở trên hai nghìn xã nghèo nhất. Có chính sách hỗ trợ đặc biệt những học sinh có năng khiếu, hoàn cảnh sống khó khăn được theo học ở các bậc học cao. Có quy hoạch và chính sách tuyển chọn người giỏi, đặc biệt chú ý con em công nhân và nông dân, để đào tạo ở các bậc đại học và sau đại học. Tăng ngân sách nhà nước cho việc cử người đi đào tạo ở các nước có nền khoa học và công nghệ tiên tiến. Khuyến khích việc du học tự túc.

Thực hiện chủ trương xã hội hóa giáo dục, phát triển đa dạng các hình thức đào tạo, đẩy mạnh việc xây dựng các quỹ khuyến khích tài năng, các tổ chức khuyến học, bảo trợ giáo dục.

Trong những năm tới giải quyết dứt điểm những vấn đề bức xúc, sửa đổi chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cải tiến chế độ thi cử, khắc phục khuynh hướng "thương mại hóa" giáo dục; ngăn chặn những tiêu cực trong giáo dục; quản lý chặt chẽ việc cấp văn bằng, công nhận học hàm, học vị, chấn chỉnh công tác quản lý hệ thống trường học cả công lập và ngoài công lập.

*Thứ hai, phát triển khoa học và công nghệ.*

Cùng với phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Khoa học xã hội và nhân văn hướng vào việc giải đáp các vấn đề lý luận và thực tiễn, dự báo các xu thế phát triển, cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng con người, phát huy những di sản văn hóa dân tộc, sáng tạo những giá trị văn hóa mới của Việt Nam.

Khoa học tự nhiên hướng vào việc giải quyết các vấn đề thực tiễn xây dựng cơ sở khoa học của sự phát triển các lĩnh vực công nghệ trọng điểm và khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, dự báo, phòng chống thiên tai.

Khoa học công nghệ hướng vào việc nâng cao năng suất lao động, đổi mới sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hóa trên thị trường, xây dựng năng lực công nghệ quốc gia, ứng dụng một cách sáng tạo những công nghệ nhập khẩu, từng bước tạo ra công nghệ mới. Đi nhanh vào một số ngành, lĩnh vực sử dụng công nghệ hiện đại, công nghệ cao (tin học, sinh học, vật liệu mới, tự động hóa). Tạo thị trường cho khoa học và công nghệ, đổi mới cơ chế tài chính nhằm khuyến khích sáng tạo và gắn ứng dụng khoa học và công nghệ với sản xuất, kinh doanh, quản lý, dịch vụ. Có chính sách khuyến khích và buộc các doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu đổi mới công nghệ.

Coi trọng nghiên cứu khoa học cơ bản trong các lĩnh vực. Tăng đầu tư ngân sách và huy động các nguồn lực khác cho khoa học và công nghệ.

Sắp xếp, đổi mới hệ thống nghiên cứu khoa học, phối hợp chặt chẽ nghiên cứu khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ với khoa học xã hội và nhân văn. Hoàn thành xây dựng những khu công nghệ cao và hệ thống phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia. Sử dụng có hiệu quả các quỹ hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ. Cải tiến công tác quản lý khoa học, thực hiện quy chế dân chủ trong nghiên cứu và sáng tạo khoa học, bảo đảm chất lượng của



các chương trình và đề tài nghiên cứu khoa học, khắc phục tình trạng trùng lặp, gây lãng phí ngân sách.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học và công nghệ. Thực hiện tốt chính sách bảo hộ sở hữu trí tuệ. Có chính sách đãi ngộ đặc biệt đối với các nhà khoa học có công trình nghiên cứu xuất sắc.

*Thứ ba, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.* Mọi hoạt động văn hóa nhằm xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo, có ý thức cộng đồng, lòng nhân ái, khoan dung, tôn trọng nghĩa tình, lối sống có văn hóa, quan hệ hài hòa trong gia đình, cộng đồng và xã hội. Văn hóa trở thành nhân tố thúc đẩy con người tự hoàn thiện nhân cách, kế thừa truyền thống cách mạng của dân tộc, phát huy tinh thần yêu nước, ý chí tự lực tự cường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tăng mức đầu tư của nhà nước và của xã hội cho phát triển văn hóa. Tạo điều kiện để nhân dân ngày càng nâng cao trình độ thẩm mỹ và thưởng thức nghệ thuật, trở thành những chủ thể sáng tạo văn hóa, đồng thời hưởng thụ ngày càng nhiều các thành quả văn hóa.

Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa dân tộc, các giá trị văn học, nghệ thuật, ngôn ngữ, chữ viết và thuần phong mỹ tục của các dân tộc, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh, khai thác các kho tàng văn hóa cổ truyền. Tiếp thu tinh hoa và góp phần làm phong phú thêm nền văn hóa của nhân loại.

Bảo đảm tự do, dân chủ cho mọi sáng tạo văn hóa, văn học nghệ thuật, tạo điều kiện làm việc thuận lợi để phát huy hiệu quả của lao động nghệ thuật.

Phát triển đi đôi với quản lý tốt hệ thống thông tin đại chúng. Báo chí xuất bản làm tốt chức năng tuyên truyền thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; phát hiện những nhân tố mới, cái hay, cái đẹp trong xã hội, giới thiệu người tốt việc tốt, những điển hình tiên tiến, phê phán các hiện tượng tiêu cực, uốn nắn những nhận thức lệch lạc, đấu tranh với những quan điểm sai trái; coi trọng nâng cao tính chân thật, tính giáo dục và tính chiến đấu của thông tin. Nâng cao bản lĩnh chính trị tư tưởng, ý thức trách nhiệm, trình độ văn hóa và nghề nghiệp, phẩm chất đạo đức của đội ngũ báo chí, xuất bản.

Đẩy mạnh phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", ngăn chặn việc phục hồi các hủ tục, khắc phục tình trạng mê tín đang có xu hướng lan rộng trong xã hội.

- *Tăng cường quốc phòng và an ninh.*

Trong tình hình mới bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và nền văn hóa; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ sự nghiệp đổi mới và lợi ích quốc gia, dân tộc.

Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh của lực lượng và thể trận quốc phòng toàn dân với sức mạnh của lực lượng và thể trận an ninh nhân dân. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng và an ninh, quốc phòng và an ninh với kinh tế trong các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội. Phối hợp hoạt động quốc phòng và an ninh với hoạt động đối ngoại.

Tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của Đảng, Nhà nước và của toàn dân, trong đó quân đội nhân dân và công an nhân dân là lực lượng nòng cốt.

Xây dựng quân đội nhân dân và công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, có bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành tuyệt đối với Tổ quốc, với Đảng và nhân dân; có trình độ học vấn và chuyên môn nghiệp vụ ngày càng cao; quý trọng và hết lòng phục vụ nhân dân, có phẩm chất, đạo đức, lối sống lành mạnh, giản dị, kế thừa và phát huy truyền thống vẻ vang; có năng lực chỉ huy và tác chiến thắng lợi trong bất cứ tình huống nào; có trình độ sẵn sàng chiến đấu và sức chiến đấu ngày càng cao; thường xuyên cảnh giác, kịp thời đập tan mọi âm mưu và hành động xâm phạm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc và an ninh quốc gia; ngăn chặn và đẩy lùi các tội phạm nguy hiểm và các tệ nạn xã hội, bảo đảm tốt trật tự an toàn xã hội.

Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội thể trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, coi trọng xây dựng thể trận trên các địa bàn chiến lược trọng yếu, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và công an, bảo vệ cơ sở.

Hoàn thiện hệ thống luật pháp về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường quản lý nhà nước về quốc phòng và an ninh trên phạm vi cả nước và từng địa phương, cơ sở, đưa nhiệm vụ đó vào chương trình chính khóa đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức. Thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân.

Đầu tư thích đáng cho công nghiệp quốc phòng, trang bị kỹ thuật hiện đại cho quân đội, công an. Tận dụng năng lực công nghiệp dân sinh phục vụ

quốc phòng và an ninh. Từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của các lực lượng vũ trang, thực hiện tốt chính sách hậu phương đối với quân đội nhân dân và công an nhân dân.

Thường xuyên tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với quân đội nhân dân và công an nhân dân, đối với sự nghiệp quốc phòng và an ninh.

*Về mở rộng quan hệ đối ngoại và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.*

Tiếp tục thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, mở rộng, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển.

Nhiệm vụ đối ngoại là tiếp tục giữ vững môi trường hòa bình và tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi để đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc bảo đảm độc lập và chủ quyền quốc gia, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Mở rộng quan hệ nhiều mặt, song phương và đa phương với các nước và vùng lãnh thổ, các trung tâm chính trị, kinh tế quốc tế lớn, các tổ chức quốc tế và khu vực theo các nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực; bình đẳng và cùng có lợi; giải quyết các bất đồng và tranh chấp bằng thương lượng hòa bình; làm thất bại mọi âm mưu và hành động gây sức ép, áp đặt và cường quyền.

Tiến hành chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường. Chính phủ cùng các bộ, ngành và các doanh nghiệp khẩn trương xây dựng và thực hiện kế hoạch hội nhập kinh tế quốc tế với lộ trình hợp lý và chương trình hành động cụ thể, phát huy tính chủ động của các cấp, các ngành và các doanh nghiệp; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đổi mới cơ chế quản lý kinh tế - xã hội, hoàn chỉnh hệ thống luật pháp, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp và nền kinh tế.

Coi trọng và phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa và các nước láng giềng. Nâng cao hiệu quả và chất lượng hợp tác với

các nước ASEAN, cùng xây dựng Đông Nam Á thành một khu vực hòa bình, không có vũ khí hạt nhân, ổn định, hợp tác cùng phát triển.

Mở rộng quan hệ truyền thống với các nước bạn, các nước độc lập dân tộc, các nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi, Trung Đông và Mỹ Latinh, các nước trong phong trào không liên kết, ủng hộ lẫn nhau cùng phát triển, phối hợp bảo vệ lợi ích chính đáng của nhau.

Thúc đẩy quan hệ đa dạng với các nước phát triển và các tổ chức quốc tế. Đẩy mạnh hoạt động ở các diễn đàn đa phương.

Tích cực tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu. Ủng hộ và cùng nhân dân thế giới đấu tranh nhằm loại trừ hoàn toàn vũ khí hạt nhân, vũ khí sinh học và mọi phương tiện chiến tranh hiện đại khác giết người hàng loạt, bảo vệ hòa bình, chống nguy cơ chiến tranh và chạy đua vũ trang; tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và quyền tự lựa chọn con đường phát triển của mỗi dân tộc trên thế giới; góp phần xây dựng trật tự chính trị, kinh tế quốc tế dân chủ, công bằng.

Củng cố và tăng cường quan hệ đoàn kết và hợp tác với các đảng cộng sản và công nhân, với các đảng cánh tả, các phong trào giải phóng và độc lập dân tộc, với các phong trào cách mạng và tiến bộ trên thế giới.

Tiếp tục mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền. Mở rộng hơn nữa công tác đối ngoại nhân dân, tăng cường quan hệ song phương và đa phương với các tổ chức nhân dân các nước, nâng cao hiệu quả hợp tác với các tổ chức phi chính phủ quốc gia và quốc tế.

Đẩy mạnh công tác thông tin phục vụ nghiên cứu, làm tốt công tác dự báo tình hình khu vực và thế giới, kịp thời có chủ trương, chính sách đối ngoại thích hợp khi tình hình thay đổi. Tăng cường hơn nữa công tác thông tin đối ngoại và văn hóa đối ngoại.

Bồi dưỡng, rèn luyện bản lĩnh chính trị, năng lực, đạo đức, phẩm chất của đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại, kể cả kinh tế đối ngoại.

*Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân.*

Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân là đường lối chiến lược, là nguồn sức mạnh và động lực to lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đó là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

Thực hiện đại đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp, thành phần kinh tế, mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi vùng của đất nước, người trong Đảng và người ngoài Đảng, người đang công tác và người đã nghỉ hưu, mọi thành viên trong đại gia đình dân tộc Việt Nam dù sống trong nước hay ở

nước ngoài. Phát huy sức mạnh của cả cộng đồng dân tộc, truyền thống yêu nước, ý chí tự lực tự cường và lòng tự hào dân tộc, lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng, tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc, xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, giai cấp, thành phần, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau hướng tới tương lai. Khôi đại đoàn kết toàn dân trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam luôn luôn được củng cố và phát triển sâu rộng trên cơ sở liên minh vững chắc giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân gắn với việc phát huy dân chủ trong đời sống xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện dân chủ trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội ở tất cả các cấp, các ngành.

Phải xây dựng đồng bộ các chính sách kinh tế xã hội đúng đắn, phát huy mọi khả năng sáng tạo của nhân dân. Đổi mới và hoàn thiện các chính sách cụ thể đối với các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo, đặc biệt là các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, phân phối, tiêu dùng, bảo đảm quyền lợi và trách nhiệm của công dân.

Đối với giai cấp công nhân, coi trọng phát triển về số lượng và chất lượng, nâng cao giác ngộ và bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn và nghề nghiệp, thực hiện "trí thức hóa công nhân", nâng cao năng lực ứng dụng và sáng tạo công nghệ mới, lao động đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả ngày càng cao, xứng đáng là một lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và vai trò lãnh đạo cách mạng trong thời kỳ mới. Bảo vệ quyền lợi, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của giai cấp công nhân trong điều kiện thực hiện cơ chế thị trường. Tăng cường đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý và kết nạp đảng viên từ những công nhân ưu tú; tăng thành phần công nhân trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành.

Đối với giai cấp nông dân, ra sức bồi dưỡng sức dân ở nông thôn và phát huy vai trò giai cấp nông dân trong sự nghiệp đổi mới, tập trung sự chỉ đạo và các nguồn lực cần thiết cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, phát triển nông thôn, thực hiện tốt các chính sách về ruộng đất, phát triển nông nghiệp toàn diện, tiêu thụ nông sản hàng hóa, bảo hiểm sản xuất và bảo hiểm xã hội, giúp đỡ vùng khó khăn, giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo, cải thiện đời sống, nâng cao dân trí, xây dựng nông thôn mới.

Đối với trí thức, tạo điều kiện thuận lợi để thu nhận thông tin, tiếp cận các thành tựu mới của khoa học, công nghệ và văn hóa thế giới, nâng cao trình độ chính trị, kiến thức chuyên môn. Khuyến khích tự do sáng tạo, phát

minh, cống hiến. Phát hiện bồi dưỡng, sử dụng đúng và đãi ngộ xứng đáng các tài năng. Phát huy năng lực của trí thức trong việc thực hiện các chương trình, đề tài nghiên cứu của nhà nước và xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật.

Đối với thế hệ trẻ, chăm lo giáo dục, bồi dưỡng, đào tạo phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, văn hóa, sức khỏe, nghề nghiệp; giải quyết việc làm, phát triển tài năng và sức sáng tạo, phát huy vai trò xung kích trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thực hiện tốt chính sách dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển; xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển sản xuất hàng hóa, chăm lo đời sống vật chất tinh thần, xóa đói, giảm nghèo, mở mang dân trí, giữ gìn, làm giàu và phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp của các dân tộc, thực hiện công bằng xã hội giữa các dân tộc, giữa miền núi và miền xuôi, đặc biệt quan tâm vùng gặp khó khăn, vùng trước đây là căn cứ cách mạng và kháng chiến. Tích cực thực hiện chính sách ưu tiên trong việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dân tộc thiểu số. Động viên, phát huy vai trò của những người tiêu biểu, có uy tín trong dân tộc và ở địa phương. Chống kỳ thị, chia rẽ dân tộc, chống tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, dân tộc cực đoan, khắc phục tư tưởng tự trị, mặc cảm dân tộc.

Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo và bình thường theo đúng pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Chăm lo phát triển kinh tế, văn hóa, nâng cao đời sống của đồng bào. Đồng bào theo đạo và các vị chức sắc tôn giáo có nghĩa vụ làm tròn trách nhiệm của công dân đối với Tổ quốc, sống "tốt đời, đẹp đạo", phát huy những giá trị tốt đẹp về văn hóa, đạo đức của tôn giáo. Từng bước hoàn thiện luật pháp về tín ngưỡng, tôn giáo.

Nghiêm cấm lợi dụng các vấn đề dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động trái pháp luật và chính sách của nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia.

Đối với đồng bào định cư ở nước ngoài, Đảng và Nhà nước chăm lo cung cấp thông tin về tình hình đất nước, bảo hộ quyền lợi chính đáng của đồng bào, nâng cao lòng yêu nước, tinh thần tự trọng và tự hào dân tộc, giữ gìn bản sắc văn hóa và truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Có những chính sách tạo điều kiện thuận lợi để kiều bào về thăm quê hương, tham gia hoạt động văn hóa, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, sản xuất, kinh doanh góp phần xây dựng đất nước.

Phát huy dân chủ, nâng cao trách nhiệm công dân của hội viên, đoàn viên, giữ gìn kỷ cương phép nước trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân, thắt chặt mối liên hệ giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước. Đảng và Nhà nước xây dựng và hoàn chỉnh các quy chế để Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân phát huy quyền làm chủ của nhân dân tham gia phát triển kinh tế xã hội, thực hiện "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra".

Mở rộng và đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân tham gia các đoàn thể nhân dân, khắc phục tình trạng hành chính hóa, phô trương, hình thức, quan liêu, xa dân.

*- Đẩy mạnh cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế theo phương hướng sau:*

*Một là, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng.*

Nhà nước ta là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, là nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật. Mọi cơ quan, tổ chức, cán bộ công chức, mọi công dân có nghĩa vụ chấp hành hiến pháp và pháp luật.

Cải cách tổ chức và hoạt động của nhà nước gắn liền với xây dựng chính đốn Đảng, đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước. Xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn; nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức đảng và đảng viên trong các cơ quan nhà nước.

*Hai là, cải cách thể chế và phương thức hoạt động của nhà nước.*

Tiếp tục kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội, trọng tâm là tăng cường công tác lập pháp, xây dựng chương trình dài hạn về lập pháp, hoàn thiện hệ thống pháp luật, đổi mới quy trình ban hành và hướng dẫn thi hành luật. Quốc hội làm tốt chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của nhà nước.

Xây dựng một nền hành chính nhà nước dân chủ, trong sạch, vững mạnh từng bước hiện đại hóa. Điều chỉnh chức năng và cải tiến phương thức hoạt động của chính phủ theo hướng thống nhất quản lý vĩ mô việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng an ninh và đối ngoại trong cả nước bằng hệ thống pháp luật, chính sách hoàn chỉnh đồng bộ.

Phân công, phân cấp, nâng cao tính chủ động của chính quyền địa phương, kết hợp chặt chẽ quản lý ngành và quản lý lãnh thổ, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ; tổ chức hợp lý hội đồng nhân dân, kiện toàn các cơ quan chuyên môn của ủy ban nhân dân và bộ máy chính quyền cấp xã, phường, thị trấn.

Cải cách tổ chức, nâng cao chất lượng và hoạt động của các cơ quan tư pháp, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cơ quan và cán bộ tư pháp trong công tác điều tra, bắt, giam, giữ, truy tố, xét xử, thi hành án, không để xảy ra những trường hợp oan, sai.

*Ba là, phát huy dân chủ, giữ vững kỷ luật, kỷ cương, tăng cường pháp chế.*

Thực hiện tốt quy chế dân chủ, mở rộng dân chủ trực tiếp ở cơ sở, tạo điều kiện để nhân dân tham gia quản lý xã hội, thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng. Khắc phục mọi biểu hiện dân chủ hình thức.

Đổi mới cơ chế, xác định trách nhiệm của các cấp, các cơ quan, cán bộ, công chức trong việc giải quyết kịp thời khiếu nại, tố cáo của công dân.

Phát huy dân chủ đi đôi với giữ vững kỷ luật, kỷ cương, tăng cường pháp chế, quản lý xã hội bằng pháp luật, tuyên truyền, giáo dục toàn dân, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật.

*Bốn là, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, có năng lực.*

Hoàn thiện chế độ công vụ, quy chế cán bộ công chức, coi trọng cả năng lực và đạo đức, bảo đảm tính nghiêm túc, trung thực trong thi tuyển cán bộ, công chức. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, trước hết là cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý về đường lối, chính sách, về kiến thức và kỹ năng quản lý nhà nước. Sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức theo đúng chức danh, tiêu chuẩn. Định kỳ kiểm tra, đánh giá chất lượng cán bộ, công chức, kịp thời thay thế những cán bộ, công chức yếu kém và thoái hóa. Tăng cường cán bộ cho cơ sở. Có chế độ, chính sách đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ đối với cán bộ xã, phường, thị trấn.

*Năm là, đấu tranh chống tham nhũng.*

Tăng cường tổ chức và cơ chế, tiếp tục đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng trong bộ máy nhà nước và toàn bộ hệ thống chính trị, ở các cấp, các ngành, từ trung ương đến cơ sở. Gắn chống tham nhũng với chống lãng phí, quan liêu, buôn lậu, đặc biệt chống các hành vi vì lợi dụng chức quyền để làm giàu bất chính.

Bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, quy chế, quy định của Đảng và Nhà nước về quản lý kinh tế - tài chính, quản lý tài sản công, không để sơ hở cho kẻ xấu lợi dụng.



Tiếp tục xóa bỏ các thủ tục hành chính phiền hà, nhất là ở những lĩnh vực, những khâu dễ xảy ra tham nhũng, sách nhiễu. Thanh tra, kiểm tra, kiểm kê, kiểm soát bảo đảm tính minh bạch trong việc sử dụng ngân sách nhà nước, tài sản công, tài chính Đảng, đoàn thể, tài chính các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ do nhân dân đóng góp và do nước ngoài tài trợ.

Đảng viên và các chi bộ Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các cơ quan thông tin đại chúng và toàn xã hội có trách nhiệm giám sát, kiểm tra cán bộ, công chức, phát hiện, tố cáo, lên án những kẻ tham nhũng. Xử lý nghiêm minh theo pháp luật và theo điều lệ Đảng những cán bộ, đảng viên, công chức ở bất cứ cấp nào, lĩnh vực nào lợi dụng chức quyền để tham nhũng. Có những biện pháp cụ thể để bảo vệ và khen thưởng những người kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng.

Tăng cường giáo dục cán bộ, đảng viên, công chức về chính trị, tư tưởng, đạo đức cách mạng. Cụ thể hóa và thực hiện nghiêm những điều cấm đối với cán bộ, công chức, trước hết là cán bộ chủ chốt, cán bộ quản lý. Cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước kê khai tài sản của cá nhân và gia đình mình. Kịp thời kiểm tra và kết luận, có biện pháp xử lý những cán bộ, công chức có tài sản bất minh.

*Về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.*

Trong những năm tới toàn Đảng tập trung làm tốt những công tác quan trọng sau:

*Một là, giáo dục tư tưởng chính trị, rèn luyện đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân.*

Toàn Đảng nghiêm túc học tập chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Mỗi cấp ủy, mỗi chi bộ có kế hoạch định kỳ kiểm điểm việc thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh về nâng cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân. Chống tư tưởng cơ hội, thực dụng. Trên cơ sở tổng kết hai năm thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tiếp tục thực hiện tự phê bình và phê bình trong các cấp ủy và tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở thành nề nếp thường xuyên và theo định kỳ, không làm qua loa, chiếu lệ, hình thức, vận động nhân dân đóng góp phê bình cán bộ, đảng viên.

Đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu, làm trong sạch đội ngũ đảng viên. Các cấp ủy tổ chức, hướng dẫn và kiểm tra đảng viên học tập, không ngừng nâng cao trình độ chính trị, học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức lãnh đạo, quản lý và vận động nhân dân, phát huy vai trò tiên

phong gương mẫu; cán bộ, đảng viên phải chấp hành nghiêm chỉnh cương lĩnh, điều lệ, nghị quyết của Đảng và pháp luật của nhà nước. Thi hành kỷ luật nghiêm khắc mọi vi phạm về nguyên tắc, nhất là đối với những vấn đề về quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng. Trong các hoạt động kinh tế, đảng viên phải chấp hành đúng pháp luật của nhà nước và các quy định của Đảng.

Kiện toàn tổ chức và cán bộ ở những cơ quan, đơn vị; không để xảy ra những biểu hiện không chấp hành nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước, làm việc trì trệ, độc đoán, chuyên quyền, kéo bè, kéo cánh, mất đoàn kết nội bộ.

Xúc tiến mạnh mẽ việc tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, thảo luận dân chủ, sớm làm rõ và kết luận những vấn đề mới, bức xúc nảy sinh từ thực tiễn; từng bước cụ thể hóa, bổ sung, phát triển đường lối, chính sách của Đảng, đấu tranh với những quan điểm tư tưởng sai trái.

*Hai là, tiếp tục đổi mới công tác cán bộ.*

Xây dựng đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo và quản lý ở các cấp, vững vàng về chính trị, gương mẫu về đạo đức, trong sạch về lối sống, có trí tuệ, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn, gắn bó với nhân dân. Có cơ chế và chính sách phát hiện, tuyển chọn, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, trọng dụng những người có đức, có tài. Thực hiện đúng đắn nguyên tắc: Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ. Làm tốt công tác quy hoạch và tạo nguồn cán bộ, chú ý cán bộ nữ và cán bộ các dân tộc ít người, chuyên gia trên các lĩnh vực.

Đánh giá và sử dụng đúng cán bộ trên cơ sở tiêu chuẩn, lấy hiệu quả công tác thực tế và sự tín nhiệm của nhân dân làm thước đo chủ yếu; có phương pháp khoa học, khách quan, công tâm, theo quy trình chặt chẽ, phát huy dân chủ, dựa vào tập thể và nhân dân để tuyển chọn cán bộ. Đổi mới, trẻ hóa đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý, kết hợp các độ tuổi, bảo đảm tính liên tục, kế thừa và phát triển.

Thực hiện chủ trương luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý theo quy hoạch ở các ngành và địa phương; cán bộ chủ chốt từ cấp huyện trở lên giữ một chức vụ lãnh đạo ở một đơn vị không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp, khắc phục tư tưởng cục bộ, khép kín trong đơn vị, ngành và địa phương.

Xây dựng, chỉnh đốn hệ thống các học viện, trường và trung tâm chính trị, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, trước hết đối

với cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp; chống các biểu hiện tiêu cực trong giảng dạy và học tập. Từ nay đến năm 2005, phần lớn cán bộ lãnh đạo cán bộ chủ chốt từ cấp huyện trở lên học xong chương trình cao cấp về lý luận chính trị và có trình độ đại học về một chuyên ngành nhất định.

*Ba là, xây dựng, củng cố các tổ chức cơ sở đảng.*

Các đảng bộ, chi bộ ở cơ sở đều phải nắm vững và thực hiện đúng chức năng là hạt nhân lãnh đạo chính trị đối với chính quyền, đoàn thể, các tổ chức kinh tế, sự nghiệp, các mặt công tác và các tầng lớp nhân dân ở cơ sở, nâng cao tính chiến đấu, khắc phục tình trạng thụ động, ỷ lại, buông lỏng vai trò lãnh đạo. Cấp ủy cấp trên tập trung chỉ đạo củng cố các đảng bộ, chi bộ yếu kém, kịp thời kiện toàn cấp ủy và tăng cường cán bộ ở những nơi khó khăn, nội bộ mất đoàn kết. Nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, chi bộ. Phân công hướng dẫn, kiểm tra đảng viên chấp hành nhiệm vụ, phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu trong công tác, học tập và lối sống; giữ mối liên hệ với quần chúng nơi công tác, với chi bộ và nhân dân nơi cư trú. Phát triển đảng viên theo đúng quy định, chú ý những người ưu tú trong công nhân, trí thức, lao động thuộc các thành phần kinh tế, đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, những nơi còn ít hoặc chưa có đảng viên. Đổi mới việc phân tích, đánh giá chất lượng các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên.

*Bốn là, kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.*

Phát huy dân chủ trong sinh hoạt đảng, từ sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt cấp ủy ở cơ sở đến Ban Chấp hành Trung ương, trong công tác cán bộ và trong xây dựng, hoàn thiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng. Đảng viên có quyền được bảo lưu ý kiến nhưng phải nói và làm theo nghị quyết của Đảng. Chống dân chủ hình thức, dân chủ cực đoan hoặc lợi dụng dân chủ để mưu cầu lợi ích riêng, cục bộ, bản vị.

Mỗi đảng bộ giữ vững sự đoàn kết, thống nhất trong tập thể lãnh đạo. Đối với những cấp ủy, tổ chức đảng vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, cán bộ lãnh đạo độc đoán, chuyên quyền, kéo bè, kéo cánh, gây mất đoàn kết nội bộ, cấp ủy cấp trên phải chỉ đạo kiểm điểm làm rõ đúng, sai, xử lý nghiêm những người có khuyết điểm, kiện toàn tổ chức cán bộ; nơi không có khả năng khắc phục khuyết điểm thì giải tán về tổ chức, lập tổ chức mới theo quy định của Điều lệ Đảng.

Tăng cường vai trò lãnh đạo và tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Đảng lãnh đạo Nhà nước thông qua việc đề ra đường lối, chủ trương, các chính sách lớn, định hướng cho sự phát triển và kiểm tra việc tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và Hiến pháp, pháp

luật của Nhà nước. Ban Chấp hành Trung ương, tập thể cấp ủy, ban cán sự đảng, bảo đảm thảo luận dân chủ, biểu quyết và ra nghị quyết theo đa số những vấn đề quan trọng về đường lối, chủ trương, chính sách, về tổ chức cán bộ. Tăng cường chế độ lãnh đạo tập thể đi đôi với phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo và trách nhiệm cá nhân.

Các cấp ủy viên, nhất là cán bộ chủ chốt, có trưng trình công tác ở cơ sở, tiếp xúc lắng nghe ý kiến và trả lời chất vấn của đảng viên và nhân dân, cấp ủy định kỳ làm việc với ban chấp hành các đoàn thể, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ, vai trò chủ động, sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

Lãnh đạo việc đổi mới, tăng cường công tác thanh tra của Chính phủ và các cơ quan hành pháp; phát huy vai trò giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân theo đúng chức năng và thẩm quyền của các cơ quan đó. Tăng cường công tác kiểm tra của các cấp ủy, của ủy ban kiểm tra các cấp, tập trung vào các nội dung chủ yếu như thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ và quy chế làm việc; củng cố đoàn kết nội bộ, giáo dục, rèn luyện nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên.

Sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (tháng 4-2001), Đảng và Nhà nước tập trung chỉ đạo nhằm phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, thực hiện thắng lợi những mục tiêu kinh tế - xã hội 5 năm (2001-2005). Tháng 2 năm 2002, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ năm, khóa IX đã ra nghị quyết: Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân; đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp thời kỳ 2001-2010; về nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới; đổi mới và nâng cao chất lượng của hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn. Đảng khẳng định: Kinh tế tập thể với nhiều hình thức đa dạng, mà nòng cốt là hợp tác xã, dựa trên sở hữu của các thành viên và sở hữu tập thể, liên kết rộng rãi người lao động, các hộ sản xuất - kinh doanh các doanh nghiệp không giới hạn về quy mô, lĩnh vực, địa bàn, phân phối theo lao động và vốn cùng mức độ tham gia dịch vụ. Phát triển kinh tế tư nhân là chiến lược lâu dài trong phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; kinh tế tư nhân được phát triển rộng rãi trong các ngành nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm, không hạn chế về quy mô; những đảng viên đang làm chủ doanh

nghiệp tư nhân chấp hành tốt điều lệ Đảng và pháp luật, chính sách của Nhà nước thì vẫn là đảng viên của Đảng; công tác tư tưởng, lý luận phải góp phần giải quyết những vấn đề kinh tế xã hội bức xúc, chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, thực dụng, ngăn chặn suy thoái về đạo đức, phẩm chất, lối sống.

Để cụ thể hóa và phát huy hơn nữa sức mạnh toàn dân tộc cho công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tháng 1 năm 2003 Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ bảy (khóa IX) khẳng định vai trò động lực chủ yếu của đại đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược lâu dài, đồng thời cũng là vấn đề cấp bách; tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Trên cơ sở này Trung ương Đảng đề ra các quan điểm, chính sách và những biện pháp lớn để thực hiện đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo, chống mọi âm mưu và hành động của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân.

Đi đôi với chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng đất nước, Đảng và Nhà nước chú trọng chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới. Tháng 7 năm 2003, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ tám (khóa IX) đã đề ra Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, xác định rõ mục tiêu, quan điểm, phương châm chỉ đạo sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay. Nghị quyết đã nhấn mạnh cần thực hiện tốt các nhiệm vụ cơ bản sau:

*Một là*, giữ vững hòa bình, ổn định để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

*Hai là*, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, kết hợp chặt chẽ với bảo vệ Đảng, bảo vệ vững chắc an ninh chính trị nội bộ.

*Ba là*, nỗ lực thực hiện thắng lợi nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế gắn với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; không ngừng nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm công bằng xã hội, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đồng thời chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

*Bốn là*, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa đi đôi với tăng cường trật tự kỷ cương, chú trọng giải quyết các vấn đề dân tộc, tôn giáo, nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

*Năm là*, tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của Đảng, Nhà nước và của

toàn dân, trong đó quân đội nhân dân và công an nhân dân là lực lượng nòng cốt.

*Sáu là, về hoạt động đối ngoại: Đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, mở rộng hợp tác quốc tế theo tinh thần "Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển"<sup>1</sup> nhằm:*

Củng cố môi trường quốc tế thuận lợi đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tranh thủ vốn, công nghệ phục vụ công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Nâng cao vị thế của đất nước ở khu vực và trên thế giới<sup>2</sup>.

Sau gần 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX (tháng 4-2001 + 2-2004), vào đầu tháng 2 năm 2004, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ chín (khóa IX) ra nghị quyết: *"Về một số chủ trương, chính sách, giải pháp lớn nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng"* Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội trong nửa đầu nhiệm kỳ khóa IX, Trung ương đã đề ra mục tiêu, nhiệm vụ trong nửa nhiệm kỳ còn lại của Đại hội IX và đặc biệt là đưa ra các chủ trương, giải pháp chủ yếu để thực hiện thắng lợi những mục tiêu và nhiệm vụ đó. Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhấn mạnh cần tập trung thực hiện tốt các chủ trương, giải pháp chủ yếu sau đây:

*Một là, về phát triển kinh tế.*

Tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả khu vực doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là cổ phần hóa mạnh hơn nữa, khuyến khích phát triển mạnh kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và các tổ chức kinh tế cổ phần, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách.

Tạo lập và phát triển đồng bộ các loại thị trường.

Tiếp tục chủ động hội nhập, thực hiện có hiệu quả các cam kết và lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế, chuẩn bị tốt các điều kiện trong nước để sớm gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

Đổi mới cơ bản công tác xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và điều chỉnh mạnh cơ cấu kinh tế.

---

1. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 119.

2. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương: *Tài liệu học tập Nghị quyết lần thứ tám của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr. 48-52.

*Hai là, về phát triển giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ, phát triển văn hóa, xã hội.*

Nâng cao rõ rệt chất lượng giáo dục, đào tạo.

Đổi mới một cách cơ bản cơ chế quản lý và tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ, lấy sự phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững của đất nước làm mục tiêu chủ yếu của hoạt động khoa học và công nghệ.

Tăng cường quản lý nhà nước, hoàn thiện cơ chế, chính sách và giải pháp đẩy mạnh việc xây dựng nếp sống, lối sống văn hóa, văn minh; giữ gìn và phát huy các giá trị tốt đẹp của xã hội và con người Việt Nam.

Làm tốt hơn nữa việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của nhân dân.

Tiếp tục thực hiện tốt các nhiệm vụ xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, giảm mạnh tai nạn giao thông và tích cực phòng chống tệ nạn xã hội.

*Ba là, về đổi mới tổ chức và hoạt động của Nhà nước, đẩy mạnh cải cách hành chính, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.*

Đổi mới tổ chức và hoạt động của quốc hội và cơ quan dân cử các cấp.

Đẩy mạnh đồng bộ cải cách hành chính Nhà nước.

Đẩy mạnh đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp.

Thực hiện tốt hơn chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc.

Đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

*Bốn là, về quốc phòng, an ninh, đối ngoại.*

Quán triệt và tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương lần thứ tám về "Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới" trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Đồng thời xây dựng, bổ sung ngay các phương án, kế hoạch phòng ngừa, nhằm chủ động ngăn chặn và đối phó thắng lợi với những âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch trong mọi tình huống.

*Năm là, về công tác xây dựng Đảng.*

Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, kiên quyết khắc phục sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên.

Đẩy mạnh xây dựng, kiện toàn và tăng cường sức chiến đấu cho tổ chức cơ sở đảng gắn với xây dựng chính quyền, mặt trận, các đoàn thể cơ sở và phong trào cách mạng của quần chúng.

Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ cả về quan điểm, nội dung, phương pháp, tổ chức quản lý, chế độ trách nhiệm, bộ máy và con người làm công tác cán bộ, triển khai đồng bộ các mặt đánh giá, quy hoạch, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng cán bộ.

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng<sup>1</sup>.

Dựa trên phương hướng kế hoạch 5 năm (2001-2005), Đảng chỉ đạo kịp thời, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nỗ lực phấn đấu thực hiện các nhiệm vụ đặt ra. Công cuộc phát triển kinh tế xã hội đã đạt được những thành tựu rất quan trọng trên những lĩnh vực chủ yếu:

*Một là, nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng khá cao, năm sau cao hơn năm trước.*

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) 5 năm 2001-2005 tăng bình quân gần 7,5%<sup>2</sup>. Riêng năm 2005 GDP ước đạt 815.000 tỷ đồng, bình quân đầu người là 9,8 triệu đồng (tương đương 600 USD).

Nông nghiệp có bước phát triển khá, giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tăng 5,4%/năm (kế hoạch dự kiến tăng 4,8%), giá trị tăng thêm khoảng 3,6%/năm. Năng suất, sản lượng và hàm lượng công nghệ trong sản phẩm nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản tăng đáng kể, an ninh lương thực quốc gia được bảo đảm; một số sản phẩm xuất khẩu chiếm được vị trí cao trên thị trường thế giới<sup>3</sup>. Trồng rừng, chăm sóc và bảo vệ đã có bước tiến bộ, độ che phủ rừng từ 33,7% (năm 2000) tăng lên 38% (năm 2005).

Tiếp tục đầu tư nhiều hơn cho xây dựng kết cấu hạ tầng, làm thay đổi nông thôn và đời sống nông dân, kể cả nông dân miền núi, vùng dân tộc ít người có bước cải thiện. Chương trình xây dựng cụm tuyến dân cư và nhà ở vượt lũ ở đồng bằng sông Cửu Long đạt được kết quả bước đầu.

Công nghiệp và xây dựng tăng trưởng cao, có bước chuyển biến tích cực về cơ cấu sản xuất, chất lượng sản phẩm và sức cạnh tranh. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng 15,7% (kế hoạch 13,1%), cao hơn 1,6%/năm so với 5 năm trước, giá trị tăng thêm đạt 10,3%/năm. Cả nước đã có trên 100 khu công nghiệp, khu chế xuất, nhiều khu đi vào hoạt động có hiệu quả; tỷ lệ công

---

1. ĐCSVN: Văn kiện Hội nghị lần thứ IX Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 191-213.

2. Tốc độ tăng GDP: năm 2001: 6,9%; năm 2002: 7,08%; năm 2003: 7,3%; năm 2004: 7,7%, kế hoạch năm 2005: 8,5%.

3. Năm 2004 Việt Nam đứng thứ 2 thế giới về xuất khẩu gạo, đứng thứ 2 thế giới về xuất khẩu cà phê.



nghiệp chế tác, cơ khí chế tạo và nội địa hóa sản phẩm tăng. Công nghiệp ở nông thôn và miền núi tăng trưởng khá cao. Một số sản phẩm đã cạnh tranh được trên thị trường trong và ngoài nước. Ngành xây dựng tăng trưởng khoảng 10%/năm, năng lực xây dựng tăng khá nhanh và có bước tiến đáng kể theo hướng hiện đại, việc xây dựng đô thị, xây dựng nhà ở đạt nhiều kết quả, hàng năm đưa thêm vào sử dụng khoảng 20 triệu mét vuông.

Dịch vụ phát triển cả quy mô, ngành nghề, thị trường và có tiến bộ về hiệu quả với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế. Giá trị sản xuất của các ngành dịch vụ tăng 7,6%/năm, giá trị tăng thêm khoảng 7%/năm.

Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ tăng khoảng 14,8%/năm (kế hoạch 11-12%). Ngành du lịch phát triển khá, cả về lượng khách loại hình và sản phẩm du lịch. Dịch vụ vận tải tăng nhanh, đáp ứng tốt hơn nhu cầu. Bưu chính viễn thông phát triển nhanh theo hướng hiện đại, đến cuối năm 2005 đạt bình quân 16 máy điện thoại và 10 người sử dụng Internet tính trên 100 dân; hầu hết số xã có điểm bưu điện - văn hóa hoặc điểm bưu điện. Các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, kiểm toán, tư vấn, tin học, kỹ thuật, y tế, giáo dục, đào tạo, văn hóa... đều phát triển.

*Hai là, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.*

Trong cơ cấu ngành, tỷ trọng công nghiệp và xây dựng trong GDP tăng từ 36,7% năm 2000 lên 41% năm 2005 (kế hoạch 38-39%), tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp đã giảm từ 24,5% xuống còn 20,5% (kế hoạch 20-21%), tỷ trọng dịch vụ ở mức 38,5% (kế hoạch 41-42%).

Ở từng ngành kinh tế đã có những chuyển dịch tích cực về cơ cấu sản xuất, cơ cấu công nghệ theo hướng tiến bộ, hiệu quả, gắn sản xuất với thị trường.

Về cơ cấu kinh tế vùng có bước điều chỉnh theo hướng phát huy lợi thế so sánh của từng vùng, các vùng kinh tế trọng điểm, khu công nghiệp, khu kinh tế và vùng sản xuất chuyên môn hóa cây trồng, vật nuôi đang phát triển khá nhanh, đóng góp quan trọng vào sự tăng trưởng của nền kinh tế.

Về cơ cấu lao động, có sự chuyển đổi tích cực gắn liền với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Tỷ trọng lao động của ngành công nghiệp và xây dựng trong tổng số lao động xã hội từ 12,1% (năm 2000) lên gần 18% (năm 2005); lao động trong các ngành dịch vụ tăng từ 19,7% lên 25%, lao động các ngành nông, lâm, ngư nghiệp giảm từ 68,2% xuống còn 57%. Tỷ trọng lao động qua đào tạo tăng từ 20% (năm 2000) lên 25% (năm 2005).

Về cơ cấu thành phần kinh tế được chuyển dịch theo hướng phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế và đan xen nhiều hình thức sở hữu. Khu vực kinh tế nhà nước đang được sắp xếp lại, đổi mới và hiện còn chiếm 39% GDP, chi phối nhiều ngành kinh tế then chốt và tập trung hơn vào lĩnh vực chủ yếu của nền kinh tế. Kinh tế liên doanh phát triển khá nhanh, hoạt động có hiệu quả trên nhiều lĩnh vực, chiếm 45,5% GDP, đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội, nhất là giải quyết việc làm và cải thiện đời sống của nhân dân; trong đó kinh tế hợp tác xã phát triển khá đa dạng (đóng góp khoảng 8% GDP). Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có tốc độ tăng trưởng khá cao, chiếm 15,5% GDP, là cầu nối quan trọng với thế giới về chuyển giao công nghệ, giao thương quốc tế.

*Ba là, vốn đầu tư xã hội tăng khá nhanh.*

Vốn đầu tư toàn xã hội tăng khá nhanh, vượt mức dự kiến (vượt 16% so với kế hoạch, gấp 1,76 lần so với 5 năm trước). Vốn đầu tư của dân tăng nhanh. Tỷ lệ vốn đầu tư phát triển so với GDP tăng từ 34% (năm 2001) lên hơn 36,5% (năm 2005). Vốn đầu tư trong nước tăng, chiếm 72% tổng vốn đầu tư xã hội.

Đã tập trung đầu tư cho những mục tiêu quan trọng. Lĩnh vực kinh tế chiếm gần 71% tổng vốn đầu tư xã hội (nông, lâm, ngư nghiệp trên 13%, công nghiệp và xây dựng gần 44%, giao thông - bưu điện gần 14%); lĩnh vực xã hội chiếm gần 26% (nhà ở, cấp thoát nước, công trình công cộng khác gần 14%, giáo dục và đào tạo gần 4%, y tế xã hội trên 2%, văn hóa thể thao gần 2%, khoa học và công nghệ gần 1%); quy mô vốn đầu tư ở các vùng đều tăng, vùng nghèo, xã nghèo được nhà nước quan tâm đầu tư nhiều hơn.

Vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước đã tập trung cho việc xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, phát triển nguồn nhân lực, xóa đói, giảm nghèo, hỗ trợ các vùng khó khăn<sup>1</sup>. Vốn đầu tư của doanh nghiệp tăng nhanh, không chỉ phát triển sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ mà còn tham gia đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, xây dựng đô thị. Vốn tài trợ phát triển chính thức (ODA), vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tiếp tục được duy trì và tăng thêm, tạo nhiều công trình kết cấu hạ tầng và sản phẩm xuất khẩu.

Nhờ đầu tư đã làm tăng đáng kể năng lực sản xuất kinh doanh, tạo nhiều sản phẩm có sức cạnh tranh, hoàn thành và đưa vào sử dụng nhiều công

---

1. Trong 5 năm (2001-2005) vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước đã đầu tư cho ngành nông, lâm, ngư nghiệp: 22,2%; giao thông - vận tải, bưu điện: 27%; giáo dục - đào tạo: 8,9%; y tế - xã hội: 6,9%, văn hóa - thể thao: 4,3%, khoa học - công nghệ: 3,1%.

trình kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội, kể cả những công trình lớn, tăng cường tiềm lực và cơ sở vật chất - kỹ thuật của nền kinh tế.

*Bốn là, thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa bước đầu được xây dựng, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định.*

Hệ thống pháp luật, chính sách và cơ chế vận hành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được xây dựng tương đối đồng bộ, hoạt động của các loại hình doanh nghiệp và bộ máy quản lý nhà nước được đổi mới một bước quan trọng. Các loại thị trường hàng hóa, dịch vụ, lao động, khoa học và công nghệ, bất động sản có bước phát triển phù hợp với cơ chế mới.

Trong 5 năm đã giữ được các cân đối kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, tạo môi trường và điều kiện cần thiết cho sự phát triển kinh tế.

Hàng năm quỹ tiết kiệm tăng bình quân 6,2% (kế hoạch 5,5%/năm), mức tiêu dùng bình quân đầu người tăng gần 6%/năm; nhờ đó đã có điều kiện vừa đẩy mạnh đầu tư phát triển, vừa cải thiện đời sống nhân dân.

Tiềm lực tài chính nhà nước ngày càng được tăng cường, thu ngân sách tăng trên 17%/năm, tỷ lệ GDP huy động vào ngân sách bình quân hàng năm đạt 23,3%, vượt kế hoạch. Tổng chi ngân sách nhà nước tăng 16,6%/năm; chi đầu tư phát triển chiếm bình quân 30% tổng chi ngân sách; bội chi ngân sách hàng năm khoảng 4,9% GDP.

Điều hành linh hoạt hơn về chính sách tiền tệ, giá trị đồng tiền cơ bản ổn định, cán cân thanh toán quốc tế giữ được cân bằng, dự trữ ngoại tệ tăng dần, giảm được tỷ lệ nợ xấu trong tổng dư nợ tín dụng, nợ chính phủ và nợ quốc gia vẫn trong giới hạn an toàn.

Hệ thống ngân hàng nhà nước, ngân hàng thương mại, quỹ hỗ trợ phát triển và các quỹ đầu tư, ngân hàng chính sách, thị trường chứng khoán, quỹ tín dụng nhân dân được chấn chỉnh, có bước phát triển, hiệu quả hoạt động tốt hơn.

Quan hệ tiền hàng cơ bản hợp lý, bảo đảm hàng hóa thiết yếu cho sản xuất và đời sống. Giá tiêu dùng bình quân hàng năm tăng 4,7%, riêng năm 2004 tăng 9,5%.

*Năm là, hội nhập kinh tế quốc tế và kinh tế đối ngoại có bước tiến mới rất quan trọng.*

Quan hệ kinh tế giữa nước ta với các nước và các tổ chức quốc tế được mở rộng; việc thực hiện các cam kết về khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ, quá trình đàm phán gia nhập Tổ

chức thương mại thế giới (WTO) và thực hiện các hiệp định hợp tác đa phương, song phương khác đã góp phần tạo ra một bước phát triển quan trọng về kinh tế đối ngoại, nhất là xuất khẩu.

Xuất khẩu, nhập khẩu tăng nhanh. Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt trên 109 tỷ USD, tăng trên 16%/năm, vượt mục tiêu đề ra. Xuất khẩu bình quân đầu người đạt 370 USD năm 2005, gấp đôi năm 2000. Xuất khẩu dịch vụ 5 năm (2001-2005) ước đạt 21 tỷ USD, tăng 15,7%/năm, bằng khoảng 19% tổng kim ngạch xuất khẩu. Thị trường xuất khẩu được mở rộng sang một số nước và khu vực, nhất là Hoa Kỳ.

Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa 5 năm khoảng 129,6 tỷ USD tăng 18,5%/năm. Tổng kim ngạch nhập khẩu dịch vụ 5 năm ước trên 21 tỷ USD, tăng 10,3%/năm. Nhập siêu hàng hóa 5 năm khoảng 20,5 tỷ USD, bằng 18,8% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa, tuy ở mức cao nhưng vẫn trong tầm kiểm soát.

Cơ cấu xuất khẩu, nhập khẩu chuyển biến theo hướng tích cực. Trong tổng kim ngạch xuất khẩu, tỷ trọng hàng khoáng sản giảm từ 37,2% năm 2000 xuống còn 31,9% năm 2005; hàng nông, lâm, thủy sản giảm từ 29% xuống 27%; hàng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp tăng từ 33,8% lên 41%. Trong cơ cấu hàng nhập khẩu, nhóm máy móc, thiết bị và phụ tùng chiếm khoảng 32%, nhóm nguyên, nhiên, vật liệu chiếm 61%, nhóm hàng tiêu dùng chiếm 7%.

Vốn đầu tư từ nước ngoài tăng khá, cả vốn ODA và vốn FDI. Việc ký kết các hiệp định về vốn ODA trong 5 năm qua được duy trì đều đặn với tổng giá trị đạt khoảng 15 tỷ USD, tập trung chủ yếu vào xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội, đào tạo nguồn nhân lực, xóa đói, giảm nghèo, tăng cường thể chế, bảo vệ môi trường.

Nguồn vốn FDI đạt gần 17,9 USD, vượt trên 19% so với kế hoạch; tổng vốn thực hiện khoảng 13,6 tỷ USD, vượt 23% so với kế hoạch và tăng 12,5% so với 5 năm trước. Năm 2005, các doanh nghiệp có nguồn vốn đầu tư từ FDI đóng góp khoảng 15,5% GDP, chiếm trên 33% tổng kim ngạch xuất khẩu (chiếm khoảng 50% kể cả dầu khí), đóng góp trên 10% tổng thu ngân sách nhà nước (kể cả dầu khí thì gần 34%), tạo việc làm cho 83 vạn lao động trực tiếp và hàng triệu lao động gián tiếp.

Một số doanh nghiệp Việt Nam bước đầu có dự án đầu tư ra nước ngoài.

*Sáu là, giáo dục và đào tạo có bước phát triển khá.*

Đồng thời với việc củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, việc phổ cập giáo dục trung học cơ sở đã được triển khai tích cực, đến hết năm 2005 có 30

tỉnh đạt tiêu chuẩn phổ cập trung học cơ sở. Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đi học ở bậc tiểu học đạt 97,5%. Quy mô giáo dục và trình độ dân trí đã có bước cải thiện rõ rệt.

Số học sinh trung học chuyên nghiệp và dạy nghề tăng 10%/năm, sinh viên đại học và cao đẳng tăng 7,6%/năm. Các trường sư phạm từ Trung ương đến địa phương tiếp tục được tăng cường. Chất lượng dạy nghề có chuyển biến tích cực. Bước đầu đã hình thành mạng lưới dạy nghề cho lao động nông thôn, thanh niên dân tộc thiểu số, người tàn tật, gắn dạy nghề với tạo việc làm, xóa đói, giảm nghèo.

Đổi mới giáo dục được tiến hành từ giáo dục mầm non, phổ thông, dạy nghề đến cao đẳng, đại học. Việc xã hội hóa giáo dục và đào tạo đã đạt được kết quả bước đầu. Nhiều trường dân lập, tư thục bậc đại học, trung học chuyên nghiệp, trung học phổ thông và dạy nghề đã được thành lập.

Đầu tư cho giáo dục và đào tạo tăng đáng kể. Năm 2005 chi cho giáo dục và đào tạo chiếm 18% tổng chi ngân sách nhà nước, đã huy động được nhiều nguồn vốn khác để phát triển giáo dục thông qua việc phát hành công trái giáo dục, đóng góp của dân cư, của doanh nghiệp, vốn từ bên ngoài. Cơ sở vật chất của ngành đã được cải thiện, đặc biệt là đối với vùng núi, vùng đồng bào dân tộc ít người.

#### *Bẫy là, khoa học và công nghệ có tiến bộ.*

Khoa học và công nghệ đã tập trung hơn vào nghiên cứu ứng dụng, phục vụ các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Nhiều thành tựu khoa học - công nghệ mới được ứng dụng trong các ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp... đã tạo ra nhiều sản phẩm và dịch vụ mới có chất lượng cao, có sức cạnh tranh, phục vụ xuất khẩu và thay thế nhập khẩu.

Khoa học xã hội và nhân văn đã có tiến bộ hơn trước trong việc điều tra, nghiên cứu, cung cấp tư liệu và luận cứ khoa học phục vụ hoạch định chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc.

Khoa học tự nhiên đã tăng cường các hoạt động vào điều tra nghiên cứu, đánh giá tiềm năng tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học và phòng, tránh thiên tai.

Bước đầu đổi mới cơ chế quản lý, đa dạng hóa phương thức giao nhiệm vụ nghiên cứu như đấu thầu cạnh tranh hoặc hỗ trợ một phần kinh phí nghiên cứu ứng dụng cho các doanh nghiệp, khuyến khích các doanh nghiệp liên kết hoặc ký hiệp đồng với các tổ chức khoa học và công nghệ. Tiềm lực và trình

độ khoa học và công nghệ trong nước đã có bước phát triển, mở rộng được quy mô và nâng cao hiệu quả hoạt động.

Công tác bảo vệ môi trường đạt được những kết quả bước đầu. Hoạt động điều tra cơ bản về môi trường được duy trì; việc ngăn ngừa và khắc phục ô nhiễm môi trường có những tiến bộ; đã ban hành một số chính sách về bảo vệ môi trường.

*Tóm lại, hoạt động văn hóa, xã hội có tiến bộ trên nhiều mặt, việc gắn kết giữa phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội có chuyển biến tích cực.*

Trong 5 năm đã tạo việc làm cho 7,5 triệu lao động, các thành phần kinh tế ngoài nhà nước đã thu hút gần 91% lực lượng lao động xã hội và tạo 90% việc làm mới. Xuất khẩu lao động và chuyên gia bằng 2,3 lần so với 5 năm trước. Năm 2005 thất nghiệp khu vực thành thị giảm còn 5,4%; thời gian sử dụng lao động ở nông thôn đạt 80%.

Công tác xóa đói giảm nghèo đã thu được kết quả tốt thông qua việc trợ giúp điều kiện sản xuất, tạo việc làm, cải thiện kết cấu hạ tầng, nhà ở; tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản, tăng thu nhập, cải thiện đời sống; động viên các ngành, các cấp, các đoàn thể quần chúng và các tầng lớp dân cư tham gia. Đến cuối năm 2005, tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 7% (theo tiêu chuẩn Việt Nam) so với kế hoạch là 10%.

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được chú trọng: Mạng lưới y tế, đặc biệt là y tế cơ sở được củng cố và phát triển, hầu hết các xã, phường trong cả nước đều có trạm y tế, nhiều trạm có bác sĩ. Một số cơ sở y tế chuyên ngành được nâng cấp, ứng dụng công nghệ tiên tiến. Hoạt động y tế dự phòng được đẩy mạnh. Sản xuất thuốc trong nước đã đáp ứng trên 40% nhu cầu thuốc chữa bệnh. Chế độ khám, chữa bệnh cho người nghèo, khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi đang được triển khai thực hiện. Việc phòng, chống HIV/AIDS được đẩy mạnh hơn. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm từ 33,4% năm 2000 xuống dưới 25% năm 2005, đạt kế hoạch dự kiến; tỷ lệ chết ở trẻ em dưới 1 tuổi còn 18%. Tuổi thọ trung bình của người Việt Nam từ 68 tuổi (năm 1999) đã nâng lên 71,3 tuổi (năm 2005).

Về hoạt động văn hóa, thông tin có sự phát triển đa dạng hơn, góp phần nâng cao đời sống văn hóa của nhân dân, làm tăng hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, phổ biến pháp luật, phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở được đẩy mạnh. Hoạt động báo chí, phát thanh, truyền hình được cải tiến về nội dung, tăng quy mô, mở rộng phạm vi tới vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người và ra nước ngoài.

Những hoạt động thể dục thể thao tiếp tục phát triển theo chiều rộng và có bước nâng cao. Cơ sở vật chất - kỹ thuật của ngành thể thao đã được tăng cường đáng kể. Đã tổ chức thành công Đại hội thể thao Đông Nam Á lần thứ 22 và Đại hội thể thao của người khuyết tật Đông Nam Á lần thứ 2.

Việc chăm sóc người có công với cách mạng và trợ giúp người có khó khăn được duy trì và mở rộng. Đi đôi với mở rộng diện được hưởng chính sách trợ giúp của nhà nước, phong trào "đền ơn đáp nghĩa", "uống nước nhớ nguồn" trong xã hội tiếp tục được đẩy mạnh. Công tác cứu trợ đồng bào ở các vùng bị thiên tai, giúp đỡ những người tàn tật, đặc biệt là nạn nhân chất độc da cam, đã được các ngành, các cấp tổ chức, triển khai kịp thời, có hiệu quả và huy động được sự tham gia của đông đảo nhân dân.

Về công tác phòng, chống tệ nạn xã hội được đẩy mạnh hơn. Nhiều địa phương đã có những giải pháp tốt phòng chống ma túy, tệ nạn mại dâm và ngăn chặn các hoạt động văn hóa không lành mạnh. Các hình thức cai nghiện, quản lý người sau cai nghiện có hiệu quả hơn.

*Chín là, đại đoàn kết toàn dân tộc vì sự nghiệp phát triển đất nước tiếp tục được tăng cường.*

Việc phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc gắn với thực hiện tự do, dân chủ theo pháp luật đã động viên các tầng lớp nhân dân, các dân tộc, các tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài chung sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Các tổ chức chính trị - xã hội, nghề nghiệp, tôn giáo bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú đã góp phần tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội.

Toàn xã hội đã phát huy tinh thần tương thân tương ái, ý thức cộng đồng sẻ cơm nhường áo, tích cực tham gia khắc phục thiên tai, giúp đỡ người nghèo, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, nạn nhân chất độc da cam... và chăm lo cải thiện đời sống đồng bào dân tộc ít người, vùng sâu, vùng xa.

*Mười là, chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được tăng cường, công tác đối ngoại được mở rộng, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội.*

Cải cách hành chính có bước phát triển mới, hiệu lực quản lý nhà nước được tăng cường một bước, dân chủ trong xã hội tiếp tục được phát huy, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững.

Tiềm lực quốc phòng, an ninh được tăng cường, đời sống vật chất tinh thần và trang bị kỹ thuật của lực lượng vũ trang được cải thiện. Các tuyến phòng thủ, thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân được củng cố.

Việc kết hợp giữa phát triển kinh tế xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh được thực hiện tốt hơn. Công tác bảo vệ an ninh chính trị và giữ gìn trật tự an toàn xã hội đạt được thành tựu quan trọng; đã phát hiện, ngăn chặn nhiều âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch; kiểm chế được tội phạm hình sự, xử lý nghiêm những vụ phạm tội đặc biệt là những vụ tham nhũng.

Công tác chính trị đối ngoại không ngừng được mở rộng cả trong quan hệ nhà nước và quan hệ nhân dân, đạt được kết quả quan trọng trong thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

Công tác quốc phòng, an ninh và hoạt động đối ngoại đã góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tạo môi trường an toàn, ổn định và điều kiện thuận lợi cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

*Mười một là, công tác xây dựng Đảng được coi trọng.*

Thường xuyên coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và đã đạt được một số kết quả tích cực. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, công tác lý luận, việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh có tiến bộ. Công tác tổ chức và cán bộ có một số đổi mới về nội dung và cách làm. Việc xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng gắn với xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở có chuyển biến. Công tác phát triển đảng viên được quan tâm chỉ đạo và đạt kết quả. Đa số đảng viên, cán bộ phát huy được vai trò năng động, tiên phong, sáng tạo trong công tác, lao động, rèn luyện phẩm chất năng lực. Quan hệ gắn bó giữa Đảng và nhân dân được tiếp tục phát huy.

Qua 5 năm tiếp tục thực hiện sự nghiệp đổi mới chúng ta đã đạt được những thành tựu rất quan trọng trên các mặt của đời sống xã hội, kết quả đó là do các nguyên nhân chủ yếu sau:

*Thứ nhất, Đảng có đường lối, chủ trương đúng đắn, Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng đã được cụ thể hóa phù hợp trong các nghị quyết của Trung ương và được thể chế hóa theo hướng xây dựng đồng bộ nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa.*

*Thứ hai, sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân; sự chỉ đạo, điều hành có hiệu quả của Chính phủ; sự năng động và quyết tâm của các ngành, các cấp, các doanh nghiệp khắc phục khó khăn để hoàn thành thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.*

*Thứ ba, do kết quả đầu tư của nhiều năm qua, cùng với sự huy động ngày càng cao mọi nguồn lực cả trong và ngoài nước, đặc biệt là nguồn lực to lớn của dân cho công cuộc phát triển đất nước.*



Bên cạnh những thành tựu rất quan trọng đã đạt được, chúng ta còn những khuyết điểm và yếu kém:

*Một là, nhịp độ tăng trưởng kinh tế chưa tương xứng với khả năng; chất lượng, hiệu quả, mức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp, chưa vững chắc, cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm.*

*Hai là, cơ chế, chính sách về văn hóa - xã hội chậm đổi mới; nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết tốt.*

*Ba là, các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại còn một số mặt hạn chế.*

*Bốn là, tổ chức và hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân còn một số khâu chậm đổi mới.*

*Năm là, cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng chưa đạt yêu cầu đề ra.*

Còn những khuyết điểm trên là do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, song chủ yếu là do những nguyên nhân chủ quan:

Tư duy của Đảng trên một số lĩnh vực chậm đổi mới. Một số vấn đề ở tầm quan trọng, chủ trương lớn chưa được làm rõ nên chưa đạt được thống nhất cao về nhận thức và thiếu dứt khoát trong hoạch định chính sách, chỉ đạo điều hành.

Chỉ đạo tổ chức thực hiện chưa tốt. Ba lĩnh vực được coi là ba khâu đột phá (xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà trọng tâm là đổi mới cơ chế, chính sách; tạo bước chuyển mạnh về phát triển nguồn nhân lực; đổi mới tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị mà trọng tâm là cải cách hành chính) và việc xây dựng một số công trình trọng điểm lớn của quốc gia chưa được chỉ đạo tập trung, thực hiện thiếu tinh thần trách nhiệm. Tình trạng nói nhiều làm ít, làm không đến nơi đến chốn hoặc không làm còn diễn ra ở nhiều nơi. Hiệu lực quản lý nhà nước còn thấp đối với một số lĩnh vực như: quy hoạch đất đai, xây dựng cơ bản, giá cả, tài chính, ngân hàng, an toàn giao thông, báo chí, xuất bản... Công tác kiểm tra, thanh tra chưa thường xuyên và còn thiếu hiệu lực.

Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, kể cả một số cán bộ chủ chốt các cấp yếu kém về phẩm chất và năng lực, vừa thiếu tính tiên phong, gương mẫu, vừa không đủ trình độ, năng lực hoàn thành nhiệm vụ.

Từ những khuyết điểm, yếu kém và nguyên nhân được rút ra qua tổng kết thực tiễn lãnh đạo và thực hiện nhiệm vụ trong 5 năm (2001-2005) đặt

ra cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phải tiếp tục nỗ lực phấn đấu nhanh chóng khắc phục khuyết điểm, yếu kém, thực hiện thắng lợi những mục tiêu, nhiệm vụ trong những năm 2006-2010.

### III. TOÀN CẦU HÓA, HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM

#### 1. Vấn đề toàn cầu hóa.

Nhìn lại lịch sử phát triển của thế giới, không phải đến bây giờ các quốc gia mới có sự giao lưu quốc tế, trái lại điều đó diễn ra từ lâu. Đặc biệt là từ thế kỷ XVI, với những phát kiến vĩ đại về địa lý đã đem lại một địa bàn hoạt động cho giai cấp tư sản vừa mới ra đời và sau đó là những thành tựu của cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa tư bản chủ nghĩa với sự xác lập cơ sở vật chất kỹ thuật là đại công nghiệp đã đặt ra những vấn đề mang tính tất yếu cho sự giao lưu quốc tế. Đối với nền sản xuất tư bản chủ nghĩa thế kỷ XVIII, thị trường quốc tế đã được mở rộng, nền kinh tế đã từng bước mang tính quốc tế. Điều này được C.Mác và Ph.Ăngghen khẳng định trong *Tuyên ngôn cộng sản* rằng: "Đại công nghiệp đã tạo ra thị trường thế giới... Thay cho tình trạng cô lập trước kia của các địa phương và dân tộc vẫn tự cung tự cấp, ta thấy phát triển những quan hệ phổ biến, sự phụ thuộc phổ biến giữa các dân tộc"<sup>1</sup>.

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, với quá trình tích tụ và tập trung sản xuất được đẩy mạnh, các tổ chức độc quyền ra đời, công cuộc tìm kiếm thị trường và phân chia lại hệ thống thị trường đã được thiết lập. Thị trường được mở rộng và "do bóp nặn thị trường thế giới, giai cấp tư sản đã làm cho sản xuất và tiêu dùng của tất cả các nước mang tính chất thế giới"<sup>2</sup>. Với sự ra đời của độc quyền và sự hình thành phát triển của tư bản tài chính, xuất khẩu tư bản tăng mạnh mẽ, việc mở rộng và phân chia thị trường càng trở nên ráo riết. Để có được thị trường ổn định, tư bản tài chính đã thực hiện phân chia lãnh thổ thế giới. Bởi vì, chỉ khi nào mảnh địa cầu thuộc sự cai trị của tư bản tài chính thì khi đó mới có thị trường ổn định thực sự. Thế là cuộc đấu tranh phân chia đã diễn ra bằng nhiều biện pháp, trong đó chiến tranh

---

1, 2. C.Mác - Ph.Ăngghen: *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, Toàn tập, tập 1, Nxb Sự thật, H. 1986, tr. 542-546.

đã trở thành phương thức chủ yếu nhất cho sự phân chia này. Từ đó thế giới đã phân chia thành hai loại quốc gia: quốc gia thuộc địa và chính quốc. Quá trình quốc tế bước vào giai đoạn phát triển mới, thương mại, đầu tư dưới hình thức xuất khẩu tư bản tăng lên, việc khai thác thuộc địa dưới nhiều hình thức, việc truyền bá quan điểm chính trị, văn hóa của chính quốc đối với thuộc địa được đẩy mạnh. Theo số liệu thống kê quốc tế, thương mại của thế kỷ XX đã tăng 100 lần so với thế kỷ trước đó, tổng số vốn đầu tư đến năm 1914 đã lên tới 44 tỉ USD, số người châu Âu rời bỏ quê hương đã lên tới 36 triệu (từ 1870-1913). Có thể nói sự ra đời của các tổ chức độc quyền và tư bản tài chính đã mở ra giai đoạn mới cho quốc tế hóa, với sự thiết lập hệ thống chủ nghĩa thực dân và chiến tranh đế quốc để tăng cường bóc lột và phân chia nhau lãnh thổ thế giới. *Quốc tế hóa của giai đoạn lịch sử này gắn liền với việc bành trướng thế lực tư bản tài chính nói riêng và phương thức tư bản chủ nghĩa nói chung, nhằm biến tất cả các quốc gia còn lại phục vụ cho việc nâng cao hiệu suất tư bản của các cường quốc đế quốc. Đặc trưng của giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền là quốc tế hóa được thực hiện chủ yếu bằng cách cưỡng chế và bạo lực.*

Cách mạng tháng Mười Nga thành công, tiếp đó là sự trỗi dậy của hàng loạt nước vốn là thuộc địa ở các châu lục, tính chất quốc tế hóa đã có sự thay đổi lớn do chủ nghĩa tư bản đế quốc không còn khả năng tự định đoạt số phận của các nước thuộc địa như trước đây nữa, các nước đã giành được độc lập tự quyết định con đường phát triển của mình. Trong điều kiện đó, chủ nghĩa thực dân mới, đặc biệt là chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ đã được thực thi như một công cụ hữu hiệu; quốc tế hóa được mở rộng dưới nhiều hình thức mới, tuy trải qua những bước thăng trầm.

Quá trình quốc tế hóa từ trước khi chiến tranh lạnh kết thúc là quá trình mở rộng quan hệ sản xuất quốc tế và các quan hệ kinh tế, chính trị, xã hội nói chung, dưới sự tác động và đòi hỏi của sự phát triển lực lượng sản xuất, cả về trình độ và tính chất của nó. Song, *trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản, nó lại biến thành quá trình tăng cường khai thác thế giới theo phương thức tư bản chủ nghĩa và với Mỹ thì quá trình quốc tế hóa còn nhằm thực hiện mưu đồ làm bá chủ thế giới của mình.*

Thời kỳ sau chiến tranh lạnh, so sánh lực lượng giữa các trung tâm quyền lực đã có sự thay đổi, xu thế hòa bình phát triển trở thành xu thế cơ

bản, tác động của cuộc cách mạng xã hội xã hội chủ nghĩa vô cùng mạnh mẽ đã thúc đẩy quá trình quốc tế hóa tiếp tục phát triển lên nấc thang mới mà nhiều người gọi là *toàn cầu hóa*. Trong giai đoạn này, với sự khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa tư bản có cơ hội bành trướng không chỉ về kinh tế mà đặc biệt về quan điểm chính trị, văn hóa, xã hội, lợi dụng quá trình này để thực hiện những mưu toan của chúng.

Toàn cầu hóa và quốc tế hóa là quá trình cùng bản chất, trong đó toàn cầu hóa phản ánh quá trình ở nấc thang cao hơn của quốc tế hóa dưới tác động của cuộc cách mạng khoa học công nghệ, trước hết là cách mạng thông tin.

Để phân tích, đánh giá toàn cầu hóa được khách quan chính xác, phạm trù xuất phát và cơ bản nhất là sự phát triển cao về trình độ và tính chất của lực lượng sản xuất. Chính sự phát triển này vừa đòi hỏi, vừa tạo điều kiện để mở rộng quan hệ sản xuất trên phạm vi quốc tế, biểu hiện trên việc mở rộng quan hệ sở hữu, quan hệ quản lý, phân phối và từ quan hệ sản xuất (tức là cơ sở hạ tầng) đến các bộ phận trong kiến trúc thượng tầng. Đó là xu hướng khách quan của quá trình vận động đang diễn ra trong đời sống thế giới đương đại. Trong điều kiện chủ nghĩa tư bản còn tồn tại, giai cấp tư sản quốc tế đã tìm mọi cách sử dụng quá trình này phục vụ cho những mục tiêu riêng của mình, nhằm khai thác một cách có hiệu quả nguồn lực quốc tế, thích nghi và duy trì sự tồn tại của chủ nghĩa tư bản trong điều kiện mới. Vì vậy, không có gì ngạc nhiên khi học thuyết về chủ nghĩa tự do được các học giả tư sản đề cao và tuyên truyền dưới nhiều màu sắc khác nhau.

Quá trình toàn cầu hóa là nấc thang phát triển tiếp tục và cao hơn của các quan hệ quốc tế, trước hết là quan hệ kinh tế và theo đó là các quan hệ thuộc kiến trúc thượng tầng, trước những đòi hỏi và tạo tiền đề của sự phát triển cao độ lực lượng sản xuất, trong đó vai trò cách mạng khoa học - công nghệ trước hết là cách mạng thông tin mang tính quyết định. Song trong điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản, quá trình đó đã trở thành quá trình thích nghi, mở rộng quan hệ sản xuất tư bản trên phạm vi toàn cầu, nhằm khai thác quốc tế theo lối tư bản chủ nghĩa. Vì vậy, quá trình toàn cầu hóa cũng là quá trình mở rộng phạm vi và làm tăng mức độ mâu thuẫn kinh tế xã hội, giữa chủ nghĩa tư bản đứng đầu là Mỹ với các quốc gia trên thế giới, trước hết là các quốc gia đang phát triển. Chính sự tăng lên của mâu thuẫn

kinh tế - xã hội mang tính toàn cầu là nguồn gốc sâu xa làm cho chủ nghĩa tư bản sẽ bị thay thế.

Ngày nay, dưới sự tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, quá trình toàn cầu hóa đã có sự phát triển mới.

Quá trình tự do hóa thương mại, mở rộng thị trường về chiều rộng và chiều sâu, tự do hóa lưu chuyển vốn, sự hòa nhập của cơ cấu tài chính, sự phân công chuyên môn hóa sản xuất. Toàn cầu hóa đang diễn ra một cách sôi động, lôi cuốn các quốc gia lớn, nhỏ, từ trung tâm đến ngoại vi vào dòng xoáy, tạo nên một sự phụ thuộc lẫn nhau ngày càng lớn. Từ đó sự đan xen về lợi ích, cũng như sự thống nhất mâu thuẫn luôn diễn ra trên phạm vi quốc gia, liên quốc gia, khu vực và toàn cầu. Sự hợp tác liên kết diễn ra theo mối quan hệ từ lưu thông đến sản xuất, từ một ngành đến nhiều ngành, từ kinh tế đến khoa học, công nghệ, văn hóa thể thao, chính trị, xã hội, ngoại giao...

Toàn cầu hóa là quá trình vận động có xu hướng mang *tính chất đối nghịch là mâu thuẫn*. Bên cạnh việc hợp tác liên kết hình thành cộng đồng thế giới, ngày nay toàn cầu hóa lại diễn ra xu hướng co cụm theo khu vực địa lý. Ví như: sự hình thành NAFTA giữa Mỹ, Mêhicô, Canada; sự thống nhất các quốc gia trong EU, ASEAN... hoặc các tam, tứ giác tăng trưởng kinh tế; cộng đồng Pháp ngữ... là sự biểu hiện của xu hướng đó. Đồng thời với xu hướng liên kết là xu hướng phân rã, chia rẽ các liên bang, các khu vực liên kết thành các quốc gia độc lập, vùng tự chủ theo sắc tộc, tôn giáo, địa lý... mà Tổng thư ký Liên hợp quốc Gali gọi là chủ nghĩa vi dân tộc.

Về kinh tế, "dự do" được đề cao, đặc biệt là tự do hóa thị trường thương mại, song lại vẫn tồn tại chủ nghĩa bảo hộ và một số quốc gia tư bản phát triển dùng những biện pháp cấm vận hoặc ưu đãi tối huệ quốc để răn đe những quốc gia không chịu khuất phục và khuyến khích sự phục tùng, nhất là đối với Hoa Kỳ. Toàn cầu hóa còn diễn ra mâu thuẫn giữa việc muốn áp đặt quan điểm, lối sống của các quốc gia phương Tây với việc bảo vệ những giá trị truyền thống và bản sắc dân tộc. Quá trình toàn cầu hóa đang diễn ra trong khung cảnh hoà bình, đối thoại thay cho đối đầu nhưng các thế lực phản động quốc tế vẫn bằng mọi cách mưu toan áp đặt hệ tư tưởng chính trị để quốc chủ nghĩa lên toàn nhân loại. Các nước tư bản phương Tây đứng đầu là Mỹ muốn *đối thoại trên thế mạnh theo lối đế quốc chủ nghĩa*. Mặt khác, do sự hấp dẫn của tỷ suất lợi nhuận cao trong

hoạt động kinh doanh các phương tiện chiến tranh nên các tổ hợp công nghiệp quân sự đang cấu kết với thế lực phản động quốc tế tìm cách phát động chiến tranh dưới mọi hình thức để kiếm lời. Do vậy, xu hướng hòa bình phát triển luôn bị đe dọa.

Toàn cầu hóa thúc đẩy sự hình thành về mặt tổ chức thiết chế liên quốc gia, đa quốc gia và quốc tế. Song tính bình đẳng của các quốc gia trong các thể chế đó luôn là vấn đề nổi cộm. Các tổ chức này tuy đã đóng góp phần không nhỏ vào việc giải quyết nhiều vấn đề quốc tế, thành quả của nó đem lại lợi ích chung cho cộng đồng thế giới là đáng ghi nhận và trân trọng, song trên thực tế nó đang bị Mỹ cũng như một số cường quốc phương Tây khống chế. Hành động vi phạm chủ quyền quốc gia của một số tổ chức quốc tế dưới sự chỉ đạo của chủ nghĩa đế quốc là những biểu hiện tiêu cực của toàn cầu hóa

Ngày nay, sự phát triển của các công ty xuyên quốc gia trở thành lực lượng cơ bản thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa. Vai trò của chúng ngày càng tăng lên, không chỉ trong lĩnh vực kinh tế mà bao trùm tất cả các lĩnh vực trong đời sống quốc tế. Bên cạnh mặt tích cực trong việc tạo ra sự gắn kết các nền kinh tế của từng quốc gia để tạo thành nền kinh tế toàn cầu thống nhất, tạo ra sự giao lưu kinh tế, đưa lại những nguồn lực mới cho mỗi quốc gia, thực tế một số quốc gia đã tranh thủ có hiệu quả và trở thành nền kinh tế công nghiệp mới thì do chạy theo mục tiêu lợi nhuận, các công ty này nhiều khi đã trở thành lực lượng độc lập với lợi ích của các dân tộc và cộng đồng thế giới; trong đó có việc vi phạm chủ quyền quốc gia. Toàn cầu hóa là xu hướng tất yếu khách quan, mang tính hai mặt, vừa tích cực và tiêu cực. Chính vì vậy, nước ta cần phải có phương hướng, biện pháp đúng đắn trong quá trình tham gia hội nhập kinh tế quốc tế trong điều kiện hiện nay.

## **2. Việt Nam với toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế.**

Toàn cầu hóa là quá trình có tính tất yếu khách quan; mọi quốc gia dù lớn hay nhỏ, phát triển hay đang phát triển muốn tồn tại và phát triển cũng phải tham gia vào quá trình này. Thực tế cho đến nay không có quốc gia nào đã từ chối điều đó, vấn đề đặt ra là *tham gia như thế nào để mang lại hiệu quả kinh tế xã hội mà vẫn bảo đảm được độc lập chủ quyền của quốc gia mình.*

Xuất phát từ sự phân tích bối cảnh quốc tế và điều kiện cụ thể của đất nước, Đại hội VIII của Đảng đã chỉ ra phương hướng tăng cường sức mạnh tổng hợp trong phát triển kinh tế đất nước bằng cách tham gia ngày càng nhiều vào quá trình hợp tác và liên kết khu vực, liên kết quốc tế về kinh tế và thương mại<sup>1</sup>. Điều đó thể hiện quyết tâm của chúng ta tham gia vào quá trình toàn cầu hoá. Thực tế chúng ta đã gia nhập ASEAN, APEC và đang thực hiện những bước đi cần thiết để trở thành thành viên của tổ chức thương mại quốc tế WTO... Chúng ta đã có quan hệ buôn bán thương mại, đầu tư với trên 150 quốc gia và đã thu được những thành tựu nhất định.

Công cuộc đổi mới đất nước trong thời gian qua đã khẳng định vấn đề toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế là sự tất yếu của quá trình phát triển kinh tế xã hội trong thời kỳ quá độ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Quan điểm của Đảng ta về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh đã đặt ra việc nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Có thể đánh giá: cùng với sự phát triển nội lực mang ý nghĩa quyết định vấn đề toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế là một yếu tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế của nước ta.

Trong quá trình hội nhập quốc tế, chúng ta phải trên cơ sở giữ vững độc lập tự chủ và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là vấn đề có tính nguyên tắc. Mọi sự hợp tác dù song phương hay đa phương với các nước, các tổ chức khu vực và quốc tế, chúng ta phải giữ vững nguyên tắc đó không để các đối tác vi phạm, đồng thời chúng ta cũng nêu cao việc tôn trọng độc lập chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước khác, thực hiện bình đẳng các bên cùng có lợi.

Trong quá trình hội nhập quốc tế và khu vực phải nhằm mục tiêu tranh thủ có hiệu quả nguồn lực quốc tế để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nâng cao hiệu quả kinh tế xã hội và thực hiện sự phát triển lâu bền. Chúng ta phải tăng cường việc nghiên cứu quốc tế, hiểu biết quốc tế nhiều hơn, nhất là nắm vững nguyên tắc, luật lệ và những quy định, tập

---

1. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 17.

quán quốc tế để lựa chọn được đối tác phù hợp và thực hiện hợp tác có hiệu quả; cần tạo mọi điều kiện để các quốc gia trên thế giới hiểu và tăng cường quan hệ với chúng ta. Điều đặc biệt quan trọng là việc *phát huy nội lực*, có như vậy mới khai thác và sử dụng nguồn lực quốc tế một cách hiệu quả. Nghị quyết 04 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã nhấn mạnh: phải phát huy nội lực, thực hiện nhất quán lâu dài chính sách thu hút các nguồn lực bên ngoài. Mặt khác ngoài việc giữ vững những nguyên tắc, cần đổi mới cơ cấu kinh tế, cải cách nền hành chính quốc gia, đào tạo cán bộ. Phải xây dựng các đối tác trong nước để có các đối tác mạnh (về vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý, am hiểu luật lệ, có phong cách kinh doanh quốc tế...) có thể cạnh tranh và hợp tác được với các đối tác bên ngoài. Điều này có tầm quan trọng lớn lao. Vì vậy việc sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp nhà nước, xây dựng các tập đoàn kinh doanh là vấn đề cấp bách và có ý nghĩa lớn.

Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế đưa lại những thời cơ và vận hội đối với các quốc gia trong đó có nước ta, song cũng tồn tại những *khó khăn thách thức*. Những khó khăn thách thức đó một mặt bắt nguồn từ chính quá trình toàn cầu hóa trong điều kiện chi phối của chủ nghĩa tư bản, mặt khác với nước ta nó còn bắt nguồn từ những khó khăn, yếu kém về trình độ phát triển kinh tế thị trường và theo đó là những khó khăn về doanh nghiệp, về quản lý nhà nước, về hiểu biết thị trường quốc tế... Do vậy, cần phải đẩy mạnh quá trình đổi mới, xây dựng chiến lược tổng thể, về hội nhập, xác định rõ hơn lộ trình, từ đó phải có kế hoạch cụ thể trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù hợp để tận dụng tối đa lợi thế so sánh, khai thác tốt nhất nguồn lực quốc tế. Đồng thời cần phải đặc biệt nâng cao cảnh giác, chống chiến lược "diễn biến hoà bình" của các thế lực phản động quốc tế. Đa phương hóa trong hoạt động đối ngoại là quan điểm đúng đắn của Đảng, song để thực hiện quan điểm đó cần nắm vững mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị, nắm vững lý luận của V.I. Lê nin về chủ nghĩa tư bản nhà nước trong thời kỳ quá độ, trong đó vai trò nhà nước là đặc biệt quan trọng.

Đối với nước ta, quá trình toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế vừa là một cơ hội cũng vừa là một thách thức. Đảng ta vận dụng sáng tạo nguyên lý



của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội vào điều kiện cụ thể Việt Nam, nhất là những nguyên lý về chủ nghĩa tư bản nhà nước trong thời kỳ quá độ, nâng cao tính hiệu quả trong quản lý nhà nước và sự nỗ lực của mọi ngành, mọi cấp để thực hiện khai thác tốt nhất, hiệu quả nhất nguồn lực quốc tế, giữ gìn và phát huy bản sắc và truyền thống tốt đẹp của dân tộc để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong điều kiện toàn cầu hóa, quốc tế hóa đời sống kinh tế - xã hội hiện nay.

## KẾT LUẬN

Ở vào thời điểm hiện nay (cuối năm 2005), nhìn lại công cuộc đổi mới ở nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta không thể không phấn khởi, tự hào, tin tưởng vào con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa và con đường đổi mới do Chủ tịch Hồ Chí Minh khai sáng, Đảng ta và nhân dân ta phấn đấu thực hiện. Cũng có người từ xem xét thực trạng nước ta đang còn nghèo nàn đi đến phủ định mọi thành quả đổi mới 20 năm qua. Đánh giá lịch sử, chúng ta cũng cần có quan điểm lịch sử, có cách nhìn tổng thể và cụ thể.

Chúng ta bước ra khỏi chiến tranh chỉ với một hào khí chiến thắng còn có thể đất nước thật là gầy yếu và đầy thương tích. Tình hình thế giới và khu vực lại diễn biến xấu chưa từng có, ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển của đất nước. Chủ nghĩa xã hội hiện thực - chỗ dựa bên ngoài chính của nước ta để xây dựng và bảo vệ đất nước lâm vào khủng hoảng trầm trọng, cách mạng thế giới lâm vào thoái trào; chủ nghĩa tư bản vượt qua được tổng khủng hoảng, có bước phát triển mới, các thế lực đế quốc hiếu chiến mở cuộc phản công quyết liệt vào chủ nghĩa xã hội và phong trào cách mạng thế giới, trong đó, chúng coi Việt Nam là một trọng điểm; hai cuộc chiến tranh biên giới xảy ra khi chúng ta vừa giành được hòa bình, độc lập, thống nhất. Những khó khăn, sa sút về kinh tế, đời sống là khó tránh khỏi. Cộng với sự non yếu về kiến thức, kinh nghiệm tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa và tư tưởng chủ quan nóng vội, duy ý chí của Đảng, đã dẫn đến cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội của đất nước.

Trong tình thế hiểm nghèo đó, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch tính toán và dự báo: Việt Nam sẽ là một nước sụp đổ sớm, nhưng khi mà lần lượt các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ, tan rã, thì chủ nghĩa xã hội ở nước ta vẫn đứng vững; chẳng những thế còn có bước phát triển mới. Chúng ta chưa nhận đó là một sự kỳ diệu của lịch sử như nhiều bạn bè quốc tế đánh giá, nhưng rõ ràng đây là một thành công lớn của toàn Đảng, toàn quân và dân ta.

Đánh giá tổng quát, công cuộc đổi mới 20 năm qua *đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử*<sup>1</sup>. Biểu hiện cụ thể của thành tựu đó là:

- *Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, kinh tế tăng trưởng khá nhanh, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa bước đầu được xây dựng, công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước được đẩy mạnh.*

Cuộc khủng hoảng kinh tế xã hội ở nước ta kéo dài khoảng 10 năm, từ năm 1976 đến giữa những năm 80 và sau 10 năm khắc phục, đến năm 1995 mới được coi là ra khỏi khủng hoảng. Tính từ năm 1991 đến năm 2005, trong 15 năm, tăng trưởng GDP bình quân tăng xấp xỉ 7,5%. Đó là một nhịp độ tăng cao và ổn định. Công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đang được đẩy mạnh với nhiều chỉ tiêu kinh tế xã hội cao đã thực hiện được, nhiều công trình lớn đã và đang được xây dựng.

- *Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc ngày càng được tăng cường và củng cố.*

Mặc dù chủ nghĩa thực dân, phong kiến đã chia rẽ dân tộc ta, chiến tranh khốc liệt 30 năm càng làm phân ly đồng bào ta, dù ngày nay còn có những quan điểm nhờ lòng yêu nước của tất cả con Lạc cháu Hồng nên khối đại đoàn kết toàn dân tộc mà nền tảng là liên minh công nhân nông dân - trí thức theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh ngày càng được mở rộng và củng cố.

- *Quốc phòng và an ninh được giữ vững.*

Nắm bắt và dự báo tình hình thế giới và trong nước, Đảng ta kịp thời xác định hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam hiện nay là xây dựng

---

1. Đánh giá những thành tựu và kinh nghiệm, dựa theo *Dự thảo Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX trình Đại hội X của Đảng.*

thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Với tư duy mới về bảo vệ Tổ quốc, Đảng xác định "Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và nền văn hóa, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ sự nghiệp đổi mới và lợi ích quốc gia dân tộc"<sup>1</sup> trong khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng đất nước, Đảng ta và nhân dân ta thường xuyên coi trọng nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân được tăng cường, lực lượng vũ trang nhân dân được quan tâm xây dựng theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Mặc dù tình hình thế giới ngày càng phức tạp, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch tăng cường chống phá, âm mưu thủ tiêu chế độ xã hội chủ nghĩa và nền độc lập của nước ta, nhưng chúng ta vẫn bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững ổn định chính trị - xã hội.

*Quan hệ đối ngoại được mở rộng, vị thế nước ta trên thế giới không ngừng được nâng cao.*

Nước ta từng bị các thế lực thù địch gây sức ép với nhiều nước trên thế giới, thực hiện bao vây, cấm vận. Cuối những năm 70 và suốt cả những năm 80 của thế kỷ XX, chúng ta bị cô lập, nhưng sau những năm đổi mới chúng đã phá bỏ bao vây, cấm vận. Với đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế, Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển, chúng ta đã không ngừng mở rộng quan hệ với các nước láng giềng và trong khu vực, các nước bạn bè truyền thống, các nước lớn và các quốc gia phát triển, tham gia tích cực và có vai trò ngày càng quan trọng trong nhiều diễn đàn và tổ chức quốc tế. Đến nay, nước ta đã có quan hệ ngoại giao với 167 nước trong số hơn 200 nước trên thế giới.

Những thành tựu đạt được trong nước và quan hệ quốc tế của 20 năm đổi mới đã làm thay đổi rõ rệt bộ mặt đất nước, cải thiện đáng kể đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

---

1. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 117.

Qua một thời kỳ tìm tòi, thử nghiệm và 20 năm đổi mới toàn diện đất nước, Đảng ta đã rút ra *một số bài học lớn* sau:

*Một là, trong quá trình đổi mới phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.*

Đổi mới là yêu cầu bức thiết, là vấn đề có ý nghĩa sống còn của cách mạng nước ta. Do đó đổi mới là tất yếu, là sự lựa chọn sáng suốt và dũng cảm của Đảng ta. Đổi mới không phải từ bỏ mục tiêu chủ nghĩa xã hội, mà là làm cho chủ nghĩa xã hội được chúng ta nhận thức đúng hơn và xây dựng có hiệu quả hơn. Tư tưởng chỉ đạo công cuộc đổi mới không phải là xa rời chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh mà là nhận thức đúng hơn, đầy đủ, sâu sắc hơn để vận dụng sáng tạo, phát triển lý luận và tư tưởng đó. Đổi mới không phải là phủ định thành tựu cách mạng trước đây mà là khẳng định và tiếp tục những nhận thức và cách làm đúng, loại bỏ hoặc chỉnh sửa những gì chưa đúng, chưa tốt để có nhận thức đúng hơn, tìm ra cách làm tốt hơn, đưa sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa tiến lên.

*Hai là, đổi mới toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.*

Đổi mới phải toàn diện, từ nhận thức, tư tưởng đến hoạt động thực tiễn; từ kinh tế, chính trị, đối ngoại đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; từ hoạt động lãnh đạo của Đảng, quản lý điều hành của Nhà nước đến hoạt động cụ thể của cả hệ thống chính trị. Đổi mới phải đồng bộ trên tất cả các mặt của đời sống xã hội, nhưng không phải là làm đồng loạt, dàn đều, mà phải xác định đúng và làm có trọng tâm, trọng điểm với các bước đi, hình thức thích hợp. Ban đầu, tập trung vào đổi mới kinh tế và từng bước đổi mới hệ thống chính trị; tiếp theo, phải đồng thời đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị. Bài học thành công và thất bại của công cuộc đổi mới ở các nước xã hội chủ nghĩa đã chỉ rõ vấn đề xác định bước đi, hình thức và cách làm có ý nghĩa mất, còn đối với sự nghiệp cách mạng. Cho nên việc lựa chọn bước đi, hình thức và cách làm phải hết sức thận trọng, không nóng vội để gây mất ổn định chính trị - xã hội, nhưng cũng không bảo thủ, trì trệ cản trở sự phát triển công cuộc đổi mới.

*Ba là, đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân, xuất phát từ thực tiễn, nhạy bén với cái mới.*

Quần chúng nhân dân là người sáng tạo ra lịch sử, sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa là của nhân dân, vì nhân dân và do nhân dân, thực tiễn công cuộc đổi mới ở nước ta cho thấy chính là từ sáng kiến, nguyện vọng đổi mới của nhân dân từ cơ sở, được Đảng tiếp thu, tổng kết và phát động, tổ chức thành phong trào rộng lớn. Khi Đảng phát động công cuộc đổi mới toàn diện đất nước thì chính nhân dân là lực lượng quyết định thực hiện thắng lợi đường lối đó. Công cuộc đổi mới đem lại lợi ích thiết thực cho nhân dân thì đó chính là động lực lớn thúc đẩy công cuộc đổi mới tiến lên. Sự nghiệp cách mạng nói chung, công cuộc đổi mới nói riêng hết sức nhạy cảm với sự biến chuyển thực tiễn. Vì vậy công cuộc đổi mới càng phải xuất phát từ thực tiễn, nhạy bén tìm ra nhân tố mới để bồi dưỡng, nhân rộng ra, đồng thời cũng tinh táo phát hiện những lệch lạc, thiếu sót để kịp thời uốn nắn, điều chỉnh.

*Bốn là, phát huy cao độ nội lực, đồng thời ra sức khai thác ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.*

Trong xu thế tất yếu của sự hòa nhập, giao lưu quốc tế hiện nay, không một nước nào có thể đóng cửa tự sống biệt lập với các quốc gia dân tộc khác. Hợp tác, giao lưu quốc tế chính là một yếu tố của sức mạnh thời đại hiện nay. Tuy nhiên, không ai làm thay cho mình, chưa kể đến việc cạnh tranh, lấn ép, cường quyền trong quan hệ quốc tế. Vì vậy, phải phát huy cao độ nội lực, xem đó là nhân tố quyết định đối với sự phát triển của đất nước. Đồng thời phải coi trọng và biết khai thác, huy động các nguồn lực bên ngoài để phát huy nội lực mạnh hơn, tạo ra sức mạnh tổng hợp để phát triển đất nước nhanh và bền vững. Hội nhập và hợp tác quốc tế phải dựa trên nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi, giữ vững độc lập dân tộc, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và giữ gìn, phát triển văn hóa - nền tảng tinh thần xã hội.

*Năm là, đổi mới và hoàn thiện phương thức lãnh đạo, bảo đảm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, không ngừng đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, đảm bảo quyền lực thuộc về nhân dân.*

Đảng ta là đảng cầm quyền, sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định thành công của công cuộc đổi mới. Phải giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với xã hội nói chung và công cuộc đổi mới. Hiện nay, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh là khâu then chốt. Phải xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Đồng thời phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong việc tập hợp các tầng lớp nhân dân, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc để thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới.

Bản sao lưu trữ

## **PHỤ LỤC**

---

Bản sao lưu trữ





## Phụ lục 1

# BÁO CÁO CHÍNH TRỊ CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VI CỦA ĐẢNG

(Do đồng chí Trường Chinh, Tổng Bí thư  
Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa V,  
Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, trình bày  
ngày 15 tháng 12 năm 1986)

*Thưa các đồng chí,*

Sau khi đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, hoàn thành sự nghiệp giải phóng Tổ quốc, thực hiện thống nhất nước nhà, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân cả nước tiến vào giai đoạn cách mạng mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Năm năm qua là một đoạn đường đầy thử thách. Bên cạnh những thắng lợi giành được, chúng ta đã mắc một số khuyết điểm và sai lầm. Cách mạng nước ta có những nhân tố thuận lợi mới nhưng cũng đang đứng trước nhiều khó khăn gay gắt.

Trong quá trình chuẩn bị đại hội, các đồng chí trong toàn Đảng, đồng bào trong cả nước và ở nước ngoài đã góp nhiều ý kiến thẳng thắn vào bản dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương và nêu nhiều kiến nghị đầy tâm huyết. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đang theo dõi, trông đợi Đại hội lần thứ VI của Đảng đánh giá đúng tình hình, tổng kết được những kinh nghiệm quý báu, xác định những nhiệm vụ, mục tiêu, chính sách và biện pháp để ổn định tình hình, đưa sự nghiệp cách mạng tiếp tục tiến lên.

Đại hội chúng ta có nhiệm vụ làm hết sức mình để đáp ứng lòng mong mỏi chính đáng của đồng bào và đồng chí.

## *Phần thứ nhất* **TÌNH HÌNH VÀ NHIỆM VỤ**

*Thưa các đồng chí,*

Thái độ của Đảng ta trong việc đánh giá tình hình là *nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật*. Cùng với việc đánh giá đúng những thành tích đã đạt được, ở Đại hội này, chúng ta chú trọng kiểm điểm những mặt yếu kém, phân tích sâu sắc những sai lầm và khuyết điểm, vạch rõ nguyên nhân, nêu ra biện pháp khắc phục, xác định nhiệm vụ và mục tiêu phấn đấu trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ.

Năm năm qua, cách mạng nước ta diễn ra trong bối cảnh quốc tế và trong nước có những thuận lợi cơ bản, nhưng cũng có nhiều mặt phức tạp.

Trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, nhân dân ta tiếp tục nhận được sự giúp đỡ to lớn và sự hợp tác nhiều mặt của Liên Xô vĩ đại và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, cũng như sự cổ vũ, ủng hộ của nhiều nước bầu bạn và nhân dân yêu chuộng tự do trên thế giới. Cùng với sự cải thiện thế chiến lược chung của cách mạng ba nước Đông Dương, quan hệ hợp tác toàn diện giữa Việt Nam, Lào và Campuchia đã tạo thêm những nhân tố thuận lợi cho công cuộc xây dựng cuộc sống mới ở mỗi nước.

Song, đất nước ta cùng với Lào và Campuchia phải thường xuyên đối phó với những hành động xâm lược, phá hoại và bao vây kinh tế của các thế lực thù địch. Những biến động bất lợi trên thị trường thế giới cũng gây thêm cho chúng ta không ít khó khăn.

Từ điểm xuất phát rất thấp về kinh tế, lại chịu hậu quả của chiến tranh lâu dài, nhân dân ta phải thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược, vừa thực hiện nhiệm vụ dân tộc, vừa làm nghĩa vụ quốc tế, phải đáp ứng cùng một lúc những yêu cầu vừa cơ bản, vừa cấp bách là ổn định và cải thiện đời sống, tích lũy để xây dựng xã hội chủ nghĩa và củng cố quốc phòng.

Về tình hình kinh tế - xã hội trong nước, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, sự giảm sút của sản xuất vào cuối những năm 70 cùng với những sai lầm trong bố trí cơ cấu kinh tế, nhất là bố trí đầu tư và xây dựng cơ bản của 5 năm 1976-1980, đã để lại hậu quả nặng nề.

Thực hiện những nhiệm vụ và mục tiêu do Đại hội lần thứ V của Đảng vạch ra, nhân dân ta anh dũng phấn đấu, khắc phục khó khăn, vượt qua trở

ngại, đã đạt được *những thành tựu quan trọng* trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong *sản xuất nông nghiệp và công nghiệp*, đã ngăn chặn được đà giảm sút của những năm 1979-1980, từ năm 1981 đến nay, đạt được nhiều tiến bộ rõ rệt.

Nông nghiệp tăng bình quân hàng năm 4,9% so với 1,9% hàng năm của thời kỳ 1976-1980. Sản xuất lương thực có bước phát triển quan trọng, mức bình quân hàng năm từ 13,4 triệu tấn trong thời kỳ 1976-1980 đã tăng lên 17 triệu tấn trong thời kỳ 1981-1985. Sản xuất công nghiệp tăng bình quân hàng năm 9,5% so với 0,6% hàng năm trong thời kỳ 1976-1980. Thu nhập quốc dân tăng bình quân hàng năm 6,4% so với 0,4% trong 5 năm trước.

Về *xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật*, trong 5 năm 1981-1985, đã hoàn thành mấy trăm công trình tương đối lớn và hàng nghìn công trình vừa và nhỏ, trong đó có một số cơ sở quan trọng về điện, dầu khí, xi măng, cơ khí, dệt, đường, thủy lợi, giao thông... Về năng lực sản xuất, tăng thêm 456 nghìn ki-lô-oát điện, 2,5 triệu tấn than, 2,4 triệu tấn xi măng, 33 nghìn tấn sợi, 58 nghìn tấn giấy; thêm 309 nghìn héc-ta được tưới nước, 186 nghìn héc-ta được tiêu úng, 241 nghìn héc-ta được khai hoang đưa vào sản xuất; dầu mỏ bắt đầu được khai thác. Các công trình thủy điện Hòa Bình, Trị An đang được xây dựng, chuẩn bị đưa vào hoạt động trong những năm tới.

Công cuộc *cải tạo xã hội chủ nghĩa* đã tiến thêm một bước, đại bộ phận nông dân Nam Bộ đi vào con đường sản xuất tập thể, đồng bào các dân tộc ở Tây Nguyên có tiến bộ trong sự nghiệp xây dựng cuộc sống mới. Cùng với việc áp dụng những thành tựu về khoa học, kỹ thuật, việc thực hiện rộng rãi phương thức khoán sản phẩm cuối cùng đến người lao động trong nông nghiệp, tuy chưa hoàn thiện và còn nhiều thiếu sót, đã góp một phần quan trọng tạo nên bước phát triển của sản xuất nông nghiệp, mở ra phương hướng đúng đắn cho việc củng cố quan hệ kinh tế tập thể ở nông thôn.

Nhà nước và nhân dân ta cố gắng chăm lo *bảo đảm các nhu cầu của quốc phòng và an ninh*, thi hành chính sách hậu phương quân đội. Chăm lo đời sống của nhân dân là một nhiệm vụ thường xuyên và hết sức khó khăn của Đảng và Nhà nước ta trong hoàn cảnh nền kinh tế còn yếu kém, thiên tai dồn dập, dân số tăng nhanh. Các ngành kinh tế quốc dân đã thu hút thêm 4 triệu lao động. Sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục, thể thao, văn học, nghệ thuật phát triển và có những đóng góp nhất định vào việc xây dựng nền văn hóa mới, con người mới. Các hoạt động khoa học, kỹ thuật được triển khai, góp phần thúc đẩy sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp.

Trong cả nước, đã xuất hiện nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh khá, nhiều đơn vị chiến đấu giỏi, nhiều huyện làm ăn tốt; một số địa phương và ngành có cách làm năng động, sáng tạo đã đạt những thành tích đáng phấn khởi. Thực tiễn sinh động của các cơ sở, các địa phương, các ngành cung cấp kinh nghiệm quý báu cho cấp lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

Cũng trong 5 năm qua, cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh chính trị và làm nghĩa vụ quốc tế của nhân dân và các lực lượng vũ trang ta đã giành thêm những thắng lợi to lớn.

Chúng ta đã làm thất bại thêm một bước quan trọng âm mưu của bọn bá quyền chống nước ta, củng cố hơn nữa khả năng quốc phòng của đất nước.

Trên vùng biên giới phía Bắc, quân và dân ta đã xây dựng thế trận phòng thủ ngày càng vững chắc, chiến đấu dũng cảm và có hiệu quả, ngăn chặn địch lấn chiếm.

Chúng ta đã làm thất bại một bước chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, tiêu diệt và làm tan rã một bộ phận lớn bọn phản động FULRO ở vùng Tây Nguyên, bắt gọn nhiều nhóm phản động khác và bọn gián điệp, thám báo, đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Công cuộc xây dựng nền quốc phòng toàn dân đạt được những kết quả đáng kể trên một số mặt: củng cố thế trận chiến tranh nhân dân, củng cố cơ sở chính trị ở những địa bàn xung yếu, xây dựng lực lượng dự bị. Quân đội ta đã có một bước phát triển theo hướng chính quy, hiện đại; sức mạnh chiến đấu được nâng cao. Lực lượng dân quân, tự vệ được tăng cường cả về số lượng và chất lượng. Việc kết hợp kinh tế với quốc phòng, huy động lực lượng quân đội tham gia xây dựng kinh tế đã đạt được một số kết quả, nhất là xây dựng các công trình công nghiệp và giao thông.

Quân và dân ta tiếp tục thực hiện nghĩa vụ quốc tế đối với Lào và Campuchia, củng cố liên minh chiến lược với hai nước láng giềng anh em, cùng nhau tăng cường thế và lực của cách mạng ở cả ba nước.

Những thành tựu đạt được trong việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược, sự tăng cường quan hệ đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô, Lào, Campuchia, với các nước anh em khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, việc phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước độc lập dân tộc, các lực lượng tiến bộ và hòa bình đã tạo cho sự nghiệp cách mạng nước ta những nhân tố mới để tiếp tục tiến lên.

Những thành tựu ấy bắt nguồn từ đường lối chung và đường lối kinh tế được xác định tại Đại hội lần thứ IV và Đại hội lần thứ V, gắn liền với những chính sách đối nội và đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta.

Những thành tựu đã đạt được làm nổi bật tinh thần lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm của quân và dân ta. Trong điều kiện sản xuất, chiến đấu và đời sống hết sức khó khăn, giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể, tầng lớp trí thức chủ nghĩa xã hội và các lực lượng vũ trang nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tinh thần làm chủ tập thể, đã sáng tạo ra một khối lượng sản phẩm nhiều hơn rõ rệt so với 5 năm trước, chiến đấu rất kiên cường, thông minh, dũng cảm, lập nhiều chiến công.

Những thành tựu ấy không tách rời sự giúp đỡ và ủng hộ quý báu của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, các nước bạn và nhiều tổ chức quốc tế, đặc biệt là sự giúp đỡ to lớn của Liên Xô, sự hợp tác và tình đoàn kết, chiến đấu của Lào và Campuchia.

Khẳng định những thành tựu đã đạt được, chúng ta đồng thời thấy rõ rằng, tình hình kinh tế - xã hội nước ta đang có nhiều khó khăn:

Sản xuất tuy có tăng, nhưng tăng chậm so với khả năng sẵn sàng và công sức bỏ ra, so với yêu cầu cần nhanh chóng ổn định đời sống của nhân dân, có tích lũy để công nghiệp hóa và củng cố quốc phòng. Một số chỉ tiêu quan trọng của kế hoạch 5 năm vừa qua như sản xuất lương thực, than, xi măng, gỗ, vải, hàng xuất khẩu... không đạt đã ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động kinh tế và đời sống của nhân dân lao động.

Hiệu quả sản xuất và đầu tư thấp. Các xí nghiệp nói chung chỉ sử dụng được khoảng một nửa công suất thiết kế, năng suất lao động giảm, chất lượng sản phẩm sút kém.

Tài nguyên của đất nước chưa được khai thác tốt, lại bị sử dụng lãng phí, nhất là đất nông nghiệp và tài nguyên rừng; môi trường sinh thái bị phá hoại.

Lưu thông không thông suốt, phân phối rối ren, vật giá tăng nhanh đang tác động tiêu cực đến sản xuất, đời sống và xã hội.

Những mất cân đối lớn trong nền kinh tế giữa cung và cầu về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, năng lượng, nguyên liệu, vận tải..., giữa thu và chi, xuất khẩu và nhập khẩu chậm được thu hẹp, có mặt còn gay gắt hơn trước.

- Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa chậm được củng cố. Vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh suy yếu. Các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa chưa được sử dụng và cải tạo tốt.

Đời sống của nhân dân, nhất là công nhân, viên chức còn nhiều khó khăn. Nhiều người lao động chưa có và chưa đủ việc làm. Nhiều nhu cầu chính đáng tối thiểu của nhân dân về đời sống vật chất và văn hóa chưa

được bảo đảm. Nông thôn thiếu hàng tiêu dùng thông thường và thuốc men; nhà ở, điều kiện vệ sinh, sinh hoạt văn hóa ở nhiều nơi còn thiếu thốn, nghèo nàn.

Hiện tượng tiêu cực trong xã hội phát triển. Công bằng xã hội bị vi phạm. Pháp luật, kỷ cương không nghiêm. Những hành vi lạm quyền, tham nhũng của một số cán bộ và nhân viên nhà nước, những hoạt động của bọn làm ăn phi pháp... chưa bị trừng trị nghiêm khắc và kịp thời.

Thực trạng nói trên làm giảm lòng tin của quần chúng đối với sự lãnh đạo của Đảng và sự điều hành của các cơ quan nhà nước.

Nhìn chung, chúng ta *chưa thực hiện được mục tiêu do Đại hội lần thứ V đề ra là về cơ bản ổn định tình hình kinh tế - xã hội, ổn định đời sống của nhân dân.*

Vì sao có tình hình như vậy?

Chúng ta không đánh giá thấp những khó khăn khách quan; những khó khăn đó rất lớn. Song điều quan trọng là phân tích sâu sắc những nguyên nhân chủ quan, nêu rõ những sai lầm, khuyết điểm trong hoạt động của Đảng và Nhà nước.

### 1. Về đánh giá tình hình, xác định mục tiêu và bước đi.

Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trên cơ sở nhận định đúng những đặc điểm cơ bản của tình hình cách mạng nước ta, Đảng ta đã kịp thời quyết định thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, đề ra đường lối chung và đường lối kinh tế trong cả thời kỳ quá độ. Nhưng việc đánh giá tình hình cụ thể về các mặt kinh tế xã hội của đất nước, đã có nhiều thiếu sót. Do đó, trong mười năm qua, đã phạm nhiều sai lầm trong việc xác định mục tiêu và bước đi về xây dựng, cơ sở vật chất - kỹ thuật, cải tạo xã hội chủ nghĩa và quản lý kinh tế.

Do chưa nhận thức đầy đủ rằng thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một quá trình lịch sử tương đối dài, phải trải qua nhiều chặng đường và do tư tưởng chỉ đạo chủ quan, nóng vội, muốn bỏ qua những bước đi cần thiết, Đại hội lần thứ IV chưa xác định những mục tiêu của chặng đường đầu tiên. Trong năm năm 1976-1980, trên thực tế, chúng ta đã chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hóa trong khi chưa có đủ các tiền đề cần thiết, mặt khác, chậm đổi mới cơ chế quản lý kinh tế đã lỗi thời.

Đại hội lần thứ V, cùng với việc khẳng định hai nhiệm vụ chiến lược, đã cụ thể hóa một bước đường lối kinh tế trong chặng đường trước mắt, đề ra

những mục tiêu tổng quát, các chính sách lớn về kinh tế - xã hội. Nhưng trong chỉ đạo thực hiện đã không quán triệt những kết luận quan trọng nói trên, chưa kiên quyết khắc phục tư tưởng nóng vội và bảo thủ thể hiện chủ yếu trong các chủ trương về cơ cấu kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa và cơ chế quản lý kinh tế.

## **2. Về bố trí cơ cấu kinh tế.**

Trong việc bố trí cơ cấu kinh tế, trước hết là cơ cấu sản xuất và đầu tư, thường chỉ xuất phát từ lòng mong muốn đi nhanh, không tính tới điều kiện và khả năng thực tế, không kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu công nghiệp với nông nghiệp thành một cơ cấu hợp lý, chưa sử dụng có hiệu quả những khả năng mở rộng quan hệ kinh tế với nước ngoài.

Trong 5 năm 1976-1980, đã đề ra những chỉ tiêu kế hoạch quá cao về xây dựng cơ bản và phát triển sản xuất, không coi trọng đúng mức việc khôi phục và sắp xếp lại nền kinh tế, thiên về xây dựng công nghiệp nặng và những công trình quy mô lớn, không tập trung sức giải quyết về căn bản vấn đề lương thực, thực phẩm, phát triển sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Kết quả là đầu tư nhiều, nhưng hiệu quả rất thấp.

Trên cơ sở xác định lại bước đi của công nghiệp hóa, Đại hội lần thứ V chủ trương trong 5 năm 1981-1985 phải vừa phát triển, vừa sắp xếp lại sản xuất, bố trí lại xây dựng cơ bản để nâng cao hiệu quả đầu tư, nhằm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân, tạo tiền đề đẩy mạnh công nghiệp hóa.

Nhưng chúng ta đã không thực hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết của Đại hội lần thứ V. Nông nghiệp chưa thật sự được coi là mặt trận hàng đầu, không được bảo đảm những điều kiện cần thiết để phát triển, nhất là vật tư, tiền vốn và các chính sách khuyến khích. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, kể cả tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, vẫn bị coi nhẹ về tổ chức, đầu tư, chính sách. Công nghiệp nặng không phục vụ kịp thời nông nghiệp và công nghiệp nhẹ. Mặt khuyết điểm lớn là đã hầu như không sắp xếp lại các cơ sở sản xuất để khắc phục sự chồng chéo, bất hợp lý, không tập trung được nguồn năng lượng, nguyên liệu, vật tư có hạn vào những cơ sở trọng điểm nhằm khai thác tốt nhất năng lực sản xuất hiện có. Mặt khác, trong xây dựng cơ bản, tuy đã đình hoãn một số công trình tương đối lớn, tập trung hơn cho các trọng điểm, nhưng về căn bản, vẫn chưa điều chỉnh hợp lý, không kiên quyết đình hoãn những công trình chưa thật cấp bách và kém hiệu quả, còn ham xây dựng nhiều công trình quy mô lớn. Khối lượng xây

dựng dở dang quá nhiều, khiến cho vốn bị đọng quá lâu. Các địa phương và các ngành còn xây thêm nhiều công trình ngoài kế hoạch, làm tăng thêm sự phân tán về tiền vốn và vật tư.

### **3. Về cải tạo xã hội chủ nghĩa, củng cố quan hệ sản xuất mới, sử dụng các thành phần kinh tế.**

Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, đi đôi với việc ra sức xây dựng những cơ sở và lực lượng kinh tế mới, phải rất coi trọng cải tạo và sử dụng tốt các cơ sở và lực lượng kinh tế sẵn có bằng những hình thức và bước đi thích hợp. Nhưng chúng ta chưa xác định rõ ràng, nhất quán những quan điểm, chủ trương và chính sách chỉ đạo công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa. Đã có những biểu hiện nóng vội muốn xóa bỏ ngay các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa, nhanh chóng biến kinh tế tư bản tư nhân thành quốc doanh. Đối với kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa, ít chú ý những đặc điểm về tính chất của từng ngành, từng nghề, để lựa chọn hình thức tổ chức thích hợp, có xu hướng muốn tổ chức ngay các hợp tác xã quy mô lớn, không tính đến khả năng trang bị kỹ thuật, trình độ quản lý và năng lực của cán bộ. Về nội dung cải tạo, thường nhấn mạnh việc thay đổi quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất mà không coi trọng giải quyết các vấn đề tổ chức quản lý và chế độ phân phối. Cách làm thường theo kiểu chiến dịch, gò ép, chạy theo số lượng, coi nhẹ chất lượng và hiệu quả; sau những đợt làm nóng vội, lại buông lỏng. Do đó, không ít tổ chức kinh tế được gọi là công tư hợp doanh, hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất, chỉ có hình thức, không có thực chất của quan hệ sản xuất mới.

Việc chưa sắp xếp lại các ngành và các cơ sở sản xuất, chậm thay đổi cơ chế quản lý kinh tế đã dẫn tới làm suy yếu vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh, làm cho kinh tế tập thể chậm được củng cố, hạn chế việc sử dụng và cải tạo các thành phần kinh tế khác. Thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán chưa được mở rộng, ít tiến bộ về tổ chức và phương thức kinh doanh để làm chủ thị trường; một bộ phận bị lôi cuốn vào những hoạt động tiêu cực, tuồn hàng cho tư thương. Thương nghiệp tư nhân chậm được cải tạo. Chúng ta cũng chưa đánh trúng và nghiêm trị bọn đầu cơ, buôn lậu, bọn địch phá hoại thị trường.

Trong nhận thức cũng như hành động, chúng ta chưa thật sự thừa nhận cơ cấu kinh tế nhiều thành phần ở nước ta còn tồn tại trong một thời gian tương đối dài, chưa nắm vững và vận dụng đúng quy luật về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất.



#### **4. Về cơ chế quản lý kinh tế.**

Từ Hội nghị lần thứ sáu của Trung ương (khóa IV) năm 1979 đến nay, nhiều nghị quyết của Trung ương, nhiều quyết định của Đảng và Nhà nước về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế đã được ban hành, đặc biệt Nghị quyết tám của Trung ương (khóa V) và Nghị quyết 306 (dự thảo) của Bộ Chính trị có ý nghĩa đổi mới sâu sắc. Một số ngành và nhiều địa phương, cơ sở đã tiến hành những cuộc thử nghiệm, tìm tòi về cách làm ăn mới nhằm khai thác khả năng tiềm tàng của nền kinh tế để phát triển sản xuất, cải tiến lưu thông, phân phối, đáp ứng nhu cầu đời sống nhân dân. Đó là một nhân tố trực tiếp tạo nên thành tựu kinh tế trong 5 năm qua.

Song, cho tới nay, cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp về căn bản chưa bị xóa bỏ. Cơ chế mới chưa được thiết lập đồng bộ. Nhiều chính sách, thể chế đã lỗi thời chưa được thay đổi, một số thể chế quản lý mới còn chắp vá, không ăn khớp, thậm chí trái ngược nhau. Tình trạng tập trung quan liêu còn nặng, đồng thời những hiện tượng vô tổ chức, vô kỷ luật cũng khá phổ biến.

Việc chậm đổi mới cơ chế và bộ máy quản lý, việc điều hành không nhạy bén là những nguyên nhân quan trọng dẫn tới hành động không thống nhất từ trên xuống dưới. Một số người và cơ sở đã lợi dụng những sơ hở của cơ chế quản lý để mưu lợi ích cá nhân và lợi ích cục bộ.

Chúng ta mới nêu ra được phương hướng chủ yếu của cơ chế mới, còn nội dung, hình thức, bước đi, cách làm cụ thể, thì còn nhiều vấn đề chưa giải đáp được thỏa đáng cả về lý luận và thực tiễn.

Rõ ràng là chúng ta còn thiếu hiểu biết và ít kinh nghiệm quản lý, lại chưa chú trọng tổng kết kinh nghiệm. Hiện nay cần phải khắc phục cả hai khuynh hướng: bảo thủ, trì trệ, không muốn đổi mới và nóng vội, giản đơn, muốn giải quyết xong mọi vấn đề trong một thời gian ngắn.

#### **5. Về phân phối, lưu thông.**

Suốt 5 năm qua, lĩnh vực phân phối, lưu thông luôn luôn căng thẳng và rối ren. Các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước đã dành nhiều thời giờ vào công việc này, nhưng các giải pháp đưa ra chưa thật sự có hiệu quả.

Tình hình nói trên là hậu quả tổng hợp của nhiều yếu tố cùng tác động trong nền kinh tế và đời sống xã hội.

Trước hết, đó là những sai lầm trong bố trí cơ cấu kinh tế và trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, là tác hại của cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp tồn tại nhiều năm trong quản lý kinh tế, dẫn tới sản xuất chậm phát triển, mâu

thuần giữa cung và cầu ngày càng gay gắt. Trong lúc đó, lại chưa cảnh giác đầy đủ, thiếu những biện pháp có hiệu lực ngăn chặn những phần tử xấu và kẻ thù lợi dụng sơ hở của ta để phá hoại.

Chúng ta chưa có chính sách cơ bản về tài chính gắn liền với chính sách đúng đắn về giá cả, tiền tệ - tín dụng, tiền lương. Nhà nước không điều tiết đúng mức thu nhập của tư thương, không tước đoạt những nguồn thu nhập bất chính, không bảo vệ tốt tài sản quốc gia, chưa tập trung những nguồn thu quan trọng vào ngân sách và phân phối đúng các nguồn vốn, vật tư, hàng hóa có trong tay. Các khoản chi của ngân sách mang nặng tính bao cấp và trong một thời gian dài vượt quá nguồn thu. Việc sử dụng các nguồn vốn vay và viện trợ kém hiệu quả. Chúng ta đã tiêu dùng cả một phần quan trọng nguồn vốn từ bên ngoài và quỹ khấu hao cơ bản. Tất cả những cái đó gây ra thâm hụt ngân sách, là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến lạm phát trầm trọng.

Việc giải quyết vấn đề giá, lương, tiền đã phạm sai lầm. Thiếu biện pháp đồng bộ, có hiệu quả để Nhà nước nắm được hàng và tiền. Các giải pháp cụ thể về định mức giá và quản lý giá, về định mức lương và quản lý quỹ lương, về đổi tiền và bước đi trong việc điều chỉnh giá, lương, tiền được tiến hành thiếu chuẩn bị chu đáo, không phù hợp với tình hình thực tế.

Sai lầm trong lĩnh vực phân phối, lưu thông là sai lầm rất nghiêm trọng trong lãnh đạo và quản lý kinh tế 5 năm qua.

## 6. Về thực hiện chuyên chính vô sản.

Tình trạng *buông lỏng chuyên chính vô sản* thể hiện ở nhiều khuyết điểm trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, quản lý kinh tế, đấu tranh tư tưởng, văn hóa và trong việc chống lại những âm mưu, thủ đoạn phá hoại của kẻ thù. Chưa sử dụng đầy đủ sức mạnh tổng hợp của chuyên chính vô sản để thiết lập và giữ vững trật tự xã hội chủ nghĩa trong các lĩnh vực của đời sống kinh tế và xã hội, đã để cho pháp luật và kỷ cương của Nhà nước bị vi phạm ngày càng phổ biến.

### *Thưa các đồng chí,*

Những sai lầm nói trên là những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, *sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện*.

Khuynh hướng tư tưởng chủ yếu của những sai lầm ấy, đặc biệt là những sai lầm về chính sách kinh tế, là *bệnh chủ quan, duy ý chí*, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội chạy theo nguyện vọng chủ quan, là khuynh hướng *buông lỏng* trong quản lý kinh tế - xã hội, không chấp hành nghiêm

chính đường lối và nguyên tắc của Đảng. Đó là tư tưởng tiểu tư sản, vừa "tả" khuynh vừa hữu khuynh.

Đúng như Đại hội lần thứ V nhận định, chúng ta vừa chủ quan nóng vội, vừa bảo thủ trì trệ, trong thực tế hai mặt đó cùng tồn tại và đều cản trở bước tiến của cách mạng.

Những sai lầm và khuyết điểm trong lãnh đạo kinh tế - xã hội bắt nguồn từ những khuyết điểm trong hoạt động *tư tưởng, tổ chức và công tác cán bộ* của Đảng. Đây là nguyên nhân của mọi nguyên nhân.

Trong lĩnh vực tư tưởng và tổ chức, Đảng ta đã làm được một số việc có kết quả tốt, tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ có một bước trưởng thành, đã có nhiều kinh nghiệm mới về xây dựng Đảng trong điều kiện đảng cầm quyền. Nhưng phải thẳng thắn thừa nhận rằng, trước những biến động và thử thách của sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa, hoạt động tư tưởng và tổ chức của Đảng đã không theo kịp yêu cầu của cách mạng.

Trong lĩnh vực *tư tưởng*, đã bộc lộ sự lạc hậu về nhận thức lý luận và vận dụng các quy luật đang hoạt động trong thời kỳ quá độ; đã mắc bệnh duy ý chí, giản đơn hóa, muốn thực hiện nhanh chóng nhiều mục tiêu của chủ nghĩa xã hội trong điều kiện nước ta mới ở chặng đường đầu tiên. Chúng ta đã có những thành kiến không đúng, trên thực tế, chưa thật sự thừa nhận những quy luật của sản xuất hàng hóa đang tồn tại khách quan; do đó, không chú ý vận dụng chúng vào việc chế định các chủ trương, chính sách kinh tế. Chưa chú ý đầy đủ việc tổng kết kinh nghiệm thực tiễn của mình và nghiên cứu kinh nghiệm của các nước anh em.

Trong *công tác tổ chức*, khuyết điểm lớn nhất là sự trì trệ, chậm đổi mới công tác cán bộ. Việc lựa chọn, bố trí cán bộ vào các cơ quan lãnh đạo và quản lý các cấp còn theo một số quan niệm cũ kỹ và tiêu chuẩn không đúng đắn, mang nặng tính hình thức, không xuất phát từ yêu cầu của nhiệm vụ chính trị và yêu cầu của công việc; cách làm lại thiếu quy hoạch, chưa chú ý lắng nghe ý kiến của quần chúng. Công tác giáo dục và quản lý cán bộ, đảng viên thiếu chặt chẽ.

Phong cách lãnh đạo và lề lối làm việc mang nặng chủ nghĩa quan liêu, lời nói không đi đôi với việc làm, không tuân thủ quy trình làm việc và ra quyết định. Việc chỉ đạo, điều hành thường không tập trung, thiếu kiên quyết và nhất quán. Trong các đảng bộ và các cấp ủy có sự vi phạm nguyên tắc Lenin-nít trong sinh hoạt Đảng, trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thiếu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, toàn Đảng phục tùng Trung ương.

Về mặt tổ chức, đã để cho bộ máy nhà nước, bộ máy của Đảng và các đoàn thể phình ra quá lớn, chông chéo và phân tán.

Những sai lầm và khuyết điểm trong công tác lãnh đạo của Đảng trước hết thuộc về trách nhiệm của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Hội đồng Bộ trưởng. Cần nhấn mạnh rằng, việc chậm bố trí đúng sự chuyển tiếp hạt nhân lãnh đạo là một nguyên nhân trực tiếp làm cho sự lãnh đạo của Đảng trong những năm gần đây không đáp ứng được những đòi hỏi của tình hình mới. Ban Chấp hành Trung ương xin tự phê bình nghiêm túc về những khuyết điểm của mình trước Đại hội.

Từ thực tiễn cách mạng trong những năm qua, chúng ta có thể rút ra những bài học kinh nghiệm sau đây:

*Một là, trong toàn bộ khuyết điểm của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng "lấy dân làm gốc", xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động.*

Đảng ta không có mục đích nào khác là đấu tranh vì hạnh phúc của nhân dân. Quần chúng là người làm nên lịch sử.

Nhân dân ta rất cách mạng, có những phẩm chất rất quý báu, trải qua trên nửa thế kỷ chiến đấu liên tục, chịu đựng biết bao hy sinh, gian khổ, luôn luôn nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm vì độc lập, tự do của Tổ quốc và vì chủ nghĩa xã hội. Trong hoàn cảnh Đảng có sai lầm, khuyết điểm, nhân dân vẫn thiết tha mong đợi Đảng khắc phục sai lầm, đưa đất nước tiến lên. Đảng ta không thể phụ lòng mong đợi đó của nhân dân.

Bài học lớn rút ra từ những năm qua là trong điều kiện đảng cầm quyền, phải đặc biệt chăm lo củng cố sự liên hệ giữa Đảng và nhân dân; tiến hành thường xuyên cuộc đấu tranh ngăn ngừa và khắc phục chủ nghĩa quan liêu. Mỗi đảng viên cộng sản phải thật sự vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Mọi chủ trương, chính sách của Đảng phải xuất phát từ lợi ích, nguyện vọng và khả năng của nhân dân lao động, phải khơi dậy được sự đồng tình, hưởng ứng của quần chúng. Quan liêu, mệnh lệnh, xa rời quần chúng, đi ngược lại lợi ích của nhân dân là làm suy yếu sức mạnh của Đảng.

*Hai là, Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan. Năng lực nhận thức và hành động theo quy luật là điều kiện bảo đảm sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng.*

Để khắc phục được khuyết điểm, chuyển biến được tình hình, Đảng ta trước hết phải thay đổi nhận thức, đổi mới tư duy. Phải nhận thức đúng đắn

và hành động phù hợp với hệ thống quy luật khách quan, trong đó các quy luật đặc thù của chủ nghĩa xã hội ngày càng chi phối mạnh mẽ phương hướng phát triển chung của xã hội.

Tiêu chuẩn đánh giá sự vận dụng đúng đắn các quy luật thông qua chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước là sản xuất phát triển, lưu thông thông suốt, đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân từng bước được ổn định và nâng cao, con người mới xã hội chủ nghĩa ngày càng hình thành rõ nét, xã hội ngày càng lành mạnh, chế độ xã hội chủ nghĩa được củng cố. Mọi chủ trương, chính sách gây tác động ngược lại là biểu hiện sự vận dụng không đúng quy luật khách quan, phải được sửa đổi hoặc bãi bỏ.

*Ba là, phải biết kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại trong điều kiện mới.* Nước ta có thể từ một nền sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa là vì cuộc cách mạng ở nước ta diễn ra trong thời đại quá độ lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Nhân dân ta có sự giúp đỡ to lớn và hợp tác toàn diện của Liên Xô, của các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, có sự liên minh và hợp tác toàn diện của hai nước láng giềng anh em Lào và Campuchia. Sự giúp đỡ và hợp tác ấy là điều kiện vô cùng quan trọng để nhân dân ta xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Nhân dân ta còn có sự ủng hộ, giúp đỡ của nhiều nước bầu bạn khác, của các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên toàn thế giới. Sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật ngày nay và xu thế mở rộng phân công, hợp tác giữa các nước, kể cả các nước có chế độ kinh tế xã hội khác nhau, cũng là những điều kiện rất quan trọng đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nước ta. Trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng của mình, chúng ta phải đặc biệt coi trọng kết hợp các yếu tố dân tộc và quốc tế, các yếu tố truyền thống và thời đại, sử dụng tốt mọi khả năng mở rộng quan hệ thương mại, hợp tác kinh tế và khoa học, kỹ thuật với bên ngoài để phục vụ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và luôn luôn làm tròn nghĩa vụ quốc tế của mình đối với các nước anh em và bầu bạn.

*Bốn là, phải xây dựng Đảng ngang tầm nhiệm vụ chính trị của một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.*

Để bảo đảm cho Đảng ta làm tròn sứ mệnh lịch sử vẻ vang đó, vấn đề cấp bách là tăng cường sức chiến đấu và nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực tổ chức thực tiễn của Đảng. Phải giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt Đảng cũng như trong lãnh đạo kinh tế - xã hội. Không ngừng trau dồi và nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng của đảng viên, thực hiện thường xuyên tự phê bình và phê bình trong Đảng và trước quần chúng.

Trong Đảng, phải tăng cường sự đoàn kết nhất trí, sự thống nhất ý chí và hành động nêu cao tính tổ chức và tính kỷ luật, lời nói đi đôi với việc làm.

Đại hội lần thứ VI phải là Đại hội đánh dấu một bước ngoặt có ý nghĩa quyết định trong việc tăng cường sức mạnh của Đảng, nâng cao uy tín của Đảng trong quần chúng, bảo đảm cho Đảng vươn lên ngang tầm những nhiệm vụ mới. Đảng ta phải trở thành một đảng lãnh đạo vững mạnh trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

*Thưa các đồng chí,*

*Những nhiệm vụ mới to lớn và nặng nề đang đặt trước mắt chúng ta.*

Trên mười năm lãnh đạo đất nước ta đi vào chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, Đảng ta đã đủ điều kiện để nhận thức sâu sắc hơn những đặc điểm của chặng đường đó. Nền sản xuất nhỏ với những nhược điểm vốn có của nó, hậu quả của những cuộc chiến tranh lâu dài trước đây và cả của cuộc chiến tranh mới, tàn dư của chế độ cũ đang là những trở ngại trên con đường phát triển của nước ta. Bằng những thành tựu đã đạt được trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta đã khắc phục một bước sự phân tán và lạc hậu của nền kinh tế, cải biến một phần cơ cấu kinh tế - xã hội, đặt những cơ bản đầu tiên cho bước phát triển mới. Nhưng chúng ta chưa tiến xa được mấy so với điểm xuất phát quá thấp. Những sai lầm và khuyết điểm đã mắc phải càng làm cho tình hình thêm khó khăn.

Thực trạng kinh tế - xã hội phức tạp đòi hỏi Đảng ta phải có những quyết sách xoay chuyển tình hình, tạo ra một bước ngoặt cho sự phát triển.

Trong những năm tới, cách mạng nước ta tiếp tục phát triển trong *bối cảnh quốc tế* có nhiều sự biến đổi.

Các lực lượng cách mạng của thời đại đang không ngừng mạnh lên và rõ ràng ở thế chủ động, tiến công. Lực lượng mọi mặt của *hệ thống xã hội chủ nghĩa, do Liên Xô làm trụ cột*, ngày càng được tăng cường. Đại hội lần thứ XXVII Đảng Cộng sản Liên Xô mở ra một giai đoạn mới có tính chất bước ngoặt, giai đoạn phát triển năng động trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội trên đất nước Xô-viết. Với chiến lược đẩy nhanh phát triển kinh tế - xã hội, nền kinh tế Xô-viết đang chuyển mạnh sang hướng phát triển theo chiều sâu nhằm thực hiện những mục tiêu to lớn trong những năm còn lại của thế kỷ XX.

Hệ thống xã hội chủ nghĩa tiến vào giai đoạn phát triển mới với chất lượng mới. Những thành tựu mọi mặt của cộng đồng xã hội chủ nghĩa, sức mạnh phối hợp về chính trị, kinh tế, khoa học, kỹ thuật, văn hóa và quốc phòng của cả cộng đồng là nhân tố quyết định thắng lợi của chủ nghĩa xã hội

trong cuộc đấu tranh giữa hai hệ thống chính trị xã hội đối lập trên thế giới. Đó cũng là bảo đảm quan trọng hàng đầu của cả loài người trong cuộc đấu tranh chung bảo vệ hòa bình, ngăn ngừa và đẩy lùi nguy cơ chiến tranh hạt nhân hủy diệt.

*Phong trào độc lập dân tộc* phát triển với những đặc điểm mới, xu thế độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội, chống chủ nghĩa đế quốc ngày càng mạnh. Bọn đế quốc câu kết với các thế lực phản động quốc tế khác một mặt đe dọa quân sự từ bên ngoài, kết hợp với bao vây phá hoại về kinh tế, chính trị, thực hiện diễn biến hòa bình và lật đổ từ bên trong, mặt khác tiến hành các cuộc chiến tranh trực tiếp hoặc qua tay người khác chống các nhà nước cách mạng và tiến bộ.

Với sự ra đời của hàng loạt nước mới giành được độc lập dân tộc. *Phong trào không liên kết* tập hợp trên một trăm nước đã trở thành một lực lượng chính trị rộng lớn, có vai trò ngày càng quan trọng trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân, bảo vệ độc lập và hòa bình.

Hố ngăn cách giữa các nước tư bản phát triển và các nước đang phát triển ngày càng sâu rộng. Sự bóc lột ngày càng nặng nề của các nước đế quốc chủ nghĩa khiến nhiều nước Á, Phi, Mỹ Latinh ngày càng bần cùng và nợ nần chồng chất. Cuộc đấu tranh phá bỏ trật tự kinh tế thế giới cũ, thiết lập một trật tự kinh tế thế giới mới công bằng ngày càng có sức lôi cuốn.

Ở các nước tư bản chủ nghĩa, *phong trào đấu tranh của công nhân* có bước phát triển mới gắn liền với cuộc khủng hoảng ngày càng trầm trọng của chủ nghĩa đế quốc, với phong trào dân chủ và hòa bình chống chủ nghĩa đế quốc và nguy cơ chiến tranh hạt nhân.

Một đặc điểm nổi bật của thời đại là cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật đang diễn ra mạnh mẽ, tạo thành bước phát triển nhảy vọt của lực lượng sản xuất và đẩy nhanh quá trình quốc tế hóa các lực lượng sản xuất. Cuộc cách mạng này làm gay gắt thêm những mâu thuẫn của thời đại. Trên thế giới đang hình thành một thị trường, trong đó hai hệ thống kinh tế đối lập đấu tranh với nhau quyết liệt; mặt khác, sự hợp tác kinh tế là yêu cầu phát triển tất yếu của cả hai hệ thống.

Cuộc đấu tranh trên lĩnh vực kinh tế có ý nghĩa chính trị ngày càng quan trọng đối với kết cục của cuộc đấu tranh giữa hai hệ thống. Các nước xã hội chủ nghĩa phát huy tính ưu việt của chế độ mới, sử dụng ngày càng có hiệu quả hơn những thành tựu của cách mạng khoa học - kỹ thuật, đang thay đổi cơ cấu sản xuất, cơ chế quản lý, bằng một cuộc cải tổ rộng lớn, có ý nghĩa

cách mạng sâu sắc, chắc chắn sẽ tạo ra những biến đổi to lớn trong một thời gian không xa.

Nền kinh tế của chủ nghĩa tư bản vẫn chưa hết khả năng phát triển, nhưng cách mạng khoa học - kỹ thuật và lực lượng sản xuất càng phát triển, càng làm cho các mâu thuẫn cơ bản trong hệ thống tư bản chủ nghĩa sâu sắc thêm, trước hết là mâu thuẫn giữa lao động và tư bản. Sự phát triển của lực lượng sản xuất cũng đưa tới những đảo lộn lớn trong quan hệ kinh tế giữa các nước tư bản chủ nghĩa với nhau, nhất là giữa ba trung tâm Mỹ, Tây Âu và Nhật Bản. Các nước tư bản chủ nghĩa mâu thuẫn và cạnh tranh với nhau, đồng thời chúng cố tìm mọi phương pháp và phương tiện, lợi dụng cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật để phát triển, để hòa hoãn những mâu thuẫn bên trong và liên minh với nhau chống các lực lượng cách mạng.

Nắm trong tay những lực lượng kinh tế và quân sự to lớn, chủ nghĩa đế quốc, trước hết là đế quốc Mỹ và các thế lực phản động quốc tế khác, vẫn rất ngoan cố bám giữ những mục tiêu của chúng. Chúng không từ bỏ chính sách chạy đua vũ trang, nhất là vũ trang hạt nhân, và gây ra những cuộc xung đột cục bộ, phản kích các lực lượng cách mạng và hòa bình. Chưa bao giờ nguy cơ chiến tranh hạt nhân do chủ nghĩa đế quốc gây ra lại lớn như hiện nay. Các tập đoàn tư bản lũng đoạn Mỹ, mà các lực lượng chủ yếu của chúng là các tổ hợp quân sự - công nghiệp, thu lợi lớn trong việc làm cho tình hình quốc tế căng thẳng. Chúng dựa vào đó để biện hộ cho chi phí quân sự khổng lồ cho những tham vọng toàn cầu và sự can thiệp vào công việc nội bộ của các nước khác, cho việc tiến công vào quyền lợi của chính nhân dân lao động Mỹ.

Sự phản kích quyết liệt của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế, tuy có gây tổn thất và trở ngại cho hòa bình và cách mạng, nhưng cuộc đấu tranh mạnh mẽ của các lực lượng cách mạng và hòa bình mà Liên Xô là trụ cột đã làm thất bại một bước những âm mưu của chúng. Việc Liên Xô và Mỹ ngồi vào đàm phán ở cấp cao làm cho hình thái đấu tranh trong cùng tồn tại hòa bình giữa hai hệ thống xã hội đối lập được củng cố và phát triển. Cuộc đấu tranh bảo vệ hòa bình thế giới đang tập hợp những lực lượng đông đảo của tất cả các nước. Đấu tranh cho hòa bình và đấu tranh cách mạng là hai mũi tiến công cùng đánh mạnh và làm suy yếu của chủ nghĩa đế quốc.

Loài người đang đứng trước sự lựa chọn về nhiều vấn đề mới có tính toàn cầu. Chiến tranh hạt nhân chỉ dẫn đến sự hủy diệt cho tất cả các bên tham chiến và cho sự sống trên trái đất. Giữa các nước có chế độ xã hội khác nhau, sự lựa chọn duy nhất đúng đắn là thi đua về kinh tế, về lối sống. Các bên



cần phối hợp với nhau giải quyết những vấn đề toàn cầu đang đặt ra trước tất cả các dân tộc và cộng đồng nhân loại, như các vấn đề: bùng nổ dân số, lương thực, sử dụng tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường... Các nước xã hội chủ nghĩa đã khẳng định dứt khoát sự lựa chọn của mình là con đường thi đua về kinh tế, về lối sống và cuộc thi đua này chỉ có thể thực hiện trong hoàn cảnh hòa bình được bảo đảm vững chắc.

Ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương cũng đang diễn ra những biến đổi quan trọng. Các lực lượng cách mạng và hòa bình tiếp tục lớn mạnh. Nền kinh tế khu vực tiếp tục phát triển với nhịp độ nhanh. Châu Á - Thái Bình Dương là một trung tâm đấu tranh gay gắt giữa cách mạng và phản cách mạng, đồng thời ở khu vực này, quan hệ giữa các nước có chế độ chính trị khác nhau cũng ở trong xu thế chung là đấu tranh trong hình thái cùng tồn tại hòa bình. Chiến lược châu Á - Thái Bình Dương mà các thế lực hiếu chiến Mỹ đang ráo riết triển khai thực chất là chiến lược tập hợp lực lượng mới nhằm phục vụ lợi ích đế quốc chủ nghĩa của chúng chia mũi nhọn chống Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa khác và các lực lượng yêu chuộng hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ trong khu vực.

Đối với Đông Dương, thế lực bá quyền và chủ nghĩa đế quốc chưa từ bỏ âm mưu lâu dài làm suy yếu, hòng khuất phục nhân dân ba nước. Các thế lực ấy có thể tiếp tục kéo dài chính sách đối đầu, dùng uy hiếp quân sự và bao vây, cô lập, hòng làm cho chúng ta chảy máu, không tập trung sức xây dựng kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân. Nhưng rõ ràng chúng đã thất bại và nhất định sẽ thất bại hoàn toàn. Nhân dân ta đã có những khả năng mới để giữ vững hòa bình, tranh thủ điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc phát triển kinh tế, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Tại Đại hội này, chúng ta khẳng định: *Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đoàn kết một lòng, quyết tâm đem hết tinh thần và lực lượng tiếp tục thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa*, đồng thời tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Nhân dân ta quyết tâm tiếp tục làm hết sức mình để *tăng cường tình đoàn kết chiến đấu, nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác; củng cố và phát triển liên minh đặc biệt với hai nước Lào và Campuchia*, coi đó là nghĩa vụ quốc tế thiêng liêng, là nhiệm vụ có tầm quan trọng chiến lược gắn liền với lợi ích sống còn của độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội ở nước ta và trên toàn bán đảo Đông Dương.

Vì sự nghiệp *bảo vệ Tổ quốc*, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước và xã hội, quyết đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt, đồng thời có kế hoạch sẵn sàng đối phó thắng lợi với mọi tình huống do kẻ thù gây ra.

Chúng ta phải thấu suốt và thực hiện đúng quan điểm "Toàn dân xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc", "Toàn quân bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước", kiên trì chấp hành và cụ thể hóa đường lối quân sự của Đảng trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chuyên chính vô sản, sức mạnh của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, kết hợp chặt chẽ kinh tế, quốc phòng và an ninh, đẩy mạnh công cuộc xây dựng nền quốc phòng và an ninh toàn dân, xây dựng hậu phương đất nước một cách toàn diện.

Xây dựng quân đội nhân dân chính quy, ngày càng hiện đại, có chất lượng tổng hợp ngày càng cao, có tổ chức hợp lý, cân đối, gọn và mạnh, có kỷ luật chặt chẽ, có trình độ sẵn sàng chiến đấu và sức chiến đấu cao. Tổ chức tốt việc bảo vệ chủ quyền và giữ vững an ninh các tuyến biên giới, vùng trời, vùng biển và hải đảo, xây dựng và củng cố bộ đội biên phòng vững mạnh. Tiếp tục phát triển dân quân tự vệ với số lượng và chất lượng đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ mới. Tăng cường xây dựng lực lượng dự bị. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, phát triển nền khoa học và nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Phối hợp cố gắng của Nhà nước, nhân dân và các lực lượng vũ trang để bảo đảm những nhu cầu của nhiệm vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, những nhu cầu thiết yếu về đời sống vật chất và tinh thần của các lực lượng vũ trang. Thực hiện đầy đủ các chính sách hậu phương quân đội. Từng bước phát triển công nghiệp quốc phòng đi đôi với tăng cường tiềm lực kinh tế của đất nước. Trên cơ sở bảo đảm nhiệm vụ chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu và sản xuất quốc phòng, huy động một phần lực lượng quân đội, sử dụng một phần năng lực công nghiệp quốc phòng vào việc xây dựng kinh tế.

Thực hiện đúng cơ chế Đảng lãnh đạo đối với quân đội và sự nghiệp quốc phòng.

Công cuộc *bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội* cần được tiến hành bằng sức mạnh của mọi lực lượng vũ trang và không vũ trang và công bằng mọi phương tiện cần thiết. Cuộc đấu tranh này cần được tổ chức chặt chẽ và thường xuyên trong từng địa bàn, ở tất cả mọi đơn vị trong cả nước dưới sự lãnh đạo tập trung và thống nhất của các cấp ủy đảng. Thực hiện có nền nếp công tác quản lý hộ khẩu; xây dựng xí nghiệp, cơ quan, trường học, bệnh viện... phường, xã, quận, huyện an ninh và trật tự, hình

thành các khu vực, các tuyến an toàn ở địa phương; xây dựng nội bộ trong sạch, vững mạnh ngăn ngừa và trừng trị những hành động phá hoại về kinh tế, chính trị, tư tưởng và các hoạt động tình báo, gián điệp của địch.

Là lực lượng vũ trang cách mạng nòng cốt của cuộc đấu tranh trọng yếu này, công an nhân dân phải được xây dựng thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy và tiến lên hiện đại, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc và nhân dân, có cơ sở vững chắc trong quần chúng, có trình độ nghiệp vụ ngày càng cao, thật sự là công cụ tin cậy, sắc bén của Đảng và Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Thắng lợi của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc phải được bảo đảm bằng sức mạnh tổng hợp của chế độ mới. Trong khi không ngừng chăm lo nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, Đảng và nhân dân ta tiếp tục *đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng* chế độ làm chủ tập thể, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

Đại hội lần thứ VI của Đảng khẳng định tiếp tục thực hiện đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa do các Đại hội lần thứ IV và lần thứ V của Đảng xác định. Tập trung trí tuệ toàn Đảng và toàn dân, Đại hội chúng ta tổng kết những kinh nghiệm sáng tạo phong phú của các ngành, các cấp và các đơn vị cơ sở, giải quyết một số vấn đề quan trọng về lý luận và thực tiễn, phát triển đường lối và nâng cao năng lực chỉ đạo thực hiện của Đảng.

Ngày nay đã có những điều kiện để hiểu biết đầy đủ hơn về con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội phải trải qua thời kỳ quá độ là một tất yếu khách quan, và độ dài của thời kỳ đó phụ thuộc vào điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội của mỗi nước. Thời kỳ quá độ ở nước ta, do tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội từ một nền sản xuất nhỏ, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, đương nhiên phải lâu dài và rất khó khăn. Đó là một thời kỳ cải biến cách mạng sâu sắc, toàn diện, triệt để nhằm xây dựng từ đầu một chế độ xã hội mới cả về lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng. Đó là một thời kỳ đấu tranh giai cấp phức tạp, đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội nhằm giải quyết vấn đề "ai thắng ai". Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng ta. Sau Đại hội này, với tinh thần cách mạng và khoa học, tiếp tục phát triển đường lối đã được xác định, Đảng ta cần xúc tiến *xây dựng một*

*cương lĩnh hoàn chỉnh cho toàn bộ cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ.* Trên cơ sở cương lĩnh đó, sẽ xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển khoa học - kỹ thuật, v.v...

Thảo ra một cương lĩnh cách mạng hoàn chỉnh và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội là sự kiện chính trị có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với sự chỉ đạo cách mạng trong một thời kỳ tương đối dài, đặt nền tảng chính trị, tư tưởng cho mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước và xã hội.

*Chặng đường đầu tiên* là một bước quá độ nhỏ trong bước quá độ lớn. V.I.Lênin nói: "Suốt cả thời kỳ đó (thời kỳ quá độ), trong chính sách của chúng ta, lại chia ra thành nhiều bước quá độ nhỏ hơn nữa. Và tất cả cái khó khăn của nhiệm vụ chúng ta phải làm, tất cả cái khó khăn của chính sách và tất cả sự khéo léo của chính sách là ở chỗ biết tính đến những nhiệm vụ đặc thù của từng bước quá độ đó"<sup>1</sup>.

Đảng ta đã nhiều lần chỉ rõ nhiệm vụ chủ yếu của chặng đường đầu tiên là xây dựng những tiền đề chính trị, kinh tế, xã hội cần thiết để triển khai công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trên quy mô lớn.

Chúng ta đã đạt được một số thành tựu đáng kể trong việc xây dựng những tiền đề đó. Đáng tiếc là những việc đã làm không đồng bộ, có nhiều mặt thiếu sót, gây ra đảo lộn. Vì vậy, trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên, phải thực hiện những biện pháp có hiệu quả để nhanh chóng ổn định tình hình kinh tế - xã hội, đưa mọi mặt hoạt động vào quỹ đạo phát triển bình thường và tiến hành những cuộc cải cách về tổ chức, quản lý, thiết lập cơ cấu sản xuất và cơ chế mới quản lý kinh tế - xã hội. Đại hội lần thứ VI xác định *nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát của những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo.*

Ổn định tình hình kinh tế - xã hội bao gồm cả ổn định sản xuất, ổn định phân phối, lưu thông, ổn định đời sống vật chất và văn hóa, tăng cường hiệu lực của tổ chức quản lý, lập lại trật tự, kỷ cương và thực hiện công bằng xã hội.

Ổn định và phát triển gắn liền với nhau trong quá trình vận động tiến lên, ổn định để phát triển và có phát triển mới ổn định được.

Xuất phát từ nhiệm vụ bao trùm và mục tiêu tổng quát, Đại hội xác định những *mục tiêu cụ thể về kinh tế - xã hội* sau đây cho những năm còn lại của chặng đường đầu tiên:

---

1. V.I.Lênin: *Toàn tập*, tập 40, tiếng Việt, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, tr. 119-120.

1. Sản xuất đủ tiêu dùng và có tích lũy. Hướng mọi cố gắng vào việc đáp ứng những nhu cầu cấp bách và thiết yếu của xã hội, dần dần ổn định và tiến lên cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân. Cụ thể là bảo đảm ăn đủ no, có thêm dinh dưỡng, mặc đủ ấm; đáp ứng tốt hơn các nhu cầu về bảo vệ sức khỏe và chữa bệnh, đi lại, học hành và hưởng thụ văn hóa, tăng thêm đồ dùng thiết yếu của các gia đình, khắc phục một bước khó khăn về nhà ở, nhất là tại các thành phố và khu công nghiệp tập trung. Đó chính là yêu cầu của quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội trong những điều kiện hiện nay.

Ổn định đời sống nhân dân phải đi đôi với bảo đảm yêu cầu có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế quốc dân để đủ sức tiếp nhận và đưa vào tái sản xuất mở rộng vốn vay và viện trợ của nước ngoài.

2. Bước đầu tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý nhằm phát triển sản xuất. Để làm đủ ăn và có tích lũy, phải ra sức phát triển sản xuất, giảm tỷ lệ sinh đẻ, và để sản xuất phát triển, phải xây dựng được một cơ cấu kinh tế hợp lý, trước hết là cơ cấu các ngành kinh tế, phù hợp với tính quy luật về sự phát triển các ngành sản xuất vật chất, phù hợp với khả năng của đất nước và phù hợp với sự phân công lao động và hợp tác quốc tế. Cơ cấu kinh tế đó bảo đảm cho nền kinh tế phát triển cân đối với nhịp độ tăng trưởng ổn định. Phải thông qua việc sắp xếp lại sản xuất đi đôi với việc xây dựng thêm một số cơ sở vật chất - kỹ thuật cần thiết, tạo ra cho được một cơ cấu kinh tế hợp lý, hướng vào việc đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, chủ yếu là lương thực, thực phẩm, đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

3. Xây dựng và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất mới phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Củng cố thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa bao gồm cả khu vực quốc doanh và khu vực tập thể một cách toàn diện, cả về chế độ sở hữu, chế độ quản lý, chế độ phân phối, làm cho thành phần kinh tế này giữ vai trò chi phối trong nền kinh tế quốc dân, thể hiện tính ưu việt về năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, thu nhập của người lao động và tích lũy cho sự nghiệp công nghiệp hóa. Bằng những biện pháp thích hợp, sử dụng mọi khả năng của các thành phần kinh tế khác trong sự liên kết chặt chẽ và dưới sự chỉ đạo của thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa theo nguyên tắc bảo đảm phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế và tăng thu nhập cho người lao động. Hình thành đồng bộ hệ thống mới về quản lý kinh tế, lấy kế hoạch hóa làm khâu trung tâm, thực hiện hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa theo đúng nguyên tắc tập trung dân chủ. Phát

huy hiệu quả của cơ chế mới quản lý kinh tế nhằm khai thác tốt năng lực của các cơ sở sản xuất, củng cố trật tự, kỷ cương trong quản lý kinh tế.

**4. Tạo ra chuyển biến tốt về mặt xã hội.** Giải quyết một phần quan trọng việc làm cho người lao động và bảo đảm về cơ bản phân phối theo lao động. Thực hiện công bằng xã hội phù hợp với các điều kiện cụ thể của nước ta. Loại bỏ các nguồn thu nhập do làm ăn phi pháp mà có. Trong sự nghiệp xây dựng nền văn hóa mới, đặc biệt chú ý xây dựng quan hệ xã hội và lối sống lành mạnh, khắc phục các hiện tượng tiêu cực; giữ gìn và phát huy tinh thần dân chủ, nhân đạo, chủ nghĩa anh hùng và những giá trị văn hóa khác của truyền thống dân tộc và cách mạng. Mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa. Nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật của nhân dân, củng cố kỷ cương xã hội, bảo đảm an ninh, trật tự công cộng, thực hiện nguyên tắc: mọi người sống và làm việc theo pháp luật.

**5. Bảo đảm nhu cầu củng cố quốc phòng và an ninh.** Quốc phòng và an ninh được xây dựng và củng cố ngày càng vững mạnh bảo đảm điều kiện thuận lợi cho công cuộc xây dựng kinh tế. Trên cơ sở phát triển kinh tế, đáp ứng ngày càng đầy đủ và ổn định các nhu cầu đời sống vật chất và tinh thần của các lực lượng vũ trang; củng cố thể trận bảo vệ Tổ quốc cả về quốc phòng và an ninh; bảo đảm cơ sở vật chất - kỹ thuật và từng bước trang bị cho các lực lượng vũ trang; bảo đảm vật tư, tài chính cho sản xuất quốc phòng.

Những mục tiêu trên đây sẽ được cụ thể hóa, định lượng thành các chỉ tiêu cụ thể của các kế hoạch kinh tế xã hội. Cái mốc đánh dấu chặng đường đầu tiên kết thúc là đạt được năm mục tiêu nói trên. Độ dài của chặng đường đầu tiên tùy thuộc một phần quan trọng vào việc vận dụng những bài học đã rút ra từ thực tiễn mười năm qua, để đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tới.

### *Phần thứ hai*

## **NHỮNG PHƯƠNG HƯỚNG CƠ BẢN CỦA CHÍNH SÁCH KINH TẾ - XÃ HỘI**

*Thưa các đồng chí,*

Chúng ta có những khả năng trong tầm tay để thực hiện những nhiệm vụ, mục tiêu đề ra cho chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ. Muốn biến

những khả năng đó thành hiện thực, điều quan trọng hàng đầu là đổi mới chính sách kinh tế, chính sách xã hội, nhằm phát huy vai trò làm chủ và nhiệt tình của người lao động, tạo nên phong trào quần chúng hăng hái thực hiện đồng thời cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật và cách mạng tư tưởng - văn hóa.

Các *chính sách kinh tế* phải nhằm khai thác nhanh và có hiệu quả mọi khả năng hiện có và tiềm tàng của nền kinh tế. Đó là khoảng một nửa công suất thiết bị chưa được sử dụng; là ruộng đất còn nhiều khả năng thâm canh; là rừng, biển và các tài nguyên khác chưa được khai thác tốt; là sức lao động dồi dào, lực lượng khoa học, kỹ thuật chưa được tận dụng; là khả năng tiết kiệm năng lượng, vật tư, và huy động mọi nguồn vốn vào việc phát triển sản xuất... Những lực lượng sản xuất ấy đang bị kìm hãm vì những sai lầm, thiếu sót trong việc bố trí cơ cấu kinh tế, tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và trong cơ chế quản lý.

*Tư tưởng chỉ đạo của kế hoạch và các chính sách kinh tế là giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có, khai thác mọi khả năng tiềm tàng của đất nước và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ quốc tế để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất đi đôi với xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.* Tư tưởng chỉ đạo đó thể hiện trong các chính sách và biện pháp lớn dưới đây:

### **1. Bố trí lại cơ cấu sản xuất, điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư.**

Muốn đưa nền kinh tế sớm thoát khỏi tình trạng rối ren, mất cân đối, phải *dứt khoát sắp xếp lại nền kinh tế quốc dân theo cơ cấu hợp lý*, trong đó các ngành, các vùng, các thành phần kinh tế, các loại hình sản xuất có quy mô và trình độ kỹ thuật khác nhau phải được bố trí cân đối, liên kết với nhau, phù hợp với điều kiện thực tế, bảo đảm cho nền kinh tế phát triển ổn định. Để thực hiện sự sắp xếp đó trước hết phải bố trí lại cơ cấu sản xuất, điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư.

Trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên, trước mắt là trong kế hoạch 5 năm 1986-1990, phải thật sự tập trung sức người, sức của vào việc thực hiện cho được ba chương trình mục tiêu về *lương thực thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu*, để đến khi kết thúc chặng đường đầu tiên đạt được kết quả như sau:

Về lương thực, thực phẩm: bảo đảm lương thực đủ ăn cho toàn xã hội và có dự trữ. Đáp ứng một cách ổn định nhu cầu thiết yếu về thực

phẩm. Mức tiêu dùng lương thực, thực phẩm phải bảo đảm tái sản xuất sức lao động.

Về hàng tiêu dùng: sản xuất đáp ứng được nhu cầu bình thường của nhân dân thành thị và nông thôn về những sản phẩm công nghiệp thiết yếu.

Về hàng xuất khẩu: tạo được một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực; đạt kim ngạch xuất khẩu đáp ứng được phần lớn nhu cầu nhập khẩu vật tư, máy móc, phụ tùng và những hàng hóa cần thiết.

Các chương trình mục tiêu trên cụ thể hóa nội dung chính của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên đã được Đại hội lần thứ V của Đảng xác định.

Yêu cầu cấp bách về lương thực, thực phẩm, về nguyên liệu sản xuất hàng tiêu dùng, về hàng xuất khẩu quyết định *vị trí hàng đầu của nông nghiệp*. Phải đưa nông nghiệp tiến một bước theo hướng sản xuất lớn, nhằm yêu cầu chủ yếu là tăng nhanh khối lượng và tỷ suất hàng hóa nông sản. Nông nghiệp phải được ưu tiên đáp ứng những nhu cầu về đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật về vật tư, về lao động kỹ thuật, những nguồn đầu tư ấy phải được sử dụng có hiệu quả. Đầu tư cho nông nghiệp phải đồng bộ từ sản xuất đến chế biến, vận chuyển, bảo quản để có nhiều sản phẩm cuối cùng. Mở rộng và hoàn chỉnh các hệ thống thủy lợi ứng dụng rộng rãi những thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật, đặc biệt là công nghệ sinh học, đưa vào sử dụng phổ biến và ổn định các loại giống mới; đáp ứng đầy đủ và kịp thời nhu cầu về phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc thú y; tăng thêm sức kéo, bảo đảm đủ công cụ thường và công cụ cải tiến, thực hiện từng bước và có trọng điểm việc cơ giới hóa; hạ thấp mức hư hao nông sản trong các khâu thu hoạch, bảo quản, vận chuyển, chế biến; chủ động phòng, chống lụt bão.

Phương châm phát triển nông nghiệp là kết hợp chuyên môn hóa với phát triển toàn diện, cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi, lúa và màu, cây lương thực và cây công nghiệp. Phát triển mạnh cây công nghiệp ngắn ngày; việc mở rộng diện tích cây công nghiệp dài ngày phải chú trọng chất lượng, thâm canh ngay từ đầu. Phát triển nông nghiệp phải lấy thâm canh, tăng vụ là chính, đồng thời mở rộng diện tích một cách vững chắc và có hiệu quả. Sửa đổi, bổ sung các chính sách về đất ruộng và các loại đất khác để quản lý, sử dụng có hiệu quả và tiết kiệm tài nguyên đất.

Phát triển *lâm nghiệp* theo hướng bảo vệ và sử dụng có hiệu quả tài nguyên rừng, tăng thêm vốn rừng, phát triển có trọng điểm việc trồng rừng



tập trung chuyên canh, đẩy nhanh nhịp độ phủ xanh đất trống, đồi núi trọc theo phương thức nông - lâm kết hợp; ngăn chặn nạn phá rừng, cháy rừng; phát triển rộng khắp phong trào trồng cây, chú ý cả cây lấy gỗ, cây làm nguyên liệu và làm củi.

Tiến hành tích cực việc định canh, định cư, giao đất, giao rừng cho các đơn vị tập thể và nhân dân sử dụng lâu dài để làm chủ đất rừng như làm chủ đất ruộng. Xây dựng các khu kinh tế tổng hợp lâm nông công nghiệp; khai thác, bảo quản, chế biến, sử dụng gỗ và các loại lâm sản khác với hiệu quả kinh tế ngày càng cao.

*Hải sản và thủy sản nước ngọt, nước lợ* là một nguồn lợi lớn. Coi trọng cả đánh bắt và nuôi trồng, đi đôi với giải quyết tốt việc chế biến, vận chuyển để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và tăng nhanh hàng xuất khẩu. Tăng đầu tư và bổ sung chính sách nhằm tận dụng mọi diện tích mặt nước có thể nuôi trồng thủy sản. Những diện tích mặt nước mà các cơ sở quốc doanh và tập thể quản lý không sử dụng hết, thì giao cho nhân dân mượn hoặc nhận khoán để mở rộng sản xuất.

*Công nghiệp nhẹ và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp* đáp ứng cho được nhu cầu của nhân dân về những loại hàng thông thường, bảo đảm yêu cầu chế biến nông, lâm, thủy sản, tăng nhanh việc làm hàng gia công xuất khẩu và các mặt hàng xuất khẩu khác, đồng thời mở rộng mặt hàng đáp ứng nhu cầu đa dạng của nước tiêu dùng. Khai thác triệt để mọi nguồn nguyên liệu; tận dụng các loại phế liệu; tranh thủ nguồn nguyên liệu gia công của nước ngoài.

Phát triển công nghiệp nhẹ trước hết dựa vào việc tổ chức lại sản xuất, đầu tư chiều sâu và đầu tư đồng bộ để tận dụng công suất thiết bị của các cơ sở hiện có; coi trọng các cơ sở có năng lực và hiệu suất chế biến cao. Sử dụng hợp lý khả năng sản xuất hàng tiêu dùng của các xí nghiệp công nghiệp nặng, xí nghiệp quốc phòng. Có chính sách đúng đắn huy động rộng rãi nguồn vốn và kỹ thuật của nhân dân, kể cả của Việt kiều, để phát triển các cơ sở làm ra nguyên liệu và cơ sở chế biến dưới nhiều hình thức. Phát triển và củng cố các cơ sở kinh tế quốc doanh trong những khâu chi phối quá trình sản xuất và lưu thông.

Các cơ sở sản xuất hàng tiêu dùng phải gắn chặt với thị trường, nắm chắc nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng. Các tổ chức thương nghiệp xã hội chủ nghĩa vươn lên làm đúng vai trò đại diện cho người tiêu dùng, đặt hàng và ký hợp đồng với cơ sở sản xuất. Áp dụng hình thức đấu thầu để ưu tiên đặt hàng và cung cấp nguyên liệu cho các cơ sở làm ra sản phẩm

tốt, giá rẻ, không phân biệt đó là cơ sở quốc doanh hay tập thể. Các cơ sở làm ăn kém cỏi mà không vươn lên được thì phải thay đổi phương hướng sản xuất, thu hẹp sản xuất hoặc giải thể.

Việc phát triển *công nghiệp nặng và xây dựng kết cấu hạ tầng* phải nhằm phục vụ các mục tiêu kinh tế, quốc phòng trong chặng đường đầu tiên và theo khả năng thực tế, chuẩn bị tiền đề cho sự phát triển kinh tế trong chặng đường tiếp theo. Ưu tiên phát triển công nghiệp năng lượng (điện, than, dầu khí). Ngành công nghiệp cơ khí của tất cả các bộ và các địa phương phải được sắp xếp lại, đồng bộ hóa, chuyên môn hóa, từng bước đổi mới thiết bị. Trong công nghiệp sản xuất *nguyên liệu, vật liệu*, chú ý đến nguyên liệu khoáng sản và các nguyên liệu khác để sản xuất phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc thú y; sử dụng hết năng lực hiện có và phát triển thêm một số cơ sở nhỏ về vật liệu xây dựng, hóa chất, kim loại. Sản phẩm nào mà công nghiệp nặng nhất thiết phải tạo ra trong nước để phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ thì cố gắng làm với quy mô và kỹ thuật thích hợp. Những sản phẩm nào trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất chưa đủ thì thông qua xuất khẩu để nhập khẩu. Nông nghiệp và các ngành công nghiệp nhẹ phải tạo ra sản phẩm xuất khẩu đáp ứng được nhu cầu nhập khẩu của mình và đóng góp ngoại tệ cho Nhà nước. Không bố trí xây dựng công nghiệp nặng vượt quá điều kiện và khả năng thực tế, ngay cả để phục vụ nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

Về *kết cấu hạ tầng*, chú trọng phát triển *giao thông vận tải và thông tin liên lạc*: bảo dưỡng, nâng cấp, đồng bộ hóa và chấn chỉnh tổ chức quản lý để sử dụng có hiệu quả những cái đã có, chọn lọc xây dựng thêm những cơ sở cần thiết bảo đảm cho sản xuất, lưu thông hàng hóa, phục vụ đời sống nhân dân và chuẩn bị cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa. Ưu tiên phát triển giao thông vận tải đường thủy, tăng tỷ trọng vận tải đường sắt, sắp xếp hợp lý vận tải đường bộ, phát triển vận tải đường không. Động viên các tổ chức kinh tế tập thể và nhân dân góp sức, góp vốn mở mang đường giao thông nông thôn, miền núi, phát triển các phương tiện vận tải, nhất là phương tiện thô sơ, nửa cơ giới. Khắc phục sự ách tắc trong vận tải hàng hóa, cải thiện một bước sự đi lại của nhân dân. Nâng cao năng lực, chất lượng phục vụ và giảm nhẹ tình trạng lạc hậu về thông tin liên lạc, hiện đại hóa những khâu có điều kiện.

Đi đôi với việc tăng thêm nguồn điện, cần xây dựng cân đối mạng lưới dẫn điện. Các thành phố và thị xã phải xây dựng và cải tạo mạng lưới cấp nước, thoát nước và hệ thống cống rãnh.

Phát triển rộng rãi các loại hoạt động *dịch vụ*: kỹ thuật phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân.

Theo phương hướng nêu trên, ba chương trình mục tiêu về lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu phải được xây dựng khẩn trương để triển khai thực hiện trong kế hoạch 1986-1990 như nhiệm vụ trung tâm về kinh tế - xã hội của tất cả các ngành và các cấp.

Các chương trình này phải hiện thực, bảo đảm cân đối giữa mục tiêu, phương tiện, biện pháp, chính sách. Đối với mỗi loại sản phẩm, phải tính đến tất cả các yếu tố của chu trình tái sản xuất, từ điều kiện sản xuất đến chế biến, bảo quản, vận chuyển và tiêu thụ, phải giải quyết đồng bộ cả về kỹ thuật, tổ chức sản xuất và chính sách kinh tế.

Cả ba chương trình phải kết hợp kinh tế với quốc phòng, coi trọng việc phân bố lực lượng sản xuất trên các vùng lãnh thổ, nhằm phát huy thế mạnh của các vùng trong mối quan hệ liên kết, bổ sung cho nhau theo quan điểm phát triển kinh tế hàng hóa, mở rộng trao đổi trong nước và với nước ngoài, khắc phục khuynh hướng tự cấp, tự túc. Kết hợp chặt chẽ giữa nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp, giữa sản xuất và lưu thông, dịch vụ trên địa bàn từng huyện, từng tỉnh, từng vùng kinh tế. *Kinh tế trên địa bàn huyện* có vị trí quan trọng trong việc xây dựng và thực hiện ba chương trình mục tiêu. Phương hướng xây dựng huyện không phải là tạo ra một bộ máy quản lý hành chính kinh tế nặng nề, mà phải phát triển, củng cố, sắp xếp, liên kết các đơn vị sản xuất, kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế khác nhau nhằm khai thác tốt nhất lao động, đất đai, rừng, biển, ngành nghề trên địa bàn huyện.

Theo phương hướng bố trí lại cơ cấu kinh tế, phải điều *chỉnh lớn cơ cấu đầu tư xây dựng cơ bản* của Nhà nước nhằm tập trung cho việc thực hiện ba chương trình mục tiêu nói trên và bảo đảm phát huy hiệu quả. Việc xác định hiệu quả đầu tư phải chú ý tới yêu cầu tốn ít vốn, tạo ra nhiều việc làm, đưa công trình vào sử dụng nhanh.

Phải soát xét thật chặt chẽ các công trình xây dựng dở dang, kể cả công trình trên hạn ngạch và dưới hạn ngạch, của cả Trung ương và địa phương, trong tất cả các ngành, cũng như các công trình chưa khởi công, nhưng đã ký nhập thiết bị toàn bộ của nước ngoài. Kiên quyết giãn tiến độ hoặc đình hẳn việc xây dựng những công trình chưa thật sự cấp bách hoặc làm xong sẽ không đủ điều kiện sử dụng có hiệu quả, hoặc xét trong khả năng cân đối chung, cần dành ưu tiên cho các công trình khác. Tập trung sức hoàn thành nhanh và đồng bộ một số công trình trọng điểm. Cùng với việc lựa

chọn chặt chẽ các công trình chuyển tiếp, cần ưu *tiên đầu tư đồng bộ và đầu tư chiều sâu cho các cơ sở hiện có*. Việc xây dựng thêm công trình mới chỉ đặt ra khi các cơ sở hiện có, dù được mở rộng thêm, cũng không đáp ứng được yêu cầu, và phải nhằm đúng phương hướng, mục tiêu đã định, làm quy mô nhỏ và vừa là chính, tranh thủ kỹ thuật tiến bộ, bảo đảm xây dựng nhanh, đưa vào sử dụng kịp thời từng phần công trình.

Phương châm chỉ đạo này cũng phải được thấu suốt trong việc xây dựng các cơ sở về khoa học kỹ thuật, giáo dục, y tế, văn hóa. Đầu tư có trọng điểm để giải quyết vấn đề nhà ở cho công nhân, viên chức, chú ý sửa chữa nhà cửa cũ, đồng thời tạo điều kiện cho nhân dân xây dựng thêm ở cả thành thị và nông thôn.

Việc đầu tư cho sự nghiệp phát triển kinh tế trong chặng đường tiếp theo phải được chuẩn bị chu đáo, trước hết là đối với các công trình gối đầu.

Đi đôi với việc điều chỉnh phương hướng và cơ cấu đầu tư, phải quy định lại chế độ, thể lệ đầu tư nhằm nêu cao trách nhiệm trong việc xây dựng phương án và quyết định chủ trương đầu tư, đặc biệt là đối với các công trình lớn do Trung ương quyết định. Tránh xét duyệt riêng rẽ từng công trình tách khỏi các quan hệ cân đối chung. Gắn trách nhiệm và lợi ích vật chất của đơn vị chủ đầu tư với hiệu quả đầu tư. Kiểm soát chặt chẽ toàn bộ các công trình xây dựng cơ bản của khu vực Nhà nước, bất kể thuộc nguồn vốn nào. Thực hiện chế độ đấu thầu xây dựng theo tiêu chuẩn bảo đảm thời hạn huy động, chất lượng công trình và giảm chi phí xây lắp.

Muốn dứt khoát chuyển hướng trong việc bố trí cơ cấu sản xuất, cơ cấu đầu tư, phải đổi mới cách nghĩ và cách làm, dám thừa nhận và thay đổi những quyết định sai lầm, dám xử lý kiên quyết những trường hợp phức tạp. Tất cả các ngành, các địa phương và đơn vị cơ sở phải chủ động, quyết tâm sắp xếp lại sản xuất và xây dựng trong phạm vi của mình, cùng với Trung ương thực hiện việc điều chỉnh lớn cơ cấu sản xuất và đầu tư trong cả nước, quyết giành lại thế chủ động để ổn định tình hình kinh tế - xã hội.

## **2. Xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế.**

Muốn phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, đi đôi với việc bố trí lại cơ cấu sản xuất, cơ cấu đầu tư theo ngành và theo vùng, phải xác định đúng cơ cấu thành phần kinh tế.

Trong xã hội ta, còn nhiều người có sức lao động chưa có việc làm và chưa sử dụng hết thời gian lao động. Khả năng thu hút sức lao động của

khu vực Nhà nước trong những năm trước mắt còn có hạn. Cũng không thể đưa tất cả những người làm ăn cá thể vào các tổ chức kinh tế tập thể trong một thời gian ngắn. Có những ngành, nghề đưa vào làm ăn tập thể chưa bảo đảm hiệu quả. Trong khi nguồn vốn của Nhà nước và của tập thể còn eo hẹp, thì nguồn vốn còn dư trong nhân dân hầu như chỉ đưa vào tiêu dùng hoặc cất giữ và mua hàng tích trữ. Phải có chính sách mở đường cho người lao động tự tạo ra việc làm, kích thích mọi người đưa vốn vào sản xuất, kinh doanh, tiết kiệm tiêu dùng để tích lũy, mở rộng tái sản xuất trên quy mô toàn xã hội.

Xuất phát từ sự đánh giá những tiềm năng tuy phân tán nhưng rất quan trọng trong nhân dân, cả về sức lao động, kỹ thuật, tiền vốn, khả năng tạo việc làm, chúng ta chủ trương: đi đôi với việc phát triển kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, tăng cường nguồn tích lũy tập trung của Nhà nước và tranh thủ vốn ngoài nước, cần có *chính sách sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế khác*. Chính sách đó cho phép sử dụng nhiều hình thức kinh tế với quy mô và trình độ kỹ thuật thích hợp trong từng khâu của quá trình sản xuất và lưu thông nhằm khai thác mọi khả năng của các thành phần kinh tế liên kết với nhau, trong đó kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo. Đó là một giải pháp có ý nghĩa chiến lược, góp phần giải phóng và khai thác mọi khả năng để phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý.

Giải pháp đó xuất phát từ thực tế của nước ta và là sự vận dụng quan điểm của Lênin coi *nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần là một đặc trưng của thời kỳ quá độ*. Ở nước ta, các thành phần đó là:

Kinh tế xã hội chủ nghĩa bao gồm khu vực quốc doanh và khu vực tập thể, cùng với bộ phận kinh tế gia đình gắn liền với thành phần đó.

- Các thành phần kinh tế khác gồm: kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa (thợ thủ công, nông dân cá thể, những người buôn bán và kinh doanh dịch vụ cá thể); kinh tế tư bản tư nhân; kinh tế tư bản nhà nước dưới nhiều hình thức, mà hình thức cao là công tư hợp doanh; kinh tế tự nhiên, tự cấp, tự túc trong một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên và các vùng núi cao khác.

Chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa phải xuất phát từ đặc trưng nói trên mà đề ra những chủ trương và biện pháp đúng đắn.

Theo quy luật về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa phải có bước đi và hình thức thích hợp. Kinh nghiệm thực tế chỉ rõ:

lực lượng sản xuất bị kìm hãm không chỉ trong trường hợp quan hệ sản xuất lạc hậu, mà cả khi quan hệ sản xuất phát triển không đồng bộ, có những yếu tố đi quá xa so với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Tình hình thực tế của nước ta đòi hỏi phải coi trọng những hình thức kinh tế trung gian, quá độ từ thấp lên cao, từ quy mô nhỏ lên quy mô lớn. Trong mỗi bước đi của quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa, phải đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, tạo ra lực lượng sản xuất mới; trên cơ sở đó tiếp tục đưa quan hệ sản xuất lên hình thức và quy mô mới thích hợp để thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển.

Cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng quan hệ sản xuất mới bao gồm cả ba mặt: xây dựng chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, chế độ quản lý và chế độ phân phối xã hội chủ nghĩa. Tuy chế độ công hữu về tư liệu sản xuất là nền tảng của quan hệ sản xuất mới, nhưng khi chế độ quản lý và chế độ phân phối không phù hợp, thì ngay cả các tổ chức kinh tế thuộc sở hữu toàn dân, được trang bị kỹ thuật cao hơn, cũng làm ăn kém hiệu quả. Xây dựng quan hệ sản xuất mới về cả ba mặt, làm cho nó thật sự mang bản chất xã hội chủ nghĩa, gắn với mỗi bước phát triển của lực lượng sản xuất là công việc to lớn, không thể làm xong trong một thời gian ngắn.

Mười năm qua, hai kỳ đại hội Đảng đều ghi vào nghị quyết nhiệm vụ căn bản hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nhiệm kỳ đại hội đó, song đều chưa thực hiện được. Cuộc sống cho ta một bài học thấm thía là không thể nóng vội làm trái quy luật. Nay phải sửa lại cho đúng như sau: *Đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, với những hình thức và bước đi thích hợp, làm cho quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, luôn luôn có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất.*

Trong những năm trước mắt, để tiến hành vững chắc công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa, phát huy tác dụng tích cực của cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, điều *quan trọng nhất* là củng cố và phát triển kinh tế - xã hội chủ nghĩa, trước hết là làm cho kinh tế quốc doanh thật sự giữ vai trò chủ đạo, chi phối được các thành phần kinh tế khác.

Phải đổi mới cơ chế quản lý, bảo đảm cho các đơn vị *kinh tế quốc doanh* có quyền tự chủ, thật sự chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, lập lại trật tự, kỷ cương trong hoạt động kinh tế. Sắp xếp lại sản xuất, tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật và đẩy mạnh việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả. Trên cơ sở đó,

ổn định và từng bước nâng cao tiền lương thực tế của công nhân, viên chức, tăng tích lũy cho xí nghiệp và cho Nhà nước. Kinh tế quốc doanh chủ động mở rộng liên kết với các thành phần kinh tế khác, hướng các thành phần đó vào quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội.

Để củng cố *kinh tế tập thể*, phải nâng cao trình độ tổ chức, quản lý và tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật đi đôi với thực hiện quan hệ trao đổi và liên kết với kinh tế quốc doanh, kinh tế gia đình, trước hết là về mặt cung ứng vật tư, nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm. Trong nông nghiệp, giải quyết đúng đắn quan hệ giữa Nhà nước, kinh tế quốc doanh với hợp tác xã, đồng thời cải tiến quản lý nội bộ hợp tác xã, hoàn thiện phương thức khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động, gắn liền việc xây dựng quan hệ sản xuất mới, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật với xây dựng nông thôn mới. Các tập đoàn sản xuất ở Nam Bộ phải được củng cố theo đúng tính chất tổ chức kinh tế tập thể. Việc đưa các tập đoàn sản xuất lên hợp tác xã bậc cao, quy mô lớn phải căn cứ vào các điều kiện cụ thể đã chín muồi, không làm vội vã.

*Kinh tế gia đình* có vị trí quan trọng và khả năng dồi dào, cần được khuyến khích và giúp đỡ phát triển trong mối quan hệ hỗ trợ và gắn bó với kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể. Trên nguyên tắc bảo đảm trách nhiệm và nghĩa vụ đối với Nhà nước và tập thể, gia đình công nhân, viên chức, gia đình xã viên có thể mở rộng sản xuất bằng lao động của gia đình mình, kinh doanh trong các ngành nghề theo đúng pháp luật và chính sách. Thu nhập của kinh tế gia đình không những góp phần cải thiện đời sống, mà còn là một nguồn tích lũy để tái sản xuất mở rộng. Nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đặt ra cho chặng đường đầu tiên là *kinh tế xã hội chủ nghĩa với khu vực quốc doanh làm nòng cốt phải giành được vai trò quyết định trong nền kinh tế quốc dân*, cụ thể là chiếm tỷ trọng lớn cả trong sản xuất và lưu thông, thể hiện được tính ưu việt và chi phối được các thành phần kinh tế khác thông qua liên kết kinh tế.

Đối với *kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa*, Nhà nước thừa nhận sự cần thiết của bộ phận kinh tế này trong thời kỳ quá độ hướng dẫn và giúp đỡ nó sản xuất, kinh doanh, liên kết với kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể. Vận động những người lao động cá thể đi vào làm ăn tập thể theo nguyên tắc tự nguyện và cùng có lợi. Không nên có thành kiến, phân biệt đối xử, gây khó khăn cho những người lao động cá thể chưa muốn tham gia các tổ chức kinh tế tập thể hoặc xin rút ra khỏi các tổ chức đó.

Đối với tiểu thương, thông qua nhiều hình thức tùy theo ngành hàng, để sắp xếp, cải tạo và sử dụng họ thành lực lượng bổ sung cho thương nghiệp

xã hội chủ nghĩa, giúp đỡ số người không cần thiết trong lĩnh vực lưu thông chuyển sang sản xuất và dịch vụ.

Nhà nước cho phép những nhà *tư sản nhỏ* sử dụng vốn, kiến thức kỹ thuật và quản lý của họ để tổ chức sản xuất, kinh doanh trong một số ngành, nghề thuộc khu vực sản xuất và dịch vụ ở những nơi cần thiết trong cả nước. Quy mô và phạm vi hoạt động của các cơ sở kinh tế tư bản tư nhân được quy định tùy theo ngành nghề và mặt hàng.

Hoạt động của kinh tế tư bản tư nhân được hướng dẫn đi theo quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội bằng nhiều hình thức của kinh tế tư bản nhà nước, thông qua sự kiểm soát của Nhà nước và sự liên kết với kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể. *Kinh tế tư bản nhà nước* là hình thức kinh tế quá độ, có thể được tổ chức từ thấp đến cao, từ đại lý cung ứng và tiêu thụ hàng hóa, làm gia công, cho đến hợp doanh với Nhà nước.

Trong lĩnh vực lưu thông, phải xóa bỏ thương nghiệp tư bản tư nhân. Đối với một số người buôn bán loại vừa, có tay nghề trong một số ngành hàng tươi sống, Nhà nước dùng hình thức liên doanh để sử dụng họ kinh doanh theo pháp luật và chính sách.

Như vậy, quá trình sử dụng kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa và kinh tế tư bản tư nhân luôn luôn gắn liền với quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần đó bằng nhiều hình thức.

Thừa nhận sự tồn tại của kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa và kinh tế tư bản tư nhân, thì đương nhiên cũng phải thường xuyên đấu tranh với xu hướng tự phát tư bản chủ nghĩa và những mặt tiêu cực trong hoạt động kinh tế của các thành phần đó. Nhà nước dùng pháp luật và chính sách, dựa vào sức mạnh của kinh tế xã hội chủ nghĩa để kiểm soát và chi phối các thành phần kinh tế đó theo phương châm "sử dụng để cải tạo, cải tạo để sử dụng tốt hơn".

Cần sửa đổi, bổ sung và công bố rộng rãi chính sách nhất quán đối với các thành phần kinh tế. Những quy định có tính nguyên tắc phải trở thành pháp luật để mọi người yên tâm, mạnh dạn kinh doanh.

Xóa bỏ những thành kiến thiên lệch trong sự đánh giá và đối xử với người lao động thuộc các thành phần kinh tế khác nhau. Nhà nước có chính sách ưu đãi về kinh tế (như chính sách đầu tư, thuế, tín dụng...) đối với thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa; song về pháp luật phải thực hiện nguyên tắc bình đẳng. Những người làm ra của cải và những việc có ích cho xã hội, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật và chính sách đều được tôn trọng, được quyền hưởng thu nhập tương xứng với



kết quả lao động, kinh doanh hợp pháp của họ. Đối với những kẻ lười biếng, ăn bám, phải phê phán và cưỡng bức lao động. Những kẻ phạm pháp đều bị trừng trị theo pháp luật. Ai vi phạm hợp đồng kinh tế đều bị xử phạt và phải bồi thường. Đó là chính sách nhất quán đối với mọi công dân, không phân biệt họ thuộc thành phần kinh tế nào. Quan điểm đó phải thấm suốt trong các chính sách cụ thể, trong công tác tuyên truyền, giáo dục và văn hóa để xây dựng những nhận thức đúng đắn trong nhân dân, tạo nên môi trường tâm lý xã hội thuận lợi cho việc thực hiện chính sách sử dụng và cải tạo nền kinh tế nhiều thành phần.

### **3. Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.**

Việc bố trí lại cơ cấu kinh tế phải đi đôi với đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.

Cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp từ nhiều năm nay không tạo được động lực phát triển, làm suy yếu kinh tế xã hội chủ nghĩa, hạn chế việc sử dụng và cải tạo các thành phần kinh tế khác, kìm hãm sản xuất, làm giảm năng suất chất lượng, hiệu quả, gây rối loạn trong phân phối lưu thông và để ra nhiều hiện tượng tiêu cực trong xã hội.

Cơ chế đó quản lý nền kinh tế bằng mệnh lệnh hành chính là chủ yếu, với hệ thống chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh chi tiết từ trên giao xuống, không phù hợp với nguyên tắc tập trung dân chủ. Các cơ quan quản lý hành chính - kinh tế can thiệp sâu vào hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị cơ sở, nhưng lại không chịu trách nhiệm gì về vật chất đối với các quyết định của mình; các đơn vị kinh tế cơ sở vừa không có quyền tự chủ, vừa không bị ràng buộc trách nhiệm với kết quả sản xuất, kinh doanh.

Cơ chế đó chưa chú ý đầy đủ đến quan hệ hàng hóa - tiền tệ và hiệu quả kinh tế, dẫn tới cách quản lý và kế hoạch hóa thông qua chế độ cấp phát và giao nộp theo quan hệ hiện vật là chủ yếu, hạch toán kinh tế chỉ là hình thức, không ràng buộc trách nhiệm và lợi ích vật chất đối với hiệu quả sử dụng tiền vốn, tài sản, vật tư, lao động, tách rời việc trả công lao động với số lượng và chất lượng lao động.

Cơ chế đó để ra bộ máy quản lý công kênh, với những cán bộ quản lý kém năng động, không thạo kinh doanh, với phong cách quản lý quan liêu, cửa quyền.

Cơ chế cũ gắn liền với tư duy kinh tế dựa trên những quan niệm giản đơn về chủ nghĩa xã hội, mang nặng tính chất chủ quan, duy ý chí.

Phương hướng đổi mới cơ chế quản lý kinh tế đã được khẳng định là xóa bỏ tập trung quan liêu, bao cấp, xây dựng cơ chế mới phù hợp với quy luật khách quan và với trình độ phát triển của nền kinh tế.

Ngay sau khi giành chính quyền, nắm được những mạch máu kinh tế chủ yếu của đất nước, Nhà nước xã hội chủ nghĩa có điều kiện và nhất thiết phải quản lý nền kinh tế quốc dân theo một kế hoạch thống nhất. *Tính kế hoạch* là đặc trưng số một của cơ chế quản lý kinh tế ngay từ buổi đầu của thời kỳ quá độ.

Quá trình từ sản xuất nhỏ đi lên sản xuất lớn ở nước ta là quá trình chuyển hóa nền kinh tế còn nhiều tính chất tự cấp, tự túc thành nền kinh tế hàng hóa. Chúng ta đang quản lý có kế hoạch một nền kinh tế sản xuất hàng hóa với những đặc điểm của thời kỳ quá độ. Việc sử dụng đầy đủ và đúng đắn quan hệ hàng hóa - tiền tệ trong kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân là một tất yếu khách quan. *Sử dụng đúng đắn quan hệ hàng hóa - tiền tệ* là đặc trưng thứ hai của cơ chế mới về quản lý kinh tế mà chúng ta đang xây dựng.

Việc sử dụng quan hệ hàng hóa - tiền tệ đòi hỏi sản xuất phải gắn với thị trường, mọi hoạt động kinh tế phải so sánh chi phí với hiệu quả, các tổ chức và đơn vị kinh tế phải tự bù đắp chi phí và có lãi để tái sản xuất mở rộng, tức là phải thực hiện hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Muốn kế hoạch hóa quá trình tái sản xuất hàng hóa, phải vận dụng tổng hợp hệ thống các quy luật đang tác động lên nền kinh tế. Trong hệ thống các quy luật đó, quy luật kinh tế cơ bản cùng với các quy luật đặc thù khác của chủ nghĩa xã hội ngày càng phát huy vai trò chủ đạo, được vận dụng trong một thể thống nhất với các quy luật của sản xuất hàng hóa, đặc biệt là quy luật giá trị, quan hệ cung cầu... Kế hoạch hóa phải luôn luôn gắn liền với việc sử dụng đúng đắn các đòn bẩy kinh tế. Nền kinh tế phải được *quản lý bằng các phương pháp kinh tế là chủ yếu*, với động lực thúc đẩy là sự kết hợp hài hòa lợi ích của toàn xã hội, lợi ích của tập thể và lợi ích riêng của người lao động. Mức thu nhập của tập thể và của người lao động phải phụ thuộc vào kết quả lao động và hiệu quả kinh tế.

Các đơn vị kinh tế quốc doanh và tập thể là những đơn vị sản xuất hàng hóa xã hội chủ nghĩa, có quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh, tự chủ về tài chính. Các tập thể lao động thật sự có vai trò của người làm chủ trong việc tổ chức và quản lý sản xuất, kinh doanh.

Những điều nêu trên dẫn tới yêu cầu phân cấp kế hoạch hóa và quản lý kinh tế theo nguyên tắc tập trung dân chủ, trên cơ sở phân biệt rõ chức

năng quản lý hành chính - kinh tế của các cơ quan nhà nước Trung ương và địa phương với chức năng quản lý sản xuất - kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở.

Đi đôi với việc xác định đúng chức năng, nhiệm vụ quản lý của các cấp, các ngành, phải đổi mới cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, đổi mới công tác cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất và năng lực đáp ứng được yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý. Việc bố trí đúng những cán bộ có trách nhiệm chủ yếu trong các cơ quan quản lý kinh tế ở Trung ương, địa phương và các cơ sở kinh tế lớn là vấn đề có ý nghĩa quyết định đối với việc xây dựng và vận hành cơ chế quản lý mới.

Thực chất của cơ chế mới về quản lý kinh tế là *cơ chế kế hoạch hóa theo phương thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đúng nguyên tắc tập trung dân chủ.*

Đổi mới cơ chế quản lý là một quá trình cải cách có ý nghĩa cách mạng sâu sắc, là cuộc đấu tranh giữa cái mới và cái cũ, cái tiến bộ và cái lạc hậu. Cuộc đấu tranh để đổi mới không những bị sức mạnh của thói quen níu lại, mà còn vấp phải những đặc quyền, đặc lợi của một số người gắn bó với cơ chế cũ. Đây là cuộc đấu tranh trong nội bộ đảng và cơ quan nhà nước, đấu tranh giữa những người đồng chí, đấu tranh với chính bản thân mình. Khó khăn, phức tạp là ở chỗ đó. Chúng ta phải khắc phục trở ngại chính hiện nay là tư tưởng bảo thủ muốn quay trở lại cơ chế cũ đã quen thuộc, do dự không dám giải quyết những vấn đề đã chín muồi.

Phương hướng và nội dung chủ yếu của việc đổi mới cơ chế quản lý đã được xác định. Song điều quan trọng và khó khăn hơn là tìm ra được những hình thức kinh tế cụ thể, bước đi và nội dung đổi mới trong từng bước. Chúng ta còn ít kinh nghiệm, vì thế phải coi trọng việc nghiên cứu, học tập, thử nghiệm, tổng kết thực tiễn. Khuynh hướng nóng vội, giản đơn muốn đổi mới xong xuôi trong một thời gian ngắn là không phù hợp với thực tế.

Trong quá trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, phải nắm vững những vấn đề có tính nguyên tắc dưới đây:

*Thực hiện tập trung dân chủ trong quản lý kinh tế.*

Tình trạng tập trung quan liêu trong công tác quản lý và điều hành còn nặng. Tình trạng phân tán, vô tổ chức trong hoạt động kinh tế cũng phổ biến.

Phải lập lại trật tự, kỷ cương trong quản lý kinh tế - xã hội. Chính cơ chế quản lý còn nặng tính chất tập trung quan liêu, vừa gò bó cấp dưới, vừa làm giảm hiệu lực quản lý tập trung là nguyên nhân trực tiếp làm rối loạn

trật tự, kỷ cương. Vì vậy, không thể khắc phục sự rối ren bằng cách quay trở lại cơ chế cũ, mà phải kiên quyết thực hiện phân cấp quản lý theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

Việc phân cấp quản lý phải bảo đảm quyền làm chủ của ba cấp: quyền quyết định của Trung ương (bao gồm cả các ngành Trung ương) đối với những lĩnh vực then chốt, những vấn đề có ý nghĩa chiến lược, bảo đảm cho sự phát triển cân đối của toàn bộ nền kinh tế, quyền chủ động của các địa phương trong việc thực hiện trách nhiệm quản lý kinh tế xã hội trên địa bàn lãnh thổ; quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở và vai trò làm chủ của các tập thể lao động. Trong sự phân công, phân cấp quản lý, trách nhiệm phải đi đôi với quyền hạn, nghĩa vụ gắn liền với lợi ích.

Yêu cầu cấp bách là thể hiện những nguyên tắc đó trong các lĩnh vực quản lý cụ thể đang có nhiều vướng mắc, như kế hoạch hóa, quản lý vật tư, hàng hóa, xuất khẩu, nhập khẩu, ngoại tệ, đầu tư xây dựng cơ bản, tài chính, tiền tệ, giá cả, lao động, tiền lương.

Vai trò quản lý kinh tế của các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương, nói cho cùng, là nhằm tạo điều kiện cho các cơ sở kinh tế hoạt động có hiệu quả. Nhà nước kiểm soát và điều khiển các xí nghiệp và đơn vị sản xuất, kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế bằng pháp luật, chính sách kinh tế, chính sách tiến bộ kỹ thuật, thay cho sự can thiệp sâu vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp. Pháp luật quy định những giới hạn mà các xí nghiệp không được vi phạm. Các chính sách buộc các xí nghiệp tự lựa chọn các quyết định về sản xuất, kinh doanh có lợi nhất theo phương hướng của kế hoạch nhà nước. Cần có những quy định bảo đảm sự kiểm tra, giám sát thống nhất của Nhà nước đối với toàn bộ hoạt động của các đơn vị cơ sở. Những hiện tượng giấu giếm, khai man, hạch toán và báo cáo sai sự thật phải bị xử lý.

Việc xây dựng chế độ tự chủ sản xuất, kinh doanh của các xí nghiệp và chế độ làm chủ tập thể của quần chúng lao động ở cơ sở phải được tiếp tục bổ sung, sửa đổi qua thử nghiệm, tổng kết thực tiễn. Trên cơ sở đó mà làm rõ và giải quyết đúng đắn chức năng, nhiệm vụ và sự phân cấp quản lý hành chính - kinh tế giữa Trung ương và địa phương, giữa tỉnh và huyện.

Nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý kinh tế đòi hỏi phải đề cao kỷ luật và pháp luật. Sự chỉ đạo và điều hành từ trên xuống dưới, trước hết là từ các cơ quan Trung ương, phải thống nhất theo nghị quyết của Đảng và Nhà nước, theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đã được xác định.

Cấp dưới phải phục tùng cấp trên; cấp trên phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình.

#### *Đổi mới kế hoạch hóa.*

Kế hoạch kinh tế quốc dân trong những năm tới phải đảm bảo thực hiện phương hướng sắp xếp lại nền kinh tế, bố trí đúng cơ cấu sản xuất, cơ cấu đầu tư theo các chương trình mục tiêu. Các cân đối kế hoạch được xây dựng từ cơ sở và tổng hợp từ dưới lên, với sự hướng dẫn và điều hòa của Trung ương. Kết hợp chặt chẽ kế hoạch hóa theo ngành và kế hoạch hóa trên địa bàn lãnh thổ.

Với quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh, các đơn vị kinh tế cơ sở chủ động tiếp cận nhu cầu của thị trường, khai thác mọi khả năng để phát triển sản xuất, kinh doanh nhằm thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch nhà nước. *Hợp đồng kinh tế* giữa các đơn vị sản xuất kinh doanh vừa là cơ sở để xây dựng kế hoạch vừa là công cụ pháp lý bảo đảm cho việc thực hiện kế hoạch. Cần tăng cường chế độ hợp đồng kinh tế và bảo đảm hiệu lực của nó bằng chế độ *trọng tài kinh tế nhà nước*.

Nhà nước sử dụng các đòn bẩy kinh tế cả trong kế hoạch hóa trực tiếp và kế hoạch hóa gián tiếp để bảo đảm thực hiện những phương hướng, mục tiêu của kế hoạch kinh tế quốc dân. Việc giao kế hoạch pháp lệnh chỉ hạn chế trong một số chỉ tiêu thật cần thiết nhằm bảo đảm những cân đối cơ bản và những nghĩa vụ cam kết với nước ngoài. Phấn đấu xây dựng từng bước lực lượng dự trữ của Nhà nước để chủ động xử lý những trường hợp bất thường trong quá trình thực hiện kế hoạch.

Ủy ban kế hoạch nhà nước và các cơ quan khác ở Trung ương có chức năng quản lý hành chính kinh tế được giải thoát bớt những công việc sự vụ, phải tập trung nhiều hơn vào việc nghiên cứu chiến lược kinh tế xã hội, xây dựng kế hoạch dài hạn và trung hạn, bảo đảm các quan hệ cân đối tổng hợp trong nền kinh tế, xây dựng chính sách và luật lệ kinh tế. Đó là những yếu tố quan trọng để từng bước nâng cao chất lượng kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân.

#### *Sử dụng tốt các đòn bẩy kinh tế.*

Để kích thích sản xuất phát triển, lập lại trật tự và ổn định thị trường, phải có *chính sách mở rộng giao lưu hàng hóa*, xóa bỏ tình trạng ngăn sông, cấm chợ, chia cắt thị trường theo địa giới hành chính.

Trong nền kinh tế còn nhiều thành phần, bên cạnh sự lưu thông hàng hóa của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, còn có thị trường tự do bao gồm hoạt động mua bán trực tiếp giữa người sản xuất và người tiêu dùng trong

dân cư và hoạt động lưu thông, dịch vụ của những người kinh doanh tư nhân ở cả thành thị và nông thôn. Nhà nước sử dụng những biện pháp có hiệu quả để cải tạo và xóa bỏ thương nghiệp tư bản tư nhân, nghiêm trị bọn đầu cơ, buôn lậu. Nhưng không thể xóa bỏ thương nghiệp nhỏ tự do theo ý muốn chủ quan bằng mệnh lệnh hành chính, mà chỉ có thể thu hẹp nó bằng sự thay thế tốt hơn của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa và biết sử dụng nó trong những lĩnh vực mà thương nghiệp xã hội chủ nghĩa chưa hề kinh doanh tốt hoặc chưa cần kinh doanh.

Kinh nghiệm của nhiều địa phương và cơ sở cho thấy: nếu biết kinh doanh, biết vận dụng những biện pháp kinh tế là chủ yếu, kết hợp với biện pháp giáo dục và hành chính, được sự tham gia trực tiếp của quần chúng nhân dân, thì thương nghiệp xã hội chủ nghĩa hoàn toàn có khả năng thực hiện được độc quyền kinh doanh những mặt hàng thiết yếu và làm chủ được thị trường.

Đối với những mặt hàng hoàn toàn do kinh tế quốc doanh sản xuất hoặc nhập khẩu, đương nhiên, thương nghiệp quốc doanh độc quyền bán trên thị trường và Nhà nước có biện pháp hành chính để bảo đảm sự độc quyền ấy. Nhưng ngay đối với những vật tư, hàng hóa đó, biện pháp kinh tế cũng rất quan trọng. Chính sách giá cả và phương thức mua bán không hợp lý thì không thể ngăn chặn được chúng chạy ra thị trường tự do bằng nhiều con đường ngang tắt.

Đối với những sản phẩm do các thành phần kinh tế ngoài khu vực quốc doanh sản xuất, biện pháp chủ yếu để các tổ chức kinh tế quốc doanh nắm được sản phẩm hàng hóa là có chính sách giá cả và phương thức mua bán thích hợp theo nguyên tắc thỏa thuận, chủ yếu là thông qua hợp đồng kinh tế với người sản xuất. Chính sách kinh tế đúng đắn đi đôi với công tác điều tra, phát hiện, trừng trị bọn đầu cơ, buôn lậu là những biện pháp có hiệu quả để xóa bỏ chợ đen. Chính sách ép giá và phương thức mua bán phiến hà, đi đôi với các biện pháp ngăn cấm hay hạn chế nông dân và người sản xuất tiêu thụ hàng hóa trên thị trường sẽ đẩy họ vào thế đối phó với Nhà nước bằng cách giữ hàng không bán, bán lén lút cho tư thương, hoặc thu hẹp sản xuất. Kết quả cuối cùng là sản xuất giảm sút, cung cầu căng thẳng, giá cả bị đẩy lên. Chính sách đó càng tạo điều kiện cho tư thương hoạt động mạnh hơn và làm suy yếu liên minh công - nông.

*Chính sách giá cả* phải vận dụng tổng hợp nhiều quy luật, trong đó quy luật giá trị có tác động trực tiếp. Giá cả phải phù hợp với giá trị, đồng thời phù hợp với sức mua của đồng tiền và tính đến quan hệ cung cầu. Các yêu cầu điều tiết thu nhập, bảo đảm chính sách xã hội, thúc đẩy cải tạo xã hội

chủ nghĩa, cần được thực hiện thông qua sử dụng đồng bộ nhiều biện pháp, trong đó có các biện pháp giá cả, tài chính, tín dụng...; chỉ dùng biện pháp giá cả để đáp ứng những yêu cầu đó sẽ đẩy giá cả tới mức thoát ly giá trị. Muốn ổn định giá cả, chính sách giá cả phải nhằm trước hết kích thích các cơ sở sản xuất và mọi người lao động làm ra nhiều sản phẩm hàng hóa, hạ giá thành, hăng hái bán sản phẩm cho Nhà nước. Không thể ổn định giá cả bằng cách giữ giá một cách cứng nhắc, bất chấp sức mua của đồng tiền, bất chấp quan hệ cung - cầu và sự biến động của các yếu tố hình thành giá cả; mặt khác, phải có biện pháp tích cực khắc phục từng bước tính tự phát của giá cả thị trường tự do.

Phấn đấu thi hành chính sách một giá, đó là giá kinh doanh thương nghiệp. Chính sách một giá gắn liền với cơ chế hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa có tác dụng kích thích sản xuất và mở rộng lưu thông hàng hóa, tạo điều kiện cho thương nghiệp xã hội chủ nghĩa chuyển sang kinh doanh, chiếm lĩnh và làm chủ thị trường, không tạo ra nhu cầu giả tạo, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng thất thoát hàng hóa.

Trong tình hình cụ thể hiện nay, ở những nơi, những lúc nhất định, đối với một số ít mặt hàng thiết yếu mà cung cầu căng thẳng, giá cả biến động mạnh, Nhà nước chưa đủ lực lượng để kìm giá lại, thì tạm thời áp dụng chính sách hai giá trong việc mua nông sản và bán lẻ hàng tiêu dùng.

Để tạo điều kiện cho thương nghiệp quốc doanh thoát khỏi tình trạng khó mua, khó bán, bỏ trống trận địa, cần phải sớm ban hành cơ chế định giá và quản lý giá đúng đắn.

*Chính sách tiền lương* phải đáp ứng yêu cầu cấp bách là bảo đảm tiền lương thực tế của người ăn lương trong tình hình quỹ hàng của Nhà nước chưa đủ và giá cả chưa ổn định.

Vấn đề cơ bản là phát triển sản xuất, Nhà nước nắm quỹ hàng lương thực, thực phẩm và hàng thiết yếu khác, có phương thức bán thích hợp, bảo đảm cho người ăn lương mua được hàng hóa cần thiết; hết sức hạn chế việc quay trở lại chế độ tem phiếu.

Việc thực hiện đúng nguyên tắc phân phối theo lao động đòi hỏi sửa đổi một cách căn bản chế độ tiền lương theo hướng bảo đảm yêu cầu tái sản xuất sức lao động, khắc phục tính chất bình quân, xóa bỏ từng bước phần cung cấp còn lại trong chế độ tiền lương, áp dụng các hình thức trả lương gắn chặt với kết quả lao động và hiệu quả kinh tế. Những vấn đề đó phải được giải quyết cùng với việc thực hiện chế độ hợp đồng lao động, tinh giản bộ máy quản lý hành chính nhà nước và bộ phận quản lý gián tiếp của

các tổ chức sản xuất, kinh doanh. Việc thực hiện phải đi từng bước vững chắc, phù hợp với khả năng cân đối tiền hàng và với nhịp độ tăng năng suất lao động.

*Chính sách tài chính, tiền tệ* có vai trò trọng yếu trong việc chuyển các hoạt động kinh tế sang cơ chế hạch toán kinh doanh, đấu tranh chống lạm phát, ổn định sức mua của đồng tiền.

Xây dựng và hoàn chỉnh từng bước chính sách tài chính quốc gia theo hướng: bảo đảm quyền tự chủ tài chính của các cơ sở kinh tế, kích thích mạnh mẽ kinh tế quốc doanh và các thành phần kinh tế khác phát triển sản xuất với năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, tạo ra nguồn tích lũy ngày càng tăng cho từng đơn vị và cho Nhà nước; điều tiết và phân phối hợp lý các nguồn thu nhập nhằm thực hiện công bằng xã hội và bảo đảm quan hệ tích lũy và tiêu dùng phù hợp với các mục tiêu kinh tế - xã hội.

Đổi mới các chính sách, chế độ tài chính, trước hết là *chính sách thuế*. Chấm dứt chế độ bao cấp qua ngân sách, như bù lỗ tràn lan, cấp phát vốn mà không ràng buộc trách nhiệm vật chất với hiệu quả sử dụng vốn; tránh dùng vốn tín dụng không đúng quan điểm hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa; sửa đổi một số chế độ phúc lợi vượt quá khả năng của nền kinh tế. Các chế độ tài chính cần quán triệt *chính sách tiết kiệm nghiêm ngặt cả trong sản xuất và tiêu dùng*.

Bội chi ngân sách ngày càng tăng là nguyên nhân quan trọng nhất dẫn tới lạm phát, đẩy giá cả tăng nhanh. Phấn đấu giảm bội chi, tiến tới cân bằng thu chi ngân sách là nhiệm vụ hàng đầu của công tác tài chính trong 5 năm 1986-1990. Bên cạnh những biện pháp cơ bản, thường xuyên trong chính sách tài chính quốc gia, cần có những biện pháp bất thường áp dụng trong một thời gian ngắn để tăng thu, giảm chi, hạn chế, đi tới chấm dứt phát hành tiền mặt để chi cho ngân sách.

*Ngân hàng* có nhiệm vụ khẩn cấp cùng với hoạt động tài chính và các ngành kinh tế khác phấn đấu giảm lạm phát, điều chỉnh hợp lý khối lượng tiền lưu thông trên cơ sở tăng nhanh vòng quay của đồng tiền và áp dụng phổ biến các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt, góp phần tích cực vào việc lập lại cân đối về tiền - hàng, ổn định sức mua của đồng tiền, đáp ứng nhu cầu về tiền cho việc mở rộng sản xuất và lưu thông hàng hóa.

Bên cạnh nhiệm vụ quản lý lưu thông tiền tệ của ngân hàng nhà nước, cần xây dựng hệ thống ngân hàng chuyên nghiệp kinh doanh tín dụng và dịch vụ ngân hàng, hoạt động theo chế độ hạch toán kinh tế. Phải trên cơ sở phục vụ tốt mà thực hiện chức năng giám sát bằng đồng tiền, các hoạt



động sản xuất kinh doanh, chống thái độ của quyền. Phát triển rộng rãi các tổ chức tín dụng tập thể trong nhân dân, ngăn chặn nạn tư nhân cho vay nặng lãi.

*Chính sách tiết kiệm* phải được thấu suốt trong kế hoạch hóa và các đòn bẩy kinh tế. Chuyển mạnh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, gắn chặt trách nhiệm và lợi ích vật chất với hiệu quả sử dụng tài sản, tiền vốn, vật tư, lao động là phương hướng chủ yếu để thực hành tiết kiệm trong mọi hoạt động kinh tế. Trong môi trường hạch toán kinh doanh, cần đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học và tiến bộ kỹ thuật, xây dựng và áp dụng các định mức kinh tế kỹ thuật để giảm chi phí sản xuất. Đi đôi với tiết kiệm năng lượng, vật tư, cần nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào việc bảo dưỡng, nâng cao tuổi thọ của máy. Bảo đảm chất lượng sản phẩm là tiết kiệm cả trong sản xuất và tiêu dùng; các chính sách kinh tế phải đi đôi với biện pháp hành chính, giáo dục nhằm khuyến khích làm hàng tốt, ngăn chặn làm hàng xấu, nghiêm trị làm hàng giả.

Khuyến khích mọi người tiết kiệm tiêu dùng, dành vốn để tích lũy, mở rộng sản xuất dưới nhiều hình thức. Chính sách tiết kiệm tiêu dùng phải khuyến khích dùng hàng sản xuất trong nước, hạn chế tiêu dùng những loại hàng có thể dành cho xuất khẩu, ngăn chặn việc nhập hàng xa xỉ. Chống lãng phí trong việc sử dụng tài sản, phương tiện thuộc của công. Nghiêm cấm việc dùng tiền công để chè chén, biếu xén.

Quá trình đổi mới quản lý kinh tế đặt ra nhiều vấn đề phải giải quyết để chuyển toàn bộ hệ thống các chính sách, chế độ, thể lệ quản lý và tổ chức bộ máy quản lý sang cơ chế mới. Cuộc cải cách có ý nghĩa cách mạng này phải được tiến hành đồng bộ, kết hợp giữa bên trên và bên dưới, giữa sự đổi mới của các cơ quan quản lý với phong trào quần chúng. Việc sửa đổi và ban hành các chính sách, chế độ quản lý phải xuất phát từ thực tế, tập hợp sáng kiến, kinh nghiệm của các địa phương và cơ sở, không thể chỉ là công việc nghiên cứu của một số ít cán bộ ở bàn giấy.

Trước mắt, thực hành những biện pháp có hiệu quả để hãm bớt lạm phát và tốc độ tăng giá: giảm bớt khó khăn về đời sống của người ăn lương. Có làm được việc đó mới tạo được những tiền đề về kinh tế - xã hội và tâm lý cho việc đẩy mạnh quá trình cải cách. Qua từng bước khẩn trương và vững chắc, phấn đấu đến năm 1990 về cơ bản hình thành được cơ chế quản lý mới và chấn chỉnh bộ máy quản lý, sắp xếp, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ bảo đảm cho cơ chế đó được vận hành thông suốt.

#### 4. Phát huy mạnh mẽ động lực khoa học, kỹ thuật.

Trong điều kiện thế giới đang tiến nhanh vào giai đoạn mới của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật và qua tình hình thực tế của nước ta, càng thấy rõ sự bức bách phải làm cho khoa học, kỹ thuật thật sự trở thành một *động lực* to lớn đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Vị trí then chốt của cách mạng khoa học - kỹ thuật trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội phải được thể hiện trong cuộc sống. Trên cơ sở những việc đã làm được, cần xúc tiến và hoàn thành việc xác định *chiến lược phát triển khoa học và kỹ thuật*, làm luận cứ khoa học cho chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và định hướng cho công tác khoa học, kỹ thuật.

Sự lựa chọn về phương hướng khoa học, kỹ thuật phải thống nhất với sự lựa chọn về mục tiêu, phương hướng phát triển kinh tế - xã hội. Trong những năm tới, phải lựa chọn và tổ chức *áp dụng rộng rãi các thành tựu khoa học và kỹ thuật thích hợp*, nhằm trước hết phục vụ ba chương trình về lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Trong nông nghiệp, áp dụng rộng rãi các thành tựu sinh học và các thành tựu khoa học, kỹ thuật khác làm tăng thêm màu mỡ cho đất canh tác, tăng nhanh năng suất trồng trọt, chăn nuôi, nâng cao hệ số sử dụng đất, giảm hư hao lương thực và nông sản khác. Trong công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải, hoạt động khoa học, kỹ thuật phải hướng vào việc cải tiến, đổi mới và hoàn thiện công nghệ, hợp lý hóa tổ chức sản xuất, đổi mới thiết bị, sản xuất nguyên liệu, vật liệu và phụ tùng thay thế, giảm mạnh tiêu hao vật tư, tận dụng nguyên liệu, đổi mới và nâng cao chất lượng sản phẩm, nhất là chất lượng hàng xuất khẩu.

Triển khai một số đề tài được chọn lọc thuộc các hướng khoa học, *kỹ thuật hiện đại*, như công nghệ sinh học, vật liệu và công nghệ mới, điện tử và tin học... Xúc tiến công tác điều tra và đánh giá kinh tế tài nguyên thiên nhiên, điều kiện tự nhiên, dân cư và kinh tế - xã hội, công tác dự báo và nghiên cứu chiến lược, phân vùng quy hoạch và phân bố lực lượng sản xuất, xây dựng các luận chứng kinh tế - kỹ thuật cho các chủ trương lớn về phát triển kinh tế và xã hội, sử dụng tốt nhất đi đôi với bảo vệ có hiệu quả môi trường sinh thái.

Các ngành khoa học *tự nhiên* đẩy mạnh công tác nghiên cứu những đề tài bảo đảm cơ sở khoa học cho việc phát triển các ngành kỹ thuật, cho việc ứng dụng có chọn lọc các thành tựu khoa học và kỹ thuật hiện đại, từng bước hình thành các hướng khoa học, kỹ thuật mũi nhọn.

Thực hiện những biện pháp đồng bộ, có hiệu quả để sớm khắc phục sự chậm trễ của khoa học xã hội. Nhiệm vụ chủ yếu của các ngành *khoa học xã hội* trong những năm tới là tham gia đắc lực vào công tác lý luận của Đảng, góp phần xây dựng cương lĩnh về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong thời kỳ quá độ, làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, đặc biệt là trong lĩnh vực quản lý kinh tế, quản lý xã hội trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm thực tiễn của nước ta và nắm bắt nhanh nhạy những thành tựu lý luận của các nước anh em. Khoa học xã hội phải trở thành công cụ sắc bén trong việc đổi mới nhận thức, đổi mới phương pháp tư duy, xây dựng ý thức xã hội và nhân cách xã hội chủ nghĩa.

Đẩy mạnh sự kết hợp một cách hữu cơ khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật. Mỗi phương án phát triển kinh tế đều phải xét đến tất cả các mặt kinh tế, kỹ thuật, xã hội, môi trường. Tập trung lực lượng giải quyết những vấn đề khoa học, kỹ thuật cấp bách, có hiệu quả thiết thực.

Lực lượng khoa học và kỹ thuật cần được tổ chức lại, bố trí và sử dụng có hiệu quả. Có cơ chế, chính sách và biện pháp đúng đắn nhằm khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ khoa học, cán bộ kỹ thuật phát huy lao động sáng tạo, hướng về cơ sở sản xuất, về các địa bàn kinh tế đang cần sự có mặt của họ. Đảng và Nhà nước cố gắng tạo những điều kiện thuận lợi để những người làm công tác khoa học, kỹ thuật hoạt động có kết quả và đòi hỏi mọi người phải có cống hiến cho đất nước bằng những sáng chế, bằng kết quả đưa nhanh tiến bộ khoa học và kỹ thuật vào sản xuất, bằng việc nghiên cứu giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội.

Các cơ quan khoa học cần được sắp xếp lại và bố trí hợp lý trên các vùng lãnh thổ, theo nguyên tắc *gắn chặt khoa học, kỹ thuật với sản xuất và đời sống*, nhằm sử dụng tiềm lực khoa học, kỹ thuật như một bộ phận cấu thành của lực lượng sản xuất xã hội, tạo điều kiện rút ngắn quá trình từ nghiên cứu đến sản xuất, khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp, tản mạn. Theo nguyên tắc đó, chuyển một số cơ quan nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật chuyên ngành về trực thuộc các liên hiệp xí nghiệp hoặc xí nghiệp lớn. Mở rộng các hình thức liên kết giữa khoa học và sản xuất. Xây dựng các tổ chức liên hiệp khoa học sản xuất với hình thức và quy mô thích hợp. Tổ chức tốt hoạt động của các trung tâm ứng dụng tiến bộ kỹ thuật. Tăng cường các bộ phận sản xuất thử cho các cơ quan nghiên cứu và triển khai. Phát huy hơn nữa vai trò của các trường đại học và trung học chuyên nghiệp trong công tác nghiên cứu triển khai theo nguyên tắc kết hợp chặt chẽ các khâu: khoa học - đào tạo - sản xuất. Thành lập một số trung tâm

khoa học - kỹ thuật tổng hợp cho những vùng kinh tế quan trọng. Chuẩn bị điều kiện để thành lập Viện hàn lâm khoa học Việt Nam.

*Tăng mức đầu tư cho khoa học, kỹ thuật* từ nhiều nguồn khác nhau: ngân sách nhà nước, quỹ tự có của các cơ sở sản xuất, quỹ tập trung của ngành, tín dụng ưu đãi của ngân hàng, v.v... Coi trọng đầu tư chiều sâu và quản lý tốt để sử dụng có hiệu quả các cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có của các cơ quan khoa học - kỹ thuật.

Mở rộng và nâng cao hiệu quả *hợp tác quốc tế* về khoa học và kỹ thuật. Thông qua hợp tác để nhanh chóng nắm bắt các thành tựu khoa học, kỹ thuật, tránh lãng phí do nghiên cứu trùng lặp. Gắn chặt hợp tác khoa học, kỹ thuật với hợp tác kinh tế. Xây dựng và thực hiện chính sách chuyển giao công nghệ có chọn lọc, kết hợp với công tác nghiên cứu và triển khai trong nước. Tích cực tham gia chương trình tổng hợp tiến bộ khoa học, kỹ thuật theo các hướng ưu tiên của Hội đồng tương trợ kinh tế đến năm 2000.

Việc phát huy vai trò động lực của khoa học, kỹ thuật tùy thuộc một phần quan trọng ở cơ chế quản lý. Cơ chế quản lý kinh tế, quản lý khoa học - kỹ thuật phải đòi hỏi và khuyến khích việc sáng tạo và ứng dụng rộng rãi các thành tựu khoa học và kỹ thuật, đưa lại hiệu quả thiết thực. Áp dụng rộng rãi phương thức ký kết hợp đồng nghiên cứu và triển khai giữa các tổ chức khoa học, kỹ thuật với các tổ chức sản xuất, kinh doanh. Chuyển dần một số cơ sở nghiên cứu ứng dụng và triển khai kỹ thuật sang chế độ hạch toán kinh tế. Các cơ sở đó có quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm về hoạt động khoa học, kỹ thuật của mình. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện chế độ mua sáng chế và hạch toán vào giá thành sản phẩm. Các chính sách và biện pháp về giá cả, lợi nhuận, thuế, tín dụng, tiền lương, tiền thưởng, quỹ chuyên dùng... phải thật sự thôi thúc các cơ sở sản xuất, kinh doanh tìm đến khoa học, đặt hàng cho khoa học, sử dụng khoa học và kỹ thuật như yếu tố quyết định để nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Các chế độ về bản quyền tác giả, khen thưởng việc tạo ra và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật phải được thực hiện đầy đủ. Hội đồng giải thưởng nhà nước về khoa học và kỹ thuật phải hoạt động một cách thiết thực. Xây dựng và phát triển các hoạt động về sở hữu công nghiệp (như bản quyền sáng chế, nhãn hiệu hàng hóa, v.v...).

Tăng cường hoạt động về tiêu chuẩn hóa, bảo đảm đo lường, kiểm nghiệm và quản lý chất lượng sản phẩm; gắn trách nhiệm và lợi ích của người sản xuất với chất lượng sản phẩm; xây dựng kỷ luật sản xuất theo tiêu chuẩn, định mức; đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, đánh giá và chứng nhận chất lượng sản phẩm; thể chế hóa và thực hiện nghiêm ngặt

chế độ giám định công nghệ. Tăng cường hệ thống thông tin kinh tế và khoa học - kỹ thuật, nâng cao năng lực bảo đảm thông tin cho công tác lãnh đạo và quản lý, cho hoạt động nghiên cứu, triển khai và sản xuất. Tạo thuận lợi cho việc tiếp nhận thông tin kinh tế và khoa học, kỹ thuật từ ngoài nước. Phát triển mạnh và nâng cao chất lượng công tác thông tin đại chúng cả về nội dung và hình thức. Tổ chức tốt công tác lưu trữ; bảo vệ an toàn và sử dụng có hiệu quả tài liệu lưu trữ quốc gia.

Cách mạng khoa học kỹ thuật là sự nghiệp của quần chúng. Đảng ta thi hành nhất quán chính sách đẩy mạnh *phong trào quần chúng* tiến quân vào khoa học và kỹ thuật. Chính sách đó khuyến khích các sáng kiến, cổ vũ việc phổ biến các kiến thức khoa học và kỹ thuật, tổng kết và áp dụng rộng rãi các kinh nghiệm và điển hình tiên tiến, động viên hàng chục triệu người tham gia các hoạt động khoa học, kỹ thuật thông qua lao động sáng tạo của mình.

Cán bộ lãnh đạo và quản lý các ngành, các cấp có vai trò quan trọng và trách nhiệm to lớn trong việc bảo đảm thực hiện thành công nhiệm vụ phát triển khoa học, kỹ thuật. Nâng cao hơn nữa trình độ của các cán bộ có trách nhiệm cho kịp yêu cầu của bước phát triển mới về khoa học, kỹ thuật.

##### **5. Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.**

Nhiệm vụ ổn định và phát triển kinh tế trong chặng đường đầu tiên cũng như sự nghiệp phát triển khoa học - kỹ thuật và công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa của nước ta tiến hành nhanh hay chậm, điều đó phụ thuộc một phần quan trọng vào việc mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.

Muốn kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, nước ta phải tham gia sự phân công lao động quốc tế trước hết và chủ yếu là mở rộng quan hệ phân công, hợp tác toàn diện với Liên Xô, Lào và Campuchia. với các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa; đồng thời tranh thủ mở mang quan hệ kinh tế và khoa học - kỹ thuật với các nước thế giới thứ ba, các nước công nghiệp phát triển, các tổ chức quốc tế và tư nhân nước ngoài trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi.

Chương trình tổng hợp của Hội đồng tương trợ kinh tế giúp đỡ và hợp tác với Việt Nam đến năm 2000 theo những điều kiện ưu đãi là một thuận lợi lớn cho việc phát triển quan hệ kinh tế đối ngoại và tiến hành công nghiệp hóa, xây dựng cơ cấu kinh tế mới của nước ta. Chúng ta phải chủ động cùng các nước anh em trong Hội đồng tương trợ kinh tế xây dựng

chương trình này và làm tròn phân trách nhiệm của mình trong việc thực hiện chương trình. Việc bắt đầu cải tiến một cách cơ bản phương thức hoạt động của Hội đồng tương trợ kinh tế, cải tổ cơ cấu và các hình thức hợp tác kinh tế và khoa học kỹ thuật giữa các nước thành viên đòi hỏi chúng ta đổi mới cơ chế quản lý, nhất là trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại, cho phù hợp.

Trong toàn bộ công tác kinh tế đối ngoại, khâu quan trọng nhất là đẩy mạnh xuất khẩu để đáp ứng nhu cầu nhập khẩu.

Chương trình *xuất khẩu* cho những năm tới phải tính toán cụ thể và chính xác hiệu quả kinh tế của từng mặt hàng để lựa chọn các sản phẩm xuất khẩu có lợi nhất, xác định các sản phẩm xuất khẩu chủ lực, vừa có kim ngạch cao, vừa có điều kiện ổn định và phát triển cả về sản xuất và thị trường tiêu thụ. Trên cơ sở đó, có kế hoạch đầu tư đồng bộ từ nguyên liệu đến chế biến, bảo quản, vận chuyển, đi đôi với tổ chức sản xuất và lưu thông hợp lý, đổi mới cơ chế quản lý, sử dụng các chính sách đòn bẩy để thực hiện cho được chương trình xuất khẩu.

Trong cơ cấu xuất khẩu của những năm trước mắt, các sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp chiếm vị trí quan trọng nhất. Tăng nhanh khối lượng sản phẩm, nâng cao trình độ chế biến, phấn đấu hạ giá thành, tăng hiệu suất thu ngoại tệ. Kiên quyết tổ chức tốt việc xuất khẩu nông sản sang vùng Viễn Đông của Liên Xô, giành vị trí ổn định và ngày càng tăng trên thị trường này.

Tận dụng nguồn lao động dồi dào và khéo tay để gia công cho nước ngoài, làm những sản phẩm thủ công, mỹ nghệ và một số hàng xuất khẩu khác, từ những sản phẩm thông thường đến những sản phẩm tinh vi; khai thác khả năng to lớn ấy để hợp tác với các nước thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế.

Đẩy mạnh xuất khẩu các loại khoáng sản có hiệu suất thu ngoại tệ hợp lý.

Việc hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ đã cam kết với nước ngoài, thực hiện đúng các hợp đồng xuất khẩu cả về số lượng, chất lượng, thời hạn giao hàng phải được đặt vào vị trí ưu tiên. Dù khó khăn, trở ngại đến đâu cũng nhất thiết phải làm cho được điều đó. Tăng cường kỷ luật giao hàng xuất khẩu theo kế hoạch, đồng thời gắn việc phân phối hàng nhập khẩu với việc thực hiện kế hoạch giao hàng xuất khẩu, không phân phối theo lối bao cấp, bình quân như trước.

Để khắc phục tình trạng kích giá, tranh mua hàng xuất khẩu, đi đôi với biện pháp hành chính và tổ chức, cần có chính sách thuế xuất khẩu, đặc biệt là đối với một số mặt hàng có hiệu suất thu ngoại tệ cao.

Cơ cấu *nhập khẩu* phải phù hợp và phục vụ tốt cho việc bố trí lại cơ cấu sản xuất, điều chỉnh cơ cấu đầu tư. Để khắc phục tình trạng nhập khẩu không hợp lý, ngăn chặn việc nhập hàng xa xỉ, cần ban hành chính sách thuế nhập khẩu. Xử lý đúng và kịp thời giá bán hàng nhập khẩu để chống sử dụng lãng phí, chống thất thoát hàng và khuyến khích sản xuất, sử dụng hàng trong nước thay thế hàng nhập khẩu.

Hoạt động xuất, nhập khẩu phải chuyển mạnh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa trên nguyên tắc Nhà nước độc quyền ngoại thương, Trung ương thống nhất quản lý xuất, nhập khẩu theo kế hoạch, pháp luật và chính sách. Vấn đề quan trọng hàng đầu là đổi mới cơ chế quản lý đối với các đơn vị sản xuất, kinh doanh hàng xuất khẩu. Bên cạnh những quy định chung về quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của các đơn vị cơ sở, cần bổ sung chính sách khuyến khích sản xuất hàng xuất khẩu, tạo điều kiện cho các đơn vị làm hàng xuất khẩu theo sát được nhu cầu, thị hiếu, giá cả và các điều kiện kinh doanh khác trên thị trường thế giới. Các đơn vị sản xuất có quy mô xuất khẩu tương đối lớn được trực tiếp giao dịch với khách hàng nước ngoài, theo sự quản lý của Bộ Ngoại thương.

Sắp xếp hợp lý các tổ chức kinh doanh xuất, nhập khẩu, loại bỏ những khâu trung gian và những thủ tục phiền hà; thống nhất đầu mối xuất, nhập khẩu đối với một số mặt hàng quan trọng, khắc phục tình trạng tranh mua trên thị trường trong nước và tranh mua, tranh bán trên thị trường ngoài nước. Các tổ chức kinh doanh được giao nhiệm vụ thống nhất đầu mối xuất, nhập khẩu phải hoạt động theo phương thức kinh doanh, không làm theo lối quan liêu, cửa quyền, bắt bí và gây phiền hà cho người làm hàng xuất khẩu hoặc người cần nhập khẩu. Việc hạch toán và phân chia lợi nhuận xuất khẩu phải sòng phẳng, công khai, để cho các cơ sở và địa phương thấy xuất khẩu qua tổ chức đầu mối có lợi hơn là tự mình xuất khẩu.

Ngân hàng ngoại thương thống nhất việc quản lý ngoại hối, song phải bảo đảm quyền sử dụng ngoại tệ của các chủ tài khoản ngoại tệ theo đúng chính sách của Nhà nước. Nghiên cứu chế độ mua, bán ngoại tệ qua ngân hàng ngoại thương để tạo điều kiện áp dụng khi ổn định được giá trị đồng tiền trong nước. Có cơ chế điều chỉnh kịp thời tỷ giá kết toán nội bộ về ngoại tệ và tỷ giá hối đoái phi mậu dịch, kiều hối, không để lạc hậu so với

tình hình thực tế. Có chính sách khuyến khích Việt kiều gửi tiền và vật tư về nước, thay cho việc gửi hàng tiêu dùng.

Cùng với việc mở rộng xuất, nhập khẩu, tranh thủ vốn viện trợ và vay dài hạn, cần vận dụng nhiều hình thức đa dạng để phát triển quan hệ kinh tế đối ngoại.

Mở rộng hơn nữa quan hệ hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, từ các hình thức bán đưa gia công, liên doanh đến đầu tư trực tiếp, tăng cường quan hệ hợp tác, liên kết trực tiếp trong lĩnh vực sản xuất và khoa học giữa các tổ chức kinh tế, khoa học - kỹ thuật của nước ta với các tổ chức tương ứng của các nước anh em.

Công bố chính sách khuyến khích nước ngoài đầu tư vào nước ta dưới nhiều hình thức, nhất là đối với các ngành và cơ sở đòi hỏi kỹ thuật cao, làm hàng xuất khẩu. Đi đôi với việc công bố luật đầu tư, cần có các chính sách và biện pháp tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài và Việt kiều vào nước ta để hợp tác kinh doanh.

Coi trọng việc tổ chức, động viên Việt kiều góp phần xây dựng đất nước bằng nhiều cách, bao gồm cả đầu tư kỹ thuật và vốn; phát huy khả năng của kiều bào trong việc giúp đỡ mở rộng quan hệ hợp tác với các nước, các công ty, các tổ chức kinh tế ở nước ngoài.

Đẩy mạnh hợp tác khoa học, kỹ thuật và đào tạo cán bộ, công nhân. Tổ chức tốt việc đưa lao động và chuyên gia đi làm việc theo hợp đồng ở nước ngoài dưới nhiều hình thức; chú ý hình thức nhận thầu đồng bộ công trình xây dựng và các loại dịch vụ. Nhanh chóng khai thác các điều kiện thuận lợi của đất nước để mở mang du lịch bằng vốn đầu tư trong nước và hợp tác với nước ngoài. Phát triển vận tải quốc tế, dịch vụ cung ứng tàu biển và máy bay...

Trong quan hệ liên minh đặc biệt với Lào và Campuchia về kinh tế, khoa học kỹ thuật, cần coi trọng hiệu quả thiết thực, bảo đảm cho nền kinh tế của cả ba nước đều có lợi và cùng phát triển. Nhanh chóng đi ngay vào phân công, hợp tác sản xuất, phối hợp đầu tư trong những lĩnh vực có điều kiện; tăng nhanh khối lượng trao đổi hàng hóa, dịch vụ giữa ba nước. Tiếp tục giúp Lào và Campuchia điều tra cơ bản, phân vùng quy hoạch, đào tạo cán bộ.

Việc mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại sẽ làm nảy sinh những vấn đề phức tạp, cần có biện pháp hạn chế và ngăn ngừa những hiện tượng tiêu cực, song không vì thế mà đóng cửa lại. Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về phẩm chất và năng lực kinh doanh cho đội ngũ cán bộ làm kinh tế đối



ngoại, kể cả những cán bộ chuyên làm công tác này và những cán bộ ở các cơ sở sản xuất, kinh doanh có quan hệ giao dịch với nước ngoài.

*Thưa các đồng chí,*

Dưới đây xin trình bày một số *phương hướng, nhiệm vụ của chính sách xã hội.*

Chính sách xã hội bao trùm mọi mặt của cuộc sống con người: điều kiện lao động và sinh hoạt, giáo dục và văn hóa, quan hệ gia đình, quan hệ giai cấp, quan hệ dân tộc. Cần thể hiện đầy đủ trong thực tế quan điểm của Đảng và Nhà nước về sự thống nhất giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội, khắc phục thái độ coi nhẹ chính sách xã hội, tức là coi nhẹ yếu tố con người trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trình độ phát triển kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện chính sách xã hội, nhưng những mục tiêu xã hội lại là mục đích của các hoạt động kinh tế. Ngay trong khuôn khổ của hoạt động kinh tế, chính sách xã hội có ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, là một nhân tố quan trọng để phát triển sản xuất. Do đó, *cần có chính sách xã hội cơ bản, lâu dài và xác định được những nhiệm vụ, mục tiêu phù hợp với yêu cầu, khả năng trong chặng đường đầu tiên.*

Trong việc *phát huy yếu tố con người và lấy việc phục vụ con người* làm mục đích cao nhất của mọi hoạt động, cần có kế hoạch chủ động xây dựng cơ cấu giai cấp của xã hội mới, cụ thể hóa và thực hiện đúng chính sách dân tộc và chính sách tự do tín ngưỡng.

Cùng với việc tiến tới xóa bỏ cơ sở kinh tế - xã hội của sự bất công xã hội, phải đấu tranh kiên quyết chống những hiện tượng tiêu cực, làm cho những nguyên tắc công bằng xã hội, và lối sống lành mạnh được khẳng định trong cuộc sống hàng ngày của xã hội ta.

### **1. Kế hoạch hóa dân số, giải quyết việc làm cho người lao động.**

Phấn đấu *hạ tỷ lệ phát triển dân số* đến năm 1990 xuống 1,7%. Các cấp đảng, chính quyền và đoàn thể phải chỉ đạo chặt chẽ và thường xuyên cuộc vận động kế hoạch hóa dân số, coi đó là một điều kiện quan trọng để tăng thu nhập quốc dân bình quân đầu người, thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội.

Đi đôi với đầu tư mở rộng mạng lưới bảo đảm kỹ thuật phục vụ cho việc sinh đẻ có kế hoạch, cần sửa đổi các chính sách, chế độ của Nhà nước, coi trọng các biện pháp giáo dục, văn hóa nhằm làm thay đổi tâm lý, tập quán

của nhân dân, trước nhất là nam nữ thanh niên, đối với việc kế hoạch hóa gia đình. Chỉ đạo thực hiện đúng Luật Hôn nhân và gia đình sau khi được Quốc hội thông qua.

Bảo đảm việc làm cho người lao động, trước hết là ở thành thị và cho thanh niên, là nhiệm vụ kinh tế xã hội hàng đầu trong những năm tới. Nhà nước cố gắng tạo thêm việc làm và có chính sách để người lao động tự tạo ra việc làm bằng cách khuyến khích phát triển kinh tế gia đình, khai thác mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế khác, kể cả thành phần kinh tế tư bản tư nhân. Ban hành và thực hiện Luật Lao động.

Phương hướng giải quyết việc làm là mở mang ngành nghề tại chỗ để thu hút số lao động dư thừa và mới tăng, đi đôi với phân bố lao động đến các địa bàn khác, vừa nhằm vào lĩnh vực nông nghiệp, vừa phát triển thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp, dịch vụ và các ngành sản xuất khác, làm hàng xuất khẩu và gia công.

Mở rộng hợp tác lao động với nước ngoài kết hợp với việc đào tạo tay nghề cho thanh niên và nâng cao trình độ cho chuyên gia; bố trí cơ cấu ngành nghề thích hợp; chọn lựa người đúng tiêu chuẩn; quản lý chặt chẽ về tổ chức và tư tưởng. Cùng với nước sở tại, chăm sóc đời sống vật chất, văn hóa của những người đi lao động ở nước đó; tổ chức chu đáo việc gửi tiền, hàng hóa về gia đình. Sắp xếp việc làm cho những người đã làm việc, học nghề ở nước ngoài về.

Đẩy mạnh công tác định canh, định cư ở miền núi gắn liền với việc quy hoạch, xây dựng kinh tế trên địa bàn huyện. Bổ sung chính sách đối với việc xây dựng các vùng kinh tế mới và công tác định canh, định cư, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội, tạo điều kiện cho người mới đến ổn định sản xuất và đời sống.

Trong khu vực Nhà nước, giảm mạnh số lao động gián tiếp và quản lý hành chính, chuyển sang sản xuất và dịch vụ.

## **2. Thực hiện công bằng xã hội, lối sống có văn hóa; bảo đảm an toàn xã hội, khôi phục trật tự, kỷ cương trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.**

Bảo đảm cho người lao động có thu nhập thỏa đáng phụ thuộc trực tiếp vào kết quả lao động, có tác dụng khuyến khích nhiệt tình lao động. Tôn trọng lợi ích chính đáng của những hoạt động kinh doanh hợp pháp, có ích cho xã hội. Ngăn chặn và xử lý nghiêm khắc các nguồn thu nhập bất chính. Kết hợp sức mạnh của các cơ quan chức năng và sự đấu tranh của quần chúng, nghiêm trị những kẻ phạm pháp bất kỳ ở cương vị nào. Việc phê

bình công khai trên báo là quyền chính đáng của mọi công dân, cần được thực hiện có nền nếp. Bảo đảm sự công bằng về quyền lợi và nghĩa vụ đối với mọi công dân, chống đặc quyền, đặc lợi.

Xây dựng nếp sống và làm việc theo pháp luật, khôi phục trật tự, kỷ cương trong mọi hoạt động của Nhà nước và sinh hoạt xã hội; nêu cao tính tự giác, ý thức tự trọng của mỗi người kết hợp với các biện pháp giáo dục và hành chính của các tổ chức xã hội và các cơ quan nhà nước. Sự quan tâm đến con người và thái độ tôn trọng lẫn nhau phải trở thành một tiêu chuẩn đạo đức trong mọi hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội, nhất là trong các dịch vụ phục vụ đông đảo nhân dân.

**3. Chăm lo đáp ứng các nhu cầu giáo dục, văn hóa, bảo vệ và tăng cường sức khỏe của nhân dân.**

Trên cơ sở phát triển sản xuất, tăng thêm thu nhập quốc dân, từng bước mở rộng quỹ tiêu dùng xã hội, làm cho nó giữ vị trí ngày càng lớn trong việc phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa và các sự nghiệp phúc lợi khác.

*Về sự nghiệp giáo dục.*

Giáo dục nhằm mục tiêu hình thành và phát triển toàn diện nhân cách xã hội chủ nghĩa của thế hệ trẻ, đào tạo đội ngũ lao động có kỹ thuật, đồng bộ về ngành nghề, phù hợp với yêu cầu phân công lao động của xã hội. Sự nghiệp giáo dục, nhất là giáo dục đại học và chuyên nghiệp, trực tiếp góp phần vào việc đổi mới công tác quản lý kinh tế và xã hội. Tổng kết kinh nghiệm thực hiện cải cách giáo dục, điều chỉnh, nâng cao chất lượng của cuộc cải cách này. Phát triển có kế hoạch hệ thống giáo dục, từ giáo dục mầm non đến đại học và trên đại học, bảo đảm chất lượng và hiệu quả đào tạo. Bố trí hợp lý cơ cấu hệ thống giáo dục, thể hiện tính thống nhất của quá trình giáo dục, bao gồm nhiều hình thức: đào tạo và bồi dưỡng, chính quy và không chính quy, tập trung và tại chức. Mục tiêu đào tạo của từng loại hình trường học phải được cụ thể hóa thành các kế hoạch đào tạo và các tiêu chuẩn đánh giá kết quả đào tạo. Cải tiến chế độ thi cử, cấp chứng chỉ, văn bằng và học vị theo hướng bảo đảm chất lượng và sự công minh.

Xây dựng ngành giáo dục mầm non, nâng cao chất lượng nuôi dạy trẻ em, phát triển các lớp mẫu giáo. Xóa bỏ nạn mù chữ còn lại ở một số địa phương, hoàn thành cơ bản phổ cập cấp I cho trẻ em, phổ cập cấp II ở những nơi có điều kiện, từng bước mở rộng giáo dục phổ thông trung học bằng nhiều hình thức. Các trường phổ thông phải dạy kiến thức phổ thông

ơ bản, lao động, kỹ thuật tổng hợp, hướng nghiệp và dạy nghề phổ thông. Đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục ở miền núi; thực hiện chủ trương dùng tiếng nói và chữ viết dân tộc cùng với tiếng phổ thông.

Mở rộng và củng cố các trường, các lớp dạy nghề để đào tạo, bồi dưỡng công nhân lành nghề, phát triển các trung tâm dạy nghề rộng rãi cho thanh niên và nhân dân lao động. Sắp xếp lại mạng lưới các trường đại học và trung học chuyên nghiệp, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ giảng dạy và quản lý, nhanh chóng hình thành đội ngũ cán bộ chuyên môn đầu ngành. Đi đôi với việc nâng cao chất lượng đào tạo chuyên môn và năng lực thực hành, coi trọng giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, pháp luật, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng. Kết hợp giảng dạy, học tập với lao động sản xuất, thực nghiệm và nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật. Chuẩn bị cho thanh niên bước vào cuộc sống lao động sản xuất và chiến đấu, hiếu và làm tốt nghĩa vụ công dân.

Thường xuyên bồi dưỡng phẩm chất và năng lực cho cán bộ giáo dục và giáo viên. Nâng cao vị trí xã hội, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của những người dạy học. Có chính sách học bổng hợp lý đối với học sinh các trường đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.

Kế hoạch phát triển giáo dục phải gắn bó với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội ở từng địa phương và trong cả nước. Đầu tư đúng mức cho sự nghiệp giáo dục nhằm trước hết bảo đảm đủ sách giáo khoa và cơ sở cần thiết cho dạy và học. Ngoài ngân sách của Nhà nước, cần quy định rõ sự đóng góp của các ngành và các địa phương, các tổ chức kinh tế - xã hội và các gia đình cho sự nghiệp giáo dục. Tranh thủ sự hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục. Chuẩn bị ban hành Luật Giáo dục.

#### *Về hoạt động văn hóa, văn nghệ.*

Công tác văn hóa, văn học, nghệ thuật phải được nâng cao chất lượng. Mỗi hoạt động văn hóa, văn nghệ đều phải tính đến hiệu quả xã hội, tác động tốt đến tư tưởng, tâm lý, tình cảm, nâng cao trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa và trình độ thẩm mỹ của nhân dân. Quan tâm đáp ứng nhu cầu, thị hiếu lành mạnh của các tầng lớp xã hội và các lứa tuổi.

Đẩy mạnh các hoạt động văn hóa quần chúng thành nền nếp, nhất là trong thanh niên, khắc phục bệnh phô trương, hình thức. Xây dựng và sử dụng các hệ thống thư viện, câu lạc bộ, nhà văn hóa, viện bảo tàng, nhà truyền thống từ Trung ương đến cơ sở, ở các ngành và các địa phương. Quản lý chặt chẽ công tác xuất bản, công tác điện ảnh và công tác phát hành sách, báo, phim ảnh. Phát triển các phương tiện thông tin đại chúng,

nâng cao chất lượng thông tin; đưa đến tận các đơn vị cơ sở những giá trị văn hóa, nghệ thuật của dân tộc và thế giới, những kiến thức phổ thông và hiện đại về khoa học, kỹ thuật. Đưa văn hóa, văn nghệ đến vùng rừng núi và nông thôn hẻo lánh. Coi trọng nghệ thuật kiến trúc vừa dân tộc, vừa hiện đại, giản dị trong việc xây dựng các công trình văn hóa cũng như dân dụng, các khu dân cư.

Cải tiến chính sách đối với người làm công tác nghệ thuật chuyên nghiệp, đãi ngộ xứng đáng lao động nghệ thuật, động viên sáng tạo, khuyến khích tài năng. Kết hợp giữa cơ quan nhà nước với các hội sáng tạo văn học, nghệ thuật và các đoàn thể quần chúng khác, theo hướng phát huy tính chủ động, sáng tạo của cá nhân và tập thể văn nghệ sĩ, liên hệ với quần chúng lao động. Nhà nước cùng với nhân dân xây dựng những cơ sở vật chất - kỹ thuật cần thiết cho văn hóa và nghệ thuật, giữ gìn và tôn tạo những di tích lịch sử, văn hóa. Hoàn thành việc sưu tầm vốn văn hóa và nghệ thuật các dân tộc, khuyến khích tìm tòi và thể nghiệm, bảo đảm cho các đơn vị nghệ thuật hoạt động ổn định và ngày một nâng cao chất lượng, ngăn chặn khuynh hướng thương mại và các hiện tượng tiêu cực khác.

Chống những tàn tích văn hóa phong kiến, thực dân, tư sản. Làm thất bại âm mưu và hoạt động của các thế lực thù địch biến văn hóa, văn nghệ thành phương tiện gieo rắc tâm lý bi quan và lối sống sa đọa. Bài trừ mê tín dị đoan, hủ tục.

#### *Về chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân.*

Sức khỏe của nhân dân, tương lai của giống nòi là mối quan tâm thường xuyên của Đảng và Nhà nước ta, là trách nhiệm của tất cả các ngành, các đoàn thể, là trách nhiệm và lợi ích thiết thân của mỗi công dân.

Trên cơ sở tiếp tục quán triệt các quan điểm y học dự phòng, kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền và phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", trước mắt tập trung *nâng cao chất lượng các hoạt động y tế* và đạt được tiến bộ rõ rệt trong việc chăm sóc sức khỏe của nhân dân.

Có biện pháp tích cực và chính sách thích hợp nhanh chóng củng cố mạng lưới y tế, nhất là y tế huyện, quận và cơ sở. Phát động rộng rãi phong trào quần chúng và huy động lực lượng các ngành tham gia bảo vệ và làm sạch môi trường, phòng và chống dịch, phòng và chống các bệnh xã hội, nghề nghiệp... Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác khám và chữa bệnh. Tăng cường giáo dục cán bộ, nhân viên y tế về thái độ, tinh thần phục vụ. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, cải cách công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ y tế, không ngừng nâng cao trình độ của nền y học và

y tế nước ta. Cố gắng đầu tư thêm cho công tác y tế và chăm lo tốt hơn đời sống vật chất, văn hóa của đội ngũ cán bộ y tế.

Phát triển sản xuất dược phẩm và thiết bị, dụng cụ y tế. Mở rộng nuôi trồng, chế biến và sử dụng có hiệu quả thuốc ta. Có chính sách đầu tư để hình thành các vùng dược liệu tập trung, tạo nguồn nguyên liệu cho sản xuất dược phẩm và cho xuất khẩu, mở rộng sản xuất hóa dược, xây dựng công nghiệp kháng sinh. Nâng cao năng lực xuất khẩu để nhập khẩu những thứ chưa sản xuất được. Xây dựng ngành công nghiệp dược phẩm.

Tranh thủ sự hợp tác quốc tế và sử dụng đúng các nguồn viện trợ trong lĩnh vực bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Cùng với công tác y tế, *công tác thể dục, thể thao* góp phần khôi phục và tăng cường sức khỏe của nhân dân.

Mở rộng và nâng cao chất lượng phong trào thể dục, thể thao quần chúng, từng bước đưa việc rèn luyện thân thể thành thói quen hàng ngày của đông đảo nhân dân, trước hết là của thế hệ trẻ. Nâng cao chất lượng giáo dục thể chất trong các trường học. củng cố và mở rộng hệ thống trường, lớp năng khiếu thể thao, phát triển lực lượng vận động viên trẻ. Lựa chọn và tập trung sức nâng cao thành tích một số môn thể thao. coi trọng việc giáo dục đạo đức, phong cách thể thao xã hội chủ nghĩa. Cố gắng bảo đảm các điều kiện về cán bộ, về khoa học, kỹ thuật, cơ sở vật chất và nhất là về tổ chức, quản lý cho công tác thể dục, thể thao.

#### **4. Xây dựng chính sách bảo trợ xã hội.**

Nước ta vừa trải qua cuộc chiến đấu lâu dài và hiện nay vẫn phải làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và nghĩa vụ quốc tế, số lượng thương binh, cựu binh, gia đình liệt sĩ rất lớn. Số người về hưu trong xã hội ngày càng đông.

Từng bước xây dựng chính sách bảo trợ xã hội xã hội chủ nghĩa đối với toàn dân, theo phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", mở rộng và phát triển các công trình sự nghiệp bảo trợ xã hội, tạo lập nhiều hệ thống và hình thức bảo trợ xã hội cho những người có công với cách mạng và những người gặp khó khăn. Nghiên cứu bổ sung chính sách, chế độ bảo trợ xã hội phù hợp với quá trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

Thực hiện đúng chế độ về hưu. Tổ chức tốt hơn việc phục vụ về xã hội, y tế, văn hóa, thông tin cho người về hưu. Thu hút các cán bộ hoạt động cách mạng lâu năm, các cựu chiến binh, thương binh tham gia hoạt động chính trị, văn hóa, xã hội bằng nhiều hình thức phù hợp với sức khỏe và kinh

nghiệm của mỗi người, nhất là tham gia công tác giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ.

Có kế hoạch và biện pháp thiết thực thu hút những người còn khả năng lao động tham gia các hoạt động sản xuất, dịch vụ, tổ chức dạy nghề và dành những nghề thích hợp cho thương binh. Ưu tiên sắp xếp việc làm, tuyển lao động, tuyển sinh và chăm lo việc học của thương binh, con liệt sĩ, quân nhân đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự.

Tổ chức nuôi dưỡng và chăm sóc chu đáo thương binh, bệnh binh nặng, thân nhân liệt sĩ và những người có công với cách mạng già yếu, không nơi nương tựa. Chăm sóc trẻ mồ côi, người tàn tật, người già cô đơn.

*Gia đình* là tế bào của xã hội, có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, con người mới. Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng cần đề ra phương hướng, chính sách và có biện pháp tổ chức thực hiện về xây dựng gia đình văn hóa mới, bảo đảm hạnh phúc gia đình. Nâng cao trình độ tự giác xây dựng những quan hệ tình cảm, đạo đức trong từng gia đình, bảo đảm sinh đẻ có kế hoạch và nuôi dạy con ngoan, tổ chức tốt cuộc sống vật chất, văn hóa của gia đình.

*Nhà ở* là một trong những vấn đề cơ bản trong chính sách xã hội của Nhà nước ta. Xây dựng một chính sách toàn diện về vấn đề nhà ở, huy động nhiều hơn vốn đầu tư của Nhà nước, của các đơn vị tập thể và nhân dân để phát triển vật liệu xây dựng, xây thêm nhà ở. Thực hiện việc phân phối công bằng nhà ở tại các thành phố và thị xã.

##### **5. Thực hiện đúng chính sách giai cấp và chính sách dân tộc.**

*Chính sách giai cấp* (bao gồm chính sách đối với mỗi giai cấp và chính sách xử lý mối quan hệ giữa các lợi ích của các giai cấp) và *chính sách dân tộc* luôn luôn là một bộ phận trọng yếu trong chính sách xã hội.

Trong thời kỳ quá độ, cơ cấu giai cấp xã hội cũ dần dần được thay thế bằng cơ cấu giai cấp của xã hội mới. Quá trình đó cần được thực hiện có kế hoạch gắn liền với việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội. Cần có quan điểm đúng đắn và thống nhất, kèm theo những chính sách, biện pháp có hiệu quả xây dựng toàn diện giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể và tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa, làm cho nền tảng chính trị - xã hội của xã hội mới ngày càng vững chắc, ưu thế của lực lượng xã hội chủ nghĩa trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường ngày càng được phát huy mạnh mẽ. Tiến hành điều tra cơ bản, nắm chắc cơ cấu giai cấp và xã hội của cả nước và từng địa phương sau hơn mười năm cải tạo và xây dựng

chủ nghĩa xã hội, phát hiện những vấn đề cần được giải quyết về mặt chính sách giai cấp.

Các cấp lãnh đạo phải quan tâm đầy đủ và có sự nhạy cảm đối với dư luận và nguyện vọng của quần chúng để điều chỉnh, bổ sung các chính sách, nhất là trong các vấn đề quan hệ tới lợi ích thiết thân của mỗi giai cấp và tầng lớp xã hội.

Sự nghiệp đẩy mạnh ba cuộc cách mạng ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số đòi hỏi tăng cường công tác nghiên cứu về dân tộc học và công tác điều tra xã hội học, hiểu biết đầy đủ những khác biệt cụ thể của từng vùng, từng dân tộc. Trên cơ sở đó, bổ sung, cụ thể hóa và thực hiện tốt hơn chính sách dân tộc, tránh những sai lầm rập khuôn hoặc chủ quan áp đặt những hình thức tổ chức không phù hợp trong quá trình xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở các vùng dân tộc.

Đầu tư thêm và tập trung sự cố gắng của các ngành, các cấp, kết hợp với động viên tinh thần tự lực, tự cường của nhân dân các dân tộc để khai thác, bảo vệ và phát triển thế mạnh về kinh tế ở các vùng có đồng bào dân tộc thiểu số cư trú. Đẩy mạnh công tác định canh, định cư, ổn định sản xuất và đời sống của đồng bào trước hết ở các vùng cao, biên giới, các vùng căn cứ cũ của cách mạng và kháng chiến.

Trong việc phát triển kinh tế - xã hội ở những nơi có đông đồng bào các dân tộc thiểu số, cần thể hiện đầy đủ chính sách dân tộc, phát triển mối quan hệ tốt đẹp gắn bó giữa các dân tộc trên tinh thần đoàn kết, bình đẳng, giúp đỡ nhau, cùng làm chủ tập thể; kết hợp phát triển kinh tế và phát triển xã hội, đẩy mạnh sản xuất và chăm lo đời sống con người, kể cả những người từ nơi khác đến và dân tại chỗ.

Kế hoạch đưa đồng bào miền xuôi lên miền núi để thực hiện sự phân bố lại lao động xã hội trên phạm vi cả nước, cần bao gồm cả kế hoạch hình thành cơ cấu giai cấp xã hội mới của vùng các dân tộc. Thực hành những hình thức, biện pháp thích hợp thu hút đồng bào các dân tộc tại chỗ tham gia quá trình phát triển kinh tế với tư cách là người làm chủ thật sự bình đẳng.

Sự phát triển mọi mặt của từng dân tộc đi liền với sự củng cố, phát triển của cộng đồng các dân tộc trên đất nước ta. Sự tăng cường tính cộng đồng, tính thống nhất là một quá trình hợp quy luật, nhưng tính cộng đồng, tính thống nhất không mâu thuẫn, không bài trừ tính đa dạng, tính độc đáo trong bản sắc của mỗi dân tộc. Tình cảm dân tộc, tâm lý dân tộc sẽ còn tồn tại lâu dài và là một lĩnh vực nhạy cảm. Trong khi xử lý các mối quan hệ



dân tộc, phải có thái độ thận trọng đối với những gì liên quan đến lợi ích của mỗi dân tộc, tình cảm dân tộc của mỗi người. Chống những thái độ, hành động biểu thị tư tưởng "dân tộc lớn" và những biểu hiện của tư tưởng dân tộc hẹp hòi.

### *Phần thứ ba*

## NHIỆM VỤ VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA

Một vấn đề có tính quy luật của cách mạng trong thời đại hiện nay là sự kết hợp cuộc đấu tranh của nhân dân mỗi nước với cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới. Thắng lợi của cách mạng mỗi nước cũng là thắng lợi của cả loài người tiến bộ trong cuộc đấu tranh chung chống chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động khác.

Thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thể hiện sinh động sự kết hợp sức mạnh của dân tộc ta với sức mạnh của các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới. Ngày nay sự nghiệp cách mạng của nước ta càng có nhiều điều kiện thuận lợi mở rộng sự hợp tác và tranh thủ sự ủng hộ quốc tế.

*Trong những năm tới, nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước ta trên lĩnh vực đối ngoại là ra sức kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, phấn đấu giữ vững hòa bình ở Đông Dương, góp phần tích cực giữ vững hòa bình ở Đông Nam Á và trên thế giới, tăng cường quan hệ đặc biệt giữa ba nước Đông Dương, tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, tranh thủ điều kiện quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.*

Hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta phải phục vụ cho cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh chính trị, làm thất bại cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, tiếp tục làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với Campuchia và Lào. Chúng ta cần tranh thủ những điều kiện thuận lợi mới về hợp tác kinh tế và khoa học, kỹ thuật, tham gia ngày càng

rộng rãi việc phân công và hợp tác trong Hội đồng tương trợ kinh tế, đồng thời tranh thủ mở rộng quan hệ với các nước khác.

Tăng cường đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô luôn luôn là hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta. Liên Xô - Tổ quốc của V.I. Lênin vĩ đại, quê hương của Cách mạng tháng Mười mà năm tới chúng ta sẽ kỷ niệm lần thứ 70 - là biểu tượng sáng ngời của sức mạnh và tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội và của chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa. Đảng ta, một lần nữa, bày tỏ sự ủng hộ hoàn toàn chính sách đối nội và đối ngoại được thông qua tại Đại hội lần thứ XXVII Đảng Cộng sản Liên Xô, ủng hộ hoàn toàn Cương lĩnh (bản viết mới) của Đảng Cộng sản Liên Xô, coi đó là một mẫu mực của sự vận dụng sáng tạo học thuyết Mác-xít - Lênin-nít. Trên cơ sở Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt - Xô, chúng ta ra sức phấn đấu, không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác về mọi mặt vì lợi ích của hai nước, đồng thời tăng cường sự phối hợp với Liên Xô và với các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác trong cuộc đấu tranh vì hòa bình và cách mạng trên thế giới, trước hết là ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Các cuộc gặp gỡ cấp cao của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước Việt Nam và Liên Xô, mới đây là cuộc gặp gỡ tháng 11 vừa qua giữa đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh và đồng chí Tổng Bí thư M.X. Goócbachốp thể hiện sự nhất trí cao giữa hai đảng và hai nhà nước, đánh dấu những bước phát triển không ngừng của tình đoàn kết anh em và quan hệ hợp tác toàn diện giữa nước ta với Liên Xô.

Đảng ta nhận thức sâu sắc rằng: phát triển và củng cố mối quan hệ đặc biệt giữa ba nước Đông Dương, đoàn kết và tôn trọng độc lập, chủ quyền của mỗi nước, hợp tác toàn diện, giúp đỡ lẫn nhau xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là quy luật sống còn và phát triển của cả ba dân tộc anh em. Bằng những biện pháp thiết thực và có hiệu quả, chúng ta ra sức phát triển quan hệ giữa nước ta với Lào và Campuchia, làm cho mỗi nước và cả ba nước ngày càng vững mạnh, làm thất bại âm mưu và thủ đoạn chia rẽ của kẻ thù. Trước sau như một Việt Nam trung thành với nghĩa vụ quốc tế của mình đối với cách mạng Lào và cách mạng Campuchia. Chúng ta coi mỗi thành tựu trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc của hai nước anh em như thành tựu của chính mình, cũng như mỗi thành tựu của chúng ta đều không tách rời tình đoàn kết, sự ủng hộ và giúp đỡ của Đảng, Nhà nước và nhân dân hai nước anh em.

Chúng ta tiếp tục tăng cường quan hệ hữu nghị và sự hợp tác với các nước thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế: Ba Lan, Bungari, Cuba, Cộng

hòa dân chủ Đức, Hunggari, Mông Cổ, Rumani, Tiệp Khắc. Chúng ta cũng mở rộng quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác: Anbani, Triều Tiên...

Cuộc gặp gỡ các tổng bí thư và bí thư thứ nhất của các đảng các nước thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế vừa qua ở Mátxcova đánh dấu một bước phát triển mới trong việc nâng cao trình độ hợp tác giữa các nước xã hội chủ nghĩa trên mọi lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế, phục vụ sự nghiệp đẩy nhanh tiến bộ của các nước anh em. Điều làm cho chúng ta đặc biệt phấn khởi là các đồng chí lãnh đạo các nước anh em đã nhất trí về sự cần thiết đề ra một chương trình nâng cao hiệu quả hợp tác và giúp đỡ của Hội đồng tương trợ kinh tế đối với Việt Nam, Cuba và Mông Cổ, phù hợp với đặc điểm của mỗi nước. Theo khả năng của mình, nước ta cố gắng góp phần vào việc nâng cao hiệu quả của sự hợp tác kinh tế, khoa học kỹ thuật trong Hội đồng tương trợ kinh tế, cùng các nước anh em củng cố sự thống nhất, tăng cường sức mạnh và phát huy ảnh hưởng của cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Chúng ta tích cực tham gia chương trình hợp tác tiến bộ khoa học kỹ thuật giữa các nước thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế. Với ý thức tự lực, tự cường và chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, nhân dân ta ra sức khai thác tốt mọi khả năng của đất nước vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời làm tròn nghĩa vụ và những cam kết của mình vì sự nghiệp củng cố và tăng cường sức mạnh chung của cộng đồng xã hội chủ nghĩa.

Là một đội ngũ của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Đảng ta tích cực góp phần vào việc tăng cường đoàn kết của phong trào trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, tăng cường sự hợp tác giữa các đảng anh em trong cuộc đấu tranh vì những mục tiêu chung là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Chúng ta ủng hộ một cách nhất quán và triệt để phong trào đấu tranh giải phóng và độc lập dân tộc, lên án chính sách của các giới đế quốc, trước hết là đế quốc Mỹ, tiến hành chống phá hồng xóa bỏ thành quả cách mạng của các nước độc lập trẻ tuổi. Chúng ta đoàn kết với các phong trào giải phóng dân tộc, các lực lượng độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội trong cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền của mỗi nước và quyền bình đẳng giữa các nước, vì một trật tự kinh tế thế giới mới, chống chủ nghĩa thực dân dưới mọi hình thức, chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa ápácthai, chủ nghĩa xi-ôn. Chúng ta ủng hộ mạnh mẽ và nêu cao tình đoàn kết, sự hợp tác với các nước độc lập đã lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa.

Là một thành viên của Phong trào không liên kết, chúng ta phấn khởi trước sự trưởng thành và vai trò ngày càng to lớn của phong trào trong đời sống chính trị quốc tế, trong đó có những đóng góp quan trọng của Cộng hòa Cuba và Cộng hòa Ấn Độ, Chủ tịch phong trào trong hai khóa thứ sáu và thứ bảy đầy khó khăn vừa qua. Chúng ta hoàn toàn tán thành những mục tiêu cao cả là hòa bình, giải trừ quân bị, độc lập dân tộc do Hội nghị cấp cao lần thứ tám của Phong trào không liên kết đề ra và kiên quyết góp phần xứng đáng vào bước phát triển mới của phong trào.

Chúng ta ủng hộ mạnh mẽ cuộc đấu tranh anh dũng của giai cấp công nhân và nhân dân ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, chống sự áp bức, bóc lột của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn, chống chạy đua vũ trang hạt nhân, vì hòa bình, dân chủ, việc làm và cải thiện mức sống. Chúng ta ủng hộ chính sách đoàn kết, tập hợp mọi lực lượng dân chủ và tiến bộ của các đảng cộng sản và công nhân anh em.

Đảng và Nhà nước ta ủng hộ chính sách của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa châu Âu xây dựng một nền hòa bình và an ninh vững chắc ở châu Âu trên cơ sở tôn trọng thực trạng lãnh thổ - chính trị đã hình thành từ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai. Chính sách ấy thể hiện tinh thần của các hội nghị Henxinki, Xtốckhôm, góp phần vào việc phát triển quan hệ láng giềng tốt và hợp tác hòa bình giữa các nước có chế độ kinh tế - xã hội khác nhau ở châu Âu.

Là một dân tộc đã từng chịu đựng nhiều hy sinh trong cuộc đấu tranh lâu dài vì độc lập, tự do, chúng ta thông cảm sâu sắc và bày tỏ tình đoàn kết chiến đấu, sự ủng hộ mạnh mẽ đối với nhân dân châu Phi, đặc biệt là nhân dân các nước miền Nam châu Phi, đang kiên cường đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa ápácthai. Chúng ta luôn luôn đứng bên cạnh nhân dân các nước Ănggôla, Êtiôpia, Môđambích trong cuộc đấu tranh bảo vệ nền độc lập của mình và xây dựng cuộc sống mới. Cuộc đấu tranh của nhân dân Nam Phi dưới sự lãnh đạo của Đại hội dân tộc Phi (ANC) chống chế độ cầm quyền độc tài của nhân dân Namibia dưới sự lãnh đạo của tổ chức SWAPO đòi trả lại độc lập của nhân dân các nước tiền tuyến châu Phi chống chế độ phân biệt chủng tộc Nam Phi nhất định thắng lợi. Chúng ta ủng hộ những cố gắng của Dimbabuê, nước tiền tuyến châu Phi trẻ tuổi, đang đảm nhiệm vai trò Chủ tịch Phong trào không liên kết và tích cực góp phần vào việc giải quyết những vấn đề nóng bỏng của châu Phi.

Chúng ta đoàn kết chặt chẽ với nhân dân các nước anh em Angiêri và Cộng hòa dân chủ nhân dân Yêmen đang xây dựng cuộc sống mới. Chúng

ta ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Xarauy củng cố và hoàn thành nền độc lập của mình. Chúng ta đòi Mỹ và các nước đế quốc khác phải từ bỏ âm mưu bao vây kinh tế và những hành động chống Libi và Xyri. Chúng ta kịch liệt lên án Ixraen tiếp tục chiếm đóng một phần lãnh thổ của Libăng, kiên quyết ủng hộ cuộc đấu tranh vì những quyền dân tộc cơ bản thiêng liêng của nhân dân Palestin mà Tổ chức giải phóng Palestin (PLO) là người đại diện; kiên quyết ủng hộ nhân dân các nước Ảrập khác chống chủ nghĩa xi-ôn của Ixraen được Mỹ giúp sức.

Những người cộng sản và nhân dân ta hết sức vui mừng trước những thắng lợi rực rỡ của nhân dân Cuba trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, của đất nước Nicaragoa anh hùng, sục sôi tinh thần chiến đấu, đang bảo vệ những thành quả cách mạng của mình, của nhân dân En Xanvado dưới sự lãnh đạo của Mặt trận giải phóng dân tộc Pharabundô Mácti trong cuộc đấu tranh bất khuất chống sự can thiệp của chủ nghĩa đế quốc Mỹ và chế độ độc tài phát xít.

Đảng và Nhà nước ta kiên trì thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình và hữu nghị. Chúng ta chủ trương và ủng hộ chính sách cùng tồn tại hòa bình giữa các nước có chế độ chính trị và xã hội khác nhau, loại trừ chiến tranh xâm lược và mọi hình thức của chủ nghĩa khủng bố, nhất là chủ nghĩa khủng bố nhà nước mà đế quốc Mỹ coi là quốc sách của họ. Chúng ta ủng hộ những cố gắng không mệt mỏi của Liên Xô nhằm loại trừ vũ khí hạt nhân, thiết lập một hệ thống an ninh quốc tế toàn diện cả về quân sự, chính trị, kinh tế và xã hội. Chúng ta đòi hỏi phía Mỹ phải có thái độ nghiêm chỉnh trong quan hệ với Liên Xô, cùng Liên Xô thảo luận để tìm ra những biện pháp cụ thể và thực tế nhằm ngăn chặn chạy đua vũ trang, trước mắt là chấm dứt các cuộc thử vũ khí hạt nhân. Chúng ta vạch trần thái độ ngoan cố của Mỹ không chịu từ bỏ cuộc chạy đua vũ trang cả trên trái đất và trong khoảng không vũ trụ, gây thêm tình hình căng thẳng trong các quan hệ quốc tế.

Trong tình hình châu Á đang diễn biến phức tạp, do Mỹ xúc tiến việc hình thành liên minh quân sự kiểu NATO ở phương Đông gây nên, Đảng, Chính phủ và nhân dân ta đánh giá cao và hoàn toàn ủng hộ kế hoạch hòa bình toàn diện về châu Á - Thái Bình Dương do đồng chí Tổng Bí thư - Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô M.X.Goócbachốp đưa ra tại Vladivôxtốc.

Đảng và Nhà nước ta đánh giá cao tình đoàn kết và sự hợp tác nhiều mặt giữa Liên Xô và Cộng hòa Ấn Độ mà cuộc đi thăm Ấn Độ của đồng chí Tổng Bí thư M.X.Goócbachốp trong tháng 11 vừa qua đánh dấu một bước

phát triển mới tốt đẹp. Đó là một nhân tố rất quan trọng của sự nghiệp hòa bình ở châu Á và trên thế giới. Chúng ta hoan nghênh Tuyên bố Niu Đêli, một văn kiện quan trọng thể hiện ý chí và nguyện vọng của cả loài người đấu tranh cho một thế giới không có vũ khí hạt nhân và không dùng bạo lực trong quan hệ quốc tế.

Chúng ta:

Ủng hộ chính sách của Liên Xô cải thiện quan hệ với Trung Quốc.

Ủng hộ sáng kiến của Mông Cổ về việc tiến tới một hiệp ước không dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực giữa các nước trong khu vực. Ủng hộ những nỗ lực nhằm biến Ấn Độ Dương thành khu vực hòa bình, những sáng kiến nhằm thiết lập các khu vực phi hạt nhân ở Đông Nam Á. Ủng hộ phong trào độc lập dân tộc và đòi phi hạt nhân của các nước nam Thái Bình Dương và trên bán đảo Triều Tiên.

Ủng hộ những sáng kiến của Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên nhằm làm giảm tình hình căng thẳng và tiến tới thống nhất hai miền đất nước bằng con đường hòa bình và dân chủ.

Ủng hộ những biện pháp kiên quyết của Ápganixtan chống cuộc chiến tranh không tuyên bố của các thế lực đế quốc và tay sai. Nhân dân ta đánh giá cao lập trường đầy thiện chí của Liên Xô trong quyết định rút một bộ phận, đi tới rút toàn bộ các đơn vị quân đội Liên Xô khỏi Ápganixtan khi đạt được một giải pháp chính trị bảo đảm chấm dứt vĩnh viễn sự can thiệp vũ trang từ bên ngoài vào nước này.

Chúng ta mong muốn cuộc xung đột vũ trang giữa hai nước Iran và Irắc sớm chấm dứt.

Chúng ta không ngừng tăng cường và mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác với Cộng hòa Ấn Độ, nước có vị trí đặc biệt quan trọng ở châu Á và trên thế giới, người bạn lớn đã luôn luôn dành cho nhân dân ta những tình cảm tốt đẹp, sự ủng hộ và giúp đỡ chí tình.

Nhân dân Việt Nam và nhân dân Trung Quốc vốn có quan hệ hữu nghị lâu đời, đã từng đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, giành độc lập, tự do và xây dựng đất nước. Nhân dân hai nước có lợi ích chung là hòa bình, độc lập và phát triển kinh tế. Chính phủ và nhân dân Việt Nam trước sau như một, quý trọng và nhất định làm hết sức mình để khôi phục tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước, và đã đưa ra nhiều đề nghị nhằm sớm bình thường hóa quan hệ giữa nước ta và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Lập trường của chúng ta là lấy lợi ích cơ bản và lâu dài của hai nước làm trọng. Chúng ta cho rằng đã đến lúc hai bên cần

ngồi lại cùng nhau thương lượng để giải quyết các vấn đề trước mắt cũng như lâu dài trong quan hệ giữa hai nước. Một lần nữa, chúng ta chính thức tuyên bố rằng: Việt Nam sẵn sàng đàm phán với Trung Quốc bất cứ lúc nào, bất cứ cấp nào và bất cứ ở đâu nhằm bình thường hóa quan hệ giữa hai nước, vì lợi ích của nhân dân hai nước, vì hòa bình ở Đông Nam Á và trên thế giới.

Chúng ta hoan nghênh chủ trương hợp tình, hợp lý của Chính phủ Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào nhằm bình thường hóa quan hệ với Cộng hòa nhân dân Trung Hoa trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không xâm lược, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau và cùng tồn tại hòa bình. Chúng ta hoàn toàn đồng tình với Chính phủ Lào sẵn sàng làm hết sức mình để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tăng cường hiểu biết và tin cậy lẫn nhau với Vương quốc Thái Lan, trước hết là nối lại đàm phán nhằm bình thường hóa quan hệ giữa hai nước.

Chúng ta hoàn toàn ủng hộ lập trường của Cộng hòa nhân dân Campuchia sẵn sàng đàm phán với các cá nhân và nhóm đối lập để thực hiện hòa hợp dân tộc trên cơ sở loại trừ bọn tội phạm diệt chủng Pôn Pốt. Chính phủ ta chủ trương tiếp tục rút quân tình nguyện Việt Nam khỏi Campuchia, đồng thời sẵn sàng hợp tác với tất cả các bên để đi tới một giải pháp chính trị đúng đắn về Campuchia.

Chính phủ và nhân dân Việt Nam không ngừng phấn đấu nhằm phát triển mối quan hệ hữu nghị và hợp tác với Indônêxia và các nước Đông Nam Á khác. Chúng ta mong muốn và sẵn sàng cùng các nước trong khu vực thương lượng để giải quyết các vấn đề ở Đông Nam Á, thiết lập quan hệ cùng tồn tại hòa bình, xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hòa bình, ổn định và hợp tác.

Nhà nước ta chủ trương tăng cường và mở rộng quan hệ hữu nghị với Thụy Điển, Phần Lan, Pháp, Ôxtrâyliya, Nhật Bản và với các nước phương Tây khác trên cơ sở bình đẳng và cùng có lợi. Chính phủ ta tiếp tục bàn bạc với Mỹ giải quyết các vấn đề nhân đạo do chiến tranh để lại và sẵn sàng cải thiện quan hệ với Mỹ vì lợi ích của hòa bình, ổn định ở Đông Nam Á.

Trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, thấm nhuần những tư tưởng và tình cảm cách mạng trong sáng của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, Đảng ta tiếp tục giương cao ngọn cờ hòa bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản, giữ vững độc lập tự chủ, tăng cường hợp tác quốc tế, ra sức làm tròn nhiệm vụ dân tộc và làm tốt nghĩa vụ quốc tế đối với nhân dân thế giới.

*Phân thứ tư*

**PHÁT HUY QUYỀN LÀM CHỦ TẬP THỂ  
CỦA NHÂN DÂN LAO ĐỘNG, NÂNG CAO HIỆU QUẢ  
QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**

Bài học "cách mạng là sự nghiệp của quần chúng" bao giờ cũng quan trọng. Thực tiễn cách mạng chứng minh rằng: ở đâu nhân dân lao động có ý thức làm chủ và được làm chủ thật sự thì ở đấy xuất hiện phong trào cách mạng.

Vận dụng bài học này vào giai đoạn cách mạng mới, Đảng ta coi *làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa* là bản chất của chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa cần được thể hiện trong mọi lĩnh vực của đời sống. Chúng ta đã xác định mối quan hệ *Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý* thành cơ chế chung trong quản lý toàn bộ xã hội.

Những thành tựu trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc chứng tỏ nhân dân ta giàu lòng yêu nước, thiết tha với chủ nghĩa xã hội, có nghị lực dồi dào, chịu đựng gian khổ, lao động cần cù và sáng tạo, chiến đấu anh dũng; bộ máy đảng và nhà nước có cố gắng trong việc thực hiện chức năng của mình.

Bên cạnh những biểu hiện tốt đẹp ấy, trong xã hội ta đang có những hiện tượng không bình thường: sự thiếu gắn bó chặt chẽ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân, tình trạng quan liêu trong các cơ quan lãnh đạo, quản lý và các tổ chức chuyên trách về công tác quần chúng. Nguyên nhân chủ yếu là cơ chế kết hợp hoạt động giữa Đảng, nhân dân và Nhà nước chưa được cụ thể hóa thành thể chế.

Cùng với những hậu quả của cơ chế cũ về quản lý kinh tế, tệ quan liêu trong thái độ, phong cách làm việc của cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành, kể cả ở các đơn vị kinh tế, đơn vị hành chính cơ sở, chưa được phê phán và khắc phục. Một bộ phận cán bộ; đảng viên, nhất là những người có chức quyền, quên những năm tháng cùng nhân dân đồng cam cộng khổ trong chiến tranh giải phóng, đã sống xa dân, không quan tâm giải quyết những vấn đề bức thiết do quần chúng đặt ra. Có những cấp ủy đảng coi nhẹ công tác quần chúng, không dựa vào nhân dân để chỉ đạo và kiểm tra các tổ chức cơ sở đảng. Không ít cơ quan chính quyền không tôn trọng ý kiến của nhân dân, không làm công tác vận động quần chúng, chỉ quen dùng các biện pháp hành chính. Đảng chưa phát huy vai trò và chức năng của các



đoàn thể trong việc giáo dục, động viên quần chúng tham gia quản lý kinh tế - xã hội. Các đoàn thể chưa tích cực đổi mới phương thức hoạt động đúng với tính chất của tổ chức quần chúng.

Toàn Đảng, từ các đồng chí lãnh đạo đến mọi đảng viên phải thấm nhuần lời dạy của Bác Hồ: "Đảng ta đại biểu cho *lợi ích chung* của giai cấp công nhân, của toàn thể nhân dân lao động, chứ không phải mưu cầu *lợi ích riêng* của một nhóm người nào, của cá nhân nào"<sup>1</sup>. Ý thức *phục vụ nhân dân* phải được thấu suốt trong hoạt động của cán bộ, đảng viên, nhân viên nhà nước. Đó là tiêu chuẩn hàng đầu đánh giá phẩm chất mỗi người.

Quyền làm chủ của nhân dân cần được thể chế hóa bằng pháp luật và tổ chức. Dân chủ đi đôi với kỷ luật, quyền hạn và lợi ích đi đôi với trách nhiệm và nghĩa vụ. Mỗi người đều phải làm chủ lao động của mình, làm việc có kỷ luật, với năng suất và hiệu quả cao, đóng góp xứng đáng cho sự nghiệp xây dựng đất nước. Mọi công dân phải tham gia việc giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội, chống địch phá hoại, bảo vệ Tổ quốc, coi đó là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của mình.

Những mục tiêu do Đại hội Đảng đề ra chỉ có thể đạt được bằng hành động cách mạng sáng tạo của hàng triệu quần chúng.

Công tác quản lý không phải việc riêng của những người quản lý chuyên nghiệp, mà là sự nghiệp của nhân dân. Trong công tác quản lý của các cơ quan nhà nước, dù là quản lý hành chính hay quản lý sản xuất, kinh doanh, quản lý trật tự, trị an, đều cần có sự tham gia của quần chúng. Việc phát huy vai trò của nhân dân lao động tham gia quản lý kinh tế, quản lý xã hội cần được các cơ quan lãnh đạo và quản lý đặt ra và thực hiện đúng ngay từ khi chuẩn bị và quyết định chủ trương, chính sách. Xóa bỏ nhận thức sai lầm, coi công tác quần chúng chỉ là biện pháp tổ chức, động viên nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách. Đối với những chủ trương có quan hệ trực tiếp tới đời sống nhân dân trên phạm vi cả nước cũng như ở các địa phương và đơn vị cơ sở, cấp ủy đảng hoặc cơ quan chính quyền phải trưng cầu ý kiến nhân dân trước khi quyết định. *Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*, đó là nền nếp hàng ngày của xã hội mới, thể hiện chế độ nhân dân lao động tự quản lý nhà nước của mình.

Động viên quần chúng tham gia rộng rãi và thường xuyên vào công cuộc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Tập thể những người lao động có quyền hạn và nghĩa vụ trong việc xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh, bố trí lao động, tuyển lựa cán bộ quản lý, kiểm tra, giám sát các hoạt động của cơ

---

1. Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, tập 2, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1980, tr. 100.

quan quản lý. Các cấp ủy đảng phải lãnh đạo tổ chức các đại hội công nhân, viên chức trong các xí nghiệp, cơ quan, đại hội xã viên trong các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất nông nghiệp, các hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp, tạo điều kiện cho các tập thể lao động thực hiện tốt vai trò của người làm chủ trực tiếp ở đơn vị cơ sở.

Ở các xã, phường và khu dân cư phải phát huy vai trò của công đoàn, đoàn thanh niên, hội phụ nữ, hội nông dân tập thể, Mặt trận Tổ quốc trong việc vận động nhân dân phát triển sản xuất, làm kinh tế gia đình, tổ chức phân phối, lưu thông, dịch vụ hoạt động văn hóa, giáo dục, bảo vệ sức khỏe và môi trường, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

Cùng với việc chăm lo đời sống nhân dân, các cơ quan nhà nước phải *tôn trọng và bảo đảm những quyền công dân* mà Hiến pháp đã quy định. Tiếp sau việc ban hành Bộ luật hình sự và dự thảo Luật Hôn nhân và gia đình, Nhà nước ta còn phải ban hành các luật khác. Chính đốn tổ chức, thi hành những biện pháp có hiệu lực trừ diệt các tệ hối lộ, cửa quyền, loại bỏ và nghiêm trị những phần tử biến chất lợi dụng danh nghĩa đảng và chính quyền để đục khoét nhân dân, áp bức quần chúng. Các cơ quan toà án, kiểm sát, thanh tra, an ninh... dựa vào nhân dân để phát hiện và xử lý kịp thời những vụ vi phạm quyền công dân.

Việc bài trừ những hành động phạm pháp, bảo vệ sản xuất, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa chỉ có thể thực hiện có hiệu quả nếu thật sự dựa vào sự kiểm tra, giám sát của quần chúng. Ở đây, các đoàn thể quần chúng giữ một vai trò quan trọng. Sự kiểm tra và giám sát của nhân dân đối với các cơ quan nhà nước, muốn đạt kết quả tốt, phải được các đoàn thể quần chúng tổ chức và chỉ đạo. Sử dụng hệ thống kiểm tra nhân dân, tăng cường hệ thống kiểm tra của công nhân, viên chức trong các xí nghiệp, cơ quan, phát triển rộng rãi các hình thức tham gia kiểm tra của đoàn thanh niên, hội phụ nữ và mặt trận. Kỷ luật lao động, kỷ cương xã hội chỉ có thể được củng cố khi có một cơ chế quản lý đúng, có những biện pháp mạnh mẽ mang tính luật pháp cùng với việc giáo dục đạo đức xã hội.

Thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động thực chất là tôn trọng con người, phát huy sức sáng tạo của mọi tầng lớp nhân dân, hướng sự sáng tạo đó vào sự nghiệp xây dựng xã hội mới, và thông qua quá trình xây dựng kinh tế - xã hội mà *đào tạo, rèn luyện con người mới, hình thành những tập thể lao động mới*. Muốn tạo nên một tập thể vững mạnh, phải xây dựng từng con người; quan tâm *phát hiện và bồi dưỡng nhân tài*. Việc xây dựng nếp sống mới, con người mới có tầm quan trọng đặc biệt

trong xã hội ta. Không xây dựng được ý thức tự giác, tự làm chủ của mỗi người, không thể bảo đảm được quyền làm chủ tập thể của mọi người.

Các ngành văn hóa, văn nghệ, giáo dục và thông tin đại chúng vừa phải hiểu rõ nguyện vọng, tâm tư của quần chúng để phục vụ tốt và phản ánh với Đảng, vừa có trách nhiệm tạo cho được những dư luận quần chúng đúng đắn, hỗ trợ đắc lực cho việc thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Khẩu hiệu "dân tin Đảng, Đảng tin dân" phải được thể hiện hàng ngày trong cuộc sống thông qua những việc làm cụ thể.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đảng dân chủ, Đảng xã hội và các đoàn thể quần chúng, trước hết là Công đoàn, Hội liên hiệp Nông dân tập thể, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội liên hiệp Phụ nữ, có vai trò to lớn trong việc động viên các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng, quản lý kinh tế và quản lý xã hội. Các cấp, các ngành chính quyền phải tôn trọng các đoàn thể quần chúng và mặt trận, phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi để các đoàn thể và mặt trận hoạt động có kết quả thiết thực. Đảng viên, cán bộ chính quyền, bộ đội, công an hàng ngày cũng phải tự mình trực tiếp vận động quần chúng, coi đó là một công việc tất yếu để thực hiện được tốt công tác chuyên môn của mình.

Các cấp ủy đảng phải lãnh đạo chặt chẽ các đoàn thể, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của từng đoàn thể mà đề ra nhiệm vụ, mục tiêu hành động và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ các đoàn thể. Nhưng cấp ủy đảng phải tôn trọng tính độc lập về tổ chức của các đoàn thể, khuyến khích tính chủ động, sáng tạo trong việc thực hiện các nhiệm vụ cách mạng. Các đoàn thể cũng phải mau chóng đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của mình cho phù hợp với những cuộc cải cách về quản lý kinh tế, xã hội. Hoạt động đoàn thể phải chuyển mạnh về cơ sở, thu hút đông đảo quần chúng vào các phong trào cách mạng.

Lợi ích chính đáng của quần chúng đang đặt ra nhiều vấn đề cần phải giải quyết. Trước mắt, tập trung sức giải quyết những vấn đề có thể giải quyết được, phù hợp với từng đối tượng.

Đối với *giai cấp công nhân*, Đảng cần có những biện pháp cụ thể nhằm nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa và trình độ hiểu biết về mọi mặt để xứng đáng với vị trí giai cấp tiên phong của cách mạng, đồng thời chăm lo đời sống vật chất và văn hóa, tạo ra những điều kiện cần thiết để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình; có chế độ tiền lương và phúc lợi xã hội hợp lý, bảo đảm đời sống vật chất và văn hóa của công nhân, viên chức và gia đình. Đảng cần tổng kết kinh nghiệm và ra nghị

quyết về xây dựng giai cấp công nhân. Nhà nước cần bổ sung Luật Công đoàn.

Đối với *nông dân*, phải giải quyết tốt quan hệ giữa nghĩa vụ đóng góp cho đất nước và quyền lợi của nông dân. Nhà nước phải soát lại các chính sách quan hệ đến nông dân, bãi bỏ những chính sách không đúng.

Đối với *trí thức*, điều quan trọng nhất là bảo đảm quyền tự do sáng tạo. Đánh giá đúng năng lực và tạo điều kiện cho năng lực được sử dụng đúng và phát triển. Phá bỏ những quan niệm hẹp hòi, không thấy tầng lớp trí thức ngày nay là những người lao động xã hội chủ nghĩa, được Đảng giáo dục và lãnh đạo, ngày càng gắn bó chặt chẽ với công nhân, nông dân.

*Thanh niên* phải được bảo đảm việc làm khi bước vào đời và được quan tâm giáo dục về nhân cách, bản lĩnh và lý tưởng theo phương châm "sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại". Phải có ý thức đầy đủ rằng chính thanh niên là lớp người có sứ mệnh lịch sử xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Mạnh dạn giao trách nhiệm cho thanh niên, và thông qua các hoạt động xã hội mà đào tạo và bồi dưỡng họ. *Thiếu niên và nhi đồng* phải được học tập và chăm sóc trong tình thương của gia đình và xã hội. Các cấp bộ đảng và đoàn thanh niên phải chăm lo xây dựng Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh.

*Phụ nữ* nói chung và lao động nữ nói riêng có những đặc điểm cần được chú ý. Để phát huy vai trò to lớn của phụ nữ trong sự nghiệp cách mạng, cần làm cho đường lối vận động phụ nữ của Đảng được thấu suốt trong cả hệ thống chuyên chính vô sản, được cụ thể hóa thành chính sách, luật pháp. Các cơ quan nhà nước, với sự phối hợp của các đoàn thể, cần có biện pháp thiết thực tạo thêm việc làm, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ nữ, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, thực hiện đúng Luật Hôn nhân và gia đình. Tạo điều kiện cho phụ nữ kết hợp được nghĩa vụ công dân với chức năng làm mẹ, xây dựng gia đình hạnh phúc.

Đảng cần tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết và đấu tranh cách mạng kiên cường, dũng cảm của *các dân tộc thiểu số* ở nước ta nhằm củng cố và nâng cao thêm một bước khối đoàn kết các dân tộc, hướng vào việc xây dựng miền núi giàu mạnh, thực hiện thắng lợi các mục tiêu và nhiệm vụ cách mạng do Đại hội đề ra. Tăng cường việc giáo dục chính sách dân tộc trong cán bộ, đảng viên, trong quân đội và đồng bào cả nước, nâng cao cảnh giác, kịp thời vạch trần và làm thất bại âm mưu, hành động của kẻ thù chia rẽ dân tộc. Có quy hoạch và kế hoạch tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số nhất là cán bộ các dân tộc thiểu số ở vùng cao, biên giới và một số vùng ở miền Nam.

Đảng và Nhà nước ta, trước sau như một, thực hành chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng. Lãnh đạo và giúp đỡ đồng bào *theo tôn giáo* đoàn kết xây dựng cuộc sống mới và hăng hái tham gia bảo vệ Tổ quốc. Cảnh giác, kiên quyết và kịp thời chống lại âm mưu, thủ đoạn của bọn đế quốc và phản động chia rẽ đồng bào có đạo với đồng bào không có đạo, giữa đồng bào theo đạo này với đồng bào theo đạo khác.

*Người Việt Nam sinh sống ở nước ngoài* đang hình thành một cộng đồng vừa hòa nhập vào xã hội sở tại vừa gắn bó với quê hương. Đảng và Nhà nước ta thông cảm và đánh giá cao lòng yêu nước của đồng bào, sẽ tạo thêm những điều kiện thuận lợi để đồng bào xây dựng khối đoàn kết cộng đồng, tiếp xúc với bà con trong nước, đóng góp ngày càng nhiều hơn vào công cuộc xây dựng Tổ quốc.

*Thưa các đồng chí,*

Nhà nước ta là công cụ của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, do giai cấp công nhân và nhân dân lao động tổ chức thành cơ quan quyền lực chính trị. Trong thời kỳ quá độ, đó là *nhà nước chuyên chính vô sản thực hiện chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa*. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, chức năng của Nhà nước là thể chế hóa bằng pháp luật quyền hạn, lợi ích, nghĩa vụ của nhân dân lao động và quản lý kinh tế, xã hội theo pháp luật. Nhà nước ta phải bảo đảm quyền dân chủ thật sự của nhân dân lao động, đồng thời kiên quyết trừng trị những kẻ vi phạm quyền làm chủ của nhân dân.

Tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước là công tác cấp bách, là điều kiện tất yếu bảo đảm huy động lực lượng to lớn của quần chúng nhân dân để hoàn thành mọi nhiệm vụ chính trị do Đảng đề ra, đáp ứng được yêu cầu và nguyện vọng của nhân dân.

Bộ máy nhà nước của ta còn cồng kềnh và kém hiệu lực. Cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp là nguyên nhân trực tiếp làm cho bộ máy nặng nề, nhiều tầng, nhiều nấc. Chức năng, nhiệm vụ của tổ chức và chức năng, tiêu chuẩn cán bộ chưa được xác định rõ ràng. Một số ngành ở Trung ương và địa phương đang có xu hướng chia tách thành nhiều cơ quan và đơn vị chuyên môn hóa theo lối khép kín; nhiều tổ chức trùng lặp, chồng chéo; nhiều trường hợp bố trí cán bộ, nhân viên không tương xứng với nhiệm vụ. Chế độ trách nhiệm không rõ ràng. Phong cách làm việc nặng về hình thức, giấy tờ, hội họp quá nhiều, mà quyết định thì chậm, thiếu cơ sở khoa học, nhiều khi không dứt khoát, việc tổ chức thực hiện lại yếu.

Để thiết lập cơ chế quản lý mới, cần thực hiện một cuộc cải cách lớn về tổ chức bộ máy của các cơ quan nhà nước theo phương hướng sau đây:

*Xây dựng và thực hiện một cơ chế quản lý nhà nước thể hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động ở tất cả các cấp. Tăng cường bộ máy nhà nước từ Trung ương đến địa phương và cơ sở thành một hệ thống thống nhất, có sự phân định rành mạch nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm từng cấp theo nguyên tắc tập trung dân chủ, phân biệt rõ chức năng quản lý hành chính kinh tế với quản lý sản xuất - kinh doanh, kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ phù hợp với đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội.*

Đó là bộ máy nhà nước có đủ năng lực thực hiện những nhiệm vụ chủ yếu:

Thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng thành pháp luật, chính sách cụ thể.

- Xây dựng chiến lược kinh tế - xã hội và cụ thể hóa chiến lược đó thành những kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Quản lý hành chính xã hội và hành chính kinh tế, điều hành các hoạt động kinh tế xã hội trong toàn xã hội theo kế hoạch, giữ vững pháp luật, kỷ cương Nhà nước và trật tự xã hội, giữ vững quốc phòng và an ninh.

Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch của Nhà nước, phát hiện những mất cân đối và đề ra những biện pháp để khắc phục.

- Thực hiện một quy chế làm việc khoa học, có hiệu suất cao.

- Xây dựng bộ máy gọn nhẹ, có chất lượng cao, với một đội ngũ cán bộ có phẩm chất chính trị và có năng lực quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

Nhà nước phải làm tròn nhiệm vụ xây dựng các kế hoạch kinh tế - xã hội, các chương trình tiến bộ khoa học kỹ thuật, xây dựng hệ thống pháp luật, chính sách, chế độ. Phải nâng cao năng lực quản lý hành chính, bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa, thực hiện đầy đủ quyền lực nhà nước; đồng thời xây dựng hệ thống quản lý kinh tế theo cơ chế quản lý mới, phát huy quyền chủ động sản xuất, kinh doanh của đơn vị kinh tế cơ sở.

Tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước, trước hết là nêu cao vị trí của Quốc hội và Hội đồng nhà nước, vai trò của Hội đồng nhân dân các cấp. Vẫn còn tình trạng các cơ quan dân cử các cấp được lựa chọn, bầu cử và hoạt động một cách hình thức chủ nghĩa. Trong nhiều trường hợp, cấp ủy đảng còn bao biện, làm thay công việc của chính quyền. Việc lựa chọn người bầu vào các cơ quan dân cử ở nhiều nơi còn gò ép. Nhiều ủy ban nhân dân chưa thật sự tôn trọng Hội đồng nhân dân.

Các cơ quan dân cử từ Quốc hội đến Hội đồng nhân dân các cấp thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thường xuyên cải tiến và kịp thời tổng kết các mặt hoạt động; nâng cao chất lượng các kỳ họp, bàn và quyết định những vấn đề thiết thực; tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa và công tác giám sát đối với hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước.

Hội đồng Bộ trưởng và Ủy ban nhân dân các cấp nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành để tổ chức thực hiện có kết quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Vấn đề cấp bách là phải sắp xếp lại các bộ, ủy ban nhà nước, tổng cục và tinh giản bộ máy quản lý hành chính nhà nước của các bộ. Bộ máy quản lý hành chính của bộ không được can thiệp sâu vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của các xí nghiệp. Giảm bớt những tổ chức trung gian như vụ, cục, phòng, ban, chuyển mạnh sang cách làm việc trực tiếp theo lối chuyên gia. Giảm bớt chức phó ở tất cả các cấp và các cơ quan. Theo phương hướng sắp xếp lại bộ máy nhà nước Trung ương, bộ máy các ủy ban nhân dân địa phương cũng phải tổ chức lại gọn và tinh, có đủ quyền hạn, nhiệm vụ và năng lực quản lý trên địa bàn lãnh thổ.

Quản lý đất nước bằng pháp luật, chứ không chỉ bằng đạo lý. Pháp luật là thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, thể hiện ý chí của nhân dân, phải được thực hiện thống nhất trong cả nước. Tuân theo pháp luật là chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng. Quản lý bằng pháp luật đòi hỏi phải quan tâm *xây dựng pháp luật*. Từng bước bổ sung và hoàn chỉnh hệ thống pháp luật để bảo đảm cho bộ máy nhà nước được tổ chức và hoạt động theo pháp luật.

Coi trọng công tác *giáo dục, tuyên truyền, giải thích pháp luật*. Đưa việc dạy pháp luật vào hệ thống các trường của Đảng, của Nhà nước (kể cả các trường phổ thông, đại học); của các đoàn thể nhân dân. Cán bộ quản lý các cấp từ Trung ương đến đơn vị cơ sở phải có kiến thức về quản lý hành chính và hiểu biết về pháp luật. Cần sử dụng nhiều hình thức và biện pháp để giáo dục, nâng cao ý thức pháp luật và làm tư vấn pháp luật cho nhân dân.

*Pháp luật phải được chấp hành nghiêm chỉnh, mọi người đều bình đẳng trước pháp luật*. Trong điều kiện đảng cầm quyền, mọi cán bộ, bất cứ ở cương vị nào, đều phải sống và làm việc theo pháp luật, gương mẫu trong việc tôn trọng pháp luật. Không cho phép bất cứ ai dựa vào quyền thế để làm trái pháp luật. Mọi vi phạm đều phải được xử lý. Bất cứ ai phạm pháp đều đưa ra xét xử theo pháp luật, không được giữ lại để xử lý "nội bộ". Không làm theo kiểu phong kiến: dân thì chịu hình pháp, quan thì xử theo "lẽ". Hiến pháp quy định: "Khi xét xử, thẩm phán và hội thẩm nhân dân độc lập và

chỉ tuân theo pháp luật". Cấm bao che hành động phạm pháp và người phạm pháp dưới bất cứ hình thức nào.

Phải dùng sức mạnh của pháp chế xã hội chủ nghĩa kết hợp với sức mạnh của dư luận quần chúng để đấu tranh chống những hành vi phạm pháp. Các cấp ủy đảng, từ trên xuống dưới, phải thường xuyên lãnh đạo công tác pháp chế, tăng cường cán bộ có phẩm chất và năng lực cho lĩnh vực pháp chế và kiểm tra chặt chẽ hoạt động của các cơ quan pháp chế.

*Đổi mới phong cách làm việc.* Để lãnh đạo và quản lý tốt phải ra quyết định đúng, kịp thời và tổ chức thực hiện các quyết định đó. Việc chuẩn bị quyết định và ra quyết định phải tuân theo một quy trình chặt chẽ. Chấm dứt chế độ làm việc theo lối quan liêu qua nhiều nấc trung gian không cần thiết. Thực hiện phong cách làm việc có điều tra, nghiên cứu, xử lý công việc nhanh chóng, bãi bỏ những thủ tục phức tạp, gây phiền hà cho nhân dân. Người ra quyết định phải chịu trách nhiệm về những quyết định của mình.

Muốn nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội phải có một đội ngũ cán bộ giỏi, có năng lực, có kinh nghiệm, có phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng. Cán bộ quản lý hành chính nhà nước (từ bộ trưởng, thứ trưởng, chủ tịch các cấp, cục, vụ trưởng...) đều phải là những người hiểu biết nguyên tắc và chế độ quản lý hành chính, hiểu biết pháp luật, hiểu biết chuyên môn. Có loại cán bộ làm công tác tổng hợp, nhưng không có loại cán bộ được coi như thích hợp với mọi công tác. Để tăng hiệu lực quản lý của Nhà nước, tăng trách nhiệm của cán bộ giữ vị trí chủ chốt ở các ngành, từ nay chấm dứt tình trạng bổ nhiệm cán bộ không có hiểu biết hoặc kém chuyên môn vào các cương vị lãnh đạo và quản lý cơ quan chuyên môn. Thực hiện chế độ bãi miễn đối với các cán bộ vô trách nhiệm, thiếu năng lực.

Để phát triển và nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ, sắp xếp lại hệ thống các trường đào tạo, có kế hoạch bồi dưỡng cho các đối tượng khác nhau theo những chương trình thích hợp. Các cán bộ lãnh đạo và quản lý ở các cương vị chủ chốt từ Trung ương đến tỉnh, huyện, xã, từ tổng giám đốc đến cán bộ quản lý cơ sở, đều phải qua các lớp bồi dưỡng định kỳ có sát hạch, theo chương trình thiết thực và có hệ thống về đường lối, chính sách, cơ chế quản lý và kiến thức quản lý mới, về chuyên môn, nghiệp vụ và về pháp luật.

Tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước và thực hiện quyền làm chủ của nhân dân lao động trên thực tế là một thể thống nhất. Dưới chế độ xã



hội chủ nghĩa, tất cả đều do dân và vì dân, có thật sự do dân mới thật sự vì dân một cách đầy đủ. Nguyên lý cơ bản đó được thực hiện từng bước vững chắc là điều kiện quyết định cho mọi thắng lợi của cách mạng.

### *Phần thứ năm*

## **NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG**

*Thưa các đồng chí,*

Năm năm qua là một thời kỳ hoạt động phong phú và đầy thử thách của Đảng. Từ những thành tựu cũng như những sai lầm, Đảng ta đã trưởng thành một bước trong công tác lãnh đạo. Đại hội này là một cái mốc đánh dấu bước trưởng thành ấy. Song tất cả những gì đã làm được và chưa làm được cũng chứng tỏ rằng sự lãnh đạo của Đảng chưa ngang tầm những nhiệm vụ của giai đoạn mới. Đảng chưa đáp ứng được yêu cầu trong việc giải quyết nhiều vấn đề kinh tế - xã hội, trong phong cách lãnh đạo và cả trong việc rèn luyện phẩm chất cán bộ, đảng viên. Nguồn gốc sâu xa của sự không ngang tầm ấy là ở chỗ, trong nhiều năm, chúng ta đã coi nhẹ và có khuyết điểm trong công tác xây dựng Đảng. Đây là điều mà toàn Đảng, từ Ban Chấp hành Trung ương đến các tổ chức cơ sở và mỗi đảng viên, cần nhận thức đầy đủ với ý thức trách nhiệm cao.

Quy mô rộng lớn và tính chất phức tạp của những nhiệm vụ kinh tế - xã hội trong thời kỳ quá độ, cuộc đấu tranh "ai thắng ai" giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, cuộc đấu tranh giữa nhân dân ta với chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động quốc tế đang đòi hỏi tăng cường không ngừng năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Đảng phải trưởng thành về lãnh đạo chính trị, phát triển và cụ thể hóa đường lối, đề ra những giải pháp đúng đắn đối với những vấn đề mới của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Để tăng cường sức chiến đấu và năng lực tổ chức thực tiễn của mình, Đảng phải đổi mới về nhiều mặt: đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế; đổi mới tổ chức: đổi mới đội ngũ cán bộ, đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác.

Đảng phải chăm lo xây dựng mình vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, để từ đó tác động quyết định đến sự phát triển của cách mạng nước ta.

**1. Đổi mới tư duy, nâng cao phẩm chất cách mạng của cán bộ, đảng viên và nhân dân là nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng.**

Thế giới ngày nay đang thay đổi nhanh chóng. Chủ nghĩa xã hội đang phấn đấu thể hiện rõ tính ưu việt về mọi mặt so với chủ nghĩa tư bản. Đối với các nước xã hội chủ nghĩa anh em, đổi mới là con đường vươn lên đáp ứng đòi hỏi của thời đại, đối phó thắng lợi với mọi thử thách, đáp ứng những nhu cầu ngày càng cao của nhân dân. Đối với nước ta, đổi mới đang là yêu cầu bức thiết của sự nghiệp cách mạng, là vấn đề có ý nghĩa sống còn. Nhiều năm nay, trong nhận thức của chúng ta về chủ nghĩa xã hội có nhiều quan niệm lạc hậu, nhất là những quan niệm về công nghiệp hóa, về cải tạo xã hội chủ nghĩa, về cơ chế quản lý kinh tế, về phân phối, lưu thông, v.v... Đó là một nguyên nhân chậm phát triển và cụ thể hóa đường lối chung và đường lối kinh tế trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ. Vì vậy, phải đổi mới trước hết là đổi mới tư duy, chúng ta mới có thể vượt qua khó khăn, thực hiện được những mục tiêu do Đại hội lần thứ VI đề ra.

Muốn đổi mới tư duy, Đảng ta phải nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, kế thừa di sản quý báu về tư tưởng và lý luận cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của đồng chí Lê Duẩn và các đồng chí lãnh đạo khác của Đảng, tiếp thu những thành tựu lý luận, những kinh nghiệm mới phong phú của các đảng anh em, những kiến thức khoa học của thời đại. Phải đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết có hệ thống sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, rút ra những kết luận đúng đắn, khắc phục những quan niệm sai lầm hoặc lỗi thời. Đổi mới tư duy không có nghĩa là phủ nhận những thành tựu lý luận đã đạt được, phủ nhận những quy luật phổ biến của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, phủ nhận đường lối đúng đắn đã được xác định, trái lại, chính là bổ sung và phát triển những thành tựu ấy.

Các văn kiện của Đại hội lần thứ VI thể hiện bước đầu sự đổi mới tư duy của Đảng. Mỗi chúng ta, từ người lãnh đạo đến đảng viên thường, dù hoạt động trong lĩnh vực nào cũng cần kiểm tra lại nhận thức của mình, sớm lĩnh hội được những quan niệm mới, kiên quyết gạt bỏ những quan niệm sai lầm. Làm quán triệt các nghị quyết của Đại hội đến từng đảng viên, từng người lao động, tạo nên sự đổi mới về nhận thức, nâng cao nhiệt tình

cách mạng của cán bộ, đảng viên và nhân dân là nhiệm vụ hàng đầu của công tác tư tưởng.

Đổi mới tư duy trong mọi lĩnh vực hoạt động của Đảng và Nhà nước là việc cấp bách, đồng thời là việc thường xuyên, lâu dài. Tính bảo thủ, sức ỳ của những quan niệm cũ là trở ngại không nhỏ, nhất là những quan niệm ấy lại gắn chặt với những người mang nặng chủ nghĩa cá nhân và đầu óc thủ cựu. Cần tạo những điều kiện xã hội thuận lợi cho quá trình đổi mới tư duy: bầu không khí dân chủ trong xã hội, nhất là trong sinh hoạt Đảng, trong nghiên cứu khoa học; tinh thần tôn trọng sự thật, tôn trọng chân lý; hệ thống thông tin chính xác; tự phê bình và phê bình được tiến hành một cách thường xuyên và nghiêm túc, v.v... Điều quan trọng là phải coi trọng công tác lý luận nhằm cung cấp nội dung khoa học cho việc đổi mới tư duy.

Cùng với việc đổi mới tư duy, công tác tư tưởng phải hướng vào việc *bồi dưỡng phẩm chất, đạo đức mới*, nâng cao tinh thần yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, tinh thần quốc tế vô sản và tinh thần quốc tế xã hội chủ nghĩa, khơi dậy ý chí cách mạng của quần chúng. Phẩm chất chính trị của mỗi người phải thể hiện ở lập trường vững vàng trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường, giữa ta và địch, giữa cái lành mạnh và cái hư hỏng; ở ý chí bền bỉ, tính năng động, sáng tạo, ý thức trách nhiệm cao, làm việc có hiệu quả thiết thực; ở lòng tin vào sức mạnh của nhân dân, vào sự lãnh đạo của Đảng trong cuộc đấu tranh thực hiện nhiệm vụ. Tâm trạng bi quan, dao động, mất lòng tin, mất phương hướng, trái với bản chất tốt đẹp của người chiến sĩ cách mạng tiên phong phải được khắc phục. Vấn đề đạo đức xã hội đang được đặt ra một cách cấp bách. Trong xã hội ta đang diễn ra cuộc đấu tranh giữa hai lối sống: lối sống có lý tưởng, lành mạnh, trung thực, sống bằng lao động của mình, có ý thức tôn trọng và bảo vệ của công, chăm lo lợi ích của tập thể và của đất nước, với lối sống thực dụng, đối trá, ích kỷ, ăn bám, chạy theo đồng tiền. Các lực lượng làm công tác tư tưởng phải tích cực tham gia cuộc đấu tranh này, lên án, vạch trần bản chất thối nát của lối sống cũ, khẳng định mạnh mẽ và truyền bá rộng rãi những giá trị đạo đức mới, thúc đẩy quá trình hình thành lối sống mới.

Trên thế giới và trong nước ta, cuộc đấu tranh giữa hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa và hệ tư tưởng tư sản đang diễn ra gay gắt. Kẻ thù ở ngoài nước và trong nước thường xuyên tìm cách phá chúng ta về tư tưởng. Chúng tung ra đủ loại luận điệu xuyên tạc nhằm phá hoại Đảng và chế độ ta. Những người cộng sản phải nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, nhạy cảm nắm bắt tình hình, kịp thời đập tan mọi luận điệu phản tuyên truyền của chúng. Nhưng thời gian qua, công tác tư tưởng chưa thực sự tiến hành

theo hướng đó. Đã có lúc, có nơi, một số đảng viên thụ động, bàng quan, bất lực trước sự lan tràn của những tin đồn nhảm, những dư luận ác ý, tê liệt trước sự tiến công của địch về tư tưởng. Để khắc phục tình trạng không bình thường đó, cần tổ chức lại công tác đấu tranh chống chiến tranh tâm lý của địch, nhất là ở những thành phố lớn.

Hiệu quả công tác tư tưởng phụ thuộc trước hết vào sự lãnh đạo của các tổ chức đảng. Đảng ta lãnh đạo chính quyền, có hệ thống các cơ quan làm công tác tư tưởng, phương tiện tuy chưa hiện đại, nhưng so với trước, đã tăng nhiều, lại có gần hai triệu đảng viên, trên mười vạn chi bộ, nhưng vì sao kết quả công tác tư tưởng lại không tương xứng, trận địa tư tưởng ở nhiều nơi lại bị bỏ trống? Nguyên nhân quan trọng là nhiều tổ chức đảng chưa thật sự lãnh đạo và chưa biết lãnh đạo công tác tư tưởng, nhiều đồng chí được phân công vào các vị trí quan trọng của các cơ quan nhà nước cũng không làm công tác tuyên truyền, giáo dục. Muốn làm chủ trận địa tư tưởng, mỗi cấp ủy phải hiểu rõ tâm trạng của quần chúng, có kế hoạch công tác tư tưởng, biết tổ chức, bồi dưỡng và sử dụng các cơ quan, các cán bộ, đảng viên làm công tác tư tưởng, biến các lực lượng ấy thành một đội quân hùng hậu có sức chiến đấu cao.

Công tác tư tưởng phải đổi mới về nội dung và hình thức, tổ chức và phương pháp, con người và phương tiện.

Phải nâng cao chất lượng sinh hoạt của các tổ chức đảng từ Trung ương đến chi bộ. Hiệu quả các cuộc hội nghị phải thể hiện trên hai mặt: đề ra được chủ trương, biện pháp để giải quyết các nhiệm vụ; có tác dụng giúp những người tham gia sinh hoạt nắm vững quan điểm của Đảng, tiếp nhận được thông tin, kinh nghiệm, hiểu biết mới, tăng thêm ý thức trách nhiệm. Các cuộc sinh hoạt có chất lượng của cấp ủy và tổ chức cơ sở đảng là điều kiện đầu tiên để triển khai có hiệu quả công tác tư tưởng.

Các tổ chức đảng phải xây dựng được đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên có phẩm chất cách mạng, có trình độ chính trị và nghiệp vụ ngày càng được nâng cao, thường xuyên bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ ấy trong công tác tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng. Việc chậm hình thành đội ngũ này là do coi nhẹ hình thức tuyên truyền miệng, thiếu nội dung phong phú, hấp dẫn và những phương tiện vật chất cần thiết cho các báo cáo viên.

Các phương tiện thông tin đại chúng có nhiệm vụ truyền bá đường lối, chính sách của Đảng, đi sát thực tế, thông tin kịp thời và phân tích sâu sắc những sự kiện mới; phát hiện và phản ánh trung thực những điển hình tiên tiến, nhiệt tình ủng hộ, cổ vũ những nhân tố mới, dũng cảm đấu tranh

chống những hiện tượng lạc hậu, trì trệ và mọi biểu hiện tiêu cực khác; đề cập và chỉ ra phương hướng giải quyết những vấn đề thiết thực mà xã hội quan tâm; xây dựng dư luận xã hội lành mạnh, động viên quần chúng tích cực hoàn thành nhiệm vụ cách mạng.

Báo chí là tiếng nói của Đảng, đồng thời cũng phản ánh tiếng nói của quần chúng. Trình độ mọi mặt của nhân dân ta ngày càng cao đòi hỏi báo chí và các phương tiện thông tin khác phải bảo đảm tính chân thực, nâng cao chất lượng, tăng cường tính quần chúng và tính chiến đấu, khắc phục tình trạng giản đơn đơn điệu, hời hợt, sáo rỗng, một chiều.

Nâng cao chất lượng công tác xuất bản cả ở Trung ương và địa phương, bảo đảm có nhiều sách bổ ích, kịp thời phát hiện và xử lý những trường hợp vi phạm nguyên tắc và thiếu trách nhiệm dẫn tới xuất bản và phát hành văn hóa phẩm có hại. Cố gắng xuất bản một số sách chính trị, khoa học, kỹ thuật, văn học có chất lượng, với khối lượng tương đối lớn, đủ cung cấp cho mỗi cơ sở một tủ sách hay.

Các tổ chức đảng phải quan tâm chỉ đạo công tác văn hóa, văn nghệ.

Không hình thái tư tưởng nào có thể thay thế được văn học và nghệ thuật trong việc xây dựng tình cảm lành mạnh, tác động sâu sắc vào việc đổi mới nếp nghĩ, nếp sống của con người. Văn học, nghệ thuật phải không ngừng nâng cao tính đảng và tính nhân dân, gắn bó với hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng, nắm bắt nhạy bén hiện thực đang diễn biến phức tạp, sớm phát hiện và biểu dương cái mới, tạo nên những điển hình sống động, khẳng định những mầm non đang nảy sinh trong cuộc sống, mạnh dạn phê phán những mặt tiêu cực cản trở sự đổi mới của xã hội. Tính chân thực, tính tư tưởng và tính nghệ thuật bao giờ cũng là tiêu chuẩn của giá trị tác phẩm hiện thực xã hội chủ nghĩa. Đảng yêu cầu các văn nghệ sĩ thường xuyên trau dồi ý thức trách nhiệm của công dân, chiến sĩ, thực hiện chức trách cao quý: tạo nên những giá trị tinh thần, bồi dưỡng tâm hồn và tình cảm, xây dựng nhân cách và bản lĩnh của các thế hệ công dân, xây dựng môi trường đạo đức trong xã hội. Đẩy mạnh công tác phê bình văn học, nghệ thuật với tinh thần xây dựng, dũng cảm và vô tư, khắc phục thói nể nang và những khuynh hướng lệch lạc, loại trừ các biểu hiện thô thiển.

Đảng bộ các cấp cần tạo những điều kiện thuận lợi cho việc sáng tác và biểu diễn của những người làm công tác văn hóa, văn nghệ, bồi dưỡng thế giới quan khoa học và nhân sinh quan cách mạng cho văn nghệ sĩ, chú trọng lực lượng trẻ xuất hiện từ phong trào lao động, sản xuất và chiến đấu. Nâng cao trình độ lãnh đạo văn hóa, văn nghệ của cán bộ quản lý các

cấp cho phù hợp với tính đặc thù và yêu cầu phát triển của văn hóa, văn nghệ, chống lối gò ép hoặc buông lỏng.

Cải cách toàn diện công tác của các trường đảng, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp.

Hệ thống trường đảng phải tập trung sức đào tạo đội ngũ cán bộ kế cận được lựa chọn theo quy hoạch và thường kỳ tổ chức bồi dưỡng cho các cán bộ lãnh đạo và quản lý đương chức. Các cấp ủy phải xây dựng quy hoạch cán bộ để trên cơ sở đó thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng cán bộ. Đổi mới đội ngũ cán bộ giảng dạy, viết lại sách giáo khoa và đổi mới phương pháp dạy và học. Mở rộng hình thức học tập tại chức, tổ chức cho hàng triệu cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên, v.v... học tập chủ nghĩa Mác - Lênin theo các chương trình đã được quy định, nhằm trang bị cho họ thế giới quan, phương pháp luận khoa học nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa và đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Sau Đại hội lần thứ VI, phải tổ chức một đợt học tập rộng lớn để quán triệt các nghị quyết, gắn liền với quá trình thực hiện những nhiệm vụ chính trị.

Đào tạo, bồi dưỡng và đổi mới đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng. Tuyển lựa những cán bộ đã trải qua công tác thực tiễn bổ sung cho đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền, giáo dục. Luân phiên đưa các cán bộ này đi làm công tác thực tế một thời gian. Quan tâm đáp ứng những yêu cầu chính đáng về cơ sở vật chất kỹ thuật của công tác tư tưởng: giấy in, phương tiện nghe nhìn, trường sở, phương tiện dạy và học, điều kiện sinh hoạt và học tập cho học viên các trường đảng.

## 2. Đổi mới đội ngũ cán bộ, kiện toàn các cơ quan lãnh đạo và quản lý.

Đảng ta đã thay đổi một phần và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, nhưng sự thay đổi còn chậm chạp, chất lượng đội ngũ cán bộ vẫn chưa đáp ứng những yêu cầu mới. Đổi mới cán bộ lãnh đạo các cấp là *mắt xích quan trọng nhất* mà Đảng ta phải nắm chắc để thúc đẩy những cuộc cải cách có ý nghĩa cách mạng. Được rèn luyện trong quá trình chiến đấu lâu dài, nhiều thế hệ cán bộ đã trưởng thành, đó là cơ sở để giải quyết vấn đề đổi mới cán bộ.

Trên cơ sở xác định tiêu chuẩn cụ thể, cần đánh giá lại cán bộ một cách có hệ thống, sắp xếp và kiện toàn cho được các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, các cơ quan quản lý các ngành, quan trọng về kinh tế - xã hội,

quốc phòng an ninh, các chức vụ chủ chốt của 40 tỉnh, thành, đặc khu, của hơn 400 quận, huyện, các cơ sở trọng yếu của nền kinh tế quốc dân.

*Đổi mới đội ngũ cán bộ* có nghĩa là đánh giá, lựa chọn, bố trí lại, đi đôi với đào tạo, bồi dưỡng để có một đội ngũ cán bộ có đủ những tiêu chuẩn về phẩm chất và năng lực lãnh đạo, quản lý, ngang tầm nhiệm vụ. Muốn đổi mới đội ngũ cán bộ, trước hết phải đổi mới công tác cán bộ và đội ngũ những người làm công tác tổ chức, cán bộ. Việc đổi mới cán bộ cần được thực hiện khẩn trương, kiên quyết nhưng phải tránh thay đổi vội vàng. Tránh lối đổi mới một cách hình thức, chỉ căn cứ vào độ tuổi, bằng cấp, hoặc hiểu đổi mới chỉ đơn thuần là thay đổi người, chỉ trọng cán bộ mới, coi nhẹ cán bộ lâu năm có năng lực và phẩm chất.

Để đổi mới đội ngũ cán bộ một cách đúng đắn, cần *đổi mới quan điểm đánh giá cán bộ*. Phải lấy hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chính trị làm thước đo phẩm chất và năng lực, lấy nhu cầu nhiệm vụ làm căn cứ để bố trí cán bộ. Nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, trước hết là nhiệm vụ xây dựng kinh tế, đang đòi hỏi những cán bộ có phẩm chất và năng lực phù hợp. Đó là những cán bộ có phẩm chất chính trị đã được thử thách, luôn luôn đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, thông suốt và chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, ham học hỏi, năng động, sáng tạo, có kiến thức quản lý kinh tế - xã hội, có tính tổ chức và kỷ luật cao. Đó là những cán bộ có đạo đức cách mạng và phong cách lãnh đạo tốt, trước hết là có ý thức tập thể, dân chủ, đi đôi với tính quyết đoán, có ý thức trách nhiệm, có tác phong sâu sát thực tế, gần gũi quần chúng, quan tâm đến con người, gương mẫu trong lối sống, đoàn kết và động viên được nhiệt tình lao động của cán bộ và nhân dân.

Phải từ lợi ích chung của cách mạng, từ chính sách cán bộ thống nhất của Đảng mà lựa chọn cán bộ một cách công minh. Mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, đầu óc địa vị, tư lợi, chủ nghĩa địa phương, chủ nghĩa cục bộ và bệnh quan liêu trong công tác cán bộ đều gây ra những hậu quả xấu đối với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và sự đoàn kết trong Đảng. Khắc phục tình trạng bố trí cán bộ theo kiểu khép kín trong từng địa phương, từng ngành, không tiếp nhận cán bộ được điều động từ nơi khác, ngành khác tới.

Đổi mới đội ngũ cán bộ bao hàm ý nghĩa *trẻ hóa*. Trên cơ sở bảo đảm tiêu chuẩn, tăng thêm cán bộ trẻ trong các cơ quan lãnh đạo và quản lý, kết hợp đúng cán bộ nhiều tuổi với cán bộ trẻ để tăng cường sức chiến đấu, tính năng động của đội ngũ cán bộ và để bảo đảm sự kế thừa liên tục ở các cơ quan lãnh đạo. Có khắc phục được quan niệm đảng cấp, tôn ti theo kiểu

phong kiến còn khá nặng nề, chúng ta mới có thể phát hiện và cất nhắc được những cán bộ trẻ ưu tú.

*Chuẩn bị đội ngũ cán bộ kế tục* là nhiệm vụ thường xuyên của các tổ chức đảng và phải được tiến hành theo quy hoạch. Mọi cán bộ lãnh đạo đều có nhiệm vụ tham gia với tập thể lựa chọn, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ kế tục. Cán bộ nhiều tuổi, giàu kinh nghiệm có nghĩa vụ ủng hộ, giúp đỡ lớp cán bộ kế tục. Nhân tài không phải là sản phẩm tự phát, mà phải được phát hiện và bồi dưỡng công phu. Nhiều tài năng có thể mai một nếu không được phát hiện và sử dụng đúng chỗ, đúng lúc. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phải tuân theo một quy trình chặt chẽ. Đó là kết hợp giữa bồi dưỡng kiến thức ở các trường học với rèn luyện trong thực tiễn. Phải căn cứ vào chỗ mạnh, chỗ yếu và triển vọng phát triển của cán bộ mà mạnh dạn bố trí vào những cương vị công tác phù hợp, sau đó liên tục theo dõi, kiểm tra, bồi dưỡng, tạo điều kiện cho họ trưởng thành. Việc luân chuyển cán bộ theo quy hoạch góp phần đào tạo những cán bộ lãnh đạo có tầm nhìn xa, hiểu biết rộng, có bản lĩnh và năng lực lãnh đạo.

*Chống tệ quan liêu, cửa quyền* trong công tác lựa chọn, bố trí cán bộ. Dân chủ hóa công tác cán bộ bằng những quy chế rõ ràng. Công tác cán bộ là công việc chung của các cơ quan đảng và nhà nước, không phải chỉ là việc riêng của cơ quan làm công tác tổ chức, cán bộ, mặc dù công tác của các cơ quan này là quan trọng.

*Cơ chế quản lý cán bộ* có đúng thì sự đánh giá cán bộ mới chính xác, mới phát hiện, đề bạt được cán bộ tốt, thay đổi những người xấu và yếu kém, loại trừ những yếu tố ngẫu nhiên, may rủi và những động cơ không lành mạnh trong công tác cán bộ.

Xác định chế độ trách nhiệm của các cấp ủy đảng đối với việc quản lý cán bộ chủ chốt ở các cấp, các ngành, coi đây là một chức năng quan trọng không thể thiếu của các cơ quan lãnh đạo của Đảng. Bảo đảm tính tập thể trong các quyết định về cán bộ trên cơ sở dân chủ xem xét đầy đủ ý kiến của các tổ chức và cá nhân có liên quan, đi đôi với nêu cao ý thức trách nhiệm của người đứng đầu: tránh tình trạng người phụ trách không có quyền và nhất là không có trách nhiệm trong việc lựa chọn cán bộ do mình phụ trách. Quy định việc phân công, phân cấp quản lý cán bộ, xác định quyền hạn, trách nhiệm, các mối quan hệ giữa các cơ quan đảng và nhà nước, ngành và địa phương, cấp trên và cấp dưới, xác định quy trình lựa chọn, đánh giá, đề bạt điều động, làm cho việc quản lý cán bộ đi vào quy chế và nền nếp.



### 3. Đổi mới phong cách làm việc, giữ vững các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt trong Đảng.

*Tập trung dân chủ* là nguyên tắc quan trọng nhất chỉ đạo mọi hoạt động tổ chức, sinh hoạt nội bộ và phong cách làm việc của chúng ta. Sức mạnh tổ chức to lớn của Đảng là ở sự thực hiện đầy đủ nguyên tắc này. Tình trạng tập trung quan liêu, gia trưởng, độc đoán, không tôn trọng ý kiến cấp dưới, không phát huy trí tuệ tập thể dẫn tới những quyết định sai lầm, làm suy yếu sự đoàn kết trong Đảng. Tình trạng cục bộ, vô kỷ luật cũng gây ra những hậu quả tai hại và làm cho sự lãnh đạo của Đảng, việc điều hành của Nhà nước kém hiệu lực.

*Lập lại kỷ cương, củng cố kỷ luật* trong Đảng và bộ máy nhà nước, nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, nói và làm theo nghị quyết của cấp trên và của tập thể. Mọi cán bộ, đảng viên phải phục tùng kỷ luật.

Mọi sự năng động, sáng tạo phải dựa trên cơ sở đường lối, chính sách. Cơ quan lãnh đạo phải nắm vững quyền chỉ đạo tập trung, điều hành thống nhất, không dung túng những việc làm sai trái. Có lập lại kỷ cương trong Đảng, trong cơ quan lãnh đạo các cấp của Nhà nước mới có sức mạnh lập lại trật tự xã hội.

Bất cứ người lãnh đạo nào cũng không được tự đặt mình ra ngoài tổ chức, tự cho mình quyền nói và làm khác quyết định của tập thể. Cấp dưới, dù cho người đứng đầu là ủy viên Trung ương cũng không thể tự cho mình quyền không thi hành hoặc làm trái chỉ thị của cấp trên.

Tăng cường sự lãnh đạo tập thể, mở rộng sinh hoạt *dân chủ*. Biết bao vấn đề quan trọng và mới mẻ, phức tạp đang đặt ra trước các cơ quan lãnh đạo. Sự hiểu biết và kinh nghiệm của mỗi người đều có hạn. Mọi quyết định chủ quan, độc đoán, đơn giản đều không tránh khỏi sai lầm. Phải nghiên cứu những kinh nghiệm sáng tạo của các cơ sở và địa phương, lắng nghe ý kiến của quần chúng, của các chuyên gia và cán bộ khoa học. Các chủ trương quan trọng đều phải được bàn bạc và quyết định tập thể. Người lãnh đạo phải bình tĩnh lắng nghe những ý kiến trái với ý kiến của mình. Ý kiến khác nhau phải được nói hết, nói thẳng và trải qua thảo luận dân chủ mà đi đến chân lý. *Nâng cao chất lượng sinh hoạt của các cấp ủy* là một yêu cầu quan trọng. Cung cấp những thông tin cần thiết để mỗi cấp ủy viên nắm chắc được tình hình, có điều kiện đóng góp vào quá trình ra các quyết định. Cải tiến cách điều hành hội nghị để bảo đảm thảo luận dân chủ, thẳng thắn, có kết luận rõ ràng, khi cần thì biểu quyết, kể cả bằng phiếu

kín, làm cho mỗi nghị quyết được thông qua đều là sản phẩm của trí tuệ tập thể, buộc mọi người phải thực hiện, không ai được quyền tuyên truyền và thực hiện ý kiến riêng đã bị đa số bác bỏ.

*Đẩy mạnh tự phê bình và phê bình* đúng với ý nghĩa là quy luật phát triển của Đảng, thước đo trình độ sinh hoạt dân chủ trong Đảng và ý thức trách nhiệm của Đảng đối với nhân dân.

Người cộng sản phải dũng cảm nhìn thẳng vào sự thật. Trong Đảng không thể dung thứ thái độ che giấu khuyết điểm, thói phong thành tích, lừa dối cấp trên, thái độ nể nang, hoặc đàn áp, trả thù người phê bình. Cuộc vận động tự phê bình và phê bình trong dịp chuẩn bị đại hội lần này được tiến hành tương đối rộng từ trên xuống dưới, đã phát hiện và sửa chữa một số khuyết điểm, bước đầu củng cố lòng tin của nhân dân. Cần đưa việc tự phê bình và phê bình vào chế độ sinh hoạt thường xuyên của tất cả các tổ chức đảng.

Không được coi tự phê bình và phê bình là một dịp đả kích lẫn nhau, mà phải xem đó là một sinh hoạt Đảng bình thường để góp ý kiến giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, củng cố sự đoàn kết nhất trí.

*Sửa đổi phong cách làm việc, đi sâu, đi sát thực tế.*

Cán bộ lãnh đạo phải dành một phần thời giờ thích đáng đi cơ sở, gặp quần chúng tìm hiểu tình hình, nghe ý kiến của cấp dưới, giải quyết kịp thời tại chỗ những việc cụ thể. Đến những nơi tiên tiến để tổng kết kinh nghiệm và đến cả những nơi khó khăn, yếu kém để giúp đỡ.

Thiết lập trong toàn Đảng một *chế độ thông tin nhanh chóng và chính xác*. Các cơ quan lãnh đạo của Đảng phải được thông tin đầy đủ về tình hình và nội dung các vấn đề thuộc phạm vi mình phụ trách trước khi ra quyết định.

*Kiểm tra* là một chức năng lãnh đạo chủ yếu của Đảng, là một khâu quan trọng của tổ chức thực hiện. Đó cũng là biện pháp hiệu nghiệm để khắc phục bệnh quan liêu. Mọi tổ chức, từ cơ quan của Đảng, Nhà nước đến đoàn thể quần chúng, mọi lĩnh vực hoạt động từ kinh tế - xã hội đến quốc phòng - an ninh, đối ngoại không có ngoại lệ, đều phải đặt dưới sự kiểm tra của tổ chức đảng có thẩm quyền. Trung ương Đảng và các cấp ủy đảng phải nắm chắc công tác kiểm tra, sử dụng kết quả kiểm tra vào việc chỉ đạo thực hiện các nghị quyết. Mỗi cấp ủy, trong từng thời gian, đều phải có chương trình kiểm tra, tập trung vào những công tác chủ yếu, những đơn vị trọng điểm; sử dụng và phát huy vai trò Ủy ban kiểm tra và các ban của Đảng, kết

hợp chặt chẽ kiểm tra của Đảng với thanh tra của Nhà nước và kiểm tra của quần chúng; kiểm tra phải đi tới kết luận rõ ràng và xử lý đúng đắn.

Chúng ta đã xây dựng bước đầu quy chế làm việc của các tổ chức đảng và Nhà nước. Cần rút kinh nghiệm bổ sung và hoàn chỉnh những quy chế đó. Quy định cụ thể và thực hiện một số chế độ công tác và sinh hoạt nội bộ, trước hết là chế độ hội nghị, chế độ kiểm tra, chế độ tự phê bình và phê bình, chế độ tiếp xúc với quần chúng.

#### **4. Nâng cao chất lượng đảng viên, đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực.**

Cùng với việc nâng cao năng lực và rèn luyện phong cách, phải tạo ra một chuyển biến mạnh mẽ trong việc rèn luyện, nâng cao phẩm chất cách mạng của cán bộ, đảng viên.

Mỗi người cộng sản chúng ta cần phải suốt đời học tập, noi gương đạo đức, tác phong của Bác Hồ, người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam, ghi nhớ và làm theo lời dạy của Người, nâng cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, xứng đáng là người lãnh đạo và người đầy tớ thật trung thành của nhân dân.

Hãy giữ gìn và nêu cao danh hiệu cao quý của người đảng viên cộng sản. Mọi người hãy suy nghĩ và hành động vì lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, vì lợi ích cách mạng, chứ không phải vì địa vị và tư lợi. Lý tưởng ấy phải được thể hiện cụ thể trong lao động, chiến đấu, học tập và trong lối sống của mỗi đảng viên. Trung thực, không giả dối, nói ít làm nhiều, lời nói đi đôi với việc làm, nhìn thẳng vào sự thật, nói đúng sự thật, không giấu giếm khuyết điểm phẩm chất ấy phải được thường xuyên nhấn mạnh và rèn luyện. Ban hành những quy định ngăn ngừa thói khoa trương, thổi phồng thành tích, thi hành kỷ luật những cán bộ, những tổ chức "làm láo, báo cáo hay", có thái độ nghiêm khắc với những kẻ xu thời, vụ lợi, xu nịnh và với cả người ưa nịnh. Bất kỳ cán bộ, đảng viên nào cũng phải tôn trọng nguyên tắc lãnh đạo tập thể, tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân. Những hành động của quyền, hống hách, ức hiếp quần chúng phải bị lên án và thi hành kỷ luật.

Trong tư tưởng cũng như trong hành động phải *triệt để chống tham nhũng, chống đặc quyền, đặc lợi*. Với lương tâm của người cộng sản, mỗi cán bộ, đảng viên hãy nghiêm khắc xem xét mình đã sống lành mạnh, sống bằng lao động của mình hay chưa? Tư tưởng và hành động chạy theo đồng tiền, tính ích kỷ, hành vi xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, xâm phạm lợi

ích của nhân dân, ăn cắp của công, lấy của công để biếu xén, chè chén, "phân phối nội bộ", phải bị phê phán và xử lý nghiêm khắc.

Việc giáo dục, rèn luyện phẩm chất của cán bộ, đảng viên phải được thể hiện ở chương trình công tác, ở hoạt động thực tiễn của Trung ương, các cấp ủy, các tổ chức cơ sở của Đảng. Cán bộ lãnh đạo phải gương mẫu trong lối sống. Người có chức vụ càng cao thì yêu cầu về sự gương mẫu càng lớn. Không ai có quyền tự ban cho mình những đặc quyền, đặc lợi. Phải bỏ ngay những chế độ cung cấp, trang bị phương tiện sinh hoạt, v.v... do các ngành, các địa phương tự ý quy định, trái với chế độ chung.

Mỗi cấp ủy phải nắm được cụ thể và chính xác phẩm chất của từng cán bộ thuộc phạm vi quản lý của mình. Chi bộ phải kiểm tra, quản lý đảng viên kể cả đảng viên là cán bộ lãnh đạo - về những vấn đề thuộc về đạo đức và phong cách.

Mười năm qua, trên 19 vạn đảng viên, trong đó một phần khá lớn là những người phạm sai lầm về phẩm chất, đạo đức, đã bị đưa ra khỏi Đảng; có những người đã phải truy tố trước pháp luật. Việc thi hành kỷ luật vẫn chưa nghiêm, đến nay nhiều người không đủ tư cách đảng viên vẫn còn ở trong Đảng. Phải làm trong sạch Đảng, trước hết loại bỏ ngay những phần tử thoái hóa, biến chất.

Cần đưa công khai trên báo, đài, hoặc qua các cuộc sinh hoạt của các tổ chức đảng và đoàn thể quần chúng những vụ cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ cao cấp, mắc sai lầm nghiêm trọng về phẩm chất. Điều đó chỉ làm tăng lòng tin cậy của nhân dân đối với Đảng.

Các tỉnh ủy, huyện ủy không thể giao cho tổ chức cơ sở, nhất là nơi yếu kém, tự làm việc chọn lọc đảng viên, mà phải chỉ đạo trực tiếp, nhằm trước hết vào những cơ sở nắm của cải của Nhà nước hoặc có quan hệ đến sinh mệnh chính trị và đời sống của quần chúng.

Sau Đại hội Đảng, cần có kế hoạch tiến hành *cuộc vận động làm trong sạch Đảng, khắc phục những hiện tượng hư hỏng trong bộ máy nhà nước, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực trong xã hội*. Một hội nghị của Ban Chấp hành Trung ương sẽ thảo luận chuyên đề về công tác xây dựng Đảng.

##### **5. Nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở.**

Việc chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, nâng cao chất lượng đảng viên... đều tùy thuộc vào sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Những thành tựu đã đạt được, những tiềm năng được khai thác, những kinh nghiệm có giá trị đều

bất nguồn từ sự nỗ lực phấn đấu của quần chúng ở cơ sở mà hạt nhân lãnh đạo là tổ chức đảng. Nhưng mặt khác, sự yếu kém của nhiều tổ chức cơ sở của Đảng đã hạn chế những thành tựu của cách mạng.

Tổ chức cơ sở phải là người nắm vững và bảo đảm cho mọi hoạt động ở cơ sở theo đúng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Ở những nơi thực hiện chế độ thủ trưởng, tổ chức cơ sở đảng phải được thực hiện đúng chức năng kiểm tra, kể cả kiểm tra người đứng đầu cơ sở. Từng thời gian đảng ủy phải có chương trình kiểm tra và biết tổ chức lực lượng, huy động đảng viên, cán bộ chuyên môn và quần chúng tham gia công tác kiểm tra. Lựa chọn và cử bí thư đảng ủy cơ sở có phẩm chất và năng lực tương đương với thủ trưởng của cơ sở đó.

Công tác quần chúng có vị trí quan trọng trong hoạt động của tổ chức cơ sở. Mỗi chi bộ, đảng viên phải chăm lo giáo dục chính trị, tư tưởng cho quần chúng, và bằng hành động gương mẫu của người cộng sản mà động viên quần chúng phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ lao động sản xuất và chiến đấu. Tạo điều kiện để quần chúng tham gia xây dựng Đảng, góp ý kiến phê bình, nhận xét hoạt động của chi bộ, kiểm tra tư cách đảng viên, phát hiện những người không đủ tư cách đảng viên và giới thiệu những người ưu tú để xem xét kết nạp vào Đảng. Thực hiện rộng rãi chế độ quần chúng phê bình chi bộ, đảng viên, định kỳ mỗi năm một lần vào dịp tổng kết công tác.

Tổ chức cơ sở đảng, mà trực tiếp là chi bộ, cần chăm lo việc giáo dục, rèn luyện đảng viên. Chi bộ làm tốt việc phân công đảng viên; đảng viên nào cũng được giao công tác và phải làm tròn nhiệm vụ.

Số đảng viên đã về hưu ngày càng nhiều và chiếm tỷ lệ lớn ở các đảng bộ phường, xã. Cần quan tâm bồi dưỡng những vấn đề thời sự, chính sách và sử dụng các đồng chí về hưu vào những công việc thích hợp với khả năng và sức khỏe mỗi người.

Đi đôi với việc kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách, cần thu hút vào Đảng những người ưu tú xuất hiện trong phong trào cách mạng của quần chúng. Số lượng đảng viên của toàn Đảng tuy đông nhưng phân bố không đều. Vì vậy, phải tiếp tục coi trọng việc phát triển đảng viên đi đôi với điều chỉnh, phân bố hợp lý lực lượng đảng viên. Điều quan trọng là bảo đảm chất lượng đảng viên ngay từ khi lựa chọn, kết nạp. Đối với những cơ sở yếu kém, cấp ủy cấp trên phải chỉ đạo chặt chẽ việc củng cố tổ chức cơ sở này trước khi kết nạp đảng viên mới.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là đội hậu bị của Đảng. Các tổ chức đảng phải chăm lo giáo dục, rèn luyện đoàn viên, giúp cho mỗi người sống và làm việc theo lý tưởng của đoàn. Đó là nguồn chủ yếu để phát triển đảng viên mới.

Chú ý tăng thêm thành phần công nhân, phụ nữ, người dân tộc thiểu số trong việc phát triển đảng viên cũng như việc đào tạo cán bộ.

#### **6. Tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng.**

Đảng ta có truyền thống đoàn kết nhất trí tốt đẹp. Chẳng những lúc cách mạng phát triển bình thường, thuận lợi mà cả lúc sóng gió, ở những bước ngoặt của lịch sử, Đảng luôn luôn là một khối thống nhất về tư tưởng và hành động. Nhờ đó, Đảng đã đoàn kết được đông đảo nhân dân, đưa sự nghiệp cách mạng đến những thắng lợi vẻ vang.

Bên cạnh mặt bản chất của Đảng là đoàn kết nhất trí, chúng ta không thể xem thường tác động của một số nhân tố tiêu cực. Có tình trạng thiếu nhất trí về một số quan điểm và sự thiếu ăn khớp trong phong cách và quan hệ làm việc giữa một số cán bộ lãnh đạo các cấp. Bệnh cục bộ, địa phương còn nặng. Do đặc điểm của quá trình cách mạng ở nước ta, đội ngũ cán bộ ở mỗi miền, mỗi địa phương có sự hình thành và phát triển khác nhau; sự thông cảm và hiểu biết lẫn nhau chưa đầy đủ. Kẻ thù và những phần tử xấu lợi dụng tình hình này để kích động, gây chia rẽ.

Tăng cường đoàn kết, nhất trí về chính trị, tư tưởng và tổ chức trên cơ sở hệ tư tưởng Mác - Lênin, đường lối, quan điểm và nguyên tắc tổ chức của Đảng luôn luôn là vấn đề sống còn của cách mạng.

Đoàn kết trong Đảng không phải là "bằng mặt mà không bằng lòng"; mà là sự đoàn kết được xây dựng trên cơ sở đấu tranh để bảo vệ đường lối, quan điểm của Đảng. Đoàn kết không có nghĩa là không có ý kiến khác nhau. Thông qua trao đổi, thảo luận sẽ đi đến nhất trí; nếu còn khác nhau thì quá trình thực tiễn sẽ làm sáng tỏ và đạt đến sự nhất trí cao hơn. Nhưng trong sinh hoạt của Đảng, phải tuân theo nguyên tắc tập trung dân chủ và tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách: thiểu số phục tùng đa số, cá nhân phục tùng tổ chức, cấp dưới phục tùng cấp trên, toàn Đảng phục tùng Trung ương.

Chúng ta phải chăm lo giữ gìn sự đoàn kết trong các cơ quan lãnh đạo của Đảng, trên cơ sở đó, tăng cường đoàn kết trong toàn Đảng. Đảng ta quyết làm hết sức mình để giữ gìn và phát huy truyền thống đoàn kết, thống nhất của Đảng, thực hiện đúng lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí

Minh: "Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình"<sup>1</sup>.

*Thưa các đồng chí,*

Đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam đánh dấu sự đổi mới quan trọng của Đảng trong lãnh đạo chính trị, tư tưởng, tổ chức và có ý nghĩa to lớn tăng cường hơn nữa khối đoàn kết, thống nhất của toàn Đảng.

Trước mắt chúng ta có nhiều khó khăn, nhưng Đảng và nhân dân ta có những điều kiện cần thiết để khắc phục những khó khăn ấy, đưa sự nghiệp cách mạng về vang tiếp tục tiến lên.

Đảng ta là đội ngũ chiến đấu đã trưởng thành về chính trị và ngày càng có thêm nhiều kinh nghiệm mới.

Dân tộc ta là một dân tộc cách mạng. Nhân dân ta đã gắn bó với Đảng trong cuộc chiến đấu lâu dài, đánh thắng tất cả các thế lực xâm lược, giải phóng đất nước, thống nhất Tổ quốc.

Truyền thống quý báu của Đảng và nhân dân ta là trước những khó khăn, thử thách, càng đồng tâm nhất trí, anh dũng chiến đấu vì độc lập, tự do của Tổ quốc và vì lý tưởng cao đẹp của chủ nghĩa cộng sản.

Năm 1990, chúng ta sẽ kỷ niệm lần thứ 60 ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, lần thứ 45 Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta hãy hướng về những ngày ấy, tiếp tục thực hiện Di chúc của Người, đẩy lên một phong trào hành động cách mạng sôi động, có hiệu quả, ra sức thi đua hoàn thành kế hoạch 5 năm 1986-1990.

Tất cả vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân!

---

1. Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, tập 2, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1980, tr. 541.

## Phụ lục 2

### **BÁO CÁO CHÍNH TRỊ CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG (KHÓA VI) TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VII**

Đại hội VI của Đảng đề ra đường lối đổi mới toàn diện, mở ra bước ngoặt trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Ý nghĩa lịch sử của Đại hội VI là đã phân tích đúng đắn nguyên nhân của tình hình khủng hoảng kinh tế xã hội từ nhiều năm trước, đề ra các định hướng lớn để từng bước thoát khỏi tình trạng đó.

Trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, những diễn biến quốc tế phức tạp đã tác động xấu đến tình hình chính trị, kinh tế và xã hội nước ta. Nhưng Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã nỗ lực khắc phục khó khăn, kiên trì tìm tòi, khai phá con đường đổi mới chưa có một khuôn mẫu cho trước, từng bước đưa đường lối Đại hội đi vào cuộc sống. Mặc dù tình hình còn nhiều khó khăn, kết quả đạt được xác nhận khả năng tự đổi mới của Đảng Cộng sản và nhân dân Việt Nam.

Đại hội VII của Đảng có nhiệm vụ tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, đánh giá những việc làm được, những việc chưa làm được, những vấn đề mới nảy sinh, chỉ ra những ưu điểm, khuyết điểm, nguyên nhân và kinh nghiệm trên các lĩnh vực chủ yếu. Trên cơ sở đó, hoàn chỉnh, bổ sung và phát triển các chủ trương đổi mới của Đại hội VI, đề ra các phương hướng, nhiệm vụ lớn cho 5 năm 1991-1995.

#### *Phần thứ nhất*

### **THỰC HIỆN ĐỔI MỚI CÁC LĨNH VỰC CỦA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI**

Hơn bốn năm đưa Nghị quyết Đại hội VI vào cuộc sống là quá trình thể nghiệm, tìm tòi, từng bước cụ thể hóa, phát triển và tổ chức thực hiện



những định hướng lớn của nghị quyết đại hội. Đảng và Nhà nước vừa tập trung giải quyết những vấn đề kinh tế - xã hội cấp bách, giữ vững ổn định chính trị, vừa thực hiện đổi mới các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Từ giữa năm 1988 trở đi, các chủ trương, chính sách đổi mới bắt đầu mang lại kết quả rõ rệt, tình hình kinh tế và đời sống nhân dân dần dần được cải thiện, sinh hoạt dân chủ trong xã hội ngày càng được phát huy, lòng tin của nhân dân vào công cuộc đổi mới tăng lên.

Tuy nhiên, những kết quả do đổi mới đem lại còn hạn chế và chưa vững chắc. Do những thiếu sót chủ quan và tác động bất lợi của những yếu tố khách quan, *từ quý II năm 1990 đến nay*, bên cạnh những nhân tố tích cực tiếp tục được phát huy, tình hình kinh tế - xã hội có những diễn biến phức tạp mới. Nhiều cơ sở sản xuất kinh doanh đình đốn kéo dài, lạm phát ở mức cao, tình trạng tham nhũng, tiêu cực, bất công trong xã hội tiếp tục phát triển; đời sống của những người mà nguồn thu nhập chính dựa vào tiền lương hoặc trợ cấp xã hội và một bộ phận nông dân tiếp tục giảm sút; tâm trạng lo lắng trong một bộ phận nhân dân có chiều hướng tăng lên.

Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương đã phân tích sâu sắc tình hình của thời điểm quan trọng này, vạch ra phương hướng củng cố và phát huy những thắng lợi đã giành được, phấn đấu vượt qua những khó khăn mới về kinh tế - xã hội, giữ vững sự ổn định chính trị, tạo thế đi lên cho những năm sau. Hiện nay, những yêu cầu nói trên vẫn đang là những nhiệm vụ cấp bách của Đảng, Nhà nước và toàn dân ta.

Dưới đây sẽ kiểm điểm việc thực hiện đổi mới trên các lĩnh vực chủ yếu.

### 1. Về đổi mới kinh tế.

Thành tựu đầu tiên trên lĩnh vực kinh tế là *đã đạt được những tiến bộ rõ rệt trong việc thực hiện các mục tiêu của ba chương trình kinh tế* (lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu).

Tình hình *lương thực thực phẩm* có chuyển biến tốt. Từ chỗ thiếu ăn triền miên, năm 1988 còn phải nhập hơn 45 vạn tấn gạo, nay chúng ta đã vươn lên đáp ứng được nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu, góp phần quan trọng ổn định đời sống của nhân dân và cải thiện cán cân xuất - nhập khẩu. Đó là kết quả tổng hợp của việc phát triển sản xuất, thực hiện chính sách khoán trong nông nghiệp, xóa bỏ chế độ bao cấp, tự do lưu thông và điều hòa cung cầu lương thực - thực phẩm trên phạm vi cả nước. Nhưng bình quân lương thực đầu người của nước ta còn thấp, việc điều hòa lương thực có lúc chưa tốt; "quản lý dự trữ lương thực quốc gia có khuyết

điểm lớn, giá cả lương thực thực phẩm có những lúc tăng đột biến, vì nhiều nguyên nhân, tình trạng thiếu đói từng thời gian vẫn còn xảy ra ở nhiều nơi. Chúng ta không thể chủ quan, coi nhẹ nhiệm vụ đẩy mạnh sản xuất và điều hòa lương thực - thực phẩm.

Hàng hóa trên thị trường, nhất là *hàng tiêu dùng* dồi dào, đa dạng và lưu thông tương đối thuận lợi, trong đó nguồn hàng sản xuất trong nước tuy chưa đạt kế hoạch, nhưng cũng tăng hơn trước và có tiến bộ rõ rệt về mẫu mã, chất lượng. Một số sản phẩm tư liệu sản xuất tăng khá. Các cơ sở sản xuất gắn chặt hơn với nhu cầu thị trường, phân bao cấp của Nhà nước về vốn, giá vật tư, tiền lương... giảm đáng kể. Đó là kết quả của chủ trương phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần và đổi mới nhiều chính sách về sản xuất và lưu thông hàng hóa. Tuy nhiên, sản xuất công nghiệp nói chung, trong đó có sản xuất hàng tiêu dùng, phát huy tiềm năng còn thấp. Nhiều cơ sở sản xuất, nhất là các cơ sở tiểu, thủ công nghiệp và công nghiệp quốc doanh địa phương đang gặp khó khăn, chủ yếu do trình độ trang bị kỹ thuật lạc hậu, chất lượng sản phẩm kém, giá thành sản phẩm cao, thiếu thị trường tiêu thụ và thiếu vốn, lại bị hàng ngoại chèn ép.

*Kinh tế đối ngoại* phát triển nhanh, mở rộng hơn trước về quy mô, hình thức và góp phần quan trọng vào việc thực hiện các mục tiêu kinh tế xã hội. Kim ngạch xuất khẩu tăng 439 triệu rúp và 384 triệu đô-la năm 1986, lên 1.019 triệu rúp và 1.170 triệu đô-la năm 1990. Đã giảm được khá lớn mức độ nhập siêu so với trước đây. Phần bù lỗ cho xuất khẩu giảm đáng kể. Từ năm 1989 có thêm các mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn như gạo, dầu thô và một số mặt hàng mới khác. Tuy nhiên, xuất khẩu còn phải vượt lên mạnh mới đáp ứng được nhu cầu nhập khẩu và trả nợ, thị trường mở ra còn chậm và bấp bênh, chưa có nhiều mặt hàng chủ lực có sức cạnh tranh chiếm lĩnh thị trường vững chắc, tỷ lệ xuất khẩu sản phẩm thô còn lớn. Quản lý hoạt động kinh tế đối ngoại còn nhiều sơ hở: hàng nhập khẩu tràn lan; ngoại tệ thu được từ xuất khẩu, nhất là ngoại tệ mạnh, chưa được quản lý thống nhất và sử dụng có hiệu quả; tranh mua hàng xuất khẩu đẩy giá lên cao và tranh bán dẫn đến bị nước ngoài dìm giá.

Những kết quả thực hiện các mục tiêu của ba chương trình kinh tế gắn liền với những chuyển biến tích cực trong việc *điều chỉnh cơ cấu đầu tư và bố trí lại cơ cấu kinh tế*. Nhà nước đình và hoãn nhiều công trình đã ký với nước ngoài và của một số ngành, địa phương để tập trung vốn cho các công trình trọng điểm trực tiếp phục vụ ba chương trình kinh tế hoặc có ý nghĩa trọng yếu. Trong 5 năm 1986-1990 đã dành cho ba chương trình kinh tế hơn 60% vốn đầu tư của ngân sách Trung ương, 75 - 80% vốn đầu tư của

địa phương. Ngoài ra, phần đầu tư của nhân dân rất lớn, đồng thời cũng đã thu hút được một số vốn đầu tư của nước ngoài. Mặc dù vốn đầu tư của ngân sách Trung ương giảm, nhưng xét tổng thể các thành phần kinh tế thì tổng vốn đầu tư trong nền kinh tế không giảm. Nhiều công trình công nghiệp nặng quan trọng được khởi công từ những năm trước đã được đưa vào sử dụng. Đã hình thành một số ngành sản xuất mới có triển vọng tốt như dầu khí, công nghiệp lắp ráp hàng điện tử, nuôi và chế biến tôm... Đã xuất hiện một số vùng sản xuất hàng hóa tập trung về lương thực, trồng cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản. Một số loại hình kinh tế dịch vụ mới ra đời và phát triển nhanh góp phần thúc đẩy kinh tế hàng hóa và phục vụ đời sống nhân dân. Nhưng việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư còn có tình trạng phân tán, không tập trung vào các công trình thiết yếu, còn nhiều lãng phí và kém hiệu quả. Mặt khác, do nguồn vốn ngân sách quá eo hẹp nên đã hạn chế việc dành thêm vốn cho ba chương trình kinh tế, cơ sở hạ tầng và đầu tư chiều sâu để đổi mới công nghệ, cho đầu tư vào một số ngành và vùng trọng điểm mang lại hiệu quả nhanh. Nhiều cơ sở công nghiệp và thương nghiệp quốc doanh chậm được sắp xếp lại; một số hoạt động thương nghiệp, dịch vụ phát triển không hợp lý và lộn xộn; công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản chậm phát triển; cơ cấu kinh tế miền núi chưa có chuyển biến rõ rệt theo hướng sản xuất hàng hóa.

Một thành tựu khác về đổi mới kinh tế là bước đầu *hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước*.

Phát triển quan điểm kinh tế của Đại hội VI, Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương đã khẳng định phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần là một chủ trương chiến lược lâu dài trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Chính sách này được nhân dân hưởng ứng rộng rãi và đã đi nhanh vào cuộc sống. Chính sách ấy đã góp phần phát huy quyền làm chủ của nhân dân về kinh tế, khơi dậy được nhiều tiềm năng và sức sáng tạo của nhân dân để phát triển sản xuất, dịch vụ, tạo thêm việc làm và sản phẩm cho xã hội; thúc đẩy sự hình thành và phát triển nền kinh tế hàng hóa, tạo ra sức cạnh tranh sống động trên thị trường.

Để thích ứng và thúc đẩy phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, chúng ta đã từng bước đổi mới cơ chế quản lý kinh tế theo các định hướng cơ bản của Đại hội VI, chú trọng tập trung giải quyết những nhiệm vụ then chốt và cấp bách trong từng thời gian.

Trong toàn bộ các biện pháp đổi mới cơ chế quản lý, cuộc cải cách giá, chuyển từ hệ thống định giá hành chính sang cơ chế giá thị trường có vị trí trung tâm. Đi đôi với cải cách giá, việc đổi mới chính sách lưu thông và mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại đã thúc đẩy hình thành thị trường thống nhất trong cả nước gắn với thị trường thế giới, góp phần điều hòa cung cầu và giảm bớt chênh lệch về giá hàng hóa giữa các vùng trong nước. Nhờ giá cả phản ánh đúng hơn giá trị và quan hệ cung cầu trên thị trường, thực hiện mua bán bình thường vật tư hàng hóa, xóa bỏ tem phiếu, đi liền với tiền tệ hóa một phần quan trọng tiền lương, đã giảm hẳn các nhu cầu giả tạo và nạn tích trữ vật tư, hàng hóa trong sản xuất và tiêu dùng, tình trạng ngân sách bù giá, tình trạng lãi giả lỗ thật.

Công tác kế hoạch hóa đã chuyển từ kế hoạch pháp lệnh sang kế hoạch định hướng là chủ yếu, bước đầu sử dụng các đòn bẩy kinh tế và lực lượng vật chất để bảo đảm cân đối tổng cung - tổng cầu trong nền kinh tế. Đã xây dựng chiến lược kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành và vùng, mở rộng thông tin kinh tế, nâng cao vai trò của hợp đồng kinh tế.

Trong lĩnh vực tài chính, đã sửa đổi, bổ sung hệ thống thuế, thi hành pháp lệnh về kế toán và thống kê, động viên khá hơn các nguồn thu cho ngân sách; giảm các khoản chi có tính chất bao cấp, mở rộng quyền chủ động tài chính cho cơ sở, thu hẹp các khoản đầu tư theo phương thức cấp phát, mở rộng đầu tư qua tín dụng. Ngành ngân hàng đã tổ chức các ngân hàng kinh doanh, triển khai kinh doanh tiền tệ, ngoại tệ, vàng bạc, thực hiện chính sách lãi suất linh hoạt (tuy chưa nhất quán).

Bộ máy nhà nước từng bước chuyển sang thực hiện chức năng quản lý nhà nước, khắc phục dần sự can thiệp vào điều hành kinh doanh của cơ sở. Việc xây dựng pháp luật kinh tế được đẩy mạnh.

Cùng với những đổi mới cơ chế quản lý ở tầm vĩ mô, chúng ta đã tiếp tục điều chỉnh quan hệ sản xuất ở nông thôn, cải tiến chế độ khoán và cơ chế quản lý trong các hợp tác xã nông nghiệp; mở rộng về nhiều mặt quyền tự chủ kinh doanh của các xí nghiệp quốc doanh, tạo điều kiện phát huy tính chủ động sáng tạo của các đơn vị kinh tế và của người lao động. Nhờ đó đã thúc đẩy các cơ sở sản xuất theo nhu cầu thị trường, phấn đấu áp dụng tiến bộ kỹ thuật và cải tiến quản lý, nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm.

Cơ chế quản lý kinh tế mới đã bước đầu hình thành nhưng chưa đồng bộ, còn thiếu nhiều luật lệ, chính sách bảo đảm sản xuất, kinh doanh đúng hướng; chậm tổng kết để đề ra chương trình tiếp tục đổi mới quản lý kinh

tế có hệ thống. Bên cạnh những tiến bộ, sự quản lý và điều hành vĩ mô của Nhà nước ở các cấp cũng bộc lộ nhiều mặt non yếu, chưa thực hiện nhất quán và có hiệu quả chức năng định hướng, kiểm soát và điều tiết các thành phần kinh tế.

Đáng chú ý là: hoạt động tài chính, ngân hàng, thương nghiệp quốc doanh còn nhiều yếu kém. Các chính sách tài chính chưa thực sự tạo điều kiện đẩy mạnh phát triển sản xuất và tạo nguồn thu; tình trạng thất thu thuế và bội chi ngân sách còn lớn; Nhà nước quản lý lỏng lẻo, hầu như thả nổi khâu phân phối thu nhập trong các đơn vị kinh tế quốc doanh. Ngân hàng chưa trở thành trung tâm thanh toán và tín dụng của xã hội, chưa có phương thức giải quyết thỏa đáng vốn cho các cơ sở kinh doanh; chính sách lãi suất cho vay và nhận gửi có nhiều bất hợp lý. Thương nghiệp quốc doanh còn lúng túng trong phương thức hoạt động, chưa làm tốt chức năng điều hòa cung - cầu và điều tiết giá cả những mặt hàng trọng yếu. Công tác quản lý thị trường có nhiều sơ hở, nạn buôn lậu, làm hàng giả trầm trọng và kéo dài, chậm ban hành các chính sách có hiệu lực để bảo hộ sản xuất trong nước. Công tác phân tích kinh tế, dự đoán các tình huống xảy ra và chuẩn bị các biện pháp ứng phó còn hạn chế. Công tác thanh tra, kiểm tra thiếu chặt chẽ, phát hiện và xử lý những vụ vi phạm chưa kịp thời và chưa nghiêm (điển hình là các vụ tiêu cực lớn ở ngành dự trữ quốc gia, ngân hàng, tín dụng, xuất nhập khẩu, thuế, xây dựng cơ bản). Sự phối hợp giữa các ngành; các cấp thiếu chặt chẽ, hiện tượng "trống đánh xuôi, kèn thổi ngược" xảy ra không ít. Nhiều cấp, nhiều ngành còn bố trí những cán bộ kinh doanh thiếu hiểu biết về kinh tế và luật pháp, không tính đến năng lực nghiệp vụ chuyên môn, chậm phát hiện và xử lý những người thoái hóa, biến chất về đạo đức. Đó là những khuyết điểm chủ yếu trong quản lý kinh tế cần sớm được khắc phục.

Trong quá trình chuyển sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, bên cạnh những mặt tích cực, đã *xuất hiện nhiều hiện tượng tiêu cực mới* mà chúng ta chưa lường hết, chậm phát hiện và chưa xử lý tốt. Đó là lối làm ăn chạy theo lợi nhuận bất kể giá nào, dẫn đến vi phạm pháp luật, lừa đảo, hối lộ, làm hàng giả, buôn lậu, trốn thuế, xâm phạm nghiêm trọng tài sản xã hội chủ nghĩa và của công dân; nợ nần dây dưa, chiếm dụng vốn của nhau, nhiều trường hợp không có khả năng thanh toán. Đó là xu hướng chạy theo buôn bán nhiều hơn sản xuất, thương mại hóa tràn lan, xâm nhập vào cả các cơ quan văn hóa, y tế, giáo dục, nội chính...; kỷ luật, kỷ cương và pháp luật không nghiêm, bất công xã hội tăng lên.

Kết quả đổi mới cơ chế quản lý kinh tế với những thành tựu và khuyết điểm như trên, thể hiện ở những mức độ khác nhau trong các thành phần kinh tế.

Kinh tế quốc doanh hiện đang nắm những bộ phận then chốt, có vị trí chi phối nền kinh tế, có tác dụng điều tiết thị trường và giá cả ở một mức độ nhất định. Gần một phần ba các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh vươn lên trong kinh doanh và thích ứng được với cơ chế mới. Đã xuất hiện một số nông trường, lâm trường kinh doanh có hiệu quả. Điểm yếu nhất của kinh tế quốc doanh là hiệu quả hoạt động nhìn chung còn thấp. Một bộ phận khá lớn công nghiệp quốc doanh, nhất là các cơ sở do quận, huyện quản lý, đang rất khó khăn. Nhiều đơn vị thương nghiệp quốc doanh kinh doanh thua lỗ, không ít cơ sở bị tư nhân lợi dụng để làm ăn phi pháp.

Kinh tế tập thể trong nông nghiệp đã chuyển sang thực hiện rộng rãi cơ chế khoán, hộ gia đình xã viên là đơn vị kinh tế tự chủ, được giao quyền sử dụng ruộng đất, bước đầu giải phóng sức sản xuất, khai thác tiềm năng lao động và vốn của nhân dân. Đã xuất hiện một số hình thức hợp tác mới thuộc nhiều lĩnh vực cùng hoạt động trên một địa bàn. Thực tiễn khẳng định Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị là đúng đắn, phù hợp với điều kiện kinh tế nước ta và nguyện vọng của nông dân. Nhưng hiện nay phần lớn các ban quản lý hợp tác xã và tập đoàn sản xuất đang lúng túng trong hoạt động, chưa thực hiện được việc tổ chức khâu dịch vụ sản xuất, tiêu thụ, một số nhiệm vụ quản lý cần thiết và tham gia thực hiện các chính sách xã hội ở nông thôn, tình trạng khoán trắng cho xã viên diễn ra phổ biến. Các vụ tranh chấp ruộng đất tuy đã được tích cực giải quyết, nhưng vẫn còn nhiều vấn đề phức tạp.

Trong lĩnh vực sản xuất tiểu, thủ công nghiệp, khoảng 20% số hợp tác xã đã vươn lên thích nghi được với thị trường. Một bộ phận lớn đang rất khó khăn, khoảng 20% các hợp tác xã, trong đó có những đơn vị chỉ là kinh tế tập thể về hình thức, đã giải thể hoặc chuyển sang hoạt động dưới dạng tư nhân. Việc củng cố các hợp tác xã trong công nghiệp, xây dựng, vận tải chưa được quan tâm đúng mức theo yêu cầu Nghị quyết 16 của Bộ Chính trị.

Phần lớn các hợp tác xã mua bán kinh doanh thua lỗ và lúng túng về phương hướng hoạt động. Khuyết điểm lớn là đã để phát triển các tổ chức tín dụng đô thị một cách tràn lan, thiếu chỉ đạo và quản lý chặt chẽ dẫn đến vỡ nợ khá phổ biến, trong đó không ít trường hợp làm ăn gian dối. Ở nông thôn nói chung các hợp tác xã tín dụng chỉ còn hình thức, tình trạng tư nhân cho vay nặng lãi đang phát triển.

Về kinh tế tư nhân, kết quả rõ nhất là nhiều hộ cá thể và tiểu chủ đã bỏ vốn kinh doanh vào nhiều ngành nghề. Nhưng cho đến nay, nhiều người có vốn lớn vẫn chưa mạnh dạn đầu tư, nhất là vào lĩnh vực sản xuất, vì môi trường kinh doanh chưa bảo đảm và có phần chưa tin vào sự ổn định của chính sách. Trong khi nhiều đơn vị kinh tế tư nhân đóng góp tích cực và làm giàu chính đáng, một số người đã hoạt động phi pháp, lừa đảo, trốn lậu thuế.

Một thành tựu quan trọng nữa là đã *kiềm chế được một bước đà lạm phát*. Đây là kết quả tổng hợp của việc thực hiện ba chương trình kinh tế và đổi mới cơ chế quản lý, đổi mới chính sách giá và lãi suất, mở rộng lưu thông và điều hòa cung - cầu hàng hóa. Nếu chỉ số tăng giá bình quân hàng tháng của thị trường xã hội năm 1986 là 20%, năm 1987 là 10%, năm 1988 là 14%, thì năm 1989 là 2,5% và năm 1990 là 4,4%. Điều có ý nghĩa là chúng ta đạt được kết quả này trong hoàn cảnh nguồn trợ giúp bên ngoài giảm so với trước, vừa chống lạm phát vừa thực hiện chuyển từ giá bao cấp sang giá kinh doanh.

Tuy nhiên, kết quả kiềm chế lạm phát chưa vững chắc, giá cả có những thời gian tăng cao, lên xuống không ổn định. Cuộc đấu tranh để kiềm chế và đẩy lùi lạm phát vẫn đang là một nhiệm vụ cấp bách và cơ bản.

Trong sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội những năm qua, *khoa học và công nghệ* tiếp tục phát triển, bước đầu phát huy vai trò động lực, hướng vào nghiên cứu ứng dụng, góp phần phát triển sản xuất, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, ngư nghiệp, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, nâng cao trình độ công nghệ của một số lĩnh vực sản xuất, tiếp thu và làm chủ được các công nghệ nhập từ nước ngoài. Tiềm lực khoa học và công nghệ tăng lên.

Lực lượng khoa học đã góp phần xây dựng luận cứ khoa học cho các chủ trương phát triển kinh tế; đóng góp tích cực vào việc soạn thảo Cương lĩnh, chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển khoa học và công nghệ; nghiên cứu những vấn đề về lịch sử, ngôn ngữ, văn hóa...

Cơ chế quản lý khoa học và công nghệ đã bước đầu được đổi mới nhằm gắn khoa học với sản xuất và đời sống, mở rộng quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các tập thể và cơ quan khoa học.

Tuy nhiên, khoa học và công nghệ nước ta phát triển chậm, chưa đáp ứng được những yêu cầu bức xúc của công cuộc đổi mới. Khoa học xã hội chưa nghiên cứu sâu sắc và lý giải một cách thuyết phục những vấn đề cơ bản về thời đại, về chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Khoa học và công nghệ chưa

đóng góp được nhiều vào việc tạo chuyển biến mạnh mẽ nền kinh tế về mặt năng suất, chất lượng và hiệu quả, thúc đẩy phát triển nhanh các ngành có hàm lượng khoa học và công nghệ cao.

Còn thiếu những chính sách cụ thể để tạo môi trường thuận lợi cho việc ứng dụng rộng rãi hơn nữa các thành tựu khoa học và công nghệ. Việc chậm đổi mới chính sách sử dụng và đãi ngộ đối với cán bộ khoa học, kỹ thuật đã gây lãng phí lớn nguồn chất xám quý giá của đất nước. Đầu tư tài chính của Nhà nước cho hoạt động khoa học và công nghệ còn quá ít, không bảo đảm điều kiện cần thiết để triển khai các nhiệm vụ trọng điểm và xây dựng tiềm lực khoa học công nghệ quốc gia. Chưa có cơ chế phù hợp để huy động được nhiều nguồn vốn cho hoạt động khoa học và công nghệ. Công tác kiểm tra, giám sát còn chưa thường xuyên và đầy đủ để hạn chế việc sử dụng lãng phí và kém hiệu quả các nguồn lực vật chất dành cho lĩnh vực này. Nhiều cán bộ lãnh đạo các ngành, các cấp và cơ sở chưa nhận thức đầy đủ vai trò động lực và chưa sử dụng khoa học và công nghệ để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

## **2. Thực hiện chính sách xã hội.**

Việc thực hiện chính sách xã hội tuy có một số tiến bộ, nhưng chưa được quan tâm đúng với tầm quan trọng của nó và còn nhiều thiếu sót.

*Đời sống* của một bộ phận nhân dân so với 5 năm trước ổn định hơn và có được cải thiện, nhưng nhìn chung còn khó khăn.

Từ cuối năm 1988 trở đi, vấn đề lương thực xét cân đối chung trên phạm vi cả nước đã được giải quyết tốt hơn. Thị trường thực phẩm dồi dào. Nhu cầu mặc được đáp ứng khá. Nhà ở của một bộ phận dân cư cả ở thành thị và nông thôn được cải thiện. Tiềm nghi sinh hoạt trong nhiều gia đình tăng thêm. Việc đi lại của nhân dân dễ dàng hơn. Đời sống tinh thần của nhân dân có một số mặt được cải thiện như được tự do làm ăn theo pháp luật, làm chủ nguồn thu nhập hợp pháp, tham gia vào các quyết định lớn của Đảng và Nhà nước, nguồn thông tin và nhận thông tin được mở rộng hơn trước.

Một bộ phận nhân dân có thu nhập cao chính đáng nhờ biết kinh doanh, hoặc có lao động xuất khẩu.

Nhờ thực hiện các chính sách mới, tỷ lệ thu nhập của xã viên trong giá trị sản phẩm thu hoạch sau khoán 10 đã tăng lên đáng kể. Tuy nhiên, vẫn có khoảng trên dưới 10% hộ nông dân còn thường xuyên gặp khó khăn, túng thiếu; ở những vùng hay bị thiên tai, một số vùng núi và vùng có đồng bào dân tộc thiểu số, ở những nơi có nhiều gia đình thuộc diện chính sách,



các gia đình neo đơn thì tỷ lệ trên còn cao hơn. Nhà ở của nông dân một số vùng còn đơn sơ. Sinh hoạt văn hóa ở nông thôn nhiều nơi còn nghèo nàn.

Ở thành thị, người lao động ở những đơn vị sản xuất thua lỗ thì rất khó khăn, những người làm dịch vụ, buôn bán nhìn chung có thu nhập khá.

Một bộ phận không nhỏ nhân dân ta còn sống dưới nhu cầu tối thiểu. Số trẻ em suy dinh dưỡng còn lớn. Khó khăn gay gắt và mức sống bị giảm sút nhiều là những người mà nguồn thu nhập chính dựa vào tiền lương và trợ cấp xã hội.

Hơn bốn năm qua, để đáp ứng các nhu cầu đời sống nhân dân, chúng ta đã động viên và phát huy khả năng của toàn xã hội, khuyến khích người lao động tăng thu nhập và làm giàu chính đáng, chấp nhận sự chênh lệch trong thu nhập do năng suất và hiệu quả lao động. Đó là phương hướng đúng tạo động lực cho sự phát triển và nâng cao mức sống chung của xã hội. Khuyết điểm là còn thiếu chính sách, biện pháp có hiệu lực để ngăn chặn thu nhập phi pháp và điều tiết mức thu nhập. Tuy mức sống còn thấp nhưng trong tiêu dùng của một bộ phận nhân dân và cán bộ còn nhiều xa hoa, lãng phí, có một số mặt vượt quá trình độ và khả năng của nền kinh tế chung.

Nhiều khó khăn về kinh tế - xã hội của nước ta có nguyên nhân ở tốc độ phát triển dân số quá cao. Nhịp độ tăng dân số năm 1990 khoảng 2,2%. Công tác tuyên truyền vận động nhân dân chưa tiến hành tốt, đầu tư phương tiện cho công tác này quá ít và còn thiếu những chính sách nhất quán, đồng bộ và có hiệu lực. Nhiều vùng nông thôn chưa có chuyển biến trong việc hạn chế sinh đẻ. Tốc độ tăng dân số quá nhanh tạo nên áp lực lớn về đời sống và việc làm, cản trở việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, nâng cao mức sống của nhân dân.

Vấn đề *việc làm* đặc biệt gay gắt. Trong hơn bốn năm qua, việc thực hiện chính sách kinh tế hàng hóa nhiều thành phần đã tạo điều kiện quan trọng để giải quyết thêm việc làm. Đã phát triển nhiều hình thức đào tạo nghề nghiệp, giới thiệu việc làm do Nhà nước, các đoàn thể và cá nhân đứng ra tổ chức. Hình thức thanh niên xung phong đi xây dựng các khu kinh tế mới hoặc đảm nhiệm các công trình xây dựng tiếp tục phát triển. Các hình thức quân đội kết hợp làm kinh tế được mở rộng. Nhờ những biện pháp ấy, trong 5 năm 1986-1990 có thêm 4,2 triệu lao động đã tìm được việc làm. Tuy vậy, những cố gắng và tiến bộ trên mới chỉ đáp ứng một phần nhu cầu giải quyết việc làm cho toàn xã hội, số người không có việc làm từ nhiều nguồn tăng lên nhanh. Các chính sách và biện pháp giải quyết việc làm còn bị động, chấp vá.

Lĩnh vực *giáo dục và đào tạo* có một số tiến bộ trong việc xác định mục tiêu, nội dung và phương pháp cũng như cơ cấu hệ thống giáo dục. Những kết quả ban đầu được thể hiện ở việc từng bước đa dạng hóa loại hình giáo dục, đào tạo; dân chủ hóa quản lý nhà trường, tăng cường liên kết nhà trường với xã hội. Nội dung giáo dục phổ thông đã được đổi mới một phần, chất lượng lớp 1, lớp 2 và ở trường chuyên, lớp chọn có tiến bộ. Quá trình đào tạo đại học và chuyên nghiệp được tổ chức lại và có một số cải tiến. Nhờ sự nỗ lực của đội ngũ giáo viên, sự đầu tư của Nhà nước cùng với sự đóng góp của nhân dân, sự nghiệp giáo dục, đào tạo được duy trì, có một số mặt ổn định hoặc phát triển. Số học sinh, sinh viên nước ta hiện nay là 15 triệu người, chiếm gần 1/4 dân số.

Nhưng nền giáo dục nước ta chưa thoát khỏi tình trạng yếu kém do trình độ kinh tế, do thiếu sự quan tâm đúng mức ở tầm chỉ đạo chiến lược, đồng thời do công tác quản lý của ngành giáo dục và đào tạo còn nhiều khuyết điểm và nhược điểm.

Chất lượng giáo dục, nhất là chất lượng giáo dục tư tưởng, đạo đức còn kém, một bộ phận học sinh, sinh viên mờ nhạt về lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Số học sinh phổ thông chán học và bỏ học ngày càng nhiều. Số người mù chữ tăng lên. Chính sách đối với giáo viên tuy có cải tiến, nhưng chưa hấp dẫn thanh niên học giỏi vào ngành sư phạm, đời sống của đa số các thầy cô giáo còn quá thấp, có nơi giáo viên bỏ nghề đến mức số mới được đào tạo ở các trường sư phạm không bù lại kịp. Trình độ chuyên môn của giáo viên chậm được nâng cao. Việc đầu tư cho giáo dục miền núi, vùng dân tộc thiểu số còn quá ít ỏi.

Chậm sắp xếp lại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề và trường phổ thông.

*Công tác bảo vệ sức khỏe, nâng cao thể lực của nhân dân* vẫn được duy trì trong điều kiện có nhiều khó khăn. Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu có một số tiến bộ. Tiêm chủng mở rộng cho trẻ em được ngành y tế thực hiện tốt trên phạm vi cả nước, đạt kết quả đáng khích lệ, giảm nhiều số trẻ em chết dưới một tuổi. Chủ trương bảo vệ sức khỏe nhân dân nhằm giải quyết các vấn đề cơ bản và cấp bách, nhất là chống các bệnh nhiễm trùng, chống suy dinh dưỡng và vệ sinh môi trường, đồng thời phòng chống những bệnh tật của một nước đang phát triển công nghiệp, bước đầu đã thu được một số kết quả. Phong trào thể dục, thể thao quần chúng được duy trì và mở rộng ở nhiều nơi.

Tuy nhiên, nhìn chung công tác phòng và chữa bệnh, bảo vệ sức khỏe của nhân dân còn nhiều vấn đề phải giải quyết. Đa số các bệnh viện từ

Trung ương đến tỉnh, huyện xuống cấp nhiều. Bệnh sốt rét phát triển ở một số huyện, xã miền núi. Kinh phí của Nhà nước không đủ cho nhu cầu của y tế, nhưng chưa có những hình thức và biện pháp thích hợp để giải quyết. Việc thu viện phí chưa hợp lý, gây nhiều lộn xộn. Vệ sinh môi trường như cung cấp nước sạch, giải quyết chất thải công nghiệp, bảo vệ môi trường sống là những vấn đề tồn tại lớn.

Hoạt động *văn hóa, văn nghệ* phong phú hơn về nội dung, đa dạng hơn về hình thức và thể loại. Trong các ngành văn học, nghệ thuật đã có một số tác phẩm tốt. Đội ngũ văn nghệ sĩ thuộc các thế hệ có những đóng góp vào sự nghiệp đổi mới của đất nước. Trong hoạt động văn hóa, văn nghệ, dân chủ bước đầu được phát huy, tạo điều kiện thuận lợi cho sự sáng tạo.

Tuy nhiên, mức hưởng thụ văn hóa, văn nghệ của đông đảo nhân dân lao động còn thấp, nhất là ở nhiều vùng nông thôn, miền núi. Hoạt động văn hóa, văn nghệ thường tập trung ở các đô thị và có khuynh hướng chạy theo thị hiếu không lành mạnh. Đã xuất hiện một số tư tưởng lệch lạc: coi nhẹ văn nghệ dân tộc và cách mạng, nhìn xã hội toàn màu đen, "để cho quần chúng tự chọn món ăn", v.v...

Công tác quản lý văn hóa tuy có đổi mới, nhưng còn nhiều khuyết điểm, chưa quản lý chặt chẽ công tác xuất bản, nhập phim, làm phim, để cho các văn hóa phẩm độc hại phổ biến tràn lan, gây hại lớn. Chưa có những biện pháp tích cực để phổ biến rộng rãi trong nhân dân các tác phẩm có giá trị. Một số ngành nghệ thuật như điện ảnh, tuồng, chèo... đang gặp nhiều khó khăn, chưa có biện pháp khắc phục.

### 3. Về quốc phòng và an ninh.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội VI và Nghị quyết Bộ Chính trị về nhiệm vụ quốc phòng, công tác *quân sự quốc phòng* đã có những đổi mới quan trọng. Xuất phát từ quan điểm chiến tranh nhân dân đã thực hiện một cuộc điều chỉnh chiến lược lớn, bố trí lại lực lượng trên phạm vi cả nước, tạo ra thế phòng thủ hợp lý, tăng cường khả năng phòng thủ ở các khu vực trọng điểm; từng bước xây dựng các khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố. Đã chấn chỉnh một bước cơ bản tổ chức biên chế lực lượng vũ trang, giảm được hơn 60 vạn quân thường trực; đồng thời chú ý xây dựng lực lượng dự bị động viên và nâng cao chất lượng dân quân tự vệ.

Đã chú trọng nâng cao chất lượng tổng hợp của quân đội, trước hết là về mặt chính trị, bảo đảm quân đội vững vàng trước tình hình phức tạp ở trong nước và trên thế giới, kiên định mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa,

chấp hành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Khắc phục nhiều khó khăn để bảo đảm đời sống và chính sách đối với bộ đội.

Đã thực hiện tốt nghĩa vụ quốc tế đối với cách mạng Lào và cách mạng Campuchia, rút hết quân tình nguyện ở Campuchia về nước.

Các xí nghiệp quốc phòng và các tổ chức làm kinh tế của quân đội bước đầu chuyển sang thực hiện cơ chế quản lý mới, phấn đấu thực hiện được kế hoạch hàng năm, góp phần bảo đảm cho quốc phòng và tham gia xây dựng đất nước.

Những kết quả trên lĩnh vực quân sự và quốc phòng đã tác động tích cực đến việc thực hiện cả hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tạo điều kiện thuận lợi mới cho công cuộc xây dựng kinh tế.

Thiếu sót nổi lên là chất lượng tổng hợp các lực lượng vũ trang còn có mặt chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ. Sức chiến đấu, trình độ sẵn sàng chiến đấu, chất lượng huấn luyện của một số đơn vị chưa cao. Đời sống cán bộ và chiến sĩ còn nhiều khó khăn. Hiệu quả công tác Đảng, đoàn, công tác chính trị còn hạn chế. Việc xây dựng các khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố, công tác quản lý và huấn luyện lực lượng dự bị động viên và dân quân tự vệ còn nhiều vấn đề phải giải quyết. Nhiều xí nghiệp quốc phòng lúng túng trong quá trình chuyển sang thực hiện cơ chế quản lý mới.

Nghị quyết Bộ Chính trị về quốc phòng chưa được quán triệt sâu sắc trong cán bộ các cấp, các ngành. Sự lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng ủy Quân sự Trung ương và Bộ Quốc phòng có mặt, có lúc còn thiếu biện pháp tích cực và đồng bộ. Chậm nghiên cứu chiến lược quốc phòng gắn với chiến lược kinh tế xã hội. Đảng ủy và người chỉ huy một số đơn vị quản lý bộ đội thiếu chặt chẽ.

*Công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội* đã có những đổi mới quan trọng về đường lối, chủ trương, phương pháp công tác và xây dựng lực lượng, góp phần giữ vững ổn định chính trị xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho công cuộc đổi mới; phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần và đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, xây dựng, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và mở rộng quan hệ đối ngoại; bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà nước, bảo vệ những thành quả cách mạng trong tình hình mới.

Phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc được khôi phục và phát triển ở nhiều địa bàn, từng bước hình thành một số tuyến, khu vực có phong trào liên

hoàn, với nội dung, hình thức phong phú, phòng ngừa và tấn công bọn tội phạm.

Đấu tranh kiên quyết chống âm mưu "diễn biến hòa bình", ngăn chặn các hoạt động gián điệp, biệt kích, bảo vệ nội bộ, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới, trừng trị bọn tội phạm hình sự, giữ gìn trật tự công cộng.

Tuy nhiên, tình hình an ninh, trật tự còn rất phức tạp. Các thế lực thù địch ở trong nước và ngoài nước cấu kết với nhau, ra sức khai thác cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội và những sơ hở, yếu kém của chúng ta để phá ta bằng các thủ đoạn thâm độc, xảo quyệt. An ninh nội bộ, an ninh kinh tế, tư tưởng, văn hóa, an ninh biên giới còn không ít sơ hở. Trật tự an toàn xã hội, nhất là ở các thành phố, thị xã còn nhiều vấn đề phải giải quyết; tình hình thất thoát lớn tài sản xã hội chủ nghĩa, tham nhũng, buôn lậu, đạo đức suy đồi đang là những vấn đề nóng bỏng.

Tình hình trên có nhiều nguyên nhân. Chúng ta chưa gắn chặt nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội với bảo vệ an ninh, trật tự; chưa quan tâm đúng mức giải quyết những nguyên nhân và điều kiện làm nảy sinh, phát triển tội phạm; còn buông lỏng pháp chế, kỷ cương; đấu tranh chưa mạnh mẽ, xử lý chưa nghiêm minh những kẻ phạm tội; còn có mặt hữu khuynh mất cảnh giác.

Công an nhân dân, lực lượng xung kích, nòng cốt đấu tranh bảo vệ an ninh, trật tự đã được củng cố một bước về chính trị, tư tưởng và tổ chức; đã có những đổi mới về quan điểm phục vụ nhân dân, phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Tinh thần chiến đấu, tác phong công tác, ý thức tổ chức kỷ luật được nâng lên, lực lượng cơ sở, lực lượng bán chuyên trách được củng cố, tăng cường hơn. Nhưng nhìn chung, lực lượng công an chưa được xây dựng thực sự vững mạnh, chưa đáp ứng tốt yêu cầu của tình hình mới. Biểu hiện tiêu cực, quan liêu, cửa quyền còn nhiều. Việc bảo đảm cơ sở vật chất kỹ thuật và chăm lo đời sống cho lực lượng công an chưa được quan tâm đúng mức.

#### **4. Về công tác đối ngoại.**

Nghị quyết Đại hội VI, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị đã xác định mục tiêu của các hoạt động đối ngoại là giữ vững hòa bình, tranh thủ những điều kiện quốc tế thuận lợi để đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, góp phần tích cực vào sự nghiệp chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Trong những năm qua, chúng ta đã từng bước thực hiện thắng lợi phương hướng trên. Quan hệ giữa nước ta với Liên Xô đang được đổi mới phù hợp với lợi ích của nhân dân mỗi nước. Tình hữu nghị và đoàn kết đặc biệt giữa Đảng và nhân dân Việt Nam với Đảng và nhân dân Lào, Đảng và nhân dân Campuchia không ngừng phát triển; hiệu quả hợp tác đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau được nâng cao. Bằng những việc làm cụ thể, chúng ta đã và đang góp phần rất quan trọng vào quá trình giải quyết hòa bình vấn đề Campuchia. Quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân ta với Cuba và một số nước xã hội chủ nghĩa khác tiếp tục được tăng cường. Đã kiên trì thúc đẩy quá trình bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc.

Chúng ta đã tăng cường tình đoàn kết chiến đấu với các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào, các tổ chức quốc gia và quốc tế bảo vệ độc lập và chủ quyền dân tộc, vì hòa bình và tiến bộ.

Sự hợp tác nhiều mặt và tình hữu nghị, đoàn kết giữa nước ta với Ấn Độ cũng như với nhiều nước độc lập dân tộc và Phong trào Không liên kết tiếp tục phát triển.

Với các nước Đông Nam Á, chúng ta chủ trương mở rộng quan hệ về nhiều mặt theo nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, không can thiệp vào nội bộ của nhau, hai bên cùng có lợi. Những năm qua cũng đã ghi nhận những cố gắng lớn của Nhà nước ta trong việc cải thiện quan hệ với nhiều nước ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, Tây Âu, Bắc Âu và một số nước khác.

Những thành tựu đối ngoại đã tạo môi trường quốc tế thuận lợi hơn cho công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đẩy lùi một bước âm mưu bao vây, cô lập với nước ta, tăng thêm bầu bạn, nâng cao uy tín của nước ta trên trường quốc tế.

Tuy nhiên, công tác đối ngoại còn có khuyết điểm và những mặt yếu kém: khi tình hình thế giới và quan hệ quốc tế thay đổi; có việc chưa đánh giá đầy đủ và kịp thời để có chủ trương sát đúng; chưa tạo được sự thống nhất cao về nhận thức và hành động giữa một số ngành trong một số trường hợp.

##### **5. Thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, đổi mới hoạt động của Nhà nước và các đoàn thể nhân dân.**

Một trong những thành tựu của công cuộc đổi mới là bước *đầu thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa* trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Các cơ chế và chính sách mới đã mở rộng quyền tự chủ của các cơ sở kinh tế, phát huy

tiềm năng của các thành phần kinh tế, tạo điều kiện cho mọi người được tự do kinh doanh theo pháp luật.

Các hoạt động văn hóa, thông tin, báo chí, xuất bản có bước phát triển mới về nội dung và phương pháp thông tin, về nghiên cứu và sáng tạo, về thảo luận dân chủ các ý kiến khác nhau, tự phê bình và phê bình, đấu tranh phê phán các hiện tượng tiêu cực.

Trong sinh hoạt Đảng, hoạt động của các cơ quan nhà nước và các đoàn thể nhân dân, cũng như trong xã hội, đã có không khí thảo luận cởi mở, thẳng thắn, phê phán khuyết điểm, sai lầm, khắc phục dần hiện tượng dân chủ hình thức. Nhiều chủ trương, chính sách, pháp luật quan trọng đã được nhân dân tham gia ý kiến trước khi quyết định.

Tuy nhiên, những tiến bộ đó còn hạn chế. Quyền làm chủ của nhân dân chưa được tôn trọng và phát huy đầy đủ. Trong xã hội còn không ít hiện tượng mất dân chủ, dân chủ hình thức, có nơi rất nghiêm trọng. Bệnh quan liêu, tư tưởng phong kiến, gia trưởng còn nặng. Đồng thời cũng xuất hiện khuynh hướng dân chủ cực đoan, dân chủ không đi liền với thực hiện kỷ luật và pháp luật. Cơ chế và pháp luật bảo đảm thực hiện dân chủ chưa được cụ thể hóa đầy đủ.

Thực tế mấy năm qua cho thấy, để đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị, xây dựng và thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, *vấn đề mấu chốt là phân định rõ chức năng và giải quyết tốt mối quan hệ giữa Đảng với Nhà nước và các đoàn thể nhân dân*; kiên quyết chống quan liêu, chống những hành vi xâm phạm quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời phê phán và khắc phục những khuynh hướng lệch lạc khác.

Theo hướng đó, đã có những chủ trương, biện pháp sửa đổi *tổ chức và phương thức hoạt động của các cơ quan nhà nước*. Hoạt động lập pháp được đẩy mạnh. Bốn năm qua (tính đến hết năm 1990), Quốc hội, Hội đồng Nhà nước đã ban hành 24 luật và 33 pháp lệnh. Các kỳ họp Quốc hội đã thể hiện rõ hơn tinh thần dân chủ, quyền hạn và trách nhiệm của các đại biểu nhân dân. Hoạt động giám sát của Quốc hội được tăng cường và có hiệu quả hơn trước.

Hội đồng Bộ trưởng và Ủy ban nhân dân các cấp đã bước đầu đổi mới phương thức hoạt động, có tiến bộ trong điều hành và quản lý nhà nước bằng pháp luật, giải quyết được nhiều vấn đề kinh tế, xã hội quan trọng. Hội đồng Bộ trưởng và các bộ đã coi trọng chỉ đạo các hoạt động ở tầm vĩ mô; đã sắp xếp một bước tổ chức bộ máy các bộ, tổng cục và các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, huyện.

Các cơ quan toà án, kiểm sát đã được kiện toàn một bước. Nhiều tổ chức hỗ trợ cho công tác xét xử đã hình thành.

Tuy nhiên, sự điều hành và quản lý nhà nước ở tầm vĩ mô nói chung còn lúng túng và có nhiều khuyết điểm, nhược điểm; một số quyết định còn sơ hở. Còn thiếu nhiều luật cần thiết. Không ít luật và pháp lệnh đã ban hành không được thực hiện nghiêm chỉnh và thống nhất. Nhiều vụ phạm pháp không được xét xử hoặc xét xử chậm, xử chưa nghiêm. Tổ chức các cơ quan xét xử còn yếu.

Chưa vận dụng tốt khoa học quản lý vào tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Sự phân công, phân nhiệm và các mối quan hệ giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp có những điểm chưa rõ. Sự phân cấp quản lý giữa Trung ương với các địa phương và cơ sở vừa chưa đầy đủ, vừa chưa phù hợp với sự thay đổi của cơ chế quản lý. Đội ngũ cán bộ, viên chức nhà nước ít được đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức pháp luật và nghiệp vụ; thiếu kinh nghiệm về tổ chức và quản lý nhà nước, nhất là khi chuyển từ cơ chế quan liêu bao cấp sang cơ chế quản lý mới về kinh tế - xã hội; hiệu suất lao động và công tác còn thấp.

Tổ chức và biên chế của bộ máy nhà nước còn quá công kênh, nặng nề, chưa phù hợp với yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý và đổi mới phương thức hoạt động của Nhà nước. Việc sắp xếp lại tổ chức và giảm biên chế có những trường hợp còn hình thức, kém hiệu quả. Tóm lại, khuyết điểm lớn là đến nay *chưa thực hiện được cuộc cải cách cơ bản về tổ chức bộ máy nhà nước* như Đại hội VI đã đề ra.

Từ sau Đại hội VI của Đảng, nhất là từ sau Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương, *Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân* đã cố gắng đổi mới tổ chức và hoạt động. Đại hội của nhiều đoàn thể đã được tiến hành theo tinh thần: đổi mới dân chủ đoàn kết. Các đoàn thể, các tổ chức xã hội đã coi trọng việc đoàn kết, tổ chức đoàn viên, hội viên cùng chăm lo giải quyết những lợi ích thiết thực. Bộ máy của các đoàn thể ở các cấp được sắp xếp lại một bước. Thêm nhiều tổ chức xã hội, tổ chức theo nghề nghiệp được thành lập, thu hút đông đảo hội viên, tích cực tham gia các hoạt động xã hội, nhất là ở cơ sở.

Trước yêu cầu đổi mới hiện nay, nhiều đoàn thể chưa xác định được thật rõ chức năng, nhiệm vụ, còn lúng túng về phương thức hoạt động và xây dựng tổ chức. Lê lối làm việc còn nặng hành chính, hiệu quả giáo dục chính trị tư tưởng còn thấp. Nhiều tổ chức cơ sở của các đoàn thể hoạt động thất



thường. Nhiều đoàn viên, hội viên không thiết tha gắn bó với tổ chức của mình. Một số cán bộ đoàn thể không yên tâm công tác.

## 6. Đảng trong công cuộc đổi mới.

Từ Đại hội VI đến nay là thời gian có nhiều thử thách lớn đối với sự lãnh đạo của Đảng ta. Trong tình hình đất nước và quốc tế có những diễn biến nhanh và phức tạp, Đảng đã kiên trì đường lối đổi mới, đề ra và lãnh đạo nhân dân thực hiện có kết quả một số chủ trương, chính sách lớn về đối nội và đối ngoại, mở ra hướng phát triển mới của đất nước; tích cực sửa chữa những khuyết điểm mà Đại hội VI đã chỉ ra. Trong quá trình đó, Đảng có bước trưởng thành mới, có thêm những kiến thức và kinh nghiệm mới, nhất là về lãnh đạo kinh tế, lãnh đạo Nhà nước.

Nét nổi bật là trong Đảng đã có *sự đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế*. Với tinh thần độc lập sáng tạo, Đảng đã cụ thể hóa và phát triển Nghị quyết Đại hội VI, bước đầu *hình thành hệ thống các quan điểm và nguyên tắc chỉ đạo sự nghiệp đổi mới ở nước ta*. Trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, Đảng kịp thời khẳng định những vấn đề có tính nguyên tắc của công cuộc đổi mới, bảo đảm ổn định về chính trị để thực hiện đổi mới có kết quả. Những thành tựu đã đạt được trên các lĩnh vực chứng tỏ đường lối và bước đi của Đảng ta là đúng đắn, năng lực cụ thể hóa nghị quyết và tổ chức chỉ đạo thực hiện của các cấp, các ngành có tiến bộ.

*Công tác tư tưởng* đã được coi trọng, góp phần đổi mới tư duy, định hướng tư tưởng, bồi dưỡng những nhận thức đúng đắn cho đảng viên và nhân dân, tạo ra sự nhất trí đối với đường lối, quan điểm của Đảng. Đã chú ý mở rộng thông tin, thông tin nhiều chiều, tuyên truyền những nhân tố mới, phổ biến những kinh nghiệm tốt, đồng thời tích cực đấu tranh chống tiêu cực, chống những quan điểm và nhận thức sai trái, bảo vệ quan điểm đúng đắn của Đảng.

*Về công tác tổ chức và cán bộ*, đã sắp xếp lại một số tổ chức, điều chỉnh, thay đổi nhiều cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở các cơ quan, các ngành, các cấp. Thu gọn bớt một số ban, bộ, ủy ban, tổng cục, bỏ nhiều vụ, cục, phòng trung gian. Bộ máy chính quyền ở nhiều cơ sở, bộ máy quản lý ở nhiều xí nghiệp, hợp tác xã gọn nhẹ hơn trước. Các chi bộ đảng ở nông thôn được sắp xếp lại hợp lý hơn, chủ yếu theo địa bàn dân cư (thôn, xóm, ấp, bản). Trong số cán bộ mới, nhiều đồng chí đã phát huy tác dụng tốt. Công tác cán bộ có mặt đã được cải tiến theo hướng dân chủ và tập thể hơn. Việc kết hợp nhiều độ tuổi

ở mỗi cơ quan lãnh đạo là một kinh nghiệm tốt bảo đảm tính liên tục và tính kế thừa trong đội ngũ cán bộ.

Việc thực hiện các nghị quyết về xây dựng Đảng, tiến hành cuộc vận động *chỉnh đốn làm trong sạch Đảng* nhất là đợt sinh hoạt chính trị, tiến hành đại hội đảng bộ các cấp gần đây, đã thúc đẩy phát triển dân chủ trong Đảng, củng cố các tổ chức cơ sở đảng, nâng thêm trình độ nhận thức và năng lực công tác của đội ngũ đảng viên. Cho đến nay, tuy có một bộ phận đảng viên thoái hóa, hư hỏng, một số kém tác dụng, nhưng số đông đảng viên mà nòng cốt là đội ngũ cán bộ chủ chốt từ Trung ương đến cơ sở vẫn giữ vững phẩm chất chính trị, nhất trí với quan điểm, đường lối của Đảng, có tinh thần chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, phấn đấu thực hiện các nghị quyết của Đảng.

*Phương thức lãnh đạo* đã có những cải tiến trên cơ sở nhận thức rõ hơn chức năng lãnh đạo của Đảng, chức năng quản lý của Nhà nước và chức năng của các đoàn thể, tôn trọng vai trò và quyền hạn của cơ quan nhà nước và các đoàn thể; bớt được những hiện tượng ôm đồm, bao biện.

Tuy vậy, công tác xây dựng Đảng chuyển biến chậm. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng ở các cấp chưa chuyển kịp theo yêu cầu đổi mới. Nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn nảy sinh trong công cuộc đổi mới chưa được làm sáng tỏ, một số quan điểm và chủ trương lớn của Đảng chưa được cụ thể hóa một cách đồng bộ. Hệ thống tổ chức của Đảng trước yêu cầu đổi mới còn những mặt chưa hợp lý, bộ máy vẫn cồng kềnh, hoạt động kém hiệu quả. Một số tổ chức cơ sở đảng quá yếu, có nơi gần như tê liệt. Trình độ kiến thức, năng lực lãnh đạo, quản lý của cán bộ, đảng viên nói chung còn thấp. Sự suy thoái về phẩm chất đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên rất nghiêm trọng. Tình trạng mất đoàn kết nội bộ xảy ra trong nhiều tổ chức đảng. Trong Đảng vừa có những biểu hiện bảo thủ, không chịu đổi mới, vừa có khuynh hướng đổi mới nóng vội, rập khuôn cách làm của nước khác, cũng có cả tư tưởng dao động, cơ hội về chính trị. *Phương thức lãnh đạo* chậm được đổi mới, tình trạng nhiều cấp ủy đảng (nhất là ở nông thôn) bao biện, làm thay công việc của chính quyền vẫn chưa được khắc phục một cách căn bản; đồng thời cũng còn những biểu hiện buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng trên một số lĩnh vực và ở một số loại hình cơ sở (như xí nghiệp, cơ quan, trường học...).

Nhiều cấp ủy không đi sâu chỉ đạo công tác xây dựng Đảng. Một số nghị quyết, chỉ thị về xây dựng Đảng không được thực hiện đến nơi đến chốn. Công tác tư tưởng có lúc bị buông lỏng, thiếu chủ động và không sắc bén. Công tác giáo dục phẩm chất đạo đức, khắc phục những hiện tượng tiêu cực

trong cán bộ, đảng viên chưa được tiến hành một cách kiên quyết và có hiệu quả. Việc kiện toàn tổ chức, tinh giản biên chế đạt kết quả thấp là do thiếu những phương án tổng thể, khoa học, chỉ đạo không tập trung. Thực hiện kém việc quy hoạch và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Chưa có cơ chế hợp lý để phát hiện và lựa chọn nhân tài. Tư tưởng cá nhân, cục bộ, phong kiến đã gây trở ngại cho việc nhận xét, bố trí, đề bạt cán bộ. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu của cơ chế mới và nhiệm vụ mới.

### **7. Đánh giá tổng quát và kinh nghiệm tiến hành đổi mới.**

Tổng quát lại, sau hơn bốn năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, công cuộc đổi mới đã *đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng.*

Tình hình chính trị của đất nước ổn định.

Nền kinh tế có những chuyển biến tích cực: bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước; nguồn lực sản xuất của xã hội được huy động tốt hơn; tốc độ lạm phát được kiềm chế bớt; đời sống vật chất và tinh thần của một bộ phận nhân dân có phần được cải thiện. So với trước đây thì hiện nay mức độ khủng hoảng đã giảm bớt.

Sinh hoạt dân chủ trong xã hội ngày càng được phát huy. Nội dung và phương thức hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị có một số đổi mới theo hướng phát huy dân chủ nội bộ và quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường quyền lực của các cơ quan dân cử, nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp, bước đầu chỉnh đốn Đảng đi đôi với đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội.

Quốc phòng được giữ vững, an ninh quốc gia được bảo đảm. Từng bước phá thế bị bao vây về kinh tế và chính trị, mở rộng quan hệ quốc tế, tạo ra môi trường thuận lợi hơn cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

Những thành tựu nói trên chứng tỏ đường lối đổi mới do Đại hội VI đề ra là đúng đắn, bước đi của công cuộc đổi mới về cơ bản là phù hợp. Qua thực tiễn, chúng ta có thêm những nhận thức mới và kinh nghiệm quan trọng về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội phù hợp với đặc điểm nước ta. Đó là cơ sở rất quan trọng để chúng ta tiếp tục tiến lên.

Mặt khác, cần nhận thức đầy đủ những yếu kém và khó khăn lớn: đất nước ta vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, công cuộc đổi mới còn những mặt hạn chế, nhiều vấn đề kinh tế - xã hội nóng bỏng chưa được giải quyết. Đáng chú ý là những vấn đề lớn sau đây:

Lạm phát còn ở mức cao, nhiều cơ sở sản xuất đình đốn kéo dài, lao động thiếu việc làm tăng lên. Chế độ lương quá bất hợp lý. Đời sống của những người sống chủ yếu bằng tiền lương hoặc trợ cấp xã hội và của một bộ phận nông dân bị giảm sút. Tốc độ tăng dân số còn cao.

Sự nghiệp văn hóa, xã hội có những mặt tiếp tục xuống cấp. Tình trạng tham nhũng, tiêu cực và bất công xã hội tăng thêm; lối sống thực dụng, hủ tục mê tín, dị đoan phát triển.

Tình trạng vi phạm dân chủ còn nhiều. Việc thực hiện pháp luật, kỷ cương chưa nghiêm. An ninh, trật tự và an toàn xã hội còn phức tạp. Vẫn có những nhân tố có thể gây mất ổn định chính trị không thể xem thường.

Bộ máy của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân công kênh, phong cách làm việc còn quan liêu, kém hiệu lực. Không ít cán bộ, đảng viên không đủ năng lực và phẩm chất đảm đương nhiệm vụ, thậm chí thoái hóa biến chất, không được quần chúng tín nhiệm. Việc nâng cao ý chí cách mạng trong Đảng, thanh lọc đảng viên; lựa chọn, bố trí, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cốt cán; cải cách căn bản hệ thống tổ chức là những vấn đề lớn đòi hỏi phải giải quyết.

Nhân tố quyết định đem lại những thành tựu đổi mới là sự lãnh đạo kiên định, vững vàng của Đảng, tinh thần cách mạng và sự nỗ lực phấn đấu của toàn dân. Hơn bốn năm qua, trong bối cảnh quốc tế và trong nước cực kỳ phức tạp, Đảng và Nhà nước ta đã kiên trì đổi mới theo những phương hướng và bước đi về cơ bản là đúng đắn; nhân dân ta với lòng yêu nước nồng nàn và niềm tin vào sự nghiệp cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã chấp nhận thử thách, chịu đựng và vượt qua nhiều khó khăn trong quá trình đổi mới, từng bước làm chuyển biến tình hình. Nguyên nhân của những mặt khó khăn và yếu kém có phần là hậu quả của nhiều năm trước đây để lại và là khó khăn của quá trình đi lên, vừa do những tác động bất lợi của tình hình thế giới, song cần nhấn mạnh những khuyết điểm chủ quan trong sự lãnh đạo của Đảng và công tác quản lý của Nhà nước. Những khuyết điểm có tính chất bao trùm là Đảng chậm xác định rõ yêu cầu và nội dung đổi mới phương thức lãnh đạo trong giai đoạn mới, chưa tập trung nghiên cứu đề ra phương hướng, chủ trương rõ ràng và chỉ đạo thực hiện tích cực việc tổ chức lại bộ máy, còn thiếu những biện pháp có hiệu lực để nâng cao chất lượng đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng ngang tầm đòi hỏi của sự nghiệp cách mạng; công tác cán bộ còn nhiều khuyết điểm. Nhà nước ta còn thiếu kiến thức và kinh nghiệm quản lý, có những việc làm chưa đúng với quy luật khách quan. Còn nhiều lúng túng, thiếu sót và sơ hở trong điều hành,

quản lý vĩ mô nền kinh tế thị trường (nhất là trong các lĩnh vực tài chính, tiền tệ, tiền lương) cũng như trong quản lý văn hóa, xã hội. Vừa có tình trạng thiếu nhất quán trong một số chủ trương đổi mới, vừa có sự buông lỏng vai trò quản lý đối với xã hội.

Từ thực tiễn mấy năm qua, có thể nêu lên *mấy kinh nghiệm bước đầu* về tiến hành công cuộc đổi mới:

*Một là, phải giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình đổi mới*, kết hợp sự kiên định về nguyên tắc và chiến lược cách mạng với sự linh hoạt trong sách lược, nhạy cảm nắm bắt cái mới. Đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường tất yếu của nước ta. Chúng ta phê phán những khuyết điểm, sai lầm trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhưng không quan niệm những lệch lạc đó là khuyết tật của bản thân chế độ, coi khuyết điểm là tất cả, phủ định thành tựu, từ đó dao động về mục tiêu và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà là làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có kết quả bằng những quan điểm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, bằng những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp. Chính vì vậy, *phải giữ vững tư duy độc lập và sáng tạo* trong việc đề ra đường lối đổi mới phù hợp với đặc điểm tình hình của nước ta, đáp ứng đúng lợi ích và nguyện vọng của nhân dân ta. Coi trọng học tập, tham khảo kinh nghiệm của thế giới, nhưng không lúc nào được giáo điều, sao chép máy móc cách làm của nước ngoài. Các chủ trương đổi mới đều phải nhằm phục vụ mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm cho dân giàu, nước mạnh, đều phải lấy kết quả xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam để kiểm nghiệm.

Điều kiện cốt yếu để công cuộc đổi mới giữ được định hướng xã hội chủ nghĩa và đi đến thành công là trong quá trình đổi mới Đảng *phải kiên trì và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, giữ vững vai trò lãnh đạo xã hội*. Đảng phải tự đổi mới và chỉnh đốn, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của mình.

*Hai là, đổi mới toàn diện, đồng bộ và triệt để, nhưng phải có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp*. Thực tiễn cho thấy đổi mới là cuộc cách mạng sâu sắc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Trên từng lĩnh vực, nội dung đổi mới cũng bao gồm nhiều mặt: từ đổi mới quan niệm đến đổi mới cơ chế, chính sách, tổ chức, cán bộ, phong cách và lề lối làm việc. Nếu chỉ đổi mới một lĩnh vực hoặc một khâu nào đó thì công cuộc đổi mới không thể đạt kết quả mong muốn. Đồng thời trong mỗi bước đi lại phải xác định đúng khâu *then chốt* để tập trung sức giải quyết làm cơ sở đổi mới các khâu khác và lĩnh vực khác.

*Về quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị*, phải tập trung sức làm tốt đổi mới kinh tế, đáp ứng những đòi hỏi cấp bách của nhân dân về đời sống, việc làm và các nhu cầu xã hội khác, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, coi đó là điều kiện quan trọng để tiến hành thuận lợi đổi mới trong lĩnh vực chính trị: Đồng thời với đổi mới kinh tế, phải từng bước đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, phát huy ngày càng tốt quyền làm chủ và năng lực sáng tạo của nhân dân trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Vì chính trị đụng chạm đến các mối quan hệ đặc biệt phức tạp và nhạy cảm trong xã hội, nên việc đổi mới trong hệ thống chính trị nhất thiết phải trên cơ sở nghiên cứu và chuẩn bị rất nghiêm túc, không cho phép gây mất ổn định chính trị, dẫn đến sự rối loạn. Nhưng không vì vậy mà tiến hành chậm trễ đổi mới hệ thống chính trị, nhất là về tổ chức bộ máy và cán bộ, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân, bởi đó là điều kiện để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện dân chủ.

*Ba là, phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần phải đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước về kinh tế xã hội.* Đổi mới về kinh tế, chuyển nền kinh tế mang nặng tính tự cấp, tự túc với cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước là hoàn toàn cần thiết để giải phóng và phát huy được các tiềm năng sản xuất trong xã hội. Song thực tế cho thấy, bản thân nền kinh tế thị trường không phải là liều thuốc vạn năng. Hơn nữa, cùng với sự kích thích sản xuất phát triển, kinh tế thị trường cũng là môi trường thuận lợi để nảy sinh và phát triển nhiều loại tệ nạn xã hội. Để hạn chế và khắc phục những hậu quả tiêu cực ấy, giữ cho công cuộc đổi mới đi đúng hướng và phát huy bản chất tốt đẹp của chủ nghĩa xã hội, Nhà nước phải thực hiện tốt vai trò quản lý về kinh tế xã hội bằng luật pháp, kế hoạch, chính sách, thông tin, tuyên truyền giáo dục và các công cụ khác.

*Bốn là, chúng ta khẳng định tiếp tục phát huy ngày càng sâu rộng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhưng để phát huy dân chủ đúng hướng và đạt kết quả thì quá trình đó phải được lãnh đạo tốt, có bước đi vững chắc phù hợp với tình hình chính trị, xã hội nói chung.* Có như vậy mới thực sự bảo đảm được quyền làm chủ của nhân dân, động viên toàn dân hăng hái xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chạy theo những đòi hỏi dân chủ cực đoan, thực hiện dân chủ mà không gắn liền với kỷ luật, kỷ cương hoặc không tính toán đầy đủ đến tình hình chính trị, xã hội thì mọi ý định tốt đẹp về phát huy dân chủ không thể thực hiện thành công, ngược lại sẽ đưa đến những hậu quả làm tổn hại lợi ích của nhân dân.

Năm là, trong quá trình đổi mới phải quan tâm dự báo tình hình, kịp thời phát hiện và giải quyết đúng đắn những vấn đề mới nảy sinh trên tinh thần kiên định thực hiện đường lối đổi mới; tăng cường tổng kết thực tiễn và không ngừng hoàn chỉnh lý luận về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Mỗi chủ trương, chính sách, biện pháp kinh tế - xã hội, dù là đúng đắn nhất, thì trong quá trình thực hiện, bên cạnh mặt tích cực là chủ yếu cũng thường có những hệ quả tiêu cực nhất định, những vấn đề mới nảy sinh, cần phải dự kiến trước và theo dõi để chủ động ngăn ngừa, giải quyết. Tránh suy nghĩ đơn giản, một chiều, đến khi thấy có vấn đề mới nảy sinh, có mặt tiêu cực mới xuất hiện thì hoang mang, hốt hoảng. Không vì gặp khó khăn mà dao động và quay lại những cách làm sai lầm cũ.

Công cuộc đổi mới càng đi vào chiều sâu thì càng xuất hiện nhiều vấn đề mới liên quan đến nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chỉ có tăng cường tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận thì công cuộc đổi mới mới trở thành hoạt động tự giác, chủ động và sáng tạo, bớt được sai lầm và những bước đi quanh co, phức tạp.

Trong nhiệm kỳ Đại hội VI, nhờ sự phấn đấu của toàn Đảng và toàn dân, chúng ta đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng, đồng thời còn nhiều vấn đề chưa được giải quyết. Đổi mới là cuộc cách mạng đang trong quá trình vận động, chưa thể kết thúc trong một thời gian ngắn. Nhiệm kỳ Đại hội VII sẽ tiếp tục phát huy những ưu điểm đã đạt được, hoàn chỉnh, bổ sung và phát triển đường lối đổi mới, ngăn ngừa những lệch lạc phát sinh, khắc phục khó khăn trở ngại, tiến lên giành những thắng lợi mới.

## *Phần thứ hai*

# NHỮNG PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU TRONG 5 NĂM 1991-1995

### **1. Đặc điểm tình hình.**

Bước vào kế hoạch năm 1991-1995, *bối cảnh quốc tế* có những thay đổi lớn và tác động sâu sắc đến nước ta.

Từ năm 1991, nguồn vay bên ngoài giảm mạnh, sự ưu đãi về giá đã chấm dứt, nợ nước ngoài phải trả hàng năm tăng lên. Tình hình quốc tế

cũng gây cho chúng ta những đảo lộn lớn và đột ngột về thị trường xuất khẩu và nhập khẩu, về nhiều chương trình hợp tác kinh tế và nhiều hợp đồng về lao động. Trong một thời gian ngắn, chúng ta phải chuyển một phần đáng kể khối lượng buôn bán từ các thị trường truyền thống sang các thị trường mới; chịu những tác động lớn về biến động cung - cầu và giá cả của thị trường thế giới. Trong khi đó một số nước còn bao vây về kinh tế nước ta. Tình hình trên đây gây nhiều khó khăn cho nền kinh tế nước ta trong thời gian qua và sắp tới.

Song chúng ta cũng có những thuận lợi mới. Quan hệ đối ngoại của nước ta ngày càng được mở rộng, trong đó quan hệ với một số nước gần đây có một số cải thiện, mở ra triển vọng từng bước bình thường hóa. Điều đó tạo thêm khả năng để chúng ta mở rộng thị trường, tham gia ngày càng sâu hơn vào sự phân công lao động quốc tế, thu hút nguồn vốn và kỹ thuật, học hỏi kinh nghiệm của thế giới để xây dựng đất nước. Có cơ sở để dự đoán rằng, những khả năng này sẽ ngày càng lớn lên. Đồng thời, việc mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại đòi hỏi chúng ta phải nhanh chóng vươn lên thích ứng với những yêu cầu khắt khe về chất lượng, hiệu quả, về quy chế và luật pháp kinh doanh của thị trường thế giới.

Tình hình chính trị thế giới, bên cạnh những thuận lợi có những mặt phức tạp mới tác động vào nước ta. Các thế lực thù địch thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình", kích động việc thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng, xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng, truyền bá tư tưởng, văn hóa đồi trụy, độc hại, đưa lực lượng gián điệp, biệt kích vào phá hoại nước ta; câu kết với bọn phản động và các phần tử xấu trong nước tăng cường hoạt động hòng lật đổ chế độ. Nhiệm vụ bảo vệ đất nước còn nặng nề.

Ở trong nước, khủng hoảng kinh tế xã hội vẫn chưa chấm dứt. Khó khăn hàng đầu phải giải quyết là tạo ra nguồn cân đối về vật chất, tài chính, mở rộng thị trường tiêu thụ, đáp ứng mục tiêu ổn định và phát triển kinh tế, khắc phục lạm phát đang ở mức cao. Trong khi đó, nền kinh tế về cơ bản chưa có tích lũy từ thu nhập quốc dân sản xuất, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, hàng triệu người, trong đó số đông là thanh niên, chưa có việc làm hoặc việc làm chưa ổn định. Trật tự, kỷ cương còn lỏng lẻo; tiêu cực và tham nhũng còn nhiều. Năng lực quản lý của Nhà nước, tổ chức bộ máy và cán bộ nhiều mặt chưa đáp ứng được đòi hỏi của tình hình.

Mặt khác, cần thấy rõ những thuận lợi lớn để phát huy. Đó là: những thành tựu bước đầu rất quan trọng và những kinh nghiệm đổi mới đã thu được trong những năm qua; đông đảo nhân dân ủng hộ đường lối đổi mới; cục diện chính trị nước ta ổn định. Nước ta còn nhiều tiềm năng để phát



triển: đội ngũ lao động và cán bộ khoa học, kỹ thuật cần cù, thông minh, sáng tạo; khả năng thâm canh, tăng vụ và mở rộng diện tích trong nông nghiệp, phát triển nghề rừng và thủy sản còn lớn; công nghiệp dầu khí, công nghiệp hàng tiêu dùng và xuất khẩu có những điều kiện thuận lợi để mở rộng; vốn nhân rỗi trong nhân dân còn nhiều...

Với những thành tựu và kinh nghiệm của hơn bốn năm đổi mới, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta chắc chắn có đủ bản lĩnh và khả năng đưa đất nước ta ra khỏi khủng hoảng, tiến lên giành những thắng lợi mới.

## **2. Mục tiêu tổng quát và phương châm chỉ đạo.**

Xuất phát từ tình hình nói trên và căn cứ vào mục tiêu của chặng đầu thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, *mục tiêu tổng quát của 5 năm tới là vượt qua khó khăn thử thách, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay.*

*Các mục tiêu cụ thể là:*

Tiếp tục kiểm chế và đẩy lùi lạm phát, giữ vững và phát triển sản xuất, bắt đầu có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế.

Tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động, giảm mạnh nhịp độ tăng dân số.

Ổn định và từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Bảo đảm tiền lương tối thiểu đáp ứng được nhu cầu thiết yếu của người lao động, ngăn chặn thu nhập phi pháp và bất công.

Tiếp tục phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân, đổi mới tổ chức và cán bộ.

Bảo đảm quốc phòng - an ninh, trật tự và an toàn xã hội, bảo vệ thành quả cách mạng.

Trong 5 năm 1991-1995, năm 1991 và năm 1992 là hai năm có tính chất quyết định để chuyển nền kinh tế thích ứng với những biến động của tình hình quốc tế, giữ vững và phát huy thành tựu đổi mới.

*Những phương châm chỉ đạo là:*

*Tăng cường hơn nữa khối đoàn kết toàn dân, động viên được lực lượng của mọi tầng lớp nhân dân vào việc thực hiện mục tiêu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Giữ vững đoàn kết trong Đảng, thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân.*

- *Kết hợp động lực kinh tế với động lực tinh thần*, thực hiện hài hòa lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy lòng yêu nước và tự hào dân tộc, truyền thống cách mạng và kháng chiến, ý chí tự lực tự cường, cần kiệm xây dựng đất nước, tạo ra phong trào quần chúng phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh.

*Tiếp tục đổi mới toàn diện và đồng bộ, đưa công cuộc đổi mới đi vào chiều sâu* với bước đi vững chắc, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời thúc đẩy mạnh mẽ việc đổi mới các lĩnh vực khác, nhất là về dân chủ hóa xã hội, tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, các chính sách giáo dục, văn hóa, xã hội.

- *Tạo ra môi trường quốc tế thuận lợi, mở rộng và tăng cường quan hệ quốc tế* về chính trị, kinh tế, văn hóa và khoa học, kỹ thuật trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, cùng có lợi, bảo vệ sản xuất, kinh tế và an ninh quốc gia; gìn giữ và phát huy những truyền thống và bản sắc tốt đẹp của văn hóa dân tộc.

### **3. Ổn định và phát triển kinh tế.**

Tập trung mọi nỗ lực *giải quyết các vấn đề cấp bách nhất về kinh tế - xã hội, trên cơ sở đó thực hiện thắng lợi mục tiêu kinh tế* của kế hoạch 5 năm 1991-1995: *đẩy lùi và kiểm soát được lạm phát, ổn định, phát triển và nâng cao hiệu quả nền sản xuất xã hội, ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân và bắt đầu có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế.*

Để thực hiện nhiệm vụ trên, phải phát huy sức mạnh của các thành phần kinh tế, đẩy mạnh ba chương trình kinh tế với những nội dung cao hơn trước và từng bước xây dựng cơ cấu kinh tế mới theo yêu cầu công nghiệp hóa; đẩy nhanh nhịp độ ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật; hình thành về cơ bản và vận hành tương đối thông suốt cơ chế quản lý mới.

*Về cơ cấu ngành và vùng:*

Tập trung đầu tư cả chiều rộng lẫn chiều sâu, tạo chuyển biến rõ nét về cơ cấu kinh tế, trước hết đối với những ngành và vùng trọng điểm, có hiệu quả nhanh. Các phương hướng lớn là:

*Phát triển nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến, phát triển toàn diện kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới* là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để ổn định tình hình kinh tế xã hội. Xây dựng phương án tổng thể trên từng vùng, hình thành cơ cấu hợp lý về nông, lâm, ngư, công nghiệp phù hợp với sinh thái vùng, bảo vệ tài nguyên, gắn phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp với phát triển ngành nghề tiểu thủ

công nghiệp và công nghiệp chế biến bằng công nghệ thích hợp; xây dựng các điểm kinh tế kỹ thuật - dịch vụ ở từng vùng và tiểu vùng; xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật và kết cấu hạ tầng xã hội ở nông thôn.

Trong sản xuất nông nghiệp, đặt trọng tâm vào chương trình lương thực - thực phẩm nhằm bảo đảm vững chắc nhu cầu trong nước và có khối lượng xuất khẩu lớn, nhất là gạo và sản phẩm chăn nuôi; phát triển cây công nghiệp dài ngày và ngắn ngày trên quy mô lớn để cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, xuất khẩu và thay thế nhập khẩu.

Quy hoạch khai thác, bảo vệ và sử dụng tài nguyên nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế và đời sống, mở rộng tưới, tiêu nước cho nông nghiệp, phòng và giảm nhẹ tác động của thiên nhiên.

Khai thác tổng hợp *kinh tế biển*, nuôi trồng, đánh bắt và chế biến thủy sản, nhất là các loại có khả năng xuất khẩu, gắn liền với chiến lược khai thác và bảo vệ vùng biển của đất nước.

Phát triển *kinh tế rừng*, trồng rừng, phủ xanh đất trống, đồi trọc, nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng tài nguyên rừng, bảo vệ thiên nhiên và môi trường sinh thái. Đẩy mạnh sản xuất *hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu*, đáp ứng nhu cầu đa dạng, chất lượng ngày càng cao, phục vụ tốt tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, tăng thêm nhiều việc làm.

Đa dạng hóa và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế đối ngoại. Huy động tiềm năng của nền kinh tế, phát huy lợi thế tương đối, vừa đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất và đời sống trong nước, vừa hướng mạnh về xuất khẩu. Tiếp tục coi trọng các thị trường truyền thống, đồng thời nhanh chóng thâm nhập thị trường mới, mở rộng thị trường khu vực. Cải tiến cơ cấu xuất khẩu theo hướng tăng tỷ trọng các mặt hàng chế-biến, giảm tỷ trọng xuất khẩu nguyên liệu, tạo ra các sản phẩm xuất khẩu chủ lực như dầu mỏ, nông sản, thủy sản. Sớm tạo được một số mặt hàng gia công, lắp ráp, chế biến có công nghệ hiện đại, có sức cạnh tranh trong xuất khẩu. Phát triển du lịch, vận tải hàng không, thông tin, bưu điện quốc tế và các hoạt động dịch vụ thu ngoại tệ khác. Mở rộng hợp tác lao động và chuyên gia. Phát triển hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm. Có chính sách thu hút tư bản nước ngoài đầu tư vào nước ta, trước hết vào lĩnh vực sản xuất, dưới nhiều hình thức.

Phát triển một số ngành *công nghiệp nặng* trước hết phục vụ cho sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, đồng thời tạo cơ sở cho những bước phát triển tiếp theo; coi trọng khai thác các tài nguyên, góp phần tạo nguồn tích lũy ban đầu.

Trong 5 năm 1991-1995, đặc biệt chú trọng tăng nhanh sản lượng khai thác dầu khí; phát triển điện lực, nhất là ở miền Trung và miền Nam; sắp xếp và đầu tư chiều sâu để phát triển ngành cơ khí nhằm trước hết phục vụ sản xuất và chế biến sản phẩm nông lâm ngư nghiệp; phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp điện tử - tin học; sớm xây dựng cơ sở lọc dầu, sản xuất phân đạm; khai thác đá quý, bô-xít, đất hiếm...

Phát triển *kết cấu hạ tầng*, sớm khắc phục tình trạng xuống cấp, mở rộng và hiện đại hóa có trọng điểm mạng lưới giao thông vận tải, chú trọng phát triển vận tải đường biển, đường sông, đường sắt và hàng không quốc tế, phát triển giao thông nông thôn và miền núi. Tiếp tục hiện đại hóa mạng bưu điện quốc tế và trong nước; phủ sóng phát thanh và truyền hình khắp cả nước; phát triển ngành sản xuất thiết bị bưu điện.

Sắp xếp lại và phát triển các loại hình *dịch vụ kinh tế kỹ thuật* đáp ứng yêu cầu sản xuất, đời sống và hợp tác quốc tế.

Tiếp tục xây dựng và thực hiện chiến lược *phát triển kinh tế vùng* phù hợp với chiến lược chung của cả nước. Phát huy thế mạnh của từng vùng, từng địa phương, khai thác các nguồn lực tại chỗ, đồng thời chủ động mở rộng quan hệ phân công, hợp tác, liên kết với các vùng khác trong nước và với nước ngoài. Xác định chính sách phát triển đô thị và hai trung tâm lớn nhất cả nước là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Lựa chọn những thành phố, thị xã có vị trí thích hợp, xây dựng thành các trung tâm kinh tế, văn hóa của từng vùng.

Trong 5 năm tới, có kế hoạch khai thác các thế mạnh của vùng *trung du, miền núi*, tạo chuyển biến rõ nét ở một số vùng. Có những chính sách và biện pháp riêng đối với miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Sắp xếp lại bộ máy chỉ đạo của Trung ương và địa phương đối với công tác này.

*Tiếp tục xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần và đổi mới quản lý kinh tế.*

Phát huy thế mạnh của các thành phần kinh tế, vừa cạnh tranh vừa hợp tác, bổ sung cho nhau trong nền kinh tế quốc dân thống nhất.

Cơ chế vận hành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa là *cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước* bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác.

Trong cơ chế đó, *các đơn vị kinh tế* có quyền tự chủ sản xuất kinh doanh, quan hệ bình đẳng, cạnh tranh hợp pháp, hợp tác và liên doanh tự nguyện; *thị trường* có vai trò trực tiếp hướng dẫn các đơn vị kinh tế lựa chọn lĩnh vực hoạt động và phương án tổ chức sản xuất kinh doanh có hiệu quả; Nhà

nước quản lý nền kinh tế nhằm định hướng, dẫn dắt các thành phần kinh tế, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh theo cơ chế thị trường, kiểm soát chặt chẽ và xử lý các vi phạm pháp luật trong hoạt động kinh tế, bảo đảm sự hài hòa giữa phát triển kinh tế và phát triển xã hội.

Những công tác lớn cần tập trung tiến hành là:

- *Sắp xếp lại và củng cố các đơn vị kinh tế.*

Khẩn trương sắp xếp lại và đổi mới quản lý *kinh tế quốc doanh*, bảo đảm kinh tế quốc doanh phát triển có hiệu quả, nắm vững những lĩnh vực và ngành then chốt để phát huy vai trò chủ đạo trong nền kinh tế. Tập trung lực lượng củng cố và phát triển những cơ sở trọng điểm, những cơ sở làm ăn có hiệu quả và có ý nghĩa lớn đối với nền kinh tế quốc dân. Cho thuê, chuyển hình thức sở hữu hoặc giải thể các cơ sở thua lỗ kéo dài và không có khả năng vươn lên. Sắp xếp lại các liên hiệp xí nghiệp, tổng công ty phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh trong cơ chế thị trường.

Tổng kết việc thực hiện các cơ chế, chính sách trong các đơn vị kinh tế quốc doanh và hợp tác xã. Sửa đổi và bổ sung các cơ chế, chính sách cần thiết để giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa quyền sở hữu và quyền sử dụng, quan hệ giữa Nhà nước và xí nghiệp quốc doanh, quan hệ giữa tổ chức đảng, đoàn thể với giám đốc. Tiến hành việc giao vốn và áp dụng rộng rãi các hình thức khoán trong xí nghiệp quốc doanh. Sớm ban hành quy chế về doanh nghiệp quốc doanh. Xây dựng một số công ty hoặc liên hiệp xí nghiệp lớn, có uy tín và khả năng cạnh tranh trong quan hệ kinh tế với nước ngoài.

Tiếp tục đổi mới và kiện toàn *kinh tế tập thể* theo nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, bình đẳng, phát huy và kết hợp hài hòa sức mạnh của tập thể và của xã viên. Phát triển các hình thức hợp tác đa dạng và mở rộng các hình thức kinh tế tập thể trong nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, mua bán, tín dụng (nông thôn) ở những nơi cần thiết và có điều kiện.

Tổng kết việc thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị; tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý các hợp tác xã nông nghiệp theo hướng vừa bảo đảm quyền tự chủ của hộ xã viên, vừa tăng cường vai trò của các ban quản trị trong một số việc quản lý, điều hành sản xuất, làm tốt những khâu dịch vụ cần thiết, cùng với chính quyền và các đoàn thể thực hiện các chính sách xã hội và xây dựng nông thôn mới. Gắn kinh tế hộ với quy hoạch vùng, phát triển công nghiệp chế biến, xây dựng công ty dịch vụ tổng hợp trên địa bàn. Giải quyết một cách cơ bản tình trạng tranh chấp ruộng đất. Trên cơ sở chế độ

sở hữu toàn dân về đất đai, ruộng đất được giao cho nông dân sử dụng lâu dài. Nhà nước quy định bằng luật pháp các vấn đề thừa kế, chuyển quyền sử dụng ruộng đất...

Phát triển mạnh *kinh tế gia đình* bằng nhiều hình thức.

*Kinh tế tư nhân* được phát triển, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất, theo sự quản lý, hướng dẫn của Nhà nước; trong đó, kinh tế cá thể và tiểu chủ có phạm vi hoạt động tương đối rộng ở những nơi chưa có điều kiện tổ chức kinh tế tập thể, hướng kinh tế tư bản tư nhân phát triển theo con đường tư bản nhà nước được nhiều hình thức.

Sớm chấn chỉnh về tổ chức và công tác quản lý đối với các cơ sở công nghiệp, xây dựng, vận tải ngoài quốc doanh.

Tổ chức từng bước việc thành lập các xí nghiệp, công ty cổ phần.

*Từng bước hình thành và mở rộng đồng bộ các thị trường* hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất, dịch vụ, thị trường vốn và tiền tệ, thị trường ngoại hối, thị trường sức lao động... Phát triển các hình thức thu hút vốn và bảo đảm chu chuyển vốn nhanh. Xây dựng thí điểm thị trường chứng khoán khi có điều kiện.

Mở rộng giao lưu hàng hóa trong cả nước, chú trọng nông thôn và miền núi, xóa bỏ triệt để mọi hình thức chia cắt thị trường theo địa giới hành chính. Gắn thị trường trong nước với thị trường thế giới, giải quyết tốt mối quan hệ giữa tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, có chính sách bảo vệ sản xuất nội địa, kiên quyết chống buôn lậu và các hiện tượng tiêu cực khác trong lưu thông. Tăng cường vai trò của hợp đồng kinh tế theo đúng pháp luật. Làm tốt công tác dự báo và chủ động cân đối về những mặt hàng thiết yếu, hạn chế đến mức thấp nhất và khắc phục kịp thời các đột biến về giá trên thị trường.

Sắp xếp và đổi mới hệ thống thương nghiệp quốc doanh, nâng cao hiệu quả, phát huy tác dụng tích cực trong việc ổn định và điều tiết giá cả thị trường. Tập trung làm tốt khâu bán buôn kết hợp với một phần bán lẻ những mặt hàng thiết yếu. Có chính sách giải quyết vốn cho thương nghiệp quốc doanh để kinh doanh và dự trữ lưu thông cần thiết. Có cơ chế phối hợp và điều hòa giữa dự trữ quốc gia và dự trữ lưu thông.

Sắp xếp, thu gọn đầu mối các tổ chức xuất, nhập khẩu ở Trung ương và địa phương; thành lập hiệp hội xuất, nhập khẩu trên cơ sở tự nguyện. Đổi mới và quản lý chặt chẽ việc cấp giấy phép và hạn ngạch xuất, nhập khẩu.

Kiên trì vận dụng cơ chế giá thị trường đối với giá hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất, tỷ giá hối đoái, lãi suất tín dụng; điều chỉnh từng bước mặt

bằng giá và quan hệ tỷ giá cho phù hợp với sự thay đổi của giá quốc tế đối với các loại vật tư, nguyên liệu, thiết bị nhập khẩu, song phải chú ý bảo đảm sản xuất phát triển. Kiểm tra và giám sát giá các vật tư, hàng hóa, dịch vụ quan trọng nhất, giá của một số đơn vị độc quyền kinh doanh.

Tiếp tục xóa bỏ các hình thức phân phối hiện vật; tính đủ giá trị đối với đất đai, tài nguyên... đưa vào sử dụng.

*Đổi mới và hoàn thiện các công cụ quản lý vĩ mô trọng yếu của Nhà nước.*

Tiếp tục đổi mới, bổ sung và đồng bộ hóa hệ thống *pháp luật kinh tế*. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong việc chấp hành các chính sách, chế độ của Nhà nước; các ngành, các cấp không được tự ý thay đổi khi chưa có sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền.

Nâng cao chất lượng *kế hoạch hóa* nền kinh tế quốc dân, lấy thị trường làm đối tượng và là căn cứ quan trọng nhất. Sử dụng các chương trình mục tiêu, chính sách đầu tư, tín dụng và các chính sách kinh tế khác để tạo điều kiện và hướng dẫn sự phát triển của các ngành, các địa phương và các thành phần kinh tế. Kế hoạch phải xác định những cân đối lớn của nền kinh tế quốc dân và có chính sách, biện pháp bảo đảm các cân đối đó. Nâng cao dần trình độ dự báo kinh tế - xã hội trong công tác kế hoạch hóa.

Xây dựng *chính sách tài chính quốc gia* và thực hiện cải cách cơ bản tài chính nhà nước theo hướng thúc đẩy khai thác tiềm năng thiên nhiên và của các tầng lớp nhân dân; vừa tích tụ vốn ở đơn vị kinh tế, vừa bảo đảm nguồn vốn tập trung của Nhà nước; vừa tạo điều kiện, vừa gây sức ép buộc các đơn vị kinh tế tìm mọi biện pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh; thực hiện phân phối hợp lý thu nhập quốc dân, đáp ứng các nhu cầu chi cần thiết đi liền với nâng cao dần tỷ lệ tích lũy, thực hành tiết kiệm và bảo đảm công bằng xã hội; góp phần tích cực kiềm chế và đẩy lùi lạm phát.

Tiếp tục đổi mới và bổ sung các luật thuế. Kiện toàn hệ thống thu thuế, chống thất thu và lạm thu, chống mọi biểu hiện tiêu cực trong công tác thuế. Phát triển đa dạng và quản lý tốt các hình thức bảo hiểm. Tăng cường thanh tra tài chính, kiểm soát việc chấp hành pháp lệnh kế toán thống kê.

*Hệ thống ngân hàng* vươn lên làm tốt chức năng là trung tâm tiền tệ, tín dụng và thanh toán của các thành phần kinh tế, huy động mọi nguồn vốn nhàn rỗi trong xã hội thúc đẩy sản xuất phát triển có hiệu quả, góp phần từng bước ổn định giá trị đồng tiền Việt Nam. Phân định rõ chức năng của ngân hàng nhà nước và ngân hàng kinh doanh; ngân sách và tín

dụng. Áp dụng hình thức ngân hàng cổ phần. Thực hiện quản lý và giao dịch ngoại tệ qua ngân hàng, xây dựng thị trường hối đoái hợp pháp. Cho phép ngân hàng nước ngoài vào hoạt động theo luật pháp của Việt Nam.

Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện hệ thống kế toán, thống kê và thông tin kinh tế phục vụ cho công tác quản lý nhà nước và sản xuất kinh doanh.

- Cải tiến công tác điều hành của Nhà nước về kinh tế theo hướng bảo đảm sự nhất quán trong các quyết định; phối hợp đồng bộ giữa các cấp quản lý; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát; tiếp tục phân định rõ quản lý nhà nước về kinh tế và quản lý kinh doanh của các đơn vị cơ sở; cải tiến phân cấp quản lý kinh tế giữa Trung ương và các cấp chính quyền địa phương.

#### 4. Chính sách xã hội.

Mục tiêu của chính sách xã hội thống nhất với mục tiêu phát triển kinh tế, đều nhằm phát huy sức mạnh của nhân tố con người và vì con người. Kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội; giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần của nhân dân. coi phát triển kinh tế là cơ sở và tiền đề để thực hiện các chính sách xã hội, thực hiện tốt chính sách xã hội là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế.

- Phương hướng giải quyết đời sống 5 năm tới là:

Đáp ứng tốt hơn các nhu cầu thiết yếu và ngày càng đa dạng của các tầng lớp dân cư; bảo đảm vững chắc nhu cầu lương thực, khắc phục tình trạng thiếu đói thường xuyên và nạn đói giập hạt ở một số vùng; nâng mức cung ứng và tiêu dùng thực phẩm, tăng thêm dinh dưỡng bữa ăn của đông đảo nhân dân.

Tạo điều kiện cho nhân dân cải thiện nhà ở, chú trọng các thành phố lớn, một số vùng nông thôn và các vùng hay gặp thiên tai. Từng bước cải thiện các điều kiện vệ sinh công cộng, bảo vệ môi trường, xây dựng nếp sống văn minh. Phát triển và nâng cao chất lượng hệ thống giao thông công cộng.

Đổi mới chính sách tiền lương và thu nhập, khuyến khích mọi người tăng thu nhập và làm giàu dựa vào kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, bảo hộ các nguồn thu nhập hợp pháp; điều tiết hợp lý thu nhập giữa các bộ phận dân cư, các ngành và các vùng. Đấu tranh ngăn chặn thu nhập phi pháp.

Cải cách cơ bản chính sách tiền lương và tiền công theo các nguyên tắc: tiền lương và tiền công phải dựa trên số lượng và chất lượng lao động, bảo



đảm tái sản xuất sức lao động; tiền tệ hóa tiền lương, xóa bỏ chế độ bao cấp ngoài lương dưới hình thức hiện vật; thực hiện mối tương quan hợp lý về tiền lương và thu nhập của các bộ phận lao động xã hội. Từ năm 1992 cải cách chính sách tiền lương với bước đi hợp lý gắn với tinh giản bộ máy, biên chế và tìm thêm việc làm cho số lao động dôi ra.

Đối với chiến sĩ quân đội và công an, thực hiện tốt chế độ cung cấp đủ tiêu chuẩn hiện vật theo định lượng. Có chế độ phụ cấp giúp sĩ quan và quân nhân xuất ngũ có thêm điều kiện tạo lập cuộc sống mới.

Đổi mới *chính sách bảo hiểm xã hội* theo hướng: mọi người lao động và đơn vị kinh tế thuộc các thành phần kinh tế đều đóng góp vào quỹ bảo hiểm xã hội. Từng bước tách quỹ bảo hiểm xã hội đối với công nhân viên chức nhà nước khỏi ngân sách và hình thành quỹ bảo hiểm xã hội chung cho người lao động thuộc mọi thành phần kinh tế. Quan tâm chăm sóc thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ và những người có công với cách mạng, coi đó vừa là trách nhiệm của Nhà nước, vừa là trách nhiệm của toàn dân; sớm ban hành chế độ toàn dân đóng góp vào quỹ đền ơn, trả nghĩa để chăm lo đời sống thương binh, gia đình liệt sĩ và những người có công với cách mạng.

Hình thành các tổ chức của người tàn tật và vì người tàn tật, các hội từ thiện, tổ chức việc giúp đỡ người già cô đơn và trẻ mồ côi, những người cơ nhỡ, bất hạnh trong cuộc sống. Nhà nước dành một phần quỹ dự phòng của ngân sách để chủ động cứu giúp những người gặp tai nạn do thiên tai.

*Bảo vệ sức khỏe, nâng cao thể lực của nhân dân* phải trở thành hoạt động tự giác của mỗi người, với sự quan tâm của Nhà nước và của toàn xã hội.

Phát triển các hoạt động y tế bằng khả năng của Nhà nước và của nhân dân, theo hướng dự phòng là chính; kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền dân tộc. Sắp xếp lại hệ thống y tế, củng cố y tế cơ sở, đặc biệt là ở miền núi. Xây dựng kế hoạch bảo vệ sức khỏe theo vùng lãnh thổ. Từng bước khắc phục về cơ bản các bệnh nhiễm trùng và ký sinh trùng, khống chế bệnh sốt rét, hạn chế đến mức thấp nhất bệnh bứu cổ, ngăn ngừa và chống bệnh SIDA. Bảo vệ, chăm sóc bà mẹ và trẻ em, thực hiện tốt dự phòng tích cực ngay trong thời kỳ thai nhi.

Bảo đảm nhu cầu về thuốc chữa bệnh. Mở rộng công nghiệp trang thiết bị y tế, tích cực chuẩn bị xây dựng công nghiệp hóa dược và kháng sinh, phát triển nuôi trồng cây, con làm thuốc. Phát triển bảo hiểm khám chữa bệnh, tăng ngân sách cho hoạt động khám chữa bệnh.

Phát triển khoa học y dược học, xây dựng các mũi nhọn y dược học, y tế Việt Nam, chú trọng đào tạo cán bộ, tiếp nhận tiến bộ khoa học thế giới ứng dụng thích hợp vào nước ta trên cơ sở đông - tây y kết hợp.

Mở rộng hợp tác quốc tế về y tế, sử dụng có hiệu quả các nguồn viện trợ quốc tế trong lĩnh vực này.

Công tác *thể dục, thể thao* cần coi trọng nâng cao chất lượng giáo dục thể chất trong các trường học; tổ chức hướng dẫn và vận động đông đảo nhân dân tham gia rèn luyện thân thể hàng ngày; nâng cao chất lượng các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng vận động viên, nâng cao thành tích một số môn thể thao. Cải tiến tổ chức quản lý các hoạt động thể dục, thể thao theo hướng kết hợp chặt chẽ các tổ chức nhà nước và các tổ chức xã hội. Tạo các điều kiện về cán bộ, cơ sở vật chất và khoa học, kỹ thuật để phát triển nhanh một số môn thể thao Việt Nam có truyền thống và có triển vọng.

- Chính sách giải quyết *dân số và việc làm* được coi là một trong những mục tiêu rất quan trọng của kế hoạch 5 năm tới.

Giảm tốc độ tăng *dân số* là một quốc sách, phải trở thành cuộc vận động rộng lớn, mạnh mẽ và sâu sắc trong toàn dân. Tăng kinh phí, phương tiện, cán bộ, đồng thời thực hiện đồng bộ các biện pháp để đẩy mạnh cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch. Củng cố các tổ chức chuyên trách công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình.

Phương hướng quan trọng nhất để giải quyết việc làm là thực hiện tốt chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, coi trọng cả phát triển sản xuất và dịch vụ. Kết hợp giữa giải quyết việc làm tại chỗ với phân bố lại lao động theo vùng lãnh thổ, xây dựng các khu kinh tế mới, hình thành các cụm kinh tế - kỹ thuật - dịch vụ nhỏ ở nông thôn, ở các thị trấn, thị tứ, đồng thời mở rộng xuất khẩu lao động. Đa dạng hóa việc làm và thu nhập để thu hút lao động của mọi thành phần kinh tế. Giải quyết việc làm là trách nhiệm của mọi ngành, mọi cấp, mọi đơn vị thuộc mọi thành phần kinh tế, của từng gia đình, từng người, với sự đầu tư của Nhà nước, các đơn vị kinh tế và nhân dân. Có chương trình đồng bộ giải quyết việc làm. Sớm ban hành Luật Lao động và các quy chế cụ thể để bảo đảm quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của người lao động và người sử dụng lao động.

- Đoàn kết, bình đẳng, giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc, cùng xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc, đồng thời giữ gìn và phát huy bản sắc tốt đẹp của mỗi dân tộc là chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước ta. Có chính sách phát triển kinh tế hàng hóa ở các vùng dân tộc thiểu số phù hợp với điều kiện và đặc điểm từng vùng, từng dân tộc, bảo đảm cho đồng bào các

dân tộc khai thác được thế mạnh của địa phương để làm giàu cho mình và đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Tôn trọng tiếng nói và có chính sách đúng đắn về chữ viết đối với các dân tộc. Đặc biệt có chính sách khắc phục tình trạng suy giảm dân số đối với một số dân tộc ít người.

Bảo đảm cho người Hoa hưởng mọi quyền và nghĩa vụ công dân, tôn trọng văn hóa, chữ viết, tạo điều kiện để bà con người Hoa yên tâm làm ăn, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam và vun đắp quan hệ hữu nghị giữa nhân dân hai nước Việt - Trung.

Tôn trọng văn hóa, tôn giáo của đồng bào Khơ-me, có chính sách giúp đỡ bà con người Khơ-me về đời sống, nhất là ở những vùng đồng bào có nhiều khó khăn.

*Tín ngưỡng, tôn giáo* là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Đảng và Nhà nước ta tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân, thực hiện bình đẳng, đoàn kết lương giáo và giữa các tôn giáo. Khắc phục mọi thái độ hẹp hòi, thành kiến, phân biệt đối xử với đồng bào có đạo, chống những hành động vi phạm tự do tín ngưỡng; đồng thời nghiêm cấm và ngăn chặn mọi hành vi lợi dụng tôn giáo phá hoại độc lập và đoàn kết dân tộc, chống phá chủ nghĩa xã hội, ngăn cản tín đồ làm nghĩa vụ công dân.

Đối với *những công dân đã tham gia chính quyền và quân đội dưới các chế độ cũ*, Đảng, Nhà nước và xã hội ta đánh giá căn cứ vào thái độ và việc làm của họ trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước ngày nay; xóa bỏ mọi thành kiến, tạo điều kiện để họ đóng góp tài năng và sức lực vào sự nghiệp dân giàu, nước mạnh.

Hơn hai triệu *người Việt Nam định cư ở nước ngoài* có mối quan hệ gắn bó với thân nhân, với quê hương, đất nước. Đảng và Nhà nước ta hoan nghênh bà con giữ gìn bản sắc, truyền thống và giá trị văn hóa dân tộc, tình cảm gắn bó với quê hương, đất nước, nâng cao tính cộng đồng, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, xây dựng quan hệ tốt đẹp với nhân dân sở tại, đồng thời quan tâm theo dõi, ủng hộ và đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước. Cần tổ chức tốt việc thông tin tình hình trong nước và tạo điều kiện dễ dàng để bà con người Việt ở nước ngoài về thăm quê hương đất nước.

## **5. Khoa học, giáo dục, văn hóa.**

Phát triển sự nghiệp khoa học, giáo dục, văn hóa nhằm phát huy nhân tố con người và vì con người trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

*Khoa học và giáo dục* đóng vai trò then chốt trong toàn bộ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, là một động lực đưa đất nước thoát ra khỏi nghèo nàn, lạc hậu, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới.

Hoạt động *khoa học và công nghệ* phải bảo đảm cơ sở khoa học cho các quyết định quan trọng của các cơ quan lãnh đạo, quản lý, là công cụ chủ yếu để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả của mọi hoạt động kinh tế - xã hội, góp phần xây dựng nền văn hóa mới, con người mới, thúc đẩy công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. Khoa học xã hội phải góp phần xứng đáng trong việc đổi mới tư duy, xây dựng luận cứ khoa học cho con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, xây dựng lập trường, quan điểm, ý thức và nhân cách đúng đắn, khắc phục những tư tưởng sai lầm. Trong những năm tới, nhiệm vụ chủ yếu của các ngành khoa học xã hội là vận dụng sáng tạo và phát triển học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tổng kết kinh nghiệm thực tiễn của nước ta và tiếp thu có chọn lọc những thành tựu khoa học của thế giới, nghiên cứu những vấn đề cơ sở lý luận để hoàn thiện và triển khai Cương lĩnh, Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội và những văn kiện khác của Đại hội VII. Khắc phục sự chậm trễ của khoa học xã hội, đổi mới một cách căn bản nội dung và phương pháp giảng dạy các bộ môn khoa học Mác - Lênin, khoa học kinh tế, khoa học quản lý; phát triển nhanh các ngành kinh tế học, xã hội học, luật học, khoa học chính trị và khoa học quản lý, đặc biệt là khoa học quản lý kinh tế và quản lý nhà nước.

Các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ tập trung vào việc cải tạo, đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ trong nước hiện có, hiện đại hóa những công nghệ truyền thống có ý nghĩa kinh tế - xã hội cao, lựa chọn tiếp thu những công nghệ mới. Tập trung phát triển có trọng điểm một số hướng công nghệ hiện đại như điện tử, tin học, công nghệ sinh học, vật liệu mới. Nghiên cứu và phổ cập các giải pháp có hiệu quả nhằm sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Trong những năm trước mắt, cần thực hiện một số biện pháp quan trọng sau: xây dựng quy chế dân chủ, tăng cường sự hợp tác, khuyến khích tìm tòi và tranh luận trong sinh hoạt khoa học; chú trọng bồi dưỡng, tuyển chọn và phát huy năng lực đội ngũ cán bộ khoa học. Tăng mạnh đầu tư cho các hoạt động khoa học và công nghệ từ nhiều nguồn và quản lý việc sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư đó. Mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ. Kiện toàn hệ thống các tổ chức khoa học và công nghệ, có những hình thức linh hoạt gắn hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và triển khai với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý và chính sách khoa học, công nghệ phù hợp với

yêu cầu phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần và yêu cầu mở rộng hợp tác quốc tế. Đẩy mạnh phong trào lao động sáng tạo và ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong nhân dân. Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế và chính sách quản lý kinh tế để thúc đẩy mạnh mẽ việc ứng dụng khoa học và công nghệ. Thành lập Hội đồng chính sách khoa học và công nghệ quốc gia.

Mục tiêu *giáo dục và đào tạo* nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, hình thành đội ngũ lao động có tri thức và có tay nghề, có năng lực thực hành, tự chủ, năng động và sáng tạo, có đạo đức cách mạng, tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội. Nhà trường đào tạo thế hệ trẻ theo hướng toàn diện và có năng lực chuyên môn sâu, có ý thức và khả năng tự tạo việc làm trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần.

Nhiệm vụ của 5 năm tới là tiếp tục đổi mới, ổn định, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Coi trọng chất lượng giáo dục chính trị, đạo đức cho học sinh và sinh viên; hiện đại hóa một bước nội dung, phương pháp giáo dục; dân chủ hóa nhà trường và quản lý giáo dục; đa dạng hóa loại hình đào tạo và loại hình trường lớp; từng bước hình thành những trường bán công, dân lập, tư thục (dạy nghề), phát triển loại trường vừa học vừa làm. Mở rộng đào tạo nghề; bồi dưỡng nhiều người giỏi về khoa học, công nghệ, kinh doanh, về quản lý kinh tế - xã hội và nhiều công nhân lành nghề; nâng cao trình độ văn hóa, khoa học, kỹ thuật cho người lao động.

Củng cố, ổn định trường lớp hiện có của giáo dục mầm non. Tập trung thực hiện chương trình phổ cập giáo dục cấp I và chống mù chữ; phát triển cấp II, cấp III phù hợp với yêu cầu và điều kiện của nền kinh tế. Củng cố và phát triển trường phổ thông cho trẻ em có tật. Sắp xếp lại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. Mở rộng một cách hợp lý quy mô đào tạo đại học, mở rộng và nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học. Tiếp tục cải tiến chế độ tuyển sinh và chế độ học bổng. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, thực nghiệm giáo dục, thể chế hóa cơ cấu của hệ thống giáo dục quốc dân.

Tăng đầu tư cho giáo dục ở miền núi và vùng dân tộc thiểu số, mở rộng các trường nội trú, quy hoạch đào tạo cán bộ và trí thức người dân tộc.

Trong những năm tới, cần tổng kết cuộc cải cách giáo dục vừa qua, chuẩn bị tiến hành cuộc cải cách giáo dục mới theo hướng đào tạo một đội ngũ lao động có trí tuệ thích ứng với nền kinh tế hàng hóa.

Tiếp tục xây dựng và phát triển *sự nghiệp văn hóa* Việt Nam, bảo tồn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của các dân tộc, tiếp thu tinh hoa

văn hóa nhân loại. Vận động toàn dân thực hiện lối sống cần, kiệm, văn minh, lịch sự. Phổ biến rộng rãi trong nhân dân những kiến thức văn hóa cần thiết cho sản xuất và đời sống. Thực hiện nam nữ bình đẳng, bảo vệ nhân phẩm phụ nữ. Phát động phong trào quần chúng bài trừ mê tín dị đoan và các tệ nạn xã hội khác.

*Xây dựng gia đình văn hóa mới* có ý nghĩa rất quan trọng trong tình hình hiện nay, góp phần phát triển lực lượng sản xuất, ổn định và cải thiện đời sống, thực hiện kế hoạch hóa dân số, giữ gìn và phát huy những truyền thống đạo đức, văn hóa tốt đẹp của dân tộc. Nâng cao ý thức về nghĩa vụ gia đình đối với mọi lớp người. Kết hợp và phát huy vai trò của xã hội, các đoàn thể, nhà trường, tập thể lao động và tập thể dân cư trong việc chăm lo bồi dưỡng tình đồng chí, đồng đội, hình thành nhân cách cao đẹp và nếp sống có văn hóa.

*Văn học, nghệ thuật* là một bộ phận quan trọng trong nền văn hóa, gắn bó với đời sống nhân dân và sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo. Khuyến khích tự do sáng tạo văn học, nghệ thuật vì sự hoàn thiện con người, bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm cao đẹp, đề cao tinh thần tự hào dân tộc, ý chí tự lực, tự cường, phấn đấu làm cho dân giàu, nước mạnh, phê phán những thói hư tật xấu, cái độc ác, thấp hèn. Vừa coi trọng những đề tài về truyền thống dân tộc, cách mạng và kháng chiến, vừa bám sát thực tiễn cuộc sống hiện nay. Qua phong trào sáng tạo văn học, nghệ thuật của quần chúng mà phát hiện, bồi dưỡng và phát huy mọi tài năng, chú ý tài năng trẻ. Nâng cao chất lượng công tác lý luận, nghiên cứu, giới thiệu và phê bình văn học, nghệ thuật chọn lọc và tạo điều kiện công bố những tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật để phổ biến rộng rãi trong công chúng. Nghiêm trị những người truyền bá và kinh doanh văn hóa phẩm phản động, đồi trụy, chống văn hóa ngoại lai, không lành mạnh.

Phát triển sự nghiệp *thông tin, báo chí, xuất bản* theo hướng nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu thông tin và nâng cao kiến thức mọi mặt cho nhân dân. Tăng đầu tư phương tiện phát thanh, truyền hình, đưa thông tin đến mọi vùng của đất nước, đến phần lớn các gia đình, nhất là ở nông thôn và miền núi. Coi trọng công tác tuyên truyền đối ngoại. Quản lý chặt chẽ công tác xuất bản, thông tin, báo chí, phim ảnh.

Nhà nước có chính sách đúng đối với các loại sản phẩm văn hóa khác nhau; quan tâm thích đáng đào tạo nhân tài, chăm sóc các nhà văn hóa, các văn nghệ sĩ, các nhà báo có nhiều cống hiến; bồi dưỡng phẩm chất chính trị, lý luận, nghiệp vụ cho cán bộ lãnh đạo, quản lý trong các lĩnh vực này. Sắp xếp lại tổ chức và cải tiến công tác quản lý nhà nước đối với các

hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thông tin, báo chí, xuất bản. Đổi mới phương thức hoạt động của các đơn vị văn hóa, nghệ thuật và của các hội sáng tạo văn học, nghệ thuật.

## 6. Quốc phòng và an ninh.

Củng cố nền *quốc phòng* toàn dân và thế trận chiến tranh nhân dân nhằm bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, ngăn chặn và làm thất bại mọi âm mưu, hành động phá hoại và xâm lược của kẻ thù là nhiệm vụ quan trọng của toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chính trị. Đẩy mạnh xây dựng các khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố trong thế trận quốc phòng toàn dân, có khả năng ngăn chặn, đập tan các âm mưu và hành động phản cách mạng tại địa phương và tích cực chiến đấu bảo vệ địa phương trong mọi tình huống. Xây dựng các công trình quốc phòng trọng điểm cần thiết. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế trong quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế của cả nước và trên từng địa phương; xây dựng, củng cố vững chắc các khu căn cứ hậu phương chiến lược; chuẩn bị các phương án động viên khi cần thiết.

Xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân với chất lượng ngày càng cao. Xây dựng quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, từng bước hiện đại, tinh nhuệ, với cơ cấu tổ chức và quân số hợp lý; nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu. Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, được huấn luyện và quản lý tốt, bảo đảm khi cần thiết có thể động viên được nhanh chóng theo kế hoạch. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ rộng khắp, lấy chất lượng làm chính.

Sử dụng hiệu quả tiềm năng lao động, lực lượng khoa học và cơ sở vật chất kỹ thuật của quân đội để tham gia xây dựng kinh tế và củng cố hệ thống công nghiệp quốc phòng. Coi trọng đầu tư chiều sâu, phát huy năng lực sản xuất của các xí nghiệp công nghiệp quốc phòng hiện có.

Xây dựng và từng bước thực hiện quy hoạch dài hạn và kế hoạch 5 năm về công nghiệp quốc phòng. Hoàn thành việc chuyển các xí nghiệp quốc phòng sang cơ chế quản lý mới. Hiệu quả làm kinh tế của quân đội được xem xét trên cả hai mặt kinh tế - xã hội và quốc phòng.

Chăm lo công tác đảng, công tác chính trị. Nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ. Bổ sung và thực hiện tốt các chính sách đối với quân đội và hậu phương quân đội phù hợp với tính chất lao động đặc thù của quân đội. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội và sự nghiệp quốc

phòng, bảo đảm quân đội luôn luôn là lực lượng trung thành với Tổ quốc, với sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân, vững vàng trong mọi tình huống.

Giữ vững *an ninh quốc gia*, bảo đảm sự ổn định chính trị của đất nước, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động phá hoại của các thế lực thù địch và các loại tội phạm khác; giữ gìn *trật tự an toàn xã hội*, bảo vệ vững chắc những thành quả của cách mạng, phục vụ đắc lực công cuộc đổi mới là một nhiệm vụ trọng yếu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Kết hợp thành chiến lược thống nhất giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ an ninh, trật tự; kết hợp củng cố nền quốc phòng toàn dân với xây dựng thế trận an ninh nhân dân. Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, tính tích cực cách mạng của khối đoàn kết toàn dân, phối hợp lực lượng quốc phòng và an ninh trong cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh, trật tự.

Phát động sâu rộng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng các tuyến và địa bàn an toàn về an ninh, trật tự, chủ động phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả chống các thế lực thù địch và bọn tội phạm. Sử dụng đồng bộ các biện pháp đấu tranh; kết hợp chặt chẽ phòng ngừa với tấn công, lấy phòng ngừa là cơ bản; nghiêm trị với khoan hồng, trấn áp với giáo dục cải tạo.

Xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch, vững mạnh, xứng đáng là một lực lượng vũ trang xung kích trên mặt trận bảo vệ an ninh, trật tự; coi trọng củng cố lực lượng cơ sở, lực lượng nửa chuyên trách; nâng cao chất lượng của lực lượng biên phòng. Thông qua phong trào quần chúng mà phát triển công tác nghiệp vụ và rèn luyện cán bộ, chiến sĩ.

Tăng cường trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ mọi mặt và chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của lực lượng công an nhân dân, chú trọng lực lượng thường xuyên hoạt động trên các tuyến biên giới, những vùng xa xôi hẻo lánh và địa bàn đặc biệt.

## **7. Chính sách đối ngoại.**

Nhiệm vụ đối ngoại bao trùm trong thời gian tới là giữ vững hòa bình, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.



Cần nhạy bén nhận thức và dự báo được những diễn biến phức tạp và thay đổi sâu sắc trong quan hệ quốc tế, sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất và xu hướng quốc tế hóa của nền kinh tế thế giới để có những chủ trương đối ngoại phù hợp. Trong điều kiện mới càng phải coi trọng vận dụng bài học kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế, yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại để phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta chủ trương hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị xã hội khác nhau trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình.

Trước sau như một tăng cường đoàn kết và hợp tác với Liên Xô, đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hợp tác Việt - Xô nhằm đáp ứng lợi ích của mỗi nước.

Không ngừng củng cố, phát triển quan hệ đoàn kết và hữu nghị đặc biệt giữa Đảng và nhân dân ta với Đảng và nhân dân Lào, Đảng và nhân dân Campuchia anh em. Đổi mới phương thức hợp tác, chú trọng hiệu quả theo nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng độc lập, chủ quyền và lợi ích chính đáng của nhau. Phấn đấu góp phần sớm đạt được một giải pháp chính trị toàn bộ về vấn đề Campuchia, trên cơ sở tôn trọng chủ quyền của Campuchia và Hiến chương Liên hợp quốc.

Thúc đẩy quá trình bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc, từng bước mở rộng sự hợp tác Việt - Trung, giải quyết những vấn đề tồn tại giữa hai nước thông qua thương lượng.

Củng cố và phát triển quan hệ hữu nghị, đoàn kết, hợp tác với Cuba và các nước xã hội chủ nghĩa khác.

Đảng Cộng sản Việt Nam tăng cường quan hệ với các đảng cộng sản và công nhân, góp phần tích cực vào sự đoàn kết và hợp tác giữa các đảng anh em trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin, đấu tranh vì những mục tiêu cao cả của thời đại.

Đoàn kết với các lực lượng đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, sẵn sàng thiết lập và mở rộng quan hệ với các đảng xã hội - dân chủ, các phong trào dân chủ và tiến bộ trên thế giới.

Phát triển quan hệ đoàn kết, tin cậy và nâng cao hiệu quả hợp tác nhiều mặt với Ấn Độ. Tiếp tục mở rộng hợp tác với các nước đang phát triển khác. Tích cực góp phần củng cố và tăng cường Phong trào Không liên kết.

Phát triển quan hệ hữu nghị với các nước ở Đông Nam Á và châu Á - Thái Bình Dương, phấn đấu cho một Đông Nam Á hòa bình, hữu nghị và

hợp tác. Mở rộng sự hợp tác bình đẳng cùng có lợi với các nước Bắc Âu, Tây Âu, Nhật Bản và các nước phát triển khác. Thúc đẩy quá trình bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ.

Góp phần làm cho Liên hợp quốc phục vụ đắc lực hơn những mục tiêu của nhân loại là hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Hợp tác với các tổ chức tài chính và tiền tệ quốc tế cũng như các tổ chức chuyên môn của Liên hợp quốc và các tổ chức phi chính phủ.

#### **8. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước và vai trò của các đoàn thể nhân dân.**

Thực hiện *dân chủ xã hội chủ nghĩa* là thực chất của việc đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị. Đây vừa là mục tiêu vừa là động lực của công cuộc đổi mới.

Điều kiện quan trọng để phát huy dân chủ là xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, nâng cao trình độ dân trí, trình độ hiểu biết pháp luật và ý thức tuân thủ pháp luật của nhân dân. Đổi mới công tác thông tin và quy trình ra các quyết định của Đảng và Nhà nước, để các quyết định ấy phản ánh được ý chí, nguyện vọng và trí tuệ của toàn Đảng và của nhân dân. Chống tệ quan liêu và những hành vi xâm phạm quyền dân chủ của nhân dân; ngăn chặn và khắc phục dân chủ hình thức, dân chủ cực đoan, dân chủ tư sản. Nghiêm trị những hoạt động phá hoại, gây rối, thù địch.

Tiếp tục cải cách *bộ máy nhà nước* theo phương hướng: Nhà nước thực sự là của dân, do dân và vì dân. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, dưới sự lãnh đạo của Đảng; tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện thống nhất quyền lực nhưng phân công, phân cấp rành mạch; bộ máy tinh giản, gọn nhẹ và hoạt động có chất lượng cao trên cơ sở ứng dụng các thành tựu khoa học, kỹ thuật, quản lý.

Cần tập trung làm tốt một số việc:

- Sửa đổi Hiến pháp; tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục sửa đổi và xây dựng hệ thống pháp luật về kinh tế, văn hóa, xã hội, về hình sự, dân sự, hành chính, về quyền và nghĩa vụ công dân... Nâng cao trình độ của các cơ quan nhà nước về xây dựng luật pháp, sớm ban hành luật về trình tự xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện pháp luật, bảo đảm cho Nhà nước quản lý mọi mặt của đời sống xã hội bằng pháp luật. Thường xuyên giáo dục pháp luật, xây dựng ý thức sống và làm việc theo pháp luật trong nhân dân.

Cải tiến tổ chức và hoạt động của Quốc hội và Hội đồng nhân dân để làm đúng chức năng quy định. Đổi mới tiêu chuẩn đại biểu, chế độ bầu cử và quy chế hoạt động của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

Sửa đổi cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động của Chính phủ, coi trọng bàn bạc tập thể, đồng thời đề cao trách nhiệm và quyền hạn cá nhân của người đứng đầu Chính phủ, đứng đầu Bộ trong quản lý và điều hành.

Xác định lại chức năng, nhiệm vụ của cấp tỉnh, huyện, xã để sắp xếp lại tổ chức của mỗi cấp; đề cao quyền chủ động và trách nhiệm của địa phương, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của nhà nước Trung ương. Xây dựng chính quyền cấp xã, phường vững mạnh.

Tăng cường hiệu lực của các cơ quan bảo vệ pháp luật. Đổi mới hệ thống tổ chức và hoạt động của Viện Kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân. Bảo đảm các điều kiện và phương tiện cần thiết để các cơ quan bảo vệ pháp luật làm tốt nhiệm vụ.

Kiên quyết sắp xếp lại tổ chức và tinh giản biên chế các cơ quan hành chính, sự nghiệp ngay từ năm 1991, làm cho bộ máy gọn nhẹ và hoạt động có hiệu quả. Sớm ban hành quy chế viên chức nhà nước. Xây dựng đội ngũ viên chức nhà nước có phẩm chất chính trị, tinh thần trách nhiệm cao và thành thạo nghiệp vụ.

Tiếp tục tiến hành kiên quyết và thường xuyên cuộc đấu tranh chống tệ tham nhũng. Phương hướng cơ bản để khắc phục tệ tham nhũng là phải xây dựng và hoàn chỉnh bộ máy, cơ chế quản lý và pháp luật; xử lý nghiêm minh những người vi phạm, đồng thời tăng cường giáo dục tư tưởng, quản lý chặt chẽ nội bộ.

*Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân* cần được đổi mới về tổ chức và hoạt động để thực sự góp phần thực hiện dân chủ và đổi mới xã hội, chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân; tham gia các công việc quản lý nhà nước; giữ vững và tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa Đảng và Nhà nước với nhân dân. Các đoàn thể có nhiệm vụ giáo dục chính trị tư tưởng và đạo đức mới, động viên, phát huy tính tích cực xã hội của các tầng lớp nhân dân, đoàn kết toàn dân, phấn đấu cho sự thành công của công cuộc đổi mới.

Hình thức tổ chức và sinh hoạt của đoàn thể phải đa dạng, đáp ứng nhu cầu chính đáng về nghề nghiệp và đời sống nhân dân, ích nước lợi nhà, tương thân tương ái; thành lập và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng và tuân theo pháp luật của Nhà nước,

hướng về cơ sở, sát với đoàn viên, hội viên. Khắc phục tình trạng nhà nước hóa, hành chính hóa.

Bộ máy của các đoàn thể phải rất gọn nhẹ, hoạt động đúng với tính chất tổ chức quần chúng. Cán bộ của các đoàn thể đại bộ phận không chuyên trách, được lựa chọn từ những người ưu tú trong phong trào, có năng lực, phẩm chất và có tín nhiệm với đoàn viên, hội viên.

Đổi mới và nâng cao hiệu quả lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với công tác quần chúng và các đoàn thể nhân dân. Đặc biệt quan tâm xây dựng giai cấp công nhân, giáo dục bồi dưỡng thế hệ trẻ. Mỗi đảng viên đều phải làm công tác vận động quần chúng, hoạt động tích cực trong các đoàn thể, các tổ chức xã hội.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giữ vai trò rất quan trọng trong việc củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Nhà nước cần thể chế hóa quyền hạn và trách nhiệm của Mặt trận, của các đoàn thể trong việc tham gia quản lý kinh tế, quản lý xã hội; phối hợp chặt chẽ hoạt động của các đoàn thể với nhau và với các cơ quan nhà nước từng cấp.

#### **9. Đổi mới và chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.**

Để lãnh đạo thắng lợi công cuộc đổi mới cũng như toàn bộ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, Đảng ta phải tự đổi mới và chỉnh đốn để có kiến thức, năng lực và sức chiến đấu mới, khắc phục có hiệu quả các hiện tượng tiêu cực và các mặt yếu kém, khôi phục và nâng cao uy tín của Đảng trong nhân dân. Đảng phải được xây dựng vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức, thực sự là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.

Trong 5 năm tới cần giải quyết tốt những vấn đề quan trọng và bức xúc sau đây:

*Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tư tưởng, lý luận* phục vụ tốt yêu cầu nâng cao trình độ trí tuệ trong Đảng, quán triệt và phát triển các nghị quyết Đại hội VII của Đảng, động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phấn đấu thực hiện thắng lợi các kế hoạch kinh tế - xã hội, nâng cao hơn nữa lòng tin của nhân dân vào sự nghiệp đổi mới.

Tiếp tục bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh,

những quan điểm, đường lối của Đảng. Bồi dưỡng tinh thần độc lập tự chủ, ý chí tự lực, tự cường, kết hợp với mở rộng hợp tác quốc tế, cần kiệm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nêu cao cảnh giác chống mọi âm mưu và thủ đoạn chia rẽ, phá hoại của kẻ thù đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Tổ chức tốt công tác nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, nâng cao trình độ và năng lực vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta, góp phần xây dựng chủ trương, chính sách của Đảng, lý giải những vấn đề mới mà cuộc sống đặt ra. Đổi mới căn bản công tác giáo dục chính trị, lý luận.

*Đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng* theo phương hướng mà Cương lĩnh đã đề ra. Trước mắt cần tập trung làm tốt việc hoàn chỉnh và cụ thể hóa Cương lĩnh, Chiến lược, định hướng cho hoạt động của hệ thống chính trị và toàn xã hội. Bổ sung, cụ thể hóa quan điểm về công tác tổ chức, cán bộ, lãnh đạo làm chuyển biến mạnh mẽ công tác tổ chức, cán bộ. Tổ chức tốt việc kiểm tra thực hiện các quyết định của Đảng. Mọi cán bộ là đảng viên trong cơ quan nhà nước phải phục tùng sự lãnh đạo của Đảng và thực hiện sáng tạo nghị quyết của Đảng, gương mẫu chấp hành luật pháp của Nhà nước.

Quy định cụ thể mối quan hệ và lề lối làm việc giữa Đảng với Nhà nước và các đoàn thể nhân dân ở các cấp, trước hết là ở Trung ương.

*Chấn chỉnh tổ chức và bộ máy của Đảng*, tạo ra sự chuyển biến có ý nghĩa cách mạng trong tổ chức và bộ máy ở các cấp. Xây dựng các cấp ủy đảng từ Ban Chấp hành Trung ương đến cấp ủy đảng cơ sở thật sự có đủ trí tuệ và năng lực lãnh đạo phù hợp với yêu cầu ở mỗi cấp. Kịp thời thay đổi, bổ sung các cấp ủy viên khi cần thiết, không chờ hết nhiệm kỳ. Tiếp tục kiện toàn các ban chuyên môn của cấp ủy theo hướng tinh gọn về tổ chức và biên chế, cán bộ có chất lượng. Chấn chỉnh tổ chức và hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng cho phù hợp với sự thay đổi của các tổ chức kinh tế - xã hội và phương thức lãnh đạo của Đảng trong tình hình mới. Khắc phục bằng được tổ chức cơ sở đảng kém nát. Chú ý củng cố tổ chức đảng ở các vùng tôn giáo, dân tộc thiểu số.

*Phát huy dân chủ nội bộ, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng.* Bảo đảm cho mọi đảng viên thực hiện quyền dân chủ thảo luận xây dựng đường lối, chính sách của Đảng; ứng cử, bầu cử các cơ quan lãnh đạo; giám sát, kiểm tra hoạt động của cấp ủy. Đảng viên được phát biểu hết ý kiến trong quá trình chuẩn bị

ra nghị quyết, trình bày quan điểm trong tổ chức, được bảo lưu ý kiến, nhưng khi đã có nghị quyết thì phải chấp hành nghiêm túc, không được tuyên truyền và hành động theo quan điểm riêng. Cấp ủy đảng cần lắng nghe ý kiến của đảng viên, không định kiến, trù dập.

Mọi cấp ủy viên có quyền và có trách nhiệm phát biểu ý kiến, tranh thủ thẳng thắn, tham gia các quyết định của cấp ủy. Chống mọi biểu hiện độc đoán, gia trưởng, áp đặt ý kiến cá nhân, không dám đấu tranh với những quan điểm và việc làm sai trái.

Tăng quyền hạn của Ủy ban kiểm tra các cấp, chú trọng kiểm tra việc thực hiện các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, kiểm tra tư cách đảng viên kể cả cấp ủy viên cùng cấp, xem xét và xử lý kỷ luật đảng viên và các tổ chức đảng theo quy định của Điều lệ Đảng.

Đẩy mạnh hơn nữa tự phê bình và phê bình, từ cơ quan lãnh đạo cao nhất đến cơ sở. Bồi dưỡng tình đồng chí, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội, tư tưởng bè phái, cục bộ.

*Làm trong sạch và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên.* Căn cứ vào tiêu chuẩn đảng viên trong giai đoạn hiện nay đã ghi trong Điều lệ Đảng (sửa đổi), mọi đảng viên phải ra sức rèn luyện, học tập để có đủ phẩm chất, kiến thức và năng lực phù hợp với nhiệm vụ được giao, nêu cao vai trò tiên phong gương mẫu trong lao động và trong lối sống. Các cấp ủy đảng phải thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, nâng cao phẩm chất và trình độ nhận thức về các mặt của đảng viên, làm tốt công tác rèn luyện và quản lý đảng viên.

Khai trừ khỏi Đảng những đảng viên thoái hóa, biến chất về chính trị và đạo đức, gây chia rẽ, bè phái, tham ô, hối lộ, ức hiếp quần chúng. Đưa ra khỏi Đảng bằng các hình thức thích hợp những đảng viên không tha thiết với Đảng, giảm sút ý chí chiến đấu, thực sự không có tác dụng đối với công tác lãnh đạo của Đảng.

Việc kết nạp đảng viên mới nhất thiết phải bảo đảm chất lượng. Chú trọng trẻ hóa đội ngũ và tăng thêm thành phần công nhân trong Đảng.

*Tiếp tục đổi mới cán bộ và công tác cán bộ,* xây dựng cho được một đội ngũ cán bộ vững mạnh và đồng bộ, bao gồm cán bộ lãnh đạo chính trị, cán bộ quản lý nhà nước, cán bộ kinh doanh, chuyên gia trên các lĩnh vực, đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, thực hiện được sự chuyển tiếp vững vàng các thế hệ cán bộ.

Tiêu chuẩn cơ bản của cán bộ lãnh đạo trong giai đoạn hiện nay là: có phẩm chất cách mạng và bản lĩnh chính trị vững vàng, có kiến thức và

năng lực thực hiện đổi mới; biết tổ chức và điều hành công việc, trung thực, thẳng thắn, có lối sống lành mạnh, có khả năng đoàn kết, có phong cách dân chủ tập thể, có ý thức tổ chức kỷ luật, nói đi đôi với làm, được quần chúng tín nhiệm.

Khẩn trương xây dựng tiêu chuẩn cụ thể cho từng loại, từng chức danh cán bộ ở các cấp, các ngành và căn cứ vào đó để đào tạo, bố trí, sử dụng cán bộ, chấm dứt tình trạng bố trí cán bộ theo kiểu thân quen, cảm tính chủ quan.

Trong công tác cán bộ, cần coi trọng cả ba mặt: bồi dưỡng bố trí đúng để phát huy lực lượng cán bộ hiện có; kịp thời thay những cán bộ kém năng lực, xử lý những cán bộ tham nhũng, thoái hóa, những cán bộ có quan điểm và tư tưởng chính trị lệch lạc vi phạm kỷ luật của Đảng; tích cực quy hoạch, đào tạo cán bộ dự bị ở các cấp.

Đổi mới quan điểm về cán bộ và công tác cán bộ. Thực hiện chính sách đoàn kết, động viên, phát huy mọi lực lượng cán bộ, cả ở trong Đảng và ngoài Đảng; không hẹp hòi, định kiến về lý lịch và thành phần xuất thân. Xây dựng cơ chế phát hiện, đề bạt và bãi miễn cán bộ, bảo đảm tính dân chủ và tập thể trong công tác cán bộ. Áp dụng các hình thức thích hợp với từng lĩnh vực, từng cấp trong việc phát hiện, tìm hiểu, đánh giá, giới thiệu cán bộ. Khắc phục những hiện tượng gò ép, áp đặt, dân chủ hình thức.

Đổi mới các chế độ, chính sách đối với cán bộ, trước hết là chính sách tiền lương, bảo đảm ổn định đời sống của cán bộ, khuyến khích những người có tài, có cống hiến xuất sắc, quan tâm chăm sóc các cán bộ có công với cách mạng, cán bộ hưu trí, cán bộ hoạt động ở những vùng có nhiều khó khăn. Xóa bỏ các chế độ, chính sách mang tính bình quân và các quy định tạo ra đặc quyền đặc lợi.

Tăng cường sự lãnh đạo thống nhất của Đảng và trách nhiệm trực tiếp của các cơ quan nhà nước, các đoàn thể, các tổ chức sản xuất kinh doanh đối với công tác cán bộ. Cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi đơn vị phải đích thân chăm lo công tác cán bộ. Kiện toàn các cơ quan tham mưu về công tác cán bộ, không để những người không vững vàng về chính trị, không trung thực, kém phẩm chất và năng lực làm công tác cán bộ.

Các cấp ủy và tổ chức đảng cần tăng cường lãnh đạo *Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh*, nâng cao chất lượng đoàn viên và cán bộ Đoàn, phát huy vai trò Đoàn là nòng cốt trong phong trào thanh niên, xứng đáng là đội dự bị tin cậy của Đảng.

## 10. Một số nhiệm vụ kinh tế - xã hội cấp bách.

Cùng với việc thực hiện các phương hướng đổi mới toàn diện đã nêu ở trên, để ổn định một bước tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục kiểm chế và đẩy lùi lạm phát, trong thời gian trước mắt tập trung sức giải quyết một số nhiệm vụ cấp bách sau đây:

Đẩy mạnh sản xuất lương thực, cả lúa và màu. Tăng sản lượng cây công nghiệp và chăn nuôi để tạo thêm nguồn hàng xuất khẩu. Giải quyết đủ và kịp thời các loại vật tư nông nghiệp. Giúp nông dân vốn sản xuất bằng cách mở rộng các hình thức tín dụng.

- Đối với sản xuất công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp thuộc tất cả các thành phần kinh tế: tìm mọi nguồn để đáp ứng nhu cầu về nguyên liệu, vật liệu, thiết bị, phụ tùng, vốn cho sản xuất; mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu; quản lý chặt chẽ việc nhập khẩu và chống buôn lậu để bảo hộ sản xuất nội địa; thực hiện tiết kiệm, nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế trong sản xuất kinh doanh; xử lý các cơ sở làm ăn thua lỗ kéo dài để tập trung vốn, vật tư cho những cơ sở trọng điểm, làm ăn có hiệu quả.

- Có chính sách huy động mọi nguồn vốn để bảo đảm thực hiện kế hoạch xây dựng cơ bản năm 1991 và chuẩn bị cho những công trình xây dựng trọng yếu của nền kinh tế quốc dân.

Đẩy mạnh xuất khẩu, huy động các nguồn ngoại tệ để nhập khẩu các vật tư, hàng hóa thiết yếu cho sản xuất và đời sống, tích cực cân đối thanh toán quốc tế, góp phần duy trì các cân đối lớn của nền kinh tế.

Mở rộng lưu thông và điều hòa hàng hóa giữa các vùng trong nước. Thương nghiệp quốc doanh làm tốt khâu bán buôn, điều hòa các loại hàng hóa thiết yếu nhất cho sản xuất và đời sống, góp phần tích cực cân đối cung - cầu và bình ổn giá cả.

- Tăng cường quản lý nhà nước về ngân hàng, quản lý chặt chẽ việc phát hành và lưu thông tiền tệ. Tiếp tục đổi mới hoạt động ngân hàng theo hướng kinh doanh, làm tốt công tác tín dụng, tích cực tạo thêm nguồn vốn cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh của các thành phần kinh tế; làm tốt công tác thanh toán trong nền kinh tế quốc dân.

Ra sức phấn đấu thực hiện kế hoạch ngân sách Nhà nước năm 1991. Khuyến khích phát triển và nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, thu đúng và thu đủ thuế, chống thất thu thuế để tạo thêm nguồn thu cho tài chính nhà nước, đáp ứng các yêu cầu chi cần thiết trên cơ sở tiết kiệm, lấy thu để chi, giảm bớt bội chi ngân sách.



Thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp để giải quyết đời sống cho những đối tượng đang gặp khó khăn.

Nhà nước hỗ trợ nông dân ở những nơi bị thiên tai nặng khôi phục sản xuất và ổn định đời sống, đi đôi với vận động nông dân tương trợ lẫn nhau.

Xúc tiến nghiên cứu cải cách cơ bản chế độ tiền lương, gắn với việc sắp xếp hợp lý tổ chức và biên chế, xây dựng các chế độ bảo hiểm, thực hiện việc toàn dân đóng góp vào quỹ đền ơn đáp nghĩa đối với những người có công với cách mạng.

Phấn đấu tạo thêm nhiều việc làm, kể cả cho những người dôi ra trong quá trình sắp xếp lại sản xuất, kinh doanh và bộ máy quản lý, chú trọng đào tạo lại nghề nghiệp và giúp một phần vốn cần thiết ban đầu.

Đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng và nạn buôn lậu; rà soát lại và sửa đổi, bổ sung các chính sách, quy định của Nhà nước để tạo điều kiện đấu tranh có kết quả chống tệ tham nhũng; kịp thời xử lý nghiêm minh những trường hợp đã phát hiện, loại bỏ khỏi guồng máy những cán bộ thoái hóa, biến chất.

Tiếp tục cuộc vận động các tầng lớp nhân dân, với lực lượng công an nhân dân làm nòng cốt, bảo đảm an ninh và trật tự an toàn xã hội.

\*  
\* \* \*

Đại hội VII của Đảng khẳng định quyết tâm của Đảng và nhân dân ta tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, đưa đất nước ta vượt qua những thử thách, đi dần vào thế ổn định và phát triển năng động, vững chắc.

Trước mắt chúng ta còn nhiều khó khăn trở ngại, song cũng có những thuận lợi mới. Trên cơ sở các thành tựu đã đạt được, với bản lĩnh chính trị và truyền thống cách mạng kiên cường của Đảng và nhân dân ta, chắc chắn sự nghiệp đổi mới sẽ tiếp tục giành được những thắng lợi to lớn hơn nữa.

Đi theo con đường của chủ nghĩa Mác - Lênin, con đường mà Bác Hồ đã lựa chọn, những người cộng sản Việt Nam và toàn thể nhân dân Việt Nam đồng tâm nhất trí, đoàn kết một lòng, quyết tâm phấn đấu xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, vì hạnh phúc của nhân dân.

## Phụ lục 3

# CƯƠNG LĨNH XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

## I. QUÁ TRÌNH CÁCH MẠNG VÀ NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Thực hiện Cương lĩnh năm 1930, trong suốt 45 năm, Đảng ta do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ và giành được những thắng lợi vĩ đại: làm cuộc Cách mạng tháng Tám thành công, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đưa dân tộc ta tiến vào kỷ nguyên độc lập, tự do; đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp, giải phóng nửa nước, miền Bắc chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa; kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, cả nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Sau thắng lợi lịch sử mùa Xuân 1975, nhân dân ta tiếp tục nêu cao chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng và đã đạt những thành tựu to lớn: thiết lập chính quyền nhân dân ở cả miền Nam, thống nhất nước nhà; khôi phục kinh tế, khắc phục hậu quả nặng nề của chiến tranh; từng bước xây dựng quan hệ sản xuất mới và cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế.

Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta đã có nhiều cố gắng nghiên cứu, tìm tòi, xây dựng đường lối, xác định đúng mục tiêu và phương hướng xã hội chủ nghĩa. Nhưng Đảng đã phạm sai lầm chủ quan duy ý chí, vi phạm quy luật khách quan: nóng vội trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ ngay nền kinh tế nhiều thành phần; có lúc đẩy mạnh quá mức việc xây dựng công nghiệp nặng; duy trì quá lâu cơ chế quản lý kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp; có nhiều chủ trương sai trong việc cải cách giá cả, tiền tệ, tiền lương. Công tác tư tưởng và tổ chức cán bộ phạm nhiều khuyết điểm nghiêm trọng.

Tại Đại hội lần thứ VI, Đảng đã tự phê bình và đề ra đường lối đổi mới. Đại hội VI là cột mốc lịch sử quan trọng trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta. Công cuộc đổi mới qua hơn bốn năm đã đạt những thành tựu bước đầu rất quan trọng. Tình hình kinh tế xã hội có chuyển biến tích cực, tạo thế đi lên và khẳng định con đường chúng ta đang đi là đúng. Tuy nhiên khó khăn còn nhiều, đất nước chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội.

2. Từ thực tiễn cách mạng với những thành công và khuyết điểm, sai lầm, có thể rút ra những bài học lớn:

*Một là, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.* Đó là bài học xuyên suốt quá trình cách mạng nước ta. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc. Xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc vẫn là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ hữu cơ với nhau. Toàn Đảng, toàn dân tiếp tục nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, ngọn cờ vinh quang mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao lại cho thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau.

*Hai là, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.* Chính nhân dân là người làm nên thắng lợi lịch sử. Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chân chính của nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Quan liêu, mệnh lệnh, xa rời nhân dân sẽ đưa đến những tổn thất không lường được đối với vận mệnh của đất nước.

*Ba là, không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết:* đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế. Đoàn kết là truyền thống quý báu và là bài học lớn của cách mạng nước ta như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổng kết:

"Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết,

Thành công, thành công, đại thành công!"

*Bốn là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại,* sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế. Ngày nay, trước cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, trước sự phát triển vũ bão của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại và quá trình quốc tế hóa mạnh mẽ nền kinh tế thế giới, càng cần phải kết hợp chặt chẽ yếu tố dân tộc với yếu tố quốc tế, yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại để đưa đất nước tiến lên.

*Năm là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam.*

Đảng không có lợi ích nào khác ngoài việc phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Đảng phải nắm vững, vận dụng sáng tạo và góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng làm giàu trí tuệ, bản lĩnh chính trị và năng lực tổ chức của mình để đủ sức giải quyết các vấn đề do thực tiễn cách mạng đặt ra. Mọi đường lối chủ trương của Đảng phải *xuất phát từ thực tế, tôn trọng quy luật khách quan*. Phải phòng và chống được những nguy cơ lớn: sai lầm về đường lối, bệnh quan liêu và sự thoái hóa, biến chất của cán bộ, đảng viên.

## II. QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

3. Nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong *hoàn cảnh quốc tế có những biến đổi to lớn và sâu sắc*.

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đang diễn ra mạnh mẽ, cuốn hút tất cả các nước ở mức độ khác nhau. Nền sản xuất vật chất và đời sống xã hội đang trong quá trình quốc tế hóa sâu sắc, ảnh hưởng lớn tới nhịp độ phát triển lịch sử và cuộc sống các dân tộc. Những xu thế đó vừa tạo thời cơ phát triển nhanh cho các nước, vừa đặt ra những thách thức gay gắt, nhất là đối với những nước lạc hậu về kinh tế.

Trong quá trình hình thành và phát triển, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác đã đạt những thành tựu to lớn về nhiều mặt, đã từng là chỗ dựa cho phong trào hòa bình và cách mạng thế giới, cho việc đẩy lùi nguy cơ chiến tranh hạt nhân, góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Nhưng, do duy trì quá lâu những khuyết tật của mô hình cũ của chủ nghĩa xã hội, chậm trễ trong cách mạng khoa học và công nghệ, nhiều nước xã hội chủ nghĩa đã lâm vào khủng hoảng trầm trọng. Ở một số nước, đảng cộng sản và công nhân không còn nắm vai trò lãnh đạo; chế độ xã hội đã thay đổi. Các thế lực đế quốc lợi dụng những sai lầm và khó khăn đó đẩy mạnh cuộc phản kích quyết liệt nhằm xóa bỏ các nước xã hội chủ nghĩa. Mâu thuẫn giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản đang diễn ra gay gắt.

Trước mắt, chủ nghĩa tư bản còn có tiềm năng phát triển kinh tế, nhờ ứng dụng những thành tựu mới của khoa học và công nghệ, cải tiến phương pháp quản lý, thay đổi cơ cấu sản xuất, điều chỉnh các hình thức sở hữu và

chính sách xã hội. Tuy vậy, chủ nghĩa tư bản vẫn là một chế độ áp bức, bóc lột và bất công. Mâu thuẫn cơ bản vốn có của chủ nghĩa tư bản giữa tính chất xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa ngày càng sâu sắc. Mâu thuẫn giữa các tầng lớp nhân dân rộng rãi với giai cấp tư sản, giữa các tập đoàn tư bản độc quyền, các công ty xuyên quốc gia, các trung tâm tư bản lớn tiếp tục phát triển. Mâu thuẫn giữa các nước tư bản phát triển và các nước đang phát triển ngày càng tăng lên. Chính sự vận động của tất cả những mâu thuẫn đó và cuộc đấu tranh của nhân dân lao động các nước sẽ quyết định số phận của chủ nghĩa tư bản.

Các nước độc lập dân tộc và các nước đang phát triển phải tiến hành cuộc đấu tranh rất khó khăn và phức tạp, chống nghèo nàn và lạc hậu, chống chủ nghĩa thực dân mới dưới mọi hình thức, chống sự can thiệp và xâm lược của chủ nghĩa đế quốc nhằm bảo vệ độc lập và chủ quyền dân tộc.

Nhân dân các nước đang đứng trước những vấn đề toàn cầu cấp bách có liên quan đến vận mệnh loài người. Đó là giữ gìn hòa bình, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, bảo vệ môi trường sống, hạn chế sự bùng nổ về dân số, phòng ngừa và đẩy lùi những bệnh tật hiểm nghèo. Việc giải quyết những vấn đề đó đòi hỏi sự hợp tác và tinh thần trách nhiệm cao của tất cả các dân tộc.

Đặc điểm nổi bật trong giai đoạn hiện nay của thời đại là cuộc đấu tranh giai cấp và dân tộc gay go, phức tạp của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Chủ nghĩa xã hội hiện đứng trước nhiều khó khăn, thử thách. Lịch sử thế giới đang trải qua những bước quanh co; song, *loài người cuối cùng nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội vì đó là quy luật tiến hóa của lịch sử.*

4. Nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản, từ một xã hội vốn là thuộc địa, nửa phong kiến, lực lượng sản xuất rất thấp. Đất nước trải qua hàng chục năm chiến tranh, hậu quả để lại còn nặng nề. Những tàn dư thực dân, phong kiến còn nhiều. Các thế lực thù địch thường xuyên tìm cách phá hoại chế độ xã hội chủ nghĩa và nền độc lập dân tộc của nhân dân ta.

Nhưng chúng ta cũng có những thuận lợi: chính quyền thuộc về nhân dân, nước nhà đi vào giai đoạn hòa bình xây dựng dân tộc ta là một dân tộc anh hùng, có ý chí vươn lên mãnh liệt. Nhân dân ta có lòng yêu nước nồng nàn, cần cù lao động và sáng tạo. Chúng ta đã xây dựng được một số cơ sở vật chất ban đầu. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, cùng với xu thế quốc tế hóa đời sống kinh tế thế giới là một thời cơ để phát triển.

Quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong tình hình đất nước và thế giới như trên, chúng ta phải tiếp tục *nâng cao ý chí tự lực tự cường, phát huy mọi tiềm năng vật chất và trí tuệ của dân tộc đồng thời mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế*, tìm tòi bước đi, hình thức và biện pháp thích hợp xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội:

- Do nhân dân lao động làm chủ.
- Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu.
- Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân.

- Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.

- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

*Để thực hiện mục tiêu dân giàu nước mạnh theo con đường xã hội chủ nghĩa, điều quan trọng nhất là phải cải biến căn bản tình trạng kinh tế - xã hội kém phát triển, chiến thắng những lực lượng cản trở việc thực hiện mục tiêu đó trước hết là các thế lực thù địch chống độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.*

Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, cần nắm vững *những phương hướng cơ bản* sau đây:

*Một là*, xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do đảng cộng sản lãnh đạo. Thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân.

*Hai là*, phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hóa đất nước theo hướng hiện đại gắn liền với phát triển một nền nông nghiệp toàn diện là nhiệm vụ trung tâm nhằm từng bước xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, không ngừng nâng cao năng suất lao động xã hội và cải thiện đời sống nhân dân.

*Ba là*, phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất, thiết lập từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu. Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân. Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu.

*Bốn là*, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa làm cho thế giới quan Mác - Lênin và tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh giữ vị trí chỉ đạo trong đời sống tinh thần xã hội. Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, văn minh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao. Chống tư tưởng, văn hóa phản tiến bộ, trái với những truyền thống tốt đẹp của dân tộc và những giá trị cao quý của loài người, trái với phương hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.

*Năm là*, thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, tập hợp mọi lực lượng phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu nước mạnh. Thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, hợp tác và hữu nghị với tất cả các nước; trung thành với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa, với tất cả các lực lượng đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

*Sáu là*, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam. Trong khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng đất nước, nhân dân ta luôn luôn nâng cao cảnh giác, củng cố quốc phòng: bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ Tổ quốc và các thành quả cách mạng.

*Bảy là*, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức ngang tầm nhiệm vụ, bảo đảm cho Đảng làm tròn trách nhiệm lãnh đạo sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Mục tiêu tổng quát phải đạt tới khi kết thúc thời kỳ quá độ là xây dựng xong về cơ bản những cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội, với kiến trúc thượng tầng về chính trị và tư tưởng, văn hóa phù hợp, làm cho nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh.

Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là quá trình lâu dài, trải qua nhiều chặng đường. *Mục tiêu của chặng đường đầu* là: thông qua đổi mới

toàn diện, xã hội đạt tới trạng thái ổn định vững chắc, tạo thế phát triển nhanh ở chặng sau.

### III. NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG LỚN VỀ CHÍNH SÁCH KINH TẾ, XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG - AN NINH, ĐỐI NGOẠI

5. Phát triển một nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và mở rộng. Kinh tế cá thể còn có phạm vi tương đối lớn, từng bước đi vào con đường làm ăn hợp tác trên nguyên tắc tự nguyện, dân chủ và cùng có lợi. Tư bản tư nhân được kinh doanh trong những ngành có lợi cho quốc kế dân sinh do luật pháp quy định. Phát triển kinh tế tư bản nhà nước dưới nhiều hình thức. Kinh tế gia đình được khuyến khích phát triển mạnh, nhưng không phải là một thành phần kinh tế độc lập. Các hình thức sở hữu hỗn hợp và đan kết với nhau hình thành các tổ chức kinh tế đa dạng. Các tổ chức kinh tế tự chủ và liên kết, hợp tác và cạnh tranh trong sản xuất và kinh doanh.

Khi kết thúc thời kỳ quá độ, hình thành về cơ bản nền kinh tế công nghiệp với cơ cấu *kinh tế công - nông nghiệp - dịch vụ* gắn với phân công và hợp tác kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng.

Trong quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế lạc hậu lên cơ cấu kinh tế hiện đại, nền kinh tế quốc dân sẽ bao gồm nhiều ngành, nghề, nhiều quy mô, nhiều trình độ công nghệ. Phát triển nông - lâm - ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến và xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để ổn định tình hình kinh tế xã hội. Đẩy mạnh công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, mở rộng kinh tế đối ngoại, phát triển kinh tế dịch vụ, xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng. Xây dựng nền công nghiệp nặng với bước đi thích hợp, trước hết là các ngành trực tiếp phục vụ nông nghiệp. Thực hiện chuyên môn hóa và liên kết kinh tế giữa các vùng, các địa phương. Xây dựng các trung tâm kinh tế của từng vùng, để tạo điều kiện liên kết công nghiệp với nông nghiệp, thành thị với nông thôn, phát triển giao lưu hàng hóa.

Xóa bỏ triệt để cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, hình thành *cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước* bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác. Xây dựng và phát triển đồng bộ các thị trường hàng tiêu dùng, vật tư, dịch vụ, tiền vốn; sức lao động...; thực hiện



giao lưu kinh tế thông suốt cả nước và với thị trường thế giới. Xác định quyền của người sở hữu, quyền của người sử dụng tư liệu sản xuất và quyền quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế, bảo đảm cho mọi tư liệu sản xuất đều có người làm chủ, mọi đơn vị kinh tế đều tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của mình. Đổi mới và nâng cao hiệu lực hướng dẫn, kiểm soát và điều tiết của Nhà nước.

*Khoa học và công nghệ* giữ vai trò then chốt trong sự phát triển lực lượng sản xuất và nâng cao trình độ quản lý, bảo đảm chất lượng và tốc độ phát triển của nền kinh tế. Các chiến lược khoa học và công nghệ nhằm mục tiêu công nghiệp hóa theo hướng hiện đại, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới. Sử dụng có hiệu quả và tăng nhanh tiềm lực khoa học và công nghệ của đất nước. Phát triển đồng bộ khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật đi đôi với phát triển giáo dục và văn hóa, nâng cao dân trí.

*Giáo dục và đào tạo* gắn liền với sự nghiệp phát triển kinh tế, phát triển khoa học, kỹ thuật, xây dựng nền văn hóa mới và con người mới. Nhà nước có chính sách toàn diện thực hiện giáo dục phổ cập phù hợp với yêu cầu và khả năng của nền kinh tế, phát triển năng khiếu, bồi dưỡng nhân tài.

Khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo phải được xem là quốc sách hàng đầu.

**6. Chính sách xã hội** đúng đắn vì hạnh phúc con người là động lực to lớn phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

*Phương hướng lớn của chính sách xã hội là:* phát huy nhân tố con người trên cơ sở bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; kết hợp tốt tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội; giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần; giữa đáp ứng các nhu cầu trước mắt với chăm lo lợi ích lâu dài; giữa cá nhân với tập thể và cộng đồng xã hội.

Chính sách xã hội bảo đảm và không ngừng nâng cao *đời sống vật chất* của mọi thành viên trong xã hội về ăn, ở, đi lại, học tập, nghỉ ngơi, chữa bệnh và nâng cao thể chất. Nhà nước tạo môi trường và điều kiện cho mọi người lao động có việc làm, chăm lo cải thiện điều kiện lao động. Khuyến khích tăng thu nhập và làm giàu dựa vào kết quả lao động. Có chính sách bảo trợ và điều tiết hợp lý thu nhập giữa các bộ phận dân cư, các ngành và các vùng. Cải cách căn bản chế độ tiền lương trong khu vực nhà nước theo nguyên tắc phân phối theo lao động. Chú trọng cải thiện điều kiện sống,

lao động và học tập của người mẹ và của thanh thiếu niên. Chăm sóc giáo dục và bảo vệ trẻ em. Phải thật sự coi việc giảm tốc độ tăng dân số là một quốc sách. Thiết lập một hệ thống đồng bộ và đa dạng về bảo hiểm và trợ cấp xã hội. Có chính sách thích đáng đối với các gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, cán bộ lão thành, những người về hưu. Chăm lo đời sống những người già cả, neo đơn, tàn tật, mất sức lao động và trẻ mồ côi. Phát triển các công trình công cộng như trường học, bệnh viện, các công trình văn hóa, thể dục, thể thao... Khuyến khích và tạo điều kiện để tập thể và nhân dân đầu tư xây dựng nhà ở. Tuân thủ nghiêm ngặt việc bảo vệ môi trường, giữ gìn cân bằng sinh thái cho thế hệ hiện tại và mai sau.

Xây dựng nền văn hóa mới, tạo ra một *đời sống tinh thần* cao đẹp, phong phú và đa dạng, có nội dung nhân đạo, dân chủ, tiến bộ. Phát huy vai trò văn học, nghệ thuật trong việc nuôi dưỡng, nâng cao tâm hồn Việt Nam. Khẳng định và biểu dương những giá trị chân chính, bồi dưỡng cái chân, cái thiện, cái mỹ theo quan điểm tiến bộ, phê phán những cái lỗi thời, thấp kém. Bảo đảm quyền được thông tin, quyền tự do sáng tạo của công dân. Phát triển các phương tiện thông tin đại chúng, thông tin đa dạng, nhiều chiều, kịp thời, chân thực và bổ ích.

Kết hợp và phát huy đầy đủ vai trò của xã hội, các đoàn thể, nhà trường, gia đình, từng tập thể lao động và tập thể dân cư trong việc chăm lo bồi dưỡng hình thành *con người mới*. Đó là con người có ý thức làm chủ, ý thức trách nhiệm công dân; có tri thức, sức khỏe và lao động giỏi; sống có văn hóa và tình nghĩa; giàu lòng yêu nước và tinh thần quốc tế chân chính. *Gia đình* là tế bào của xã hội, là cái nôi thân yêu nuôi dưỡng cả đời người, là môi trường quan trọng giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách. Các chính sách của Nhà nước phải chú ý tới xây dựng gia đình no ấm, hòa thuận, tiến bộ. Nâng cao ý thức về nghĩa vụ gia đình đối với mọi lớp người. *Đơn vị sản xuất công tác học tập, chiến đấu* phải là môi trường xây dựng phong cách lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất và hiệu quả cao, nơi thể hiện tình bạn, tình đồng chí, đồng đội, hình thành nhân cách con người mới và nền văn hóa mới.

Chính sách xã hội tác động trực tiếp đến việc hình thành một cộng đồng xã hội văn minh, trong đó *các giai cấp, các tầng lớp dân cư* đều có nghĩa vụ, quyền lợi chính đáng, đoàn kết chặt chẽ, góp phần xây dựng nước Việt Nam giàu mạnh. Phát triển giai cấp công nhân về số lượng và chất lượng để xứng đáng là giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Xây dựng giai cấp nông dân về mọi mặt để xứng đáng là một lực lượng cơ bản trong việc xây dựng nông thôn mới, góp phần đắc lực vào sự nghiệp

công nghiệp hóa. Đào tạo, bồi dưỡng và phát huy mọi tiềm năng của đội ngũ trí thức để tạo nguồn lực trí tuệ và nhân tài cho đất nước. Đặc biệt coi trọng việc xây dựng một đội ngũ công nhân lành nghề, những nhà kinh doanh có tài, những nhà quản lý giỏi và các nhà khoa học, kỹ thuật có trình độ cao. Quan tâm thích đáng lợi ích và phát huy khả năng của các tầng lớp dân cư khác vì sự nghiệp "ích nước lợi nhà". Động viên sự cống hiến của đồng bào Việt Nam ở nước ngoài góp phần tích cực xây dựng quê hương xứ sở.

Thực hiện bình đẳng nam nữ về mọi mặt.

Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc, tạo mọi điều kiện để các dân tộc phát triển đi lên con đường văn minh, tiến bộ, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Tôn trọng lợi ích, truyền thống, văn hóa, ngôn ngữ, tập quán, tín ngưỡng của các dân tộc. Chống tư tưởng dân tộc lớn và dân tộc hẹp hòi, kỳ thị và chia rẽ dân tộc. Các chính sách kinh tế - xã hội phải phù hợp với đặc thù của các vùng và các dân tộc, nhất là các dân tộc thiểu số.

*Tín ngưỡng, tôn giáo* là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng. Chống mọi hành động vi phạm tự do tín ngưỡng, đồng thời chống việc lợi dụng tín ngưỡng để làm tổn hại đến lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân.

**7. Nhiệm vụ của quốc phòng - an ninh là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, lãnh thổ toàn vẹn của Tổ quốc, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, sự ổn định chính trị, trật tự và an toàn xã hội, quyền làm chủ của nhân dân, làm thất bại mọi âm mưu và hành động của các thế lực đế quốc, phản động phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.**

Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của toàn dân và của Nhà nước. Không ngừng nâng cao giác ngộ và cảnh giác chính trị của nhân dân, xây dựng vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân, kết hợp chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân trong điều kiện mới, với những lực lượng nòng cốt tinh nhuệ.

Sự ổn định và phát triển mọi mặt đời sống xã hội là nền tảng của quốc phòng - an ninh. Phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng - an ninh, quốc phòng - an ninh với kinh tế trong các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Từng bước xây dựng nền công nghiệp quốc phòng, bảo đảm cho các lực

lượng vũ trang, trong đó có công an nhân dân được trang bị kỹ thuật ngày càng hiện đại.

Xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân với số quân thường trực thích hợp theo hướng cách mạng, chính quy, từng bước hiện đại, tinh nhuệ, với lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ hùng hậu, có sức chiến đấu cao. Phát triển đường lối và nghệ thuật quân sự chiến tranh nhân dân trong hoàn cảnh mới.

Xây dựng lực lượng công an nhân dân thật sự là một lực lượng vũ trang chính quy, từng bước hiện đại, tinh nhuệ. Ngăn chặn, trừng trị kịp thời mọi hành động phá hoại của bọn phản cách mạng và tội phạm khác, bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, giữ gìn tốt trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền lợi, tính mạng và tài sản của nhân dân. Kết hợp lực lượng chuyên trách, nửa chuyên trách, các cơ quan bảo vệ pháp luật với phong trào quần chúng. Kết hợp biện pháp phòng ngừa, giáo dục là cơ bản với trấn áp, trừng trị các loại tội phạm.

Chăm lo nâng cao phẩm chất cách mạng, trình độ chính trị, quân sự, văn hóa, khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ cho các lực lượng vũ trang, cho đội ngũ sĩ quan và hạ sĩ quan chuyên nghiệp. Bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ và chiến sĩ phù hợp với tính chất hoạt động của quân đội nhân dân và công an nhân dân.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội và công an nhân dân.

**8. Mục tiêu của chính sách đối ngoại là tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đi lên chủ nghĩa xã hội, góp phần vào sự nghiệp đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.**

Hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị xã hội khác nhau trên cơ sở những nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình.

Không ngừng củng cố và phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác truyền thống với các nước xã hội chủ nghĩa, các nước anh em trên bán đảo Đông Dương.

Đảng Cộng sản Việt Nam trước sau như một ủng hộ các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào cách mạng trong cuộc đấu tranh vì những mục tiêu chung của thời đại. Đảng Cộng sản Việt Nam sẵn sàng thiết lập và mở rộng quan hệ với các đảng và các lực lượng đấu tranh chống các thế lực hiếu chiến, xâm lược, áp bức bóc lột các nước chậm tiến, vì hòa bình thế

giới và tiến bộ xã hội. Tham gia tích cực các tổ chức quốc tế và phong trào không liên kết vì mục tiêu hòa bình, độc lập dân tộc và phát triển.

Phát triển quan hệ với các nước Đông Nam Á, tích cực góp phần xây dựng khu vực này thành khu vực hòa bình và hợp tác.

Phát triển quan hệ hợp tác, hữu nghị, giúp đỡ lẫn nhau với các nước đang phát triển.

Mở rộng sự hợp tác cùng có lợi với các nước phát triển.

#### IV. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

9. Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện *nền dân chủ xã hội chủ nghĩa*, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân. Dân chủ gắn liền với công bằng xã hội phải được thực hiện trong thực tế cuộc sống trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội thông qua hoạt động của Nhà nước do nhân dân cử ra và bằng các hình thức dân chủ trực tiếp. Dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương, phải được thể chế hóa bằng pháp luật và được pháp luật bảo đảm.

Nhà nước định ra các đạo luật nhằm xác định các quyền công dân và quyền con người, quyền đi đôi với nghĩa vụ và trách nhiệm.

10. Là tổ chức thể hiện và thực hiện ý chí, quyền lực của nhân dân, thay mặt nhân dân, *Nhà nước* ta phải có đủ quyền lực và đủ khả năng định ra luật pháp và tổ chức, quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp luật. Sửa đổi hệ thống tổ chức nhà nước, cải cách bộ máy hành chính, kiện toàn các cơ quan luật pháp để thực hiện có hiệu quả chức năng quản lý của Nhà nước.

Nhà nước có mối liên hệ thường xuyên và chặt chẽ với nhân dân, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân. Có cơ chế và biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa và trừng trị tệ quan liêu, tham nhũng, lộng quyền, vô trách nhiệm, xâm phạm quyền dân chủ của công dân. Tổ chức và hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thống nhất quyền lực, có sự phân công, phân cấp, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương.

Nhà nước Việt Nam *thống nhất ba quyền* lập pháp, hành pháp và tư pháp, với sự *phân công rành mạch* ba quyền đó.

11. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đoàn kết toàn dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chăm lo lợi ích của các đoàn viên, hội viên, thực hiện dân chủ và đổi mới xã hội, giáo dục lý tưởng và đạo đức cách mạng, quyền và nghĩa vụ công dân, thắt chặt mối liên hệ giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân.

*Mặt trận Tổ quốc Việt Nam* là liên minh chính trị của các đoàn thể nhân dân và cá nhân tiêu biểu của các giai cấp và tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân. Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên vừa là người lãnh đạo Mặt trận. Mặt trận hoạt động theo phương thức hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên theo chương trình hành động chung.

*Các đoàn thể nhân dân* tùy theo tính chất, tôn chỉ và mục đích đã xác định, vừa vận động đoàn viên, hội viên giúp nhau chăm lo, bảo vệ các lợi ích thiết thực; vừa giáo dục nâng cao trình độ mọi mặt cho đoàn viên, hội viên; vừa tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

Đảng tôn trọng tính tự chủ, ủng hộ mọi hoạt động tích cực, sáng tạo và chân thành lắng nghe ý kiến đóng góp của Mặt trận và các đoàn thể. Nhà nước hỗ trợ, tạo điều kiện cho Mặt trận và các đoàn thể nhân dân hoạt động có hiệu quả.

12. Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản. Đảng lãnh đạo xã hội bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương công tác; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức kiểm tra và bằng hành động gương mẫu của đảng viên. Đảng giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo chính quyền và các đoàn thể. Đảng không làm thay công việc của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị.

Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng liên hệ mật thiết với nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Để đảm đương được vai trò lãnh đạo, Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, *phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, năng lực lãnh đạo*. Giữ vững truyền thống đoàn kết thống nhất trong Đảng, bảo đảm đầy đủ dân chủ và kỷ luật trong sinh hoạt Đảng. Thường xuyên tự phê bình và phê bình, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội và mọi hành động chia rẽ, bè phái. Đảng chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch, có phẩm chất năng lực, có sức chiến đấu cao. Đảng quan tâm bồi dưỡng, đào tạo lớp người kế tục sự nghiệp cách mạng của Đảng và của nhân dân.

\*  
\* \*

Cương lĩnh này là ngọn cờ chiến đấu vì thắng lợi của sự nghiệp xây dựng đất nước Việt Nam từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, định hướng cho mọi hoạt động của Đảng hiện nay và trong những thập kỷ tới. Thực hiện thắng lợi Cương lĩnh này, nước nhà nhất định trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh.

Đảng kêu gọi tất cả những người cộng sản, toàn thể đồng bào ở trong nước và ở nước ngoài mang hết tinh thần và nghị lực phấn đấu thực hiện thắng lợi Cương lĩnh.

## Phụ lục 4

**BÁO CÁO**  
**KIỂM ĐIỂM NỬA NHIỆM KỲ**  
**THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG TOÀN QUỐC**  
**LẦN THỨ VII**  
**(Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương khóa VII)**

(Do đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười trình bày)

*Thưa các đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương,*

*Thưa các đồng chí đại biểu,*

*Thưa các đồng chí,*

Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương, tôi xin đọc Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương trình Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng.

Đại hội VI của Đảng đề ra đường lối đổi mới, tạo ra bước ngoặt trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đại hội VII tổng kết 5 năm thực hiện đổi mới, thông qua Cương lĩnh và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chỉ ra phương hướng tiến hành công cuộc đổi mới sâu rộng và đồng bộ.

Từ sau Đại hội VII, tình hình thế giới diễn biến nhanh chóng và phức tạp. Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ. Độc lập, chủ quyền của một số quốc gia đang bị thách thức bởi chính sách cường quyền và áp đặt. Các thế lực thù địch ra sức hoạt động chống phá công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta. Sự nghiệp cách mạng của chúng ta một lần nữa lại trải qua những thử thách gay go.

Tuy nhiên, trên thế giới cũng xuất hiện những nhân tố thuận lợi mới: ý chí và sức mạnh đấu tranh cho độc lập, tự chủ của các dân tộc tăng lên; xu thế hợp tác phát triển mở rộng trong đời sống cộng đồng quốc tế, từ thất bại tạm thời, các lực lượng cách mạng rút ra những bài học quý giá. Những thành tựu đổi mới ở nước ta đã tạo thêm thế và lực để nhân dân ta khắc phục khó khăn, tranh thủ thời cơ xây dựng đất nước.

Trước thách thức mới và cơ hội mới, Đảng và nhân dân ta đã tỏ rõ bản lĩnh chính trị vững vàng. Các nghị quyết Hội nghị Trung ương 2, 3, 4 và 5



đã cụ thể hóa và phát triển đường lối Đại hội VII, giải quyết một loạt vấn đề cụ thể trên nhiều lĩnh vực đối nội và đối ngoại, phù hợp với tình hình đang diễn biến và thực tiễn cuộc sống. Chúng ta đã kiên trì công cuộc đổi mới, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, mở rộng dân chủ, giữ vững ổn định chính trị, củng cố an ninh, quốc phòng, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, từng bước phá thế bị bao vây, cấm vận.

Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng có nhiệm vụ kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VII và tổng kết một bước thực tiễn đổi mới từ Đại hội VI đến nay, nhằm làm sáng tỏ thêm một số vấn đề trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, xác định những chủ trương và giải pháp lớn để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VII, đưa sự nghiệp cách mạng nước ta tiếp tục tiến lên.

### *Phần thứ nhất*

## TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VII

### I. THÀNH TỰU

**1. Thành tựu to lớn có ý nghĩa hàng đầu là đã khắc phục được một bước rất quan trọng tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội.**

Cuộc khủng hoảng nảy sinh từ cuối thập kỷ 70, đầu thập kỷ 80, kéo dài suốt mười mấy năm liền, gay gắt nhất là những năm 1986-1988 khi lạm phát lên tới mức phi mã, ở thời điểm năm 1991 lại thêm một lần thử thách hiểm nghèo.

Song, với cố gắng to lớn của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta, nền kinh tế nước ta không những đứng vững mà còn đạt được những thành tựu nổi bật, *khắc phục được nhiều mặt đình đốn, suy thoái, tốc độ tăng trưởng khá và liên tục trong 3 năm qua.*

Lạm phát được đẩy lùi, từ 67% năm 1991 xuống 17,5% năm 1992 và còn 5,2% năm 1993.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng bình quân hàng năm 7,2% (mức đề ra cho 5 năm 1991-1995 là 5,5 - 6%). Sản xuất nông nghiệp phát triển tương đối toàn diện; vấn đề lương thực được giải quyết tốt, sản lượng lương thực năm 1993 xấp xỉ 25 triệu tấn, vượt mức đề ra cho năm 1995. Sản xuất

công nghiệp đạt nhịp độ tăng trưởng bình quân hàng năm 13%, cao hơn chỉ tiêu đề ra cho kế hoạch 5 năm 1991-1995 (8 - 10%). Năng lực sản xuất một số ngành và sản phẩm quan trọng như điện, dầu thô, thép, xi măng... được tăng thêm. Hệ thống thông tin liên lạc mở rộng nhanh với thiết bị công nghệ mới. Các ngành xây dựng, vận tải, thương nghiệp, du lịch và dịch vụ khác đều phát triển. Cơ cấu nền kinh tế đang biến đổi. Một số ngành sản xuất kinh doanh mới xuất hiện.

Quan hệ kinh tế đối ngoại được mở rộng theo hướng đa dạng hóa và đa phương hóa. Đã khắc phục được hậu quả do thị trường truyền thống bị giảm sút đột ngột, mở rộng giao lưu với nhiều bạn hàng mới, tăng kim ngạch xuất khẩu hàng năm xấp xỉ 20%. Tính đến hết năm 1993, đã cấp 836 giấy phép đầu tư trực tiếp của bên ngoài với tổng vốn đăng ký là 7,5 tỷ USD; bước đầu thu hút thêm viện trợ phát triển và vốn vay ưu đãi từ các chính phủ; lập lại quan hệ bình thường với các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc tế.

Nền kinh tế bắt đầu có tích lũy nội bộ, tuy còn thấp. Đời sống số đông nhân dân được cải thiện.

*Cơ cấu kinh tế nhiều thành phần đang hình thành.* Các doanh nghiệp nhà nước bước đầu được sắp xếp và đăng ký lại. Đã giảm bớt một số lượng lớn những doanh nghiệp làm ăn thua lỗ kéo dài. Số đơn vị kinh doanh có hiệu quả tăng lên. Khu vực kinh tế nhà nước nhìn chung vẫn phát triển, nắm những lĩnh vực then chốt và giữ vị trí chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân, tỷ trọng trong GDP tăng từ 34% năm 1990 lên 39,9% năm 1992. Hợp tác xã nông nghiệp có phương hướng đổi mới rõ hơn kể từ Hội nghị Trung ương 5, vai trò tự chủ của các hộ nông dân được khẳng định. Một số loại hình kinh tế hợp tác mới xuất hiện. Luật Đất đai chính thức giao quyền sử dụng ruộng đất ổn định, lâu dài cho nông dân đã giúp kinh tế hộ nông dân có thêm động lực phát triển mới. Kinh tế cá thể và kinh tế tư bản tư nhân phát triển đáng kể. Doanh nghiệp cổ phần và liên doanh thu hút vốn đầu tư thuộc nhiều hình thức sở hữu xuất hiện ngày càng nhiều.

*Cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa đang trở thành cơ chế vận hành của nền kinh tế.* Việc bổ sung pháp luật, tiếp tục đổi mới cơ chế và chính sách về kế hoạch hóa, về giá, tỷ giá, tài chính, ngân hàng, lao động, tiền công, đất đai... đã tạo môi trường thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp phát huy tính năng động, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong sản xuất kinh doanh.

Nhà nước tích lũy thêm kinh nghiệm, có tiến bộ trong việc quản lý, điều hành vĩ mô nền kinh tế quốc dân.

Cùng với phát triển kinh tế, *việc giải quyết các vấn đề xã hội và thực hiện chính sách xã hội được quan tâm hơn.*

Nhờ sản xuất, dịch vụ phát triển, giá cả thị trường tương đối ổn định, đời sống nhân dân ở nhiều vùng thành thị và nông thôn được cải thiện. Số hộ giàu tăng lên, số hộ nghèo, nhất là hộ đói ăn, giảm bớt. Những nhu cầu cơ bản về ăn, mặc của nhân dân được đáp ứng khá hơn. Việc xây dựng nhà ở, đường sá, điện, nước, trường học, cơ sở y tế... ở nhiều vùng nông thôn và đô thị có phát triển. Các quyền dân chủ, nhất là dân chủ về kinh tế, từng bước được phát huy. Nhân dân được tự do làm ăn theo pháp luật, yên tâm hơn trong việc bỏ vốn sản xuất, kinh doanh, tạo thêm công ăn việc làm.

Các chính sách giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, người có công với cách mạng, chính sách giúp đỡ người tàn tật, cô đơn không nơi nương tựa, giúp đỡ học sinh nghèo trở lại trường lớp được thực hiện tốt hơn.

Hoạt động *giáo dục* đạt được một số tiến bộ trong việc chống xuống cấp, đa dạng hóa các loại hình giáo dục, sắp xếp lại mạng lưới trường học, củng cố hệ thống trường chuyên lớp chọn, các trường phổ thông dân tộc nội trú. Xã hội hóa giáo dục bước đầu được triển khai tốt. Việc học nghề, học ngoại ngữ và tin học phát triển ở các đô thị.

*Khoa học và công nghệ* đã bước đầu phát huy vai trò động lực, gắn việc nghiên cứu với nhu cầu của xã hội. Nhiều đề tài nghiên cứu ứng dụng, nhất là trong nông nghiệp, ngư nghiệp, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu... có giá trị thực tiễn làm tăng hiệu quả kinh tế, nâng cao trình độ công nghệ. Hệ thống chương trình nghiên cứu khoa học cấp nhà nước được bố trí tập trung hơn, trong đó lần đầu tiên có các chương trình về khoa học xã hội và nhân văn.

Hoạt động *văn hóa* sôi động hơn. Giao lưu văn hóa với nước ngoài được mở rộng. Các tác phẩm *văn học, nghệ thuật* phong phú hơn về nội dung và đề tài, đa dạng hơn về hình thức, thể loại và phong cách biểu hiện. Hệ thống thông tin có bước phát triển mới với việc phủ sóng truyền thanh, truyền hình đến phần lớn các huyện trong cả nước, kể cả một số vùng miền núi, vùng cao, đảo xa.

*Công tác bảo vệ sức khỏe, nâng cao thể lực* của nhân dân có những mặt tiến bộ như chăm sóc sức khỏe ban đầu, tiêm chủng mở rộng, khống chế bệnh dịch và bệnh xã hội, đáp ứng một phần nhu cầu về các thuốc thiết yếu. Phong trào thể dục thể thao đạt một số kết quả đáng khích lệ.

*Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình* đi vào vận động đúng đối tượng, tăng số người tự nguyện hạn chế sinh đẻ.

**2. Thành tựu quan trọng thứ hai là đã tiếp tục giữ vững và củng cố sự ổn định chính trị.**

Nhờ những thành tựu nhiều mặt trong công cuộc đổi mới, đặc biệt là những thành tựu về kinh tế - xã hội, nhờ sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và giác ngộ chính trị của quần dân cả nước, chúng ta đã vượt qua được cơn chấn động chính trị trên thế giới vừa qua. Vai trò lãnh đạo của Đảng được củng cố, hiệu lực quản lý của Nhà nước được nâng cao hơn, dân chủ được mở rộng, quốc phòng và an ninh được bảo đảm, lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, đối với công cuộc đổi mới tăng thêm, phong trào quần chúng trong một số lĩnh vực kinh tế - xã hội có bước phát triển.

Từ sau Đại hội VII, Đảng ta, trước hết là Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã dành nhiều công sức cho *công tác xây dựng Đảng*, coi đây là nhiệm vụ có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nước ta và có ý nghĩa sống còn đối với Đảng ta. Hội nghị Trung ương 3 đã xác định phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt; làm rõ hơn một số quan điểm về xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền; xác định một số vấn đề có tính nguyên tắc trong tổ chức và sinh hoạt Đảng; đặt ra nhiệm vụ củng cố hơn nữa khối đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng; đổi mới và tăng cường công tác lý luận, tư tưởng; chấn chỉnh hệ thống tổ chức đảng.

Qua hơn một năm thực hiện, đã tạo được một số chuyển biến, nâng cao hơn nhận thức và trách nhiệm của các cấp ủy và đảng viên đối với công tác xây dựng Đảng. Đã triển khai một số việc quan trọng về chỉnh đốn hệ thống tổ chức của Đảng. Lập lại ban cán sự và Đảng đoàn ở cơ quan nhà nước và các đoàn thể nhân dân; xác định vai trò, chức năng của các tổ chức cơ sở đảng; xác lập quy chế lãnh đạo và quản lý cán bộ, thực hiện các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, nhằm lập lại trật tự kỷ cương trong Đảng. Phương thức lãnh đạo và phong cách công tác của Đảng có sự chấn chỉnh và đổi mới theo hướng dân chủ, tập thể, đúng nguyên tắc hơn, nhằm vừa bảo đảm sự lãnh đạo chặt chẽ và có hiệu quả của Đảng, vừa phát huy vai trò chủ động của cơ quan nhà nước và các đoàn thể nhân dân. Chú trọng hơn việc bồi dưỡng kết nạp đảng viên mới (năm 1992 kết nạp tăng 3,9% so với năm 1991, năm 1993 kết nạp tăng 30,7% so với năm 1992).

Đảng tiếp tục đổi mới tư duy, quan tâm hơn công tác tư tưởng - lý luận, làm rõ các quan điểm và nguyên tắc chỉ đạo sự nghiệp đổi mới, tích lũy thêm kinh nghiệm lãnh đạo. Đội ngũ cán bộ có bước trưởng thành, năng

động hơn, dần dần quen với công tác lãnh đạo và quản lý trong công cuộc đổi mới.

Hơn 2 năm qua, *nền dân chủ của xã hội ta đã có bước phát triển đáng kể, gắn liền với việc xây dựng nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.*

Sự kiện nổi bật là việc ban hành Hiến pháp năm 1992, kịp thời thể chế hóa đường lối của Đảng về xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Việc tổ chức thực hiện các quy định của Hiến pháp về chế độ chính trị, chế độ kinh tế, về văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ, về an ninh, quốc phòng, về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân cùng với việc ban hành hàng loạt văn bản luật và pháp lệnh mới đã thúc đẩy quá trình dân chủ hóa hơn nữa các sinh hoạt xã hội trên đất nước ta.

*Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân* đã coi trọng các hình thức tập hợp đa dạng nhằm mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, động viên nhân dân thực hiện nhiệm vụ chính trị, đẩy mạnh các hoạt động xã hội, chăm lo và bảo vệ lợi ích thiết thực của nhân dân. Công tác dân vận được nhiều cấp ủy đảng quan tâm hơn. Sự phối hợp giữa cơ quan nhà nước với mặt trận và các đoàn thể trong công tác vận động nhân dân tham gia xây dựng luật pháp, chính sách, xây dựng chính quyền các cấp, thực hiện các chính sách kinh tế, xã hội, an ninh - quốc phòng được tăng cường hơn trước.

Các lực lượng vũ trang cùng với toàn dân có nhiều cố gắng tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới trên lĩnh vực *quốc phòng và an ninh*, xây dựng lực lượng, thực hiện có kết quả nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, bảo đảm ổn định chính trị, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ nước ta.

Chúng ta đã tiếp tục thực hiện có kết quả cuộc điều chỉnh chiến lược lớn về quốc phòng, giảm quân số, củng cố thêm thế trận chiến tranh nhân dân, triển khai xây dựng các khu vực phòng thủ tỉnh, thành. Đã điều chỉnh chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia và đổi mới phương pháp hoạt động cho phù hợp với tình hình mới, nắm tình hình và đấu tranh có hiệu quả hơn với hoạt động của các thế lực thù địch.

**3. Thành tựu thứ ba là quan hệ đối ngoại được mở rộng, uy tín và vị trí của nước ta trên thế giới được nâng lên, tạo môi trường quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.**

Đại hội VII đã xác định nhiệm vụ đối ngoại là giữ vững hòa bình, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công

cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Đại hội nhấn mạnh tính chất rộng mở của chính sách đối ngoại: Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển.

Trước những diễn biến mới của tình hình thế giới và khu vực sau Đại hội VII, Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương đã cụ thể hóa và phát triển đường lối đó. Chúng ta đã chủ động, tích cực mở rộng hoạt động đối ngoại và thu được những kết quả rất quan trọng:

Đã khôi phục quan hệ bình thường và phát triển một bước quan hệ hữu nghị, hợp tác với Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Tăng cường và củng cố quan hệ đoàn kết đặc biệt với Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. Tham gia ký kết và đấu tranh cho việc thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Pari về Campuchia, thiết lập quan hệ láng giềng hữu nghị với Vương quốc Campuchia.

Cải thiện và mở ra giai đoạn mới trong quan hệ hợp tác, hữu nghị với các nước ASEAN và tổ chức ASEAN, mở rộng quan hệ với các nước khác ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Gìn giữ, phát triển quan hệ truyền thống với Cuba, Ấn Độ, Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên.

Duy trì và thúc đẩy quan hệ hợp tác vốn có với Liên bang Nga, các nước thuộc Liên Xô trước đây và các nước Đông Âu.

Tiếp tục ủng hộ sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân Palestine, các dân tộc Ả-rập và nhân dân Nam Phi. Mở rộng quan hệ với các nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi và châu Mỹ Latinh. Tích cực góp phần củng cố và phát triển vai trò của Phong trào Không liên kết trong tình hình mới.

Cải thiện quan hệ với các nước Tây Âu, Bắc Âu và Cộng đồng kinh tế châu Âu, với Nhật Bản, Canada, Ô-xtrây-li-a, Niu Dil-an và các nước công nghiệp mới. Khôi phục quan hệ bình thường với các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc tế. Đạt một số tiến bộ trong quá trình đấu tranh đòi Mỹ bỏ cấm vận và thực hiện bình thường hóa quan hệ.

## II. NHỮNG MẶT YẾU KÉM VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ MỚI NẢY SINH

1. Nền kinh tế vẫn mang tính chất nông nghiệp lạc hậu. Công nghiệp còn nhỏ bé, kết cấu hạ tầng kém phát triển. Cơ sở vật chất - kỹ thuật chưa

xây dựng được bao nhiêu. Tích lũy từ nội bộ nền kinh tế và đầu tư phát triển còn thấp và chưa được quan tâm thích đáng. Kinh tế tuy có mức tăng trưởng khá nhưng năng suất, chất lượng và hiệu quả còn rất thấp. Năng lực sản xuất đang xây dựng gói đầu để huy động vào sử dụng trong thời gian tới không nhiều, ảnh hưởng xấu tới nhịp độ tăng trưởng trong những năm tới.

Đầu tư cho khoa học và công nghệ có tăng hơn trước, nhưng còn quá thấp so với nhu cầu (khoảng 1% ngân sách nhà nước), sử dụng còn dàn trải, hiệu quả hạn chế. Còn thiếu các biện pháp và cơ chế để huy động các cơ sở sản xuất, các doanh nghiệp đầu tư cho lĩnh vực này. Chưa xây dựng được các tập thể khoa học mạnh; chưa có sự kết hợp hữu cơ giữa các cơ sở nghiên cứu khoa học và cơ sở đào tạo, cơ sở sản xuất. Quản lý việc nhập khẩu công nghệ có nhiều khuyết điểm, để xảy ra tình trạng nhập công nghệ và thiết bị lạc hậu, giá đắt, gây hậu quả tiêu cực lâu dài.

Khả năng kiềm chế lạm phát chưa vững chắc. Ngân sách thu không đủ chi, tỷ lệ bội chi ngân sách còn cao và có xu hướng tăng lên. Nợ nước ngoài đến hạn và quá hạn trả quá lớn so với kim ngạch xuất khẩu hàng năm. Trong khi đó nhiều ngành, nhiều địa phương và đơn vị, nhiều cán bộ lãnh đạo và quản lý chưa có ý thức cần kiệm xây dựng đất nước, làm thất thoát, lãng phí rất lớn tài sản công, tiêu xài hoang phí quá khả năng làm ra.

Kinh tế quốc doanh và kinh tế hợp tác chậm được đổi mới và củng cố. Kinh tế quốc doanh chưa làm tốt vai trò chủ đạo cả trong sản xuất và trong lưu thông. Thương nghiệp quốc doanh bỏ trống một số lĩnh vực và địa bàn trọng yếu, để cho một bộ phận tư thương thao túng, làm phương hại cả người sản xuất và tiêu dùng. Đối với kinh tế tư nhân, vừa chưa tháo gỡ hết những trở ngại, gây khó khăn cho sự phát triển sản xuất, vừa thiếu sự quản lý, hướng dẫn. Tình trạng làm ăn trái pháp luật xảy ra khá phổ biến.

Cơ chế thị trường đang ở giai đoạn sơ khai, mang nhiều yếu tố tự phát. Hiệu lực quản lý nhà nước còn thấp, vừa chưa phát huy đầy đủ sức mạnh của cơ chế thị trường, vừa chưa hạn chế được nhiều mặt tiêu cực của cơ chế đó. Hệ thống pháp luật chưa hoàn chỉnh, thi hành chưa nghiêm. Công tác kế hoạch hóa, hoạt động của hệ thống tài chính, ngân hàng còn nhiều yếu kém và tiêu cực. Chế độ phân phối còn nhiều bất hợp lý, thực hiện tùy tiện và không thống nhất; nguyên tắc phân phối theo lao động chưa được tôn trọng.

2. Văn hóa, xã hội tuy đạt được một số thành tựu nhưng vẫn là lĩnh vực còn nhiều vấn đề lớn, bức xúc chưa được giải quyết.

Tình trạng không có hoặc thiếu việc làm, nhất là đối với thanh niên đến tuổi lao động, vẫn đang là vấn đề nóng bỏng và là một trong những nguyên nhân cơ bản làm nảy sinh các tiêu cực xã hội.

Thực hiện chính sách công bằng xã hội chưa tốt. Bên cạnh những người làm giàu chính đáng, còn nhiều người giàu lên nhanh chóng do làm ăn phi pháp. Trong khi đó, nhiều gia đình có công với nước đã hy sinh, mất mát lớn trong kháng chiến, nay vẫn còn quá khó khăn. Số người nghèo đói còn chiếm tỷ lệ đáng kể. Đời sống nhân dân ở nhiều vùng, nhất là vùng cao, vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn rất nghèo.

Giáo dục vẫn chưa ra khỏi tình trạng yếu kém cả về chất lượng và hiệu quả. Nhiều vấn đề về nội dung, chương trình, phương thức đào tạo chưa được xác định phù hợp với yêu cầu phát triển. Nhiều trường sở xuống cấp nghiêm trọng, thiết bị thí nghiệm, nghiên cứu khoa học thiếu thốn và lạc hậu. Tình trạng yếu kém của hệ thống trường sư phạm và đội ngũ giáo viên rất đáng lo ngại. Cán bộ quản lý giáo dục các cấp ít được đào tạo, bồi dưỡng. Chi phí học tập còn quá lớn, ảnh hưởng đến việc học hành của con em gia đình nghèo.

Tình hình văn hóa, văn nghệ còn nhiều điều đáng lo ngại: lối sống chạy theo đồng tiền, những thị hiếu không lành mạnh, những hủ tục, mê tín tăng nhanh; nhiều sản phẩm độc hại lan tràn trên thị trường. Trong sáng tác và lý luận, phê bình đã nảy sinh một số khuynh hướng lệch lạc như phủ nhận thành tựu cách mạng và văn hóa, văn nghệ cách mạng, tách văn nghệ khỏi đường lối chính trị của Đảng, khuynh hướng "thương mại hóa", truyền bá văn hóa lai căng, lối sống sa đọa. Những khuyết điểm và lệch lạc đó đã được Hội nghị Trung ương lần thứ 4 (khóa VII) nêu lên nhưng chậm được khắc phục. Sự chỉ đạo của cơ quan đảng và công tác quản lý nhà nước đối với văn hóa, văn nghệ còn yếu.

Công tác bảo vệ sức khỏe vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu tối thiểu của xã hội. Y tế cơ sở yếu, nhiều bệnh viện kém cả về cơ sở vật chất và tinh thần, thái độ phục vụ. Tỷ lệ tăng dân số đến nay vẫn còn trên 2,2%, là một nhân tố cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống, ảnh hưởng tới sự phát triển của giống nòi.

Mặc dầu có nhiều cố gắng ngăn chặn, song tệ nạn xã hội có xu hướng gia tăng, nhất là nghiện hút, cờ bạc, mại dâm, trộm cướp.

Tham nhũng và buôn lậu nghiêm trọng làm cho nhân dân rất bất bình, ảnh hưởng lớn đến niềm tin đối với Đảng và Nhà nước.



**3. Ổn định chính trị được giữ vững song vẫn còn nhiều nhân tố phức tạp không thể xem thường.**

Nhiều tổ chức đảng và Nhà nước chưa được xây dựng trong sạch, vững mạnh. An ninh chính trị chưa thật vững chắc; trật tự an toàn xã hội chưa được bảo đảm.

Chủ trương về đổi mới và chỉnh đốn Đảng chưa được thực hiện tốt. Bộ máy vẫn nặng nề, công kênh. Phương thức lãnh đạo và phong cách công tác chậm được đổi mới. Chất lượng lãnh đạo và hiệu quả hoạt động của nhiều cấp ủy đảng còn thấp, có nơi còn đi chệch đường lối của Đảng.

Công tác cán bộ vẫn là một khâu yếu. Đội ngũ cán bộ nhìn chung chưa ngang tầm đòi hỏi của nhiệm vụ. Ở nhiều nơi vẫn có tình trạng hẫng hụt, lúng túng trong bố trí hạt nhân lãnh đạo. Thiếu những cán bộ giỏi và chuyên gia đầu ngành về công tác đảng, về quản lý nhà nước, về sản xuất - kinh doanh, kinh tế đối ngoại, về công tác tôn giáo, dân tộc thiểu số, công tác phụ nữ. Việc quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng cán bộ làm chưa tốt.

Các cấp ủy còn coi nhẹ việc kiểm tra thực hiện Điều lệ, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng.

Việc cải cách bộ máy nhà nước còn chậm và kém hiệu quả. Tệ độc đoán chuyên quyền, ức hiếp, trù dập cá nhân, tình trạng quan liêu, cửa quyền, xem thường pháp luật, kỷ cương vẫn còn nặng ở nhiều nơi.

Mặt trận và các đoàn thể còn lúng túng trong nội dung và phương thức hoạt động. Đội ngũ cán bộ đoàn thể không ổn định, còn thiếu phấn khởi công tác, chưa được chăm lo đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ thỏa đáng.

Trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, tình trạng mơ hồ, mất cảnh giác còn phổ biến, chưa nhận thức sâu sắc âm mưu và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch hòng xóa bỏ Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Một số cán bộ, đảng viên bàng quan trước những quan điểm sai trái, những hoạt động kích động gây rối của kẻ thù. Một số dao động về con đường xã hội chủ nghĩa, thậm chí muốn đi con đường khác. Trong khi đó, công tác tư tưởng, lý luận chưa sắc bén, thiếu kịp thời, tính chiến đấu chưa cao, chưa giải đáp có tính thuyết phục nhiều vấn đề do thực tiễn đặt ra. Nhiều cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ lãnh đạo chủ chốt còn lười học tập, chưa cố gắng tu dưỡng, nâng cao trình độ, rèn luyện bản thân. Tình trạng mất đoàn kết ở một số tổ chức đảng còn nặng nề.

### III. TỔNG QUÁT

Mặc dù còn nhiều mặt yếu kém phải khắc phục, những thành tựu quan trọng đạt được đã và đang tạo ra những tiền đề đưa đất nước chuyển dần sang một thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy tới một bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Những tiền đề ấy bao gồm một loạt nhân tố cả về thế và lực, cả về vật chất và tinh thần, về kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa, trong nước và ngoài nước.

Thực tiễn những năm qua cho phép khẳng định: đường lối, chủ trương và chính sách lớn của Đảng về đổi mới là đúng đắn, bước đi là thích hợp. Các Nghị quyết Đại hội VI và Đại hội VII đã và đang đi vào cuộc sống.

Tổng kết thực tiễn đổi mới đưa lại cho chúng ta nhiều bài học bổ ích. Cần khẳng định rằng, những bài học kinh nghiệm bước đầu về đổi mới mà Đại hội VII nêu lên cần được tiếp tục vận dụng trong thực tế. Đó là bài học về giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình đổi mới, biết kết hợp sự kiên định về nguyên tắc và chiến lược cách mạng với sự linh hoạt trong sách lược, nhạy cảm nắm bắt cái mới. Đó là bài học về sự cần thiết đổi mới toàn diện, đồng bộ, nhưng phải có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp. Đó còn là những bài học về việc giữ vững sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước trong quá trình phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát hiện và giải quyết đúng đắn những vấn đề mới nảy sinh trong đổi mới, coi trọng tổng kết thực tiễn và không ngừng bổ sung, từng bước hoàn chỉnh lý luận về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Đổi mới là sự nghiệp khó khăn, chưa có tiền lệ, nhưng chúng ta đã mạnh dạn tìm tòi, dũng cảm tiến hành và giành thắng lợi rất quan trọng. Nguyên nhân cơ bản nhất, quyết định nhất là Đảng ta đã giữ vững vai trò lãnh đạo, không chấp nhận đa nguyên đa đảng, nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ và sáng tạo, có đường lối, chính sách phù hợp với quy luật và thực tiễn Việt Nam, phát huy được sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, mở rộng hợp tác quốc tế.

Đại hội VII đã nêu lên sáu đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng. Đại hội cũng đã chỉ rõ bảy phương hướng cơ bản để từng bước thực hiện trên thực tế các đặc trưng ấy. Đó chính là *định hướng xã hội chủ nghĩa* mà các Hội nghị Trung ương (khóa VII) đã cụ thể hóa để chỉ đạo thực tiễn. Dẫu sao, xây dựng chủ nghĩa xã hội còn là sự nghiệp rất mới mẻ, đòi hỏi nhiều công phu nghiên cứu, khám phá, tìm tòi. Chúng ta

phải không ngừng thông qua tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận mà từng bước hình dung ngày càng sáng tỏ về chủ nghĩa xã hội và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, làm rõ những mô hình cụ thể trong từng lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa... Phải vận dụng sáng tạo và tiếp tục phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đặc biệt là tư tưởng của Lênin về chính sách kinh tế mới, về chủ nghĩa tư bản nhà nước, sáng tạo nhiều hình thức quá độ, những nấc thang trung gian đa dạng, phù hợp với hoàn cảnh lịch sử cụ thể để đưa nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội một cách vững chắc.

### *Phần thứ hai*

## **NHỮNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU TRONG THỜI GIAN TỚI**

Trước mắt nhân dân ta là những thách thức lớn và những cơ hội lớn.

Những thách thức là: nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới do điểm xuất phát thấp, nhịp độ tăng trưởng chưa cao và chưa vững chắc, lại phải đi lên trong môi trường cạnh tranh gay gắt; nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa nếu không khắc phục được những lệch lạc trong chủ trương, chính sách và chỉ đạo thực hiện; nguy cơ về nạn tham nhũng và tệ quan liêu; nguy cơ "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch. Các nguy cơ đó có liên quan mật thiết với nhau, tác động lẫn nhau.

Nhưng chúng ta cũng có nhiều thuận lợi cơ bản: Đảng ta có đường lối đúng đắn, đoàn kết nhất trí; nhân dân ta cần cù và thông minh, giàu lòng yêu nước, có bản lĩnh và ý chí cách mạng kiên cường, tin tưởng ở sự lãnh đạo của Đảng; các lực lượng vũ trang tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta; những thành tựu của công cuộc đổi mới đang tạo ra thế và lực mới; sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, xu thế mở rộng quan hệ hợp tác phát triển trên thế giới và trong khu vực đem lại cho chúng ta khả năng có thêm những nguồn lực quan trọng.

Mục tiêu tổng quát mà Đại hội VII đề ra cho đến năm 1995 là: "Vượt qua khó khăn thử thách. Ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường

ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa đất nước cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay". Hai năm rưỡi vừa qua, chúng ta đã thực hiện được một phần quan trọng mục tiêu đó nhất là mục tiêu về kinh tế. Trong những năm còn lại của nhiệm kỳ, phải *động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đồng tâm nhất trí, nỗ lực vượt bậc, nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường, mở rộng hợp tác quốc tế, thực hành cần kiệm, liêm chính, ra sức khai thác thuận lợi nắm bắt thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thử thách, thực hiện thắng lợi mục tiêu tổng quát nêu trên, thúc đẩy nhanh hơn nhịp độ thực hiện những mục tiêu của chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, phấn đấu vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.*

Sau đây là những nhiệm vụ chủ yếu:

**1. Thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.**

Những tiến bộ về kinh tế - xã hội cùng với sự mở rộng và tăng cường hợp tác phát triển với các nước và các tổ chức quốc tế cho phép chúng ta đẩy tới một bước công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhằm tạo thêm nhiều công ăn việc làm, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, cải thiện hơn nữa đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Đây là nhiệm vụ trung tâm có tầm quan trọng hàng đầu trong thời gian tới. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là con đường thoát khỏi nguy cơ tụt hậu xa hơn so với các nước xung quanh, giữ được ổn định chính trị, xã hội, bảo vệ được độc lập, chủ quyền và định hướng phát triển xã hội chủ nghĩa.

Đương nhiên, chúng ta tiến hành công nghiệp hóa không theo kiểu cũ, không lặp lại sai lầm nóng vội, chủ quan mà Đại hội VI đã phê phán. Công nghiệp hóa thực chất là xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Đó không chỉ đơn giản là tăng thêm tốc độ và tỷ trọng của sản xuất công nghiệp trong nền kinh tế, mà là quá trình chuyển dịch cơ cấu gắn với đổi mới căn bản về công nghệ, tạo nền tảng cho sự tăng trưởng nhanh, hiệu quả cao và lâu bền của toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Công nghiệp hóa phải đi đôi với hiện đại hóa, kết hợp những bước tiến tuần tự về công nghệ với việc tranh thủ những cơ hội đi tắt, đón đầu, hình thành những mũi nhọn phát triển theo trình độ tiên tiến của khoa học công nghệ thế giới.

Phương hướng, quy mô, bước đi của tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải được cân nhắc kỹ trên cơ sở thấu suốt các quan điểm lớn sau đây:

Giữ vững độc lập tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế, xây dựng một nền kinh tế mở cả trong và ngoài nước, đa phương hóa và đa dạng hóa quan hệ với nước ngoài; kết hợp kinh tế với quốc phòng - an ninh, gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hóa, bảo vệ môi trường.

- Kiên trì chiến lược hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả, phát huy lợi thế so sánh của cả nước cũng như từng vùng, từng ngành, từng lĩnh vực, trong từng thời kỳ, không ngừng nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường trong nước, thị trường khu vực và thị trường quốc tế.

Lấy hiệu quả kinh tế xã hội làm tiêu chuẩn cơ bản để xác định phương hướng phát triển, lựa chọn các dự án đầu tư và công nghệ.

Khai thác nhanh thế mạnh của cả nước, của mỗi vùng, mỗi ngành, tập trung thích đáng nguồn lực cho các lĩnh vực, các địa bàn trọng điểm sớm đưa lại hiệu quả cao. Đồng thời quan tâm đáp ứng những nhu cầu thiết yếu, có chính sách, cơ chế, giải pháp thiết thực đối với những nơi khó khăn, đẩy mạnh hợp tác phát triển, bảo đảm cho các vùng và các thành phần dân cư đều có lợi ích và được hưởng thành quả của sự tăng trưởng.

Chú trọng quy mô nhỏ và vừa, vốn đầu tư ít, thu hồi nhanh, theo phương châm "lấy ngắn nuôi dài"; xây dựng một số công trình quy mô lớn cần thiết và có hiệu quả.

Đầu tư chiều sâu để khai thác tối đa năng lực sản xuất và công nghệ hiện có, tập trung vào những khâu quyết định khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại, bảo đảm tính tiên tiến của thiết bị và công nghệ nhập khẩu, ưu tiên cho loại công nghệ tốn ít vốn, tạo nhiều việc làm trực tiếp hoặc gián tiếp.

Từ nay đến cuối thập kỷ, phải rất quan tâm đến công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn, phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Mở rộng thương nghiệp, du lịch, dịch vụ ở cả thành thị và nông thôn, đẩy mạnh các hoạt động kinh tế đối ngoại khác... Cải tạo, mở rộng, nâng cấp và xây dựng mới có trọng điểm kết cấu hạ tầng vật chất ở những khâu ách tắc nhất, đang cản trở sự phát triển. Xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng trong những ngành trọng yếu mà nhu cầu đòi hỏi bức bách và có điều kiện về vốn, công nghệ, thị trường để phát huy tác dụng nhanh và có hiệu quả cao. Phát triển sự nghiệp nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ, giáo dục

và đào tạo, y tế, bảo vệ môi trường, đáp ứng yêu cầu phát triển trước mắt cũng như lâu dài.

Trong khi ra sức khai thác các lợi thế so sánh trước mắt về nhân công rẻ, tài nguyên và vị trí địa lý thuận lợi, cần quan tâm nghiên cứu và dự báo chiều hướng phát triển trong khu vực và trên thế giới, chiến lược và chính sách của các bên đối tác và các đối thủ cạnh tranh; phát hiện những cơ hội, những lợi thế so sánh mới, bồi dưỡng để phát huy tối đa nguồn lực quyết định nhất là con người Việt Nam để định hướng phát triển lâu dài và chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho việc phát triển theo định hướng đó.

*Để công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cần huy động nhiều nguồn vốn, gắn với sử dụng vốn có hiệu quả.* Trong đó, nguồn vốn trong nước là quyết định, nguồn vốn từ bên ngoài là quan trọng.

Để bảo đảm tăng trưởng bình quân hàng năm không dưới 8%, phải nhanh chóng đưa tổng vốn đầu tư tới mức trên 20% GDP hàng năm trong vài năm tới và cao hơn trong những năm sau, đi đôi với nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Điều đó đòi hỏi nỗ lực lớn, có chủ trương, chính sách thích đáng để động viên toàn xã hội ra sức cần kiệm trong sản xuất, tiết kiệm trong tiêu dùng, dồn vốn cho đầu tư phát triển, nhất là cho lĩnh vực sản xuất vật chất.

Đầu tư tập trung của ngân sách nhà nước có ý nghĩa quyết định đối với sự tăng trưởng của toàn bộ nền kinh tế. Cần tăng nhanh hơn nữa nguồn vốn đầu tư tập trung bằng cách tăng mức huy động GDP vào ngân sách: thu hút các nguồn viện trợ và tín dụng ưu đãi của các chính phủ, các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc tế; kiểm kê, kiểm soát, quản lý chặt chẽ, phân bổ và sử dụng có hiệu quả những tài sản công hiện có, chống thất thoát, lãng phí.

Vốn đầu tư của Nhà nước chủ yếu dùng để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội, xây dựng mới một số cơ sở công nghiệp mũi nhọn, then chốt, một số cơ sở công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, làm hàng hóa và dịch vụ xuất khẩu và dành một phần cho việc tài trợ các dự án giải quyết việc làm, nhất là để phủ xanh đất trống đồi trọc, đánh bắt thủy hải sản, tiến mạnh ra khơi.

Nhà nước chỉ cấp vốn đầu tư cho những công trình hoặc sự nghiệp thuộc kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có năng lực trực tiếp thu hồi vốn. Phần còn lại dùng làm vốn tín dụng đầu tư của Chính phủ mà người sử dụng phải hoàn trả.

Đổi mới cơ chế quản lý xây dựng cơ bản để ngăn chặn tiêu cực, lãng phí, thất thoát vốn nhà nước, nhất là các khâu thiết kế, xác định đơn giá xây dựng, nghiệm thu công trình. Sử dụng dịch vụ thẩm định chất lượng, giá cả vật tư thiết bị nhập khẩu và kiểm toán của các công ty trong nước và ngoài nước có uy tín trong lĩnh vực này. Mỗi công trình đều phải có người làm chủ cụ thể; nếu là công trình phải thu hồi vốn, thì phải thu hồi đủ và đúng hạn cho Nhà nước.

Khai thác mọi khả năng tiết kiệm và tự đầu tư phát triển của nhân dân, của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế bằng nhiều hình thức sao cho mọi tiềm năng đều được huy động, mọi đồng vốn đều sinh lời, nâng dần tỷ trọng của nguồn vốn này trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

Để mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả đầu tư, phải bổ sung, hoàn chỉnh những *chính sách vĩ mô* cần thiết, trước hết là:

+ Ổn định môi trường kinh tế vĩ mô, thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần, bảo hộ mọi hình thức sở hữu hợp pháp và quyền tự do kinh doanh theo pháp luật; ban hành luật đầu tư trong nước và các luật lệ, thể chế cần thiết khác để khuyến khích và hỗ trợ các nỗ lực đầu tư phát triển.

+ Đổi mới chính sách tài chính quốc gia, giải quyết tốt mối quan hệ giữa tài chính nhà nước với tài chính của doanh nghiệp và dân cư, xử lý thỏa đáng nhu cầu động viên thu nhập tập trung vào ngân sách với nhu cầu tự đầu tư của từng doanh nghiệp và dân cư, bảo đảm lợi ích cho người đầu tư, tạo động lực mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh.

Hình thành và phát triển thị trường vốn mà nòng cốt là các ngân hàng đầu tư và ngân hàng thương mại, các công ty tài chính, các hãng bảo hiểm. Tiếp tục cải cách hệ thống ngân hàng, tuân thủ những nguyên tắc của cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế, nhằm huy động và cho vay vốn có hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu tăng trưởng cao của nền kinh tế quốc dân. Phát triển các hình thức công ty cổ phần, mở rộng từng bước việc phát hành và lưu thông các loại cổ phiếu, tín phiếu, trái phiếu, tạo tiền đề thiết lập thị trường chứng khoán.

+ Bổ sung, sửa đổi các cơ chế, chính sách nhằm thực hành nghiêm ngặt chế độ tiết kiệm trong mọi hoạt động của các cơ quan đảng, nhà nước, quân đội, công an, các đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân, dồn vốn cho đầu tư phát triển.

+ Song song với việc khai thác các nguồn lực trong nước, cần tạo các điều kiện để thu hút nhiều hơn và có hiệu quả hơn vốn và công nghệ bên

ngoài. Thực hiện các chính sách rộng rãi để thu hút mạnh vốn đầu tư nước ngoài. Xây dựng cơ chế và quy định trách nhiệm đối với việc vay nợ, trả nợ nước ngoài, bảo đảm sử dụng vốn vay có hiệu quả, không để nợ nần chồng chất. Quy hoạch các vùng, trước hết là các địa bàn trọng điểm, các khu chế xuất, khu kinh tế đặc biệt, khu công nghiệp tập trung. Xây dựng các dự án đầu tư, cân nhắc thứ tự ưu tiên các công trình cần gọi vốn đầu tư của nước ngoài. Bảo đảm căn cứ khoa học cho việc bố trí các công trình quan trọng, tránh những sai lầm gây hậu quả lâu dài. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư cả về pháp luật, quy chế lẫn điều kiện sinh hoạt và làm việc cho các nhà đầu tư nước ngoài.

Việc khuyến khích đầu tư trực tiếp của nước ngoài phải đặt trong chiến lược phát triển và cơ chế quản lý đồng bộ, bảo đảm chủ quyền, khả năng kiểm soát và định hướng của Nhà nước đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng cơ chế quản lý nhà nước đối với việc thực hiện các dự án đầu tư có vốn nước ngoài và các công trình hoàn thành xây dựng đi vào hoạt động. Đi đôi với việc mở rộng nhiều hình thức đầu tư, cần tăng dần tỷ trọng tham gia của phía Việt Nam vào các công trình hợp tác liên doanh.

Các ngành khoa học và công nghệ phải tập trung nghiên cứu ứng dụng nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh, phục vụ yêu cầu chuyển dịch cơ cấu theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đáp ứng đòi hỏi đổi mới trang bị trong nền kinh tế quốc dân, nâng cao trình độ công nghệ hiện có, hiện đại hóa những công nghệ truyền thống và tiếp thu công nghệ mới một cách thích hợp. Góp phần quản lý, thẩm định chặt chẽ công nghệ nhập khẩu. Chú trọng phát triển các lĩnh vực điện tử - tin học, công nghệ sinh học, vật liệu mới.

Bằng thực tiễn hoạt động đổi mới, bám sát cuộc sống, kịp thời phát hiện và nâng cao những sáng kiến của nhân dân, đẩy mạnh công tác nghiên cứu một cách thiết thực, tiếp tục làm sáng tỏ những vấn đề của chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

**2. Thực hiện nhất quán chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần, tạo động lực và môi trường thuận lợi hơn nữa cho các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp phát triển nhanh và có hiệu quả cao.**

Tiếp tục chấn chỉnh và xây dựng *khu vực doanh nghiệp nhà nước* hoạt động có hiệu quả, đảm nhiệm được vai trò chủ đạo trong nền kinh tế là một việc hết sức quan trọng và cấp bách. Vai trò đó thể hiện ở chỗ mở đường và



hỗ trợ cho các thành phần khác phát triển, thúc đẩy sự tăng trưởng nhanh và lâu bền của nền kinh tế, là một công cụ có sức mạnh vật chất để Nhà nước điều tiết và hướng dẫn nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Phân biệt sở hữu nhà nước với hình thức doanh nghiệp nhà nước. Tài sản và vốn thuộc sở hữu nhà nước được sử dụng dưới nhiều hình thức, vừa bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội cao, vừa tăng cường khả năng thúc đẩy và kiểm soát trực tiếp của Nhà nước đối với các hoạt động kinh tế, như: đầu tư vào khu vực doanh nghiệp nhà nước (gồm những doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước hay Nhà nước nắm một tỷ lệ cổ phần đủ sức khống chế); giao quyền sử dụng lâu dài (đất đai, rừng...); cho thuê, tô nhượng (hầm mỏ), liên doanh góp cổ phần, mua cổ phiếu của các doanh nghiệp thuộc những thành phần khác.

Tập trung xây dựng doanh nghiệp nhà nước ở những ngành, những lĩnh vực, những khâu như kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, hệ thống tài chính - ngân hàng bảo hiểm, một số cơ sở sản xuất và dịch vụ trọng yếu, bảo đảm cho toàn bộ nền kinh tế phát triển với hiệu quả cao. Trong các lĩnh vực này, không loại trừ sự tham gia của các thành phần kinh tế khác với hình thức và mức độ khác nhau. Theo yêu cầu đó, vừa giảm bớt những doanh nghiệp không cần giữ hình thức quốc doanh, vừa củng cố, mở rộng và xây dựng mới những doanh nghiệp nhà nước cần thiết.

Củng cố và phát triển doanh nghiệp nhà nước trong nông - lâm - ngư nghiệp theo hướng liên kết, hợp tác với các loại hình doanh nghiệp khác nhau để phát huy vai trò là trung tâm công nghiệp, dịch vụ (nhất là công nghiệp chế biến), trung tâm khoa học - kỹ thuật; trung tâm văn hóa - xã hội trên từng địa bàn.

Chấn chỉnh và tăng cường hệ thống thương nghiệp nhà nước, chủ yếu trên các lĩnh vực kinh doanh xuất - nhập khẩu các vật tư thiết yếu và bán buôn, giữ tỷ trọng cần thiết trong bán lẻ, cùng các thành phần khác ổn định và phát triển lành mạnh thị trường; làm cho giao lưu hàng hóa thông suốt, phục vụ và thúc đẩy sản xuất phát triển, bảo vệ lợi ích của người sản xuất và người tiêu dùng.

Đổi mới cơ bản tổ chức và cơ chế quản lý doanh nghiệp nhà nước để vừa bảo đảm quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp trong cơ chế thị trường, vừa bảo đảm sự kiểm soát của Nhà nước. Nguyên nhân cơ bản của tình trạng nhiều doanh nghiệp nhà nước làm ăn kém hiệu quả, tiêu cực và lãng phí lớn là do tài sản của Nhà nước không có người làm chủ trực tiếp,

có trách nhiệm và lợi ích rõ ràng đối với việc sử dụng có hiệu quả các tài sản đó; công nhân viên chức làm việc tại doanh nghiệp không có động lực thường xuyên và bền vững để gắn bó thiết thân với sự phát triển của doanh nghiệp, không có quyền hạn vật chất và tổ chức đủ mạnh để tham gia định đoạt các quyết sách làm ăn, ngăn chặn từ gốc tệ tham nhũng, làm thất thoát, hư hỏng tài sản công. Phải tìm giải pháp khắc phục bằng được tình trạng đó.

Để thu hút thêm các nguồn vốn, tạo nên động lực, ngăn chặn tiêu cực, thúc đẩy doanh nghiệp nhà nước làm ăn có hiệu quả, cần thực hiện các hình thức cổ phần hóa có mức độ phù hợp với tính chất và lĩnh vực sản xuất - kinh doanh; trong đó, sở hữu nhà nước chiếm tỷ lệ cổ phần chi phối.

+ Áp dụng từng bước vững chắc việc bán một tỷ lệ cổ phần cho công nhân viên chức làm việc tại doanh nghiệp.

+ Nghiên cứu, làm thí điểm và áp dụng từng bước vững chắc việc chia lợi nhuận của các doanh nghiệp nhà nước (sau khi nộp đủ thuế, dành quỹ tích lũy sản xuất và phúc lợi xã hội) theo lương cơ bản cho công nhân viên chức làm việc tại doanh nghiệp.

+ Thí điểm việc bán một phần cổ phần, cổ phiếu của một số doanh nghiệp nhà nước cho các tổ chức và cá nhân ngoài doanh nghiệp.

+ Trên cơ sở cổ phần hóa, tổ chức hội đồng quản trị gồm đại diện cho sở hữu nhà nước, sở hữu của công nhân doanh nghiệp và các chủ sở hữu khác. Định quy chế và tiêu chuẩn để hội đồng quản trị tuyển chọn giám đốc điều hành.

Hoàn thiện và áp dụng rộng rãi các hình thức khoán trong doanh nghiệp nhà nước.

Nhà nước hỗ trợ, khuyến khích và thực hiện từng bước vững chắc, phù hợp với yêu cầu phát triển của nền kinh tế, việc đổi mới các liên hiệp xí nghiệp, các tổng công ty theo hướng tổ chức các tập đoàn kinh doanh, khắc phục tính chất hành chính, trung gian.

Xóa bỏ dần (có qua làm thí điểm) chế độ bộ chủ quản, cấp hành chính chủ quản và sự phân biệt xí nghiệp Trung ương và xí nghiệp địa phương.

Cơ quan nhà nước các ngành, các cấp phải chăm lo giúp đỡ doanh nghiệp nhà nước làm ăn có hiệu quả, nhất là giúp xử lý các vấn đề vốn, công nghệ, thị trường và đào tạo, sử dụng cán bộ. Đối với những doanh nghiệp phục vụ lợi ích chung về kinh tế - xã hội nhưng mức sinh lợi trực tiếp thấp hoặc bị thua lỗ, Nhà nước có chính sách ưu đãi hợp lý, không gây

ỷ lại. Có quy chế bảo đảm sự kiểm soát của Nhà nước theo đúng chức năng, đồng thời khắc phục tình trạng thanh tra, kiểm tra tùy tiện gây hậu quả xấu cho doanh nghiệp. Đối với những doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong những khâu và lĩnh vực không thiết yếu, thua lỗ kéo dài, không có điều kiện chấn chỉnh, thì xử lý dứt điểm theo những biện pháp mà Hội nghị Trung ương 2 (khóa VII) đã nêu ra.

*Đổi mới kinh tế hợp tác xã, phát huy vai trò tự chủ của kinh tế hộ xã viên.* Nhà nước giúp đỡ, hỗ trợ và hướng dẫn phát triển các loại hình kinh tế hợp tác trong các ngành và lĩnh vực của nền kinh tế, trên nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi, quản lý dân chủ, kết hợp được sức mạnh của tập thể và sức mạnh của hộ xã viên.

Đổi mới hợp tác xã và phát triển các hình thức kinh tế hợp tác trong nông, lâm, ngư nghiệp theo Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VII); xử lý dứt điểm những hợp tác xã trì trệ kéo dài.

Tiếp tục nghiên cứu, đổi mới và thúc đẩy các hình thức kinh tế hợp tác trong tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, vận tải, tín dụng, thương nghiệp, dịch vụ. Hợp tác xã có thể kinh doanh tổng hợp nhiều ngành nghề, trên nhiều địa bàn, không bị ràng buộc bởi ranh giới hành chính. Bên cạnh vốn góp cổ phần của xã viên, tài sản không chia của tập thể, hợp tác xã có thể huy động vốn và sức lao động ngoài các thành viên của mình. Xã viên được hưởng thu nhập từ hợp tác xã theo lao động và theo cổ phần. Hợp tác xã có nhiều mức độ về tập thể hóa tư liệu sản xuất, tùy theo nhu cầu sản xuất kinh doanh, nguyện vọng và lợi ích của xã viên.

*Kinh tế cá thể, tiểu chủ* hoạt động phần lớn dưới hình thức hộ gia đình, đang là một bộ phận đông đảo và có tiềm năng to lớn, có vị trí quan trọng lâu dài. Phải có chính sách giúp đỡ, hỗ trợ thành phần này về vốn, về công nghệ, về thông tin thị trường, v.v... giúp họ làm ăn có hiệu quả, tạo thêm công ăn việc làm và đóng góp vào công cuộc phát triển đất nước. Đồng thời hướng dẫn, vận động kinh tế cá thể từng bước đi vào làm ăn hợp tác trên nguyên tắc tự nguyện.

*Kinh tế tư bản tư nhân* trong và ngoài nước đang ngày càng phát triển và có những đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng đất nước. Nhà nước tiếp tục khuyến khích kinh tế tư bản tư nhân phát triển trong những ngành và lĩnh vực mà pháp luật không cấm, bảo hộ quyền sở hữu và lợi ích hợp pháp của các nhà kinh doanh tư nhân: góp vốn cùng tư nhân đầu tư phát triển trên cơ sở thỏa thuận; khuyến khích các chủ doanh nghiệp tư nhân dành cổ phần ưu đãi để bán cho công nhân viên làm việc trực tiếp tại

doanh nghiệp; giúp đỡ, hướng dẫn họ khắc phục các khó khăn, làm ăn đúng pháp luật. Có quy chế và tổ chức cụ thể nhằm thực hiện đầy đủ các chức năng quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp của bên ngoài.

Đi đôi với kiểm kê, kiểm soát của Nhà nước, cần phát triển cơ sở đảng, công đoàn, các tổ chức chính trị xã hội của quần chúng trong các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp hợp tác - liên doanh trong nước và với nước ngoài, nhằm góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh có hiệu quả, bảo vệ lợi ích hợp pháp của người lao động, ngăn chặn những việc làm phi pháp.

Tạo điều kiện và môi trường pháp lý cho hoạt động cạnh tranh hợp pháp, cho sự hợp tác, liên doanh một cách tự nguyện, cùng có lợi giữa các doanh nghiệp, không bị hạn chế bởi ranh giới ngành chủ quản hoặc địa phương: dựa vào những doanh nghiệp nhà nước lớn làm nòng cốt, hình thành những tập đoàn kinh doanh đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.

### **3. Xây dựng đồng bộ cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.**

Tiếp tục xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế mới, kiên trì quá trình chuyển đổi sang cơ chế thị trường đi đôi với tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước.

Hoàn thiện các cơ chế, chính sách, tạo điều kiện cần thiết cho cơ chế thị trường hoạt động có hiệu quả: bảo đảm quyền tự chủ của các chủ thể kinh doanh; giá cả chủ yếu do thị trường định đoạt; các tín hiệu thị trường là căn cứ rất quan trọng để phân bổ nguồn lực cho các lĩnh vực sản xuất kinh doanh; khuyến khích cạnh tranh hợp pháp, lành mạnh, hạn chế độc quyền; nhà kinh doanh được tìm kiếm lợi nhuận một cách hợp pháp...

Nhà nước chỉ trực tiếp định giá đối với một số ít những hàng hóa - dịch vụ hoặc vì ý nghĩa kinh tế - xã hội đặc biệt quan trọng, hoặc vì tính chất độc quyền cao, song cũng không thoát ly cơ sở thị trường. Xử lý đúng giá điện, nước, xăng dầu, cước phí vận tải... xóa bù lỗ, điều tiết thu nhập một cách hợp lý, tạo cơ sở để mở rộng tái sản xuất và hạn chế lãng phí trong sử dụng. Tuân thủ nguyên tắc lãi suất thực dương, theo sát mức biến động của chỉ số lạm phát, tạo thuận lợi cả cho thu hút vốn lẫn cho vay phát triển. Điều hành tốt tỷ giá hối đoái, bảo đảm mức tỷ giá thực tế, tương đối ổn định nhưng không cứng nhắc, có tác dụng thúc đẩy xuất khẩu và kiểm soát nhập khẩu. Hình thành giá tiền công (tiền lương) hợp lý. Có chính

sách trợ giá, có chọn lọc đối với hàng nông sản, hàng xuất khẩu; bảo hộ đúng mức sản xuất nội địa, bảo hộ lợi ích của cả người sản xuất lẫn người tiêu dùng. Hình thành đồng bộ các loại thị trường: hàng hóa - dịch vụ, sức lao động, vốn, công nghệ, bất động sản, v.v...

Tăng cường quản lý vĩ mô của Nhà nước nhằm định hướng và chỉ đạo sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế xã hội, tạo môi trường kinh tế và khuôn khổ pháp lý cho hoạt động sản xuất kinh doanh, phát huy mặt tích cực, ngăn ngừa và khống chế những tác động tự phát, tiêu cực, khắc phục những mặt khiếm khuyết vốn có của cơ chế thị trường, làm cho thị trường thật sự trở thành công cụ quan trọng trong việc phân bổ và sử dụng có hiệu quả hơn các nguồn lực, phân phối và phân phối lại thu nhập quốc dân, bảo đảm quan hệ tích lũy - tiêu dùng, điều tiết lợi ích giữa các thành phần kinh tế, các tầng lớp dân cư, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng nhanh hơn, ổn định vững chắc hơn, công bằng xã hội nhiều hơn.

Quản lý vĩ mô của Nhà nước phải bao quát toàn bộ nền kinh tế quốc dân, các thành phần kinh tế, chứ không riêng khu vực doanh nghiệp nhà nước. Tăng cường tính tập trung thống nhất của Chính phủ trong điều hành vĩ mô nền kinh tế, đi đôi với việc mở rộng trách nhiệm và quyền hạn của ngành và địa phương đối với những vấn đề mà các cấp này có khả năng xử lý có hiệu quả hơn; bảo đảm quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp.

Các bộ chuyên ngành tập trung làm tốt chức năng hoạch định chiến lược, quy hoạch, chính sách phát triển của toàn ngành, hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, kiểm soát các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần, trên mọi địa bàn, theo đúng chức năng quản lý nhà nước về ngành kinh tế - kỹ thuật mà bộ phụ trách. Tăng cường vai trò quản lý xuyên suốt các ngành và lĩnh vực của các bộ tổng hợp, làm cho mọi hoạt động kinh tế - xã hội đều nằm trong phạm vi quản lý vĩ mô có hiệu lực của Nhà nước.

Các cấp chính quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn đối với mọi doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, không phân biệt kinh tế Trung ương hay địa phương.

Hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, làm cho pháp luật được thực hiện nghiêm minh.

Củng cố và tăng cường vai trò tham mưu của cơ quan kế hoạch, làm tốt các chức năng lập quy hoạch, kế hoạch để định hướng phát triển; tính toán và duy trì các cân đối vĩ mô; thực hiện các ý đồ về điều chỉnh cơ cấu đầu tư, chuyển dịch cơ cấu kinh tế; làm trung tâm điều phối các nguồn lực tập

trung huy động được từ trong và ngoài nước để sử dụng có hiệu quả cho việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội.

Tiếp tục cải cách sâu sắc và toàn diện hệ thống tài chính - tiền tệ.

Xử lý tốt các quan hệ sau đây theo hướng tăng tích lũy cho đầu tư phát triển, bảo đảm quản lý thống nhất nền tài chính quốc gia: tích lũy và tiêu dùng; tài chính nhà nước và tài chính của doanh nghiệp, của dân cư; ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương; chi tiêu thường xuyên với chi đầu tư phát triển và bảo đảm quốc phòng an ninh; huy động vốn trong nước và vốn bên ngoài; đáp ứng các nhu cầu trước mắt với tiết kiệm và đầu tư phát triển vì lợi ích lâu dài; quyền tự chủ tài chính của doanh nghiệp với sự kiểm kê, kiểm soát chặt chẽ về mặt tài chính của Nhà nước.

Khống chế bội chi ngân sách ở mức dưới 5% GDP, tăng thu để bảo đảm chi, không bù đắp bội chi ngân sách bằng phát hành tiền, tiến tới thăng bằng thu chi ngân sách.

Cải cách hệ thống kế toán. Phát triển hoạt động kiểm toán nhà nước và kiểm toán tư nhân.

Ngân hàng Trung ương có trách nhiệm xây dựng và thi hành chính sách tiền tệ, bảo đảm cung ứng vừa đủ lượng tiền cho lưu thông thông suốt; kiểm soát lạm phát, phối hợp với các cơ quan tài chính, thương mại, giá cả để giữ chỉ số tăng giá bình quân hàng năm ở mức một con số, phấn đấu cân đối cán cân thanh toán quốc tế, tăng quỹ dự trữ ngoại tệ.

Hệ thống tài chính, ngân hàng phải làm tốt chức năng tạo vốn, huy động và cho vay vốn có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển kinh tế, chức năng trung tâm thanh toán và lưu thông tiền tệ của toàn xã hội.

Cải tiến cơ chế quản lý ngoại tệ, tạo điều kiện cho đồng tiền Việt Nam có thể chuyển đổi tự do, trở thành phương tiện thanh toán duy nhất trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

#### **4. Chăm lo các vấn đề văn hóa, xã hội.**

Tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về các lĩnh vực văn hóa, xã hội là chăm sóc, bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người, với tư cách vừa là động lực vừa là mục tiêu của cách mạng. Trong đó, việc làm, công bằng xã hội, nâng cao dân trí, lành mạnh hóa xã hội, bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân là những vấn đề nổi lên hiện nay.

Phương hướng quan trọng nhất để *tạo công ăn việc làm* là Nhà nước cùng với toàn dân ra sức tiết kiệm để đầu tư phát triển, thực hiện tốt chiến lược kinh tế - xã hội. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế, mọi công dân, mọi nhà đầu tư trong và ngoài nước mở mang ngành nghề, tạo nhiều việc làm cho người lao động, giảm nhanh số người chưa có hoặc thiếu việc làm. Mở rộng kinh tế đối ngoại. Đẩy mạnh xuất khẩu lao động.

Mở các lớp dạy nghề cho thanh niên, nâng cao kiến thức và tay nghề. Đối với những người dôi ra trong khu vực hành chính, sự nghiệp cũng như trong các đơn vị kinh tế, phải tổ chức đào tạo lại, dạy nghề, giúp vốn, hướng dẫn sản xuất kinh doanh, tìm việc làm mới. Đẩy mạnh hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm.

Trong các doanh nghiệp tư bản tư nhân, pháp luật phải bảo vệ lợi ích hợp pháp của cả người lao động và người chủ. Luật Lao động, Luật Tiền công, Luật Bảo hiểm, Luật Thuế... đã và sẽ được ban hành theo hướng vừa khuyến khích đầu tư phát triển, vừa hạn chế bất công xã hội; ngăn chặn làm ăn phi pháp. Nội quy, điều lệ và kỷ luật lao động do các doanh nghiệp đề ra không được trái với pháp luật.

*Tăng trưởng kinh tế phải gắn với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển.* Công bằng xã hội thể hiện cả ở khâu phân phối hợp lý tư liệu sản xuất, lẫn ở khâu phân phối kết quả sản xuất, cũng như ở điều kiện phát triển năng lực của mọi thành viên trong cộng đồng.

Thực hiện nguyên tắc ai làm việc có hiệu quả cao hơn, có đóng góp nhiều hơn thì thu nhập lớn hơn và ngược lại; chống chủ nghĩa bình quân, chống dựa dẫm, ỷ lại. Phân phối theo lao động là chủ yếu, khuyến khích và đãi ngộ xứng đáng các tài năng; đồng thời phân phối theo nguồn vốn đóng góp vào sản xuất, kinh doanh.

Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói giảm nghèo. Coi việc một bộ phận dân cư giàu trước là cần thiết cho sự phát triển. Đồng thời, có chính sách ưu đãi hợp lý về tín dụng, về thuế, đào tạo nghề nghiệp để tạo điều kiện cho người nghèo có thể tự mình vươn lên làm đủ sống và phấn đấu trở thành khá giả. Các vùng giàu, vùng phát triển trước phải cùng Nhà nước giúp đỡ, lôi cuốn các vùng nghèo, vùng phát triển sau để cùng vươn lên, nhất là những vùng đang có rất nhiều khó khăn, nghèo hơn các vùng nghèo khác như các vùng cao, vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng căn cứ cách mạng trước đây. Đồng thời các vùng nói trên phải phấn đấu vươn lên, phát huy tiềm năng tại chỗ và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn hỗ trợ. Động viên những người giàu góp sức cùng Nhà nước giúp đỡ

người nghèo theo hướng tương trợ về vốn, công cụ, vật tư, truyền bá kinh nghiệm, chỉ dẫn cách thức làm ăn.

Lập quỹ toàn dân đền ơn, đáp nghĩa những người có công với nước.

Có chính sách điều tiết hợp lý đối với những người giàu; động viên các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân tự nguyện tham gia các hoạt động nhân đạo, ái hữu, từ thiện, giúp đỡ những nạn nhân chiến tranh, những nơi bị thiên tai, những người tàn tật, già cả, neo đơn không có khả năng lao động.

Đề cao trách nhiệm của mỗi công dân tự giải quyết những vấn đề của bản thân và gia đình mình; đồng thời tăng cường cộng đồng trách nhiệm của toàn xã hội, phát huy truyền thống nhân ái của dân tộc ta.

*Tích cực thực hiện những mục tiêu và giải pháp đã nêu trong Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VII) về giáo dục và đào tạo, văn hóa, văn nghệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân và công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình.*

Phấn đấu trong một số năm đạt được chuyển biến đáng kể trong giáo dục, làm cho giáo dục ngày càng thực hiện tốt chức năng nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Trước mắt, phải thực hiện bằng được phổ cập tiểu học; những nơi có điều kiện thì thực hiện phổ cập cấp II. Có chính sách miễn, giảm học phí và giúp đỡ thích đáng nhằm bảo đảm việc học hành của con em các gia đình nghèo, nhất là ở vùng sâu, vùng cao, vùng căn cứ cách mạng trước đây. củng cố các trường dân tộc nội trú hiện có và mở thêm một số trường mới. Tổ chức lại hệ thống dạy nghề; củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống trường sư phạm; sắp xếp lại hệ thống đại học theo hướng gắn học chữ với học nghề, học đi đôi với hành, gắn đào tạo, nghiên cứu với sản xuất. Xây dựng các trung tâm đại học quốc gia. Thiết kế lại mục tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục cho phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước. Có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo lại đội ngũ giáo viên. Có chính sách ưu đãi thỏa đáng đội ngũ thầy giáo. Tăng cường quản lý nhà nước của ngành giáo dục và đào tạo.

Chăm lo xây dựng nền *văn hóa* tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Giáo dục nếp sống, đạo đức và phong cách ứng xử có văn hóa cho mọi người. Phát triển văn hóa dân tộc đi đôi với mở rộng giao lưu văn hóa với nước ngoài, vừa giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, vừa tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới. Kiên quyết chống những hiện tượng và hành vi thô bạo, lai căng phản văn hóa, phi đạo đức và nhân tính. Kế thừa, phát huy truyền thống nhân ái, nghĩa tình, thuần phong mỹ tục đi đôi với bài trừ hủ tục, mê tín, dị đoan và các tệ nạn xã hội khác.



Củng cố, nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, văn nghệ. Bảo đảm dân chủ tự do cho mọi sự sáng tạo và hoạt động văn hóa đi đôi với đề cao trách nhiệm của văn nghệ sĩ trước công chúng và dân tộc. Bồi dưỡng tài năng, khuyến khích sáng tạo những tác phẩm lành mạnh, có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao. Phấn đấu có nhiều tác phẩm tốt cổ vũ công cuộc đổi mới, biểu dương những nhân tố tích cực; đồng thời kiên quyết phê phán những hiện tượng tiêu cực, những khuynh hướng lệch lạc, chống mọi luận điệu và hành động thù địch. Phát triển các hoạt động văn hóa nghiệp dư, đẩy mạnh phong trào văn hóa quần chúng ở cơ sở. Tăng cường các phương tiện truyền thông đại chúng để kịp thời phổ biến, tuyên truyền về đường lối, chính sách và pháp luật; đưa đến từng gia đình các giá trị văn hóa, văn học và nghệ thuật, giáo dục cái tốt, cái đẹp, nâng cao hiểu biết và trình độ thẩm mỹ của nhân dân, ngăn chặn sự xâm nhập của những nọc độc văn hóa, những ấn phẩm phản động, đồi trụy.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, chấn chỉnh và nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước đối với hoạt động văn hóa, văn nghệ; bổ sung các chính sách, luật lệ cần thiết và thi hành nghiêm minh.

Chăm lo thích đáng công tác *chăm sóc sức khỏe nhân dân*, nhất là chăm sóc sức khỏe ban đầu, coi phòng bệnh là bước đi trước tích cực. Phục hồi, củng cố, mở thêm các trạm y tế cơ sở ở từng cụm dân cư, lập các đội y tế lưu động ở những nơi chưa có trạm y tế. Từng bước trang bị lại và nâng cấp các bệnh viện, xây dựng một số trung tâm y tế trình độ cao. Thực hiện tốt chế độ bảo hiểm y tế, ban hành chính sách miễn giảm viện phí cho các đối tượng chính sách và cho người nghèo. Đẩy lùi nạn suy dinh dưỡng của trẻ em, bệnh sốt rét, bướu cổ, bệnh phong. Bằng mọi biện pháp kiên quyết ngăn chặn nạn ma túy, mại dâm và bệnh SIDA. Có biện pháp hữu hiệu để trong vài ba năm tới giảm bằng được tỷ lệ tăng dân số bình quân cả nước xuống dưới 2%, chú trọng các vùng có tỷ lệ sinh đẻ cao.

Phát triển rộng rãi phong trào *thể dục, thể thao* nhân dân trong cả nước, trước hết là trong thanh niên, học sinh, từng bước hình thành thể dục, thể thao chuyên nghiệp, đỉnh cao.

*Đấu tranh chống tham nhũng* là vấn đề nóng bỏng, bức bách hiện nay, phải được tiến hành một cách kiên quyết, triệt để, trong toàn bộ máy, ở tất cả các cấp, các ngành, từ Trung ương đến địa phương và cơ sở. Thực hiện đồng bộ những biện pháp chủ yếu sau đây:

Rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách pháp luật và quy tắc làm việc của mọi cơ quan và nhân viên nhà nước, khắc phục bằng được các kẽ

hở trong cơ chế quản lý. Bảo đảm mọi tài sản của Nhà nước đều có người chịu trách nhiệm bảo vệ, sử dụng, phát triển và khi có hành động tham nhũng thì có thể sớm phát hiện để xử lý.

Đổi mới và tăng cường công tác tài vụ, kế toán. Sử dụng rộng rãi các dịch vụ tư vấn, thẩm định, kiểm toán.

Tinh giản bộ máy, cắt giảm những chi tiêu không thật thiết yếu, bảo đảm tiền lương đủ sống cho người hưởng lương.

Tăng cường công tác giáo dục, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên. Thủ trưởng ngành, địa phương và đơn vị phải chịu trách nhiệm đối với các vụ việc tham nhũng trong phạm vi mình trực tiếp phụ trách. Nâng cao trách nhiệm lãnh đạo của đảng bộ cơ sở, tổ chức, động viên đảng viên, quần chúng đấu tranh chống tham nhũng.

Tiến hành nghiêm ngặt các biện pháp kiểm tra, thanh tra, giám sát của các cơ quan chức năng và của cả các tổ chức nhân dân, kịp thời phát hiện bọn tham nhũng. Xử lý kịp thời, nghiêm minh, đúng luật các vụ việc, nhất là các vụ nghiêm trọng, không phân biệt kẻ vi phạm ở cương vị, cấp bậc nào.

*Trong đấu tranh chống các tệ nạn xã hội*, phải kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chống tội phạm và phòng ngừa tội phạm; coi trọng các biện pháp phòng ngừa; xây dựng chương trình quốc gia về phòng ngừa tội phạm, có ngân sách dành cho chương trình đó. Thực hiện nghiêm các hình phạt do luật định đối với kẻ phạm tội; đồng thời tích cực giáo dục, kết hợp với dạy nghề và tổ chức lao động sản xuất, cải thiện các điều kiện giam giữ để cải tạo, cảm hóa phạm nhân, tạo điều kiện đưa họ trở lại làm ăn lương thiện. Ngăn chặn và nghiêm trị các hành vi ngược đãi, ức hiếp người bị giam giữ.

##### **5. Tăng cường quốc phòng và an ninh.**

Trong khi tập trung sức xây dựng đất nước, chúng ta phải coi trọng tăng cường quốc phòng và an ninh, chấp hành thật tốt nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia, giữ vững ổn định chính trị - xã hội và định hướng phát triển xã hội chủ nghĩa.

Cần quán triệt và tiếp tục thực hiện tốt *nhiệm vụ chung về quốc phòng và an ninh*, nắm vững các quan điểm chỉ đạo mà Hội nghị Trung ương 3 đã đề ra. Tiến hành cuộc đấu tranh toàn dân, toàn diện, lâu dài nhằm làm thất bại mọi âm mưu và hành động "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ.

Trong mấy năm trước mắt, cần tập trung sức làm tốt một số công tác lớn dưới đây:

Nâng cao cảnh giác cách mạng, tăng cường các cơ sở chính trị và phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng thế trận an ninh nhân dân gắn chặt với thế trận quốc phòng toàn dân.

- Xây dựng các khu vực phòng thủ vững mạnh, các phòng tuyến an ninh nhân dân, tăng cường tổ chức phòng thủ trên các khu vực trọng điểm, bảo vệ vững chắc toàn vẹn lãnh thổ, chủ quyền và an ninh quốc gia.

Bảo vệ vững chắc an ninh nội bộ, bảo vệ Đảng và chính quyền; phát hiện, ngăn chặn các hoạt động phá hoại.

Tăng cường quản lý nhà nước về trật tự xã hội; chống tội phạm. Xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, trật tự an toàn xã hội.

Tập trung sức xây dựng lực lượng quân đội nhân dân và công an nhân dân về chính trị, tư tưởng, tổ chức. Bảo quản tốt trang bị kỹ thuật và từng bước hiện đại hóa có trọng điểm một số loại trang bị rất cần thiết. Chú trọng đầu tư cho xây dựng công nghiệp quốc phòng. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, bảo đảm cho lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ.

Tăng cường lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với sự nghiệp quốc phòng và an ninh. Kịp thời thể chế hóa về mặt nhà nước các chủ trương, chính sách về xây dựng nền quốc phòng và an ninh toàn dân. Nhanh chóng tổ chức, củng cố, nâng cao chất lượng các cơ quan và cán bộ chuyên trách giúp các cấp, các ngành triển khai nhiệm vụ quốc phòng và an ninh theo chức năng. Bộ Quốc phòng và Bộ Nội vụ làm tốt chức năng quản lý nhà nước về quốc phòng và an ninh theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ Tổ quốc (Luật về quốc phòng, về an ninh quốc gia, Luật về biên giới, vùng biển, bổ sung Luật Nghĩa vụ quân sự và các văn bản pháp quy khác). Tổ chức thi hành có hiệu quả các luật lệ đã ban hành.

## **6. Tiếp tục mở rộng quan hệ đối ngoại.**

Phát huy những kết quả đạt được trong lĩnh vực đối ngoại, tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện chính sách đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa dạng hóa và đa phương hóa, tranh thủ tối đa mặt đồng, hạn chế mặt bất đồng,

tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước theo nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, cùng tồn tại hòa bình, tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, giải quyết các tranh chấp bằng thương lượng, bảo đảm ổn định, an ninh và phát triển.

Tăng cường quan hệ với các tổ chức quốc tế, tích cực tham gia các hoạt động quốc tế như bảo vệ môi trường, chống các bệnh hiểm nghèo, khắc phục nạn nghèo đói... Mở rộng hoạt động đối ngoại của Đảng và đối ngoại nhân dân nhằm tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ rộng rãi của các tổ chức và nhân dân các nước đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Phải thấy rõ khó khăn và thách thức cũng như thuận lợi và cơ hội của nước ta, theo dõi sát diễn biến phức tạp trong quan hệ quốc tế để có chủ trương thích hợp, giữ vững nguyên tắc nhưng năng động, linh hoạt; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phối hợp có hiệu quả giữa các ngành trong hoạt động đối ngoại; chú trọng bồi dưỡng, đào tạo cán bộ có đủ phẩm chất và năng lực.

## **7. Xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.**

Tiếp tục xây dựng và từng bước hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam. Đó là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp luật, đưa đất nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước pháp quyền Việt Nam được xây dựng trên cơ sở tăng cường, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, lấy liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng ta lãnh đạo.

Thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu và cũng là bản chất tốt đẹp của Nhà nước ta. Thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân". Nhà nước phải liên hệ chặt chẽ với nhân dân, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân. Kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, cửa quyền, chống tham ô, lãng phí, đặc quyền đặc lợi.

Bảo vệ quyền con người, các quyền cơ bản của công dân đã ghi trong Hiến pháp như quyền sở hữu, quyền sử dụng tư liệu sản xuất, quyền tự do kinh doanh hợp pháp; quyền được tự do thảo luận, tranh luận, phát biểu các ý kiến nhằm xây dựng đất nước; quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng...

Nghiêm chỉnh xem xét và giải quyết các đơn thư khiếu nại và tố cáo của công dân. Tổ chức để nhân dân tham gia công việc của đất nước, đóng góp ý kiến xây dựng các chủ trương, chính sách của Đảng, các dự án luật quan trọng của Nhà nước. Cải tiến việc bầu cử. Thông qua chế độ bầu cử và tuyển chọn dân chủ, đưa người có đức, có tài vào các cơ quan đại biểu cũng như bộ máy quản lý của Nhà nước. Thiết lập trật tự, kỷ cương xã hội, chống các biểu hiện dân chủ cực đoan. Thực hiện chuyên chính đối với những phần tử có hành vi phản bội Tổ quốc, phá hoại an ninh quốc gia, xâm phạm lợi ích của nhân dân.

Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động lập pháp, xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ, nhất quán, thể chế hóa đường lối đổi mới của Đảng trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội.

Tăng cường giáo dục pháp luật, nâng cao hiểu biết và ý thức tôn trọng pháp luật, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật bảo đảm cho pháp luật được thi hành một cách nghiêm minh, thống nhất và công bằng.

Tiếp tục tinh giản và đổi mới bộ máy nhà nước, bảo đảm quyền lực thống nhất, phân công rõ và phát huy hiệu lực của cả ba quyền: lập pháp, hành pháp, tư pháp. Làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

Nâng cao chất lượng hoạt động của Quốc hội để làm tốt hơn nữa chức năng lập pháp và giám sát. Tăng số đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách.

Xúc tiến cải cách hành chính. Đổi mới và tăng cường hệ thống hành pháp cả về tổ chức, cán bộ, cơ chế hoạt động. Phát huy vai trò điều chỉnh của bộ máy hành pháp. Xác định vai trò và trách nhiệm của chính quyền địa phương trên cơ sở pháp luật thống nhất và sự điều hành tập trung của Chính phủ.

Tiếp tục kiện toàn tổ chức và đổi mới hoạt động của hệ thống tư pháp. Phân định hợp lý thẩm quyền giữa các cơ quan tư pháp; từng bước xây dựng các cơ quan tư pháp mới theo yêu cầu của sự phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm xử lý nghiêm minh, kịp thời, đúng luật mọi hành vi phạm pháp.

Xây dựng quy chế công chức, chế độ trách nhiệm công vụ. Tổ chức đào tạo lại cán bộ viên chức trong bộ máy nhà nước, bảo đảm tính liên tục của nền hành chính.

**8. Đổi mới và chỉnh đốn Đảng, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân.**

Tiếp tục quán triệt các quan điểm và thực hiện các chủ trương, biện pháp mà Hội nghị Trung ương 3 đã đề ra. Chú trọng các vấn đề:

*Tăng cường công tác chính trị, tư tưởng, bảo đảm sự thống nhất về chính trị và tư tưởng trong toàn Đảng.* Thường xuyên bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên quan điểm, đường lối của Đảng, nâng cao trình độ nhận thức, kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những tinh hoa trí tuệ của thời đại, nhạy bén nắm bắt cái mới, xử lý đúng những vấn đề thực tiễn đặt ra.

Công tác lý luận trước hết hướng vào những vấn đề cấp bách đang cần giải quyết, thông qua nghiên cứu và tổng kết thực tiễn, làm rõ căn cứ khoa học cho các giải pháp về những vấn đề đang đặt ra của công cuộc đổi mới. Uốn nắn những quan điểm lệch lạc, những nhận thức mơ hồ, dao động về tư tưởng; đấu tranh chống những biểu hiện cơ hội, hữu khuynh và giáo điều, bảo thủ. Cán bộ, đảng viên phải chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước, không được lợi dụng dân chủ để truyền bá những quan điểm trái với đường lối của Đảng.

*Tăng cường khối đoàn kết thống nhất trong Đảng.* Thực hiện các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Rèn luyện đạo đức cách mạng và lối sống lành mạnh, chống lãng phí, tham nhũng và làm ăn phi pháp. Chống chủ nghĩa cá nhân, vô kỷ luật, độc đoán, chuyên quyền, cục bộ, bè phái. coi trọng công tác bảo vệ Đảng. Giữ gìn bí mật nội bộ và bí mật quốc gia. Chống mọi âm mưu, thủ đoạn làm biến chất cán bộ. Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện đường lối, chính sách và Điều lệ Đảng.

*Mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân.* Thấm nhuần tư tưởng của Bác Hồ, thực hiện đoàn kết rộng rãi mọi người Việt Nam tán thành công cuộc đổi mới, vì độc lập dân tộc, phấn đấu thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, tiến lên dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Lấy đại nghĩa dân tộc làm điểm tương đồng, đồng thời chấp nhận những điểm khác nhau mà không trái với lợi ích chung, cùng nhau xóa bỏ mặc cảm, hận thù, hướng về tương lai. Tư tưởng

đại đoàn kết phải thể hiện trong mọi chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Hoàn thiện các chính sách bảo đảm lợi ích và phát huy vai trò của công nhân, nông dân, trí thức. Bồi dưỡng, phát huy lực lượng thanh niên, phụ nữ. Bổ sung và thực hiện tốt các chính sách của Đảng và Nhà nước đối với đồng bào các dân tộc, các tôn giáo, các nhà công thương, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

Các cấp ủy đảng, các đảng đoàn và ban cán sự phải tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện các nghị quyết của Trung ương và Bộ Chính trị về đại đoàn kết dân tộc, công tác Mặt trận và các đoàn thể nhân dân; xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chính quyền và các đoàn thể. Đổi mới nội dung, phương thức và phong cách hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể.

*Đổi mới công tác cán bộ*, trước hết là đổi mới quan niệm và phương pháp công tác cán bộ trong đánh giá, tuyển chọn, sử dụng, bố trí cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt. Đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng nhân tài; tạo môi trường thuận lợi cho mọi người có đức, có tài, cả người trong Đảng và người ngoài Đảng, người ở trong nước và người sinh sống ở nước ngoài, đều có cơ hội cống hiến tốt nhất cho đất nước. Trẻ hóa đội ngũ cán bộ và trân trọng phát huy những cán bộ cao tuổi có nhiều kiến thức, kinh nghiệm, sức khỏe tốt, lập trường chính trị vững vàng. Chú trọng cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số. Chống hẹp hòi, cục bộ, thành kiến, phân biệt đối xử.

Việc đánh giá, lựa chọn và sử dụng cán bộ lãnh đạo các cấp phải căn cứ vào những tiêu chuẩn cơ bản đã nêu trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3. Đặc biệt chú ý bản lĩnh chính trị, kiên định mục tiêu, lý tưởng của Đảng; giữ gìn phẩm chất, đạo đức và lối sống lành mạnh; thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, không vướng vào tham nhũng và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng; có ý thức tổ chức kỷ luật, gần gũi quần chúng; có năng lực và phẩm chất ngang tầm nhiệm vụ.

Dân chủ hóa công tác cán bộ. Đánh giá cán bộ phải do tập thể cấp ủy quản lý cán bộ và các cơ quan có liên quan tiến hành theo đúng quy trình chặt chẽ, dân chủ, thận trọng, công tâm. Mỗi cán bộ cần được biết và được phát biểu ý kiến về sự đánh giá của cấp ủy, của thủ trưởng đối với mình.

Khảo sát, đánh giá lại toàn bộ đội ngũ cán bộ hiện có, trên cơ sở đó xây dựng quy hoạch cán bộ từ nay đến năm 2000 đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, số lượng, cơ cấu.

Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ theo quy hoạch. Đào tạo gắn với tiêu chuẩn từng chức danh và yêu cầu sử dụng cấp bộ. Đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học. Đầu tư thích đáng cho việc đào tạo cán bộ đảng.

Đảng viên, nhất là cán bộ đảng các cấp, phải thường xuyên rèn luyện phẩm chất, đạo đức cách mạng, học tập trau dồi kiến thức, nâng cao trình độ.

Khẩn trương chuẩn bị nhân sự cho Đại hội VIII và các năm tiếp theo.

Tiếp tục nghiên cứu, cải tiến hệ thống các chính sách, chế độ đãi ngộ cán bộ.

- *Đổi mới tư duy, nâng cao tính khoa học của công tác tổ chức, tiếp tục chấn chỉnh hệ thống tổ chức*, bảo đảm bộ máy tinh gọn, có hiệu lực và hiệu quả. Xúc tiến việc nghiên cứu, tổng kết các mô hình tổ chức, cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ, phương thức lãnh đạo của Đảng ở các cấp, các ngành, các loại hình cơ sở, từ đó có kế hoạch kiện toàn tổ chức, hợp lý hóa bộ máy của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể.

- *Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng*. Đảng ta là Đảng cầm quyền, Đảng đề ra đường lối, chính sách xây dựng và bảo vệ đất nước; nắm vững tổ chức và cán bộ để bảo đảm thực hiện có kết quả đường lối của Đảng. Đảng lãnh đạo theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; lãnh đạo thông qua tổ chức đảng chứ không chỉ thông qua cá nhân đảng viên; lãnh đạo bằng các quyết định của tập thể và bằng cách theo dõi, cho ý kiến chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện, khuyến khích những mặt tốt, uốn nắn những lệch lạc, nhằm phát huy mạnh mẽ vai trò và hiệu lực của Nhà nước, chứ không điều hành thay Nhà nước.

- *Củng cố tổ chức cơ sở đảng, nâng cao sức chiến đấu của đội ngũ đảng viên*. Sắp xếp lại chi bộ, đảng bộ cơ sở cho phù hợp với cơ chế quản lý mới. với việc cải cách bộ máy hành chính, chú trọng cơ sở xã, phường, cụm dân cư. Cụ thể hóa nội dung, phương thức lãnh đạo của các đảng bộ, chi bộ. Có chính sách và dành kinh phí thỏa đáng cho việc đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ cán bộ.

Lúc này, tính kiên định chính trị, lòng trung thành với lý tưởng của Đảng, với lợi ích của nhân dân lao động và của dân tộc là phẩm chất hàng đầu của người đảng viên. Điều lệ Đảng đã quy định các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của đảng viên. Mọi đảng viên đều phải chấp hành thật tốt, gương mẫu và phấn đấu trở thành người sản xuất, công tác quản lý giỏi, hoàn thành nhiệm vụ được giao; thường xuyên học tập nâng cao trình độ và năng lực công tác; có ý thức tổ chức kỷ luật, giữ gìn sự thống nhất trong Đảng, chấp hành đúng pháp luật Nhà nước.



Đảng viên làm kinh tế phải theo đúng pháp luật và Điều lệ Đảng. Đối với một số đảng viên hiện nay đã là chủ các doanh nghiệp tư bản tư nhân, tổ chức đảng cần xem xét và giải quyết từng trường hợp cụ thể; hướng dẫn và giúp đỡ chuyển đổi thành dạng xí nghiệp, công ty cổ phần, có sự tham gia của người lao động, của Nhà nước; hoặc thành hình thức kinh tế hợp tác, để vừa tận dụng được vốn liếng và năng lực làm kinh tế của đảng viên, vừa bảo đảm bản chất giai cấp của Đảng.

Xử lý kịp thời và nghiêm minh những đảng viên thoái hóa biến chất, vi phạm kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước. Tiếp tục đưa những người không còn tư cách đảng viên ra khỏi Đảng.

Làm tốt công tác phát triển Đảng, nhất là trong thanh niên, phụ nữ, những cơ sở chưa có hoặc còn ít đảng viên.

Nhân dịp kỷ niệm 65 năm ngày thành lập Đảng và các ngày lễ lớn trong năm 1995, mở một đợt vận động giáo dục, bồi dưỡng phát triển Đảng, trước hết là trong thanh niên.

Tích cực tiến hành tổng kết công tác xây dựng Đảng, chuẩn bị Đại hội VIII của Đảng.

\*  
\* \*

Phía trước chúng ta là một thời kỳ mới với những triển vọng đầy hứa hẹn, những thách thức lớn lao mà chúng ta nhất định phải vượt qua và những thời cơ thuận lợi mà chúng ta cần tận dụng.

Toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta đồng tâm nhất trí, đoàn kết một lòng, quyết tâm phấn đấu thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội VII, đưa sự nghiệp đổi mới tiến lên giành những thắng lợi to lớn hơn nữa.

## Phụ lục 5

### **BÁO CÁO CHÍNH TRỊ CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHÓA VII) TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VIII CỦA ĐẢNG**

*Kính thưa Đại hội,*

*Thưa các đồng chí và các bạn,*

Đại hội lần thứ VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam họp vào thời điểm lịch sử có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Công cuộc đổi mới toàn diện mở đầu từ Đại hội VI đã trải qua gần 10 năm. Từ đó đến nay, nước ta đã có những thay đổi to lớn và sâu sắc. Đại hội VIII có nhiệm vụ kiểm điểm kết quả 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII, tổng kết 10 năm đổi mới, đề ra những mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ của toàn Đảng và toàn dân ta trong thời kỳ mới của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc mà nhiệm vụ trung tâm là đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

#### *Phần thứ nhất*

### **ĐẤT NƯỚC SAU 10 NĂM ĐỔI MỚI**

Từ cuối những năm 70, khi nước ta lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội, Đảng ta, trên cơ sở tổng kết thực tiễn và những kinh nghiệm sáng tạo của nhân dân, đã đề ra nhiều chủ trương đổi mới từng phần. Tuy vậy, những nhược điểm của mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội lúc đó về căn bản chưa được khắc phục. Đất nước bị bao vây, cấm vận. Trong quá trình thực hiện những biện pháp cải cách, chúng ta lại phạm một số sai lầm mới

nên khủng hoảng kinh tế - xã hội diễn ra ngày càng gay gắt, tỷ lệ lạm phát lên đến 774,7% vào năm 1986.

Cuối năm 1986, tại Đại hội VI, với tinh thần "nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật", Đảng ta đã nghiêm khắc kiểm điểm sự lãnh đạo của mình, khẳng định những mặt làm được, phân tích những sai lầm, khuyết điểm, đề ra đường lối đổi mới toàn diện, mở ra bước ngoặt trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Sau Đại hội VI, công cuộc đổi mới được triển khai mạnh mẽ. Nhưng tình hình diễn biến phức tạp, có lúc khó khăn tưởng chừng khó vượt qua: ba năm liền lạm phát ở mức ba con số, đời sống của những người hưởng lương và trợ cấp xã hội giảm sút mạnh; nhiều xí nghiệp quốc doanh và hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp đình đốn, thua lỗ, sản xuất cầm chừng, thậm chí phải đóng cửa; hàng chục vạn công nhân buộc phải rời xí nghiệp; hàng vạn giáo viên phải bỏ nghề; những vụ đổ vỡ quỹ tín dụng xảy ra ở nhiều nơi. Những diễn biến quốc tế phức tạp tác động xấu đến tình hình nước ta.

Trong hoàn cảnh đó, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã tỏ rõ bản lĩnh vững vàng, ra sức khắc phục khó khăn, giữ vững ổn định chính trị, giải quyết những vấn đề kinh tế - xã hội cấp bách, từng bước đưa Nghị quyết Đại hội VI vào cuộc sống. Đầu năm 1988 có nạn đói lớn ở nhiều vùng và lạm phát còn ở mức 393,8%, nhưng từ năm 1989 trở đi nước ta đã bắt đầu xuất khẩu được mỗi năm 1 - 1,5 triệu tấn gạo, lạm phát giảm dần, đến năm 1990 còn 67,4%. Việc thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn đạt những tiến bộ rõ rệt. Nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước bước đầu hình thành. Đời sống của nhân dân được cải thiện, dân chủ trong xã hội được phát huy. Quốc phòng, an ninh được giữ vững; hoạt động đối ngoại được mở rộng, đẩy lùi tình trạng bị bao vây, cô lập. Công tác xây dựng Đảng có tiến bộ. Lòng tin của nhân dân từng bước được khôi phục.

Tuy vậy, những kết quả đạt được còn hạn chế và chưa vững chắc, nhiều vấn đề bức xúc nảy sinh. Đại hội VII của Đảng nhận định: **Công cuộc đổi mới đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng, nhưng nước ta vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội.**

Đại hội VII đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, Báo cáo chính trị và Điều lệ Đảng (sửa đổi). Đại hội đề ra mục tiêu tổng quát cho 5 năm 1991-1995 là: **Vượt qua khó khăn, thử thách, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường ổn định chính**

trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng. Đại hội long trọng tuyên bố: Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển.

Sau Đại hội VII, sự tan rã của Liên Xô đã tác động sâu sắc đến nước ta. Đông đảo cán bộ và nhân dân lo lắng, một số người dao động, hoài nghi về tiền đồ của chủ nghĩa xã hội. Quan hệ kinh tế giữa nước ta với các thị trường truyền thống bị đảo lộn. Trong khi đó, Mỹ vẫn tiếp tục cấm vận. Một số thế lực thù địch đẩy mạnh những hoạt động gây mất ổn định chính trị và bạo loạn lật đổ. Nước ta một lần nữa lại đứng trước những thử thách hiểm nghèo.

Đảng ta và nhân dân ta kiên trì đường lối đổi mới, ra sức thực hiện Nghị quyết của Đại hội VII, vượt qua khó khăn, trở ngại, giành nhiều thắng lợi mới to lớn.

## I. THÀNH TỰU

### 1. Đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế, hoàn thành vượt mức nhiều mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm.

Trong 5 năm 1991-1995, nhịp độ tăng bình quân hàng năm về tổng sản phẩm trong nước (GDP) đạt 8,2% (kế hoạch là 5,5 - 6,5%), về sản xuất công nghiệp là 13,3%, sản xuất nông nghiệp 4,5%, kim ngạch xuất khẩu 20%. Cơ cấu kinh tế có bước chuyển đổi: tỷ trọng công nghiệp và xây dựng trong GDP từ 22,6% năm 1990 lên 29,1% năm 1995; dịch vụ từ 38,6% lên 41,9%. Bắt đầu có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế. Vốn đầu tư cơ bản toàn xã hội năm 1990 chiếm 15,8% GDP; năm 1995 là 27,4% (trong đó nguồn đầu tư trong nước chiếm 16,7% GDP). Đến cuối năm 1995, tổng vốn đăng ký của các dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài đạt trên 19 tỷ USD, gần 1/3 đã được thực hiện. Lạm phát từ mức 67,1% năm 1991 giảm xuống còn 12,7% năm 1995.

Hoạt động khoa học và công nghệ gắn bó hơn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thích nghi dần với cơ chế thị trường.

Quan hệ sản xuất được điều chỉnh phù hợp hơn với yêu cầu phát triển của lực lượng sản xuất. Nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được xây dựng.

## **2. Tạo được một số chuyển biến tích cực về mặt xã hội.**

Đời sống vật chất của phần lớn nhân dân được cải thiện. Số hộ có thu nhập bình quân và số hộ giàu tăng lên, số hộ nghèo giảm. Mỗi năm thêm hơn 1 triệu lao động có việc làm. Nhiều nhà ở và đường giao thông được nâng cấp và xây dựng mới ở cả nông thôn và thành thị.

Trình độ dân trí và mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân được nâng lên. Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, chăm sóc sức khỏe, các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, thông tin đại chúng, công tác kế hoạch hóa gia đình và nhiều hoạt động xã hội khác có những mặt phát triển và tiến bộ.

Người lao động được giải phóng khỏi ràng buộc của nhiều cơ chế không hợp lý, phát huy được quyền làm chủ và tính năng động sáng tạo, chủ động hơn trong tìm việc làm, tăng thu nhập, tham gia các sinh hoạt chung của cộng đồng xã hội.

Chủ trương đền ơn đáp nghĩa đối với người có công với nước được toàn dân hưởng ứng; phong trào xóa đói, giảm nghèo và các hoạt động từ thiện ngày càng mở rộng, đang trở thành một nét đẹp mới trong xã hội ta.

Lòng tin của nhân dân vào chế độ và tiền đồ của đất nước, vào Đảng và Nhà nước được nâng lên.

## **3. Giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng - an ninh.**

Chúng ta đã giữ vững ổn định chính trị, độc lập chủ quyền và môi trường hòa bình của đất nước, tạo điều kiện thuận lợi cơ bản cho công cuộc đổi mới.

Đảng đã định rõ phương hướng, nhiệm vụ và quan điểm chỉ đạo sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; tiếp tục thực hiện có kết quả việc điều chỉnh chiến lược quốc phòng - an ninh. Các nhu cầu củng cố quốc phòng an ninh, cải thiện đời sống lực lượng vũ trang được đáp ứng tốt hơn. Chất lượng và sức chiến đấu của quân đội và công an được nâng lên. Thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân được củng cố. Công tác bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được tăng cường.

## **4. Thực hiện có kết quả một số đổi mới quan trọng về hệ thống chính trị.**

Trên cơ sở Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta đã từng bước cụ thể hóa đường lối đổi mới trên các

lĩnh vực, củng cố Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong xã hội; đã ban hành Hiến pháp mới năm 1992, sửa đổi, bổ sung và ban hành mới nhiều văn bản pháp luật quan trọng, tiến hành cải cách một bước nền hành chính Nhà nước, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị, xã hội từng bước đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, đạt hiệu quả thiết thực hơn. Quyền làm chủ của nhân dân trên các lĩnh vực kinh tế xã hội, chính trị, tư tưởng, văn hóa được phát huy. Các tầng lớp nhân dân, đồng bào các dân tộc đoàn kết, gắn bó trong sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Đồng bào ta ở nước ngoài cũng ngày càng hướng về quê hương vì đại nghĩa ấy.

**5. Phát triển mạnh mẽ quan hệ đối ngoại, phá thế bị bao vây, cấm vận, tham gia tích cực vào đời sống cộng đồng quốc tế.**

Chúng ta đã triển khai tích cực và năng động đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa. Khôi phục và mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác nhiều mặt với Trung Quốc; tăng cường quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt với Lào; xây dựng quan hệ tốt với Campuchia; phát triển quan hệ với các nước trong khu vực, trở thành thành viên đầy đủ của tổ chức ASEAN; củng cố quan hệ hữu nghị truyền thống với nhiều nước, từng bước đổi mới quan hệ với Liên bang Nga, các nước trong cộng đồng các quốc gia độc lập và các nước Đông Âu; mở rộng quan hệ với các nước công nghiệp phát triển; bình thường hóa quan hệ với Mỹ; thiết lập và mở rộng quan hệ với nhiều nước Nam Á, Nam Thái Bình Dương, Trung Đông, châu Phi và Mỹ Latinh; mở rộng quan hệ với Phong trào Không liên kết, các tổ chức quốc tế và khu vực.

Đảng ta tiếp tục phát triển quan hệ đoàn kết, hữu nghị với các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào độc lập dân tộc, các tổ chức và phong trào tiến bộ trên thế giới; thiết lập quan hệ với các đảng cầm quyền ở một số nước. Mở rộng hoạt động đối ngoại của các đoàn thể nhân dân, tổ chức xã hội. Phát triển quan hệ với các tổ chức phi chính phủ trên thế giới.

Đến nay nước ta đã có quan hệ ngoại giao với hơn 160 nước, có quan hệ buôn bán với trên 100 nước. Các công ty của hơn 50 nước và vùng lãnh thổ đã đầu tư trực tiếp vào nước ta. Nhiều chính phủ và tổ chức quốc tế dành cho ta viện trợ không hoàn lại hoặc cho vay để phát triển.

Thành tựu trên lĩnh vực đối ngoại là một nhân tố quan trọng góp phần giữ vững hòa bình, phá thế bị bao vây, cấm vận, cải thiện và nâng cao vị

thế của nước ta trên thế giới, tạo môi trường thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Đó cũng là sự đóng góp tích cực của nhân dân ta vào sự nghiệp chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

## II. KHUYẾT ĐIỂM VÀ YẾU KÉM

Cùng với việc đánh giá đúng thành tựu, cần nhận rõ những khuyết điểm và yếu kém.

**1. Nước ta còn nghèo và kém phát triển. Chúng ta lại chưa thực hiện tốt cần kiệm trong sản xuất, tiết kiệm trong tiêu dùng, dồn vốn cho đầu tư phát triển.**

Đến nay nước ta vẫn còn là một trong những nước nghèo nhất trên thế giới; trình độ phát triển kinh tế, năng suất lao động, hiệu quả sản xuất kinh doanh thấp, cơ sở vật chất kỹ thuật còn lạc hậu, nợ nần nhiều. Trong khi nhu cầu vốn đầu tư phát triển rất lớn và cấp bách, một số cơ quan nhà nước, đảng, đoàn thể, tổ chức kinh tế, một bộ phận cán bộ và nhân dân lại tiêu xài lãng phí, quá mức mình làm ra, chưa tiết kiệm để dồn vốn cho đầu tư phát triển. Nhà nước còn thiếu chính sách để huy động có hiệu quả nguồn vốn trong dân. Năm 1995, đầu tư xây dựng cơ bản bằng vốn trong nước (kể cả nguồn vốn khấu hao cơ bản) chỉ chiếm 16,7% GDP, trong đó phần vốn ngân sách chỉ chiếm 4,2% GDP, còn rất thấp so với yêu cầu phát triển kinh tế. Sử dụng nguồn lực còn phân tán, kém hiệu quả, chưa kiên quyết tập trung cho các chương trình, dự án kinh tế xã hội cấp thiết.

**2. Tình hình xã hội còn nhiều tiêu cực và nhiều vấn đề phải giải quyết.**

Nạn tham nhũng, buôn lậu, lãng phí của công chưa ngăn chặn được. Tiêu cực trong bộ máy nhà nước, đảng và đoàn thể, trong các doanh nghiệp nhà nước nhất là trên các lĩnh vực nhà đất, xây dựng cơ bản, hợp tác đầu tư, thuế, xuất nhập khẩu và cả trong hoạt động của nhiều cơ quan thi hành pháp luật... nghiêm trọng kéo dài. Việc làm đang là vấn đề gay gắt. Sự phân hóa giàu nghèo giữa các vùng; giữa thành thị và nông thôn và giữa các tầng lớp dân cư tăng nhanh. Đời sống một bộ phận nhân dân, nhất là ở một số vùng căn cứ cách mạng và kháng chiến cũ, vùng đồng bào dân tộc

còn quá khó khăn. Chất lượng giáo dục, đào tạo, y tế ở nhiều nơi rất thấp. Người nghèo không đủ tiền để chữa bệnh và cho con em đi học. Trong khi đó các nguồn tài chính từ ngân sách và những nguồn lực khác có thể huy động được cho yêu cầu phúc lợi xã hội vừa rất hạn chế vừa chưa được sử dụng có hiệu quả. Tình trạng ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường sinh thái, hủy hoại tài nguyên ngày càng tăng. Văn hóa phẩm độc hại lan tràn. Tệ nạn xã hội phát triển. Trật tự an toàn xã hội còn nhiều phức tạp.

### **3. Việc lãnh đạo xây dựng quan hệ sản xuất mới có phần vừa lúng túng vừa buông lỏng.**

Chậm tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, chính sách để tạo động lực và điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp nhà nước nâng cao hiệu quả hoạt động, phát huy vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân. Việc thí điểm cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước làm chậm. Chưa quan tâm tổng kết thực tiễn, kịp thời chỉ ra phương hướng, biện pháp đổi mới kinh tế hợp tác, để hợp tác xã ở nhiều nơi tan rã hoặc chỉ còn là hình thức, cản trở sản xuất phát triển; chưa kịp thời đúc kết kinh nghiệm, giúp đỡ các hình thức kinh tế hợp tác mới phát triển. Chưa giải quyết tốt một số chính sách để khuyến khích kinh tế tư nhân phát huy tiềm năng, đồng thời chưa quản lý tốt thành phần kinh tế này. Quản lý kinh tế hợp tác liên doanh với nước ngoài có nhiều sơ hở.

### **4. Quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội còn yếu.**

Hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách chưa đồng bộ và nhất quán, thực hiện chưa nghiêm.

Công tác tài chính, ngân hàng, giá cả, kế hoạch hóa, quy hoạch xây dựng, quản lý đất đai còn nhiều yếu kém; thủ tục hành chính... đổi mới chậm. Thương nghiệp nhà nước bỏ trống một số trận địa quan trọng, chưa phát huy tốt vai trò chủ đạo trên thị trường. Quản lý xuất nhập khẩu có nhiều sơ hở, tiêu cực, một số trường hợp gây tác động xấu đối với sản xuất. Chế độ phân phối thu nhập còn nhiều bất hợp lý. Bội chi ngân sách và nhập siêu còn lớn. Lạm phát tuy được kiềm chế nhưng chưa vững chắc.

Quản lý nhà nước đối với các hoạt động khoa học và công nghệ, bảo vệ tài nguyên và môi trường sinh thái, giáo dục, đào tạo, thông tin, báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ chưa tốt.



### **5. Hệ thống chính trị còn nhiều nhược điểm.**

Năng lực và hiệu quả lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý, điều hành của Nhà nước, hiệu quả hoạt động của các đoàn thể chính trị, xã hội chưa nâng lên kịp với đòi hỏi của tình hình. Bộ máy đảng, nhà nước, đoàn thể chậm được sắp xếp lại, tinh giản và nâng cao chất lượng; còn nhiều biểu hiện quan liêu, vi phạm nghiêm trọng quyền dân chủ của nhân dân. Công tác tuyển chọn, bồi dưỡng, thay đổi, trẻ hóa cán bộ, chuẩn bị cán bộ kế cận còn lúng túng, chậm trễ. Năng lực và phẩm chất của đội ngũ cán bộ chưa tương xứng với yêu cầu của nhiệm vụ. Điều đáng lo ngại là không ít cán bộ, đảng viên phai nhạt lý tưởng cách mạng, tha hóa về phẩm chất, đạo đức; sức chiến đấu của một bộ phận tổ chức cơ sở đảng suy yếu.

## **III. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT**

Sau 10 năm thực hiện đường lối đổi mới toàn diện và 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII, đất nước đã vượt qua một giai đoạn thử thách gay go. Trong những hoàn cảnh hết sức phức tạp, khó khăn, nhân dân ta không những đứng vững mà còn vươn lên, đạt những thắng lợi nổi bật trên nhiều mặt.

Công cuộc đổi mới trong 10 năm qua đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Nhiệm vụ do Đại hội VII đề ra cho 5 năm 1991-1995 đã được hoàn thành về cơ bản.

Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhưng một số mặt còn chưa vững chắc.

Nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hóa đã cơ bản hoàn thành, cho phép chuyển sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn.

Xét trên tổng thể, việc hoạch định và thực hiện đường lối đổi mới những năm qua về cơ bản là đúng đắn, đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, tuy trong quá trình thực hiện có một số khuyết điểm, lệch lạc lớn và kéo dài dẫn đến chệch hướng ở lĩnh vực này hay lĩnh vực khác, ở mức độ này hay mức độ khác.

#### IV. NHỮNG BÀI HỌC CHỦ YẾU

Những thành tựu đạt được trên đây là kết quả cả một quá trình tìm tòi, đổi mới, bám sát thực tiễn, phấn đấu gian khổ của Đảng và nhân dân ta. Đó là: Nghị quyết Hội nghị Trung ương sáu (khóa IV) với những chính sách làm cho sản xuất "bung ra", Chỉ thị 100 của Ban Bí thư (khóa IV) về khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp; các Quyết định 25, 26/CP của Thủ tướng Chính phủ về nhiều nguồn cân đối và ba phần kế hoạch; Đại hội V của Đảng với việc xác định lại thứ tự ưu tiên trong phát triển kinh tế, khẳng định nông nghiệp là mặt trận hàng đầu; Nghị quyết Hội nghị Trung ương tám (khóa V) tháng 6 năm 1985 về giá, lương, tiền; kết luận của Bộ Chính trị (khóa V) tháng 8 năm 1986 về một số vấn đề lớn thuộc quan điểm kinh tế...

Những thử nghiệm ban đầu về đổi mới nói trên là tiền đề dẫn tới đường lối đổi mới toàn diện tại Đại hội VI. Đường lối ấy hình thành trên cơ sở phát huy tinh thần độc lập, tự chủ, tổng kết những kinh nghiệm sáng tạo của nhân dân, của các cấp, các ngành, hợp quy luật, thuận lòng người, nên đã nhanh chóng đi vào cuộc sống.

Trong quá trình đổi mới, đặc biệt vào những thời điểm có tính bước ngoặt, Đảng ta đã có những quyết sách rất quan trọng. Đó là những kết luận kịp thời của Hội nghị Trung ương sáu (khóa VI) khẳng định 5 nguyên tắc của công cuộc đổi mới; là sự bác bỏ kiên quyết của Ban Chấp hành Trung ương khóa VI tại các hội nghị Trung ương sáu, bảy, tám đối với những mầm mống đầu tiên về đa nguyên chính trị chớm xuất hiện trong Đảng; những nghị quyết Trung ương nhận định sắc bén và kịp thời về diễn biến của tình hình quốc tế vào những năm cuối thập kỷ 80, đầu thập kỷ 90: việc thông qua Cương lĩnh, Chiến lược, Điều lệ Đảng (sửa đổi) tại Đại hội VII; thông qua Hiến pháp mới năm 1992; chỉ rõ thời cơ và nguy cơ, xác định nhiệm vụ đẩy tới một bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ở Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ; các nghị quyết Trung ương khóa VII và nhiều nghị quyết, quyết định lớn khác của Đảng và Nhà nước cụ thể hóa, bổ sung và phát triển đường lối đổi mới trên hầu hết các lĩnh vực. Với những quyết định đúng đắn ấy, toàn Đảng, toàn dân ta đã vượt qua khó khăn, trở ngại, đưa công cuộc đổi mới đi đến thắng lợi hôm nay.

Tổng kết chặng đường đổi mới 10 năm qua, có thể rút ra một số bài học chủ yếu sau đây:

**1. Giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong quá trình đổi mới; nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.**

Xác định rõ đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà là quan điểm đúng đắn hơn về chủ nghĩa xã hội và thực hiện mục tiêu ấy bằng những hình thức, bước đi và biện pháp phù hợp. Kết hợp sự kiên định về nguyên tắc và chiến lược cách mạng với sự linh hoạt, sáng tạo trong sách lược, nhạy cảm nắm bắt cái mới.

Đổi mới phải được thực hiện trên cơ sở bảo vệ, kế thừa và phát huy truyền thống quý báu của dân tộc và những thành tựu cách mạng đã đạt được. Phê phán nghiêm túc sai lầm, khuyết điểm phải đi đôi với khẳng định những việc làm đúng, không phủ nhận sạch trơn quá khứ, không hoang mang, mất phương hướng, từ thái cực này chuyển sang thái cực khác.

**2. Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị.**

Xét trên tổng thể, Đảng ta bắt đầu công cuộc đổi mới từ đổi mới về tư duy chính trị trong việc hoạch định đường lối và các chính sách đối nội, đối ngoại. Không có sự đổi mới đó thì không có mọi sự đổi mới khác. Song, Đảng ta đã đúng khi tập trung trước hết vào việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đổi mới kinh tế, khắc phục khủng hoảng kinh tế - xã hội, tạo tiền đề cần thiết về vật chất và tinh thần để giữ vững ổn định chính trị, xây dựng và củng cố niềm tin của nhân dân, tạo thuận lợi để đổi mới các mặt khác của đời sống xã hội.

Trong việc đổi mới tổ chức và cơ chế hoạt động của hệ thống chính trị, chúng ta đã đi những bước thận trọng và vững chắc, bắt đầu từ giải quyết những vấn đề cấp bách nhất và đã chín muồi, với nhận thức đây là việc rất cần thiết nhưng đặc biệt phức tạp, nhạy cảm và nếu vội vã để xảy ra sai lầm sẽ phải trả giá rất đắt, có khi không cứu vãn được.

Mục tiêu chủ yếu của đổi mới hệ thống chính trị là nhằm thực hiện tốt dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân. Bài học lớn là dân chủ nhất thiết phải đi đôi với kỷ luật, kỷ cương. Khắc phục những hiện tượng vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời chống khuynh hướng dân chủ cực đoan, quá khích. Dứt khoát bác bỏ mọi

mưu toan lợi dụng "dân chủ", "nhân quyền" nhằm gây rối về chính trị, chống phá chế độ, hoặc can thiệp vào nội bộ nước ta. Không chấp nhận đa nguyên, đa đảng.

**3. Xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái.**

Vận dụng các hình thức kinh tế và phương pháp quản lý nền kinh tế thị trường là để sử dụng mặt tích cực của nó phục vụ mục đích xây dựng chủ nghĩa xã hội chứ không đi theo con đường tư bản chủ nghĩa.

Kinh tế thị trường có những mặt tiêu cực mâu thuẫn với bản chất của chủ nghĩa xã hội. Đó là xu thế phân hóa giàu nghèo quá mức, là tâm lý sùng bái đồng tiền, vì đồng tiền mà chà đạp lên đạo đức, nhân phẩm... Đi vào kinh tế thị trường, phải kiên quyết đấu tranh khắc phục, hạn chế tối đa những khuynh hướng tiêu cực đó.

Để phát triển sức sản xuất, cần phát huy khả năng của mọi thành phần kinh tế, thừa nhận trên thực tế còn có bóc lột và sự phân hóa giàu nghèo nhất định trong xã hội, nhưng phải luôn quan tâm bảo vệ lợi ích của người lao động, vừa khuyến khích làm giàu hợp pháp, chống làm giàu phi pháp, vừa coi trọng xóa đói, giảm nghèo, từng bước thực hiện công bằng xã hội. Tiến tới làm cho mọi người, mọi nhà đều khá giả.

**4. Mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của cả dân tộc.**

Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, vì nhân dân và do nhân dân. Chính những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân là nguồn gốc hình thành đường lối đổi mới của Đảng. Cũng do nhân dân hưởng ứng đường lối đổi mới, dũng cảm phấn đấu, vượt qua biết bao khó khăn, thử thách mà công cuộc đổi mới đạt được những thành tựu hôm nay. Để tiếp tục đưa sự nghiệp đổi mới tiến lên, giành những thành tựu lớn hơn, cần thực hiện tốt hơn nữa việc mở rộng, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, cả ở trong nước và ở nước ngoài, phát huy dân chủ, động viên tối đa sức mạnh của toàn thể dân tộc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

**5. Mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại.**

Công cuộc đổi mới của nhân dân ta ngày nay phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, được sự đồng tình ủng hộ của nhân dân các nước. Đi đôi với phát huy cao độ ý chí tự lực tự cường, động viên mọi nguồn lực bên trong, cần khai thác tốt những điều kiện thuận lợi mới trong quan hệ đối ngoại, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước vì hòa bình, độc lập và phát triển, tạo môi trường quốc tế thuận lợi và tranh thủ những nhân tố tích cực phục vụ công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Mở rộng quan hệ quốc tế phải trên cơ sở giữ vững độc lập tự chủ, bình đẳng và cùng có lợi, giữ gìn, phát huy bản sắc và những truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Thực hiện đa phương hóa và đa dạng hóa quan hệ đối ngoại. Coi trọng và tiếp tục phát huy những quan hệ truyền thống.

**6. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt.**

Sự nghiệp cách mạng của nước ta do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Đảng ta là đảng cầm quyền. Những thắng lợi và thành tựu, những thất bại và tổn thất của cách mạng đều gắn liền với trách nhiệm của Đảng. Trong quá trình đổi mới đất nước, Đảng phải nghiêm túc xem xét những sai lầm, khuyết điểm và yếu kém của mình, đổi mới và chỉnh đốn Đảng, nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo. Các thế lực chống chủ nghĩa xã hội và độc lập dân tộc luôn chia mũi nhọn vào Đảng, tập trung sức phá hoại nền tảng tư tưởng và tổ chức của Đảng. Thủ đoạn họ thường dùng là xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, phủ nhận sự hy sinh và công lao của những người cộng sản, thổi phồng sai lầm, khuyết điểm của Đảng, đòi thực hiện nhân quyền và dân chủ kiểu tư sản, đòi phi chính trị hóa bộ máy nhà nước, đòi đa nguyên đa đảng nhằm tước bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng. Họ lợi dụng những kẻ cơ hội, phản bội về chính trị, hoặc thoái hóa về phẩm chất đạo đức để chia rẽ, làm suy yếu phá hoại Đảng từ bên trong.

Nhận rõ yêu cầu mới của cách mạng và âm mưu thủ đoạn chống phá Đảng nói trên, Đảng ta xác định trong giai đoạn hiện nay lãnh đạo kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt. Coi trọng tổng kết công tác xây dựng Đảng. củng cố Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ, tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng. Ngăn chặn khuynh hướng hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng.

Đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao trình độ và hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và toàn xã hội.

## *Phần thứ hai*

# MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2020 VÀ NĂM 2000

## I. BỐI CẢNH CHUNG

### 1. Đặc điểm tình hình thế giới.

Sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ đất nước tiếp tục phát triển trong tình hình thế giới diễn biến nhanh chóng, phức tạp và chứa đựng những yếu tố khó lường.

Những đặc điểm nổi bật là:

Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ khiến chủ nghĩa xã hội tạm thời lâm vào thoái trào, nhưng điều đó không làm thay đổi tính chất của thời đại; loài người vẫn đang trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới vẫn tồn tại và phát triển, có mặt sâu sắc hơn, nội dung và hình thức biểu hiện có nhiều nét mới. Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức.

Nguy cơ chiến tranh thế giới hủy diệt bị đẩy lùi nhưng xung đột vũ trang, chiến tranh cục bộ, xung đột về dân tộc, sắc tộc và tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố vẫn xảy ra ở nhiều nơi.

- Cách mạng khoa học và công nghệ tiếp tục phát triển với trình độ ngày càng cao, tăng nhanh lực lượng sản xuất, đồng thời thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế thế giới, quốc tế hóa nền kinh tế và đời sống xã hội. Các nước đều đứng trước những cơ hội để phát triển. Nhưng do ưu thế về vốn, công nghệ, thị trường, v.v... thuộc về các nước tư bản chủ nghĩa phát triển và các công ty đa quốc gia, cho nên các nước chậm phát triển và đang phát triển đứng trước những thách thức to lớn, chênh lệch giàu nghèo giữa các nước ngày càng mở rộng. Cuộc cạnh tranh kinh tế, thương mại, khoa học - công nghệ diễn ra gay gắt.

Cộng đồng thế giới đứng trước nhiều vấn đề có tính toàn cầu (bảo vệ môi trường, hạn chế sự bùng nổ về dân số, phòng ngừa và đẩy lùi những bệnh tật hiểm nghèo...), không một quốc gia riêng lẻ nào có thể tự giải quyết, mà cần phải có sự hợp tác đa phương.

- Khu vực châu Á - Thái Bình Dương đang phát triển năng động và tiếp tục phát triển với tốc độ cao. Đồng thời khu vực này cũng tiềm ẩn một số nhân tố có thể gây mất ổn định.

Trong quan hệ quốc tế, đã và đang nổi lên những xu thế chủ yếu sau đây:

Hòa bình, ổn định và hợp tác để phát triển ngày càng trở thành đòi hỏi bức xúc của các dân tộc và quốc gia trên thế giới. Các nước dành ưu tiên cho phát triển kinh tế, coi phát triển kinh tế có ý nghĩa quyết định đối với việc tăng cường sức mạnh tổng hợp của quốc gia.

- Các quốc gia lớn, nhỏ tham gia ngày càng nhiều vào quá trình hợp tác và liên kết khu vực, liên kết quốc tế về kinh tế, thương mại và nhiều lĩnh vực hoạt động khác. Hợp tác ngày càng tăng nhưng cạnh tranh cũng rất gay gắt.

Các dân tộc nâng cao ý thức độc lập tự chủ, tự lực tự cường, đấu tranh chống lại sự áp đặt và can thiệp của nước ngoài, bảo vệ độc lập chủ quyền và nền văn hóa dân tộc.

Các nước xã hội chủ nghĩa, các đảng cộng sản và công nhân, các lực lượng cách mạng, tiến bộ trên thế giới kiên trì đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Các nước có chế độ chính trị xã hội khác nhau vừa hợp tác vừa đấu tranh trong cùng tồn tại hòa bình.

Các đặc điểm và xu thế nêu trên đã làm nảy sinh tính đa phương, đa dạng trong quan hệ quốc tế và trong chính sách đối ngoại của các nước.

Tình hình thế giới và khu vực tác động sâu sắc đến các mặt đời sống xã hội nước ta, đưa đến những thuận lợi lớn đồng thời cũng làm xuất hiện những thách thức lớn.

## **2. Thời cơ và thách thức.**

Những thành tựu của công cuộc đổi mới đã và đang tạo ra thế và lực mới, cả ở bên trong và bên ngoài để chúng ta bước vào một thời kỳ phát triển mới. Nhiều tiền đề cần thiết cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã được tạo ra. Quan hệ của nước ta với các nước trên thế giới mở rộng hơn

bao giờ hết. Khả năng giữ vững độc lập tự chủ và hội nhập với cộng đồng thế giới tăng thêm. Đó là thời cơ lớn.

Nhưng bốn nguy cơ mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (1-1994) nêu lên cho đến nay vẫn là những thách thức lớn. Các nguy cơ ấy có mối liên hệ tác động lẫn nhau và đều nguy hiểm, không thể xem nhẹ nguy cơ nào.

Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực vẫn là thách thức to lớn và gay gắt do điểm xuất phát của ta quá thấp, lại phải đi lên trong môi trường cạnh tranh quyết liệt. Có những thế lực vẫn tiếp tục mưu toan thực hiện diễn biến hòa bình, thường xuyên dùng chiêu bài "dân chủ", "nhân quyền", hòng can thiệp vào nội bộ nước ta. Tình hình khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Biển Đông còn diễn biến phức tạp. Chệch hướng xã hội chủ nghĩa và quan liêu, tham nhũng vẫn đang thật sự là những nguy cơ lớn. Tệ quan liêu, tham nhũng và suy thoái về phẩm chất, đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên làm cho bộ máy đảng và nhà nước suy yếu, lòng tin của nhân dân đối với Đảng, đối với chế độ bị xói mòn, các chủ trương và chính sách của Đảng và Nhà nước bị thi hành sai lệch dẫn tới chệch hướng; đó là mảnh đất thuận lợi cho diễn biến hòa bình.

Thuận lợi và khó khăn, thời cơ và nguy cơ đan xen nhau. Chúng ta phải chủ động nắm thời cơ, vươn lên phát triển nhanh và vững chắc, tạo ra thế và lực mới; đồng thời luôn luôn tỉnh táo, kiên quyết đẩy lùi và khắc phục các nguy cơ, kể cả những nguy cơ mới nảy sinh, bảo đảm phát triển đúng hướng.

## II. MỤC TIÊU

Xuất phát từ tình hình nói trên và căn cứ vào Cương lĩnh của Đảng, cần tiếp tục nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng - an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Từ nay đến năm 2020, ra sức phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp.



*Lực lượng sản xuất* đến lúc đó sẽ đạt trình độ tương đối hiện đại, phần lớn lao động thủ công được thay thế bằng lao động sử dụng máy móc, điện khí hóa cơ bản được thực hiện trong cả nước, năng suất lao động xã hội và hiệu quả sản xuất kinh doanh cao hơn nhiều so với hiện nay. GDP tăng từ 8 đến 10 lần so với năm 1990. Trong cơ cấu kinh tế, tuy nông nghiệp tiếp tục phát triển mạnh, song công nghiệp và dịch vụ sẽ chiếm tỷ trọng rất lớn trong GDP và trong lao động xã hội.

Khoa học tự nhiên và công nghệ có khả năng nắm bắt và vận dụng được nhiều thành tựu mới nhất của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ. Khoa học xã hội và nhân văn có khả năng làm cơ sở cho việc xây dựng hình thái ý thức xã hội mới. Sự phát triển của khoa học đủ sức cung cấp luận cứ cho việc hoạch định các chính sách, chiến lược và quy hoạch phát triển.

*Về quan hệ sản xuất*, chế độ sở hữu, cơ chế quản lý và chế độ phân phối gắn kết với nhau, phát huy được các nguồn lực, tạo ra động lực mạnh mẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện công bằng xã hội.

Kinh tế nhà nước thực hiện tốt vai trò chủ đạo và cùng với kinh tế hợp tác xã trở thành nền tảng trong nền kinh tế. Kinh tế cá thể, tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân chiếm tỷ trọng đáng kể. Kinh tế tư bản nhà nước dưới các hình thức khác nhau tồn tại phổ biến.

*Về đời sống vật chất và văn hóa*, nhân dân có cuộc sống no đủ, có nhà ở tương đối tốt, có điều kiện thuận lợi về đi lại, học hành, chữa bệnh, có mức hưởng thụ văn hóa khá. Quan hệ xã hội lành mạnh, lối sống văn minh, gia đình hạnh phúc.

Làm được những việc nói trên sẽ là một bước tiến lớn trên con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Giai đoạn từ nay đến năm 2000 là bước rất quan trọng của thời kỳ phát triển mới **đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước**. Nhiệm vụ của nhân dân ta là **tập trung mọi lực lượng, tranh thủ thời cơ, vượt qua thử thách, đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, tiếp tục phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phấn đấu đạt và vượt mục tiêu được đề ra trong Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000: tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng, cải thiện đời sống**

**của nhân dân, nâng cao tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn vào đầu thế kỷ sau.**

Đến năm 2000, GDP bình quân đầu người tăng gấp đôi năm 1990. Nhịp độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm đạt khoảng 9 - 10%; sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp khoảng 4,5 - 5%, công nghiệp 14 - 15%, dịch vụ 12 - 13%, xuất khẩu khoảng 28%. Tỷ lệ đầu tư/GDP khoảng 30%. Năm 2000, nông nghiệp chiếm khoảng 19 - 20%, công nghiệp và xây dựng 34 - 35%, dịch vụ 45 - 46% GDP.

Phát triển và phát huy tốt tiềm lực khoa học và công nghệ; lựa chọn và làm chủ các loại hình công nghệ nhập và tích cực chuẩn bị cho bước phát triển cao hơn ở giai đoạn sau. Tốc độ đổi mới công nghệ đạt 10%/năm trở lên. Đổi mới căn bản tổ chức, quản lý và nâng cao hiệu quả khu vực doanh nghiệp nhà nước. Đổi mới và phát triển đa dạng các hình thức kinh tế hợp tác từ thấp đến cao, mà nòng cốt là các hợp tác xã. Phát triển các hình thức liên doanh, liên kết trực tiếp giữa các doanh nghiệp nhà nước với nhau, giữa kinh tế nhà nước với kinh tế hợp tác, kinh tế tư bản tư nhân, cá thể và các công ty nước ngoài.

Tạo việc làm nhiều hơn số lao động tăng thêm hàng năm, giảm đáng kể thất nghiệp; xóa đói, tiếp tục giảm nghèo. Cải thiện điều kiện ăn, ở, học hành, chữa bệnh, đi lại, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân, đặc biệt các vùng nông thôn, miền núi. Tới năm 2000, nhịp độ tăng dân số dưới 1,8%. Khắc phục tình trạng suy dinh dưỡng nặng ở trẻ em dưới 5 tuổi. Thanh toán nạn mù chữ cho người trong độ tuổi 15 - 35, phổ cập giáo dục tiểu học, tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 22 - 25%. Ngăn chặn tình trạng ô nhiễm môi trường. Đẩy lùi tiêu cực và các tệ nạn xã hội.

- Giữ vững sự ổn định chính trị và định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình phát triển. Tạo chuyển biến căn bản trong việc đổi mới và chỉnh đốn Đảng, nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước, trọng tâm là cải cách nền hành chính, nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước; mở rộng dân chủ, thiết lập kỷ cương, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân.

Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh.

Mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động tham gia các tổ chức quốc tế và khu vực, củng cố và nâng cao vị thế của nước ta trên trường quốc tế.

### *Phần thứ ba*

## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC LĨNH VỰC CHỦ YẾU

### I. PHÁT TRIỂN VÀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

Quán triệt các quan điểm dưới đây về công nghiệp hóa, hiện đại hóa:

Giữ vững độc lập tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại. Dựa vào nguồn lực trong nước là chính đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài. Xây dựng một nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới, hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu bằng những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước là chủ đạo.

Lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững. Động viên toàn dân cần kiệm xây dựng đất nước, không ngừng tăng tích lũy cho đầu tư phát triển. Tăng trưởng kinh tế gắn với cải thiện đời sống nhân dân, phát triển văn hóa, giáo dục, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường.

Khoa học và công nghệ là động lực của công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại; tranh thủ đi nhanh vào hiện đại ở những khâu quyết định.

Lấy hiệu quả kinh tế xã hội làm tiêu chuẩn cơ bản để xác định phương án phát triển, lựa chọn dự án đầu tư và công nghệ. Đầu tư chiều sâu để khai thác tối đa năng lực sản xuất hiện có. Trong phát triển mới, ưu tiên quy mô vừa và nhỏ, công nghệ tiên tiến, tạo nhiều việc làm, thu hồi vốn nhanh; đồng thời xây dựng một số công trình quy mô lớn thật cần thiết và có hiệu quả. Tạo ra những mũi nhọn trong từng bước phát triển. Tập trung thích đáng nguồn lực cho các lĩnh vực, các địa bàn trọng điểm; đồng thời quan tâm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của mọi vùng trong nước; có chính sách hỗ trợ những vùng khó khăn, tạo điều kiện cho các vùng đều phát triển.

Kết hợp kinh tế với quốc phòng - an ninh.

Nội dung cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong những năm còn lại của thập kỷ 90 là:

Đặc biệt coi trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn; phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản; phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Nâng cấp, cải tạo, mở rộng và xây dựng mới có trọng điểm kết cấu hạ tầng kinh tế, trước hết ở những khâu ách tắc và yếu kém nhất đang cản trở sự phát triển. Xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng trọng yếu và hết sức cấp thiết, có điều kiện về vốn, công nghệ, thị trường, phát huy tác dụng nhanh và có hiệu quả cao. Mở rộng thương nghiệp, du lịch, dịch vụ. Đẩy mạnh các hoạt động kinh tế đối ngoại. Hình thành dần một số ngành mũi nhọn như chế biến nông, lâm, thủy sản, khai thác và chế biến dầu khí, một số ngành cơ khí chế tạo, công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin, du lịch. Phát triển mạnh sự nghiệp giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ.

### **1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn.**

Phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp, hình thành các vùng tập trung chuyên canh, có cơ cấu hợp lý về cây trồng, vật nuôi, có sản phẩm hàng hóa nhiều về số lượng, tốt về chất lượng, bảo đảm an toàn về lương thực trong xã hội, đáp ứng được yêu cầu của công nghiệp chế biến và của thị trường trong, ngoài nước.

- Thực hiện thủy lợi hóa, điện khí hóa, cơ giới hóa, sinh học hóa...

Phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản với công nghệ ngày càng cao, gắn với nguồn nguyên liệu và liên kết với công nghiệp ở đô thị.

Phát triển các ngành nghề, làng nghề truyền thống và các ngành nghề mới bao gồm tiểu, thủ công nghiệp, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, công nghiệp khai thác và chế biến các nguồn nguyên liệu phi nông nghiệp, các loại hình dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân.

Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội, từng bước hình thành nông thôn mới văn minh, hiện đại.

Hoàn thành cơ bản việc giao đất, khoán rừng cho hộ nông dân. Điều chỉnh việc phân bổ vốn và huy động thêm nhiều nguồn vốn cho phát triển nông, lâm, ngư nghiệp và kinh tế nông thôn. Có chính sách khuyến khích và trợ giúp nông dân trong xây dựng kết cấu hạ tầng, chuyển giao công

nghệ, giải quyết các khó khăn về vốn, về giá cả vật tư nông nghiệp và hàng nông sản, về thị trường tiêu thụ sản phẩm...

**2. Phát triển công nghiệp**, ưu tiên các ngành chế biến lương thực - thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin. Phát triển có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng (năng lượng - nhiên liệu, vật liệu xây dựng, cơ khí chế tạo, đóng và sửa tàu thủy, luyện kim, hóa chất), tăng thêm năng lực sản xuất tương ứng với yêu cầu tăng trưởng kinh tế, nâng cao khả năng độc lập tự chủ về kinh tế và quốc phòng.

Kết hợp kinh tế với quốc phòng, xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng nhằm đáp ứng những nhu cầu tối thiểu cần thiết trong từng thời kỳ.

Cải tạo các khu công nghiệp hiện có về kết cấu hạ tầng và công nghệ sản xuất. Xây dựng mới một số khu công nghiệp, phân bố rộng trên các vùng.

### **3. Xây dựng kết cấu hạ tầng.**

Khắc phục tình trạng xuống cấp của hệ thống *giao thông* hiện có; khôi phục, nâng cấp và mở thêm một số tuyến giao thông trọng yếu, kết hợp giao thông với thủy lợi, tận dụng giao thông đường thủy; mở thêm đường đến các vùng sâu, vùng xa; cải thiện giao thông ở các thành phố lớn. Cải tạo, nâng cấp một số cảng sông, cảng biển, sân bay; xây dựng dần cảng biển nước sâu.

Tiếp tục phát triển và hiện đại hóa mạng *thông tin liên lạc* quốc gia, mở liên lạc điện thoại đến hầu hết các xã.

Phát triển nguồn điện; cải tạo và mở rộng lưới điện đáp ứng nhu cầu và cung cấp điện ổn định. Cải thiện việc cấp thoát nước ở đô thị, thêm nguồn nước sạch cho nông thôn.

Tăng đầu tư cho *kết cấu hạ tầng xã hội* (giáo dục, y tế, khoa học, văn hóa thông tin, thể thao...).

**4. Phát triển nhanh du lịch**, các dịch vụ hàng không, hàng hải, bưu chính viễn thông, thương mại, vận tải, tài chính, ngân hàng, kiểm toán, bảo hiểm, công nghệ, pháp lý, thông tin... và các dịch vụ phục vụ cuộc sống nhân dân.

Từng bước đưa nước ta trở thành một trung tâm du lịch, thương mại - dịch vụ có tầm cỡ trong khu vực.

## **5. Phát triển hợp lý các vùng lãnh thổ.**

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế lãnh thổ trên cơ sở khai thác triệt để các lợi thế, tiềm năng của từng vùng, liên kết hỗ trợ nhau, làm cho tất cả các vùng đều phát triển.

Đầu tư ở mức cần thiết cho các vùng kinh tế trọng điểm để thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế. Dành nguồn lực thích đáng cho việc giải quyết những nhu cầu cấp bách, đặc biệt là về kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội, để những vùng còn kém phát triển, nhất là các vùng cao, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc ít người, vùng sâu, vùng căn cứ cách mạng có bước tiến nhanh hơn, dần dần giảm bớt sự chênh lệch quá lớn về trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng, coi đây là một trọng tâm chỉ đạo của các ngành, các cấp. Đặc biệt quan tâm phát triển kinh tế biển, kết hợp với an ninh quốc phòng. Từng bước hình thành mạng lưới đô thị hợp lý, tránh không tạo thành các siêu đô thị. Tăng cường công tác quy hoạch và quản lý đô thị.

## **6. Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.**

Đẩy mạnh xuất khẩu, coi xuất khẩu là hướng ưu tiên và là trọng điểm của kinh tế đối ngoại. Tạo thêm các mặt hàng xuất khẩu chủ lực. Nâng sức cạnh tranh của hàng xuất khẩu trên thị trường. Giảm tỷ trọng sản phẩm thô và sơ chế, tăng tỷ trọng sản phẩm chế biến sâu và tinh trong hàng xuất khẩu. Tăng nhanh xuất khẩu dịch vụ. Nâng cao tỷ trọng phần giá trị gia tăng trong giá trị hàng xuất khẩu. Giảm dần nhập siêu, ưu tiên việc nhập khẩu để phát triển sản xuất phục vụ xuất khẩu, hạn chế nhập những hàng tiêu dùng chưa thiết yếu. Có chính sách bảo hộ hợp lý sản xuất trong nước.

Điều chỉnh cơ cấu thị trường để vừa hội nhập khu vực vừa hội nhập toàn cầu, xử lý đúng đắn lợi ích giữa ta với các đối tác.

Chủ động tham gia cộng đồng thương mại thế giới, các diễn đàn, các tổ chức, các định chế quốc tế một cách có chọn lọc, với bước đi thích hợp.

Việc sử dụng vốn vay và thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài phải theo quy hoạch và kế hoạch phát triển ngành và vùng lãnh thổ, bảo đảm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

Tính toán kỹ khả năng vay, sử dụng vốn vay có hiệu quả, trả được nợ. Cải thiện cán cân thanh toán. Tăng dự trữ ngoại tệ. Làm rõ và thực hiện đúng trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan quản lý nợ nước ngoài, của người đi vay và người sử dụng vốn vay.

Thử nghiệm để tiến tới thực hiện việc đầu tư ra nước ngoài.

## II. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ

Nắm vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong việc xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần:

Thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Lấy việc giải phóng sức sản xuất, động viên tối đa mọi nguồn lực bên trong và bên ngoài cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao hiệu quả kinh tế và xã hội, cải thiện đời sống của nhân dân làm mục tiêu hàng đầu trong việc khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế và hình thức tổ chức kinh doanh.

Chủ động đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác. Kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế hợp tác xã dần dần trở thành nền tảng. Tạo điều kiện kinh tế và pháp lý thuận lợi để các nhà kinh doanh tư nhân yên tâm đầu tư làm ăn lâu dài. Mở rộng các hình thức liên doanh, liên kết giữa kinh tế nhà nước với các thành phần kinh tế khác cả trong và ngoài nước. Áp dụng phổ biến các hình thức kinh tế tư bản nhà nước.

Xác lập, củng cố và nâng cao địa vị làm chủ của người lao động trong nền sản xuất xã hội, thực hiện công bằng xã hội ngày một tốt hơn.

Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu, đồng thời phân phối dựa trên mức đóng góp các nguồn lực khác vào kết quả sản xuất kinh doanh và phân phối thông qua phúc lợi xã hội. Thừa nhận sự tồn tại lâu dài của các hình thức thuê mướn lao động nhưng không để biến thành quan hệ thống trị, dẫn tới sự phân hóa xã hội thành hai cực đối lập. Phân phối và phân phối lại hợp lý các thu nhập; khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá đói, giảm nghèo, không để diễn ra chênh lệch quá đáng về mức sống và trình độ phát triển giữa các vùng, các tầng lớp dân cư.

Tăng cường hiệu lực quản lý vĩ mô của Nhà nước, khai thác triệt để vai trò tích cực đi đôi với khắc phục và ngăn ngừa, hạn chế những tác động tiêu cực của cơ chế thị trường. Bảo đảm sự bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trước pháp luật của mọi doanh nghiệp và cá nhân không phân biệt thành phần kinh tế.

Giữ vững độc lập, chủ quyền và bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc trong quan hệ kinh tế với bên ngoài.

***Thực hiện những chủ trương, chính sách sau đây đối với từng thành phần kinh tế.***

1. Tiếp tục đổi mới và phát triển có hiệu quả *kinh tế nhà nước* để làm tốt vai trò chủ đạo: làm đòn bẩy đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế và giải quyết những vấn đề xã hội; mở đường, hướng dẫn, hỗ trợ các thành phần khác cùng phát triển; làm lực lượng vật chất để Nhà nước thực hiện chức năng điều tiết và quản lý vĩ mô; tạo nền tảng cho chế độ xã hội mới.

Tập trung nguồn lực để phát triển kinh tế nhà nước trong những ngành, những lĩnh vực trọng yếu như kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, hệ thống tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, những cơ sở sản xuất và thương mại, dịch vụ quan trọng, một số doanh nghiệp thực hiện những nhiệm vụ có quan hệ đến quốc phòng an ninh. Doanh nghiệp nhà nước nói chung có quy mô vừa và lớn, công nghệ tiến bộ, kinh doanh có hiệu quả, tạo nguồn thu lớn cho ngân sách.

Lấy suất sinh lời trên vốn làm một trong những tiêu chuẩn chủ yếu để đánh giá hiệu quả của doanh nghiệp kinh doanh; lấy kết quả thực hiện các chính sách xã hội làm tiêu chuẩn chủ yếu để đánh giá hiệu quả của doanh nghiệp công ích.

Đổi mới và tăng cường hoạt động của kinh tế nhà nước trong lĩnh vực phân phối lưu thông. Phát huy vai trò trung tâm kinh tế, khoa học công nghệ, văn hóa xã hội của doanh nghiệp nhà nước trong nông, lâm, ngư nghiệp, nhất là ở miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc ít người.

Triển khai tích cực và vững chắc việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước để huy động thêm vốn, tạo thêm động lực thúc đẩy doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả, làm cho tài sản nhà nước ngày càng tăng lên, không phải để tư nhân hóa. Bên cạnh những doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước sẽ có nhiều doanh nghiệp nhà nước nắm đa số hay nắm tỷ lệ cổ phần chi phối. Gọi thêm cổ phần hoặc bán cổ phần cho người lao động tại doanh nghiệp, cho các tổ chức và cá nhân ngoài doanh nghiệp tùy từng trường hợp cụ thể; vốn huy động được phải dùng để đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh.

Tổ chức hợp lý các tổng công ty, bảo đảm vừa tránh phân tán lực lượng, vừa chống độc quyền hoặc trở thành cấp hành chính trung gian.

2. **Kinh tế hợp tác mà nòng cốt là các hợp tác xã** là hình thức liên kết tự nguyện của những người lao động nhằm kết hợp sức mạnh của từng thành viên với sức mạnh tập thể để giải quyết có hiệu quả hơn những vấn đề của sản xuất, kinh doanh và đời sống.



Phát triển kinh tế hợp tác với nhiều hình thức đa dạng, từ thấp đến cao, từ tổ nhóm hợp tác đến hợp tác xã; tuân thủ nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi, quản lý dân chủ.

Hợp tác xã được tổ chức trên cơ sở đóng góp cổ phần và sự tham gia lao động trực tiếp của xã viên, phân phối theo kết quả lao động và theo cổ phần, mỗi xã viên có quyền như nhau đối với công việc chung.

Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và có chính sách khuyến khích, ưu đãi, giúp đỡ kinh tế hợp tác phát triển có hiệu quả. Thực hiện tốt Luật Hợp tác xã.

**3. Kinh tế tư bản nhà nước** bao gồm các hình thức hợp tác liên doanh giữa kinh tế nhà nước với tư bản tư nhân trong nước và hợp tác liên doanh giữa kinh tế nhà nước với tư bản nước ngoài. Kinh tế tư bản nhà nước có vai trò quan trọng trong việc động viên tiềm năng to lớn về vốn, công nghệ, khả năng tổ chức quản lý... của các nhà tư bản vì lợi ích của bản thân họ, cũng như của công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

Áp dụng nhiều phương thức góp vốn liên doanh giữa Nhà nước với các nhà kinh doanh tư nhân trong nước nhằm tạo thế, tạo lực cho các doanh nghiệp Việt Nam phát triển, tăng sức hợp tác và cạnh tranh với bên ngoài.

Cải thiện môi trường đầu tư và nâng cao năng lực quản lý để thu hút có hiệu quả vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động trong các xí nghiệp hợp tác, liên doanh.

**4. Kinh tế cá thể, tiểu chủ** có vị trí quan trọng, lâu dài. Giúp đỡ kinh tế cá thể, tiểu chủ giải quyết các khó khăn về vốn, về khoa học và công nghệ, về thị trường tiêu thụ sản phẩm. Hướng dẫn kinh tế cá thể, tiểu chủ, vì lợi ích thiết thân và nhu cầu phát triển của sản xuất, từng bước đi vào làm ăn hợp tác một cách tự nguyện, hoặc làm vệ tinh cho các doanh nghiệp nhà nước hay hợp tác xã.

**5. Kinh tế tư bản tư nhân** có khả năng góp phần xây dựng đất nước. Khuyến khích tư bản tư nhân đầu tư vào sản xuất, yên tâm làm ăn lâu dài; bảo hộ quyền sở hữu và lợi ích hợp pháp, tạo điều kiện thuận lợi đi đôi với tăng cường quản lý, hướng dẫn làm ăn đúng pháp luật, có lợi cho quốc kế dân sinh.

### III. TIẾP TỤC ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ KINH TẾ

Từ thực tiễn hơn 10 năm qua, có thể khẳng định một số nhận thức về cơ chế quản lý kinh tế mới:

Sản xuất hàng hóa không đối lập với chủ nghĩa xã hội, mà là thành tựu phát triển của nền văn minh nhân loại, tồn tại khách quan, cần thiết cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và cả khi chủ nghĩa xã hội đã được xây dựng.

Trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần ở nước ta, thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa là một thể thống nhất với nhiều lực lượng tham gia sản xuất và lưu thông, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Thị trường trong nước gắn với thị trường thế giới.

Thị trường vừa là căn cứ, vừa là đối tượng của kế hoạch. Kế hoạch chủ yếu mang tính định hướng và đặc biệt quan trọng trên bình diện vĩ mô. Thị trường có vai trò trực tiếp hướng dẫn các đơn vị kinh tế lựa chọn lĩnh vực hoạt động và phương án tổ chức sản xuất kinh doanh.

Vận dụng cơ chế thị trường đòi hỏi phải nâng cao năng lực quản lý vĩ mô của Nhà nước, đồng thời xác lập đầy đủ chế độ tự chủ của các đơn vị sản xuất kinh doanh, nhằm phát huy tác động tích cực to lớn đi đôi với ngăn ngừa, hạn chế và khắc phục những mặt tiêu cực của thị trường. Nhà nước quản lý thị trường bằng pháp luật, kế hoạch, cơ chế, chính sách, các công cụ đòn bẩy kinh tế và bằng các nguồn lực của khu vực kinh tế nhà nước.

Từ nay đến năm 2000, tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế với mục tiêu xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, hình thành tương đối đồng bộ cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

### **1. Tạo lập đồng bộ các yếu tố của thị trường.**

- Phát triển mạnh *thị trường hàng hóa và dịch vụ.*

Mở rộng thị trường, thực hiện giao lưu hàng hóa thông suốt trong cả nước. Phát triển thị trường công nghệ, các dịch vụ thông tin, tư vấn, tiếp thị, pháp lý, tài chính, ngân hàng, kiểm toán, bảo hiểm, bảo lãnh...

Khắc phục tình trạng kinh doanh trái phép, trốn lậu thuế. Kiểm tra, kiểm soát và xử lý nghiêm minh các vi phạm. Tạo môi trường hợp tác và cạnh tranh lành mạnh trong sản xuất, kinh doanh. Thực hiện độc quyền nhà nước trong một số ngành, một số lĩnh vực nhất định vì lợi ích của đất nước; hạn chế độc quyền kinh doanh, không để lợi dụng địa vị độc quyền để duy trì đặc quyền, đặc lợi, lũng đoạn thị trường.

Chỉnh đốn hoạt động của các tổ chức thương nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Đổi mới hệ thống thương nghiệp nhà nước để làm tốt vai trò chủ đạo; khắc phục tình trạng buông lỏng thị trường nông thôn, miền núi.

*Tổ chức quản lý và hướng dẫn tốt việc thuê mướn và sử dụng lao động.*

Bảo đảm công ăn, việc làm cho dân là một mục tiêu xã hội hàng đầu, không để thất nghiệp trở thành căn bệnh kinh niên. Nhà nước chú trọng đầu tư tạo việc làm, đồng thời tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế và người lao động tạo thêm chỗ làm việc và tự tạo việc làm; khuyến khích các tổ chức và cá nhân cùng Nhà nước tổ chức tốt dịch vụ giới thiệu việc làm, đào tạo nghề nghiệp.

Trong việc thuê mướn lao động, người lao động và người sử dụng lao động bình đẳng trước pháp luật. Nhà nước, với sự tham gia của công đoàn, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, phải kiểm tra, kiểm soát việc thuê mướn, sử dụng và trả công lao động, cải thiện điều kiện lao động; bảo đảm thực hiện những quy định về bảo hộ, an toàn lao động; giải quyết tốt mối quan hệ giữa người lao động và người sử dụng lao động theo pháp luật, bảo vệ lợi ích chính đáng của người lao động.

Tiếp tục cải tiến chế độ tiền lương trong khu vực nhà nước. Có chính sách hướng dẫn và điều tiết tiền lương và thu nhập cá nhân trong toàn xã hội. Thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội đối với người lao động thuộc mọi thành phần kinh tế.

*Quản lý chặt chẽ đất đai và thị trường bất động sản.*

Đất đai thuộc sở hữu toàn dân, không tư nhân hóa, không cho phép mua bán đất đai. Thực hiện đúng Luật Đất đai; bổ sung, hoàn chỉnh hệ thống pháp luật và chính sách về đất đai. Trong việc giao quyền sử dụng hay cho thuê đất phải xác định đúng giá các loại đất để sử dụng đất có hiệu quả, duy trì và phát triển quỹ đất, bảo đảm lợi ích của toàn dân. Khắc phục tình trạng đầu cơ đất và những tiêu cực, yếu kém trong quản lý và sử dụng đất.

Tổ chức, quản lý tốt thị trường bất động sản. Chăm lo giải quyết vấn đề nhà ở cho nhân dân, nhất là ở các vùng đô thị; phát triển các doanh nghiệp nhà nước xây dựng và kinh doanh nhà ở. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia xây dựng và kinh doanh nhà theo sự hướng dẫn và quản lý của Nhà nước.

*Xây dựng thị trường vốn, từng bước hình thành thị trường chứng khoán.*

Phát triển thị trường vốn, thu hút các nguồn vốn trung, dài hạn qua ngân hàng và các công ty tài chính để đáp ứng nhu cầu cho vay đầu tư phát triển.

Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để từng bước xây dựng thị trường chứng khoán phù hợp với điều kiện Việt Nam và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

## **2. Hoàn chỉnh hệ thống luật pháp về kinh tế.**

Ban hành một số luật mới và sửa đổi, bổ sung một số luật và pháp lệnh hiện hành để tiếp tục thể chế hóa Cương lĩnh, Chiến lược và các chủ trương, chính sách của Đảng, hình thành khuôn khổ pháp lý đồng bộ, cần thiết cho các hoạt động kinh tế.

## **3. Tiếp tục đổi mới công tác kế hoạch hóa.**

Kế hoạch nhà nước phải quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng để đưa ra một hệ thống các mục tiêu vĩ mô, xác định tốc độ phát triển, cơ cấu và các cân đối lớn, các chính sách, giải pháp để dẫn dắt nền kinh tế theo định hướng kế hoạch.

Tập trung sức xây dựng chiến lược và quy hoạch phát triển, các chương trình và dự án lớn cho cả nước và cho từng ngành, từng vùng, từng lĩnh vực. Chuyển dần sang kế hoạch 5 năm là chính, có phân ra từng năm; giảm nhẹ việc xây dựng và xét duyệt kế hoạch hàng năm.

Kế hoạch phải bao quát các ngành, các vùng, các lĩnh vực và thành phần kinh tế.

## **4. Đổi mới các chính sách tài chính, tiền tệ, giá cả.**

*Chính sách tài chính* phải nhằm mục tiêu thúc đẩy sản xuất phát triển; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; tăng tích lũy để tạo vốn cho đầu tư phát triển; đáp ứng những nhu cầu chi thường xuyên thật sự cần thiết, cấp bách; bảo đảm quản lý thống nhất nền tài chính quốc gia; giảm bội chi ngân sách, góp phần khống chế và kiểm soát lạm phát. Xử lý đúng đắn các mối quan hệ: tích lũy và tiêu dùng; tài chính nhà nước, tài chính doanh nghiệp và tài chính dân cư; ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương; chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển, chi bảo đảm quốc phòng an ninh; huy động vốn trong nước và vốn bên ngoài; vay và trả nợ...

Để tạo vốn đầu tư phát triển, giải pháp cơ bản và lâu dài là phải làm ăn có hiệu quả, phát triển kinh tế, thực hành triệt để tiết kiệm cả trong chi tiêu của Nhà nước, trong sản xuất kinh doanh và trong tiêu dùng của dân cư, khuyến khích mạnh tiết kiệm và đầu tư, đa dạng hóa các kênh huy động vốn.

Có tầm nhìn dài hạn trong chính sách thu, tính đến nhu cầu chi cấp thiết trước mắt, nhưng phải chú trọng bồi dưỡng nguồn thu lâu dài. Đối

mới chính sách thuế theo hướng đơn giản, ổn định, công bằng, khuyến khích làm ăn hợp pháp; bảo đảm tỷ lệ động viên hợp lý vào ngân sách nhà nước, đồng thời tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tích tụ vốn để đầu tư phát triển. Thực hiện chính sách ưu đãi hơn nữa về thuế đối với đầu tư phát triển và đối với những vùng có nhiều khó khăn.

Thực hiện chặt chẽ chế độ kế toán, kiểm toán và chế độ kiểm tra, thanh tra tài chính.

Chuyển mạnh *chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng* phù hợp với cơ chế thị trường, góp phần ổn định sức mua của đồng Việt Nam, kiềm chế lạm phát ở mức thấp, huy động và cho vay vốn có hiệu quả... Ngân hàng Trung ương có trách nhiệm chính trong việc kiểm soát lạm phát, ổn định giá trị đồng tiền, quản lý ngoại tệ, vàng.

Tổ chức tốt hệ thống quỹ tín dụng nhân dân. Quản lý chặt chẽ hoạt động của các ngân hàng thương mại và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Có biện pháp đồng bộ để giảm dần lãi suất, tạo điều kiện cho đầu tư phát triển.

Có chính sách tỷ giá hối đoái và quản lý ngoại hối hợp lý thúc đẩy xuất khẩu và điều tiết được nhập khẩu, từng bước làm cho đồng Việt Nam có giá trị chuyển đổi đầy đủ và là phương tiện lưu thông duy nhất trong nước.

- Tiếp tục hoàn thiện *hệ thống giá cả* và đổi mới công tác quản lý giá.

Tăng cường lực lượng dự trữ quốc gia, đổi mới cơ chế dự trữ lưu thông, cơ chế hình thành và hoạt động của quỹ bình ổn, phương thức can thiệp để bình ổn giá một số mặt hàng hết sức thiết yếu.

## **5. Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý kinh tế của Nhà nước.**

Nhà nước thực hiện tốt các chức năng: định hướng sự phát triển; trực tiếp đầu tư vào một số lĩnh vực để dẫn dắt nỗ lực phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa; thiết lập khuôn khổ luật pháp, có hệ thống chính sách nhất quán để tạo môi trường ổn định và thuận lợi cho giới kinh doanh làm ăn phát đạt; khắc phục, hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế thị trường; phân phối và phân phối lại thu nhập quốc dân; quản lý tài sản công và kiểm kê, kiểm soát toàn bộ hoạt động kinh tế - xã hội.

Thực hiện đúng chức năng quản lý nhà nước về kinh tế và chức năng chủ sở hữu tài sản công của Nhà nước. Các bộ và các cấp chính quyền không can thiệp vào chức năng quản trị kinh doanh và quyền tự chủ hạch toán của doanh nghiệp.

## IV. PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

### 1. Khoa học và công nghệ.

Hoạt động khoa học và công nghệ của nước ta trong giai đoạn tới cần tập trung vào các phương hướng chủ yếu sau đây:

Vận dụng sáng tạo và phát triển học thuyết Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; phát triển và kết hợp chặt chẽ các ngành khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên và công nghệ... làm chỗ dựa khoa học cho việc triển khai thực hiện Cương lĩnh, Hiến pháp, xác định phương hướng, bước đi của công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng pháp luật, các chính sách, kế hoạch và chương trình kinh tế - xã hội.

Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng các thành tựu khoa học tự nhiên và công nghệ tiên tiến trong tất cả các ngành sản xuất kinh doanh, dịch vụ, quản lý và quốc phòng - an ninh.

Nắm bắt các công nghệ cao như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, những công nghệ mới trong chế tạo máy... để có thể đi nhanh vào hiện đại ở những khâu quyết định.

Đánh giá chính xác tài nguyên quốc gia, từ đó đề xuất một chiến lược đúng đắn về khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên. Bảo đảm cơ sở khoa học và công nghệ cho việc khai thác, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái. Áp dụng các công nghệ hiện đại trong việc kiểm soát, đánh giá và xử lý tác động môi trường. Ưu tiên các công nghệ sạch, tốn ít nguyên, nhiên liệu. Đề xuất các phương pháp khoa học và ứng dụng các phương tiện kỹ thuật để hạn chế hậu quả thiên tai.

Chú trọng đúng mức nghiên cứu cơ bản về khoa học xã hội, khoa học nhân văn và khoa học tự nhiên, làm chỗ dựa lâu bền cho nghiên cứu ứng dụng, triển khai và tiếp nhận các thành tựu mới về khoa học và công nghệ.

Xây dựng tiềm lực nhằm phát triển một nền khoa học và công nghệ tiên tiến. Đẩy mạnh các hình thức đào tạo cán bộ khoa học ở trong và ngoài nước. Gấp rút đào tạo lớp chuyên gia đầu đàn. Sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ hiện có; bổ sung cán bộ trẻ cho các cơ quan nghiên cứu triển khai, các trường đại học. Bố trí lại lực lượng khoa học và công nghệ theo hướng gắn khoa học và công nghệ với giáo dục đào tạo, gắn nghiên cứu triển khai với sản xuất và dịch vụ.

Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho các ngành khoa học và công nghệ; chú trọng xây dựng hệ thống các phòng thí nghiệm hiện đại ở các trường đại học và các viện nghiên cứu; xây dựng và nâng cấp mạng lưới dịch vụ kỹ thuật như đo lường, tiêu chuẩn, thẩm định công nghệ, thông tin khoa học và công nghệ.

Xây dựng và thực hiện tốt hệ thống chính sách và cơ chế đồng bộ cho phát triển khoa học và công nghệ, cụ thể là:

Phát huy sự tìm tòi, sáng tạo trong nghiên cứu, đồng thời đề cao trách nhiệm xã hội của những người làm công tác khoa học và công nghệ đối với đất nước. Tạo lập thị trường cho các hoạt động khoa học và công nghệ. Kiểm soát các công nghệ nhập. Thúc đẩy các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp lớn của Nhà nước đổi mới công nghệ, thu hút lực lượng nghiên cứu triển khai về các doanh nghiệp.

Có chính sách chăm lo điều kiện làm việc, lợi ích vật chất và tinh thần của người nghiên cứu, phát minh và ứng dụng khoa học, công nghệ; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ưu đãi nhân tài có cống hiến quan trọng; khuyến khích cán bộ khoa học làm việc ở vùng sâu, vùng xa. Ngăn chặn tình trạng "chảy chất xám".

Đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư cho các hoạt động khoa học và công nghệ. Xây dựng quỹ tín dụng và ngân hàng đầu tư phát triển khoa học và công nghệ. Nâng dần mức đầu tư của ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ.

Khơi dậy trong nhân dân lòng yêu nước, ý chí quật cường, phát huy tài trí của người Việt Nam, quyết tâm đưa nước nhà ra khỏi nghèo nàn và lạc hậu bằng khoa học và công nghệ.

## **2. Giáo dục và đào tạo.**

Cùng với khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo là *quốc sách hàng đầu* nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Coi trọng cả ba mặt: mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và phát huy hiệu quả. Phương hướng chung của lĩnh vực giáo dục, đào tạo trong 5 năm tới là phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo điều kiện cho nhân dân, đặc biệt là thanh niên có việc làm; khắc phục những tiêu cực, yếu kém trong giáo dục và đào tạo.

Đến năm 2000 bảo đảm đại bộ phận trẻ em 5 tuổi được hưởng chương trình giáo dục mầm non; thanh toán nạn mù chữ ở những người trong độ tuổi từ 15 đến 35, thu hẹp diện người mù chữ ở độ tuổi khác; cơ bản hoàn

thành phố cấp tiểu học trong cả nước, trước hết là đối với trẻ em trong độ tuổi từ 6 đến 14; phổ cập trung học cơ sở ở những thành phố lớn, khu công nghiệp tập trung và những nơi mà điều kiện cho phép. Có chính sách bảo đảm cho con em các gia đình trong diện chính sách, gia đình nghèo được đi học, động viên và giúp đỡ những học sinh giỏi, có nhiều triển vọng. Mở cuộc vận động rộng rãi trong toàn dân kiên quyết xóa mù chữ và chống nạn thất học.

Xây dựng hệ thống trường chuyên, trường trọng điểm, trung tâm chất lượng cao ở các bậc học. Coi trọng việc dạy ngoại ngữ và tin học từ cấp phổ thông. Mở thêm các trường phổ thông nội trú ở những vùng khó khăn, vùng đồng bào thiểu số. Coi trọng giáo dục gia đình.

Đổi mới hệ thống giáo dục chuyên nghiệp và đại học, kết hợp đào tạo với nghiên cứu, tạo nguồn nhân lực đủ khả năng tiếp cận công nghệ tiên tiến. Củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông. Phát triển các hình thức giáo dục từ xa. Mở rộng hệ thống các trường lớp dạy nghề và đào tạo công nhân lành nghề. Trong khi tập trung sức xây dựng hệ thống trường công, có chính sách giúp đỡ, hướng dẫn phát triển và quản lý tốt các trường, lớp bán công, dân lập, tư thục. Khuyến khích dạy nghề tại doanh nghiệp. Phát triển đào tạo sau đại học; tăng số lượng đào tạo đại học và sau đại học ở nước ngoài và tại các trung tâm đào tạo quốc tế ở trong nước. Khuyến khích du học tự túc. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa đào tạo với sử dụng. Xây dựng đội ngũ trí thức đồng bộ về các lĩnh vực khoa học và công nghệ, văn hóa văn nghệ, quản lý kinh tế, quản lý xã hội... Nhanh chóng xây dựng đội ngũ công chức và nhân viên của hệ thống hành chính các cấp. Đào tạo đội ngũ các nhà quản trị doanh nghiệp giỏi. Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 10% hiện nay lên khoảng 22 - 25%. Nâng cao kiến thức văn hóa, nghề nghiệp cho phụ nữ; bồi dưỡng lực lượng cán bộ nữ.

Xác định rõ hơn mục tiêu, thiết kế nội dung, chương trình, đổi mới phương pháp giáo dục, đào tạo, lựa chọn những nội dung có tính cơ bản, hiện đại. Tăng cường giáo dục công dân, giáo dục lòng yêu nước, chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, giáo dục đạo đức và nhân văn, lịch sử dân tộc và bản sắc văn hóa dân tộc; ý chí vươn lên vì tương lai của bản thân và tiền đồ của đất nước. Từng bước áp dụng các phương pháp tiên tiến và phương pháp hiện đại vào quá trình đào tạo; phát triển mạnh phong trào tự học, tự đào tạo thường xuyên và rộng khắp. Ngăn chặn và xử lý nghiêm những tiêu cực trong giảng dạy, học tập, thi cử và cấp văn bằng, chứng chỉ.



Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục. Sử dụng giáo viên đúng năng lực, đãi ngộ đúng công sức và tài năng với tinh thần ưu đãi và tôn vinh nghề dạy học.

Tổng kết cải cách giáo dục; xây dựng chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống luật pháp và chính sách của Nhà nước về giáo dục, đào tạo. Tăng cường quản lý nhà nước đối với các loại hình trường lớp giáo dục và đào tạo.

Nâng dần tỷ trọng chi ngân sách cho giáo dục, đào tạo. Động viên đúng mức sự đóng góp của mỗi nhà, mỗi người, đồng thời thu hút nguồn đầu tư từ các cộng đồng, các giới, trong và ngoài nước cho giáo dục, đào tạo. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo.

Phát huy trách nhiệm của các cấp ủy đảng, các cấp chính quyền, đoàn thể, các doanh nghiệp đối với sự nghiệp giáo dục, đào tạo.

## V. XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA TIÊN TIẾN, ĐẬM ĐÀ BẢN SẮC DÂN TỘC

Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

Mọi hoạt động văn hóa, văn nghệ phải nhằm xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người Việt Nam về tư tưởng, đạo đức, tâm hồn, tình cảm, lối sống, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh cho sự phát triển xã hội.

Kế thừa và phát huy các giá trị tinh thần, đạo đức và thẩm mỹ, các di sản văn hóa, nghệ thuật của dân tộc. Bảo tồn và tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh của đất nước. Trong điều kiện kinh tế thị trường và mở rộng giao lưu quốc tế, phải đặc biệt quan tâm gìn giữ và nâng cao bản sắc văn hóa dân tộc, kế thừa và phát huy truyền thống đạo đức, tập quán tốt đẹp và lòng tự hào dân tộc. Tiếp thu tinh hoa của các dân tộc trên thế giới, làm giàu đẹp thêm nền văn hóa Việt Nam; đấu tranh chống sự xâm nhập của các loại văn hóa độc hại, những khuynh hướng sùng ngoại, lai căng, mất gốc. Khắc phục tâm lý sùng bái đồng tiền, bất chấp đạo lý, coi thường các giá trị nhân văn.

Củng cố, tăng cường mạng lưới văn hóa cơ sở. Quản lý tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ. Khai thác và phát triển mọi sắc thái và giá trị văn hóa, nghệ thuật của các dân tộc trên đất nước ta; tạo ra sự thống nhất trong tính đa dạng và phong phú của nền văn hóa Việt Nam.

Nâng cao hiểu biết và mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân ở mọi vùng đất nước. Hướng dẫn nhân dân về nếp sống văn hóa, văn minh; chống các hủ tục, mê tín dị đoan.

Phát triển đi đôi với quản lý tốt mạng lưới thông tin, báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình, điện ảnh và các hình thức nghệ thuật khác. Sớm hoạch định một chiến lược quốc gia về thông tin; coi trọng việc nâng cao chất lượng thông tin đại chúng, tính chân thật, tính chiến đấu và tính đa dạng của thông tin; coi trọng việc phát hiện và đề cao các nhân tố mới, đồng thời với việc phát hiện và phê phán các hiện tượng tiêu cực. Tăng cường công tác thông tin đối ngoại.

Bảo đảm dân chủ, tự do cho mọi sự sáng tạo và hoạt động văn hóa, vun đắp các tài năng, đồng thời đề cao trách nhiệm của văn nghệ sĩ trước công chúng, dân tộc và thời đại. Khuyến khích, tạo điều kiện thúc đẩy sáng tác văn học, nghệ thuật phản ánh các nhân tố mới trong xã hội, cổ vũ cái tốt, cái đẹp trong quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với xã hội, với thiên nhiên, phê phán cái sai, lên án cái xấu, cái ác, hướng tới chân, thiện, mỹ. Phổ biến kịp thời các tác phẩm tốt, đưa các nhân tố văn hóa, tinh thần nhân văn thấm sâu vào các lĩnh vực của đời sống xã hội, từ cách ứng xử trong gia đình, trường học, xã hội đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh, giao tiếp...

Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc, làm cho gia đình thực sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là tổ ấm của mỗi người. Phát huy trách nhiệm của gia đình trong việc lưu truyền những giá trị văn hóa dân tộc từ thế hệ này sang thế hệ khác. Thực hiện tốt Luật Hôn nhân và gia đình.

Phát huy người tốt, việc tốt. Hình thành hệ giá trị và chuẩn mực xã hội mới phù hợp với truyền thống, bản sắc dân tộc và yêu cầu của thời đại.

Xây dựng văn hóa là nhiệm vụ chung của toàn xã hội. Có chính sách đầu tư thích đáng cho văn hóa, văn nghệ. Phát triển các hoạt động văn hóa, văn nghệ của Nhà nước, tập thể và cá nhân theo đường lối của Đảng và sự quản lý của Nhà nước.

## VI. CHÍNH SÁCH GIẢI QUYẾT MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

Hệ thống chính sách xã hội được hoạch định trên những quan điểm sau đây:

- Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển. Công bằng xã hội phải thể hiện ở cả khâu phân phối hợp lý tư liệu sản xuất lẫn ở khâu phân phối kết quả sản xuất, ở việc tạo điều kiện cho mọi người đều có cơ hội phát triển và sử dụng tốt năng lực của mình.

Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu, đồng thời phân phối dựa trên mức đóng góp các nguồn lực khác vào kết quả sản xuất kinh doanh và phân phối thông qua phúc lợi xã hội, đi đôi với chính sách điều tiết hợp lý, bảo hộ quyền lợi của người lao động.

Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xóa đói giảm nghèo. Thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển, về mức sống giữa các vùng, các dân tộc, các tầng lớp dân cư.

Phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc "Uống nước nhớ nguồn", "Đền ơn đáp nghĩa", nhân hậu, thủy chung.

Các vấn đề chính sách xã hội đều giải quyết theo tinh thần xã hội hóa. Nhà nước giữ vai trò nòng cốt, đồng thời động viên mỗi người dân các doanh nghiệp, các tổ chức trong xã hội, các cá nhân và tổ chức nước ngoài cùng tham gia giải quyết những vấn đề xã hội.

Trong những năm trước mắt, phải giải quyết tốt một số vấn đề xã hội sau đây:

- *Tập trung sức tạo việc làm.*

Phương hướng quan trọng nhất là Nhà nước cùng toàn dân ra sức đầu tư phát triển, thực hiện tốt kế hoạch và các chương trình kinh tế xã hội. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế, mọi công dân, mọi nhà đầu tư mở mang ngành nghề, tạo nhiều việc làm cho người lao động. Mọi công dân đều được tự do hành nghề, thuê mướn nhân công theo pháp luật. Phát triển dịch vụ việc làm. Tiếp tục phân bố lại dân cư và lao động trên địa bàn cả nước, tăng dân cư trên các địa bàn có tính chiến lược về kinh tế, an ninh - quốc phòng. Mở rộng kinh tế đối ngoại, đẩy mạnh xuất khẩu lao động. Giảm đáng kể tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị và thiếu việc làm ở nông thôn.

**- Thực hiện xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, bảo hiểm xã hội và các hoạt động nhân đạo, từ thiện.**

Thực hiện tốt chương trình *xóa đói giảm nghèo*, nhất là đối với vùng căn cứ cách mạng. Vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng và phát triển quỹ xóa đói giảm nghèo bằng nhiều nguồn vốn trong và ngoài nước, quản lý chặt chẽ, đầu tư đúng đối tượng và có hiệu quả.

Tổ chức tốt đời sống xã hội trên từng địa bàn để trong điều kiện thu nhập bình quân đầu người còn thấp vẫn tạo được một cuộc sống khá hơn cho nhân dân. Mở rộng diện các xã có điện, có đường, có trường học, có trạm y tế, có nước sạch...

Tổ chức tốt việc thi hành pháp lệnh về người có công, bảo đảm cho những người có công với đất nước và cách mạng có đời sống vật chất và tinh thần ít nhất bằng mức sống trung bình của nhân dân ở nơi cư trú; bồi dưỡng và tạo điều kiện cho con em những người có công với cách mạng tiếp nối sự nghiệp của cha anh. Mở rộng phong trào *đền ơn đáp nghĩa*, chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ.

Thực hiện và hoàn thiện chế độ *bảo hiểm xã hội*, bảo đảm đời sống người nghỉ hưu được ổn định, từng bước cải thiện. Xây dựng Luật Bảo hiểm xã hội.

Đẩy mạnh các hoạt động *nhân đạo, từ thiện*. Thực hiện các chính sách bảo trợ trẻ em mồ côi lang thang cơ nhỡ, người già neo đơn, nạn nhân chiến tranh, người tàn tật xây dựng quỹ tình thương trích từ ngân sách một phần và động viên toàn xã hội tham gia đóng góp; tiến tới xây dựng Luật về bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi. Giúp đỡ những người bị thiên tai và những rủi ro khác.

**- Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe, nâng cao thể chất của nhân dân.**

Phấn đấu đến năm 2000 giảm hẳn tỷ lệ mắc bệnh truyền nhiễm gây dịch, các bệnh do ký sinh trùng và suy dinh dưỡng. Khắc phục các hậu quả của chiến tranh trên lĩnh vực sức khỏe. Cải thiện các chỉ tiêu cơ bản về sức khỏe của người dân, nhất là sức khỏe bà mẹ, trẻ em, nâng cao tuổi thọ bình quân và giảm tỷ lệ tử vong.

Tiếp tục củng cố hệ thống y tế nhà nước, đặc biệt là y tế xã, huyện. Mở rộng, đa dạng hóa, nâng cao chất lượng và hiệu quả các dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Đổi mới và tăng cường công tác quản lý bệnh viện, kiện toàn hệ thống khám chữa bệnh đủ sức đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của nhân dân. Thực hiện khám chữa bệnh miễn phí cho các gia đình chính sách, cho người nghèo. Tăng đầu tư của Nhà nước kết hợp với tạo thêm nguồn kinh phí khác cho y tế như phát triển bảo hiểm, mở rộng hợp tác

quốc tế. Khuyến khích và quản lý tốt hoạt động chăm sóc sức khỏe nhân dân của tác tổ chức và cá nhân. Phát triển y học cổ truyền dân tộc; kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại. Xây dựng chính sách về quản lý và phát triển công nghiệp dược, thiết bị y tế, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Có chính sách đãi ngộ để sử dụng tốt cán bộ y tế, nhất là ở những nơi khó khăn. Ngăn chặn tình trạng xuống cấp trong ngành y tế, từ cơ sở vật chất, trang thiết bị đến chất lượng và thái độ phục vụ. Chấn chỉnh việc thu và sử dụng viện phí. Chống tiêu cực trong các dịch vụ y dược. Đề cao y đức "thầy thuốc như mẹ hiền".

Đẩy mạnh công tác y học dự phòng. Thực hiện rộng rãi các biện pháp vệ sinh môi trường, vệ sinh thực phẩm và cung cấp nước sạch.

Phát triển phong trào *thể dục thể thao* sâu rộng trong cả nước, trước hết là trong thanh, thiếu niên; tạo chuyển biến tích cực về chất lượng và hiệu quả giáo dục thể chất trong trường học, trong các lực lượng dự bị quốc phòng và lực lượng vũ trang. Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế về thể dục, thể thao. Từng bước hình thành lực lượng thể thao chuyên nghiệp.

**- Đẩy mạnh công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình.**

Kiện toàn hệ thống tổ chức làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình. Phát triển mạng lưới dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến tận cơ sở, nhất là nông thôn miền núi. Hướng vào mục tiêu mỗi cặp vợ chồng chỉ có 1 hoặc 2 con, tỷ lệ tăng dân số dưới 1,8% vào năm 2000; tiến tới ổn định quy mô dân số trong nửa đầu thế kỷ sau.

**- Đẩy lùi tệ nạn xã hội.**

Thực hiện đồng bộ các biện pháp giáo dục, kinh tế, hành chính và pháp luật để phòng chống có hiệu quả các tệ nạn xã hội, nhất là tệ trộm cướp, cờ bạc, ma túy, mua bán dâm...

## VII. QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

***Nhiệm vụ về quốc phòng và an ninh trong những năm tới là:***

Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, của cả hệ thống chính trị, từng bước tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh của đất nước, xây dựng vững chắc nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân và thế trận an ninh nhân dân, nâng cao chất lượng các lực lượng vũ trang, bảo vệ vững chắc độc lập an ninh, chủ quyền

và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, bảo vệ nhân dân, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa; ngăn ngừa và làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động gây mất ổn định chính trị xã hội, xâm phạm độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, gây tổn hại cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước; ngăn chặn và trừng trị có hiệu quả mọi loại tội phạm, bảo đảm tốt trật tự, an toàn xã hội.

Thực hiện nhiệm vụ quốc phòng và an ninh trong tình hình mới, cần nắm vững các tư tưởng chỉ đạo sau đây:

Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Kết hợp quốc phòng và an ninh với kinh tế.

Gắn nhiệm vụ quốc phòng với nhiệm vụ an ninh, hai mặt có quan hệ khăng khít với nhau của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và chế độ xã hội chủ nghĩa; phối hợp chặt chẽ hoạt động quốc phòng và an ninh với hoạt động đối ngoại.

Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của Đảng, Nhà nước và của toàn quân, toàn dân. Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị để tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh; xây dựng lực lượng quân đội và công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; xây dựng vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân kết hợp chặt chẽ với thể trận an ninh nhân dân; quán triệt tư tưởng cách mạng tiến công, tích cực, chủ động, sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu và hoạt động chống phá ta.

Hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ Tổ quốc; thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân. Tăng cường quản lý nhà nước về quốc phòng - an ninh.

Thường xuyên chăm lo xây dựng Đảng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội và công an, đối với sự nghiệp củng cố quốc phòng và an ninh.

## VIII. CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI

Nhiệm vụ đối ngoại trong thời gian tới là củng cố môi trường hòa bình và tạo điều kiện quốc tế thuận lợi hơn nữa để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phục vụ sự nghiệp xây

dựng và bảo vệ Tổ quốc, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa và đa dạng hóa các quan hệ đối ngoại với tinh thần Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển. Hợp tác nhiều mặt, song phương và đa phương với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi, giải quyết các vấn đề tồn tại và các tranh chấp bằng thương lượng.

Ra sức tăng cường quan hệ với các nước láng giềng và các nước trong tổ chức ASEAN, không ngừng củng cố quan hệ với các nước bạn bè truyền thống, coi trọng quan hệ với các nước phát triển và các trung tâm kinh tế - chính trị trên thế giới, đồng thời luôn luôn nêu cao tinh thần đoàn kết anh em với các nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi, Mỹ Latinh, với Phong trào Không liên kết.

Tăng cường hoạt động ở Liên hợp quốc, Tổ chức Các nước sử dụng tiếng Pháp, các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế, Tổ chức Thương mại thế giới và các tổ chức quốc tế khác. Tích cực đóng góp cho hoạt động ở các diễn đàn quốc tế tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu. Ủng hộ cuộc đấu tranh nhằm loại trừ hoàn toàn vũ khí hạt nhân và những phương tiện giết người hàng loạt khác.

Phát triển quan hệ với các đảng cộng sản và công nhân các lực lượng cách mạng, độc lập dân tộc và tiến bộ; mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền và các đảng khác.

Mở rộng quan hệ đối ngoại nhân dân, quan hệ với các tổ chức phi chính phủ, tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ rộng rãi của nhân dân các nước, góp phần thúc đẩy xu thế hòa bình, hợp tác phát triển.

## IX. THỰC HIỆN ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC, PHÁT HUY VAI TRÒ LÀM CHỦ CỦA NHÂN DÂN

Trong thời kỳ mới của công cuộc xây dựng đất nước, nhân dân ta càng có điều kiện mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng. Đoàn kết các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo, mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi

người trong đại gia đình dân tộc Việt Nam dù sống trong nước hay đang định cư ở nước ngoài. Phát huy sức mạnh của cả cộng đồng dân tộc, truyền thống yêu nước và lòng tự hào dân tộc vì mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất, tiến lên dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, lấy mục tiêu đó làm điểm tương đồng, đồng thời chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc, cùng nhau xóa bỏ định kiến, mặc cảm, hướng tới tương lai, xây dựng tinh thần đại đoàn kết, cởi mở, tin cậy lẫn nhau.

Trong những năm tới, cần động viên mọi tiềm năng sáng tạo, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế - xã hội 1996-2000.

**- Bằng các chính sách cụ thể đối với các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc trong nước, tạo ra những động lực mới thúc đẩy phong trào cách mạng của nhân dân.**

*Xây dựng giai cấp công nhân* lớn mạnh về mọi mặt, phát triển về số lượng, giác ngộ về giai cấp, nâng cao trình độ học vấn và tay nghề, có năng lực ứng dụng và sáng tạo công nghệ mới, có tác phong công nghiệp và ý thức tổ chức, kỷ luật, lao động đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả ngày càng cao, làm nòng cốt trong việc xây dựng khối liên minh công nhân, nông dân, trí thức và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc.

Tạo thêm việc làm, cải thiện điều kiện lao động, thực hiện an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp, hạn chế đến mức thấp nhất tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp. Tổ chức tốt việc đào tạo và đào tạo lại nghề nghiệp. Tiếp tục nghiên cứu bổ sung, hoàn chỉnh chính sách tiền công lao động và các chính sách bảo đảm về mặt xã hội. Tạo điều kiện cho công nhân có cổ phần trong các doanh nghiệp. Đẩy mạnh việc phát triển Đảng trong công nhân; quan tâm bồi dưỡng, đào tạo cán bộ xuất thân từ công nhân.

Đối với *giai cấp nông dân*, thực hiện tốt chính sách giao đất, khoán rừng; ngăn chặn và khắc phục tình trạng nông dân không có ruộng đất sản xuất; giúp đỡ về vốn, kỹ thuật, các dịch vụ cung ứng vật tư, tiêu thụ sản phẩm, phát triển công nghiệp chế biến và các nghề tiểu, thủ công. Phát triển tín dụng nông thôn, mở rộng việc cho nông dân nghèo vay vốn sản xuất, chống nạn cho vay nặng lãi, mua lúa non, buôn bán trái phép ruộng đất. Giúp đỡ nông dân phát triển các hình thức kinh tế hợp tác. Có chính sách bảo hộ sản xuất cho nông dân.



Đối với *tầng lớp trí thức*, tạo điều kiện thu nhận thông tin, tiếp cận với các thành tựu mới của khoa học và văn hóa thế giới, nâng cao kiến thức chuyên môn, trình độ chính trị; khuyến khích tự do sáng tạo, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; phổ biến các tác phẩm và công trình văn học nghệ thuật có giá trị, phát hiện, bồi dưỡng, sử dụng và đãi ngộ xứng đáng các tài năng. Tổ chức tốt lực lượng cán bộ khoa học và văn hóa, nghệ thuật. thực hiện các chương trình, đề tài nghiên cứu của Nhà nước. Phát huy vai trò của trí thức trong việc xây dựng luật pháp và chính sách.

Đối với *thanh niên*, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh ở mọi cấp, mọi ngành. Coi trọng hơn nữa việc giáo dục, rèn luyện thế hệ trẻ về chính trị, tư tưởng, văn hóa, nghề nghiệp, đạo đức, lối sống. Quan tâm đào tạo nghề và giải quyết việc làm, đáp ứng nhu cầu học tập, lao động sáng tạo, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao và giải trí lành mạnh cho thanh, thiếu niên. Tạo điều kiện cho Đoàn Thanh niên thực hiện tốt trách nhiệm đối với Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh. Tạo môi trường xã hội lành mạnh, ngăn ngừa các tệ nạn xã hội và văn hóa phẩm độc hại. Chăm lo giáo dục, đào luyện thế hệ trẻ là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, các tổ chức trong hệ thống chính trị, của gia đình, nhà trường và của toàn xã hội. Nghiên cứu ban hành Luật Thanh niên.

Đối với *phụ nữ*, xây dựng và thực hiện Chiến lược phát triển vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam đến năm 2000.

Đặc biệt coi trọng việc đào tạo nghề nghiệp, giúp đỡ chị em có việc làm, phát triển kinh tế gia đình, cải thiện đời sống, bảo vệ sức khỏe của phụ nữ và trẻ em.

Quan tâm phát triển Đảng và đào tạo bồi dưỡng cán bộ nữ, tăng tỷ lệ cán bộ nữ trong cơ quan lãnh đạo Đảng và Nhà nước ở các cấp, các ngành.

Đối với *các nhà doanh nghiệp tư nhân*, thực thi chính sách bảo hộ sở hữu tài sản và vốn, khuyến khích đầu tư mở rộng sản xuất, tạo điều kiện thuận lợi cho kinh doanh, thực hiện tốt các nghĩa vụ mà luật pháp quy định.

Vấn đề *dân tộc* có vị trí chiến lược lớn. Thực hiện "bình đẳng, đoàn kết, tương trợ" giữa các dân tộc sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Xây dựng Luật Dân tộc. Từ nay đến năm 2000, bằng nhiều biện pháp tích cực và vững chắc, thực hiện cho được 3 mục tiêu chủ yếu: xóa được đói, giảm được nghèo, ổn định và cải thiện được đời sống, sức khỏe của đồng bào các dân tộc, đồng bào vùng cao, vùng biên giới, xóa được mù

chữ, nâng cao dân trí, tôn trọng và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc; xây dựng được cơ sở chính trị, đội ngũ cán bộ và đảng viên của các dân tộc ở các vùng, các cấp trong sạch và vững mạnh.

Về *tôn giáo*, thi hành nhất quán chính sách tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào của công dân. Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật.

Bảo đảm cho sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật Nhà nước. Nghiêm cấm việc xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước. Nhà nước chăm lo phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giúp đỡ đồng bào có đạo xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống, tham gia các công việc xã hội, từ thiện.

Đồng bào theo đạo và các vị chức sắc tôn giáo có nghĩa vụ làm tròn trách nhiệm công dân đối với Tổ quốc, sống "tốt đời đẹp đạo".

Đối với *người Việt Nam định cư ở nước ngoài*, một bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta chủ trương bảo hộ quyền lợi chính đáng, giúp đỡ nâng cao ý thức cộng đồng, tăng cường đoàn kết tương trợ, giữ gìn bản sắc văn hóa và truyền thống dân tộc; tạo điều kiện thuận lợi cho kiều bào về thăm quê hương, giúp đỡ gia đình, đóng góp ngày càng nhiều hơn vào sự nghiệp xây dựng đất nước thông qua việc hợp tác với các ngành, các địa phương trong nước trên các lĩnh vực kinh tế, khoa học và công nghệ, văn hóa nghệ thuật...

**- Xây dựng cơ chế cụ thể để thực hiện phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"** đối với các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước.

Thực hiện tốt các cơ chế làm chủ của nhân dân: làm chủ thông qua đại diện là các cơ quan dân cử và các đoàn thể; làm chủ trực tiếp bằng các hình thức nhân dân tự quản, bằng các quy ước, hương ước tại cơ sở phù hợp với luật pháp của Nhà nước.

Đảng và Nhà nước tiếp tục đổi mới phong cách, bảo đảm dân chủ trong quá trình chuẩn bị ra quyết định và thực hiện các quyết định.

**- Tiếp tục đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.**

Củng cố, mở rộng tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, một tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của các đoàn thể chính trị - xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp và tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo. Mặt trận và các tổ chức thành viên là cơ sở chính

trị của chính quyền nhân dân, nơi phối hợp thống nhất hành động của các tầng lớp nhân dân, thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tham gia với Đảng và Nhà nước thực hiện và giám sát việc thực hiện dân chủ, chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng của các tầng lớp nhân dân; bảo vệ Đảng và chính quyền, thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; góp phần tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước.

Thực hiện thành nề nếp việc Đảng và Nhà nước cùng bàn bạc và tham khảo ý kiến của Mặt trận về những quyết định, chủ trương lớn.

Tổng Liên đoàn Lao động, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh... cần tập hợp rộng rãi các hội viên, đoàn viên dưới nhiều hình thức tổ chức đa dạng; thực hiện tốt chức năng giáo dục, vận động quần chúng thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ cụ thể; chăm lo thiết thực lợi ích của hội viên, đoàn viên; đại diện cho tầng lớp mình tham gia công việc của Nhà nước. Hướng mạnh về cơ sở để phát triển tổ chức, củng cố sinh hoạt, xã hội hóa các hoạt động, đào tạo, bồi dưỡng rèn luyện cán bộ, khắc phục bệnh quan liêu, hành chính trong hoạt động của các đoàn thể. Nhà nước cần ban hành luật về lập hội và tạo điều kiện cần thiết cho hoạt động của các đoàn thể nhân dân.

*- Mọi cán bộ, đảng viên đều phải làm công tác dân vận theo chức trách của mình.* Mọi cấp bộ đảng chăm lo công tác dân vận, đổi mới phương thức lãnh đạo đối với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các hội quần chúng.

## X. TIẾP TỤC CẢI CÁCH BỘ MÁY NHÀ NƯỚC, XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIÊN NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

*Quán triệt các quan điểm cơ bản sau đây:*

Xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân; lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân.

Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước.

Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam. Quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức.

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

Để xây dựng, kiện toàn bộ máy nhà nước vững mạnh, trong sạch, có hiệu lực và hiệu quả, trong 5 năm tới, phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

***Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác lập pháp và giám sát tối cao của Quốc hội đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước.***

***Về hoạt động lập pháp:*** Ban hành các đạo luật cần thiết để điều chỉnh các lĩnh vực của đời sống xã hội. Ưu tiên xây dựng các luật về kinh tế, về các quyền công dân và các luật điều chỉnh công cuộc cải cách bộ máy nhà nước, các luật điều chỉnh các hoạt động văn hóa, thông tin. Coi trọng tổng kết thực tiễn Việt Nam, nâng cao chất lượng xây dựng pháp luật ban hành các văn bản luật với những quy định cụ thể, dễ hiểu, dễ thực hiện. Giảm dần các luật, pháp lệnh chỉ dừng lại ở những nguyên tắc chung, muốn thực hiện được phải có nhiều văn bản hướng dẫn thi hành.

- ***Về hoạt động giám sát:*** Nâng cao chất lượng, hiệu lực và hiệu quả hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân. Xác định rõ phạm vi, nội dung, cơ chế giám sát của Quốc hội, các ủy ban của Quốc hội và của Hội đồng nhân dân các cấp; phân định rõ tính chất, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn khác nhau giữa hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân với hoạt động kiểm tra, thanh tra, kiểm sát của các cơ quan và tổ chức khác. Cùng với việc bảo đảm thực hiện các quyền khiếu nại, tố cáo của công dân, cần nghiên cứu, hướng dẫn để mọi công dân có điều kiện phát hiện, đề xuất, kiến nghị, giúp cho hoạt động giám sát có hiệu quả.

***Cải cách nền hành chính nhà nước.***

Là trọng tâm của việc xây dựng, hoàn thiện Nhà nước trong những năm trước mắt, công cuộc cải cách hành chính phải dựa trên cơ sở pháp luật và tiến hành đồng bộ trên các mặt: cải cách thể chế hành chính, tổ chức bộ máy và xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức hành chính.

*Về cải cách thể chế hành chính:* Thực hiện cải cách cơ bản các thủ tục hành chính, cả về thể chế và tổ chức thực hiện; loại bỏ những khâu bất hợp lý và phiền hà, ngăn chặn tệ cửa quyền, tham nhũng, hối lộ, vi phạm pháp luật.

*Về tổ chức bộ máy:* Chấn chỉnh cơ cấu tổ chức, biên chế, quy chế hoạt động của bộ máy hành chính các cấp. Làm cho bộ máy tinh gọn, bảo đảm sự điều hành tập trung, thống nhất, thông suốt, có hiệu lực từ Chính phủ đến chính quyền địa phương, cơ sở; đồng thời phát huy tính chủ động, năng động của địa phương, cơ sở. Xác định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mỗi cấp chính quyền địa phương. Kiện toàn bộ máy chính quyền cấp huyện và cơ sở đủ sức quản lý, giải quyết kịp thời, đúng thẩm quyền những vấn đề cuộc sống đặt ra và nhân dân đòi hỏi.

*Về đội ngũ cán bộ, công chức hành chính:* Xây dựng và ban hành văn bản pháp quy về chế độ công vụ và công chức. Định rõ nghĩa vụ, trách nhiệm, thẩm quyền, quyền lợi và kỷ luật công chức hành chính. Quy định các chế độ đào tạo, tuyển dụng, sử dụng công chức. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước vừa có trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cao, vừa giác ngộ về chính trị, có tinh thần trách nhiệm, tận tụy, công tâm, vừa có đạo đức liêm khiết khi thừa hành công vụ.

**Cải cách tổ chức và hoạt động tư pháp.**

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp luật làm cơ sở cho tổ chức và hoạt động của hệ thống các cơ quan tư pháp, bảo đảm mọi vi phạm pháp luật đều phải xử lý, mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật.

Củng cố, kiện toàn bộ máy các cơ quan tư pháp. Phân định lại thẩm quyền xét xử của tòa án nhân dân, từng bước mở rộng thẩm quyền xét xử sơ thẩm cho tòa án nhân dân huyện. Đổi mới tổ chức, hoạt động của viện kiểm sát nhân dân, các cơ quan điều tra, cơ quan thi hành án và các cơ quan, tổ chức hỗ trợ tư pháp.

Xây dựng đội ngũ thẩm phán, thư ký tòa án, điều tra viên, kiểm sát viên, chấp hành viên, công chứng viên, giám định viên, luật sư... có phẩm chất chính trị và đạo đức chí công vô tư, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, bảo đảm cho bộ máy trong sạch, vững mạnh.

**Đẩy mạnh đấu tranh chống tham nhũng.**

Tiến hành đấu tranh kiên quyết, thường xuyên và có hiệu quả chống tệ tham nhũng trong bộ máy nhà nước; trong các ngành, các cấp từ Trung

ương đến cơ sở. Kết hợp những biện pháp cấp bách với những giải pháp có tầm chiến lược nhằm vừa hoàn thiện cơ chế, chính sách, kiện toàn tổ chức, chấn chỉnh công tác quản lý, khắc phục sơ hở, vừa xử lý nghiêm, kịp thời mọi vi phạm, tội phạm, huy động và phối hợp chặt chẽ mọi lực lượng đấu tranh nhằm ngăn chặn, đẩy lùi và loại trừ tệ tham nhũng.

Đấu tranh chống tham nhũng phải gắn với đấu tranh chống buôn lậu, lãng phí, quan liêu; tập trung vào các hành vi lợi dụng chức quyền tham ô, làm thất thoát tài sản Nhà nước, nhận hối lộ; chú ý những lĩnh vực trọng điểm như đất đai, nhà ở, xây dựng cơ bản, hợp tác đầu tư, tài chính, ngân hàng, xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh, hải quan, hoạt động tư pháp, quản lý tài sản công, quản lý vốn trong các doanh nghiệp nhà nước...

Phải làm tốt những việc sau đây:

1. Tiếp tục kiện toàn bộ máy nhà nước, đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường quản lý nhà nước. Thực hiện công khai và dân chủ trong phân bổ ngân sách, kinh phí, duyệt các chương trình, dự án đầu tư. Kiểm tra chặt chẽ việc sử dụng, chi tiêu ngân sách nhà nước. Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý vốn trong doanh nghiệp nhà nước, quản lý tài sản công trong cơ quan nhà nước. Hoàn thiện các tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật; chấn chỉnh chế độ thống kê, kế toán, kiểm toán. Tiếp tục cải tiến chế độ tiền lương, bảo đảm cho công chức có thể sống bằng thu nhập từ tiền lương. Có kế hoạch triển khai việc kê khai thu nhập và nhà đất của công chức và cán bộ đảng từ Trung ương đến các cấp.

2. Xử lý nghiêm minh, kịp thời các vụ tham nhũng ở mọi nơi, mọi cấp, đối với mọi cương vị.

3. Kiện toàn các cơ quan bảo vệ pháp luật, kiên quyết đưa ra khỏi ngành những cán bộ, nhân viên tham nhũng hoặc bao che, tiếp tay cho bọn tham nhũng làm cho bộ máy thực sự trong sạch, vững mạnh.

4. Tăng cường giáo dục chính trị và phẩm chất, đạo đức cho cán bộ, đảng viên. Quản lý và kiểm tra chặt chẽ đảng viên cả ở nơi công tác và nơi cư trú để mỗi cán bộ, đảng viên, công chức ở bất cứ cương vị nào đều phải thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, không để đồng tiền cám dỗ sa vào tham nhũng dưới bất cứ hình thức hoặc mức độ nào.

5. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phải gương mẫu không tham nhũng và phải chịu trách nhiệm về tệ tham nhũng trong cơ quan, đơn vị của mình. Lựa chọn người trong sạch, có bản tính chính trị, có kiến thức và kinh nghiệm chuyên môn tham gia công tác chống tham nhũng. Xây dựng cơ chế để Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, cán bộ, đảng

viên, nhân dân phát hiện và tích cực tham gia chống tham nhũng; bảo vệ những người thật sự công tâm và kiên quyết chống tham nhũng, nghiêm trị những tổ chức và cá nhân bao che, tiếp tay cho bọn tham nhũng, đồng thời ngăn ngừa những hành vi lợi dụng chống tham nhũng để bôi xấu và phá rối nội bộ. Phát huy vai trò của các cơ quan thông tin đại chúng trong cuộc đấu tranh này.

### *Phần thứ tư*

## **XÂY DỰNG ĐẢNG NGANG TÂM ĐÒI HỎI CỦA THỜI KỲ MỚI**

Toàn bộ thành tựu và khuyết điểm của công cuộc đổi mới gắn liền với trách nhiệm lãnh đạo và hoạt động của Đảng ta. Sự lãnh đạo và hoạt động của Đảng là một nhân tố quyết định tạo ra những thành tựu đổi mới. Đồng thời, chính trong quá trình lãnh đạo đổi mới mà Đảng ngày càng trưởng thành, nhận rõ hơn những mặt yếu kém của mình để có biện pháp khắc phục.

Thắng lợi của công cuộc đổi mới chứng tỏ: Đảng ta tiếp tục giữ vững và phát huy được bản lĩnh và kinh nghiệm của các thời kỳ trước, lãnh đạo có kết quả công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước trong những tình huống mới hết sức phức tạp.

Nhìn một cách tổng quát, trong 10 năm qua, công tác xây dựng Đảng đạt được những thành tựu sau đây:

- Đảng đã đề ra và từng bước bổ sung, hoàn thiện dần đường lối đổi mới một cách đúng đắn, sáng tạo, hình thành ngày càng rõ hơn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Ở những bước ngoặt của cách mạng, trước những diễn biến phức tạp của tình hình, Đảng kịp thời có định hướng tư tưởng chính trị đúng đắn, uốn nắn những nhận thức lệch lạc, chống những luận điệu thù địch, tạo cơ sở cho sự thống nhất tư tưởng trong toàn Đảng và trong nhân dân.

- Giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Có tiến bộ về thực hiện dân chủ trong Đảng và lãnh đạo thực hiện

dân chủ trong xã hội, phát huy trí tuệ của tập thể, sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân.

- Đã có chủ trương và biện pháp đổi mới, chỉnh đốn Đảng gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, kiện toàn hệ thống chính trị. Đổi mới một bước tổ chức và cán bộ, nâng cao trình độ và sức chiến đấu của đội ngũ đảng viên; ngăn chặn được sự sa sút, yếu kém của nhiều tổ chức cơ sở đảng; bước đầu cải tiến phương thức lãnh đạo và phong cách công tác. Công tác kiểm tra việc chấp hành nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, kiểm tra việc giữ gìn phẩm chất, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên và việc xử lý kỷ luật Đảng có tiến bộ.

Tuy nhiên, công tác xây dựng Đảng vừa qua còn nhiều khuyết điểm. Hiện nay, đang nổi lên một số vấn đề lớn:

Trong điều kiện cơ chế thị trường, kinh tế nhiều thành phần, mở cửa với bên ngoài, cán bộ, đảng viên hàng ngày, hàng giờ chịu sự tác động của nhiều nhân tố rất phức tạp, kể cả những hoạt động chống phá Đảng, vấn đề giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng đứng trước những thách thức mới. Song, Đảng thiếu sự chuẩn bị đầy đủ cho bước chuyển này, chưa chú ý đúng mức vấn đề giáo dục, rèn luyện phẩm chất chính trị và đạo đức đối với cán bộ, đảng viên. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng bản thân, phai nhạt lý tưởng, mất cảnh giác, giảm sút ý chí, kém ý thức tổ chức kỷ luật, sa đọa về đạo đức và lối sống. Một số thoái hóa về chính trị, tuy rất ít nhưng hoạt động của họ gây hậu quả hết sức xấu.

Trình độ kiến thức, năng lực lãnh đạo của Đảng có mặt chưa theo kịp yêu cầu của sự nghiệp đổi mới. Còn nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn chưa được làm sáng tỏ.

Tổ chức cơ sở đảng ở nhiều nơi yếu kém; có nơi tê liệt; phương thức lãnh đạo và sinh hoạt lúng túng. Có tình trạng vừa kém dân chủ vừa thiếu kỷ luật, kỷ cương. Một số cán bộ và cấp ủy chưa tôn trọng và thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ; bệnh quan liêu, độc đoán, cục bộ, địa phương, kèn cựa, địa vị, cá nhân chủ nghĩa rất nặng. Không ít nơi nội bộ mất đoàn kết nghiêm trọng.

Công tác kiểm tra việc chấp hành đường lối, quan điểm, chỉ thị, nghị quyết của Đảng chưa được chú trọng.

Để thực hiện những mục tiêu và nhiệm vụ mà Đại hội VIII nêu ra, Đảng ta phải tiếp tục tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao hơn nữa sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của mình, khắc phục cho được các khuyết điểm, các



biểu hiện tiêu cực và yếu kém. Đảng phải mạnh từ Trung ương đến cơ sở, ở tất cả các cấp, các ngành.

Trong công tác xây dựng Đảng, phải thường xuyên nắm vững và tập trung làm tốt những điều cơ bản sau đây:

### **1. Giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng.**

Đây là nhiệm vụ có ý nghĩa quan trọng hàng đầu đối với Đảng ta. Trong điều kiện hiện nay, giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng là phải:

Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, trong bất kỳ tình huống khó khăn nào cũng không dao động, xa rời mục tiêu đó.

Kiên định và vận dụng sáng tạo, góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, xuất phát đầy đủ từ thực tiễn Việt Nam, trên cơ sở đó xây dựng đường lối, chủ trương và các chính sách đúng đắn.

- Giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thường xuyên tự phê bình và phê bình, giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng.

Thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng lập trường, quan điểm, ý thức tổ chức của giai cấp công nhân; xây dựng đội ngũ cán bộ và đảng viên theo quan điểm của giai cấp công nhân.

Củng cố mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân. Chăm lo đời sống, thực sự phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

- Trung thành với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Trong toàn bộ tiến trình cách mạng, lợi ích giai cấp công nhân thống nhất với lợi ích dân tộc. Đảng đại biểu cho lợi ích giai cấp công nhân đồng thời đại biểu cho lợi ích toàn dân tộc. Sức mạnh của Đảng là ở sự kết hợp nhuần nhuyễn hệ tư tưởng tiên tiến của giai cấp công nhân với khí phách, tinh hoa, truyền thống tốt đẹp của dân tộc và điều này tập trung thể hiện sáng ngời ở tư tưởng Hồ Chí Minh.

### **2. Nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất và năng lực cán bộ, đảng viên.**

Căn cứ vào Cương lĩnh và các nghị quyết của Đảng, thường xuyên bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên đường lối, chủ trương của Đảng, các vấn đề cơ

bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, những kiến thức mới của thời đại, bảo đảm sự thống nhất về chính trị và tư tưởng trong toàn Đảng.

Công tác lý luận trước hết hướng vào những vấn đề do cuộc sống đặt ra, làm rõ căn cứ khoa học của các giải pháp, dự báo các xu hướng phát triển, góp phần bổ sung, hoàn thiện đường lối của Đảng, làm cho ngày càng sáng tỏ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Mọi cán bộ, đảng viên, trước hết là các cán bộ lãnh đạo chủ chốt, phải có kế hoạch thường xuyên học tập, nâng cao trình độ lý luận chính trị, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn. Học tập là nghĩa vụ bắt buộc đối với mọi cán bộ, đảng viên và phải được quy định thành chế độ. Lười học tập, lười suy nghĩ, không thường xuyên tiếp nhận những thông tin mới, những hiểu biết mới, cũng là biểu hiện của sự thoái hóa.

Uốn nắn những nhận thức lệch lạc, những quan điểm mơ hồ, những biểu hiện dao động về tư tưởng, suy giảm niềm tin vào chủ nghĩa xã hội và sự lãnh đạo của Đảng. Phê phán và bác bỏ những quan điểm sai trái, thù địch, đảng viên có quyền được phát biểu ý kiến trong tổ chức, được bảo lưu ý kiến, nhưng phải chấp hành nghị quyết của Đảng, không được truyền bá những quan điểm trái với quan điểm, đường lối của Đảng, không được làm lộ bí mật của Đảng và của Nhà nước. Tổ chức đảng cần quản lý, có biện pháp xử lý kịp thời đối với những đảng viên vi phạm nguyên tắc Đảng hoặc lợi dụng dân chủ để tuyên truyền chống Đảng.

Khắc phục tình trạng một bộ phận cán bộ, đảng viên sa sút phẩm chất đạo đức. Cán bộ, đảng viên phải gương mẫu tự rèn luyện, tự phấn đấu nâng cao đạo đức cách mạng "cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư" khắc phục chủ nghĩa cá nhân. Không được lợi dụng việc luật pháp chưa đồng bộ hoặc cơ chế, chính sách còn những chỗ sơ hở để làm ăn bất chính, đục khoét của công. Các tổ chức đảng phải thường xuyên giáo dục, rèn luyện, quản lý đảng viên, kể cả đảng viên là cán bộ cao cấp. Xác định rõ những việc liên quan đến kinh doanh tư nhân, đến việc làm cho người nước ngoài mà công chức không được phép làm; quy định chặt chẽ việc nhận quà biếu, tiếp khách; quy định chế độ cán bộ, công chức, đảng viên, trước hết là những người giữ cương vị lãnh đạo chủ chốt ở các cấp, phải báo cáo và chịu sự kiểm tra về thu nhập, về tài sản. Những người giàu lên một cách bất thường phải có sự kiểm tra của tổ chức đảng. Quy định trách nhiệm của những cán bộ, đảng viên có vợ, chồng và con làm ăn phi pháp; định rõ những hoạt động kinh doanh mà vợ, chồng, con của cán bộ lãnh đạo chủ chốt đương chức ở Trung ương và địa phương không được phép làm. Đảng

viên không làm hoặc mượn danh nghĩa người thân để làm kinh tế tư bản tư nhân.

Xử lý kịp thời và nghiêm minh những cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất, bất kể là ai, ở cương vị nào.

### **3. Củng cố đảng về tổ chức, thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ.**

Có quy định cụ thể bảo đảm cho mọi đảng viên được thảo luận và tham gia quyết định các chủ trương công tác của tổ chức đảng; thiểu số phục tùng đa số, cá nhân phục tùng tổ chức, cấp dưới phục tùng cấp trên, các tổ chức trong toàn Đảng phục tùng Ban Chấp hành Trung ương và Đại hội toàn quốc của Đảng. Những quyết định thuộc thẩm quyền của tập thể phải biểu quyết theo đa số, mọi thành viên phải chấp hành quyết định của tập thể.

Đảng viên, cán bộ phải rèn luyện tính tổ chức, tính kỷ luật, tự giác đặt mình trong sự quản lý của chi bộ, tham gia đầy đủ sinh hoạt chi bộ, tuân thủ kỷ luật của Đảng. Không để một đảng viên nào đứng ngoài sự quản lý của tổ chức.

Thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình; chống cách làm hình thức, chiếu lệ, không sửa chữa khuyết điểm. Nghiêm cấm hiện tượng trấn áp, trù dập người phê bình cũng như hiện tượng lợi dụng phê bình để vu cáo, đả kích cá nhân, gây rối nội bộ.

Mọi hoạt động vô tổ chức, vô kỷ luật, không chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng, gây chia rẽ bè phái trong Đảng đều phải bị xử lý nghiêm minh.

Tiếp tục cải tiến bộ máy đảng, nhà nước và đoàn thể theo hướng tinh giản và nâng cao hiệu quả; xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ giữa các tổ chức, kiện toàn các cấp ủy đảng, giải quyết các mối quan hệ và nâng cao chất lượng hoạt động của các ban đảng, các đảng đoàn, ban cán sự, đảng ủy khối, đảng ủy cơ quan.

Đoàn kết thống nhất trong Đảng, trước hết là ở cơ quan lãnh đạo, có ý nghĩa quyết định sự thành công của cách mạng. Cán bộ, đảng viên giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng trên cơ sở đường lối chính trị, nguyên tắc tổ chức và tình thương yêu đồng chí. Tập trung sức giải quyết cho được tình trạng mất đoàn kết nghiêm trọng ở một số ngành và địa phương, phân tích đúng nguyên nhân, có biện pháp giải quyết phù hợp. Đặc biệt cần:

Bố trí đúng người đứng đầu tổ chức đảng và cơ quan chính quyền cùng cấp;

- Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ;
- Có quy chế công tác rõ ràng, chặt chẽ, nhất là về công tác cán bộ;

Thường xuyên tự phê bình và phê bình; đấu tranh chống kèn cựa địa vị, cơ hội, cục bộ, bản vị, bè phái;

- Bồi dưỡng tình thương yêu đồng chí, tôn trọng lẫn nhau;

Phát hiện sớm hiện tượng mất đoàn kết, tập trung giải quyết và xử lý dứt điểm.

Không đồng nhất việc trong Đảng có những ý kiến khác nhau khi thảo luận, tranh luận trong tổ chức với tình trạng mất đoàn kết. Trước sự phát triển của cách mạng, có nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn rất phức tạp, chưa sáng tỏ, trong Đảng cần có sự thảo luận, tranh luận. Mọi cán bộ, đảng viên phải biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của nhau, thật sự vì chân lý, lẽ phải. Đồng thời không "đoàn kết" hình thức, một chiều, nể nang, không dám đấu tranh.

#### **4. Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ.**

Tình hình và nhiệm vụ mới đặt ra rất nhiều yêu cầu cho công tác cán bộ. Toàn Đảng phải hết sức chăm lo xây dựng thật tốt đội ngũ cán bộ, chú trọng đội ngũ cán bộ kế cận vững vàng, đủ bản lĩnh về các mặt. Sớm xây dựng chiến lược cán bộ của thời kỳ mới.

Đảng phải lo cán bộ cho cả hệ thống chính trị, trên tất cả các lĩnh vực. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đồng thời phát huy trách nhiệm của các tổ chức thành viên hệ thống chính trị trong công tác cán bộ. Bảo đảm nguyên tắc tập thể, dân chủ đi đôi với phát huy trách nhiệm cá nhân trong công tác cán bộ.

Trên cơ sở bảo đảm tiêu chuẩn, thực hiện trẻ hóa đội ngũ cán bộ đồng thời kết hợp tốt các độ tuổi, bảo đảm tính liên tục, tính phát triển trong đội ngũ cán bộ. Có chính sách đoàn kết tập hợp rộng rãi các loại cán bộ, trọng dụng mọi nhân tài của đất nước, trong Đảng và ngoài Đảng.

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ toàn diện cả về lý luận chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn và năng lực thực tiễn. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cả cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, các nhà doanh nghiệp và các chuyên gia, trước hết là đội ngũ cán bộ chủ chốt trong hệ thống chính trị; coi trọng cả đức và tài, đức là gốc. Việc học tập của cán bộ phải được quy

định thành chế độ và phải được thực hiện nghiêm ngặt. Mọi cán bộ phải thường xuyên nâng cao trình độ mọi mặt; rèn luyện, trau dồi phẩm chất chính trị, lòng trung thành với lý tưởng cách mạng, ý trí kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, ý thức tổ chức kỷ luật, gương mẫu trong đạo đức và lối sống, kết hợp hài hòa giữa lợi ích cá nhân và lợi ích chung, khi lợi ích cá nhân mâu thuẫn với lợi ích chung thì phải biết đặt lợi ích chung lên trên hết, trước hết.

Chăm lo tạo nguồn cán bộ trong phong trào thực tiễn và ngay từ trong các trường đại học, cao đẳng và dạy nghề. Coi trọng bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh cho thế hệ trẻ.

Đổi mới quan niệm và phương pháp đánh giá, bố trí cán bộ, bảo đảm thật sự dân chủ, với một quy trình chặt chẽ. Mỗi cấp ủy cần có biện pháp quản lý và nắm chắc quá trình phát triển của cán bộ. Đánh giá, nhận xét cán bộ phải căn cứ vào những việc làm cụ thể của mỗi người cả ưu điểm và khuyết điểm, trong từng thời gian nhất định. Những nhận xét, kết luận về cán bộ, mọi công việc về nhân sự nhất thiết phải do tập thể có thẩm quyền quyết định. Khắc phục cách làm đơn giản, thành kiến, thiếu công tâm, dân chủ hình thức.

Bố trí và sử dụng cán bộ phải bảo đảm đúng tiêu chuẩn và sở trường. Đề bạt, bổ nhiệm đúng lúc, giao việc đúng tầm, thay thế kịp thời khi cần thiết. Xây dựng quy chế bầu cử có nhiệm kỳ, bổ nhiệm có thời hạn. Có chế độ cho cán bộ được từ chức hoặc rút chức để nhận công việc thích hợp.

Xây dựng quy chế tuyển chọn cán bộ, tuyển chọn nhân tài.

Có chính sách sử dụng đúng đắn, chính sách tiền lương và đãi ngộ hợp lý đối với các loại cán bộ. Khắc phục tình trạng không muốn công tác ở cơ quan đảng, đoàn thể, tình trạng "chảy chất xám" của khu vực nhà nước. Có biện pháp tích cực và chủ động bảo vệ cán bộ, không để cán bộ bị các thế lực đen tối mua chuộc, lôi kéo, khống chế hoặc bôi nhọ.

##### **5. Nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng.**

Khảo sát kỹ từng loại tổ chức cơ sở đảng, đánh giá đúng thực trạng và nguyên nhân để có biện pháp đổi mới, chỉnh đốn phù hợp, bảo đảm cho mỗi loại hình hoạt động theo đúng chức năng và nhiệm vụ của mình.

Phát huy kết quả và kinh nghiệm của việc thực hiện Nghị quyết Trung ương ba (khóa VII), chỉ đạo tốt cuộc vận động xây dựng cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh; chấn chỉnh các cơ sở yếu kém; khắc phục sự buông lỏng công tác đảng. Những nơi nội bộ mất đoàn kết, cán bộ chủ chốt có nhiều

biểu hiện tiêu cực thì cấp trên phải chỉ đạo, giúp đỡ trực tiếp. Tạo ra một bước chuyển biến mới của các cơ sở đảng vùng đồng bào tôn giáo, dân tộc.

Hướng chủ yếu củng cố, chỉnh đốn các tổ chức cơ sở đảng là phải làm cho các cơ sở này quán triệt đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, đề ra được chủ trương giải pháp đúng và lãnh đạo tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ của đơn vị, phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống của người lao động, chống tham nhũng, ức hiếp quần chúng, lãnh đạo giải quyết những nguyện vọng chính đáng, thiết thực, bức xúc của nhân dân. Chấn chỉnh và cải tiến sinh hoạt Đảng; có quy định chặt chẽ đối với những trường hợp đảng viên đi công tác, làm việc lưu động ở nơi xa, ở nước ngoài. Thực hiện có nền nếp việc quản lý đảng viên.

Ở các doanh nghiệp tư nhân, các cơ sở liên doanh với nước ngoài, những nơi chưa có hoặc có ít đảng viên phải đi từ việc xây dựng các đoàn thể, tập hợp và giáo dục quần chúng, phát triển đoàn viên, hội viên, đảng viên, tiến tới xây dựng các tổ đảng và chi bộ đảng. Sớm có quy định hướng dẫn hoạt động của các tổ chức đảng ở khu vực này.

Dành kinh phí thỏa đáng cho việc đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ cán bộ cơ sở; chú ý kiện toàn và tăng cường đội ngũ cốt cán.

Các tổ chức cơ sở đảng phải động viên và tổ chức nhân dân thường xuyên tham gia xây dựng Đảng, đóng góp ý kiến xây dựng các nghị quyết của Đảng; giám sát, phê bình cán bộ, đảng viên, giới thiệu những người xứng đáng để kết nạp vào Đảng, bầu vào các cấp ủy và chính quyền; giúp tổ chức đảng làm tốt công tác kiểm tra, phát hiện, đấu tranh với những hành vi tham nhũng, buôn lậu và các tệ nạn khác...

Đổi mới cách phân công, tạo điều kiện để mọi đảng viên đều gắn với nhiệm vụ cụ thể. Đối với những đồng chí già, yếu, cán bộ nghỉ hưu, phải chăm lo giúp đỡ bảo đảm đời sống và tạo điều kiện cho các đồng chí đó tiếp tục phát huy khả năng và kinh nghiệm đóng góp cho công việc chung.

Đẩy mạnh công tác phát triển Đảng, bảo đảm tiêu chuẩn và chất lượng. Bồi dưỡng, giáo dục thanh niên, tạo nguồn phát triển Đảng.

## **6. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.**

Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị; đề ra đường lối, chính sách xây dựng và bảo vệ đất nước; nắm vững tổ chức và cán bộ để bảo đảm thực hiện có kết quả đường lối của Đảng. Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng chứ không chỉ thông qua cá nhân đảng viên; lãnh đạo bằng các quyết định của tập thể và bằng cách theo dõi, cho ý kiến chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện,

khuyến khích những mặt tốt, uốn nắn những lệch lạc. Đảng lãnh đạo phát huy mạnh mẽ vai trò và hiệu lực của Nhà nước chứ không điều hành thay Nhà nước. Đảng và mọi đảng viên đều hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và chịu trách nhiệm về các hoạt động của mình.

*Đảng đoàn, ban cán sự đảng* trong các cơ quan nhà nước và đoàn thể chịu trách nhiệm trước cấp ủy về quán triệt đường lối, chính sách của Đảng trong hoạt động của các cơ quan và đoàn thể đó; phối hợp với đảng ủy khối và cấp ủy đảng địa phương trong công tác xây dựng Đảng ở các cơ sở thuộc ngành mình quản lý.

Đảng ủy, đảng đoàn, ban cán sự đảng làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, có chế độ sinh hoạt định kỳ với nội dung rõ ràng, không lẫn lộn với sinh hoạt của chính quyền.

## **7. Đổi mới công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng.**

Công tác kiểm tra có vị trí cực kỳ quan trọng trong toàn bộ hoạt động lãnh đạo của Đảng. Kiểm tra và giữ gìn kỷ luật của Đảng là nhiệm vụ của toàn Đảng.

Nội dung kiểm tra bao gồm việc kiểm tra chấp hành đường lối, chính sách và nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chấp hành nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng của đảng viên. Thông qua kiểm tra mà phát huy ưu điểm, phát hiện nhân tố mới, khắc phục khuyết điểm, bổ sung, phát triển hoặc điều chỉnh chủ trương, chính sách, xử lý sai phạm.

Các tổ chức đảng, trước hết là các cấp ủy đảng, Bộ Chính trị và các ban thường vụ cấp ủy, cần tự mình tiến hành kiểm tra và sử dụng các ban để tổ chức thường xuyên việc kiểm tra.

Công tác kiểm tra kỷ luật phải có chương trình, kế hoạch, có trọng tâm trọng điểm; phải kết hợp chặt chẽ với công tác thanh tra của Nhà nước, thanh tra nhân dân để có kết luận rõ ràng và có chủ trương xử lý đúng đắn, nhất là đối với những đảng viên vi phạm pháp luật.

Củng cố, kiện toàn bộ máy kiểm tra các cấp, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ kiểm tra về đường lối, quan điểm, pháp luật, kinh tế, về nghiệp vụ và phong cách làm việc. Xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra có phẩm chất chính trị tốt, công tâm, trong sạch, đủ năng lực, kể cả năng lực kiểm tra việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng.

Đặc biệt coi trọng làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ Đảng.

\*

\* \*

*Kính thưa Đại hội,*

*Thưa các đồng chí và các bạn,*

Đại hội VIII của Đảng là Đại hội tiếp tục đổi mới theo con đường xã hội chủ nghĩa. Những phương hướng và nhiệm vụ nêu trên đây là sự cụ thể hóa và phát triển hơn nữa đường lối đổi mới được xác định qua Đại hội VI và Đại hội VII của Đảng. Thực hiện thắng lợi những phương hướng, nhiệm vụ này là cách tốt nhất để chuẩn bị hành trang cho dân tộc ta vững bước đi vào thế kỷ XXI, vượt qua đói nghèo, tạo đà cho những bước tiến lớn hơn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đoàn kết một lòng, phát huy truyền thống vẻ vang của dân tộc, trí tuệ và bản lĩnh của con người Việt Nam, nêu cao ý chí độc lập tự chủ, tự lực, tự cường, nắm chắc thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, khắc phục mọi khó khăn thử thách, quyết tâm đưa những nghị quyết của Đại hội VIII vào cuộc sống, thực hiện thắng lợi sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.



## Phụ lục 6

### **PHÁT HUY SỨC MẠNH TOÀN DÂN TỘC, TIẾP TỤC ĐỔI MỚI, ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA, XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**

**(Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII  
tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng)**

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng họp vào thời điểm có ý nghĩa trọng đại. Thế kỷ XX đã kết thúc. Thế kỷ XXI vừa bắt đầu. Toàn Đảng, toàn dân ta đã trải qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng, 10 năm thực hiện Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội 1991-2000 và 15 năm đổi mới.

Đại hội IX có nhiệm vụ kiểm điểm và đánh giá những thành tựu và khuyết điểm thời gian qua, đề ra những quyết sách cho thời kỳ tới, phấn đấu nâng cao hơn nữa năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, động viên và phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, vững bước đi vào thế kỷ mới.

#### **I. VIỆT NAM TRONG THẾ KỶ XX VÀ TRIỂN VỌNG TRONG THẾ KỶ XXI**

Thế kỷ XX ghi đậm trong lịch sử loài người những dấu ấn cực kỳ sâu sắc. Đó là thế kỷ khoa học và công nghệ tiến nhanh chưa từng thấy, giá trị sản xuất vật chất tăng hàng chục lần so với thế kỷ trước; kinh tế phát triển mạnh mẽ xen lẫn những cuộc khủng hoảng lớn của chủ nghĩa tư bản thế giới và sự phân hóa gay gắt về giàu nghèo giữa các nước, các khu vực. Đó là

thế kỷ diễn ra hai cuộc chiến tranh thế giới đẫm máu cùng hàng trăm cuộc xung đột vũ trang. Đó cũng là thế kỷ chứng kiến một phong trào cách mạng sâu rộng trên phạm vi toàn thế giới, với thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga - cuộc cách mạng vĩ đại mở ra thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội; thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở một loạt nước châu Âu, châu Á và Mỹ Latinh; sự giải phóng hầu hết các nước thuộc địa của chủ nghĩa thực dân; sự phát triển của phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và phong trào hòa bình, dân chủ, mặc dù vào thập niên cuối, chủ nghĩa xã hội hiện thực tạm thời lâm vào thoái trào.

Đối với nước ta, thế kỷ XX là thế kỷ của những biến đổi to lớn, thế kỷ đấu tranh oanh liệt giành lại độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, thế kỷ của những chiến công và thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và thời đại.

Từ cuối thế kỷ XIX đến những thập niên đầu thế kỷ XX, nhân dân ta liên tiếp nổi dậy chống chủ nghĩa thực dân. Tiếp nối các phong trào Văn Thân và Cần Vương, phong trào yêu nước ba mươi năm đầu thế kỷ XX diễn ra vô cùng anh dũng, từ khởi nghĩa Yên Thế và các phong trào Đông Du, Đông Kinh Nghĩa Thực, Duy Tân đến khởi nghĩa Yên Bái... nhưng đều không thành công vì thiếu một đường lối đúng.

Năm 1930, kế thừa "Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên" và các tổ chức cộng sản tiền thân, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đánh dấu bước ngoặt của Cách mạng Việt Nam. Trong 71 năm xây dựng và trưởng thành, Đảng đã lãnh đạo nhân dân giành được những thắng lợi vĩ đại:

*Một là*, thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và việc thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đây là kết quả tổng hợp của các phong trào cách mạng liên tục diễn ra trong 15 năm sau ngày thành lập Đảng, từ cao trào Xô-viết Nghệ Tĩnh, cuộc vận động dân chủ 1936-1939 đến phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945, mặc dù cách mạng có những lúc bị chìm trong máu lửa. Chế độ thuộc địa nửa phong kiến ở nước ta bị xóa bỏ, một kỷ nguyên mới mở ra, kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

*Hai là*, thắng lợi của các cuộc kháng chiến oanh liệt để giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, đánh thắng chủ nghĩa thực dân cũ và mới: hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

*Ba là, thắng lợi của sự nghiệp đổi mới và từng bước đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Kế thừa những thành tựu và kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc khi còn chiến tranh và trong những năm đầu sau khi nước nhà thống nhất, trải qua nhiều tìm tòi, khảo nghiệm sáng kiến của nhân dân, Đảng đã đề ra và lãnh đạo thực hiện đường lối đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc phù hợp với thực tiễn Việt Nam và bối cảnh quốc tế mới.*

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng có lúc phạm sai lầm, khuyết điểm nhưng đã nghiêm túc tự phê bình, tích cực sửa chữa và rút ra những bài học quý báu.

*Với những thắng lợi giành được trong thế kỷ XX, nước ta từ một nước thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, có quan hệ quốc tế rộng rãi, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới. Nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. Đất nước ta từ một nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu đã bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.*

Chúng ta tự hào về dân tộc ta - một dân tộc anh hùng, thông minh và sáng tạo; tự hào về Đảng ta - Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện - một lòng một dạ chiến đấu, hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân.

Thế kỷ XXI sẽ tiếp tục có nhiều biến đổi. Khoa học và công nghệ sẽ có bước tiến nhảy vọt. Kinh tế tri thức có vai trò ngày càng nổi bật trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất. Toàn cầu hóa kinh tế là một xu thế khách quan, lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia; xu thế này đang bị một số nước phát triển và các tập đoàn kinh tế tư bản xuyên quốc gia chi phối, chứa đựng nhiều mâu thuẫn, vừa có mặt tích cực vừa có mặt tiêu cực, vừa có hợp tác vừa có đấu tranh. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới biểu hiện dưới những hình thức và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát triển, có mặt sâu sắc hơn. Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp tiếp tục diễn ra gay gắt. Thế giới đứng trước nhiều vấn đề toàn cầu mà không một quốc gia riêng lẻ nào có thể tự giải quyết nếu không có sự hợp tác đa phương như: bảo vệ môi trường, hạn chế sự bùng nổ về dân số, đẩy lùi những dịch bệnh hiểm nghèo, chống tội phạm quốc tế... Chủ nghĩa tư bản hiện đại đang nắm ưu thế về vốn, khoa học và công nghệ, thị trường, song không thể khắc phục nổi những mâu thuẫn vốn có, đặc biệt là mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, mâu thuẫn giữa các

nước tư bản phát triển và các nước đang phát triển. Các quốc gia độc lập ngày càng tăng cường cuộc đấu tranh để tự lựa chọn và quyết định con đường phát triển của mình. Chủ nghĩa xã hội trên thế giới, từ những bài học thành công và thất bại cũng như từ khát vọng và sự thức tỉnh của các dân tộc, có điều kiện và khả năng tạo ra bước phát triển mới. Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội.

Trong một vài thập kỷ tới, ít có khả năng xảy ra chiến tranh thế giới. Nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp lật đổ, khủng bố còn xảy ra ở nhiều nơi với tính chất phức tạp ngày càng tăng. Hòa bình, hợp tác và phát triển là xu thế lớn, phản ánh đòi hỏi bức xúc của các quốc gia, dân tộc. Cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, dân sinh, tiến bộ và công bằng xã hội sẽ có những bước tiến mới. Khu vực Đông Nam Á, châu Á Thái Bình Dương sau khủng hoảng tài chính kinh tế có khả năng phát triển năng động nhưng vẫn tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định.

Những nét mới ấy trong tình hình thế giới và khu vực tác động mạnh mẽ đến tình hình nước ta. Trước mắt nhân dân ta có cả *cơ hội lớn và thách thức lớn*.

Cùng với những thắng lợi đã giành được từ trước trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, những thành tựu to lớn và rất quan trọng của 15 năm đổi mới làm cho thế và lực của nước ta lớn mạnh lên nhiều. Cơ sở vật chất - kỹ thuật của nền kinh tế được tăng cường. Đất nước còn nhiều tiềm năng lớn về tài nguyên, lao động. Nhân dân ta có phẩm chất tốt đẹp. Tình hình chính trị - xã hội cơ bản ổn định. Môi trường hòa bình, sự hợp tác, liên kết quốc tế và những xu thế tích cực trên thế giới tạo điều kiện để chúng ta tiếp tục phát huy nội lực và lợi thế so sánh, tranh thủ ngoại lực nguồn vốn, công nghệ mới, kinh nghiệm quản lý, mở rộng thị trường - phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đó là cơ hội lớn.

Đồng thời, đất nước ta phải đối mặt với nhiều thách thức. Bốn nguy cơ mà Đảng ta từng chỉ rõ - tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới, chệch hướng xã hội chủ nghĩa, nạn tham nhũng và tệ quan liêu, "diễn biến hòa bình" do các thế lực thù địch gây ra đến nay vẫn tồn tại và diễn biến phức tạp, đan xen, tác động lẫn nhau, không thể xem nhẹ nguy cơ nào. Điều cần nhấn mạnh là: tình trạng tham nhũng và sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên đang cản trở việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, gây bất bình và làm giảm lòng tin trong nhân dân; nước ta vẫn còn là nước kinh tế kém phát triển, mức sống nhân dân

còn thấp, trong khi đó cuộc cạnh tranh quốc tế ngày càng quyết liệt, nếu chúng ta không nhanh chóng vươn lên thì sẽ càng tụt hậu xa hơn về kinh tế.

Nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, phát triển mạnh mẽ trong thời kỳ mới, đó là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và nhân dân ta. Thế kỷ XX là thế kỷ đấu tranh oanh liệt và chiến thắng vẻ vang của dân tộc ta. Thế kỷ XXI sẽ là thế kỷ nhân dân ta tiếp tục giành thêm nhiều thắng lợi to lớn trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đưa nước ta sánh vai cùng các nước phát triển trên thế giới.

## II. TÌNH HÌNH ĐẤT NƯỚC 5 NĂM QUA VÀ NHỮNG BÀI HỌC CHỦ YẾU CỦA 15 NĂM ĐỔI MỚI

Đại hội VIII của Đảng đề ra nhiệm vụ từ năm 1996 đến năm 2000 là: tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, cải thiện đời sống nhân dân, nâng cao tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn vào đầu thế kỷ XXI.

*Năm năm qua*, bên cạnh một số thuận lợi, nước ta gặp nhiều khó khăn: những yếu kém vốn có của nền kinh tế, những thiên tai lớn liên tiếp, cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế ở một số nước châu Á, tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp. Trong hoàn cảnh đó, toàn Đảng và toàn dân ta ra sức thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII, *đạt được những thành tựu quan trọng*:

*Kinh tế tăng trưởng khá*. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng bình quân hàng năm 7%. Nông nghiệp phát triển liên tục, đặc biệt là sản xuất lương thực. Việc nuôi trồng và khai thác thủy sản, hải sản được mở rộng. Giá trị sản xuất công nghiệp bình quân hàng năm tăng 13,5%. Hệ thống kết cấu hạ tầng: bưu chính viễn thông, đường sá, cầu, cảng, sân bay, điện, thủy lợi... được tăng cường. Các ngành dịch vụ, xuất khẩu và nhập khẩu đều phát triển. Năm 2000 đã chặn được đà giảm sút mức tăng trưởng kinh tế, các chỉ tiêu chủ yếu đều đạt hoặc vượt kế hoạch đề ra.

*Văn hóa, xã hội có những tiến bộ; đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện*. Giáo dục và đào tạo phát triển về quy mô và cơ sở vật chất. Trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực được nâng lên. Nước ta đã đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học. Khoa học xã hội và

nhân văn, khoa học tự nhiên và công nghệ chuyển biến tích cực, gắn bó hơn với phát triển kinh tế - xã hội. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, báo chí, xuất bản góp phần tích cực động viên toàn dân tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nâng cao kiến thức và chất lượng cuộc sống. Những nhu cầu thiết yếu của nhân dân về ăn, ở, mặc, chăm sóc sức khỏe, nước sạch, điện sinh hoạt, học tập, đi lại, giải trí... được đáp ứng tốt hơn. Phong trào thể dục, thể thao phát triển; một số bộ môn đạt thành tích cao trong nước và quốc tế. Việc chăm sóc sức khỏe của nhân dân được đẩy mạnh.

Mỗi năm hơn 1,2 triệu lao động có việc làm mới. Công tác xóa đói, giảm nghèo trên phạm vi cả nước đạt kết quả nổi bật, được dư luận thế giới đánh giá cao. Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình có nhiều thành tích, được Liên Hợp quốc tặng giải thưởng. Các hoạt động uống nước nhớ nguồn, đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc các lão thành cách mạng, người có công với nước, các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, thương binh và gia đình liệt sĩ được mở rộng, thu hút sự tham gia của các tầng lớp nhân dân, các cơ quan, đoàn thể và doanh nghiệp. Toàn dân góp nhiều tiền của, công sức cứu trợ đồng bào các vùng bị thiên tai lớn, tham gia nhiều hoạt động nhân đạo từ thiện giúp đỡ những người bị ảnh hưởng chất độc màu da cam, người tàn tật, người già không nơi nương tựa và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

*Tình hình chính trị - xã hội cơ bản ổn định; quốc phòng và an ninh được tăng cường.* Các lực lượng vũ trang nhân dân làm tốt nhiệm vụ bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm an ninh quốc gia. Sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, nhất là trên các địa bàn chiến lược, biên giới, biển, đảo được phát huy. Tổ chức quân đội và công an được điều chỉnh theo yêu cầu mới. Việc kết hợp quốc phòng và an ninh với phát triển kinh tế và công tác đối ngoại có tiến bộ.

*Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được chú trọng, hệ thống chính trị được củng cố.* Nhiều nghị quyết Trung ương đã đề ra những chủ trương, giải pháp củng cố Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng. Toàn Đảng tiến hành cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII. Nhà nước tiếp tục được xây dựng và hoàn thiện, nền hành chính được cải cách một bước. Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động. Quyền làm chủ của nhân dân trên các lĩnh vực được phát huy; một số chính sách và quy chế bảo đảm quyền dân chủ của nhân dân, trước hết ở cơ sở, bước đầu được thực hiện.

*Quan hệ đối ngoại không ngừng được mở rộng, hội nhập kinh tế quốc tế được tiến hành chủ động và đạt nhiều kết quả tốt. Nước ta đã tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác nhiều mặt với các nước xã hội chủ nghĩa, các nước láng giềng, các nước bạn bè truyền thống; tham gia tích cực các hoạt động thúc đẩy sự hợp tác cùng có lợi trong Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN và Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC); tăng cường quan hệ với các nước phát triển và nhiều nước, nhiều tổ chức khu vực và quốc tế khác; có quan hệ thương mại với hơn 140 nước, quan hệ đầu tư với gần 70 nước và vùng lãnh thổ, thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài. Đảng ta tiếp tục củng cố tình đoàn kết, hữu nghị với các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào độc lập dân tộc và tiến bộ trên thế giới; thiết lập quan hệ với các đảng cầm quyền ở một số nước. Các đoàn thể nhân dân, các tổ chức chính trị xã hội, Ủy ban hòa bình và các hội hữu nghị đẩy mạnh ngoại giao nhân dân cả về quy mô và địa bàn, góp phần tích cực vào thắng lợi của Đảng và Nhà nước ta trên mặt trận đối ngoại.*

*Những thành tựu 5 năm qua đã tăng cường sức mạnh tổng hợp, làm thay đổi bộ mặt của đất nước và cuộc sống của nhân dân, củng cố vững chắc độc lập dân tộc và chế độ xã hội chủ nghĩa, nâng cao vị thế và uy tín của nước ta trên trường quốc tế.*

*Đạt được những thành tựu nói trên là do Đảng ta có bản lĩnh chính trị vững vàng và đường lối lãnh đạo đúng đắn; Nhà nước có cố gắng lớn trong việc điều hành, quản lý; toàn dân và toàn quân phát huy lòng yêu nước và tinh thần dũng cảm, đoàn kết nhất trí, cần cù, năng động, sáng tạo, tiếp tục thực hiện đổi mới, ra sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.*

Tuy nhiên, việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII có những yếu kém, khuyết điểm sau đây:

*Nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp. Nhịp độ tăng trưởng kinh tế 5 năm qua chậm dần, năm 2000 đã tăng trở lại nhưng vẫn chưa đạt mức tăng trưởng cao như những năm giữa thập niên 90. Nhịp độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) và GDP bình quân đầu người, nhịp độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp, dịch vụ, kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu... không đạt chỉ tiêu do Đại hội VIII đề ra. Nhìn chung, năng suất lao động thấp, chất lượng sản phẩm chưa tốt, giá thành cao. Nhiều sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp, thủ công nghiệp thiếu thị trường tiêu thụ cả ở trong nước và nước ngoài, một phần do thiếu sức cạnh tranh. Rừng và tài nguyên khác bị xâm hại nghiêm trọng. Nạn*

buôn lậu, làm hàng giả, gian lận thương mại tác động xấu đến tình hình kinh tế - xã hội. Hệ thống tài chính - ngân hàng còn yếu kém và thiếu lành mạnh. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm. Cơ cấu đầu tư chưa hợp lý, đầu tư còn phân tán, lãng phí và thất thoát nhiều. Nhịp độ thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài giảm, công tác quản lý, điều hành lĩnh vực này còn nhiều vướng mắc và thiếu sót. Quan hệ sản xuất trên một số mặt chưa phù hợp. Kinh tế nhà nước chưa được củng cố tương xứng với vai trò chủ đạo, chưa có chuyển biến đáng kể trong việc sắp xếp, đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước. Kinh tế tập thể chưa mạnh.

*Một số vấn đề văn hóa - xã hội bức xúc và gay gắt chậm được giải quyết.* Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị và thiếu việc làm ở nông thôn còn ở mức cao, đang là một trong những vấn đề nổi cộm nhất của xã hội. Chất lượng giáo dục và đào tạo thấp so với yêu cầu. Mục tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp dạy và học, sách giáo khoa, thi cử, cơ cấu đào tạo, trình độ quản lý có nhiều thiếu sót; trong giáo dục và đào tạo có những hiện tượng tiêu cực đáng lo ngại. Đào tạo chưa gắn với sử dụng, gây lãng phí. Chi phí học tập cao so với khả năng thu nhập của dân, nhất là của người nghèo. Giáo dục và đào tạo ở miền núi, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn. Các hoạt động khoa học và công nghệ chưa đáp ứng tốt yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Môi trường đô thị, nơi công nghiệp tập trung và một số vùng nông thôn bị ô nhiễm ngày càng nặng. Công tác quản lý báo chí, văn hóa, xuất bản nhiều mặt buông lỏng, để nảy sinh những khuynh hướng không lành mạnh. Một số giá trị văn hóa và đạo đức xã hội suy giảm. Mê tín, hủ tục phát triển. Cơ sở vật chất của ngành y tế còn thiếu thốn và lạc hậu, nhất là ở tuyến huyện và xã. Việc khám và chữa bệnh cho nhân dân, nhất là cho đồng bào nghèo, còn phiền hà và tiêu cực.

Mức sống nhân dân, nhất là nông dân ở một số vùng quá thấp. Chính sách tiền lương và phân phối trong xã hội còn nhiều bất hợp lý. Sự phân hóa giàu nghèo giữa các vùng, giữa thành thị và nông thôn, giữa các tầng lớp dân cư tăng nhanh chóng. Tình trạng khiếu kiện của nhân dân ở nhiều nơi kéo dài và phức tạp, chưa được các cấp, các ngành giải quyết kịp thời.

Tai nạn giao thông xảy ra ở mức nghiêm trọng. Các tệ nạn xã hội, nhất là nạn ma túy và mại dâm lan rộng. Số người nhiễm HIV và mắc bệnh AIDS tăng. Trật tự an toàn xã hội chưa được bảo đảm vững chắc.

*Cơ chế, chính sách không đồng bộ và chưa tạo động lực mạnh để phát triển.* Một số cơ chế, chính sách còn thiếu, chưa nhất quán, chưa sát với cuộc sống, thiếu tính khả thi. Nhiều cấp, nhiều ngành chưa thay thế, sửa



đổi những quy định về quản lý nhà nước không còn phù hợp; chưa bổ sung những cơ chế, chính sách mới có tác dụng giải phóng mạnh mẽ lực lượng sản xuất, khai thác nhiều hơn nữa các nguồn lực dồi dào trong các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp, các vùng và toàn xã hội. Có những chính sách đúng bị biến động qua nhiều tầng nấc hành chính quan liêu. Việc ban hành các văn bản pháp quy hướng dẫn thi hành luật rất chậm.

*Tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng.* Nạn tham nhũng kéo dài trong bộ máy của hệ thống chính trị và trong nhiều tổ chức kinh tế là một nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của chế độ ta. Tình trạng lãng phí, quan liêu còn khá phổ biến.

Ban Chấp hành Trung ương xin tự phê bình trước Đại hội và trước nhân dân về việc chậm khắc phục những khuyết điểm trên, làm hạn chế những thành tựu lẽ ra đã có thể đạt được nhiều hơn.

Sở dĩ có tình trạng đó là do những nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chính:

*Việc tổ chức thực hiện nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng chưa tốt; kỷ luật, kỷ cương chưa nghiêm.* Tình trạng tùy tiện, thiếu ý thức tổ chức, kỷ luật và tinh thần trách nhiệm, không chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật, chính sách của Nhà nước, báo cáo không trung thực, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, làm cho một số nghị quyết của Đảng khó vào cuộc sống. Công tác chỉ đạo, điều hành ở các cấp, các ngành còn nhiều bất cập, thiếu kiểm tra, đôn đốc và chưa có sự phối hợp chặt chẽ, hiệu lực và hiệu quả chưa cao. Nhiều nhiệm vụ công tác lớn đã được đề ra nhưng thực hiện không đến nơi đến chốn hoặc chỉ nói mà không làm. Nhiều cán bộ, đảng viên, công chức vi phạm pháp luật và Điều lệ Đảng chưa được xử lý thật kiên quyết.

*Một số quan điểm, chủ trương chưa rõ, chưa có sự nhận thức thống nhất và chưa được thông suốt ở các cấp, các ngành.* Trong cán bộ, đảng viên có những cách hiểu và cách làm không thống nhất về những vấn đề như: xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, chính sách về đất đai, kinh tế trang trại, nội dung và bước đi công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế...

*Cải cách hành chính tiến hành chậm, thiếu kiên quyết, hiệu quả thấp.* Tổ chức bộ máy nhà nước công kênh, trùng lặp chức năng với nhiều tầng

nấc trung gian và những thủ tục hành chính phiền hà, không ít trường hợp trên và dưới, Trung ương và địa phương hành động không thống nhất, gây khó khăn cho việc phát triển kinh tế xã hội và làm giảm động lực phát triển. Một số người và cơ quan do lợi ích cá nhân, cục bộ không muốn đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tổ chức bộ máy nhà nước. Không ít cán bộ, công chức vừa kém về đạo đức, phẩm chất vừa yếu về năng lực, trình độ chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ.

*Công tác tư tưởng, công tác lý luận, công tác tổ chức, cán bộ có nhiều yếu kém, bất cập.* Công tác tư tưởng thiếu sắc bén, tính chiến đấu không cao, phương pháp tiến hành chưa linh hoạt, chưa tạo được nhận thức đúng và sự nhất trí cao đối với đường lối, quan điểm của Đảng; chưa thường xuyên làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, chưa phê phán mạnh và đấu tranh kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, những quan điểm mơ hồ, sai trái, khuynh hướng "thương mại hóa", lai căng, chạy theo thị hiếu tầm thường trên báo chí, phát thanh, truyền hình, trong văn hóa, văn nghệ và xuất bản. Công tác tư tưởng chưa gắn với công tác tổ chức, xây dựng cơ chế, chính sách. Nhiều tổ chức đảng chưa thật sự lãnh đạo công tác tư tưởng.

Công tác lý luận chưa theo kịp sự phát triển của thực tiễn và yêu cầu của cách mạng, chưa làm sáng tỏ nhiều vấn đề quan trọng trong công cuộc đổi mới để phục vụ việc hoạch định chiến lược, chủ trương, chính sách của Đảng, tăng cường sự nhất trí về chính trị, tư tưởng trong xã hội.

Công tác tổ chức, cán bộ chậm đổi mới, chưa đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý, điều hành của Nhà nước trong thời kỳ mới. Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, nhất là bộ máy hành chính nhà nước, có quá nhiều đầu mối, trách nhiệm tập thể và cá nhân không rõ ràng, chất lượng hoạt động và hiệu quả thấp. Chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của nhiều cơ quan còn chồng chéo, cơ chế vận hành và nhiều mối quan hệ còn bất hợp lý. Tổ chức cơ sở đảng ở nhiều nơi quá yếu, kém sức chiến đấu. Việc tuyển chọn, đào tạo, sắp xếp, sử dụng và đánh giá cán bộ còn nhiều thiếu sót, có khi đưa vào một số quan niệm cũ, định kiến và theo cảm tính; cách làm thiếu quy hoạch, không sâu sát, không theo đúng quy trình, chưa dân chủ lắng nghe ý kiến của nhân dân và tập thể. Công tác quản lý cán bộ, đảng viên thiếu chặt chẽ. Chưa tích cực phát hiện, đào tạo và bồi dưỡng những cán bộ có đức, có tài.

Tuy một số chỉ tiêu của kế hoạch 5 năm (1996-2000) không đạt, một số nhiệm vụ do Nghị quyết Đại hội VIII đề ra chưa được thực hiện tốt nhưng

*10 năm thực hiện Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội (1991-2000) đã đạt những thành tựu to lớn và rất quan trọng.*

Tổng sản phẩm trong nước năm 2000 tăng hơn gấp đôi so với năm 1990. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và năng lực sản xuất tăng nhiều. Nền kinh tế từ tình trạng hàng hóa khan hiếm nghiêm trọng nay sản xuất đã đáp ứng được các nhu cầu thiết yếu của nhân dân và nền kinh tế; từ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp đã chuyển sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; từ chỗ chủ yếu chỉ có hai thành phần là kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể đã chuyển sang có nhiều thành phần, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Đời sống các tầng lớp nhân dân được cải thiện. Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, vượt qua được cơn chấn động chính trị và sự hẫng hụt về thị trường do những biến động ở Liên Xô và Đông Âu gây ra; phá được thế bị bao vây cấm vận; mở rộng được quan hệ đối ngoại và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế; không để bị cuốn sâu vào cuộc khủng hoảng tài chính kinh tế ở một số nước châu Á mặc dù hậu quả của nó đối với nước ta cũng khá nặng nề; tình hình chính trị - xã hội cơ bản ổn định; quốc phòng và an ninh được tăng cường. Sức mạnh về mọi mặt của nước ta đã lớn hơn nhiều so với mười năm trước.

*15 năm đổi mới (1986-2000) đã cho chúng ta nhiều kinh nghiệm quý báu. Những bài học đổi mới do các đại hội VI, VII, VIII của Đảng nêu lên đến nay vẫn còn có giá trị lớn, nhất là những bài học chủ yếu sau đây:*

*Một là, trong quá trình đổi mới phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đứng trước những khó khăn, thách thức, những biến động phức tạp của tình hình thế giới và khu vực, Đảng ta luôn kiên định xây dựng và thực hiện các chủ trương, chính sách đổi mới đúng đắn, phát huy những truyền thống quý báu của dân tộc và những thành tựu cách mạng đã đạt được, giữ vững độc lập dân tộc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.*

*Hai là, đổi mới phải dựa vào nhân dân, vì lợi ích của nhân dân, phù hợp với thực tiễn, luôn luôn sáng tạo. Tiến hành đổi mới xuất phát từ thực tiễn và cuộc sống của xã hội Việt Nam, tham khảo kinh nghiệm tốt của thế giới, không sao chép bất cứ một mô hình có sẵn nào; đổi mới toàn diện, đồng bộ và triệt để với những bước đi, hình thức và cách làm phù hợp. Có những điều chỉnh, bổ sung và phát triển cần thiết về chủ trương, phương pháp, biện pháp; tìm và lựa chọn những giải pháp mới, linh hoạt, sáng tạo, nhạy bén nắm bắt cái mới, tận dụng thời cơ, khắc phục sự trì trệ, làm chuyển biến tình hình.*

Nhân dân tích cực thực hiện đổi mới trên mọi lĩnh vực, tạo ra nhiều điển hình tiên tiến, kinh nghiệm hay và nhân tố mới, từ đó Đảng có cơ sở để tổng kết thực tiễn và phát triển lý luận, đẩy mạnh công cuộc đổi mới. Đổi mới là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Để công cuộc đổi mới thành công phải động viên được mọi tầng lớp nhân dân và các thành phần kinh tế tham gia.

*Ba là, đổi mới phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.* Công cuộc đổi mới diễn ra vào lúc cách mạng khoa học - công nghệ trên thế giới phát triển như vũ bão, toàn cầu hóa kinh tế ảnh hưởng đến cuộc sống các dân tộc, cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội diễn ra sôi nổi. Tiến hành đổi mới, nhân dân ta ra sức tranh thủ tối đa cơ hội tốt do những xu thế nói trên tạo ra.

*Bốn là, đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới.* Đảng khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới, tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, hoàn thiện đường lối đổi mới; thường xuyên xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tạo ra sự thống nhất về quan điểm, ý chí và hành động trong toàn Đảng; lãnh đạo tổ chức thực hiện, xây dựng và kiện toàn bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh.

### III. VỀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

Thực tiễn phong phú và những thành tựu thu được qua 15 năm đổi mới đã chứng minh tính đúng đắn của Cương lĩnh được thông qua tại Đại hội VII của Đảng, đồng thời giúp chúng ta nhận thức ngày càng rõ hơn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Chúng ta một lần nữa khẳng định: Cương lĩnh là ngọn cờ chiến đấu vì thắng lợi của sự nghiệp xây dựng nước Việt Nam từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, định hướng cho mọi hoạt động của Đảng hiện nay và trong những thập kỷ tới. *Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.*

*Tư tưởng Hồ Chí Minh* là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Đó là tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; về độc lập dân tộc gắn liền

với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc; về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân; về quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau; về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân...

Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta.

Khẳng định lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động là bước phát triển quan trọng trong nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta.

Con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp, *cho nên phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế - xã hội có tính chất quá độ.* Trong các lĩnh vực của đời sống xã hội diễn ra sự đan xen và đấu tranh giữa cái mới và cái cũ. Từ Đại hội VIII của Đảng năm 1996, đất nước ta đã chuyển sang chặng đường mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu đến năm 2020 cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Trong chặng đường hiện nay còn phải tiếp tục hoàn thành một số nhiệm vụ của chặng đường trước.

Trong thời kỳ quá độ, có nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, nhiều thành phần kinh tế, giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau, nhưng cơ cấu, tính chất, vị trí của các giai cấp trong xã hội ta đã thay đổi nhiều cùng với những biến đổi to lớn về kinh tế - xã hội. Mối quan hệ giữa các giai cấp, các tầng lớp xã hội là quan hệ hợp tác và đấu tranh trong nội bộ nhân dân, đoàn kết và hợp tác lâu dài trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng. Lợi ích giai cấp công nhân thống nhất với lợi

ích toàn dân tộc trong mục tiêu chung là: *độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*. Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp trong giai đoạn hiện nay là thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục tình trạng nước nghèo, kém phát triển, thực hiện công bằng xã hội, chống áp bức, bất công; đấu tranh ngăn chặn và khắc phục những tư tưởng và hành động tiêu cực, sai trái; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch, bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh, nhân dân hạnh phúc.

Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội. Đảng và Nhà nước ta chủ trương thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; đó chính là *nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*.

Mục đích của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là phát triển lực lượng sản xuất, phát triển kinh tế để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Phát triển lực lượng sản xuất hiện đại gắn liền với xây dựng quan hệ sản xuất mới phù hợp trên cả ba mặt sở hữu, quản lý và phân phối.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc.

*Chế độ sở hữu công cộng (công hữu) về tư liệu sản xuất chủ yếu* từng bước được xác lập và sẽ chiếm ưu thế tuyệt đối khi chủ nghĩa xã hội được xây dựng xong về cơ bản. Xây dựng chế độ đó là một quá trình phát triển kinh tế - xã hội lâu dài qua nhiều bước, nhiều hình thức từ thấp đến cao. Phải từ thực tiễn tìm tòi, thử nghiệm để xây dựng chế độ sở hữu công cộng nói riêng và quan hệ sản xuất mới nói chung với bước đi vững chắc. Tiêu chuẩn căn bản để đánh giá hiệu quả xây dựng quan hệ sản xuất theo định hướng xã hội chủ nghĩa là thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân, thực hiện công bằng xã hội.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của Nhà nước. Nhà nước ta là Nhà nước xã hội chủ nghĩa, quản lý nền kinh tế bằng

pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách, sử dụng cơ chế thị trường, áp dụng các hình thức kinh tế và phương pháp quản lý của kinh tế thị trường để kích thích sản xuất, giải phóng sức sản xuất, phát huy mặt tích cực, hạn chế và khắc phục mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, bảo vệ lợi ích của người lao động và toàn thể nhân dân.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thực hiện phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội.

Tăng trưởng kinh tế gắn liền với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển.

Tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa và giáo dục, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của nhân dân, nâng cao dân trí, giáo dục và đào tạo con người, xây dựng và phát triển nguồn nhân lực của đất nước. Chủ trương xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thể hiện tư duy, quan niệm của Đảng ta về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất. Đó là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

#### IV. ĐƯỜNG LỐI VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Đường lối kinh tế của Đảng ta là: *Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp; ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất, đồng thời xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp theo định hướng xã hội chủ nghĩa; phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững; tăng trưởng kinh tế đi liền với phát triển văn hóa, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng - an ninh.*

Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm (2001-2010) nhằm: *Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản*

*trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường, thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản; vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao.*

Năm 2010, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng ít nhất gấp đôi so với năm 2000; chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp xuống còn khoảng 50%.

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2001-2005) là bước rất quan trọng trong việc thực hiện Chiến lược 10 năm (2001-2010) nhằm: *Tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững; ổn định và cải thiện đời sống nhân dân. Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nâng cao rõ rệt hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Mở rộng kinh tế đối ngoại. Tạo chuyển biến mạnh về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, phát huy nhân tố con người. Tạo nhiều việc làm; cơ bản xóa đói, giảm số hộ nghèo; đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Tiếp tục tăng cường kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội; hình thành một bước quan trọng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia.*

Trong 5 năm (2001-2005) phấn đấu đạt nhịp độ tăng tổng sản phẩm trong nước bình quân 7,5%/năm.

**1. Phát triển kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ trung tâm.**

*Con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta cần và có thể rút ngắn thời gian, vừa có những bước tuần tự, vừa có bước nhảy vọt. Phát huy những lợi thế của đất nước, tận dụng mọi khả năng để đạt trình độ công nghệ tiên tiến, đặc biệt là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học, tranh thủ ứng dụng ngày càng nhiều hơn, ở mức cao hơn và phổ biến hơn những thành tựu mới về khoa học và công nghệ, từng bước phát triển kinh tế tri thức. Phát huy nguồn lực trí tuệ và sức mạnh tinh thần của người Việt Nam; coi phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là nền tảng và động lực của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.*

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước phải bảo đảm xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, trước hết là độc lập tự chủ về đường lối, chính sách, đồng thời có tiềm lực kinh tế đủ mạnh: có mức tích lũy ngày càng cao từ nội



bộ nền kinh tế, có cơ cấu kinh tế hợp lý, có sức cạnh tranh; kết cấu hạ tầng ngày càng hiện đại và có một số ngành công nghiệp nặng then chốt; có năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ; giữ vững ổn định kinh tế - tài chính vĩ mô; bảo đảm an ninh lương thực, an toàn năng lượng, tài chính. môi trường... Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ đi đôi với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, kết hợp nội lực với ngoại lực thành nguồn lực tổng hợp để phát triển đất nước.

*Phát triển kinh tế nhanh, có hiệu quả và bền vững, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.* Mọi hoạt động kinh tế được đánh giá bằng hiệu quả tổng hợp về kinh tế, tài chính, xã hội, môi trường, quốc phòng và an ninh. Trước mắt, tập trung nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhà nước, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sử dụng vốn. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư dựa trên cơ sở phát huy các thế mạnh và các lợi thế so sánh của đất nước, tăng sức cạnh tranh, gắn với nhu cầu thị trường trong nước và ngoài nước, nhu cầu đời sống nhân dân và quốc phòng an ninh. Tạo thêm sức mua của thị trường trong nước và mở rộng thị trường ngoài nước, đẩy mạnh xuất khẩu.

Tăng cường sự chỉ đạo và huy động các nguồn lực cần thiết để đẩy nhanh *công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn.* Tiếp tục phát triển và đưa nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp lên một trình độ mới bằng ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ sinh học; đẩy mạnh thủy lợi hóa, cơ giới hóa, điện khí hóa, quy hoạch sử dụng đất hợp lý, đổi mới cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tăng giá trị thu được trên đơn vị diện tích; giải quyết tốt vấn đề tiêu thụ nông sản hàng hóa. Đầu tư nhiều hơn cho phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội ở nông thôn. Phát triển nông nghiệp, dịch vụ, các ngành nghề đa dạng chú trọng công nghiệp chế biến, cơ khí phục vụ nông nghiệp, các làng nghề, chuyển một bộ phận quan trọng lao động nông nghiệp sang khu vực công nghiệp và dịch vụ, tạo nhiều việc làm mới, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cải thiện đời sống nông dân và dân cư ở nông thôn.

*Công nghiệp* vừa phát triển các ngành sử dụng nhiều lao động, vừa đi nhanh vào một số ngành, lĩnh vực có công nghệ hiện đại, công nghệ cao. Phát triển mạnh công nghiệp chế biến nông sản, thủy sản, may mặc, da giày, một số sản phẩm cơ khí, điện tử, công nghiệp phần mềm... Xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng quan trọng, sản xuất tư liệu sản xuất cần thiết để trang bị cho các ngành kinh tế và quốc phòng. Khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên dầu khí, khoáng sản, vật liệu xây dựng.

Chú trọng phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ; xây dựng một số tập đoàn doanh nghiệp lớn đi đầu trong cạnh tranh và hiện đại hóa.

Phát triển mạnh và nâng cao chất lượng các ngành *dịch vụ*: thương mại, kể cả thương mại điện tử, các loại hình vận tải, bưu chính - viễn thông, du lịch, tài chính, ngân hàng, kiểm toán, bảo hiểm, chuyển giao công nghệ, tư vấn pháp lý, thông tin thị trường... Sớm phổ cập sử dụng tin học và Mạng thông tin quốc tế (Internet) trong nền kinh tế và đời sống xã hội.

Xây dựng đồng bộ và từng bước hiện đại hóa hệ thống *kết cấu hạ tầng*: giao thông, điện lực, thông tin, thủy lợi, cấp nước, thoát nước...

Phát triển mạng lưới *đô thị* phân bố hợp lý trên các vùng. Hiện đại hóa dần các thành phố lớn, thúc đẩy quá trình đô thị hóa nông thôn. Không tập trung quá nhiều cơ sở công nghiệp và dân cư vào các đô thị lớn. Khắc phục tình trạng ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường. Tăng cường công tác quy hoạch và quản lý đô thị, nâng cao thẩm mỹ kiến trúc.

*Về chiến lược phát triển các vùng*, phát huy vai trò của các vùng kinh tế trọng điểm có mức tăng trưởng cao, tích lũy lớn; đồng thời tạo điều kiện phát triển các vùng khác trên cơ sở phát huy thế mạnh của từng vùng, liên kết với vùng trọng điểm tạo mức tăng trưởng khá. Quan tâm phát triển kinh tế xã hội gắn với tăng cường quốc phòng an ninh ở các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo, chú trọng các vùng Tây Nguyên, Tây Bắc, Tây Nam. Có chính sách hỗ trợ nhiều hơn cho các vùng khó khăn để phát triển kết cấu hạ tầng, nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, xóa đói giảm nghèo, đưa các vùng này vượt qua tình trạng kém phát triển. Có chiến lược phát triển các vùng biên giới.

Phát triển mạnh và phát huy vai trò chiến lược của *kinh tế biển kết hợp với bảo vệ vùng biển*: mở rộng nuôi trồng và đánh bắt, chế biến hải sản, tiến ra biển xa; khai thác và chế biến dầu khí; phát triển công nghiệp đóng tàu và vận tải biển, du lịch, dịch vụ, phát triển các vùng dân cư trên biển, giữ vững an ninh vùng biển.

Từng bước hiện đại hóa công tác nghiên cứu, dự báo *khí tượng - thủy văn và vật lý địa cầu*; có kế hoạch và biện pháp tích cực chủ động phòng chống thiên tai, tìm kiếm, cứu nạn.

*Sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ và cải thiện môi trường tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học*, coi đây là một nội dung quan trọng của chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường công tác quản lý ở tất cả các lĩnh vực, các vùng; thực hiện nghiêm Luật Bảo vệ môi trường.

## 2. Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần.

Thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần. Các thành phần kinh tế kinh doanh theo pháp luật đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh; trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

Từ các hình thức sở hữu cơ bản: *sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân* hình thành nhiều thành phần kinh tế với những hình thức tổ chức kinh doanh đa dạng, đan xen, hỗn hợp.

*Kinh tế nhà nước* phát huy vai trò chủ đạo trong nền kinh tế, là lực lượng vật chất quan trọng và là công cụ để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Doanh nghiệp nhà nước giữ những vị trí then chốt; đi đầu ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; nêu gương về năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế - xã hội và chấp hành pháp luật.

Trong 5 năm tới, cơ bản hoàn thành việc củng cố, sắp xếp, điều chỉnh cơ cấu, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động các doanh nghiệp nhà nước hiện có, đồng thời phát triển thêm doanh nghiệp mà Nhà nước đầu tư 100% vốn hoặc có cổ phần chi phối ở một số ngành, lĩnh vực then chốt và địa bàn quan trọng. Xây dựng một số tập đoàn kinh tế mạnh trên cơ sở các tổng công ty nhà nước, có sự tham gia của các thành phần kinh tế. Thực hiện tốt chủ trương cổ phần hóa và đa dạng hóa sở hữu đối với những doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm 100% vốn; giao, bán, khoán, cho thuê... các doanh nghiệp loại nhỏ Nhà nước không cần nắm giữ; sáp nhập, giải thể, cho phá sản những doanh nghiệp hoạt động không hiệu quả và không thực hiện được các biện pháp trên. Khẩn trương cải thiện tình hình tài chính và lao động của các doanh nghiệp nhà nước; củng cố và hiện đại hóa một bước các tổng công ty nhà nước.

Phân biệt quyền của chủ sở hữu và quyền kinh doanh của doanh nghiệp. Thực hiện chế độ quản lý công ty đối với các doanh nghiệp kinh doanh dưới dạng công ty trách nhiệm hữu hạn một chủ sở hữu là Nhà nước và công ty cổ phần có vốn Nhà nước; giao cho hội đồng quản trị doanh nghiệp quyền đại diện trực tiếp chủ sở hữu gắn với quyền tự chủ trong kinh doanh; quy định rõ quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp.

Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách đối với doanh nghiệp nhà nước để tạo động lực phát triển và nâng cao hiệu quả theo hướng: xóa bao cấp; doanh

nghiệp cạnh tranh bình đẳng trên thị trường, tự chịu trách nhiệm về sản xuất, kinh doanh; nộp đủ thuế và có lãi. Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong doanh nghiệp. Có cơ chế phù hợp về kiểm tra, kiểm soát, thanh tra của Nhà nước đối với doanh nghiệp.

*Kinh tế tập thể* phát triển với nhiều hình thức hợp tác đa dạng, trong đó hợp tác xã là nòng cốt. Các hợp tác xã dựa trên sở hữu của các thành viên và sở hữu tập thể, liên kết rộng rãi những người lao động, các hộ sản xuất, kinh doanh, các doanh nghiệp nhỏ và vừa, không giới hạn quy mô, lĩnh vực và địa bàn. Phát triển hợp tác xã kinh doanh tổng hợp đa ngành hoặc chuyên ngành. Nhà nước giúp hợp tác xã đào tạo cán bộ, ứng dụng khoa học công nghệ, nắm bắt thông tin, mở rộng thị trường, xây dựng các quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã, giải quyết nợ tồn đọng. Khuyến khích việc tích lũy, phát triển có hiệu quả vốn tập thể trong hợp tác xã. Tổng kết việc chuyển đổi và phát triển hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã.

*Kinh tế cá thể, tiểu chủ* cả ở nông thôn và thành thị có vị trí quan trọng lâu dài. Nhà nước tạo điều kiện và giúp đỡ để phát triển, khuyến khích các hình thức tổ chức hợp tác tự nguyện, làm vệ tinh cho các doanh nghiệp hoặc phát triển lớn hơn.

Khuyến khích phát triển *kinh tế tư bản tư nhân* rộng rãi trong những ngành nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm. Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi về chính sách, pháp lý để kinh tế tư bản tư nhân phát triển trên những định hướng ưu tiên của Nhà nước, kể cả đầu tư ra nước ngoài; khuyến khích chuyển thành doanh nghiệp cổ phần, bán cổ phần cho người lao động, liên doanh, liên kết với nhau, với kinh tế tập thể và kinh tế nhà nước. Xây dựng quan hệ tốt giữa chủ doanh nghiệp và người lao động.

Phát triển đa dạng *kinh tế tư bản nhà nước* dưới các hình thức liên doanh, liên kết giữa kinh tế nhà nước với kinh tế tư bản tư nhân trong nước và ngoài nước, mang lại lợi ích thiết thực cho các bên đầu tư kinh doanh.

Tạo điều kiện để *kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài* phát triển thuận lợi, hướng vào xuất khẩu, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội gắn với thu hút công nghệ hiện đại, tạo thêm nhiều việc làm. Cải thiện môi trường kinh tế và pháp lý để thu hút mạnh vốn đầu tư nước ngoài.

Chú trọng phát triển các hình thức tổ chức kinh doanh đan xen, hỗn hợp nhiều hình thức sở hữu, giữa các thành phần kinh tế với nhau, giữa trong nước và ngoài nước. Phát triển mạnh hình thức tổ chức kinh tế cổ phần

nhằm huy động và sử dụng rộng rãi vốn đầu tư xã hội, nhân rộng mô hình hợp tác, liên kết công nghiệp và nông nghiệp, doanh nghiệp nhà nước và kinh tế hộ nông thôn. Phát triển các loại hình trang trại với quy mô phù hợp trên từng địa bàn.

### **3. Tiếp tục tạo lập đồng bộ các yếu tố thị trường; đổi mới và nâng cao hiệu lực quản lý kinh tế của Nhà nước.**

*Thúc đẩy sự hình thành, phát triển và từng bước hoàn thiện các loại thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt quan tâm các thị trường quan trọng nhưng hiện chưa có hoặc còn sơ khai như: thị trường lao động, thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản, thị trường khoa học và công nghệ.*

Phát triển thị trường hàng hóa và dịch vụ; phát huy vai trò nòng cốt, định hướng và điều tiết của kinh tế nhà nước trên thị trường. Đáp ứng nhu cầu đa dạng và nâng cao sức mua của thị trường trong nước, cả ở thành thị và nông thôn, chú ý thị trường các vùng có nhiều khó khăn. Mở thêm thị trường mới ở nước ngoài. Xác định thời hạn bảo hộ hợp lý và có hiệu quả đối với một số sản phẩm cần thiết, tích cực chuẩn bị để mở rộng hội nhập thị trường quốc tế. Hạn chế và kiểm soát độc quyền kinh doanh.

Mở rộng thị trường lao động trong nước có sự kiểm tra, giám sát của Nhà nước, bảo vệ lợi ích của người lao động và của người sử dụng lao động; đẩy mạnh xuất khẩu lao động có tổ chức và có hiệu quả. Hoàn thiện hệ thống pháp luật và chính sách tạo cơ hội bình đẳng về việc làm cho người lao động, tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích người lao động tự tìm việc làm, nâng cao trình độ, đào tạo lại, học nghề mới.

Khẩn trương tổ chức thị trường khoa học và công nghệ, thực hiện tốt bảo hộ sở hữu trí tuệ, đẩy mạnh phát triển các dịch vụ về thông tin, chuyển giao công nghệ.

Phát triển nhanh và bền vững thị trường vốn, nhất là thị trường vốn dài hạn và trung hạn. Tổ chức và vận hành thị trường chứng khoán, thị trường bảo hiểm an toàn, hiệu quả. Hình thành đồng bộ thị trường tiền tệ tăng khả năng chuyển đổi của đồng tiền Việt Nam.

Hình thành và phát triển thị trường bất động sản, bao gồm cả quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật; từng bước mở thị trường bất động sản cho người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài tham gia đầu tư.

*Trong 5 năm tới hình thành tương đối đồng bộ cơ chế quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục những yếu kém, tháo gỡ những vướng mắc.*

Đổi mới sâu rộng cơ chế quản lý kinh tế, phát huy những yếu tố tích cực của cơ chế thị trường, triệt để xóa bỏ bao cấp trong kinh doanh, tăng cường vai trò quản lý và điều tiết vĩ mô của Nhà nước, đấu tranh có hiệu quả chống các hành vi tham nhũng, lãng phí, quan liêu, sách nhiễu gây phiền hà.

Nhà nước tạo môi trường pháp lý thuận lợi, bình đẳng cho các doanh nghiệp cạnh tranh và hợp tác để phát triển; bằng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách, kết hợp với sử dụng lực lượng vật chất của Nhà nước để định hướng phát triển kinh tế xã hội, khai thác hợp lý các nguồn lực của đất nước, bảo đảm cân đối vĩ mô nền kinh tế, điều tiết thu nhập; kiểm tra, kiểm soát thanh tra mọi hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật, chống buôn lậu, làm hàng giả, gian lận thương mại.

*Tiếp tục đổi mới các công cụ quản lý vĩ mô của Nhà nước đối với nền kinh tế.*

Đổi mới hơn nữa công tác kế hoạch hóa, nâng cao chất lượng công tác xây dựng các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường thông tin kinh tế xã hội trong nước và quốc tế, công tác kế toán, thống kê; ứng dụng rộng rãi các thành tựu khoa học và công nghệ trong dự báo, kiểm tra tình hình thực hiện ở cả cấp vĩ mô và doanh nghiệp.

Bảo đảm tính minh bạch, công bằng trong chi ngân sách nhà nước. Phân cấp mạnh đi đôi với tăng cường trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc thu và chi ngân sách địa phương. Tăng tỷ lệ chi ngân sách theo tốc độ tăng trưởng kinh tế và hiệu quả quản lý kinh tế, tài chính. Tăng chi ngân sách cho các mục tiêu xã hội trọng điểm. Nâng cao hiệu quả các chương trình quốc gia, tập trung vốn cho các chương trình trọng điểm, thực hiện có kết quả chương trình giúp đỡ các xã đặc biệt khó khăn.

Nhà nước đầu tư vốn phát triển từ ngân sách nhà nước căn cứ vào hiệu quả kinh tế - xã hội, chuyển cơ chế phân bổ nguồn vốn vay nhà nước mang tính hành chính sang cho vay theo cơ chế thị trường, xóa bỏ bao cấp thông qua tín dụng đầu tư, đồng thời phát triển các quỹ hỗ trợ phát triển, hoàn thiện phương thức quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, cải cách các thủ tục. phân công, phân cấp rõ ràng, rành mạch trong thực hiện các dự án đầu tư. Tăng cường quản lý nợ chính phủ, hoàn thiện cơ chế quản lý nợ nước ngoài cho phù hợp với tình hình mới.

Tiếp tục cải cách hệ thống thuế phù hợp với tình hình đất nước và các cam kết quốc tế; đơn giản hóa các sắc thuế; từng bước áp dụng hệ thống thuế thống nhất, không phân biệt đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài. Nuôi dưỡng nguồn thu và thu đúng, thu đủ theo quy định của pháp luật. Hiện đại hóa công tác quản lý thuế của Nhà nước.

Xây dựng hệ thống ngân hàng thương mại đáp ứng nhu cầu tín dụng, cung ứng các dịch vụ ngân hàng thuận lợi cho xã hội. Kiện toàn các ngân hàng thương mại nhà nước thành những doanh nghiệp kinh doanh tiền tệ tự chủ, tự chịu trách nhiệm, có uy tín, đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Xóa bỏ sự can thiệp hành chính của các cơ quan nhà nước đối với hoạt động cho vay của các ngân hàng thương mại nhà nước. Nâng cao năng lực giám sát của Ngân hàng Nhà nước và công tác kiểm tra nội bộ của các ngân hàng thương mại. Tách tín dụng ưu đãi theo chính sách khỏi tín dụng thương mại. Thực hiện chính sách tỷ giá linh hoạt theo cung cầu ngoại tệ, từng bước thực hiện tự do hóa tỷ giá hối đoái có sự quản lý vĩ mô của Nhà nước.

#### **4. Giải quyết tốt các vấn đề xã hội.**

Thực hiện các chính sách xã hội hướng vào phát triển và lành mạnh hóa xã hội, thực hiện công bằng trong phân phối, tạo động lực mạnh mẽ phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động xã hội, thực hiện bình đẳng trong các quan hệ xã hội, khuyến khích nhân dân làm giàu hợp pháp.

Giải quyết việc làm là một chính sách xã hội cơ bản. Bằng nhiều giải pháp, tạo ra nhiều việc làm mới, tăng quỹ thời gian lao động được sử dụng, nhất là trong nông nghiệp và nông thôn. Các thành phần kinh tế mở mang các ngành nghề, các cơ sở sản xuất, dịch vụ có khả năng sử dụng nhiều lao động. Chăm lo cải thiện điều kiện làm việc, bảo đảm an toàn và vệ sinh lao động, phòng chống tai nạn và bệnh nghề nghiệp cho người lao động. Khôi phục và phát triển các làng nghề, đẩy mạnh phong trào lập nghiệp của thanh niên và đào tạo lao động có nghề, tổ chức, quản lý chặt chẽ hoạt động xuất khẩu lao động và bảo vệ quyền lợi người lao động ở nước ngoài. Khẩn trương mở rộng hệ thống bảo hiểm xã hội và an sinh xã hội. Sớm xây dựng và thực hiện chính sách bảo hiểm đối với người lao động thất nghiệp.

Cải cách cơ bản chế độ tiền lương cán bộ, công chức theo hướng tiền tệ hóa đầy đủ tiền lương; điều chỉnh tiền lương tương ứng với nhịp độ tăng thu nhập trong xã hội; hệ thống thang bậc lương bảo đảm tương quan hợp lý, khuyến khích người có tài, người làm việc giỏi. Khắc phục tình trạng bất

hợp lý về trợ cấp của người nghỉ hưu, thương binh, bệnh binh và những người có hoàn cảnh khó khăn.

Các doanh nghiệp được tự chủ trong việc trả lương và tiền thưởng trên cơ sở năng suất lao động và hiệu quả của doanh nghiệp. Nhà nước và xã hội tôn trọng thu nhập hợp pháp của người kinh doanh.

Thực hiện chương trình xóa đói, giảm nghèo thông qua những biện pháp cụ thể, sát với tình hình từng địa phương, sớm đạt mục tiêu không còn hộ đói, giảm mạnh các hộ nghèo. Tiếp tục tăng tổng nguồn vốn xóa đói, giảm nghèo, mở rộng các hình thức tín dụng trợ giúp người nghèo sản xuất, kinh doanh. Có chính sách trợ giá nông sản, phát triển việc làm và nghề phụ nhằm tăng thu nhập của các hộ nông dân. Thực hiện các chính sách xã hội bảo đảm an toàn cuộc sống mọi thành viên cộng đồng, bao gồm bảo hiểm xã hội đối với người lao động thuộc các thành phần kinh tế, cứu trợ xã hội những người gặp rủi ro, bất hạnh.

Thực hiện chính sách ưu đãi xã hội và vận động toàn dân tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn đối với các lão thành cách mạng, những người có công với nước, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, thương binh và cha mẹ, vợ con liệt sĩ, người được hưởng chính sách xã hội.

Đẩy mạnh việc xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng ở nông thôn như trường học, trạm y tế, điện, nước sạch, chợ và đường giao thông. Đầu tư nhiều hơn cho những xã đặc biệt khó khăn. Có chính sách thiết thực khuyến khích cán bộ khoa học, kỹ thuật đến công tác tại các vùng sâu, vùng xa.

Chính sách dân số nhằm chủ động kiểm soát quy mô và tăng chất lượng dân số phù hợp với những yêu cầu phát triển kinh tế xã hội. Nâng cao chất lượng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình; giải quyết tốt mối quan hệ giữa phân bố dân cư hợp lý với quản lý dân số và phát triển nguồn nhân lực.

Thực hiện đồng bộ chính sách bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân, nhằm giảm tỷ lệ mắc bệnh, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ và phát triển giống nòi. Củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế, đặc biệt là ở cơ sở. Xây dựng một số trung tâm y tế chuyên sâu. Đẩy mạnh sản xuất dược phẩm, bảo đảm các loại thuốc thiết yếu đến mọi địa bàn dân cư. Thực hiện công bằng xã hội trong chăm sóc sức khỏe; đổi mới cơ chế và chính sách viện phí; có chính sách trợ cấp và bảo hiểm y tế cho người nghèo, tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân. Nhà nước ban hành chính sách quốc gia về y học cổ truyền.



Kết hợp chặt chẽ y học hiện đại với y học cổ truyền từ khâu đào tạo đến khâu khám bệnh và điều trị.

Chính sách chăm sóc, bảo vệ trẻ em tập trung vào thực hiện quyền trẻ em, tạo điều kiện cho trẻ em được sống trong môi trường an toàn và lành mạnh, phát triển hài hòa về thể chất, trí tuệ, tinh thần và đạo đức; trẻ em mồ côi, bị khuyết tật, sống trong hoàn cảnh đặc biệt khó khăn có cơ hội học tập và vui chơi.

Phát động phong trào toàn dân tập luyện thể dục, thể thao, nâng cao sức khỏe và tầm vóc người Việt Nam; phổ biến rộng rãi kiến thức về tự bảo vệ sức khỏe. Tăng đầu tư của Nhà nước cho lĩnh vực thể thao thành tích cao.

Tăng cường lãnh đạo và quản lý phong trào toàn dân đấu tranh phòng chống tội phạm, giữ gìn trật tự và kỷ cương xã hội, ngăn chặn và bài trừ các tệ nạn xã hội, nhất là nạn mại dâm, ma túy; ngăn chặn, tiến với đẩy lùi đại dịch HIV/AIDS. Xây dựng lối sống văn minh, lành mạnh.

Các chính sách xã hội được tiến hành theo tinh thần xã hội hóa, đề cao trách nhiệm của chính quyền các cấp huy động các nguồn lực trong nhân dân và sự tham gia của các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội.

## V. PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA TIÊN TIẾN, ĐẬM ĐÀ BẢN SẮC DÂN TỘC

1. Phát triển giáo dục và đào tạo là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là điều kiện để phát huy nguồn lực con người yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững.

Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học, hệ thống trường lớp và hệ thống quản lý giáo dục thực hiện "chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa". Phát huy tinh thần độc lập suy nghĩ và sáng tạo của học sinh, sinh viên, đề cao năng lực tự học, tự hoàn thiện học vấn và tay nghề, đẩy mạnh phong trào học tập trong nhân dân bằng những hình thức giáo dục chính quy và không chính quy, thực hiện "giáo dục cho mọi người", "cả nước trở thành một xã hội học tập". Thực hiện phương châm "học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn với xã hội". Coi trọng công tác hướng nghiệp và phân

luồng học sinh trung học, chuẩn bị cho thanh niên, thiếu niên đi vào lao động nghề nghiệp phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong cả nước và từng địa phương. Xây dựng quy hoạch đào tạo nhân lực theo phương thức kết hợp học tập trung, học từ xa, học qua máy tính.

Chăm lo phát triển giáo dục mầm non, mở rộng hệ thống nhà trẻ và trường lớp mẫu giáo trên mọi địa bàn dân cư, đặc biệt là ở nông thôn và những vùng có khó khăn.

Củng cố thành tựu xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, phấn đấu để ngày càng có nhiều trường tiểu học đủ điều kiện học hai buổi mỗi ngày tại trường, được học ngoại ngữ và tin học. Đẩy nhanh tiến độ phổ cập giáo dục trung học cơ sở, tạo điều kiện cho những địa phương có khả năng hoàn thành sớm việc phổ cập giáo dục bậc trung học thông qua việc mở rộng quy mô đào tạo và phát triển đa dạng các loại hình trường phổ thông trung học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.

Tăng ngân sách nhà nước cho giáo dục và đào tạo theo nhịp độ tăng trưởng kinh tế. Hiện đại hóa một số trường dạy nghề, tăng nhanh tỷ lệ lao động được đào tạo trong toàn bộ lao động xã hội, khuyến khích phát triển hệ thống trường lớp dạy nghề dân lập và tư thục, trang bị cho thanh niên những kiến thức sản xuất, kỹ năng lao động và năng lực tiếp thu công nghệ mới để tự tạo việc làm, chủ động tìm kiếm cơ hội lập nghiệp.

Mở rộng hợp lý quy mô giáo dục đại học, làm chuyển biến rõ nét về chất lượng và hiệu quả đào tạo. Tập trung đầu tư xây dựng hai đại học quốc gia thành những trung tâm đào tạo chất lượng cao; xây dựng một số trường sư phạm trọng điểm. Từng bước xúc tiến việc nối mạng Internet ở trường học, tạo điều kiện học tập, nghiên cứu trên mạng.

Tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên. Cải tiến việc giảng dạy và học tập các bộ môn khoa học Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.

Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, tạo điều kiện cho người nghèo có cơ hội học tập, tiếp tục phát triển các trường phổ thông nội trú dành cho con em dân tộc thiểu số, chú trọng quyền được học tập của nhân dân ở trên hai nghìn xã nghèo nhất. Có chính sách hỗ trợ đặc biệt những học sinh có năng khiếu, hoàn cảnh sống khó khăn được theo học ở các bậc học cao. Có quy hoạch và chính sách tuyển chọn người giỏi, đặc biệt chú ý trong con em công nhân và nông dân, để đào tạo ở các bậc đại học và sau

đại học. Tăng ngân sách nhà nước cho việc cử người đi đào tạo ở các nước có nền khoa học và công nghệ tiên tiến. Khuyến khích việc du học tự túc.

Thực hiện chủ trương xã hội hóa giáo dục, phát triển đa dạng các hình thức đào tạo, đẩy mạnh việc xây dựng các quỹ khuyến khích tài năng, các tổ chức khuyến học, bảo trợ giáo dục.

Trong những năm trước mắt, giải quyết dứt điểm những vấn đề bức xúc: sửa đổi chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; cải tiến chế độ thi cử, khắc phục khuynh hướng "thương mại hóa" giáo dục, ngăn chặn những tiêu cực trong giáo dục; quản lý chặt chẽ việc cấp văn bằng, công nhận học hàm, học vị; chấn chỉnh công tác quản lý hệ thống trường học cả công lập và ngoài công lập.

**2. Phát triển khoa học và công nghệ cùng với phát triển giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.**

Khoa học xã hội và nhân văn hướng vào việc giải đáp các vấn đề lý luận và thực tiễn, dự báo các xu thế phát triển, cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng con người, phát huy những di sản văn hóa dân tộc, sáng tạo những giá trị văn hóa mới của Việt Nam. Khoa học tự nhiên hướng vào việc giải quyết các vấn đề thực tiễn, xây dựng cơ sở khoa học của sự phát triển các lĩnh vực công nghệ trọng điểm và khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, dự báo, phòng chống thiên tai.

Khoa học - công nghệ hướng vào việc nâng cao năng suất lao động, đổi mới sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hóa trên thị trường. xây dựng năng lực công nghệ quốc gia, ứng dụng một cách sáng tạo những công nghệ nhập khẩu, từng bước tạo ra công nghệ mới. Đi nhanh vào một số ngành, lĩnh vực sử dụng công nghệ hiện đại, công nghệ cao (tin học, sinh học, vật liệu mới, tự động hóa). Tạo thị trường cho khoa học và công nghệ, đổi mới cơ chế tài chính nhằm khuyến khích sáng tạo và gắn ứng dụng khoa học và công nghệ với sản xuất, kinh doanh, quản lý, dịch vụ. Có chính sách khuyến khích và buộc các doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu đổi mới công nghệ.

Coi trọng nghiên cứu cơ bản trong khoa học.

Tăng đầu tư của ngân sách và huy động các nguồn lực khác cho khoa học và công nghệ.

Sắp xếp, đổi mới hệ thống nghiên cứu khoa học, phối hợp chặt chẽ nghiên cứu khoa học tự nhiên, khoa học - công nghệ với khoa học xã hội và nhân văn. Hoàn thành xây dựng những khu công nghệ cao và hệ thống phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia. Sử dụng có hiệu quả các quỹ hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ. Cải tiến công tác quản lý khoa học, thực hiện quy chế dân chủ trong nghiên cứu và sáng tạo khoa học, bảo đảm chất lượng của các chương trình và đề tài nghiên cứu khoa học, khắc phục tình trạng trùng lặp, gây lãng phí ngân sách.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học và công nghệ. Thực hiện tốt chính sách bảo hộ sở hữu trí tuệ. Có chính sách đãi ngộ đặc biệt đối với nhà khoa học có công trình nghiên cứu xuất sắc; khuyến khích cán bộ khoa học, kỹ thuật công tác tại các vùng khó khăn, vùng nông thôn; động viên các nhà khoa học bám sát cơ sở sản xuất, hướng dẫn nhân dân nắm bắt và làm chủ những tri thức mới về khoa học và công nghệ.

**3. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội.** Mọi hoạt động văn hóa nhằm xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo, có ý thức cộng đồng, lòng nhân ái, khoan dung, tôn trọng nghĩa tình, lối sống có văn hóa, quan hệ hài hòa trong gia đình, cộng đồng và xã hội. Văn hóa trở thành nhân tố thúc đẩy con người tự hoàn thiện nhân cách, kế thừa truyền thống cách mạng của dân tộc, phát huy tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tăng nhanh mức đầu tư của Nhà nước và của xã hội cho sự nghiệp phát triển văn hóa. Tạo điều kiện để nhân dân ngày càng nâng cao trình độ thẩm mỹ và thưởng thức nghệ thuật, trở thành những chủ thể sáng tạo văn hóa, đồng thời hưởng thụ ngày càng nhiều các thành quả văn hóa. Nâng cao chất lượng hệ thống bảo tàng lịch sử, bảo tàng cách mạng; đẩy mạnh xây dựng thư viện, nhà văn hóa, nhà thông tin, câu lạc bộ sức khỏe, sân bãi thể dục thể thao, khu vui chơi giải trí... Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa dân tộc, các giá trị văn học, nghệ thuật, ngôn ngữ, chữ viết và thuần phong mỹ tục của các dân tộc; tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh; khai thác các kho tàng văn hóa cổ truyền. Tiếp thu tinh hoa và góp phần làm phong phú thêm nền văn hóa của nhân loại. Đấu tranh chống sự xâm nhập của văn hóa độc hại.

Bảo đảm tự do, dân chủ cho mọi sáng tạo văn hóa, văn học nghệ thuật, tạo điều kiện làm việc thuận lợi để phát huy hiệu quả của lao động nghệ

thuật. Văn nghệ sĩ nêu cao trách nhiệm trước nhân dân, trước Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội, phấn đấu có nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, có tác dụng giáo dục, xây dựng con người. Văn nghệ cổ vũ cái đúng, cái tốt, cái đẹp trong quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với xã hội, với thiên nhiên; phê phán những thói hư tật xấu, lên án cái ác, cái thấp hèn. Phát huy vai trò thẩm định tác phẩm, hướng dẫn dư luận của phê bình văn học nghệ thuật. Tiếp tục đấu tranh chống các khuynh hướng sáng tác trái với đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng. Chăm sóc đời sống vật chất, tinh thần của văn nghệ sĩ, nhất là những người cao tuổi; đãi ngộ thỏa đáng đối với các văn nghệ sĩ tài năng. Chú trọng bồi dưỡng, đào tạo thế hệ văn nghệ sĩ trẻ. Làm tốt công tác bảo vệ bản quyền tác giả.

Phát triển đi đôi với quản lý tốt hệ thống thông tin đại chúng. Báo chí, xuất bản... làm tốt chức năng tuyên truyền thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; phát hiện những nhân tố mới, cái hay, cái đẹp trong xã hội, giới thiệu gương người tốt việc tốt, những điển hình tiên tiến, phê phán các hiện tượng tiêu cực, uốn nắn những nhận thức lệch lạc, đấu tranh với những quan điểm sai trái; coi trọng nâng cao tính chân thật, tính giáo dục và tính chiến đấu của thông tin. Sử dụng Internet đẩy mạnh thông tin đối ngoại, đồng thời hạn chế, ngăn chặn những hoạt động tiêu cực qua mạng. Khắc phục khuynh hướng "thương mại hóa" trong hoạt động báo chí, xuất bản. Nâng cao bản lĩnh chính trị, tư tưởng, ý thức trách nhiệm, trình độ văn hóa và nghề nghiệp, phẩm chất đạo đức của đội ngũ báo chí, xuất bản. Nêu cao trách nhiệm của gia đình trong việc xây dựng và bồi dưỡng các thành viên của mình có lối sống văn hóa, làm cho gia đình thực sự là tổ ấm của mỗi người và là tế bào lành mạnh của xã hội. Đẩy mạnh phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"; ngăn chặn việc phục hồi các hủ tục, khắc phục tình trạng mê tín đang có xu hướng lan rộng trong xã hội.

## VI. TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và nền văn hóa; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ sự nghiệp đổi mới và lợi ích quốc gia, dân tộc.

Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh của lực lượng và thể trận quốc phòng toàn dân với sức mạnh của lực lượng và thể trận an ninh nhân dân. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng - an ninh và quốc phòng - an ninh với kinh tế trong các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội. Phối hợp hoạt động quốc phòng và an ninh với hoạt động đối ngoại.

Tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của Đảng, Nhà nước và của toàn dân, trong đó quân đội nhân dân và công an nhân dân là lực lượng nòng cốt.

Xây dựng quân đội nhân dân và công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, có bản lĩnh chính trị vững vàng; trung thành tuyệt đối với Tổ quốc, với Đảng và nhân dân; có trình độ học vấn và chuyên môn nghiệp vụ ngày càng cao; quý trọng và hết lòng phục vụ nhân dân; có phẩm chất, đạo đức, lối sống lành mạnh, giản dị; kế thừa và phát huy truyền thống vẻ vang; có năng lực chỉ huy và tác chiến thắng lợi trong bất cứ tình huống nào; có trình độ sẵn sàng chiến đấu và sức chiến đấu ngày càng cao; thường xuyên cảnh giác, kịp thời đập tan mọi âm mưu và hành động xâm phạm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc và an ninh quốc gia; ngăn chặn và đẩy lùi các tội phạm nguy hiểm và các tệ nạn xã hội, bảo đảm tốt trật tự an toàn xã hội.

Xây dựng cơ sở chính trị xã hội, thể trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân; coi trọng xây dựng thể trận trên các địa bàn chiến lược trọng yếu; xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ và công an, bảo vệ cơ sở.

Hoàn thiện hệ thống luật pháp về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường quản lý nhà nước về quốc phòng và an ninh trên phạm vi cả nước và từng địa phương, cơ sở, đưa nhiệm vụ đó vào chương trình chính khóa đào tạo, bồi dưỡng căn bản, công chức. Thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân.

Đầu tư thích đáng cho công nghiệp quốc phòng, trang bị kỹ thuật hiện đại cho quân đội, công an. Tận dụng năng lực công nghiệp dân sinh phục vụ quốc phòng và an ninh. Từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của các lực lượng vũ trang, thực hiện tốt chính sách hậu phương đối với quân đội nhân dân và công an nhân dân.

Thường xuyên tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với quân đội nhân dân và công an nhân dân, đối với sự nghiệp quốc phòng và an ninh.

## VII. MỞ RỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI VÀ CHỦ ĐỘNG HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển.

*Nhiệm vụ đối ngoại* là tiếp tục giữ vững môi trường hòa bình và tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm độc lập và chủ quyền quốc gia, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Mở rộng quan hệ nhiều mặt, song phương và đa phương với các nước và vùng lãnh thổ, các trung tâm chính trị, kinh tế quốc tế lớn, các tổ chức quốc tế và khu vực theo các nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực; bình đẳng và cùng có lợi; giải quyết các bất đồng và tranh chấp bằng thương lượng hòa bình; làm thất bại mọi âm mưu và hành động gây sức ép, áp đặt và cường quyền.

*Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực* theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường. Chính phủ cùng các bộ, ngành và các doanh nghiệp khẩn trương xây dựng và thực hiện kế hoạch hội nhập kinh tế quốc tế với lộ trình hợp lý và chương trình hành động cụ thể, phát huy tính chủ động của các cấp, các ngành và các doanh nghiệp; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đổi mới cơ chế quản lý kinh tế - xã hội, hoàn chỉnh hệ thống luật pháp, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp và nền kinh tế.

Coi trọng và phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa và các nước láng giềng. Nâng cao hiệu quả và chất lượng hợp tác với các nước ASEAN, cùng xây dựng Đông Nam Á thành một khu vực hòa bình, không có vũ khí hạt nhân, ổn định, hợp tác cùng phát triển.

Tiếp tục mở rộng quan hệ với các nước bạn bè truyền thống, các nước độc lập dân tộc, các nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi, Trung Đông

và Mỹ Latinh, các nước trong Phong trào Không liên kết, ủng hộ lẫn nhau cùng phát triển, phối hợp bảo vệ lợi ích chính đáng của nhau.

Thúc đẩy quan hệ đa dạng với các nước phát triển và các tổ chức quốc tế. Đẩy mạnh hoạt động ở các diễn đàn đa phương.

Tích cực tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu. Ủng hộ và cùng nhân dân thế giới đấu tranh nhằm loại trừ hoàn toàn vũ khí hạt nhân, vũ khí sinh học và mọi phương tiện chiến tranh hiện đại khác giết người hàng loạt, bảo vệ hòa bình, chống nguy cơ chiến tranh và chạy đua vũ trang; tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và quyền tự lựa chọn con đường phát triển của mỗi dân tộc trên thế giới; góp phần xây dựng trật tự chính trị, kinh tế quốc tế dân chủ, công bằng.

Củng cố và tăng cường quan hệ đoàn kết và hợp tác với các đảng cộng sản và công nhân, với các đảng cánh tả, các phong trào giải phóng và độc lập dân tộc, với các phong trào cách mạng và tiến bộ trên thế giới.

Tiếp tục mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền.

Mở rộng hơn nữa công tác đối ngoại nhân dân, tăng cường quan hệ song phương và đa phương với các tổ chức nhân dân các nước, nâng cao hiệu quả hợp tác với các tổ chức phi chính phủ quốc gia và quốc tế, góp phần tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân ta và nhân dân các nước trong khu vực và trên thế giới.

Đẩy mạnh công tác thông tin phục vụ nghiên cứu, làm tốt công tác dự báo tình hình khu vực và thế giới, kịp thời có những chủ trương, chính sách đối ngoại thích hợp khi tình hình thay đổi. Tăng cường hơn nữa công tác thông tin đối ngoại và văn hóa đối ngoại.

Bồi dưỡng, rèn luyện bản lĩnh chính trị, năng lực, đạo đức, phẩm chất của đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại, kể cả kinh tế đối ngoại.

Phối hợp chặt chẽ hoạt động ngoại giao của Nhà nước, hoạt động đối ngoại của Đảng và hoạt động đối ngoại nhân dân. Hoàn thiện cơ chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại, tạo thành sức mạnh tổng hợp thực hiện có kết quả nhiệm vụ công tác đối ngoại, làm cho thế giới hiểu rõ hơn đất nước, con người, công cuộc đổi mới của Việt Nam, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và hợp tác ngày càng rộng rãi của thế giới.



## VIII. PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN

Kế thừa truyền thống quý báu của dân tộc, Đảng ta luôn luôn giương cao ngọn cờ đại đoàn kết toàn dân. Đó là đường lối chiến lược, là nguồn sức mạnh và động lực to lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

Thực hiện đại đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp, thành phần kinh tế, mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi vùng của đất nước, người trong Đảng và người ngoài Đảng, người đang công tác và người đã nghỉ hưu, mọi thành viên trong đại gia đình dân tộc Việt Nam dù sống trong nước hay ở nước ngoài. Phát huy sức mạnh của cả cộng đồng dân tộc, truyền thống yêu nước, ý chí tự lực tự cường và lòng tự hào dân tộc, lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng; tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc, xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, giai cấp, thành phần, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, hướng tới tương lai. Khối đại đoàn kết toàn dân trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam luôn luôn được củng cố và phát triển sâu rộng trên cơ sở liên minh vững chắc giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân gắn với việc phát huy dân chủ trong đời sống xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện dân chủ trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội ở tất cả các cấp, các ngành.

Chính sách và pháp luật của Nhà nước là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện đại đoàn kết toàn dân và sinh hoạt dân chủ trong xã hội. Xây dựng đồng bộ các chính sách kinh tế - xã hội đúng đắn, phát huy mọi khả năng sáng tạo của nhân dân. Đổi mới và hoàn thiện các chính sách cụ thể đối với các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo, đặc biệt là các chính sách phát triển kinh tế xã hội, phân phối, tiêu dùng, bảo đảm quyền lợi và trách nhiệm của công dân...

Đối với *giai cấp công nhân*, coi trọng phát triển về số lượng và chất lượng, nâng cao giác ngộ và bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn và nghề nghiệp, thực hiện "trí thức hóa công nhân", nâng cao năng lực ứng dụng và sáng tạo công nghệ mới, lao động đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả ngày càng cao, xứng đáng là một lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và vai trò lãnh đạo cách mạng trong thời kỳ mới. Bảo vệ quyền lợi, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của giai

cấp công nhân trong điều kiện thực hiện cơ chế thị trường. Tăng cường đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý và kết nạp đảng viên từ những công nhân ưu tú; tăng thành phần công nhân trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành.

Đối với *giai cấp nông dân*, ra sức bồi dưỡng sức dân ở nông thôn và phát huy vai trò giai cấp nông dân trong sự nghiệp đổi mới, tập trung sự chỉ đạo và các nguồn lực cần thiết cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, phát triển nông thôn; thực hiện tốt các chính sách về ruộng đất, phát triển nông nghiệp toàn diện, tiêu thụ nông sản hàng hóa, bảo hiểm sản xuất và bảo hiểm xã hội; phát huy lợi thế từng vùng, giúp đỡ vùng khó khăn; phân bố dân cư theo quy hoạch, phát triển ngành nghề, giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo, cải thiện đời sống, nâng cao dân trí, xây dựng nông thôn mới.

Đối với *trí thức*, tạo điều kiện thuận lợi để thu nhận thông tin, tiếp cận các thành tựu mới của khoa học, công nghệ và văn hóa thế giới, nâng cao trình độ chính trị, kiến thức chuyên môn. Khuyến khích tự do sáng tạo, phát minh, cống hiến. Phát hiện, bồi dưỡng, sử dụng đúng và đãi ngộ xứng đáng các tài năng. Phát huy năng lực của trí thức trong việc thực hiện các chương trình, đề tài nghiên cứu của Nhà nước và xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật.

Đối với *thế hệ trẻ*, chăm lo giáo dục, bồi dưỡng, đào tạo phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, văn hóa, sức khỏe, nghề nghiệp; giải quyết việc làm, phát triển tài năng và sức sáng tạo, phát huy vai trò xung kích trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đối với *phụ nữ*, thực hiện tốt luật pháp và chính sách bình đẳng giới, bồi dưỡng, đào tạo nghề nghiệp, nâng cao học vấn; có cơ chế, chính sách để phụ nữ tham gia ngày càng nhiều vào các cơ quan lãnh đạo và quản lý ở các cấp, các ngành; chăm sóc, bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em; tạo điều kiện để phụ nữ thực hiện tốt thiên chức người mẹ; xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc.

Đối với *cựu chiến binh*, phát huy bản chất, truyền thống "Bộ đội Cụ Hồ", tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền, chế độ xã hội chủ nghĩa; giúp nhau cải thiện đời sống; góp phần giáo dục truyền thống và chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho thế hệ trẻ.

Đối với *các lão thành cách mạng, những người có công với nước, các cán bộ nghỉ hưu, những người cao tuổi*, thực hiện chính sách đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc sức khỏe, nâng cao đời sống tinh thần và vật chất trong điều kiện

mới; đáp ứng nhu cầu được thông tin, phát huy khả năng tham gia đời sống chính trị của đất nước và các hoạt động xã hội; nêu gương tốt, giáo dục lý tưởng và truyền thống cách mạng cho thanh niên, thiếu niên.

Đối với các nhà doanh nghiệp, nêu cao vai trò và trách nhiệm đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế - xã hội; khuyến khích và tạo môi trường thuận lợi để kinh doanh và cạnh tranh theo pháp luật; có những hình thức biểu dương công sức của những người quản lý sản xuất, kinh doanh giỏi.

*Vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc luôn luôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng.* Thực hiện tốt chính sách các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển; xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội, phát triển sản xuất hàng hóa, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, xoá đói, giảm nghèo, mở mang dân trí, giữ gìn, làm giàu và phát huy bản sắc văn hóa và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; thực hiện công bằng xã hội giữa các dân tộc, giữa miền núi và miền xuôi, đặc biệt quan tâm vùng gặp nhiều khó khăn, vùng trước đây là căn cứ cách mạng và kháng chiến. Tích cực thực hiện chính sách ưu tiên trong việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dân tộc thiểu số. Động viên, phát huy vai trò của những người tiêu biểu, có uy tín trong dân tộc và ở địa phương. Chống kỳ thị, chia rẽ dân tộc; chống tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, dân tộc cực đoan; khắc phục tư tưởng tự ti, mặc cảm dân tộc.

*Tín ngưỡng, tôn giáo* là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Chăm lo phát triển kinh tế, văn hóa, nâng cao đời sống của đồng bào. Đồng bào theo đạo và các vị chức sắc tôn giáo có nghĩa vụ làm tròn trách nhiệm công dân đối với Tổ quốc, sống "tốt đời, đẹp đạo", phát huy những giá trị tốt đẹp về văn hóa, đạo đức của tôn giáo. Từng bước hoàn thiện luật pháp về tín ngưỡng, tôn giáo.

Nghiêm cấm lợi dụng các vấn đề dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia.

*Đồng bào định cư ở nước ngoài* là bộ phận không tách rời và là một nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Đảng và Nhà nước chăm lo cung cấp thông tin về tình hình đất nước, bảo hộ quyền lợi chính đáng của

đồng bào, nâng cao lòng yêu nước và trách nhiệm công dân, ý thức cộng đồng, tinh thần tự trọng và tự hào dân tộc, giữ gìn bản sắc văn hóa và truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, tôn trọng pháp luật nước sở tại và góp phần tăng cường đoàn kết hữu nghị với nhân dân các nước. Có những chính sách tạo điều kiện thuận lợi để kiều bào về thăm quê hương, mở mang các hoạt động văn hóa, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, sản xuất, kinh doanh, góp phần thiết thực xây dựng đất nước.

*Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân* có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; phát huy dân chủ, nâng cao trách nhiệm công dân của hội viên, đoàn viên, giữ gìn kỷ cương phép nước, thúc đẩy công cuộc đổi mới, thắt chặt mối liên hệ giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước. Nhân dân vừa thực hiện quyền dân chủ trực tiếp vừa thực hiện quyền dân chủ thông qua đại diện là các cơ quan nhà nước, các đại biểu nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Đảng và Nhà nước xây dựng và hoàn chỉnh các quy chế để Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân phát huy quyền làm chủ của nhân dân tham gia phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra", qua đó tăng cường đoàn kết toàn dân, củng cố sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong xã hội.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, nơi thể hiện ý chí, nguyện vọng, tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân, góp sức xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh; phát huy khả năng tham gia bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp; xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật, tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; tham gia xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện giám sát của nhân dân đối với công tác và đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, công chức, đại biểu dân cử và các cơ quan nhà nước; giải quyết những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân. Mở rộng và đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân tham gia các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội, các hội nghề nghiệp, văn hóa, hữu nghị, từ thiện - nhân đạo... Sớm ban hành Luật về hội.

Tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân, khắc phục tình trạng hành chính hóa, phô trương, hình thức, quan liêu, xa dân. Thực hiện tốt Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Tổ chức các phong trào nhân dân thi đua yêu nước, đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư, xây dựng đời sống văn hóa, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, gắn liền với các chương trình, kế hoạch phát triển kinh

tế xã hội của cả nước, từng địa phương và địa bàn dân cư. Hướng mạnh các hoạt động về cơ sở, cộng đồng dân cư và từng gia đình.

## **IX. ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ NƯỚC, PHÁT HUY DÂN CHỦ, TĂNG CƯỜNG PHÁP CHẾ**

### **1. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng.**

Nhà nước ta là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, là Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật. Mọi cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, mọi công dân có nghĩa vụ chấp hành Hiến pháp và pháp luật.

Cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước gắn liền với xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn; nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức đảng và đảng viên trong các cơ quan nhà nước.

### **2. Cải cách thể chế và phương thức hoạt động của Nhà nước.**

Kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội, trọng tâm là tăng cường công tác lập pháp, xây dựng chương trình dài hạn về lập pháp, hoàn thiện hệ thống pháp luật, đổi mới quy trình ban hành và hướng dẫn thi hành luật. Quốc hội làm tốt chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, quyết định và phân bổ ngân sách nhà nước, thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước, trước mắt tập trung vào những vấn đề bức xúc như sử dụng vốn và tài sản Nhà nước, chống tham nhũng, quan liêu.

Khẩn trương nghiên cứu, đề nghị Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992 phù hợp với tình hình mới.

Xây dựng một nền hành chính nhà nước dân chủ, trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại hóa. Điều chỉnh chức năng và cải tiến phương thức hoạt động của Chính phủ theo hướng thống nhất quản lý vĩ mô việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong cả nước bằng hệ thống pháp luật, chính sách hoàn

chính, đồng bộ. Định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ theo hướng bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực trên phạm vi toàn quốc, cung cấp dịch vụ công.

Phân công, phân cấp, nâng cao tính chủ động của chính quyền địa phương, kết hợp chặt chẽ quản lý ngành và quản lý lãnh thổ, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ; tổ chức hợp lý Hội đồng nhân dân; kiện toàn các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân và bộ máy chính quyền cấp xã, phường, thị trấn.

Cải cách tổ chức, nâng cao chất lượng và hoạt động của các cơ quan tư pháp, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cơ quan và cán bộ tư pháp trong công tác điều tra, bắt, giam, giữ, truy tố, xét xử, thi hành án, không để xảy ra những trường hợp oan, sai. Viện kiểm sát nhân dân thực hiện tốt chức năng công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp. Sắp xếp lại hệ thống tòa án nhân dân, phân định hợp lý thẩm quyền của tòa án các cấp. Tăng cường đội ngũ thẩm phán và hội thẩm nhân dân cả về số lượng và chất lượng. Tổ chức lại cơ quan điều tra và cơ quan thi hành án theo nguyên tắc gọn đầu mối. Thành lập cảnh sát tư pháp.

Thực hiện tinh giản biên chế trong các cơ quan nhà nước.

### **3. Phát huy dân chủ, giữ vững kỷ luật, kỷ cương, tăng cường pháp chế.**

Nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, hoàn thiện những quy định về bầu cử, ứng cử, về tiêu chuẩn và cơ cấu các đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân trên cơ sở thật sự phát huy dân chủ. Tăng thêm tỷ lệ đại biểu Quốc hội chuyên trách. Thực hiện tốt quy chế dân chủ, mở rộng dân chủ trực tiếp ở cơ sở, tạo điều kiện để nhân dân tham gia quản lý xã hội, thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng. Khắc phục mọi biểu hiện dân chủ hình thức. Xây dựng Luật trưng cầu ý dân.

Chăm lo cho con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người; tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia.

Đổi mới cơ chế, xác định trách nhiệm của các cấp, các cơ quan, cán bộ, công chức trong việc giải quyết kịp thời khiếu nại, tố cáo của công dân.

Phát huy dân chủ đi đôi với giữ vững kỷ luật, kỷ cương, tăng cường pháp chế, quản lý xã hội bằng pháp luật, tuyên truyền, giáo dục toàn dân, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật.

#### **4. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, có năng lực.**

Hoàn thiện chế độ công vụ, quy chế cán bộ, công chức, coi trọng cả năng lực và đạo đức; bảo đảm tính nghiêm túc, trung thực trong thi tuyển cán bộ, công chức. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, trước hết là cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, về đường lối, chính sách, về kiến thức và kỹ năng quản lý hành chính nhà nước. Sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức theo đúng chức danh, tiêu chuẩn. Định kỳ kiểm tra, đánh giá chất lượng cán bộ, công chức, kịp thời thay thế những cán bộ, công chức yếu kém và thoái hóa. Tăng cường cán bộ cho cơ sở. Có chế độ, chính sách đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ đối với cán bộ xã, phường, thị trấn.

#### **5. Đấu tranh chống tham nhũng.**

Tăng cường tổ chức và cơ chế, tiếp tục đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng trong bộ máy nhà nước và toàn bộ hệ thống chính trị, ở các cấp, các ngành, từ Trung ương đến cơ sở. Gắn chống tham nhũng với chống lãng phí, quan liêu, buôn lậu, đặc biệt chống các hành vi lợi dụng chức quyền để làm giàu bất chính.

Bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, quy chế, quy định của Đảng và Nhà nước về quản lý kinh tế - tài chính, quản lý tài sản công, không để sơ hở cho kẻ xấu lợi dụng.

Tiếp tục xóa bỏ các thủ tục hành chính phiền hà, nhất là ở những lĩnh vực, những khâu dễ xảy ra tham nhũng, sách nhiễu. Thanh tra, kiểm tra, kiểm kê, kiểm soát bảo đảm tính minh bạch trong việc sử dụng ngân sách nhà nước, tài sản công, tài chính Đảng, đoàn thể, tài chính các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ do nhân dân đóng góp và do nước ngoài tài trợ.

Các đảng viên và chi bộ đảng, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các cơ quan thông tin đại chúng và toàn xã hội có trách nhiệm giám sát, kiểm tra cán bộ, công chức, phát hiện, tố cáo, lên án những kẻ tham nhũng. Xử lý nghiêm minh theo pháp luật và theo Điều lệ Đảng những cán bộ, đảng viên, công chức ở bất cứ cấp nào, lĩnh vực nào lợi dụng chức quyền để tham nhũng. Có những biện pháp cụ thể bảo vệ và khen thưởng những người kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng.

Cải cách cơ bản chế độ tiền lương, nâng cao đời sống người hưởng lương, chống đặc quyền đặc lợi.

Thường xuyên giáo dục cán bộ, đảng viên, công chức về chính trị, tư tưởng, đạo đức cách mạng.

Cụ thể hóa và thực hiện nghiêm những điều cấm đối với cán bộ, công chức, trước hết là cán bộ chủ chốt, cán bộ quản lý. Cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước kê khai tài sản của cá nhân và gia đình mình (nhà đất, cơ sở sản xuất, kinh doanh, cổ phiếu...). Kịp thời kiểm tra và kết luận, có biện pháp xử lý những cán bộ, công chức có tài sản bất minh.

Xem xét trách nhiệm hình sự hoặc có hình thức kỷ luật thích đáng đối với những người đứng đầu cơ quan, đơn vị ở nơi xảy ra những vụ tham nhũng lớn, gây hậu quả nghiêm trọng.

## X. XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG, NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG

Những thành tựu và yếu kém trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc gắn liền với trách nhiệm lãnh đạo của Đảng và những ưu điểm, khuyết điểm trong công tác xây dựng Đảng.

Từ Đại hội VIII đến nay, Đảng đã có nhiều cố gắng tiến hành nhiệm vụ then chốt là xây dựng, chỉnh đốn Đảng và nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế. Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII đã ra nghị quyết về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng, mở cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng; tiến hành tự phê bình và phê bình trong các cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ chủ chốt từ Trung ương đến cơ sở. Qua gần hai năm thực hiện, cuộc vận động thu một số kết quả và kinh nghiệm bước đầu song chưa đạt yêu cầu đề ra.

Trong công tác xây dựng Đảng, bên cạnh những ưu điểm, đang nổi lên một số mặt yếu kém và khuyết điểm, nhất là khuyết điểm về công tác giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên, chưa ngăn chặn và đẩy lùi được sự suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống. Một số tổ chức đảng ở các cấp chưa được chỉnh đốn; dân chủ bị vi phạm, kỷ luật, kỷ cương lỏng lẻo, nội bộ không đoàn kết; chất lượng sinh hoạt đảng giảm sút. Công tác tư tưởng, công tác lý luận còn yếu kém, bất cập; công tác tổ chức, cán bộ còn một số biểu hiện trì trệ. Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng còn lúng túng, chưa đi sâu làm rõ đặc điểm và yêu cầu về sự lãnh đạo của Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền, chưa phát huy đầy đủ hiệu lực quản lý của các cơ quan nhà nước, tính tích cực của các đoàn thể và quyền làm chủ



của nhân dân. Tổ chức chỉ đạo thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước còn yếu.

Những khuyết điểm nêu trên là do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, trực tiếp và chủ yếu là do nhiều cấp ủy và tổ chức đảng, kể cả Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị, tuy đã có nhiều cố gắng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nhưng chỉ đạo chưa tập trung và kiên quyết; chủ trương, biện pháp thiếu đồng bộ; chưa chỉ đạo tốt việc kết hợp tự phê bình và phê bình với kiện toàn tổ chức, đổi mới cơ chế, chính sách, chỉnh đốn các khâu quản lý kinh tế, tài chính và tăng cường công tác giáo dục, quản lý cán bộ, đảng viên...

Trong những năm tới, toàn Đảng tiếp tục thực hiện các nghị quyết về xây dựng Đảng, nhất là Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, *tập trung làm tốt những công tác quan trọng sau đây:*

#### **1. Giáo dục tư tưởng chính trị, rèn luyện đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân.**

Toàn Đảng nghiêm túc học tập chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Mỗi cấp ủy, mỗi chi bộ có kế hoạch định kỳ kiểm điểm việc thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh về nâng cao đạo đức cách mạng chống chủ nghĩa cá nhân, chống tư tưởng cơ hội, thực dụng. Trên cơ sở tổng kết hai năm thực hiện cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng, tiếp tục đưa việc tự phê bình và phê bình trong các cấp ủy và tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở thành nền nếp thường xuyên và theo định kỳ, không làm qua loa, chiếu lệ, hình thức, vận động nhân dân góp ý phê bình cán bộ, đảng viên.

Đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu, làm trong sạch đội ngũ đảng viên. Các cấp ủy tổ chức, hướng dẫn và kiểm tra đảng viên học tập, không ngừng nâng cao trình độ chính trị, học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức lãnh đạo, quản lý và vận động nhân dân, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu. Cán bộ, đảng viên ở bất cứ cương vị nào đều phải chấp hành nghiêm chỉnh Cương lĩnh, Điều lệ, nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Thi hành kỷ luật nghiêm khắc mọi vi phạm về nguyên tắc, nhất là đối với những vấn đề về quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng. Trong các hoạt động kinh tế, đảng viên phải chấp hành đúng pháp luật của Nhà nước và các quy định của Đảng.

Kiện toàn tổ chức và cán bộ ở những cơ quan, đơn vị để xảy ra như biểu hiện không chấp hành nghị quyết của Đảng và pháp luật của N

nước, làm việc trì trệ, độc đoán, chuyên quyền, kéo bè, kéo cánh, mất đoàn kết nội bộ. Củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan kiểm tra Đảng, thanh tra nhà nước và thanh tra nhân dân. Tiếp tục coi trọng và làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, thảo luận dân chủ, sớm làm rõ và kết luận những vấn đề mới, bức xúc nảy sinh từ thực tiễn; từng bước cụ thể hóa, bổ sung, phát triển đường lối, chính sách của Đảng; đấu tranh với những khuynh hướng tư tưởng sai trái.

## **2. Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ.**

Xây dựng đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo và quản lý ở các cấp, vững vàng về chính trị, gương mẫu về đạo đức, trong sạch về lối sống, có trí tuệ, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn, gắn bó với nhân dân. Có cơ chế và chính sách phát hiện, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; trọng dụng những người có đức, có tài. Thực hiện đúng đắn nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ, làm tốt công tác quy hoạch và tạo nguồn cán bộ, chú ý cán bộ nữ và cán bộ các dân tộc thiểu số, chuyên gia trên các lĩnh vực.

Đánh giá và sử dụng đúng cán bộ trên cơ sở tiêu chuẩn, lấy hiệu quả công tác thực tế và sự tín nhiệm của nhân dân làm thước đo chủ yếu có phương pháp khoa học, khách quan, công tâm, theo quy trình chặt chẽ, phát huy dân chủ, dựa vào tập thể và nhân dân để tuyển chọn cán bộ. Đổi mới, trẻ hóa đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý, kết hợp các độ tuổi, bảo đảm tính liên tục, kế thừa và phát triển.

Thực hiện chủ trương luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý theo quy hoạch ở các ngành và địa phương; cán bộ chủ chốt từ cấp huyện trở lên giữ một chức vụ lãnh đạo ở một đơn vị không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp; khắc phục tư tưởng cục bộ, khép kín trong đơn vị, ngành và địa phương.

Xây dựng, chỉnh đốn hệ thống các học viện, trường và trung tâm chính trị, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, trước hết đối với cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp; chống các biểu hiện tiêu cực trong giảng dạy và học tập. Từ nay đến năm 2005, phần lớn cán bộ lãnh

đạo chủ chốt từ cấp huyện trở lên học xong chương trình cao cấp về lý luận chính trị và có trình độ đại học về một chuyên ngành nhất định.

### **3. Xây dựng, củng cố các tổ chức cơ sở đảng.**

Tất cả các đảng bộ, chi bộ ở cơ sở đều nắm vững và thực hiện đúng chức năng là hạt nhân lãnh đạo chính trị đối với chính quyền, đoàn thể, các tổ chức kinh tế, sự nghiệp, các mặt công tác và các tầng lớp nhân dân ở cơ sở, nâng cao tính chiến đấu, khắc phục tình trạng thụ động, ỷ lại, buông lỏng vai trò lãnh đạo. Cấp ủy cấp trên tập trung chỉ đạo củng cố các đảng bộ, chi bộ yếu kém, kịp thời kiện toàn cấp ủy và tăng cường cán bộ ở những nơi có nhiều khó khăn, nội bộ mất đoàn kết. Nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, chi bộ. Phân công, hướng dẫn, kiểm tra đảng viên chấp hành nhiệm vụ, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu trong công tác, học tập và lối sống; giữ mối liên hệ với quần chúng nơi công tác, với chi bộ và nhân dân nơi cư trú. Phát triển đảng viên theo đúng tiêu chuẩn quy định, chú ý những người ưu tú trong công nhân, trí thức, lao động thuộc các thành phần kinh tế, đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, những nơi còn ít hoặc chưa có đảng viên. Đổi mới việc phân tích, đánh giá chất lượng các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên.

### **4. Kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.**

Phát huy dân chủ trong sinh hoạt Đảng, từ sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt cấp ủy ở cơ sở đến Ban Chấp hành Trung ương, trong công tác cán bộ và trong xây dựng, hoàn thiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng. Đảng viên có quyền được bảo lưu ý kiến nhưng phải nói và làm theo nghị quyết của Đảng. Chống dân chủ hình thức, dân chủ cực đoan hoặc lợi dụng dân chủ để mưu cầu lợi ích riêng, cục bộ, bản vị.

Từng đảng bộ giữ vững sự đoàn kết, thống nhất trong tập thể lãnh đạo. Đối với những cấp ủy, tổ chức đảng vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, cán bộ lãnh đạo độc đoán, chuyên quyền, kéo bè, kéo cánh, gây mất đoàn kết nội bộ, cấp ủy cấp trên phải chỉ đạo kiểm điểm làm rõ đúng sai, xử lý nghiêm những người có khuyết điểm, kiện toàn tổ chức cán bộ; nơi không có khả năng khắc phục khuyết điểm thì giải tán về tổ chức, lập tổ chức mới theo quy định của Điều lệ Đảng.

Tăng cường vai trò lãnh đạo và tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Đảng lãnh đạo Nhà nước thông qua việc đề ra đường lối, chủ trương, các chính sách lớn, định hướng cho sự phát triển và kiểm tra việc tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước. Ban Chấp hành Trung ương, tập thể cấp ủy, Ban cán sự Đảng, Đảng đoàn thảo luận dân chủ, biểu quyết và ra nghị quyết theo đa số những vấn đề quan trọng về đường lối, chủ trương, chính sách, về tổ chức, cán bộ. Tăng cường chế độ lãnh đạo tập thể đi đôi với phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo và trách nhiệm cá nhân.

Kiện toàn hệ thống tổ chức đảng gắn với cải cách, đổi mới tổ chức, bộ máy của các cơ quan nhà nước và các đoàn thể chính trị xã hội. Sắp xếp tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động của các ban, Ban cán sự Đảng, Đảng đoàn, đảng ủy khối theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII). Phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức đảng, đảng viên, cấp ủy viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước trong việc nghiên cứu, đề xuất các chủ trương, chính sách của Đảng. Tiếp tục thực hiện chủ trương cấp ủy đảng giới thiệu bí thư hoặc phó bí thư cấp ủy để được bầu vào Hội đồng nhân dân và làm chủ tịch Hội đồng nhân dân cùng cấp.

Các cấp ủy viên, nhất là cán bộ chủ chốt, có chương trình công tác ở cơ sở, tiếp xúc, lắng nghe ý kiến và trả lời chất vấn của đảng viên và nhân dân; cấp ủy định kỳ làm việc với ban chấp hành các đoàn thể, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ, vai trò chủ động, sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Chăm lo xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh vững mạnh, phát huy vai trò của Đoàn là đội quân xung kích và là lực lượng dự bị, kế tục sự nghiệp cách mạng lâu dài của Đảng.

Lãnh đạo việc đổi mới và tăng cường công tác thanh tra của Chính phủ và các cơ quan hành pháp; phát huy vai trò giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân theo đúng chức năng và thẩm quyền của các cơ quan đó. Tăng cường công tác kiểm tra của các cấp ủy, của Ủy ban kiểm tra các cấp, tập trung vào các nội dung chủ yếu: thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ và quy chế làm việc; củng cố đoàn kết nội bộ, giáo dục, rèn luyện, nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên.

\*  
\* \*

Đại hội IX Đảng Cộng sản Việt Nam là Đại hội của *Trí tuệ, Dân chủ, Đoàn kết, Đổi mới*, thể hiện ý chí kiên cường và niềm hy vọng lớn lao của cả dân tộc ta trong thời điểm lịch sử trọng đại bước vào thế kỷ mới và thiên niên kỷ mới.

Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta quyết tâm phát huy truyền thống vẻ vang của Đảng, của dân tộc và chủ nghĩa anh hùng cách mạng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước đi tới tương lai.

Bản sao lưu trữ

## Phụ lục 7

**BÁO CÁO**  
**KIỂM ĐIỂM NỬA NHIỆM KỲ THỰC HIỆN**  
**NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG TOÀN QUỐC LẦN THỨ IX**  
(Báo cáo của Bộ Chính trị tại Hội nghị lần thứ chín  
Ban Chấp hành Trung ương khóa IX)

*Phần thứ nhất*  
**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH**  
**THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG**

### I. BỐI CẢNH TÌNH HÌNH SAU ĐẠI HỘI IX

Từ sau Đại hội Đảng lần thứ IX đến nay, tình hình thế giới và khu vực tiếp tục phát triển theo những chiều hướng cơ bản mà Đại hội và Hội nghị Trung ương 8 đã nhận định, nổi lên một số vấn đề sau:

Tình hình thế giới biến động rất phức tạp sau sự kiện ngày 11 tháng 9 năm 2001 ở Mỹ; các hoạt động "khủng bố" và "chống khủng bố" trở thành vấn đề thời sự nóng bỏng toàn cầu; chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo tiếp tục xảy ra ở nhiều nơi. Thế lực hiếu chiến, cực đoan tăng cường chính sách áp đặt, can thiệp và xâm lược vũ trang. Các nước lớn vừa đấu tranh vừa thỏa hiệp, nhân nhượng nhau. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước chống chiến tranh, chống bất bình đẳng về kinh tế, chống áp đặt và can thiệp, vì hòa bình và độc lập dân tộc có bước phát triển mới nhưng vẫn thiếu sự liên kết, chưa đủ sức ngăn chặn thế lực hiếu chiến. Tuy nhiên, hòa bình và hợp tác phát triển vẫn là xu thế lớn của thế giới, là đòi hỏi bức xúc của các quốc gia, dân tộc. Chịu tác động của môi trường chính trị nói trên, kinh tế thế giới tiếp tục tình trạng trì trệ, phục hồi chậm. Cách mạng khoa học - công nghệ và quá trình toàn cầu hóa tiếp tục phát triển mạnh mẽ; cạnh tranh ngày càng quyết liệt. Các nước phát triển gia

tăng xu hướng bảo hộ mậu dịch, các nước đang phát triển đẩy mạnh đấu tranh để xây dựng trật tự công bằng hơn trong thương mại quốc tế. Quan hệ tự do thương mại song phương giữa các nước tăng nhanh.

Châu Á và khu vực Đông Nam Á vẫn tiếp tục phát triển năng động về kinh tế, nhưng tiềm ẩn thêm những nhân tố có thể gây mất ổn định. Trong bối cảnh sự tranh giành ảnh hưởng về kinh tế, chính trị giữa các nước lớn ở khu vực có xu hướng tăng lên, các nước ASEAN đang nỗ lực khắc phục những hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế năm 1997 và bệnh dịch SARS, từng bước phục hồi đà phát triển kinh tế, vừa củng cố sự liên kết, hợp tác trong nội bộ khối, vừa mở rộng quan hệ với các đối tác bên ngoài. Đáng lưu ý là tình hình chính trị ở Campuchia có xu hướng diễn biến xấu, đặc biệt các thế lực phản động ra sức kích động hằn thù dân tộc chống Việt Nam và trắng trợn đẩy mạnh hoạt động phá hoại khối đoàn kết dân tộc của nhân dân ta; ở Lào, gần đây bọn phản động tăng cường hoạt động phá hoại vũ trang ở một số nơi sát biên giới Lào - Việt. Những diễn biến trên đây của tình hình thế giới và khu vực đã và đang tác động trực tiếp, mạnh mẽ đến nước ta, tạo cả cơ hội lớn đan xen thách thức lớn.

Ở trong nước, Đại hội IX của Đảng thành công tốt đẹp đã tác động tích cực đến tình hình chính trị - kinh tế - xã hội đất nước; thế và lực của nước ta được tăng cường đã củng cố thêm niềm tin của nhân dân vào công cuộc đổi mới, làm tăng thêm sự nhất trí trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội. Đó là những thuận lợi cơ bản để thực hiện Nghị quyết Đại hội IX. Tuy nhiên, năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế vẫn còn thấp, nhiều vấn đề xã hội bức xúc, nạn tham nhũng, lãng phí và tình trạng suy thoái đạo đức, lối sống còn nghiêm trọng; các thế lực thù địch tiếp tục đẩy mạnh hoạt động "diễn biến hòa bình" gây sức ép với ta dưới các chiêu bài "dân chủ", "nhân quyền", dân tộc, tôn giáo, tiếp tay cho các thế lực phản động và bọn cơ hội chính trị trong nước hoạt động chống phá ta ngày càng quyết liệt, thâm độc hơn; những nhân tố trên đã cản trở không nhỏ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ta. Những nguy cơ tiềm ẩn đe dọa sự ổn định chính trị của đất nước có mặt tăng lên, không thể xem thường.

## II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG

Từ sau Đại hội IX, Đảng ta đã tích cực cụ thể hóa và triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội, từng bước đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo.

**1. Việc cụ thể hóa và thể chế hóa Nghị quyết Đại hội trong nhiệm kỳ này được thực hiện sớm và nhanh hơn.**

Trong nửa đầu nhiệm kỳ, hầu hết các vấn đề quan trọng của Nghị quyết Đại hội IX trên các lĩnh vực đã được Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị cụ thể hóa. Qua đó, nhiều vấn đề liên quan đến những quan điểm, chủ trương lớn lâu nay còn ý kiến khác nhau đã được làm rõ để đi đến thống nhất như: đẩy mạnh sắp xếp và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho phát triển kinh tế tư nhân; xác định cán bộ ở xã, phường là công chức cơ sở; xác định lại chức năng của Viện Kiểm sát nhân dân; phân công quản lý tòa án địa phương; quan điểm xử lý những trường hợp tôn đong nhà, đất; quan điểm, chính sách đối với tôn giáo; quan điểm xác định đối tượng, đối tác trong lĩnh vực bảo vệ Tổ quốc... đã tạo cơ sở quan trọng để thúc đẩy việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng.

**2. Các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và của nhiều cấp ủy được chú ý cải tiến theo hướng ngắn gọn, thiết thực; nêu rõ việc cần làm, phân công rõ trách nhiệm và trong những trường hợp cụ thể được nêu rõ yêu cầu thời gian thực hiện. Việc tổ chức nghiên cứu, quán triệt văn kiện Đại hội, các nghị quyết của Trung ương và của cấp ủy địa phương cũng bước đầu được đổi mới theo hướng đó, chú ý gắn liền với việc xây dựng chương trình hành động của cấp ủy để thực hiện nghị quyết.**

**3. Nhìn chung các tổ chức đảng, Nhà nước, mặt trận và đoàn thể nhân dân đã thể hiện quyết tâm và sự chủ động, năng động trong việc tổ chức chỉ đạo thực hiện nghị quyết của Đảng.**

Để đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống, Quốc hội đã kịp thời sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992, ban hành được nhiều luật, pháp lệnh và tăng cường hoạt động giám sát tối cao theo pháp luật. Chính phủ đã kịp thời xây dựng chương trình hành động, đẩy nhanh việc thể chế hóa nghị quyết của Đảng thành những cơ chế, chính sách mới và ban hành các văn bản pháp quy hướng dẫn thi hành luật, pháp lệnh; tập trung chỉ đạo tạo sự chuyển biến trong tổ chức thực hiện. Các bộ, ngành nhìn chung tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, kiểm tra; nhiều nhiệm vụ công tác lớn đề ra đã được thực hiện nghiêm túc. Đặc biệt, nhiều cấp ủy địa phương đã thể hiện ý chí và quyết tâm cao, có nhiều cách làm sáng tạo trong tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng, tập trung cho phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết các



vấn đề xã hội bức xúc, tăng cường chỉ đạo công tác xây dựng Đảng và thiết lập lại trật tự, kỷ luật, kỷ cương trên một số lĩnh vực, một số địa bàn trọng yếu.

**4. Các cấp ủy đảng từ Trung ương đến địa phương ngày càng coi trọng hơn công tác tổng kết thực tiễn và kiểm tra việc thực hiện nghị quyết.**

Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã dành thời gian thích đáng để đánh giá việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị đã ban hành; triển khai tổng kết 20 năm đổi mới và phát triển để phục vụ cho việc chuẩn bị xây dựng các văn kiện Đại hội X của Đảng; đã bàn, quyết định và sớm chỉ đạo thực hiện chương trình kiểm tra về một số lĩnh vực quan trọng (thực hiện quy định của Đảng, giải quyết khiếu nại, tố cáo, quản lý đất đai, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản...). Các cấp ủy đảng từ Trung ương đến địa phương quan tâm hơn việc chỉ đạo kiểm tra, sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện các nghị quyết, chỉ thị..., gắn việc kiểm tra với xử lý sau kiểm tra, từ đó có thêm căn cứ để bổ sung những chủ trương, giải pháp mới, hạn chế ra nghị quyết mới đối với những vấn đề đã có nghị quyết đề cập.

Tuy đã có nhiều cố gắng nhưng trong triển khai và tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng vẫn còn một số hạn chế:

Chủ trương hình thành đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chậm được cụ thể hóa; một số vấn đề như đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân, vấn đề bóc lột... chưa đi đến kết luận thống nhất, chưa đạt được sự đồng thuận.

Vẫn còn một số cấp ủy và tổ chức đảng ra nghị quyết theo lối cũ, thiếu tính cụ thể, thiết thực; xây dựng chương trình hành động thực hiện nghị quyết còn nặng về nêu lại nội dung nghị quyết, ít nội dung sáng tạo, sát hợp với tình hình địa phương, đơn vị.

Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị đã có nhiều cố gắng cụ thể hóa nghị quyết Đại hội Đảng (nửa đầu nhiệm kỳ Trung ương đã ban hành 21 nghị quyết; Bộ Chính trị ban hành 12 nghị quyết), nhưng việc chỉ đạo triển khai quán triệt và tổ chức thực hiện nghị quyết chưa được tăng cường tương xứng, nên có những nghị quyết nội dung tốt, nhưng chậm được thực hiện trong cuộc sống.

### III. VỀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRUNG TÂM LÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Gần ba năm qua Đảng và Nhà nước đã tập trung lãnh đạo nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế đạt được *những kết quả quan trọng*:

**1. Nền kinh tế đã vượt qua giai đoạn suy giảm tốc độ tăng trưởng, đạt mức tăng trưởng khá cao; chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của một số lĩnh vực và sản phẩm có chuyển biến.**

Ba năm liên tục độ tăng trưởng kinh tế năm sau cao hơn năm trước (năm 2001 tăng 6,9%, năm 2002 tăng 7,04%, năm 2003 tăng 7,24%); bình quân ba năm tăng 7,1%/năm. Kinh tế các thành phần, các ngành, các vùng, các tỉnh, thành phố đều có bước phát triển khá so với trước.

Chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của một số lĩnh vực và sản phẩm có chuyển biến. Danh mục các sản phẩm có khả năng cạnh tranh khá trên thị trường ngày càng được mở rộng, một số sản phẩm thương hiệu Việt Nam đạt tiêu chuẩn quốc tế.

**2. Cơ cấu của nền kinh tế tiếp tục có bước chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa và từng bước hiện đại hóa, phát huy các lợi thế so sánh.**

Trong cơ cấu kinh tế chung, xét cả về giá trị sản phẩm (GDP) và về lao động, tỷ trọng công nghiệp tiếp tục tăng lên, tỷ trọng nông nghiệp giảm dần<sup>1</sup>. Cơ cấu các ngành sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ có chuyển dịch theo hướng phát huy lợi thế so sánh, gắn với đáp ứng nhu cầu thị trường. Các ngành kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tiếp cận công nghệ tiên tiến, hiện đại; tốc độ chuyển giao công nghệ tăng; trình độ công nghệ của một số ngành có bước tiến rõ rệt.

Các địa phương có sự chuyển động đều hơn trong phát triển kinh tế; ngày càng có nhiều tỉnh thoát ra khỏi tình trạng lúng túng, trì trệ, có bước chuyển biến đáng kể. Các vùng kinh tế đều đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển mạnh hơn công nghiệp, dịch vụ và các sản phẩm có lợi thế. Hai vùng kinh tế trọng điểm ở phía nam và phía bắc tiếp tục phát huy được tiềm

---

1. Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng trong GDP năm 2000: 36,7%; năm 2003: 40,5%.

Tỷ trọng nông, lâm, ngư trong GDP năm 2000: 24,5%; năm 2003: 21,7%.

Tỷ trọng lao động nông, lâm, ngư trong lao động xã hội năm 2000: 68,2%; năm 2002: 66%.

năng, lợi thế, ngày càng đóng góp quan trọng vào sự phát triển chung của cả nước (chiếm khoảng 52,3% GDP của cả nước). Các khu công nghiệp, các khu kinh tế cửa khẩu và một số vùng sản xuất chuyên môn hóa cây trồng, vật nuôi gắn với chế biến công nghiệp tiếp tục có bước phát triển khá hơn.

**3. Tiếp tục thực hiện có kết quả chủ trương giữ vững độc lập, tự chủ về kinh tế; có tiến bộ đáng kể trong việc phát huy các nguồn nội lực của đất nước, của các thành phần kinh tế cho đầu tư phát triển; đồng thời tiếp tục mở rộng hội nhập kinh tế quốc tế.**

Thực hiện chủ trương từng bước xây dựng cơ cấu kinh tế độc lập tự chủ; trong ba năm qua đã xây dựng và chuẩn bị xây dựng có chọn lọc một số cơ sở quan trọng về công nghiệp cơ bản như năng lượng, vật liệu, cơ khí; tiếp tục đẩy mạnh đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Cơ sở vật chất - kỹ thuật của nền kinh tế tiếp tục được tăng cường<sup>1</sup>, tạo tiền đề cho phát triển mạnh hơn ở giai đoạn tiếp sau.

Đã tiếp tục ban hành nhiều cơ chế, chính sách để tháo gỡ vướng mắc, khơi dậy nguồn lực trong nhân dân đầu tư vào phát triển sản xuất, kinh doanh. Tỷ lệ huy động vốn đầu tư trong GDP tăng dần<sup>2</sup>. Trong cơ cấu vốn đầu tư xã hội, tỷ trọng vốn huy động trong nước gia tăng<sup>3</sup>, nguồn vốn huy động trong dân tăng mạnh.

Doanh nghiệp nhà nước vẫn giữ được các vị trí trọng yếu trong kinh tế, tiếp tục đóng góp lớn nhất vào các nguồn thu nội địa của ngân sách. Đã tổng rà soát, xây dựng và bước đầu triển khai chương trình sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp nhà nước. Một số doanh nghiệp nhà nước đã nâng cao được sức cạnh tranh, hiệu quả kinh doanh và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Kinh tế tập thể dưới nhiều hình thức đa dạng ngày càng được quan tâm củng cố, phát triển; các hợp tác xã cũ được chuyển đổi sang hoạt động theo Luật Hợp tác xã, mỗi năm hình thành thêm hàng nghìn hợp tác xã và hàng

---

1. Năm 2003 so với năm 2000: sản lượng điện tăng từ 26,6 tỷ kWh lên 41,0 tỷ kWh; than từ 11,6 triệu tấn lên 16,5 triệu tấn; dầu khí từ 16,3 triệu tấn (quy đổi) lên 17,2 triệu tấn; thép cán từ 1,6 triệu tấn lên 2,8 triệu tấn; xi măng từ 13,3 triệu tấn lên 23,5 triệu tấn. Công nghiệp cơ khí mỗi năm tăng bình quân 17,7%.

2. Tỷ lệ huy động vốn đầu tư trong GDP năm 2001 là 34%, năm 2002 là 34,3%, năm 2003 khoảng 35%.

3. Nguồn vốn trong nước chiếm 70% tổng vốn đầu tư.

vạn tổ hợp tác mới, có nhiều hợp tác xã hoạt động có hiệu quả. Khu vực kinh tế tư nhân có bước phát triển vượt bậc so với những năm trước đây, đóng góp nhiều cho tạo việc làm mới<sup>1</sup>, tăng thu nhập cho người lao động và cho ngân sách nhà nước. Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có đóng góp ngày càng nhiều cho tăng trưởng kinh tế.

Kinh tế nước ta ngày càng hội nhập vào kinh tế khu vực và thế giới; quan hệ kinh tế quốc tế tiếp tục được củng cố và mở rộng: bắt đầu thực hiện chương trình giảm thuế nhập khẩu trong AFTA; thực hiện Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ, tăng nhanh xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ; xúc tiến hợp tác toàn diện Việt Nam - Nhật Bản, Việt Nam - EU; đang đàm phán gia nhập WTO; tham gia tích cực việc hình thành khu vực mậu dịch tự do ASEAN với Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ...

Trong ba năm tiếp tục thu hút thêm các dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài, với tổng vốn đầu tư đăng ký đạt trên 4,4 tỷ USD; các dự án đang hoạt động cũng tăng vốn đầu tư hơn 1,8 tỷ USD.

#### **4. Thể chế kinh tế tiếp tục được đổi mới, đang tiếp tục hình thành và phát triển các loại thị trường.**

Đã dần bổ sung, hoàn thiện thêm khuôn khổ pháp lý cho hoạt động của các loại thị trường; xác định cơ chế mới quản lý doanh nghiệp nhà nước; tổ chức triển khai mạnh Luật Doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung Luật Hợp tác xã, các luật thuế, Luật Đất đai...; tiếp tục cải cách chế độ tiền lương và trợ cấp xã hội; phát triển chế độ bảo hiểm...

Thị trường hàng hóa sôi động và phát triển với tốc độ nhanh; thị trường lao động có bước phát triển; thị trường tài chính - tiền tệ đạt được một số kết quả bước đầu.

Tuy nhiên, việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX về phát triển kinh tế vẫn còn *nhiều yếu kém, khuyết điểm*:

*1. Tốc độ tăng trưởng chưa đạt mục tiêu Đại hội IX đã đề ra; chưa tương xứng với mức tăng đầu tư và tiềm năng của nền kinh tế. Chất lượng tăng trưởng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp, chậm được cải thiện<sup>2</sup>. Kinh tế phát triển chưa bền vững.*

---

1. Từ đầu năm 2000 đến tháng 9-2003, có 72.601 doanh nghiệp đăng ký kinh doanh với số vốn đăng ký trên 9,5 tỷ USD, gấp hơn 1,7 lần về số doanh nghiệp và gấp hơn 4 lần về vốn đăng ký so với giai đoạn 1991-1999. Năm 2003, tổng số lao động làm việc trong khu vực tư nhân khoảng 6 triệu người, chiếm 16% lực lượng lao động xã hội.

2. Theo Diễn đàn kinh tế thế giới năm 2003 thì năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam năm 2001 và năm 2002 đứng thứ 60 trong tổng số 75 nước so sánh.

Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân trong ba năm qua mới đạt 7,1% so với mục tiêu Đại hội đề ra là 7,5%. Tốc độ phát triển chưa tương xứng với tiềm năng là do đầu tư kém hiệu quả, chỉ số hiệu quả đầu tư chung của toàn nền kinh tế, nhất là của khu vực kinh tế nhà nước trong thời gian qua giảm đi đáng kể<sup>1</sup>; chưa phát huy tốt nguồn lực to lớn của doanh nghiệp nhà nước; còn nhiều nguồn lực trong dân chưa được huy động vào phát triển kinh tế, xã hội; quy mô thu hút đầu tư nước ngoài còn thấp so với một số năm trước.

Năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, của các doanh nghiệp còn thấp. Nhiều doanh nghiệp có sức cạnh tranh khá cũng còn phải dựa vào sự bảo hộ của Nhà nước. Giá trị gia tăng của nhiều sản phẩm công nghiệp và mặt hàng xuất khẩu thấp; giá thành của nhiều sản phẩm cao hơn so với các nước trong khu vực<sup>2</sup>. Sức đầu tư ra nước ngoài còn rất hạn chế.

Tài chính quốc gia chưa vững chắc, cơ cấu thu ngân sách nhà nước chậm được cải thiện, thu nội địa chỉ chiếm trên 50% tổng thu ngân sách. Hoạt động của hệ thống ngân hàng còn tiềm ẩn nguy cơ gây mất ổn định, tỷ lệ nợ xấu còn cao, dùng nhiều vốn huy động ngắn hạn để cho vay trung, dài hạn<sup>3</sup>. Tốc độ tăng xuất khẩu không đạt kế hoạch, nhập siêu còn cao, dự trữ ngoại tệ mỏng.

*2. Nhìn chung cơ cấu kinh tế còn chậm chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, nhất là theo hướng hiện đại hóa.*

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn còn chậm và có nhiều lúng túng, mang nặng tính tự phát, thiếu bền vững. Nhiều vấn đề trong nông nghiệp, nông thôn, nông dân chậm được giải quyết. Trong công nghiệp, công nghiệp gia công, lắp ráp còn chiếm tỷ trọng lớn, tốc độ đổi mới công nghệ trong các ngành kinh tế còn chậm. Tỷ trọng dịch vụ trong GDP giảm, cơ cấu các ngành dịch vụ ít thay đổi, các ngành dịch vụ có giá trị gia

---

1. Hệ số so sánh giữa mức tăng đầu tư và mức tăng trưởng kinh tế (ICOR) của toàn xã hội những năm: 1991-1995 là 3,5/1; 2001-2003 xấp xỉ 5/1.

2. Chi phí sản xuất bao gồm chi phí vật chất và chi phí dịch vụ cho một số chu trình sản xuất của mỗi một sản phẩm khá cao; chi phí sản xuất trong ngành công nghiệp chiếm 60% giá trị sản xuất toàn ngành, trong ngành nông nghiệp chiếm trên 40%. Giá thành một số sản phẩm như xi măng, thép, giấy vải, phân bón, hóa chất cơ bản, đường đều cao hơn so với các nước trong khu vực khoảng từ 20 đến 30%.

3. Khoảng 70% vốn huy động của các ngân hàng là vốn ngắn hạn, trong khi đó cho vay trung và dài hạn chiếm 49% tổng dư nợ cho vay của hệ thống ngân hàng.

tăng cao phát triển chậm, còn thiếu nhiều dịch vụ chất lượng cao. Cơ cấu lao động chuyển dịch chậm; lao động nông nghiệp chuyển sang các ngành nghề khác còn rất khó khăn, áp lực dư thừa lao động sẽ tiếp tục gay gắt hơn trong những năm tới.

Các vùng kinh tế trọng điểm phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, chưa đi mạnh vào phát triển công nghệ cao và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại hóa để phát huy lợi thế và có sức tác động thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của toàn vùng. Các chủ trương về phát triển vùng kinh tế trọng điểm miền Trung chậm được thực hiện. Kinh tế nhiều vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn khó khăn và có sự lúng túng về phương hướng phát triển. Việc đô thị hóa chưa dựa trên nền tảng phát triển kinh tế, thiếu quy hoạch; tình trạng yếu kém, quá tải của hệ thống cơ sở hạ tầng các đô thị lớn chậm được khắc phục.

Cơ cấu đầu tư và cơ cấu kinh tế còn nhiều bất hợp lý, kém hiệu quả do chưa có chính sách chuyển dịch cơ cấu dài hạn, đầu tư dàn trải, phân tán, công trình dở dang nhiều, một số công trình đầu tư lớn nhưng hiệu quả thấp, sử dụng ít lao động; cơ cấu nhiều khu công nghiệp rập khuôn, trùng lặp, chưa cân nhắc kỹ lợi thế so sánh và thiếu quy hoạch tổng thể trong cả nước.

*3. Việc thực hiện chính sách phát triển các thành phần kinh tế, tuy đã có tiến bộ nhưng vẫn còn thiếu nhất quán, chưa khai thác tốt nguồn nội lực trong dân.*

Sự chậm trễ trong thể chế hóa các nghị quyết của Đảng, tình trạng chưa thực sự thống nhất nhận thức và thực hiện thiếu nhất quán ở các ngành, các cấp đã hạn chế khả năng phát triển của các thành phần kinh tế.

Có xu hướng bao cấp trở lại và bảo trợ dưới nhiều hình thức cho doanh nghiệp nhà nước. Một số trường hợp nhà nước giữ độc quyền là cần thiết nhưng đã biến thành độc quyền kinh doanh của tổng công ty lớn. Việc sắp xếp, đổi mới, nhất là cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 thực hiện chậm so với mục tiêu đề ra. Bên cạnh những doanh nghiệp nhà nước đang giữ vị trí trọng yếu trong nền kinh tế quốc dân vẫn còn giữ nhiều doanh nghiệp nhà nước ở những ngành, lĩnh vực mà Nhà nước không cần nắm, có quy mô nhỏ, hiệu quả kinh doanh thấp, làm ăn thua lỗ kéo dài đã làm hạn chế vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước. Tình trạng lao động dôi dư đang là vấn đề nan giải của không ít doanh nghiệp nhà nước. Không ít doanh nghiệp nhà nước đang là gánh nặng cho ngân sách và là nguy cơ tiềm ẩn của các ngân hàng.

Bộ máy quản lý ngành còn bị cuốn hút nhiều vào việc quản lý bộ phận doanh nghiệp nhà nước trực thuộc và còn lúng túng trong thực hiện chức năng chủ sở hữu nhà nước với bộ phận doanh nghiệp này, chưa làm tốt chức năng quản lý nhà nước với toàn nền kinh tế.

Một số chính sách khuyến khích phát triển các *thành phần kinh tế ngoài quốc doanh* chậm đưa vào cuộc sống. Trên thực tế vẫn còn những biểu hiện phân biệt đối xử, chưa thực sự bình đẳng, cởi mở đối với kinh tế tư nhân. Kinh tế tập thể phát triển chậm, các hợp tác xã chậm đổi mới, vị trí, vai trò còn thấp. Nhà nước tiếp tục dồn đầu tư cho doanh nghiệp nhà nước; chưa quan tâm, hỗ trợ đúng mức đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ; kinh tế tư nhân và kinh tế tập thể còn khó tiếp cận với nguồn vốn hỗ trợ ưu đãi của Nhà nước và vốn tín dụng của Ngân hàng Thương mại nhà nước.

Nguồn vốn tiềm tàng trong dân còn lớn, hàng năm có khoảng 15 - 20% vốn tiết kiệm nội địa chưa được huy động vào đầu tư.

*4. Chưa phát huy được lợi thế về ổn định chính trị - xã hội để thu hút mạnh nguồn vốn đầu tư nước ngoài. Còn thiếu chủ động chuẩn bị để đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế.*

Đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI) giảm sút, giai đoạn 1996-2000 vốn FDI đăng ký khoảng 4,1 tỷ USD/năm, giai đoạn 2001-2003 chỉ còn khoảng 1,92 tỷ USD/năm. Cam kết ODA của các nhà tài trợ cho Việt Nam vẫn ở mức cao, nhưng mới giải ngân được 48,5% vốn vay đã ký kết, chủ yếu do vướng mắc trong quá trình thực hiện, một số trường hợp hiệu quả sử dụng còn thấp, đã tạo tâm lý không thuận trong các nhà tài trợ.

Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài còn gặp khó khăn do môi trường đầu tư chưa đủ thông thoáng, thuận lợi, nhất quán và ổn định; phần nào chưa thực sự được coi là một bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Giá một số yếu tố đầu vào của nền kinh tế (điện, xăng dầu, cước viễn thông, cước vận tải biển...) nhìn chung còn cao hơn nhiều nước trong khu vực, làm tăng giá thành, hạn chế sức cạnh tranh của sản phẩm Việt Nam và làm cho Việt Nam giảm sự hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài.

Việc xúc tiến các công việc theo lịch trình hội nhập, thực hiện các cam kết song phương, đa phương của nhiều cơ quan nhà nước và doanh nghiệp còn chậm và chưa bảo đảm độ tin cậy. Chưa có cơ chế chính sách, pháp luật đồng bộ để thúc đẩy các doanh nghiệp nâng cao khả năng cạnh tranh phù hợp với yêu cầu triển khai các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế. Nhiều doanh

nghiệp ít hiểu biết về nội dung, bước đi và lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế cũng như luật pháp và thông lệ kinh doanh của các nước có liên quan đến hoạt động kinh doanh của mình; còn trông chờ nhiều vào sự bảo hộ của Nhà nước; chưa tích cực chuẩn bị, tham gia quá trình hội nhập. Chậm xây dựng chiến lược tổng thể chủ động hội nhập kinh tế quốc tế cũng như chuẩn bị các điều kiện về luật pháp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đào tạo nhân lực để sẵn sàng thích ứng với các cam kết khi trở thành thành viên của WTO.

*5. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chậm được hình thành đồng bộ theo tinh thần Nghị quyết Đại hội IX.*

Một số nguyên tắc của kinh tế thị trường chưa được tôn trọng; cơ chế, chính sách có lúc còn thay đổi đột ngột dẫn đến môi trường kinh doanh thiếu ổn định, gây khó khăn, thiệt hại cho người đầu tư, kinh doanh; chậm xây dựng khuôn khổ pháp lý và thể chế để định hướng, tạo môi trường cạnh tranh và điều tiết của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Hệ thống thị trường chậm được hình thành, thiếu đồng bộ và có nhiều khiếm khuyết. Thị trường vốn còn sơ khai. Còn thiếu khung pháp lý về cạnh tranh và chống độc quyền, chống bán phá giá trong kinh doanh. Thị trường chứng khoán quy mô nhỏ bé, phát triển không đáng kể, thiếu sôi động, chưa có sự tham gia của các doanh nghiệp lớn. Thị trường "ngâm" về nhà, đất phát triển mạnh, mang nặng tính tự phát và yếu tố đầu cơ. Thị trường lao động còn nhiều khiếm khuyết, mất cân đối. Thị trường khoa học và công nghệ phát triển chậm, còn nhỏ bé.

*6. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với nền kinh tế còn thấp.*

Chức năng của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chậm được xác định rõ. Cải cách hành chính chậm, hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước nhìn chung chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý nền kinh tế thị trường trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

Chất lượng của các chiến lược và quy hoạch được xây dựng còn thấp, lại chậm được bổ sung, điều chỉnh kịp thời. Còn thiếu sự phối hợp đồng bộ, hài hòa giữa chiến lược, quy hoạch phát triển ngành, với quy hoạch, kế hoạch phát triển vùng và địa phương. Quy hoạch, kế hoạch còn nặng về chỉ định các dự án, công trình cho khu vực doanh nghiệp nhà nước, chưa có tác dụng tích cực trong việc định hướng và thu hút các thành phần kinh tế khác đầu tư. Quản lý quy hoạch còn lỏng lẻo, yếu kém dẫn đến cơ cấu trùng lặp, rập khuôn tại các vùng. Việc quy hoạch xây dựng đô thị còn thiếu kiến thức,



kinh nghiệm, triển khai chậm, quản lý đô thị còn rất nhiều yếu kém và tiêu cực.

Còn để kéo dài tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải, chưa tính toán kỹ hiệu quả, nhất là trong đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách và tín dụng ưu đãi của Nhà nước. Lãng phí và thất thoát lớn trong đầu tư từ nguồn vốn ngân sách và trong tài chính doanh nghiệp nhà nước vẫn là vấn đề nhức nhối trong rất nhiều năm, chưa có biện pháp kiên quyết để khắc phục. Nợ xây dựng cơ bản từ nguồn vốn ngân sách rất lớn<sup>1</sup>.

#### IV. VỀ THỰC HIỆN QUỐC SÁCH HÀNG ĐẦU PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ; PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, XÃ HỘI VÀ GIẢI QUYẾT CÁC NHIỆM VỤ XÃ HỘI

Trong những năm qua, sự nghiệp giáo dục, đào tạo, chuẩn bị nguồn nhân lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa và sự nghiệp khoa học, công nghệ được tăng cường đầu tư đáng kể, có bước phát triển mới; tăng trưởng kinh tế tiếp tục được quan tâm gắn kết với phát triển văn hóa, xã hội và phát triển con người<sup>2</sup>. Việc phát triển văn hóa, xã hội và thực hiện các mục tiêu xã hội đã đạt được những kết quả nhất định, thể hiện trên một số mặt chủ yếu sau:

##### 1. Giáo dục, đào tạo và khoa học - công nghệ có bước phát triển mới.

Sự quan tâm chăm sóc và đầu tư của xã hội, nhất là của Nhà nước cho hai lĩnh vực này được tăng cường đáng kể<sup>3</sup>.

Quy mô giáo dục và đào tạo tiếp tục tăng ở tất cả các cấp, bậc học, trình độ đào tạo và ở các vùng, miền. Giáo dục mầm non được quan tâm phát triển, kể cả ở các vùng sâu, vùng xa; công tác phổ cập giáo dục trung học cơ

---

1. Tổng số nợ xây dựng cơ bản từ nguồn vốn ngân sách khoảng 11.000 tỷ đồng, chiếm 18% tổng vốn đầu tư từ ngân sách và 37% vốn xây dựng cơ bản tập trung.

2. Chỉ số phát triển con người (HDI) năm 2001 của Việt Nam được xếp vào nhóm nước có HDI trung bình trên thế giới, xếp hạng 109 trong 175 nước. Xem: UNDP, *Báo cáo phát triển con người năm 2003*.

3. Đầu tư cho giáo dục trong tổng đầu tư ngân sách: năm 2000 là 15%, năm 2003 là trên 16%.

sở được triển khai tích cực<sup>1</sup>. Chất lượng đội ngũ giáo viên phổ thông có chuyển biến; cơ sở vật chất - kỹ thuật của các trường học trên cả nước được tăng cường đáng kể, nhất là đối với các trường trọng điểm. Dân trí tiếp tục được nâng cao. Đã bước đầu triển khai chiến lược giáo dục và quy hoạch phát triển mạng lưới các trường đào tạo; điều chỉnh cơ cấu đào tạo phù hợp hơn với nhu cầu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội về cơ cấu ngành, nghề và cơ cấu nhân lực. Phát triển về số lượng và nâng cao chất lượng đào tạo các cấp.

Khoa học và công nghệ đã có bước phát triển phục vụ thiết thực hơn nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Khoa học xã hội và nhân văn đã tập trung nghiên cứu góp phần xây dựng các luận cứ khoa học của các chủ trương; đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy thực hiện Nghị quyết Đại hội IX. Khoa học tự nhiên và công nghệ đã tập trung hơn vào nghiên cứu ứng dụng, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh của nền kinh tế. Đã xuất hiện những nhân tố mới trong quá trình hình thành và phát triển thị trường khoa học - công nghệ ở nước ta. Tiềm lực khoa học và công nghệ được tăng cường, đang triển khai xây dựng 14 phòng thí nghiệm trọng điểm. Cơ chế quản lý khoa học và công nghệ tiếp tục đổi mới.

## **2. Phát triển văn hóa, xây dựng đời sống, văn hóa và nếp sống văn minh có tiến bộ ở tất cả các tỉnh, thành trong cả nước.**

Văn hóa quần chúng, các câu lạc bộ văn hóa, nhà văn hóa, các hoạt động giao lưu, lễ hội văn hóa đã có bước phát triển khá. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư được phát động sâu rộng, có tác động thiết thực; việc xây dựng nếp sống văn minh, trật tự kỷ cương đô thị, giữ gìn di tích văn hóa lịch sử bước đầu có chuyển biến. Sản phẩm văn hóa, nghệ thuật khá phong phú, mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân được nâng lên. Hệ thống thông tin đại chúng (báo chí, phát thanh, truyền hình, Internet...) phát triển mạnh, kể cả ở nhiều vùng sâu, vùng xa và địa bàn khó khăn. Thông tin đối ngoại được quan tâm và có bước phát triển tốt hơn.

---

1. Đến hết năm 2003, có khả năng 19 tỉnh, thành phố đạt tiêu chuẩn phổ cập trung học cơ sở.

**3. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân đã được chú trọng hơn. Công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình đạt kết quả tốt; phong trào toàn dân luyện tập thể dục, thể thao được đẩy mạnh.**

Hệ thống khám chữa bệnh tiếp tục phát triển, hệ thống cung cấp dịch vụ y tế đã được mở rộng tới tất cả các xã, phường trong cả nước, tỷ lệ người dân được chăm sóc về y tế tăng lên; các tỉnh, thành phố đều đã thành lập quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo. Chương trình y tế quốc gia đạt hiệu quả cao, đã chỉ đạo sát sao, kịp thời, khống chế thành công bệnh dịch SARS, không để xảy ra dịch bệnh lớn; công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình trong nhiều năm qua thành công lớn, tốc độ tăng dân số tiếp tục chậm lại (năm 2002 là 1,32%); phong trào toàn dân luyện tập thể dục, thể thao được đẩy mạnh hơn; chất lượng dân số được cải thiện nhiều. Nhà nước đã tập trung đầu tư, chuẩn bị tốt và tổ chức rất thành công Sea Games 22 và ASEAN PARA Game 2, nâng cao đáng kể trình độ thể thao nước nhà.

**4. Công tác xóa đói, giảm nghèo tiếp tục đạt kết quả quan trọng; giải quyết việc làm có tiến bộ, mức sống của các tầng lớp dân cư ở các vùng, miền trong cả nước tiếp tục được cải thiện. Công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, tiêu cực, tệ nạn xã hội được đẩy mạnh kiên quyết hơn, có kết quả hơn.**

Sau gần ba năm thực hiện, với sự chỉ đạo sát sao và khá đồng bộ từ Trung ương đến cơ sở, có nhiều khả năng đạt mục tiêu xóa đói, giảm nghèo do Đại hội IX đề ra sớm trước một năm. Cả nước đã không còn hộ đói kinh niên, số hộ nghèo giảm rõ rệt, số hộ khá, hộ giàu ngày một tăng; đến nay cả nước đã có 75% hộ gia đình chính sách, người có công có mức sống bằng hoặc khá hơn mức sống trung bình của cộng đồng nơi cư trú; thu nhập và đời sống ở các vùng nông thôn, vùng nghèo đã tăng lên nhanh hơn tốc độ tăng thu nhập bình quân. Chương trình 135 được triển khai tích cực, có tác dụng thiết thực nâng cao cơ sở hạ tầng và đời sống mọi mặt của các xã đặc biệt khó khăn. Giải quyết việc làm cả ở thành thị, nông thôn và xuất khẩu lao động được chú trọng hơn. Số lao động được giải quyết việc làm trong ba năm đạt khoảng 4,3 triệu người (nông nghiệp 2,6 triệu, công nghiệp trên 90 vạn, dịch vụ khoảng 76 vạn).

Đã bổ sung, hoàn thiện cơ sở pháp lý, cơ chế, chính sách và chỉ đạo kiên quyết việc lập lại trật tự, kỷ cương giao thông, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, tạo được chuyển biến tích cực.

Tuy nhiên, trong phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội vẫn còn *nhiều yếu kém, bất cập*:

*1. Sự phát triển của giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ vẫn còn nhiều hạn chế chưa tương xứng với vị trí quốc sách hàng đầu của lĩnh vực này trong giai đoạn mới.*

Chất lượng giáo dục và đào tạo nhìn chung còn thấp, chưa đáp ứng được đòi hỏi ngày càng cao về nguồn nhân lực trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Công tác quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo còn nhiều yếu kém. Những bất hợp lý trong cơ cấu giáo dục chậm được khắc phục; sự phân luồng trong đào tạo chưa được thúc đẩy mạnh mẽ; nội dung chương trình vẫn còn bất hợp lý, phương pháp dạy và học đổi mới chậm; giáo dục ở vùng sâu, vùng xa vẫn còn nhiều khó khăn; các hiện tượng tiêu cực, "thương mại hóa" trong giáo dục và đào tạo chưa được kiên quyết xóa bỏ. Đào tạo nguồn nhân lực vẫn còn nhiều bất hợp lý về cơ cấu ngành, nghề. Nguồn nhân lực chất lượng thấp, ý thức và tác phong công nghiệp yếu. Chưa có giải pháp tập trung đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và đội ngũ chuyên gia đầu đàn, nhất là ở các lĩnh vực công nghệ cao; công tác thanh tra giáo dục còn yếu kém, trì trệ. Việc thực hiện xã hội hóa giáo dục, đào tạo còn chậm.

Hoạt động khoa học và công nghệ chưa có bước đột phá và chưa gắn bó hữu cơ với thị trường và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Trình độ công nghệ của nhiều ngành còn lạc hậu so với các nước trong khu vực; thị trường khoa học và công nghệ chậm hình thành, việc đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ cao chưa trở thành đòi hỏi sống còn của nhiều doanh nghiệp nhà nước; đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ còn ít về số lượng, hạn chế về trình độ và bất hợp lý về cơ cấu; đầu tư cho khoa học và công nghệ còn thấp, hiệu quả chưa cao; cơ chế quản lý khoa học và công nghệ còn mang tính bao cấp, quản lý hành chính.

*2. Nhân tố văn hóa và con người trong phát triển chưa được nhận thức đầy đủ và chưa được coi trọng đúng mức ở nhiều cấp, nhiều ngành. Chất lượng các sản phẩm văn hóa, nghệ thuật chưa cao, còn nhiều biểu hiện sai trái, tiêu cực.*

Việc đầu tư cho phát triển văn hóa và con người cả về nhân lực, vật lực, tài lực còn bị xem nhẹ. Kết quả thực hiện chủ trương xã hội hóa các hoạt động văn hóa, thu hút các nguồn lực để đầu tư cho văn hóa còn rất hạn chế.

Cơ chế chính sách quản lý hoạt động văn hóa quần chúng và chuyên nghiệp còn thiếu đồng bộ, chưa theo kịp thực tiễn, chưa khuyến khích, thúc đẩy mạnh mẽ sự sáng tạo. Việc xây dựng các thiết chế văn hóa còn hạn chế, chưa đồng bộ, chất lượng thấp và sử dụng kém hiệu quả. Tình trạng "thương mại hóa", xa rời bản sắc dân tộc, chiều theo thị hiếu tầm thường trong một số hoạt động văn hóa chưa được ngăn chặn có hiệu quả; chưa có các biện pháp ngăn ngừa hữu hiệu và chưa xử lý kiên quyết văn hóa phẩm độc hại, lai căng, mê tín dị đoan, hủ tục lạc hậu..., những biểu hiện của lối sống không lành mạnh, thoái hóa về đạo đức xã hội chưa được đấu tranh quyết liệt nên có xu hướng gia tăng; những nhân tố mới, tích cực chưa được kịp thời tổng kết, nhân rộng. Những mâu thuẫn trong đời sống văn hóa, tinh thần chưa được nhận thức đầy đủ và xử lý hài hòa. Công tác quản lý báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình, Internet vẫn còn nhiều lơ lửng, kém hiệu lực.

*3. Công tác xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm, nâng cao đời sống của nhân dân, phòng, chống các tệ nạn xã hội vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức.*

Công tác xóa đói, giảm nghèo ở nhiều địa phương vẫn còn nhiều khó khăn, chưa vững chắc, ở các xã đặc biệt khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo còn rất cao (34,1%); tốc độ giảm nghèo có xu hướng chậm lại; tình trạng tái nghèo còn nhiều. Giải quyết việc làm vẫn còn là vấn đề bức xúc, sức ép lớn; đào tạo nghề còn nhiều bất cập; đời sống của nhân dân nhìn chung vẫn còn thấp; tình trạng di dân tự do còn phức tạp; nhà ở cho người nghèo là vấn đề bức bách. Một số cơ chế, chính sách trong lĩnh vực xã hội đã tạo ra tâm lý ỷ lại, trông chờ vào sự cứu trợ của Nhà nước, thiếu quyết tâm vươn lên.

Quản lý nhà nước trong lĩnh vực y tế chậm đổi mới, những tiêu cực, vi phạm y đức chậm được khắc phục; cơ chế chính sách khám, chữa bệnh còn nhiều bất hợp lý, nhất là đối với người nghèo. Nguồn lực đầu tư cho y tế, thể dục thể thao quần chúng, chăm sóc trẻ em còn hạn hẹp. Việc thực hiện chủ trương xã hội hóa trong lĩnh vực y tế, thể dục, thể thao... còn hạn chế. Vị trí và nội dung vấn đề xây dựng gia đình trong sự phát triển xã hội chưa được nhận thức đúng và đầy đủ. Vẫn còn tiềm ẩn nguy cơ bùng nổ dân số. Tội phạm và tệ nạn xã hội vẫn còn rất nghiêm trọng; ma túy, mại dâm, trộm cướp có chiều hướng tăng ở một số địa phương.

## V. ĐÁNH GIÁ ĐỔI MỚI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ NƯỚC, THỰC HIỆN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, PHÁT HUY DÂN CHỦ, TĂNG CƯỜNG PHÁP CHẾ, PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

### 1. Về đổi mới tổ chức và hoạt động của Nhà nước, thực hiện cải cách hành chính.

Trong gần ba năm qua, việc đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Hội đồng nhân dân, các cơ quan tư pháp và Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể nhân dân và thực hiện cải cách hành chính nhà nước đạt được một số kết quả sau:

*- Tổ chức và hoạt động của Quốc hội tiếp tục được đổi mới, chất lượng và hiệu lực thực hiện các chức năng, nhiệm vụ ngày càng được tăng cường và thực chất hơn. Hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp có một số tiến bộ.*

Đã tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XI, tăng cường chất lượng và số lượng đại biểu Quốc hội chuyên trách; sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992, ban hành mới Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Giám sát của Quốc hội, trong đó đã xác định rõ hơn về vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức và phương thức hoạt động của Quốc hội, tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng các kỳ họp của Quốc hội, đổi mới quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã góp phần thực hiện tốt hơn chức năng lập pháp, giám sát tối cao và quyết định các vấn đề trọng đại của đất nước. Tổ chức của Hội đồng nhân dân các cấp được tăng cường về số lượng và chất lượng đại biểu qua việc bầu cử bổ sung. Hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp có tiến bộ hơn trong việc thực hiện chức năng giám sát và quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương.

*- Cải cách hành chính nhà nước đã có chuyển biến bước đầu.*

Từ khi Chính phủ tiến hành triển khai chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001-2010, cải cách thể chế đã có bước tiến bộ; đã phân định rõ ràng hơn giữa quản lý hành chính nhà nước với quản lý sự nghiệp, kinh doanh. Thủ tục hành chính tiếp tục được cải cách theo hướng "một cửa". Mối quan hệ pháp lý giữa Nhà nước với công dân, tổ chức, doanh nghiệp và nhà đầu tư có sự đổi mới. Cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ khóa XI đã được kiện toàn một bước, các đầu mối trực thuộc Chính phủ được tinh giản. Chính quyền địa phương đã được sắp xếp thu gọn đầu mối; chức năng, nhiệm vụ được xác định và phân cấp rõ hơn. Các tổ chức thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước được kiện toàn một bước. Chuẩn bị và triển khai thực hiện Đề án cải cách tiền lương và các chính sách xã hội;

đã có sự phân loại rõ cán bộ, công chức hành chính với cán bộ, viên chức sự nghiệp và cán bộ, công chức cơ sở; từng bước thực hiện xã hội hóa các hoạt động sự nghiệp.

*- Tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp được đổi mới một bước, góp phần tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tập thể và công dân.*

Các nghị quyết của Đảng về công tác tư pháp đã định hướng và chỉ đạo việc cải cách tư pháp khẩn trương hơn. Việc phát huy dân chủ, giữ vững kỷ luật, kỷ cương, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa theo hướng bảo đảm quyền công dân và phục vụ nhân dân đang được triển khai có kết quả. Cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, đặc biệt là tội phạm có tổ chức; đấu tranh ngăn chặn và đẩy lùi quan liêu, tham nhũng, lãng phí đang được chú trọng; ý thức chấp hành pháp luật, kỷ cương trong các cơ quan nhà nước và trong đời sống xã hội đang từng bước được chấn chỉnh. Đội ngũ cán bộ, công chức trong các cơ quan tư pháp, đặc biệt là đội ngũ cán bộ có chức danh tư pháp đang từng bước được kiện toàn. Nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan tư pháp được xác định rõ hơn.

Tuy nhiên, thực hiện đổi mới tổ chức và hoạt động của Nhà nước, cải cách hành chính, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế vẫn còn *những yếu kém, khuyết điểm*:

*- Tổ chức và hoạt động của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp vẫn còn nhiều hạn chế so với quy định của pháp luật.*

Hiệu quả hoạt động của Quốc hội trên một số mặt, nhất là việc thực hiện chức năng giám sát tối cao còn hạn chế. Hội đồng nhân dân các cấp ở nhiều nơi hoạt động còn hình thức, nhiều đại biểu còn ít đóng góp vào công việc chung của hội đồng; một số vấn đề về tổ chức của Hội đồng nhân dân vẫn chưa được làm rõ và chưa có định hướng đổi mới một cách lâu dài, căn bản, nhất là cấp huyện và mô hình tổ chức quản lý đô thị.

*- Cải cách hành chính hiệu quả thấp, chưa đạt yêu cầu.*

Còn thiếu quyết tâm trong cơ cấu lại bộ máy hành chính nhà nước theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Có nơi số đầu mối trực thuộc còn nhiều. Vẫn chậm thực hiện đồng bộ chủ trương phân cấp quản lý hành chính giữa Trung ương và địa phương trên từng ngành, từng lĩnh vực. Tình trạng phân tán, cục bộ, "xin - cho", thủ tục hành chính phức tạp, phiền hà, chậm được khắc phục; chế độ thủ trưởng, trách nhiệm người đứng đầu chậm được xác định. Còn một bộ phận cán bộ, công chức thoái hóa, biến chất, tham ô, buôn lậu, những nhiều, phiền hà, kỷ luật hành chính lỏng lẻo, thiếu trách nhiệm

đối với công việc được giao, gây bất bình trong nhân dân, làm nản lòng các nhà đầu tư. Đổi mới về quản lý tài chính công vẫn chưa theo kịp với cải cách thể chế và tổ chức bộ máy. Giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân còn nhiều vướng mắc, chông chéo, ách tắc do quyền hạn, trách nhiệm không rõ.

*- Chậm ban hành chủ trương về cải cách tư pháp và thực hiện những giải pháp có tính đột phá.*

Thiếu giải pháp đồng bộ triển khai tổ chức tòa án theo hai cấp xét xử, nhất là tăng thẩm quyền cho tòa án cấp huyện; đội ngũ cán bộ chức danh tư pháp bất cập cả về số lượng và chất lượng. Công tác thi hành án và xử lý tội phạm còn nhiều trường hợp thiếu kiên quyết, kịp thời; một số vụ án tồn đọng còn lớn.

## **2. Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.**

Thời gian qua, đã đạt được một số kết quả sau:

*- Chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh được tuyên truyền và triển khai rộng rãi; đặc biệt là chính sách dân tộc, tôn giáo ngày càng được chỉ đạo sâu sát và có hiệu quả hơn.*

Đã tập trung chỉ đạo việc tổ chức thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc theo tinh thần Nghị quyết Đại hội IX và Nghị quyết Trung ương 7 ở tất cả các bộ, ngành và địa phương, trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, tạo được sự thống nhất về chủ trương, quan điểm trong hệ thống chính trị, làm cơ sở thể chế hóa thành chính sách, pháp luật của Nhà nước để động viên cổ vũ các tầng lớp nhân dân, tăng thêm đồng thuận xã hội. Công tác dân tộc đã hướng vào tập trung phát triển kinh tế, chăm lo đời sống, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao dân trí, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ người dân tộc thiểu số, động viên ý thức tự lực, tự cường, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Đảng và Nhà nước luôn bảo đảm các hoạt động tôn giáo theo quy định của pháp luật; vận động đồng bào theo tôn giáo sống tốt đời, đẹp đạo; đấu tranh ngăn chặn việc lợi dụng tôn giáo để hoạt động trái pháp luật, nhất là hoạt động chia rẽ khối đoàn kết toàn dân, hoạt động mê tín, dị đoan.

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện có hiệu quả quy chế dân chủ ở cơ sở, bước đầu đã tạo ra không khí dân chủ trong toàn xã hội, tạo cơ hội cho mọi người dân được tham gia rộng rãi hơn vào cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, giám sát, góp ý cho cán bộ, đảng viên, công chức, củng cố hệ thống chính trị cơ sở. Thực hiện rộng rãi ở cơ sở theo phương châm "dân biết, dân bàn, dân



làm, dân kiểm tra", tạo nhiều chuyển biến về kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng và xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở.

*- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tiếp tục đổi mới hoạt động; chăm lo xây dựng tổ chức, cơ sở, bồi dưỡng cán bộ; phong trào thi đua yêu nước được khơi dậy; lĩnh vực xã hội xuất hiện nhiều nhân tố mới.*

Thông qua các hoạt động của tổ chức mình, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đã tích cực xây dựng cơ sở, đẩy mạnh các hoạt động thiết thực, đa dạng; chăm lo lợi ích thiết thực của đoàn viên, hội viên, kết nạp thêm đoàn viên, hội viên; thu hẹp các cơ sở yếu, cơ sở "trắng" về tổ chức, tích cực bồi dưỡng cán bộ.

Nhà nước đã thể chế hóa và tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tham gia sâu rộng hơn vào các chương trình kinh tế - xã hội, thực hiện quy chế dân chủ, tham gia xây dựng chính quyền và các hoạt động của đời sống xã hội. Vai trò và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ngày càng được khẳng định đúng mức trong hệ thống chính trị và trong đời sống xã hội.

Tuy nhiên, việc thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc theo tinh thần Nghị quyết Đại hội IX vẫn còn nhiều yếu kém, thiếu sót:

*- Chưa có cơ chế, chính sách hữu hiệu và chưa tạo được cơ sở kinh tế cần thiết bảo đảm phát huy đầy đủ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc - động lực chủ yếu để phát triển đất nước.*

Nhiều chủ trương của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc, dân vận, dân tộc, tôn giáo chưa được thể chế hóa đồng bộ thành cơ chế, chính sách, pháp luật và cách thức tổ chức thực hiện. Chưa tạo được sự bình đẳng thật sự giữa các thành phần kinh tế, thiếu chính sách khuyến khích, động viên và phát huy sáng tạo cống hiến và khuyến khích mạnh người Việt Nam ở nước ngoài tham gia xây dựng quê hương, đất nước. Ở không ít nơi việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở còn hình thức, trên thực tế vẫn còn nhiều hành vi vi phạm quyền làm chủ của dân, gây phiền hà, nhũng nhiễu nhân dân. Trong xử lý cụ thể các vấn đề dân vận, dân tộc, tôn giáo có trường hợp bị động, chưa chủ động làm tốt công tác vận động với đồng đảo bà con có đạo, trong đó có các vị chức sắc tôn giáo, vẫn còn những sơ hở để kẻ địch lợi dụng thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình", làm phức tạp tình hình.

*- Công tác dân vận chậm được đổi mới, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân chưa đáp ứng yêu cầu mới.*

Nhận thức về công tác dân vận trong tình hình mới còn đơn giản, chậm được đổi mới, thiếu nghiên cứu, dự báo và phát hiện những vấn đề phức tạp

nảy sinh trong nội bộ nhân dân; nhiều việc bức xúc giải quyết lúng túng, để tồn đọng, kéo dài. Sự phối hợp giữa Nhà nước với Mặt trận, đoàn thể, nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng chậm được thể chế hóa và trên thực tế sự phối hợp hoạt động còn nhiều hạn chế và mang tính hình thức, trùng chéo, hiệu quả chưa cao. Hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân ở nhiều nơi vẫn có xu hướng hành chính hóa, chưa nắm bắt và phản ánh kịp thời cho Đảng, Nhà nước tâm tư, nguyện vọng chính đáng của các tầng lớp nhân dân. Năng lực, trình độ của lực lượng cán bộ làm công tác mặt trận, đoàn thể nhân dân chưa ngang tầm với nhiệm vụ. Đảng và Nhà nước chưa đầu tư đúng mức cho công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận.

## VI. VỀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ ĐỐI NGOẠI

### 1. Về quốc phòng và an ninh.

Từ sau Đại hội IX đến nay, quốc phòng và an ninh tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ: "Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và nền văn hóa; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ sự nghiệp đổi mới và lợi ích quốc gia, dân tộc", *thể hiện trên các kết quả sau:*

*- Bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với lực lượng vũ trang; tạo cơ sở pháp lý cho thực hiện nhiệm vụ quốc phòng và an ninh.*

Các cấp bộ đảng, từ Trung ương đến cơ sở đã có nhiều nghị quyết, chỉ thị, chỉ đạo trực tiếp nhiệm vụ quốc phòng và an ninh. Nhà nước đã chú trọng xây dựng cơ sở pháp lý cho nhiệm vụ quốc phòng và an ninh.

Giáo dục quốc phòng và an ninh đã được chú trọng hơn. Việc tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho cán bộ đảng, Nhà nước từ Trung ương đến xã, phường tiếp tục được duy trì và đẩy mạnh, đạt kết quả thiết thực trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược. Trong hệ thống các nhà trường đại học, chuyên nghiệp và phổ thông chất lượng giáo dục quốc phòng và an ninh từng bước được nâng lên.

*- Tiếp tục xây dựng quân đội nhân dân và công an nhân dân theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, vững vàng về chính trị, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, Đảng và nhân dân.*

Mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng vẫn cố gắng bảo đảm ngân sách quốc phòng và an ninh cho các hoạt động của lực lượng vũ trang. Đã chú trọng

hơn công tác nghiên cứu khoa học để từng bước tiếp cận với các phương thức tác chiến mới. Sức mạnh tổng hợp, khả năng chiến đấu của các lực lượng vũ trang được xây dựng và từng bước nâng cao.

- *Xây dựng, củng cố thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, đặc biệt là ở những vùng trọng điểm.*

Đã quan tâm hơn việc chỉ đạo kết hợp nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng và an ninh với xây dựng các khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố, nhất là ở một số vùng kinh tế trọng điểm và những khu vực trọng yếu về quốc phòng và an ninh. Lực lượng vũ trang luôn chủ động và làm nòng cốt trong phòng chống thiên tai, bão lụt, cháy rừng; làm tốt công tác vận động quần chúng, xây dựng, củng cố "thế trận lòng dân" trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- *Ngăn chặn và làm thất bại âm mưu chống phá của các thế lực thù địch; giải quyết có hiệu quả các vụ việc đột xuất, phức tạp; đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, góp phần bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.*

Đã tiến hành nhiều biện pháp làm thất bại âm mưu của bọn phản động lưu vong xâm nhập từ bên ngoài nhằm tiến hành hoạt động khủng bố, phá hoại về cơ bản đã ngăn chặn, vô hiệu hóa được hoạt động của các đối tượng phản động đội lốt tôn giáo, dân tộc, các phần tử cơ hội chính trị và âm mưu hình thành các tổ chức đối lập. Giải quyết ổn định tình hình phức tạp ở một số địa phương, giảm dần tình trạng khiếu kiện đông người. Triển khai đồng bộ chương trình quốc gia phòng chống tội phạm, triệt phá nhiều băng, ổ, nhóm tội phạm nguy hiểm có tổ chức; giảm thiểu được tai nạn giao thông...

Tuy nhiên, về quốc phòng, an ninh cũng còn *những yếu kém*:

Công tác giáo dục về quốc phòng và an ninh chất lượng chưa cao, nhận thức về tình hình và nhiệm vụ chưa thật thống nhất nên sự chỉ đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác quốc phòng và an ninh chưa hoàn toàn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới.

- Chất lượng tổng hợp, sức chiến đấu của các lực lượng vũ trang còn hạn chế. Kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh hiệu quả chưa cao; công nghiệp quốc phòng còn nhiều khó khăn. Công tác nghiên cứu chiến lược, dự báo tình hình còn chưa kịp thời; các hoạt động bảo vệ biên giới, biển đảo còn nhiều khó khăn, hạn chế.

Biên chế tổ chức của lực lượng vũ trang, sự phân công, phân nhiệm của một số bộ phận còn chưa hợp lý; phối hợp hiệp đồng có lúc còn thiếu chặt chẽ.

## 2. Về đối ngoại.

Trong gần ba năm qua, trên cơ sở kiên định đường lối độc lập tự chủ, chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa công tác đối ngoại đã đạt được những kết quả như sau:

*- Đã củng cố và tăng cường quan hệ đoàn kết, hợp tác và hữu nghị với các nước xã hội chủ nghĩa, các nước láng giềng có chung biên giới; góp phần tích cực củng cố sự gắn kết, giữ vững những nguyên tắc cơ bản của ASEAN, thúc đẩy quan hệ hợp tác nội khối và với bên ngoài.*

Tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác nhiều mặt với Trung Quốc theo phương châm 16 chữ, tăng cường tin cậy lẫn nhau, tiến hành phân giới, cắm mốc trên đất liền, thúc đẩy đàm phán nghị định thư về nghề cá ở Vịnh Bắc Bộ. Tiếp tục mở rộng và nâng cao hiệu quả quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện với Lào, đẩy mạnh quan hệ hợp tác, phối hợp và giúp đỡ lẫn nhau giữa các ngành, các cấp, các địa phương của hai nước. Tăng cường quan hệ hữu nghị, láng giềng thân thiện với Campuchia, đẩy mạnh hợp tác kinh tế, tăng cường giao lưu giữa các địa phương giáp biên của hai bên, thúc đẩy đàm phán giải quyết vấn đề biên giới trên đất liền. Thúc đẩy hợp tác trong tam giác phát triển giữa ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia và các chương trình hợp tác "tiểu vùng sông Mê Công". Tiếp tục đoàn kết, ủng hộ Cuba trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, đấu tranh chống bao vây, cấm vận; duy trì quan hệ hữu nghị, hợp tác với Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên.

Tăng cường quan hệ song phương với các nước thành viên và tổ chức ASEAN, góp phần tích cực vào việc phục hồi kinh tế, củng cố và tăng cường liên kết nội bộ và giữ vững những nguyên tắc cơ bản của ASEAN; mở rộng quan hệ với các đối tác khác, nhất là các nước lớn; đóng góp tích cực vào việc xây dựng cộng đồng ASEAN theo tầm nhìn 2020; thúc đẩy xu thế hòa bình, ổn định, hợp tác cùng phát triển ở Đông Nam Á.

*- Tiếp tục mở rộng và tăng cường quan hệ hợp tác phát triển ổn định, lâu dài với nhiều nước khác trên thế giới.*

Tiếp tục mở rộng quan hệ với các nước bạn bè truyền thống: thúc đẩy quan hệ đối tác chiến lược với Nga, sự hợp tác với các nước SNG và Đông Âu; mở rộng thêm một bước quan hệ hợp tác với các nước độc lập dân tộc, các nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi, Trung Đông và Mỹ Latinh; tiếp tục thúc đẩy quan hệ hợp tác phát triển, ổn định lâu dài với các nước lớn khác: Mỹ, EU, Nhật Bản. Tăng cường quan hệ với các tổ chức quốc tế.

*Tích cực tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu như xóa đói, giảm nghèo, phòng chống các bệnh dịch hiểm nghèo (HIV/AIDS, SARS), chống khủng bố, phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường; ủng hộ và tích cực tham gia vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới chống chiến tranh, chạy đua vũ trang, áp đặt và can thiệp, bảo vệ hòa bình, độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của các nước.*

*- Quan hệ đối ngoại của Đảng được mở rộng, hoạt động đối ngoại nhân dân sống động hơn.*

Tiếp tục củng cố và tăng cường quan hệ đoàn kết và hợp tác với các đảng cộng sản và công nhân, các đảng cầm quyền, các chính đảng, các phong trào giải phóng và độc lập dân tộc, các phong trào cách mạng và tiến bộ trên thế giới; duy trì và mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền ở một số nước. Hoạt động đối ngoại nhân dân tiếp tục phát triển, tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của các tổ chức nhân dân, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ quốc gia và quốc tế đối với sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của ta.

*- Xử lý kịp thời và có hiệu quả các vấn đề phức tạp nảy sinh trong quan hệ với các nước, đấu tranh kiên quyết và khôn khéo với những âm mưu và hành động của các thế lực bên ngoài xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, góp phần giữ vững ổn định chính trị, an ninh của đất nước.*

*Tuy nhiên, công tác đối ngoại vẫn còn một số hạn chế, yếu kém sau:*

*- Công tác nghiên cứu chiến lược, dự báo tình hình còn yếu; chưa tạo được sự thống nhất cao trong nhận thức, nhất là chủ trương trong quan hệ với một số nước lớn; trong một số trường hợp còn bị động đối phó với tình hình; sự phối hợp giữa hai mặt "hợp tác" và "đấu tranh" chưa thật nhuần nhuyễn; việc xử lý mối quan hệ giữa yêu cầu giữ vững ổn định trong nước và mở rộng quan hệ đối ngoại còn có lúc lúng túng.*

*- Quan hệ hợp tác với các nước chưa sâu và vững chắc, quan hệ kinh tế và chính trị nhiều khi chưa gắn kết với nhau; trong một số trường hợp cụ thể còn có sơ hở.*

*Việc xây dựng cơ chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại còn chậm.*

## VII. VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

Trong thời gian từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đến nay, sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo

của Đảng đã đạt được những thắng lợi quan trọng về nhiều mặt. Công tác xây dựng Đảng đã đạt được một số kết quả sau:

**1. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, rèn luyện đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân được quan tâm hơn.**

Đã bám sát mục tiêu, nhiệm vụ do Đại hội đề ra để triển khai nhiều mặt hoạt động giáo dục chính trị tư tưởng; bước đầu có cải tiến về nội dung và hình thức nghiên cứu, học tập Nghị quyết Đại hội, các nghị quyết Trung ương và tư tưởng Hồ Chí Minh, góp phần nâng cao một bước nhận thức, tính tự giác, tích cực, chủ động của cán bộ, đảng viên. Đã chú trọng đề cao gương người tốt, việc tốt, phê phán những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân. Bước đầu chủ động hơn, kịp thời, nhạy bén hơn trong đấu tranh bác bỏ những luận điệu sai trái, góp phần chống âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

Qua thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng cho thấy, phần lớn cán bộ, đảng viên hiện nay tin tưởng vào công cuộc đổi mới và sự lãnh đạo của Đảng.

Cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí đã tạo được một số chuyển biến theo hướng tích cực, mà rõ nhất là: việc xây dựng thể chế kinh tế, chính trị theo hướng dân chủ công khai tiếp tục được đẩy mạnh; công tác thanh tra, kiểm tra được tăng cường; việc xét xử các vụ án và việc xem xét thực hiện kỷ luật trong Đảng nghiêm minh hơn, đặc biệt đã đưa ra truy tố, xét xử đúng người, đúng tội một số vụ án lớn; tình trạng mất đoàn kết trong Đảng được khắc phục đáng kể; việc xử lý các vụ việc nổi cộm, các vụ khiếu nại, tố cáo được các cấp ủy quan tâm chỉ đạo và đã đem lại những kết quả bước đầu, các điểm nóng trong xã hội có chiều hướng giảm bớt; cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã có tác dụng nhất định cảnh báo, răn đe, ngăn ngừa tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, làm lành mạnh hơn quan hệ trong nội bộ Đảng, Nhà nước và trong xã hội.

**2. Công tác cán bộ tiếp tục có nhiều đổi mới, nhất là làm rõ hơn nội dung và phương thức thực hiện nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ.**

Công tác cán bộ đã có chuyển biến cả về nhận thức và cách làm. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đi đôi với phát huy trách nhiệm của tập thể thường vụ cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán

bộ, chấp hành đúng và đầy đủ hơn nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể quyết định trong công tác cán bộ. Công tác quy hoạch cán bộ được triển khai rộng rãi với cách làm dân chủ hơn. Công tác luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý đã sớm được triển khai thực hiện tương đối sâu rộng, bước đầu đem lại kết quả tích cực. Đã khắc phục một bước tình trạng đào tạo tại chức tràn lan, không theo quy hoạch, chất lượng không bảo đảm.

Thực tiễn đã khẳng định, chỉ có thực hiện đổi mới đúng đắn, đồng bộ các khâu đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và luân chuyển cán bộ mới tạo ra sự chuyển biến cơ bản trong công tác cán bộ.

### **3. Công tác xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng được đẩy mạnh hơn trước.**

Sau tình hình mất ổn định ở một số địa phương, càng thấy rõ hơn những yếu kém của tổ chức cơ sở đảng. Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã có nhiều chủ trương, giải pháp nhằm xây dựng, củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức cơ sở đảng và hệ thống chính trị ở cơ sở; các cấp ủy đảng đã bước đầu tập trung xây dựng và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị, mối quan hệ dân - Đảng, hoàn thiện các cơ chế dân chủ trực tiếp và gián tiếp của dân, nhất là thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, dựa vào dân để xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Công tác phát triển đảng viên mới được quan tâm chỉ đạo, đạt được một số kết quả tốt. Chất lượng sinh hoạt cấp ủy; thực hiện tự phê bình và phê bình; quản lý và phân công đảng viên bước đầu có tiến bộ; đã tập trung chỉ đạo việc xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cốt cán cơ sở; nội dung và phong cách lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng ở cấp xã, phường từng bước được đổi mới, gắn với dân hơn.

### **4. Việc kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng từ Trung ương đến cấp ủy địa phương đạt được nhiều kết quả.**

Tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị cơ bản đã được sắp xếp đúng định hướng của Nghị quyết Đại hội IX và Nghị quyết Trung ương 7 khóa VIII. Chức năng, nhiệm vụ, các mối quan hệ được xác định rõ hơn và bắt đầu phát huy tác dụng.

Đã sớm ban hành quy định, hướng dẫn việc thi hành Điều lệ Đảng đồng thời với việc tổ chức quán triệt sâu rộng Điều lệ và hướng dẫn thi hành Điều lệ trong các tổ chức đảng và cấp ủy; tạo được sự thống nhất về nhận thức và chấp hành nghiêm túc hơn.

Các cấp ủy đảng ở Trung ương và địa phương đã quan tâm cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội, tập trung vào những vấn đề quan trọng, cơ bản; đồng thời chỉ đạo nhạy bén, kịp thời những vấn đề đột xuất, mới phát sinh trong thực tiễn. Làm việc có chương trình, kế hoạch được xây dựng từ đầu khóa, được bổ sung và điều chỉnh hợp lý; thực hành dân chủ trong quá trình chuẩn bị và ra quyết định. Làm việc theo quy chế, bảo đảm nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, nên đã bảo đảm tốt hơn sự đoàn kết, nhất trí trong các cấp ủy đảng, nhất là trong Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Đã coi trọng tổng kết, rút kinh nghiệm, phát hiện nhân tố mới. Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã làm việc với tập thể ban thường vụ một số tỉnh, thành phố; Thường trực Ban Bí thư, thường trực cấp ủy ở nhiều nơi thực hiện chế độ giao ban định kỳ với các ban đảng, với Mặt trận, đoàn thể để nắm tình hình và kịp thời chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện.

Tuy nhiên, với thái độ nhìn thẳng vào sự thật, công tác xây dựng Đảng thời gian qua vẫn còn nhiều thiếu sót, khuyết điểm là:

*1. Công tác giáo dục tư tưởng chính trị vẫn chưa tạo nên chuyển biến rõ rệt, một số mặt yếu tồn tại từ lâu chậm được khắc phục.*

Chất lượng, hiệu quả giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh chưa cao. Chưa thường xuyên coi trọng và chưa có những hình thức thích hợp để giáo dục nâng cao ý chí cách mạng, tinh thần tự giác rèn luyện, giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên. Qua tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, càng thấy rõ tự phê bình và phê bình vẫn là khâu yếu, chuyển biến chậm; tình trạng suy thoái về đạo đức, lối sống, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa được ngăn chặn và đẩy lùi, chủ nghĩa cá nhân có chiều hướng phát triển; ở nhiều đảng viên và tổ chức cơ sở đảng tính chiến đấu, tinh thần bảo vệ đường lối, chính sách của Đảng, bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân yếu. Tình hình tham nhũng, tiêu cực vẫn rất nghiêm trọng trong các lĩnh vực quản lý xây dựng cơ bản, nhà đất, tài chính doanh nghiệp nhà nước, chi tiêu ngân sách và thi hành pháp luật. Tình trạng trên đây hiện vẫn là nổi bật, khoản lớn của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Một bộ phận cán bộ, đảng viên nhận thức không đầy đủ, có biểu hiện thờ ơ, giảm lòng tin, phai nhạt lý tưởng; số ít người có biểu hiện bất mãn, mất lòng tin; thậm chí có người chống đối, nói và hành động trái với đường lối và quan điểm của Đảng.

*2. Công tác cán bộ còn nhiều yếu kém, khuyết điểm.*

Chậm cụ thể hóa và triển khai chiến lược cán bộ; cơ cấu cán bộ ở nhiều cấp còn nhiều bất hợp lý. Chưa xây dựng được quy chế về quyền và trách



nhiệm cụ thể của người đứng đầu các cấp trong công tác cán bộ. Thủ tục hành chính trong công tác cán bộ chậm đổi mới, còn nặng nề. Cấp có thẩm quyền và chi bộ chưa làm tốt việc quản lý và giám sát cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo; chưa khắc phục được biểu hiện tiêu cực trong công tác cán bộ.

Đánh giá cán bộ là khâu rất yếu, do chưa xây dựng được phương pháp đánh giá cán bộ thật sự công tâm, khách quan và đáng tin cậy làm căn cứ để phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng nhân tài, kịp thời loại bỏ những phần tử cơ hội, thoái hóa, biến chất, kịp thời thay thế những cán bộ lãnh đạo kém năng lực, để công tác trì trệ, kém hiệu quả. Công tác quy hoạch, luân chuyển, đào tạo cán bộ tuy đạt kết quả bước đầu nhưng chưa vững chắc, chưa đều, lãnh đạo một số bộ, ngành chưa thực sự quan tâm chỉ đạo.

Chậm hướng dẫn thực hiện chính sách cán bộ cơ sở, chậm xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5. Còn nhiều hạn chế trong việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, quy chế công tác cán bộ; chưa quy định rõ mối quan hệ trách nhiệm và thẩm quyền trong công tác nhân sự thuộc diện quản lý của Bộ Chính trị, Ban Bí thư (Ban cán sự Đảng, Chính phủ với Ban cán sự Đảng các bộ, ngành, các tổng công ty), quan hệ về quyền hạn và trách nhiệm giữa tập thể lãnh đạo và người đứng đầu tổ chức trong công tác cán bộ.

*3. Công tác xây dựng, củng cố các tổ chức cơ sở đảng chuyển biến chậm so với yêu cầu.*

Nhìn chung, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng còn hạn chế, yếu nhất là vai trò của chi bộ đảng, trong sinh hoạt không rõ nội dung; kém tính chiến đấu trong việc chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, suy thoái về đạo đức, lối sống. Cơ sở đảng trong doanh nghiệp (các loại hình sở hữu), trong cơ quan, đơn vị sự nghiệp nhìn chung hoạt động còn lúng túng, vai trò lãnh đạo chưa rõ, nhiều nơi chỉ là hình thức. Việc đánh giá phân loại tổ chức đảng và đảng viên chưa phản ánh đúng thực chất tình hình. Tình trạng kỷ luật lỏng lẻo, chấp hành nghị quyết không nghiêm... chậm được khắc phục; việc lựa chọn, rèn luyện, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chủ chốt ở cơ sở chưa được chăm lo đúng mức; việc kiểm tra chấp hành đường lối, chính sách và kỷ luật Đảng kém hiệu quả.

*4. Việc kiện toàn, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng vẫn còn nhiều vướng mắc chưa đáp ứng được đòi hỏi trong thời kỳ mới.*

Việc kiện toàn tổ chức, tinh giản biên chế chưa đạt yêu cầu; bộ máy đảng, đoàn thể vẫn công kênh, biên chế vẫn tăng. Chưa kịp thời xây dựng và hoàn

thiện quy chế cụ thể hóa một số vấn đề về phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị như: quan hệ và lề lối làm việc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư với Đảng đoàn Quốc hội trong công tác lập pháp và quyết định những vấn đề quan trọng; với Ban cán sự Đảng Chính phủ trong lãnh đạo một số mặt về nhiệm vụ kinh tế, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, công tác tổ chức, cán bộ; quan hệ và lề lối làm việc giữa Ban cán sự Đảng Chính phủ với Ban cán sự Đảng các bộ, ngành Trung ương và các tổng công ty lớn của Nhà nước; quan hệ và lề lối làm việc giữa ban thường vụ cấp ủy với Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân với các sở, ban, ngành... còn nhiều vướng mắc cả về hệ thống tổ chức cũng như về chức năng, nhiệm vụ, quan hệ, lề lối làm việc đối với tổ chức đảng trong khu vực sản xuất, kinh doanh.

## VIII. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT NỬA NHIỆM KỲ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG

1. Hai năm rưỡi qua, trong bối cảnh tình hình chính trị thế giới diễn biến nhanh chóng, phức tạp, kinh tế khu vực và thế giới hồi phục chậm và dịch bệnh SARS... tác động tiêu cực nhất định đến nước ta, quán triệt và thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, chúng ta đã giành được những thắng lợi quan trọng:

Kinh tế tăng trưởng khá nhanh và toàn diện, năm sau cao hơn năm trước. Cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch đáng kể theo hướng công nghiệp hóa, từng bước hiện đại hóa. Năng lực sản xuất và kết cấu hạ tầng tăng đáng kể. Các ngành, các vùng kinh tế đều phát triển, các vùng kinh tế trọng điểm phát triển mạnh mẽ hơn; vừa xây dựng cơ cấu kinh tế độc lập tự chủ, vừa hội nhập sâu hơn vào kinh tế khu vực và thế giới; tiếp tục phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, nhiều hình thức sở hữu, trong đó kinh tế nhà nước tiếp tục giữ vai trò chủ đạo, tiếp tục hình thành đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Các lĩnh vực xã hội như giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập và đời sống của đông đảo nhân dân, nhất là xóa đói giảm nghèo, chăm sóc người có công với nước, phát triển các sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội cho các xã nghèo ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã được quan tâm phát triển để từng bước đồng bộ với phát triển kinh tế.

Việc xây dựng luật pháp và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tiếp tục được chăm lo; dân chủ trong xã hội được mở rộng. Lòng tin của nhân dân

đối với công cuộc đổi mới, đối với chế độ và sự đồng thuận trong xã hội tiếp tục được củng cố.

Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm lành mạnh hệ thống chính trị tiếp tục được coi trọng và quyết tâm chỉ đạo, tuy chưa chặn đứng được những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong cán bộ, đảng viên, nhưng đã có tác dụng cảnh báo, hạn chế nhất định.

Quốc phòng, an ninh và ổn định chính trị - xã hội được giữ vững, quan hệ đối ngoại được mở rộng; uy tín và vị thế của nước ta trên trường quốc tế tiếp tục được nâng cao.

Những thành tựu trên đây là kết quả phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, trong đó có vai trò quan trọng sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng từ Trung ương đến địa phương; sự đổi mới trong quản lý, điều hành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước các cấp; sự đổi mới và chủ động phối hợp hoạt động của hệ thống tổ chức Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân trong việc động viên khối đại đoàn kết toàn dân tộc; tất cả đã góp phần phát huy tinh thần lao động năng động, sáng tạo, quyết khắc phục đói nghèo vươn lên xây dựng đời sống tốt đẹp hơn của các tầng lớp nhân dân, của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Những thành tựu này chứng tỏ công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước đang đi đúng theo đường lối đổi mới và những định hướng mà Đại hội IX đã đề ra, tiếp tục làm tăng thêm thế và lực của đất nước, đặt nền móng và tạo điều kiện thuận lợi cơ bản để chúng ta tiếp tục tiến lên phấn đấu thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng.

*2. Bên cạnh thành tựu và tiến bộ, việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX còn những yếu kém, khuyết điểm, chủ yếu nhất là trên mấy mặt sau đây:*

Kinh tế tuy tăng khá, song vẫn chưa đạt nhịp độ tăng trưởng Đại hội IX đề ra. Nhiều nguồn lực và tiềm năng trong nước để phát triển kinh tế chưa được huy động và sử dụng tốt. Chất lượng, hiệu quả của sự phát triển kinh tế - xã hội còn thấp và chưa có chuyển biến rõ rệt. Thất thoát, lãng phí trong quản lý kinh tế, đặc biệt trong quản lý đất đai, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý doanh nghiệp nhà nước và chi tiêu ngân sách nhà nước còn rất nghiêm trọng. Những nhược điểm trong chính sách kinh tế và cơ chế quản lý cũng khiến chúng ta chưa tận dụng được lợi thế về ổn định chính trị - xã hội để thu hút mạnh mẽ nguồn đầu tư của nước ngoài.

Còn nhiều vấn đề xã hội bức xúc chậm được giải quyết, như thiếu việc làm, đời sống của một bộ phận nhân dân, nhất là nhân dân ở một số vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn; các gia đình nghèo gặp nhiều khó khăn về chữa bệnh và học hành; chất lượng giáo dục thấp; tệ nạn xã hội và tình trạng phạm tội chưa được ngăn chặn có hiệu quả; tai nạn giao thông còn nhiều... Điều làm cho nhân dân còn bất bình và lo lắng nhiều là tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí, nhũng nhiễu dân, suy thoái về tư tưởng chính trị và phẩm chất đạo đức, lối sống của một số cán bộ, đảng viên vẫn còn nghiêm trọng và khá phổ biến. Thực trạng trên đây cùng với tình trạng buông lỏng quản lý theo pháp luật của Nhà nước đang là những điều xã hội bức xúc nhất hiện nay và đang hạn chế việc phát huy những thắng lợi mà chúng ta đã đạt được.

Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng và cải cách hành chính trong hệ thống chính quyền chưa đạt yêu cầu, chưa tạo được chuyển biến cơ bản, vẫn còn sự chông chéo, lúng túng giữa vai trò lãnh đạo của cấp ủy đảng và chức năng quản lý, điều hành nhà nước của chính quyền. Hệ thống chính trị chưa đủ mạnh. Đặc biệt, nhiều tổ chức đảng cơ sở sinh hoạt lỏng lẻo, sức chiến đấu rất yếu, vai trò lãnh đạo giảm sút, mờ nhạt.

*3. Về nguyên nhân chủ quan của những khuyết điểm, yếu kém nói trên, cần đặc biệt nhấn mạnh những điểm chủ yếu sau đây:*

- Nhận thức trong Đảng về một số vấn đề quan trọng trong đường lối đổi mới chưa thống nhất cao nên đổi mới chưa đủ mạnh mẽ, kiên quyết, nhất quán. Điều đó thể hiện rõ nhất trong việc chậm sắp xếp, đổi mới quản lý, nhất là đẩy mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3, có xu hướng mở rộng bảo hộ, bao cấp trở lại đối với doanh nghiệp nhà nước, thiếu quyết tâm xóa bỏ chế độ chủ quản đối với các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc; còn đối xử không bình đẳng với các thành phần kinh tế ngoài nhà nước và chưa thực hiện tốt quản lý nhà nước đối với các thành phần kinh tế. Đây là nguyên nhân quan trọng gây trở ngại cho việc nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong tay Nhà nước, huy động rộng rãi các nguồn lực trong xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

Chúng ta chưa làm rõ nội dung xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, còn chậm phát triển đồng bộ các loại thị trường, nhất là thị trường vốn, thị trường bất động sản, thị trường sản phẩm khoa học - công nghệ, thị trường các loại dịch vụ... Có phần thiếu chủ động trong hội nhập kinh tế quốc tế, chậm cải thiện tốt môi trường đầu tư để thu hút đầu tư nước ngoài.

Chúng ta chưa đánh giá hết tác động phức tạp của những biến động chính trị trên thế giới, cũng như những tác động phức tạp của mặt trái của kinh tế thị trường, của quá trình hội nhập và của sự phát triển thông tin... đối với cán bộ, đảng viên và đối với toàn xã hội; từ đó chưa có những biện pháp đủ mạnh mẽ, đồng bộ để tăng cường có hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên và trong nhân dân, để xây dựng Đảng và hệ thống chính trị thật sự trong sạch, vững mạnh và xây dựng xã hội lành mạnh.

Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị chưa được quan tâm đúng mức và đồng bộ so với đổi mới về kinh tế. Đây là một trong những nguyên nhân quan trọng hạn chế hiệu quả lãnh đạo của Đảng, hiệu quả hoạt động của Nhà nước và của cả hệ thống chính trị.

Chúng ta coi trọng và nhấn mạnh đến việc mở rộng và phát huy dân chủ trong Đảng và trong xã hội là đúng đắn, cần thiết và còn phải tiếp tục phấn đấu nhiều để thực hiện tốt nhiệm vụ này. Nhưng còn có phần coi nhẹ việc quản lý theo pháp luật của Nhà nước và kỷ luật của Đảng, nhất là còn thiếu chế độ trách nhiệm rõ ràng, trước hết là chế độ trách nhiệm đối với những người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, các ngành và địa phương.

Khắc phục những khuyết điểm và yếu kém trên đây có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để có thể tiến lên hoàn thành thắng lợi toàn bộ Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, tạo đà phát triển nhanh và bền vững hơn của đất nước ở những năm sau. Việc giải quyết một cách cơ bản, thấu triệt những vấn đề trên đây đòi hỏi tiếp tục phát triển mạnh mẽ tư duy lý luận của Đảng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên của chủ nghĩa xã hội Việt Nam.

### *Phần thứ hai*

## **MỘT SỐ CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP LỚN TRONG NỬA CUỐI NHIỆM KỲ KHÓA IX**

### **A- BỐI CẢNH VÀ MỤC TIÊU**

Trong hơn hai năm còn lại của nhiệm kỳ khóa IX, dự kiến tình hình chính trị thế giới và khu vực sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp. Đối với nước ta,

các thế lực phản động quốc tế sẽ tiếp tục kích động các vấn đề "dân chủ", "nhân quyền", dân tộc, tôn giáo, tăng cường hỗ trợ các thế lực phản động và cực đoan trong nước hòng gây mất ổn định chính trị - xã hội và tạo cơ can thiệp. Tuy nhiên như Hội nghị Trung ương 8 đã nhận định, chúng ta có thể và cần phải phát huy mọi điều kiện, giữ vững môi trường hòa bình ổn định để tập trung sức xây dựng và phát triển đất nước.

Về kinh tế, kinh tế thế giới và khu vực có khả năng từng bước phục hồi đã phát triển. Xu thế toàn cầu hóa sẽ tiếp tục mở rộng. Với việc Trung Quốc, Campuchia đã gia nhập WTO, các quan hệ thương mại tự do song phương và đa phương ở khu vực có xu hướng được đẩy nhanh, nước ta đã đến thời hạn phải thực hiện đầy đủ các cam kết trong AFTA, đang đứng trước sức ép phải chủ động và khẩn trương hơn nữa trong hội nhập kinh tế quốc tế, nếu không muốn lâm vào thế bất lợi trong cạnh tranh với các nước trên thị trường thế giới.

Để thực hiện thắng lợi toàn diện những nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội IX đã đề ra, hoàn thành mục tiêu của kế hoạch 5 năm 2001-2005, tiến tới thu hẹp khoảng cách phát triển với các nước trong khu vực, tạo thuận lợi cho kế hoạch 5 năm sau, phải đẩy nhanh hơn nữa công cuộc đổi mới, tăng nhanh nhịp độ phát triển bền vững kinh tế - xã hội, phải tạo được một bước chuyển biến mạnh mẽ trong công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng và toàn bộ hệ thống chính trị, đấu tranh có hiệu quả chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, phát huy dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ cương phép nước.

Với tinh thần đó, trong hai năm rưỡi còn lại của nhiệm kỳ khóa IX, trong khi tiếp tục thực hiện toàn diện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, *cần quyết tâm thực hiện cho được một số phương hướng, mục tiêu chủ yếu sau đây:*

Đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế trong hai năm 2004-2005 đạt bình quân mỗi năm 8% trở lên. Đồng thời, tạo cho được một bước chuyển biến rõ rệt về chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của từng sản phẩm chủ lực, của các doanh nghiệp và của cả nền kinh tế; tạo chuyển biến mạnh mẽ trong công tác đào tạo nguồn nhân lực và phát triển khoa học công nghệ.

- Phát triển văn hóa, xã hội đồng bộ hơn nữa với tăng trưởng kinh tế; tập trung giải quyết một bước quan trọng một số vấn đề xã hội bức xúc nhất, như xóa đói giảm nghèo ở những vùng đặc biệt khó khăn (các vùng sâu, vùng xa, một số vùng đồng bào dân tộc thiểu số), chăm lo điều kiện chữa bệnh, học tập của người nghèo. Nâng cao chất lượng giáo dục, đẩy lùi một bước các tệ nạn xã hội, tình trạng phạm tội, việc khiêu khích đông người, giảm mạnh tai nạn giao thông.

- Đẩy mạnh xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, sắp xếp, đổi mới, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, phát triển đi đôi với nâng cao hiệu quả của kinh tế nhà nước, bảo đảm kinh tế nhà nước phát huy tốt trên thực tế vai trò chủ đạo và cùng với kinh tế tập thể ngày càng thực sự là nền tảng của nền kinh tế quốc dân, phát triển mạnh mẽ doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác, hình thành đồng bộ hơn các loại thị trường, nhất là các thị trường vốn, bất động sản, lao động, khoa học công nghệ. Tiếp tục tháo gỡ các trở ngại về cơ chế, chính sách để giải phóng mạnh mẽ sức sản xuất và từng bước xây dựng, phát triển quan hệ sản xuất mới.

Chủ động và khẩn trương hơn trong hội nhập kinh tế quốc tế, chuẩn bị tốt các điều kiện trong nước để thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế đa phương và song phương, nước ta đã ký và sớm gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), tăng tính cạnh tranh của môi trường đầu tư so với khu vực và thu hút mạnh đầu tư nước ngoài.

Tạo cho được bước chuyển biến toàn diện và sâu sắc trong việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng và toàn bộ hệ thống chính trị, cải cách hành chính, đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, những nhiễu dân trong cán bộ, công chức, đảng viên. Đổi mới và tăng cường công tác cán bộ, đặc biệt là công tác đánh giá và đào tạo cán bộ; tích cực chủ động bố trí, luân chuyển cán bộ các cấp trong thời gian tới, chuẩn bị tốt phương án bố trí nhân sự trong dịp đại hội đảng bộ các cấp vào năm 2005 và Đại hội X của Đảng vào năm 2006. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát huy dân chủ, tăng cường kỷ cương, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị - xã hội và mở rộng quan hệ đối ngoại, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tạo thuận lợi cho công cuộc xây dựng đất nước.

## **B- NHỮNG CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP LỚN CẦN TẬP TRUNG THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI**

Tiếp tục thực hiện đồng bộ bảy nhóm chủ trương, chính sách, giải pháp lớn Đại hội IX đã đề ra. Đồng thời, trong hai năm còn lại tập trung thực hiện quyết liệt hơn các chủ trương, chính sách, giải pháp quan trọng trên từng lĩnh vực như sau:

## I. VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

**1. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ doanh nghiệp nhà nước, phát triển mạnh hơn kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam.**

Tiếp tục thực hiện nhất quán chủ trương phát triển mạnh các thành phần kinh tế, xóa bỏ phân biệt đối xử; tạo môi trường đầu tư, kinh doanh bình đẳng, minh bạch, ổn định chính sách, thông thoáng và thuận lợi hơn, bảo đảm quyền của mọi người dân được tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm.

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, nâng cao rõ rệt hiệu quả và sức cạnh tranh của khu vực *doanh nghiệp nhà nước* để chủ động trong hội nhập kinh tế quốc tế. Rà soát, thu hẹp hơn nữa diện các doanh nghiệp mà Nhà nước giữ 100% vốn hoặc có cổ phần chi phối, tập trung vào một số ngành và lĩnh vực then chốt thực sự cần có vai trò của kinh tế nhà nước.

Kiên quyết đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa và mở rộng diện các doanh nghiệp nhà nước cần cổ phần hóa, kể cả những doanh nghiệp lớn và một số tổng công ty kinh doanh có hiệu quả, gắn với việc phát hành cổ phiếu và tham gia niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa, trong đó có giá trị quyền sử dụng đất, về nguyên tắc phải do thị trường quyết định. Việc mua bán cổ phiếu phải công khai trên thị trường, khắc phục tình trạng cổ phần hóa khép kín trong nội bộ doanh nghiệp. Đồng thời, triển khai mạnh việc bán, khoán, cho thuê những doanh nghiệp nhà nước có quy mô nhỏ ở những ngành, lĩnh vực không then chốt.

Khẩn trương chuyển doanh nghiệp nhà nước sang hoạt động theo chế độ công ty dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là Nhà nước hoặc công ty cổ phần. Tiếp tục mở rộng quyền tự chủ, quy định rõ về tài sản và quyền tài sản, đồng thời có cơ chế để tạo đủ vốn cho hoạt động và đổi mới nhanh công nghệ của doanh nghiệp nhà nước; bảo đảm doanh nghiệp nhà nước có đầy đủ quyền của một pháp nhân; hội đồng quản trị có quyền quyết định trực tiếp đối với sản xuất, kinh doanh. Xây dựng cơ chế gắn trách nhiệm và lợi ích cao hơn đối với các thành viên hội đồng quản trị và cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước về đầu tư và kết quả kinh doanh.

Tiếp tục củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổng công ty nhà nước; tổng kết thí điểm việc chuyển các tổng công ty nhà nước sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con; tích cực chuẩn bị để hình thành



một số tập đoàn kinh tế mạnh có sự tham gia rộng rãi của các thành phần kinh tế trong nước và đầu tư của nước ngoài.

Thực hiện đầu tư vốn cho doanh nghiệp nhà nước thông qua các công ty đầu tư tài chính của Nhà nước. Nhanh chóng xóa bỏ các loại bảo hộ bất hợp lý, sớm khắc phục tình trạng bao cấp, như khoanh nợ, dãn nợ, xóa nợ, bù lỗ, cấp vốn tín dụng ưu đãi tràn lan đối với các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước. Thực hiện ngay việc lành mạnh hóa, minh bạch hóa và công khai hóa tình hình tài chính của doanh nghiệp. Hoàn chỉnh chính sách và hệ thống an sinh xã hội để giải quyết lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước. Thực hiện phá sản theo luật những doanh nghiệp nhà nước đã mất khả năng thanh toán.

Thí điểm thành lập cơ quan quản lý nhà nước để thực hiện chức năng chủ sở hữu vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp ở 1 - 2 tỉnh, thành phố; xác định rõ lộ trình xóa bỏ chế độ chủ quản đối với doanh nghiệp nhà nước, các bộ, ngành thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

Xóa bỏ đặc quyền và độc quyền kinh doanh của doanh nghiệp. Sớm ban hành Luật Cạnh tranh và chống độc quyền kinh doanh, Luật Chống bán phá giá. Nhà nước kiểm soát, điều tiết hoạt động của các doanh nghiệp có thị phần lớn, có thể khống chế thị trường; Nhà nước chỉ giữ độc quyền trong những trường hợp thực sự cần thiết, những doanh nghiệp nhà nước thực hiện độc quyền của Nhà nước hoạt động theo chế độ công ích, không gắn vào các tổng công ty để khắc phục tình trạng biến độc quyền nhà nước thành độc quyền kinh doanh của tổng công ty. Thực hiện phương thức Nhà nước đặt hàng hoặc đấu thầu đối với sản phẩm công ích. Thu hút các thành phần kinh tế khác đầu tư mạnh vào hoạt động công ích và dịch vụ công, vào nhiều ngành, lĩnh vực sản xuất và dịch vụ của nền kinh tế mà khu vực doanh nghiệp nhà nước đang chiếm tỷ trọng lớn và tham gia nhiều hơn trong đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế, xã hội và các lĩnh vực văn hóa, xã hội.

Hỗ trợ, tạo điều kiện để phát triển có hiệu quả hơn *kinh tế tập thể*; tổng kết nhân tố mới, các mô hình kinh tế tập thể làm ăn có hiệu quả để phổ biến nhân rộng phù hợp với điều kiện của từng ngành nghề, từng địa phương; hỗ trợ tốt hơn việc đào tạo cán bộ quản lý, cán bộ tài chính, kế toán hợp tác xã; giải quyết dứt điểm việc xóa nợ cũ; tạo điều kiện để các hợp tác xã tiếp cận các nguồn cho vay của các tổ chức tín dụng.

Phát huy cao độ các nguồn lực trong nhân dân, phát triển mạnh và có hiệu quả hơn nữa *kinh tế tư nhân*, không hạn chế về quy mô. Tạo điều kiện

và môi trường thuận lợi hơn nữa cho sự phát triển của các doanh nghiệp tư nhân có quy mô lớn.

Tạo chuyển biến cơ bản trong thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài, hướng mạnh hơn vào những ngành, lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế, nhất là những ngành, lĩnh vực chúng ta tự làm chưa có hiệu quả, kể cả trong lĩnh vực bất động sản, phát triển công nghệ cao và các dịch vụ có giá trị gia tăng cao. Thực sự coi *kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài* là một bộ phận hữu cơ trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của nước ta.

Có chính sách khuyến khích, tạo điều kiện đột phá, nâng cao sức cạnh tranh của mọi loại hình doanh nghiệp, hướng doanh nghiệp vào sản xuất những sản phẩm có lợi thế so sánh và lợi thế cạnh tranh, tiếp thu công nghệ hiện đại, công nghệ nguồn, đào tạo và nâng cao năng lực quản lý điều hành của giám đốc doanh nghiệp và tay nghề của công nhân. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về sở hữu công nghiệp và tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp đăng ký, bảo vệ thương hiệu hàng hóa, dịch vụ. Có cơ chế, chính sách gắn kết các hoạt động nghiên cứu với sản xuất, kinh doanh.

Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện chính sách phân phối và phân phối lại, nhất là tiếp tục đổi mới và cải cách chính sách tiền lương, tiền công và chính sách thuế nhằm tạo động lực mạnh mẽ phát triển sản xuất, khuyến khích người lao động, tăng tích lũy để đầu tư phát triển, thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí, thực hiện tốt hơn các chính sách xã hội. Thực hiện tốt hơn nguyên tắc phân phối chủ yếu theo kết quả lao động là hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh, thực hiện các chính sách phúc lợi và an sinh xã hội.

## **2. Tạo lập và phát triển đồng bộ các thị trường.**

Phát triển *thị trường vốn* và các kênh đa dạng huy động vốn cho đầu tư là một nhân tố có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với sự phát triển trong những năm tới. Hoàn thiện và mở rộng nhanh hoạt động của *thị trường chứng khoán* để sớm trở thành một kênh huy động vốn có hiệu quả cho đầu tư phát triển. Các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhà nước lớn, hoạt động có hiệu quả phải phát hành cổ phiếu, trái phiếu, tham gia thị trường chứng khoán.

Sớm lành mạnh tài chính của các tổ chức tín dụng thương mại nhà nước. Có chính sách để tăng tỷ lệ tiền gửi trung, dài hạn. Tăng tính cạnh tranh trên thị trường tiền tệ - tín dụng, tạo cơ hội bình đẳng cho các doanh nghiệp

thuộc mọi thành phần kinh tế tiếp cận vốn vay ngân hàng trên cơ sở có dự án hiệu quả. Nhà nước tiếp tục tăng vốn điều lệ và tạo môi trường cho các ngân hàng thương mại nhà nước được phát hành cổ phiếu để thu hút vốn trong dân.

Phân định rõ ràng giữa tín dụng chính sách với tín dụng thương mại, ngân hàng chính sách với ngân hàng thương mại; sớm chấm dứt sự can thiệp hành chính đối với hoạt động tín dụng của ngân hàng thương mại. Các ngân hàng thương mại nhà nước phải thực sự hoạt động theo nguyên tắc thương mại, được tham gia xây dựng và quyết định phương án sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước có vay vốn của ngân hàng. Nâng cao chất lượng hoạt động của ngân hàng chính sách xã hội. Thực hiện có hiệu quả hơn sự hỗ trợ phát triển của Nhà nước vào chương trình, dự án trọng điểm của đất nước; giảm mạnh danh mục đầu tư thuộc các đối tượng ưu tiên, ưu đãi. Tiếp tục khuyến khích phát triển và sử dụng có hiệu quả các quỹ đầu tư ở địa phương. Chấm dứt tình trạng bao cấp qua tín dụng đầu tư của Nhà nước.

Khẩn trương thể chế hóa Luật Đất đai (sửa đổi) và các văn bản pháp luật có liên quan khác để hình thành đồng bộ khuôn khổ pháp lý, cơ chế, chính sách phát triển để quản lý có hiệu quả *thị trường bất động sản*, trong đó có quyền sử dụng đất để sử dụng có hiệu quả đất đai, phát huy nguồn lực đất đai tạo vốn cho đầu tư phát triển của cả Nhà nước và nhân dân. Áp dụng những biện pháp mạnh mẽ, đồng bộ để chống đầu cơ trục lợi, kích cầu ảo, gây "sốt" đất giả tạo, tham nhũng, chiếm dụng trái phép đất đai. Thực hiện chính sách điều tiết để bảo đảm lợi ích của Nhà nước với tư cách là người đại diện chủ sở hữu và nhà đầu tư lớn nhất để phát triển hạ tầng, làm tăng giá trị của đất.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển mạnh thị trường lao động. Đa dạng hóa các hình thức tìm việc làm, giới thiệu việc làm và tuyển chọn lao động.

Phát triển mạnh *thị trường khoa học, công nghệ* để nhanh chóng nâng cao sức cạnh tranh của các doanh nghiệp. Đổi mới cơ chế tài chính để đầu tư có hiệu quả cho khoa học và công nghệ; có cơ chế để sản phẩm khoa học thực sự trở thành hàng hóa.

**3. Tiếp tục chủ động hội nhập, thực hiện có hiệu quả các cam kết và lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế, chuẩn bị tốt các điều kiện trong nước để sớm gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO).**

Khẩn trương xây dựng chiến lược tổng thể hội nhập kinh tế quốc tế ở tất cả các cấp độ: toàn cầu, khu vực và song phương. Triển khai khẩn trương và

đồng bộ việc chuẩn bị điều kiện các mặt để giành thế chủ động trong hội nhập. Giảm dần theo lộ trình việc bảo vệ bằng thuế nhập khẩu; xây dựng hệ thống các biện pháp bảo hộ phi thuế phù hợp với thông lệ và cam kết quốc tế. Kiên quyết đấu tranh với mọi biểu hiện của lợi ích cục bộ làm kim hãm tiến trình hội nhập. Chú trọng cung cấp kịp thời, đa dạng các thông tin về hội nhập và kinh tế thương mại, luật pháp quốc tế cho doanh nghiệp, các cơ quan nhà nước và nhân dân. Tăng tính chuyên nghiệp và ổn định, nâng cao năng lực, phẩm chất và bản lĩnh chính trị của đội ngũ cán bộ làm công tác hội nhập ở các cấp, các ngành và lĩnh vực. Củng cố, tăng quyền hạn cho cơ quan phối hợp và điều phối công tác hội nhập. Xây dựng cơ chế phối hợp và điều phối tập trung thống nhất và có hiệu quả mọi hoạt động hội nhập kinh tế ở tầm quốc gia.

#### **4. Đổi mới cơ bản công tác xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và điều chỉnh mạnh cơ cấu kinh tế.**

Đổi mới công tác xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, các ngành, các vùng, các tỉnh theo hướng tăng cường dự báo các quan hệ cung - cầu và điều kiện cạnh tranh phù hợp với quá trình mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế, định hướng lựa chọn và đổi mới công nghệ; phân tích và dự báo thị trường trong, ngoài nước và tình hình giá cả, trên cơ sở đó xây dựng các dự án để kêu gọi đầu tư. Công bố rộng rãi các dự báo chiến lược và quy hoạch để các doanh nghiệp tự quyết định lựa chọn đầu tư kinh doanh. Quy định rõ trách nhiệm và tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch; rà soát, bổ sung, điều chỉnh các quy hoạch và triển khai lập các quy hoạch mới đối với các ngành, lĩnh vực quan trọng và các vùng, nhất là các vùng kinh tế trọng điểm theo yêu cầu điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển của đất nước.

Gắn quy hoạch phát triển của từng vùng với quy hoạch chung của cả nước, gắn phát triển của từng tỉnh với quy hoạch chung của vùng thành một tổng thể hài hòa, đồng bộ, có sự phân công và hợp tác rõ ràng, phát huy được lợi thế so sánh của từng vùng và từng tỉnh trong vùng, hình thành rõ rệt các sản phẩm chủ lực trên từng vùng, từng tỉnh. Xây dựng mô hình tổ chức và cơ chế phù hợp để phân công, hợp tác có hiệu quả giữa các tỉnh trong từng vùng. Tăng cường đầu tư cho công tác lập, quản lý quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn, để công tác quy hoạch xây dựng đi trước một bước. Tăng cường quản lý thực hiện tốt các quy hoạch. Bảo đảm xây dựng đô thị văn minh, hiện đại, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, trật tự, kỷ cương. Chấm dứt việc quy hoạch và xây dựng tràn lan các khu công nghiệp kém hiệu quả.

Trên cơ sở chiến lược, quy hoạch, có chính sách *điều chỉnh mạnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu trong từng ngành, từng vùng* theo hướng phát huy lợi thế so sánh, gắn với thị trường trong nước và thế giới.

Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng tạo ra các vùng sản xuất hàng hóa tập trung chuyên canh, thâm canh, có năng suất, chất lượng cao, áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ mới, nhất là công nghệ sinh học, gắn với chế biến, tiêu thụ; phát triển mạnh các doanh nghiệp công nghiệp và dịch vụ nhỏ và vừa, sử dụng nhiều lao động ở nông thôn để thúc đẩy việc chuyển lao động nông nghiệp sang các ngành, nghề khác. Tạo điều kiện cho những người sản xuất giỏi ở nông thôn mở rộng quy mô sản xuất, mở mang ngành nghề để thu hút thêm nhiều lao động.

Tập trung phát triển những sản phẩm công nghiệp có thị trường, có khả năng cạnh tranh cao, các sản phẩm sử dụng công nghệ cao, các ngành công nghiệp phục vụ phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn, nhất là công nghiệp chế biến có chất lượng cao và cơ khí. Phát triển có chọn lọc một số sản phẩm công nghiệp sản xuất, tư liệu sản xuất quan trọng trên cơ sở công nghệ hiện đại, có điều kiện về vốn, có sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và xuất khẩu làm cơ sở để xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ.

Mở rộng nhanh và nâng cao chất lượng các hoạt động dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống, đặc biệt là dịch vụ chất lượng cao, bảo đảm tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ cao hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế chung. Đẩy mạnh hoạt động thông tin, dự báo thị trường, xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu; phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ kinh doanh thương mại. Nâng cao chất lượng và độ an toàn trong dịch vụ vận tải; phát triển mạnh vận tải hành khách công cộng ở các đô thị, nhất là các đô thị lớn. Đẩy mạnh phát triển bưu chính viễn thông; tăng cường các phương tiện thông tin liên lạc hiện đại để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội. Khuyến khích mạnh các hoạt động xuất khẩu; khắc phục dần tình trạng nhập siêu, tiến tới cân bằng xuất nhập khẩu.

## II. VỀ PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, CÁC LĨNH VỰC VĂN HÓA, XÃ HỘI

Tiếp tục triển khai mạnh trong thực tiễn quan điểm phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu; quán triệt sâu sắc hơn nữa ở tất cả các cấp, các ngành và trong toàn xã hội về vai trò động lực

của các yếu tố văn hóa, xây dựng đổi mới với sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước. Đồng thời, tiếp tục đổi mới, hoàn thiện các cơ chế, chính sách phát triển đổi mới từng lĩnh vực văn hóa, xã hội trên cơ sở gắn bó chặt chẽ với cơ chế, chính sách phát triển kinh tế, tăng cường cải cách hành chính và xây dựng Đảng. Tập trung chỉ đạo làm thật tốt các công việc sau:

**1. Tập trung chỉ đạo quyết liệt và nâng cao rõ rệt chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực.**

Giải pháp then chốt là đổi mới và nâng cao năng lực quản lý nhà nước trong giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp giáo dục theo hướng hiện đại cùng với đổi mới cơ chế quản lý. Khẩn trương triển khai đề án phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục; cơ cấu lại hệ thống đào tạo, hoàn thiện hệ thống đào tạo thực hành định hướng nghề nghiệp. Tạo cơ chế và điều kiện để các trường đại học và các trường dạy nghề chuyển mạnh sang hoạt động theo cơ chế sự nghiệp. Tăng cường hợp tác với nước ngoài và thu hút các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực đào tạo đại học và đào tạo nghề. Khuyến khích cạnh tranh lành mạnh; kiên quyết đấu tranh khắc phục các tiêu cực trong dạy và học. Xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng đào tạo. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, xây dựng xã hội học tập.

**2. Đổi mới một cách cơ bản cơ chế quản lý và tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ; lấy chất lượng sản phẩm, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế làm mục tiêu chủ yếu của hoạt động khoa học và công nghệ.**

Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách kinh tế để khuyến khích các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhà nước tích cực đổi mới công nghệ và ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ để có cơ sở thúc đẩy quá trình đổi mới và chuyển giao công nghệ, tạo lập và phát triển thị trường khoa học và công nghệ. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm để tạo bước bứt phá về một số công nghệ cao tác động tích cực đến việc nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả của nền kinh tế. Cần đặc biệt coi trọng việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Có chính sách khuyến khích và có hình thức thu hút các nhà khoa học, công nghệ ở trong nước và người Việt Nam ở nước ngoài tham gia xây dựng đất nước. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Đổi mới cơ bản quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ theo hướng hỗ trợ thị trường khoa học, công nghệ, khuyến khích, tôn vinh các nhà khoa học thực sự có tài, có đóng góp cho đất nước.

Khoa học xã hội và nhân văn cần tập trung tổng kết thực tiễn 20 năm đổi mới để tiếp tục làm rõ những luận cứ khoa học về mô hình con đường, cơ chế tạo động lực và chính sách phát triển đất nước đến năm 2020 theo định hướng xã hội chủ nghĩa dưới tác động của toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

**3. Tăng cường quản lý nhà nước, hoàn thiện cơ chế, chính sách và giải pháp đẩy mạnh việc xây dựng nếp sống, lối sống văn hóa, văn minh; hình thành các giá trị con người mới, giá trị xã hội mới làm cơ sở và động lực cho đất nước phát triển nhanh và bền vững.**

Bảo đảm sự gắn bó chặt chẽ, hài hòa giữa văn hóa với phát triển kinh tế và phát triển xã hội; bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách khuyến khích sáng tạo trong các lĩnh vực văn hóa. Tăng đầu tư cho công tác bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa của dân tộc. Đẩy mạnh xây dựng hệ thống các thiết chế văn hóa làm cơ sở cho việc xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh từ thành thị đến nông thôn với sự tham gia và phối hợp đồng bộ của gia đình, họ tộc đến các tổ chức, đoàn thể, cơ quan, công sở, trường học và các tổ chức sinh hoạt xã hội khác...; có cơ chế để tạo dư luận mạnh mẽ đấu tranh chống các biểu hiện của lối sống trái với bản sắc tốt đẹp của dân tộc, lối sống không lành mạnh, suy thoái đạo đức. Tập trung làm tốt hơn nữa công tác quy hoạch phát triển và công tác quản lý đối với các lĩnh vực thông tin, báo chí.

**4. Về chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của nhân dân.**

Nhiệm vụ trọng tâm là tiếp tục phát triển và hoàn thiện hệ thống bảo hiểm y tế, hệ thống khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe của nhân dân (các cơ sở y tế của Nhà nước và ngoài Nhà nước); hoàn thiện cơ chế, chính sách khám, chữa bệnh cho các đối tượng, đặc biệt là đối tượng chính sách và bệnh nhân nghèo. Đẩy mạnh thực hiện chủ trương xã hội hóa y tế. Đẩy mạnh phong trào thể dục, thể thao; tiếp tục nâng cao trình độ thể thao nước nhà. Tiếp tục thực hiện tốt chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình, chính sách chăm sóc trẻ em để giảm nhanh tỷ lệ suy dinh dưỡng; coi trọng nâng cao chất lượng dân số.

**5. Về các lĩnh vực xã hội khác.**

Tiếp tục đẩy mạnh công tác xóa đói giảm nghèo nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; chống tái nghèo và giảm nghèo bền vững

trên cơ sở tổ chức phối hợp lồng ghép chương trình xóa đói giảm nghèo với các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội. Sớm ban hành các cơ chế, chính sách, giải pháp để khuyến khích các tỉnh nghèo, huyện nghèo, xã nghèo, hộ nghèo, người nghèo, trên cơ sở đầu tư hỗ trợ của Nhà nước tự lực phấn đấu vươn lên thoát khỏi đói, nghèo.

Đẩy mạnh giải quyết việc làm phải đi đôi với việc tăng cường năng lực quản lý nguồn lao động, thiết lập hệ thống thông tin, dự báo thị trường lao động; gắn kết chương trình giải quyết việc làm và dạy nghề; tập trung đào tạo có trọng điểm ở các trình độ đối với các lĩnh vực công nghệ mới để đáp ứng nhu cầu học nghề, tìm việc làm đa dạng trên từng địa bàn. Mở rộng thị trường xuất khẩu lao động gắn liền với tăng cường công tác quản lý và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho xuất khẩu. Từng bước đẩy mạnh xuất khẩu lao động có chất lượng cao.

Tập trung chỉ đạo các địa phương thực hiện tốt chính sách đối với người có công và các đối tượng chính sách; có chương trình hỗ trợ phù hợp với điều kiện sinh hoạt của từng vùng để cải thiện đời sống cho các đối tượng người có công có hoàn cảnh đặc biệt như Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, gia đình thương binh nặng...

Phòng, chống tệ nạn xã hội phải được coi là một nhiệm vụ quan trọng thường xuyên của các cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức, đoàn thể xã hội, là một trong các chỉ tiêu quan trọng đánh giá sự phát triển kinh tế - xã hội của mỗi địa phương, đơn vị và đánh giá năng lực lãnh đạo của cấp ủy đảng và hiệu quả công tác quản lý nhà nước. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, kiểm tra, giám sát của cộng đồng và kịp thời tổng kết rút kinh nghiệm để đưa ra các mô hình, giải pháp phòng chống tệ nạn xã hội có hiệu quả hơn.

### III. VỀ ĐỔI MỚI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ NƯỚC, THỰC HIỆN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, PHÁT HUY DÂN CHỦ, TĂNG CƯỜNG PHÁP CHẾ, PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

**1. Về đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội và cơ quan dân cử các cấp.**

Tiếp tục đổi mới hoạt động lập pháp trong tất cả các khâu và công đoạn của quy trình lập pháp để nâng cao chất lượng của các luật, pháp lệnh,



nhằm sớm hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật phục vụ công cuộc đổi mới. Cùng với việc thi hành Luật Giám sát của Quốc hội, cần tổ chức hoạt động giám sát có trọng tâm, trọng điểm và nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả của công tác giám sát tối cao.

Đổi mới tổ chức để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp; kiện toàn Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ba cấp thông qua việc tổ chức tốt cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân vào năm 2004.

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế Đảng lãnh đạo Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp; hoàn thiện quy chế để làm rõ và phát huy vai trò, trách nhiệm của đại biểu Quốc hội chuyên trách, nâng cao năng lực, bản lĩnh của mỗi đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

## **2. Về cải cách hành chính nhà nước.**

Đẩy mạnh đồng bộ cải cách hành chính nhà nước với trọng tâm trong hai năm tới là điều chỉnh chức năng của Chính phủ, của Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan quản lý nhà nước trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trên cơ sở đó tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy Chính phủ nhiệm kỳ khóa XII theo hướng tinh gọn, hợp lý, giảm mạnh hơn nữa các đầu mối trực thuộc. Đi sâu cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính và thực hiện tốt cơ chế "một cửa". Khẩn trương hoàn thành việc phân cấp, phân quyền giữa Trung ương với địa phương trên từng ngành, từng lĩnh vực một cách đồng bộ, bảo đảm hiệu lực quản lý thống nhất, xuyên suốt của Trung ương đối với địa phương và khuyến khích tính sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của các địa phương. Hoàn thành việc phân loại đơn vị hành chính các cấp ở địa phương và cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân theo các tiêu chí cơ bản; thí điểm mô hình tổ chức chính quyền đô thị và chính quyền địa bàn nông thôn.

Tạo lập đồng bộ cơ chế, chính sách, thực hiện triệt để việc tách quản lý hành chính nhà nước với quản lý sản xuất kinh doanh và hoạt động của tổ chức sự nghiệp dịch vụ công. Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động sự nghiệp dịch vụ công với sự tham gia của tất cả các thành phần kinh tế. Các tổ chức sự nghiệp dịch vụ công, nhất là các bệnh viện, trường học, viện nghiên cứu triển khai được tự chủ, tự chịu trách nhiệm về công việc, tổ chức, biên chế và tài chính.

Xác lập cơ chế quản lý cán bộ, công chức phù hợp với hệ thống phân loại cán bộ, công chức và phân cấp quản lý cán bộ, công chức lãnh đạo; cơ cấu lại

cán bộ, công chức theo yêu cầu nâng cao chất lượng về phẩm chất và năng lực, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết công việc có liên quan đến xét duyệt, triển khai các dự án, xây dựng cơ bản, quản lý tiền tệ và thi hành pháp luật; xây dựng cơ chế phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm khắc các trường hợp cán bộ, công chức lợi dụng việc công để nhũng nhieu, phiến hà gây bất bình cho nhân dân. Đồng thời, tập trung xây dựng, đào tạo một cách cơ bản đội ngũ cán bộ, công chức hành chính công tâm, thạo việc, trong sạch. Kiên quyết đưa ra khỏi bộ máy công quyền những cán bộ thoái hóa, biến chất và điều chuyển những người không đáp ứng được yêu cầu công việc.

Xác lập chế độ kỷ luật, kỷ cương hành chính và trật tự xã hội trong bộ máy công quyền; kiện toàn hệ thống thanh tra, kiểm tra; tiếp tục thực hiện đạt kết quả tốt chủ trương tinh giản biên chế hành chính, sự nghiệp nhà nước. Thực hiện có kết quả chương trình hiện đại hóa nền hành chính, hiện đại hóa công sở, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tin học và khởi động xây dựng "Chính phủ điện tử".

### **3. Về đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp.**

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy nhằm thực hiện tốt Nghị quyết 08/NQ-TW của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới.

Đổi mới nhằm nâng cao chất lượng của công tác điều tra và xét xử của tòa án, cả về hình sự, án dân sự, kinh tế, hành chính và lao động theo hướng mở rộng tranh tụng tại phiên tòa nhằm nâng cao chất lượng các bản án, bảo đảm sự bình đẳng, dân chủ, đúng pháp luật, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp. Tập trung thực hiện tốt công tác thi hành án, nhất là thi hành án dân sự, khắc phục cơ bản tình trạng tồn đọng kéo dài. Tập trung xây dựng các cơ quan tư pháp cấp huyện về mọi mặt, nhất là đội ngũ cán bộ có chức danh tư pháp để có thể sớm thực hiện chủ trương tăng thẩm quyền xét xử ở cấp này.

Tiếp tục chỉ đạo và thực hiện với quyết tâm cao, có hiệu quả cuộc đấu tranh chống tội phạm, đặc biệt là tội phạm có tổ chức, các tội phạm tham nhũng.

Tổ chức nghiên cứu xây dựng "Chiến lược cải cách tư pháp cho giai đoạn 2005-2020" để xây dựng nền tư pháp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

#### **4. Về thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc.**

Cần tạo sự chuyển biến đồng bộ của các ngành, các cấp, trước hết là các cấp ủy và tổ chức đảng, bắt đầu từ nhận thức đến tổ chức thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc là tiền đề để phát huy tốt nội lực của đất nước, giải phóng mạnh mẽ lực lượng sản xuất; sử dụng tốt các nguồn lực xã hội cho phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững đất nước.

Xây dựng cơ chế, chính sách và cơ sở kinh tế bảo đảm phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc động lực chủ yếu để phát triển đất nước trong tình hình mới.

Đổi mới công tác tuyên truyền và vận động quần chúng tạo sự thống nhất cao với các chủ trương, quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc, về công tác dân tộc, công tác tôn giáo, tạo sự đồng thuận của toàn xã hội; chỉ đạo xây dựng Chiến lược xây dựng giai cấp công nhân, nông dân, đội ngũ trí thức và doanh nhân Việt Nam. Xây dựng chiến lược thanh niên, giáo dục lý tưởng, đạo đức, đào tạo nghề nghiệp và tạo nhiều việc làm cho thế hệ trẻ; đa dạng hóa hình thức, phương pháp tập hợp sinh viên; mở rộng phong trào tình nguyện của thanh niên, sinh viên. Tăng cường vận động người Việt Nam định cư ở nước ngoài hướng về xây dựng Tổ quốc.

Làm tốt công tác dân vận, công tác dân tộc, công tác tôn giáo và từng bước ổn định cơ sở vùng xung yếu; xử lý kịp thời, linh hoạt các vấn đề đặt ra trên quan điểm, chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng. Ban hành pháp luật, cơ chế, chính sách có liên quan đến lĩnh vực công tác dân tộc, tôn giáo, các hội quần chúng, nghề nghiệp, người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

#### **5. Về đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.**

Đổi mới cơ chế, chính sách nhằm bảo đảm những điều kiện cần thiết và thuận lợi nhất để Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân các cấp thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo luật định, khắc phục tình trạng hành chính hóa trong tổ chức và cơ chế hoạt động của các tổ chức này. Kiện toàn đội ngũ cán bộ dân vận, mặt trận, đoàn thể; đồng thời tập trung bồi dưỡng cán bộ làm công tác quần chúng ngang tầm nhiệm vụ mới. Đổi mới tác phong dân vận cho cán bộ của hệ thống chính trị theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 khóa IX: trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, có trách nhiệm với dân, nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin.

Ưu tiên cho chương trình đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ cơ sở vùng đồng bào tín đồ tôn giáo; chăm lo phát triển

Đảng, xây dựng lực lượng cốt cán, phát huy vai trò tích cực người có uy tín trong cộng đồng dân tộc, tôn giáo.

#### IV. VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH, ĐỐI NGOẠI

##### 1. Về quốc phòng và an ninh.

Quán triệt sâu sắc và tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 8 về "Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới". Tiến hành xây dựng, bổ sung ngay các phương án, kế hoạch phòng ngừa, nhằm chủ động ngăn chặn và đối phó thắng lợi với mọi âm mưu và hành động chống phá của kẻ thù trong mọi tình huống; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế đất nước.

Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng các khu vực phòng thủ địa phương, tập trung vào các địa bàn trọng điểm; kết hợp có hiệu quả hơn kinh tế - xã hội với quốc phòng và an ninh; tập trung xây dựng các khu kinh tế - quốc phòng ở các vùng trọng yếu; triển khai thực hiện tốt Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển công nghiệp quốc phòng.

Tiến hành điều chỉnh một bước về tổ chức biên chế, trang bị, chức năng, nhiệm vụ của một số lực lượng thuộc Bộ Quốc phòng và Bộ Công an; tiếp tục xây dựng nâng cao sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang duy trì chặt chẽ chế độ sẵn sàng chiến đấu, thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa Bộ Quốc phòng với Bộ Công an. Hoàn chỉnh một bước hệ thống pháp luật, xây dựng cơ chế lãnh đạo, chỉ huy tập trung thống nhất, xử lý kịp thời, chính xác có hiệu quả các tình huống về quốc phòng, an ninh phù hợp với yêu cầu mới.

Tổ chức tốt hệ thống nắm tình hình, dự báo, phát hiện sớm các tình huống. Có các biện pháp thích hợp giải quyết mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, đấu tranh ngăn chặn và đánh bại các hoạt động phá hoại an ninh chính trị, xâm phạm độc lập chủ quyền; tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động phòng chống tội phạm, tai nạn, tệ nạn xã hội...

##### 2. Về đối ngoại.

Cần quán triệt và tổ chức thực hiện tốt các nội dung về công tác đối ngoại đã ghi trong Nghị quyết Trung ương 8 về "Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới".

Tiếp tục củng cố và tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa Việt Nam và các nước láng giềng có chung biên giới, các nước xã hội chủ nghĩa và các nước trong khu vực. Tích cực chủ động góp phần giữ vững các nguyên tắc cơ bản của ASEAN, tăng cường gắn kết trong Hiệp hội, hạn chế tác động phân hóa từ bên ngoài, đẩy mạnh hợp tác kinh tế.

Tiếp tục thúc đẩy quan hệ với các nước lớn trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, xử lý khôn khéo trong quan hệ, hết sức tránh bị rơi vào thế đối đầu, cô lập hay lệ thuộc.

Thúc đẩy quan hệ với các nước đang phát triển, nâng cao vị thế nước ta trong Phong trào Không liên kết, Nhóm 77, tích cực triển khai kết quả Hội thảo về châu Phi để mở rộng quan hệ với châu Phi.

Tích cực tham gia các hoạt động ngoại giao đa phương; tổ chức tốt Hội nghị cấp cao Á - Âu lần thứ năm (ASEAM-5), cấp cao APEC. Nâng cao vị thế nước ta trong các tổ chức quốc tế.

Tăng cường quan hệ đoàn kết, hợp tác với các đảng cộng sản, công nhân, duy trì quan hệ với các đảng cầm quyền, các chính đảng khác, các phong trào cách mạng và tiến bộ trên thế giới. Tăng cường công tác đối ngoại nhân dân.

## V. VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

Công tác xây dựng Đảng do Đại hội Đảng lần thứ IX đề ra tuy đã đạt được một số kết quả, nhưng nhiệm vụ còn rất nặng nề. Thời gian tới cần tập trung chỉ đạo quyết liệt hơn nhiệm vụ xây dựng Đảng, tương xứng với vị trí là nhiệm vụ then chốt nhằm khắc phục suy thoái, đổi mới nhận thức mà mấu chốt là nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên, xứng đáng với vai trò lãnh đạo mà nhân dân giao phó. Tập trung làm tốt một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

**1. Nâng cao chất lượng và tăng cường hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng, kiên quyết khắc phục sự suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên.**

Triển khai sâu rộng việc giáo dục rèn luyện đạo đức, lối sống trong toàn Đảng, trong cán bộ và nhân dân, mà nội dung cơ bản là học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh.

Tập trung tạo cho được dư luận, ý thức xã hội phê phán mạnh mẽ chủ nghĩa cá nhân; đồng thời tăng cường nêu gương người tốt, việc tốt.

Yêu cầu và đề cao tác dụng tính gương mẫu của cán bộ chủ chốt các cấp, trong tự tu dưỡng, học tập, giữ gìn đạo đức, phẩm chất, lối sống, phong cách của người đảng viên là lãnh đạo. Đề cao cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư và kiên quyết chống tư tưởng cơ hội, thực dụng, cục bộ địa phương trong cán bộ, đảng viên.

Tiếp tục thực hiện có kết quả cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng: từng ngành, từng lĩnh vực công tác đề ra những tiêu chuẩn, đạo đức, lối sống, tác phong công tác cần xây dựng và những loại việc làm sai trái thường gặp cần đấu tranh ngăn chặn, khắc phục, lấy đó làm cơ sở để cán bộ, đảng viên đối chiếu, tự phê bình, tu dưỡng và để quần chúng giám sát, phê bình. Có những biện pháp thiết thực khuyến khích tự phê bình, tự giác sửa chữa khuyết điểm (có thể giảm nhẹ hoặc không xử lý kỷ luật nếu tự giác nhận và sửa chữa khuyết điểm...). Xây dựng và thực hiện quy chế khuyến khích, biểu dương, bảo vệ người có tinh thần đấu tranh, tố cáo những vi phạm.

Tăng cường công tác kiểm tra của cấp ủy và của ủy ban kiểm tra các cấp để xử lý nghiêm vi phạm, nhất là tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, gây thiệt hại nghiêm trọng, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, mất đoàn kết trong cấp ủy, trong cơ quan lãnh đạo, giữa những người lãnh đạo chủ chốt.

Thực hiện nhất quán chủ trương xử lý nghiêm minh theo pháp luật và kỷ luật Đảng đối với những người có hành vi tham nhũng, tiêu cực, dù người đó là ai, ở bất cứ cương vị nào; xử lý cả những người bao che hành vi tham nhũng. Kiên quyết không dùng hình thức xử lý nội bộ, kỷ luật hành chính thay cho việc xử lý hình sự đối với người đã có đủ chứng cứ về hành vi phạm tội.

Kiểm tra xác minh tình hình nhà, đất của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, kết luận rõ đúng sai, xử lý kịp thời, thông báo công khai.

Tổ chức thực hiện tốt chủ trương đối thủ đảng viên.

**2. Đẩy mạnh xây dựng, kiện toàn và tăng sức chiến đấu cho tổ chức cơ sở đảng gắn với xây dựng chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể cơ sở và phong trào cách mạng của quần chúng.**

Mạnh dạn thực hiện những giải pháp thực sự phát huy quyền làm chủ, quyền giám sát của quần chúng đối với tổ chức đảng, đảng viên, coi đây là

tiền đề bảo đảm vững chắc cơ sở quân chúng của Đảng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý của chính quyền cơ sở. Khẩn trương xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ trong Đảng.

Sớm xây dựng và đưa vào thực hiện các quy định mới về vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các loại hình tổ chức cơ sở đảng. Khẩn trương tổ chức thực hiện các chính sách và công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở; đặc biệt là ở những khu vực có vị trí quan trọng và nhạy cảm về kinh tế, chính trị, vùng sâu, vùng xa.

Người đứng đầu và cấp ủy cấp trên trực tiếp phải chịu trách nhiệm liên đới nếu để tổ chức cơ sở đảng yếu kém.

**3. Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ cả về quan điểm, phương pháp, tổ chức quản lý, chế độ trách nhiệm, bộ máy và con người làm công tác cán bộ, tạo một bước chuyển biến rõ rệt trong việc đánh giá và quản lý cán bộ.**

Chuẩn bị tốt công tác nhân sự đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội lần X của Đảng, trước mắt là nhân sự trong bầu cử Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp khóa tới theo quy hoạch.

Tiếp tục thực hiện trên diện rộng và đi vào chiều sâu, thành nền nếp công tác quy hoạch cán bộ, luân chuyển cán bộ, đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý.

Giai đoạn trước mắt, cần tập trung đổi mới phương pháp đánh giá cán bộ thông qua việc xây dựng và thực hiện hệ thống các quy chế đánh giá cán bộ. Bảo đảm công tác cán bộ được chuẩn bị chu đáo, quyết định tập thể, dân chủ, công khai, chủ động; loại trừ mọi biểu hiện chuyên quyền, độc đoán, mất dân chủ, thiếu minh bạch và trục lợi trong công tác cán bộ; bảo đảm chặt chẽ quy trình đánh giá của tổ chức đảng với sự giám sát của nhân dân. Phát huy mạnh mẽ vai trò chủ động và trách nhiệm của người đứng đầu các tổ chức trong việc chuẩn bị và trình cấp ủy phương án nhân sự trong tổ chức mình phụ trách.

Cấp ủy trước khi giới thiệu một người ứng cử đủ tiêu chuẩn cho một chức danh phải chuẩn bị nhiều phương án nhân sự để có điều kiện so sánh, phản biện, đánh giá và chọn lựa đúng. Đồng thời, thực hiện việc cán bộ, đảng viên có quyền đề cử và nhiều người ứng cử để bầu một chức danh, bảo đảm quyền chọn lựa của người bỏ phiếu. Kiên quyết không bố trí vào chức vụ lãnh đạo và không giới thiệu tái cử những cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở những nơi

phong trào kém, kinh tế phát triển chậm, trì trệ, mất ổn định, mất đoàn kết, tín nhiệm thấp.

#### **4. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.**

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận tổng kết thực tiễn, từng bước làm rõ những vấn đề về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong điều kiện mới.

Tập trung nghiên cứu một cách hệ thống, cơ bản và đồng bộ về sự lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và toàn xã hội trong điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa để làm cơ sở cho việc kiện toàn tổ chức và đổi mới toàn diện phương thức lãnh đạo của Đảng.

Xây dựng và hoàn thiện các quy chế về sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự Đảng Chính phủ; Quy chế về sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan nhà nước và đoàn thể xã hội ở Trung ương và các cấp, nhất là trong các lĩnh vực kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, tổ chức, cán bộ, tư pháp, thông tin, tuyên truyền. Ban Bí thư ra quy chế về trách nhiệm và thẩm quyền của người đứng đầu tổ chức về công tác cán bộ; Chính phủ ra nghị định về xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị để xảy ra tham nhũng, tiêu cực, lãng phí lớn. Tăng cường chỉ đạo công tác kiểm tra thực hiện nghị quyết, đề cao kỷ luật, kỷ cương.



## MỤC LỤC

	Trang
<b>Chương một: Đảng lãnh đạo hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, đặt nền móng cho cách mạng xã hội chủ nghĩa và công cuộc đổi mới đất nước</b>	5
I. Đảng lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)	5
II. Đảng lãnh đạo nhân dân xây dựng chế độ mới và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)	16
III. Đảng lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và xây dựng đất nước trong thời kỳ 1954-1975	31
<b>Chương hai: Quá trình tìm tòi, thử nghiệm và đổi mới từng phần (1975-1986)</b>	45
I. Cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội ở nước ta	45
II. Quá trình tìm tòi, thử nghiệm và đổi mới từng phần (1975-1986)	56
<b>Chương ba: Đảng lãnh đạo công cuộc đổi mới đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội (1986-1996)</b>	70
I. Đại hội lần thứ VI của Đảng và những định hướng chiến lược trong đường lối đổi mới	70
II. Đảng lãnh đạo tập trung giải quyết những vấn đề cấp bách, đưa đất nước vượt qua khó khăn, thử thách giành thắng lợi bước đầu (1986-1991)	90
III. Đại hội lần thứ VII của Đảng, tiếp tục đổi mới toàn diện, đồng bộ với bước đi và cách làm phù hợp, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội (1991-1996)	109
IV. Thành tựu, hạn chế và những kinh nghiệm của mười năm đầu đổi mới	138
<b>Chương bốn: Đảng Cộng sản Việt Nam với công cuộc đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế (1996-2005)</b>	157
I. Tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong những năm từ 1996 đến 2000	157
II. Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (2001-2005)	185
III. Toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	222
	573

<b>Phụ lục</b>	235
<b>Phụ lục 1:</b> Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng	237
<b>Phụ lục 2:</b> Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương (khóa VI) tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII	324
<b>Phụ lục 3:</b> Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	374
<b>Phụ lục 4:</b> Báo cáo kiểm điểm nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII	388
<b>Phụ lục 5:</b> Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương (khóa VII) tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng	422
<b>Phụ lục 6:</b> Phát huy sức mạnh toàn dân tộc tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	477
<b>Phụ lục 7:</b> Báo cáo kiểm điểm nửa nhiệm kỳ thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX	522

---

---

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM  
VỚI CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC  
VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ**

Chịu trách nhiệm xuất bản: **PHẠM QUANG ĐỊNH**

Chịu trách nhiệm bản thảo: **PHẠM BÁ TOÀN**

Biên tập: **ĐẬU XUÂN LUẬN**

Trình bày: **LAN ANH**

Sửa bản in: **PHƯƠNG THẢO - LAN ANH**

Bìa: **VÕ ANH THƠ**

**NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN**

23 Lý Nam Đế - Hà Nội.

ĐT: 8455766, 7470780 Fax: (04) 7471106

**CHI NHÁNH TẠI PHÍA NAM**

Số 8 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao,

Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT (069) 667452. (08) 9111563

---

---

---

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM  
VỚI CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC  
VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ**

Bắt đầu in: 1 - 2006                      In xong: 2 - 2006  
Nộp lưu chiếu: 2 - 2006                Khổ sách: 19 x 27  
Số trang: 576                                Số lượng: 2.040  
Số xuất bản:                                21-2006/CXB/19-355/QĐND  
Sắp chữ tại:                                 Nxb Quân đội nhân dân  
In và đóng sách tại:                      Công ty In KHKT  
Số in:    15

---







# ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

VỚI CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC  
VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Giá: 290.000đ